

TMO ĐÀN

Văn chương kinh điển

DIỆT VONG

THOMAS  
BERNHARD

Hoàng Đăng Khánh dịch

NHÀ XUẤT BẢN  
HỘI NHÀ VĂN

THOMAS BERNHARD

Diệt vong

HOÀNG ĐĂNG LÃNH *dịch*  
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN  
[VCTVEGROUP]

*Ta cảm thấy cái Chết không ngừng rình mò, lôi lương cầu cổ mình.*

Montaigne

**I**  
**BỨC ĐIỆN TÍN**

Hôm hôm chín, sau khi trở về từ Wolfsegg và có buổi trò chuyện trên đồi Pincio nhằm khớp lịch học tháng Năm với anh học trò Gambetti của tôi, một thanh niên mà trí thông minh tuyệt vời vẫn làm tôi phải kinh ngạc ấy - ông Franz-Josef Murau viết - lòng tôi trở nên khoan khoái và vui vui cùng ý nghĩ, mình quả thực đã sống từ lâu ở Rome rồi chứ không còn ở Áo nữa, niềm vui làm tôi phấn chấn đến mức trái thói quen thường ngày, tôi không đi ngay qua phố Condotti để về nơi tôi ở tại Piazza Minerva nữa, mà vòng qua ngã Flaminia và Piazza del Popolo, đi dọc cho hết cả dãy đại lộ Corso mới về tới căn hộ tôi ở, là nơi khoảng hai giờ trưa tôi nhận được bức điện tín báo tin về cái chết của bố mẹ và ông anh trai Johannes. *Bố mẹ và anh Johannes bị tai nạn chết. Caecilia, Amalia,* cầm bức điện trên tay, đầu óc hoàn toàn tỉnh táo, tôi bình thản bước đến bên cửa sổ phòng làm việc nhìn xuống Piazza Minerva vắng tanh không một bóng người. Tôi đã đưa Gambetti năm quyển sách mà tôi tin chắc là trong mấy tuần tới sẽ có ích và cần thiết cho anh ta, đồng thời yêu cầu anh ta đọc hết sức cẩn thận, cũng có nghĩa là thật thông thả, cả năm quyển sách đó: *Luật sư Siebenkäs* của Jean Paul, *Vụ án* của Franz Kafka, *Amras* của Thomas Bernhard, *Người đàn bà Bồ Đào Nha* của Musil, *Gã Esch hay chủ nghĩa vô chính phủ* của Broch, và bây giờ, sau khi mở toang cửa sổ cho dễ thở, tôi nghĩ tôi đã quyết định đúng khi đưa đúng năm quyển ấy, chứ không phải quyển nào khác cho Gambetti, bởi năm quyển ấy sẽ mỗi lúc một quan trọng hơn trong quá trình học, rằng tôi đã rất kín đáo mách khéo, lần tới tôi sẽ cùng anh ta phân tích mỗi xẻ cuốn *Tình đầu ý hợp* chứ không bàn đến cuốn *Thế giới như là ý chí và biểu tượng*. Chuyện trò với Gambetti đối với tôi cũng lại là một hứng thú lớn, sau bấy nhiêu cuộc trò chuyện nặng nề khó nhọc, loanh quanh độc những nhu cầu thường nhật, hết sức riêng tư và thầm thường với gia đình tôi ở Wolfsegg. Từ ngữ tiếng Đức như những quả cân bằng chì treo vào ngôn ngữ Đức, tôi đã bảo Gambetti vậy, và chắc chắn sẽ đè tư duy xuống một bình diện vốn rất có hại cho chính tư duy ấy. Cả tư duy Đức lẫn tiếng nói Đức đều bị tê liệt rất nhanh dưới sức nặng phi nhân của ngôn ngữ Đức, một gánh nặng đè bẹp mọi ý nghĩ ngay trước khi chúng được phát ngôn thành lời, như lịch sử hàng trăm năm lao tâm khổ tứ của dân Đức đã

cho thấy. Do bị nằm đè dưới ngôn ngữ ấy, nên tư tưởng Đức dường như đã rất khó phát triển và không bao giờ có thể bột phát toàn diện, ngược hẳn nên tư tưởng Roman dưới ngôn ngữ Roman. Mặc dù tôi đánh giá tiếng Tây Ban Nha cao hơn, có lẽ chỉ vì tôi thạo nó hơn chẳng, nhưng buổi sáng hôm đó Gambetti đã lại cho tôi một bài học quý giá về tính nhẹ nhàng, thanh thoát lẫn *sự linh hoạt vô cùng tận* của tiếng Ý. Dem thứ tiếng này so với tiếng Đức cũng giống như đem so một đứa trẻ hoàn toàn tự do lớn lên trong một gia đình khá giả và hạnh phúc với một đứa trẻ xuất thân từ gia đình nghèo khó, bần cùng, bị đè nén, bị đánh đập mà đâm ra *lươn lẹo*. Bởi thế, càng phải đánh giá cao công sức của các triết gia và văn sĩ *của chúng tôi*, tôi bảo Gambetti vậy. Mỗi một từ tức khắc sẽ níu suy nghĩ của họ xuống, câu nào cũng đè ý nghĩ của họ xuống đất, bất kể họ dám nghĩ đi đâu gì, và như thế bao giờ cũng có nghĩa là đè *tất tạt* xuống đất. Chính vì thế mà triết lý của họ, cũng như những gì họ sáng tác ra, đều như thế bằng chì hết cả. Tự dưng tôi xướng to để Gambetti nghe một câu của Schopenhauer trích từ *Thế giới như là ý chí và biểu tượng*, bằng tiếng Đức trước, tiếng Ý sau, nhằm thử minh họa cho anh ta, Gambetti, thấy bên tay trái tôi, tượng trưng cho đĩa cân đặt tiếng Đức bị vót thấp xuống đến mức nào, trong khi tay phải tượng trưng cho đĩa cân bên đặt tiếng Ý được hất cao bổng lên ra sao. Trong sự khoái chí của tôi lẫn của Gambetti, tôi nói vài câu của Schopenhauer bằng tiếng Đức trước, rồi bằng tiếng Ý do chính tôi dịch ứng khẩu, đoạn đặt chúng lên hai đĩa cân ở hai bên tay tôi ấy cho toàn thể thiên hạ, nhưng trước hết là cho Gambetti, nhìn rõ đi đâu đó; rồi dần dần nó biến thành một trò chơi mà tôi đẩy lên đến tột đỉnh, một trò chơi rất cuộc kết thúc bằng các câu nói của Hegel và cách ngôn của Kant Thật đáng tiếc, tôi bảo Gambetti, không phải những từ ngữ nặng nề bao giờ cũng thuyết phục nhất, y hệt các câu nặng nề không phải bao giờ cũng thuyết phục nhất. Trò chơi này chẳng mấy chốc làm tôi kiệt sức. Đứng dừng lại trước khách sạn Hassler, tôi kể Gambetti nghe ngắn gọn về chuyến đi Wolfsegg, nhưng càng về cuối, tôi lại càng thấy câu chuyện đâm ra chi li đầy đủ quá, vâng, thậm chí ba hoa quá. Tôi định dọn chỗ, đặt anh ta trước một buổi cân đong, so sánh giữa hai gia đình, đặt yếu tố Đức của gia đình tôi ở bên này, đối diện với yếu tố Ý trong gia đình anh ta ở bên kia; song, rốt cuộc tôi lại để gia đình tôi đối đầu với gia đình anh, khiến câu chuyện tôi kể bị méo mó, và làm Gambetti, thay vì được dạy dỗ, được khai minh chỗ này đi đâu nọ, chắc lại bị quấy rầy khó chịu lắm. Gambetti là người rất biết lắng nghe

và có đôi tai thật thính, lại được tôi dạy thêm thủ thuật nghe sàng lọc về nội dung sự thật cũng như về tính nhất quán của bất cứ một cuộc thuyết trình nào. Gambetti là học trò của tôi, nhưng ngược lại, tự tôi cũng là học trò của Gambetti. Ít ra tôi cũng học được ở Gambetti bấy nhiêu bài học, ngang đúng số bài Gambetti học được ở tôi. Quan hệ giữa hai chúng tôi là quan hệ lý tưởng, bởi lần này tôi là thầy của Gambetti và anh ta là trò của tôi, lần sau Gambetti là thầy, tôi là trò, và một tình huống rất hay xảy ra là cả hai chúng tôi đều không biết lúc ấy Gambetti là trò, tôi là thầy, hay ngược lại. Đó chính là lúc *tình huống lý tưởng* nảy sinh. Nhưng đằng thẳng ra thì bao giờ tôi cũng là thầy học của Gambetti vì tôi được Gambetti, hay nói đúng hơn là được ông bố giàu có của Gambetti trả công dạy học. Hai ngày sau khi trở về từ đám cưới của Caecilia em gái tôi với tay chủ xưởng sản xuất nút chai vang ở Freiburg, tức là chồng nó, bây giờ thành em rể tôi, tôi lại phải xếp lại chỗ quần áo tôi vừa bỏ ra, mới hôm qua chứ đâu, chưa kịp dọn, còn nằm ngổn ngang trên chiếc ghế bành kê cạnh bàn làm việc của tôi vào túi xách du lịch và quay lại Wolfsegg - cái chốn từ mấy năm trở lại đây tất tật mọi thứ thật sự trở nên ít nhiều đáng ghê tởm đối với tôi, tôi nghĩ bụng, lúc vẫn đang đứng bên cánh cửa sổ mở toang nhìn xuống Piazza Minerva không một bóng người - vì một duyên cớ lúc này không còn nực cười và lỗ bịch nữa, mà là một duyên cớ thật kinh khủng. Thay vì được nghe chuyện trò với Gambetti về *Luật sư Siebenkäs* và *Người đàn bà Bò Đào Nha*, tôi sẽ phải nộp mình cho hai con em gái đang đợi tôi ở Wolfsegg, tôi tự nhủ, thay vì được trao đổi với Gambetti về *Tình đầu ý hợp*, tôi sẽ phải bàn chuyện với hai đứa chúng nó về chuyện chôn cất bố mẹ và ông anh, cũng như về tài sản họ để lại. Thay vì được cùng Gambetti đi qua đi lại trên đồi Pindn, tôi sẽ phải lui tới văn phòng Thị trưởng, ra vào nghĩa địa hay nhà thờ rồi cãi nhau với hai con em gái về việc thu xếp đám tang. Trong lúc xếp số quần áo hôm qua tôi vừa lôi ra vào túi, tôi cố hình dung xem các hậu quả sinh ra từ cái chết của bố mẹ tôi cùng cái chết của anh trai tôi sẽ như thế nào, nhưng chẳng hình dung được gì. Song, tất nhiên tôi rất hiểu cái chết của ba người, mà chỉ ít xét trên giấy tờ, cũng là gần gũi nhất với tôi ấy, sẽ đòi hỏi những gì ở tôi: tức là toàn bộ sức lực, toàn bộ sức mạnh ý chí của tôi. Sự bình thản trong tôi lúc tôi lần lượt nhũn nhét các thứ cần thiết cho chuyến đi vào túi xách, cũng như sự bình thản trong lòng tôi lúc suy tính đến tương lai bị rung chuyển ngay sau tai nạn chắc chắn là kinh khủng đó, mãi một lúc lâu, sau khi đã đóng túi lại, tôi mới thấy là kỳ

quái. Cái câu hỏi, liệu tôi có thương yêu bố mẹ và anh trai không, tuy bị ngay cái từ *dĩ nhiên* gạt đi - không những chỉ là chung chung, mà nói cho đúng - vẫn chưa được trả lời. Đã từ lâu rồi, cả đối với bố mẹ lẫn đối với ông anh trai, tôi không còn có mối liên hệ nào gọi là tốt đẹp nữa cả, mà phải gọi là căng thẳng thì đúng hơn, và dần dần, cho đến những năm gần đây, trở nên hờ hững. Tôi chẳng thiết gì đến Wolfsegg, như thế cũng có nghĩa là không thiết gì đến bố mẹ và ông anh tôi nữa, thì ngược lại, bố mẹ và ông anh cũng chẳng thêm quan tâm gì đến tôi nữa; đó là sự thật. Xuất phát từ một nhận thức như thế, các mối liên hệ của chúng tôi chỉ còn được đặt trên một nền tảng ít nhiều đủ để gọi là có nữa mà thôi. Tôi nghĩ, hai chục năm trước ông bà già mà không những để mà tuột khỏi Wolfsegg, là nơi ông bà định buộc xích vào chân mà suốt đời, mà ông bà mà còn để mà tuột hẳn khỏi lòng dạ ông bà nữa kia. Ông anh tôi ghen tị khôn nguôi với tôi suốt hai chục năm trời ấy, vì tôi đã bỏ đi, vì *tính tự lập đầy hoang tưởng* của tôi, như gã có lần đã đớp thẳng mặt tôi như thế, vì *các đòi hỏi được tự do đến độ tàn nhẫn* của tôi; tóm lại, gã căm ghét tôi. Còn hai con em gái tôi chỉ dành cho tôi mỗi nghi ngờ bao giờ cũng lớn hơn mỗi nghi ngờ thường có giữa anh chị em, chúng nó dõi theo tôi với những cặp mắt hằn học, ngay từ thời điểm tôi quay lưng lại với Wolfsegg để ra đi, cũng là lúc quay lưng lại với chúng nó. Đó là sự thật. Tôi nhấc cái túi xách lên, như mọi khi, nó nặng trình trịch, quá nặng, tôi nghĩ bụng, mà thật ra thì nó cũng chẳng để làm gì, vì ở Wolfsegg tôi có đủ mọi thứ kia mà. Tha nó theo làm quái gì chứ? Tôi quyết định không mang túi về Wolfsegg nữa và lôi các thứ trong túi ra xếp lại vào ngăn kéo. Chúng ta vẫn thường thương yêu bố mẹ một cách tự nhiên, và vẫn thường thương yêu các anh chị em chúng ta, cũng một cách tự nhiên như thế - tôi tự nhủ, lúc tôi lại đến đứng bên cửa sổ nhìn xuống Piazza Minerva vẫn không một bóng người ở dưới kia - mà không nhận thấy rằng, đến một thời điểm nhất định nào đó, ta bắt đầu căm ghét họ, hoàn toàn trái với ý muốn của chính ta, nhưng cũng hoàn toàn tự nhiên y như lúc trước đó ta yêu thương họ vậy, xuất phát từ tất cả những nguyên do mà phải nhiều năm sau, thường là hàng chục năm sau, ta mới vỡ lẽ. Ta không thể xác định được chính xác cái thời điểm từ đó trở đi ta không còn yêu thương bố mẹ và anh chị em ta nữa mà xoay ra căm ghét họ là lúc nào, và chúng ta cũng không còn cất công tìm cho ra cái thời điểm ấy nữa làm gì, vì xét cho cùng, ta rất sợ tìm ra nó. Những ai đã trái ý nguyện người thân để từ bỏ họ ra đi, thêm vào đó, lại ra đi theo một cách



hết sức ác độc như tôi đã ra đi, thì tất phải tính đến lòng căm ghét của họ, và tình thương yêu trước đó dành cho ta lớn lao bao nhiêu thì bây giờ, khi ta đã hoàn thành những gì ta đã định, sự căm ghét của họ càng sâu sắc bấy nhiêu. Hàng chục năm trời tôi từng đau khổ vì bị người nhà căm ghét, giờ đây tôi tự nhủ, song những năm gần đây, chẳng còn chút đau đớn nào nữa cả, tôi quen bị căm bị ghét rồi và không còn vì thế mà bị tổn thương nữa. Lòng căm ghét mà cả nhà đổ lên đầu tôi ấy, không thể tránh khỏi, đã đương nhiên khơi dậy trong tôi sự căm ghét dành cho cả nhà. Và, từ mấy năm gần đây, cũng chẳng ai còn đau khổ vì bị tôi căm ghét nữa. Cả nhà khinh bỉ *cái thằng thành Rome*, cũng như tôi coi thường *bọn Wolfsegg* vậy, và nói cho cùng, chẳng ai nhớ đến tôi, cũng như tôi không mấy khi nhớ đến ai trong nhà. Cả nhà chỉ toàn gọi tôi là *thằng bip bọm* hay *thằng ba hoa*, một kẻ ăn bám cả gia đình lẫn thiên hạ. Còn tôi, tôi chỉ còn mỗi một từ *lũ dân độn* để gọi mọi người trong nhà. Cái chết của cả ba người, chắc chỉ có thể là do tai nạn xe hơi mà thôi ấy, tôi tự nhủ, chẳng may làm thay đổi sự thật đó. Tôi chẳng hề lo ngại tôi sẽ vì thế mà sinh ra đa sầu đa cảm. Đôi tay tôi thậm chí còn chẳng run rẩy chút nào khi cầm đọc bức điện tín, thân thể tôi chẳng mấy may rung động, dù chỉ một phút giây ngẩn ngui. Tôi sẽ báo tin để Gambetti biết, bố mẹ và anh trai tôi đã chết, nên tôi phải bỏ qua vài buổi dạy, tôi nghĩ thăm, chỉ vài ngày thôi, bởi tôi sẽ chẳng lưu lại Wolfsegg lâu hơn vài ba ngày; cùng lắm chỉ một tuần là đủ, ngay cả khi có bao nhiêu thủ tục rắc rối không lường trước được cũng vậy thôi. Tôi đã thoáng có ý nghĩ, hay là đưa Gambetti đi theo, bởi tôi cảm thấy e ngại trước số đông vượt trội của đám người ở Wolfsegg và muốn có lấy ít nhất một người vè phe mình, một người có thể giúp tôi đủ sức chống đỡ cuộc tấn công àoạt của đám người Wolfsegg, *một con người*, một đồng đội *tương ứng với tôi* trong tình thế có thể sẽ là vô vọng ấy, nhưng tôi lại gạt ngay ý nghĩ đó đi, vì tôi muốn tránh cho Gambetti cuộc đối mặt với Wolfsegg. Bởi có thể anh ta sẽ thấy tất cả những gì suốt mấy năm qua tôi nói với anh ấy về Wolfsegg thật là vô hại so với sự thật và thực tế mà anh ta sẽ được chứng kiến, tôi nghĩ bụng. Lúc này tôi vừa định kéo Gambetti đi cùng, lúc sau lại thôi, không đưa anh ta theo nữa. Rốt cuộc tôi nhất quyết không đem anh ta theo. Mang Gambetti theo, tôi tự nhủ, thế nào tôi cũng gây nhiều ồn ào ở Wolfsegg và nhất là gây một vỡ não động giạt gân mà đối với tôi, nói chung, chắc chắn sẽ rất đáng ghê tởm. Một người như Gambetti, đám Wolfsegg sẽ không bao giờ hiểu nổi. Ngay cả với những người lạ hết sức

hiền lành, bọn họ ở Wolfsegg bao giờ cũng đón tiếp một cách ghê tởm và hằn học, tất tậ những ai lạ mặt đều bị họ khước từ, họ không bao giờ hành động như tôi, vốn vẫn quen trong chớp mắt đã có thể *sà ngay vào* tìm hiểu một cái gì đó lạ lẫm hay làm quen với một người lạ mặt nào đấy. Đưa Gambetti về Wolfsegg sẽ có nghĩa là cố tình đối xử bất nhã với anh, và nói cho cùng, là xúc phạm anh ta một cách nặng nề. Đến chính tôi còn chưa đủ sức thanh toán xong mọi sự với Wolfsegg, huống hồ một con người đầy cá tính như Gambetti. Sự đối đầu giữa Gambetti với Wolfsegg biết đâu sẽ dẫn tới một tai họa thật sự, tôi nghĩ bụng, và nạn nhân không chừng sẽ chẳng là ai khác ngoài Gambetti. Lẽ ra tôi đã có thể đưa Gambetti về thăm Wolfsegg một lần rồi đấy, tôi thậm nghĩ, nhưng rồi tôi lại thôi, mặc dù tôi vẫn thường tự bảo, sẽ đưa Gambetti về Wolfsegg chơi, may ra, không những sẽ chỉ có lợi cho tôi, mà còn có lợi cho cả Gambetti nữa. Các câu chuyện tôi thuật về Wolfsegg lẽ ra sẽ nhờ đó, nhờ thông qua con mắt tinh tường của chính Gambetti, mang một tính xác thực không thể đạt tới bằng bất cứ cách nào khác. Tôi quen Gambetti, tính đến giờ đã mười lăm năm, nhưng tôi chưa đưa anh về thăm Wolfsegg lấy một lần, tôi nghĩ bụng. Rất có thể Gambetti suy nghĩ về việc đó khác tôi, giờ đây tôi tự nhủ, bắt ngu ồn từ sự bất thường cũng rất chi là tự nhiên ấy rằng, tôi, trong suốt mười lăm năm trời ấy, không mời và không đưa theo, dù chỉ một lần, con người mà mười lăm năm ròng rã tôi đã ít nhiều trở nên thân thiết ấy, về một nơi vốn là nơi chôn nhau cắt rốn của tôi. Tại sao suốt mười lăm năm ấy tôi đã không để Gambetti ngó vào *lá bài quê hương* của tôi nhỉ? - tôi tự hỏi. Bởi vì tôi đã luôn luôn e sợ, và cho đến tận bây giờ vẫn còn e sợ đi ầu đó. Một mặt, vì tôi muốn tự bảo vệ mình chống lại những hiểu biết của anh ta về Wolfsegg và như thế cũng là chống lại hiểu biết của anh ấy về gốc gác của tôi, nhưng mặt khác, tôi cũng muốn bảo vệ chính *anh ấy* trước những hiểu biết như thế, thứ hiểu biết rất có thể chỉ gây các tác động thảm hại cho anh ấy mà thôi. Suốt mười lăm năm quen biết nhau, tôi chưa từng một lần nộp trắng Gambetti cho Wolfsegg. Mặc dù đi cùng Gambetti chứ không phải một thân một mình về Wolfsegg, và cùng anh ta lưu lại ở đó, lẽ ra, sẽ hết sức dễ chịu với tôi, song tôi luôn luôn cưỡng lại việc đem Gambetti đi theo. Dĩ nhiên Gambetti sẽ sẵn lòng đi với tôi về Wolfsegg bất kỳ lúc nào. Anh ấy chờ tôi mời suốt bấy lâu nay rồi. Nhưng tôi không mời. Đám ma không những là một dịp buồn thương mà còn là một dịp hết sức ghê tởm nữa là khác, giờ đây tôi tự nhủ, nên tôi sẽ không mời Gambetti nhân đúng một dịp

như thế theo tôi về Wolfsegg. Tôi sẽ báo tin cho anh ấy, rằng bố mẹ tôi chết, và không cần chờ ai khẳng định, tôi sẽ bảo bố mẹ tôi bị tai nạn ô tô chết cùng anh trai tôi, nhưng tôi sẽ không nói lấy một lời mời anh ấy đi cùng tôi. Vừa mới được hai tuần chứ đâu, trước khi lên đường về Wolfsegg dự đám cưới con em gái tôi, tôi đã chẳng ngần ngại nói trước mặt Gambetti những lời hết sức thô lỗ về bố mẹ tôi và gọi ông anh tôi là người mang tính cách ít nhiều đê tiện, đồng thời cũng còn là kẻ ngu đần hết đường dạy dỗ nữa kia. Tôi đã mô tả Wolfsegg là nơi chứa chấp tất cả những gì ngu si đần độn nhất đời. Tôi đã kể về thứ khí hậu khủng khiếp luôn luôn ngự trị và tàn bạo hủy hoại mọi thứ, kể cả mọi sinh linh phải sống, hay nói đúng hơn, bị ép phải tồn tại ở đó, và khiến họ, cũng giống như khí hậu ở đây, trở nên tàn nhẫn khôn cùng. Tuy nhiên, khi đó tôi cũng nhắc đến những lợi thế tuyệt đối của Wolfsegg, đến những ngày trời thu tuyệt đẹp, đến cái lạnh lẽo của mùa đông và sự tĩnh mịch của những cánh rừng và thung lũng bao quanh mà ngoài tôi chẳng ai ưa. Tôi cũng kể, rằng thiên nhiên ở đó tuy tàn nhẫn nhưng cũng thật sự trong sáng và tuyệt vời. Rằng thiên nhiên thật sự trong sáng và tuyệt vời đó, tuy vậy, vẫn không hề được những con người sinh sống ở đó trân trọng, bởi họ, do ngu si và đần độn, không còn khả năng ấy nữa. Giá không có những người thân của tôi ở đó mà chỉ có những ngôi nhà che chở họ thôi, hồi đó tôi đã nói vậy với Gambetti, thì lẽ ra tôi phải nhận Wolfsegg là một nơi hoàn hảo cho tôi mới đúng, bởi chính nơi đây chứ không còn nơi nào khác, là nơi tương hợp với tinh thần tôi hơn cả. *Song tôi không thể, chỉ vì do tôi muốn vậy, mà loại bỏ người thân của tôi được*, tôi đã từng nói vậy. Tôi nghe rõ ràng tiếng tôi nói câu ấy và bây giờ, do cái chết thật sự ập đến với bố mẹ lẫn anh trai tôi mà nó bỗng trở nên kinh khủng và dữ dội, đến mức khiến tôi, khi vẫn đứng bên cửa sổ nhìn xuống Piazza Minerva như lúc này, phải cất tiếng nhắc to câu nói ấy lần nữa. Câu nói *Song tôi không thể, chỉ vì do tôi muốn vậy, mà loại bỏ người thân của tôi được*, dạo xưa tôi từng thốt lên trước mặt Gambetti, cùng mối ác cảm lớn dành cho ba người thân bị nạn, bây giờ được tôi nhắc lại khá to, thậm chí với một vẻ rất kịch tính, to và kịch tính, như thể tôi là diễn viên đang phải học thuộc lòng câu nói để biểu diễn trước đám đông công chúng, cho nên, trong chốc lát, tôi đã làm câu nói mất hết vẻ gay gắt vốn có của nó. Câu nói bỗng dưng không còn sức tàn phá nữa. Nhưng chẳng mấy chốc câu nói *Song tôi không thể, chỉ vì do tôi muốn vậy, mà loại bỏ người thân của tôi được* ấy lại ngời lên trước và nắm toàn

quyền sai khiến tôi. Tôi gắng hết sức để cho nó lịm đi, nhưng nó không chịu để bị bóp nghẹt. Tôi không những chỉ cất tiếng nói một lần thành câu, tôi còn lảm nhảm nhiều lần trong miệng, cố làm sao biến nó thành lỗ bịch, nhưng câu nói ấy, sau tất cả mọi nỗ lực hùng hổ bóp chết nó, hay biến nó thành lỗ bịch, lại càng trở nên nguy hiểm hơn. Tự dưng nó mang một sức nặng hơn hết thảy mọi câu chữ tôi từng thốt ra. Ta không thể nhấn chìm chết câu nói ấy, tôi tự nhủ, ta sẽ phải sống cùng với nó. Hiểu ra được như thế, tức khắc tôi bình tâm ngay. Tôi nhắc lại câu nói *Song tôi không thể, chỉ vì do tôi muốn vậy, mà loại bỏ người thân của tôi được*, nhắc lại lần nữa, như tôi đã nói lúc đối diện Gambetti. Bây giờ nó lại mang ý nghĩa như hồi đó, trước mặt Gambetti rồi. Trên Piazza Minerva không có gì sống động, ngoài mấy con chim bồ câu. Tôi ngồi xuống bên bàn làm việc. Trên bàn vẫn còn một lô thư từ, một lá của Eisenberg, lá thư khác của lão Spadolini, vị Tổng Giám mục và cũng là *nhân tình* của mẹ tôi, cùng một mảnh giấy của Maria nữa. Các giấy mời của dăm Viện Văn hóa ở Rome lẫn vài ba bức thư mời riêng tư khác, tôi vớt ngay vào sọt rác, cũng như một vài lá thư nữa mà thoáng nhìn qua bên ngoài tôi đã biết ngay là thư hăm dọa hay xin xỏ, của những kẻ hoặc muốn vùi tên tôi, hoặc muốn biết tôi đang cố đạt được cái gì qua lối suy nghĩ và cách sống của tôi, của những kẻ vin vào đôi bài báo tôi đăng gần đây vốn không làm vừa lòng họ, bởi dĩ nhiên đây là các bài báo được suy ngẫm và viết ra chống lại tất cả những kẻ như họ, và các bức thư ấy của họ, tất nhiên, đều gửi từ Áo sang, do những kẻ vốn lâu nay vẫn mang bao nhiêu nỗi thù hận trong lòng dõi theo tôi cho đến tận thành Rome này, thảo ra. Bao nhiêu năm nay rồi, tôi vẫn nhận được những bức thư như thế, những bức thư hoàn toàn không phải do mấy đứa điên rồi viết như tôi nghĩ lúc ban đầu, mà hóa ra lại là của những nhân vật có uy tín, tức là những nhân vật không thể bắt bẻ vào đâu được về tư cách pháp lý, những người đe dọa truy nã và đập chết tôi vì các bài báo tôi đăng trên nhiều nhật báo hay tạp chí khác nhau, phát hành không những ở Frankfurt hay Hamburg, mà cả ở Milano lẫn thành Rome. Tôi không ngừng bôi nhọ nước Áo, bọn họ quả quyết vậy, tôi hạ nhục quê hương tôi theo một lối trắng trợn hơn bao giờ hết, bằng mọi cách, ở mọi nơi, mọi lúc, tôi gán cho người Áo cái tính cách Thiên chúa giáo quốc gia xã hội chủ nghĩa kiểu Áo hèn hạ và đê tiện, trong khi thực ra, như bọn người kia quả quyết, tính cách Thiên chúa giáo quốc gia xã hội chủ nghĩa hèn hạ và đê tiện không hề phổ biến ở Áo. Nước Áo không hèn hạ và cũng không đê tiện, nước Áo *chỉ*

*luôn luôn đẹp đẽ mà thôi*, và dân tộc Áo là dân tộc đáng kính, họ viết thế. Những bức thư như thế, cả sáng nay cũng vậy, bao giờ tôi cũng đều vút bỏ ngay lập tức. Tôi chỉ giữ lại thư của Eisenberg, anh bạn thời sinh viên của tôi, giờ là giáo sĩ Do Thái ở thành Wien, hẹn tôi gặp ở Venice, nơi anh ấy sẽ đến có việc vào cuối tháng Năm, như anh ấy viết đây, rồi dự định cùng tôi đến *Teatro La Fenice*, không phải đến xem *cái thứ như Câu chuyện lính* của Strawinski như năm ngoái, mà là xem *Tancredo* của Monteverdis. Đương nhiên tôi sẽ nhận lời anh Eisenberg mời, tôi sẽ trả lời anh ấy ngay lập tức, tôi nghĩ bụng, song *ngay lập tức* có nghĩa là *sau khi tôi đi Wolfsegg về đã*. Đi chơi khắp Venice cùng Eisenberg vốn luôn luôn là niềm thích thú của tôi, tôi nghĩ bụng, hay đúng hơn, gặp Eisenberg thôi, đã là đủ thú vị rồi. Nếu có đặt chân đến Ý, dù chỉ là đến Venice vài ngày thôi, bao giờ anh ấy cũng báo trước, rủ tôi tham dự *một cuộc vui mang tính nghệ thuật cao*, như anh ấy vẫn nói, và tôi nghĩ *Tancredo* ở La Fenice chắc chắn là một cuộc vui như thế. Họ gửi cho tôi tờ *Corriere della Sera* trong đó có in bài viết của tôi về Leos Janacek. Tôi mở rộng tờ báo, lòng đầy hy vọng, song chỉ thấy bài viết của tôi, một là không được xếp in vào chỗ nổi bật, làm tôi tiu nghỉu ngay, hai là, chỉ mới đọc lướt qua lần đầu tôi cũng đã phát hiện ngay ra một loạt các lỗi in ấn không thể tha thứ, tức là những lỗi in kinh khủng nhất có thể xảy ra. Tôi quăng tờ *Corriere* sang bên và đọc lại những dòng chữ trên mảnh giấy Maria viết và bỏ vào thùng thư cho tôi. Nữ thi sĩ lớn của tôi viết rằng tối thứ Bảy nàng muốn đi ăn tối cùng với tôi, *với một mình anh thôi*, vả lại nàng mới viết vài bài thơ *cho anh*, như nàng viết đây. Nữ thi sĩ lớn của tôi dạo này viết lách có vẻ được đây, tôi tự nhủ, rồi kéo ngăn kéo tôi để mấy tấm ảnh gia đình ra. Tôi chăm chú nhìn tấm ảnh chụp bố mẹ tôi trên sân ga Victoria ở London, đúng lúc cả hai đang lên tàu đi Dover. Ảnh tôi chụp lúc hai vị không chút để ý. Ông bà đến thăm tôi, vì vào năm một ngàn chín trăm sáu mươi tôi đang học đại học ở London, và sau hai tuần lưu lại Anh, sau khi đã đi từ Glasgow đến Bristol, các vị sang Paris, là nơi hai con em gái tôi đang chờ sẵn; chúng nó đi từ Cannes - ghé thăm chú Georg ở đây - rồi đến Paris gặp bố mẹ. Dạo năm một ngàn chín trăm sáu mươi, tôi nghĩ bụng, tôi vẫn còn giữ một mối liên hệ nói chung là chịu đựng được với bố mẹ tôi. Tôi ước ao sang Anh học đại học và bố mẹ không hề gây chút khó dễ nào, vì ông bà hẳn đã chắc mẫm, sau khi học ở Anh xong, tôi sẽ quay về Wien và rốt cuộc cũng sẽ về Wolfsegg thôi, để thỏa ước nguyện của ông bà, là tôi sẽ cùng ông anh quản lý và vận hành, rồi hoàn thiện

Wolfsegg của hai vị. Song ngay từ hồi đó tôi đã không hề có ý định quay về Wolfsegg, mà chỉ mang một ý nghĩ duy nhất là rời bỏ Wolfsegg sang Anh, đến London, chứ không bao giờ quay lại Wolfsegg nữa. Tôi căm ghét nghề nông, vốn là niềm ham mê của bố và anh trai tôi. Tôi căm ghét tất cả những thứ liên quan đến Wolfsegg, bởi chỉ có những gì sinh lợi cho gia đình mới đáng kể, không thì thôi. Ở Wolfsegg, ngay từ lúc khai trương và lọt gọn vào tay gia đình tôi, họ chẳng quan tâm đến thứ gì khác ngoài năng suất và làm sao để lợi nhuận thu được từ các ngành sản xuất mỗi ngày một lớn, tức là từ nghề nông, một nghề mà dẫu gì đến tận giờ cũng còn ôm đến mười hai ngàn hecta, và từ nghề khai thác các hầm mỏ. Họ chẳng còn gì khác trong đầu, ngoài việc nghĩ cách moi được thật nhiều từ những gì họ sở hữu. Mặc dù họ luôn mồm giả bộ quan tâm đến nhiều thứ khác chứ không phải chỉ say sưa cơn nghiện kiếm lời, rằng họ cũng quan tâm đến văn hóa, thậm chí đến cả nghệ thuật, nhưng thật ra thì đó chỉ là một thứ quan tâm đáng buồn và đáng hổ thẹn mà thôi. Mặc dù họ tàng trữ hàng ngàn đầu sách trong các thư viện của Wolfsegg, ít gì cũng đến năm cái, và số sách này, hàng năm ba hay bốn lần, đầu đặn một cách quái đản, được lau chùi bụi bặm sạch bong, nhưng chính họ thì chẳng bao giờ đọc đến số sách đó. Họ luôn giữ gìn các thư viện ấy sạch sẽ như lau như ly, để họ có thể, không chút ngưng ngừng, phô trương, hãnh diện khoe khoang cái kho báu chữ in với khách khứa đến thăm, nhưng bản thân họ chẳng bao giờ đụng đến kho báu gồm hàng ngàn, thậm chí hàng chục ngàn cuốn sách ấy. Năm thư viện ở Wolfsegg, bốn nằm trong tòa nhà chính, một trong khu nhà phụ, vốn được các cụ kị tôi dựng nên, chứ bố mẹ tôi chẳng mua thêm lấy một quyển nào xếp thêm vào đó. Người ta bảo toàn bộ các thư viện nhà tôi cũng quý giá ngang thư viện nhà thờ Lambach, vốn là thư viện nổi danh toàn thế giới. Bố tôi không đọc sách bao giờ, mẹ tôi thỉnh thoảng lắm, cốt cho vui, mới lật lật mấy quyển sách cũ về khoa học tự nhiên, ngắm nghía tranh ảnh màu sắc sỡ vốn in nhằm mục đích trang trí. Hai con em gái tôi không vào thư viện bao giờ, trừ những lúc chúng phải dẫn khách khứa vào thăm thú theo lời thỉnh cầu của họ mà thôi. Bố mẹ tôi, trên tấm ảnh tôi chụp ở ga Victoria, đang ở độ tuổi còn đủ sức rong ruổi đó đây chứ chưa bị bệnh tật hành hạ. Cả hai vị khoác áo mưa vừa mua ở hiệu Burberry và trên tay khoác mỗi vị một chiếc ô mới, cũng vừa mua ở hiệu Burberry đó.

Y hệt như lũ dân lục địa tiêu biểu, hai vị muốn tỏ vẻ Anh quốc hơn cả người Anh và do đó, gây một ấn tượng lỗ bịch và kỳ khôi, chẳng còn chút tính tế và sang trọng nào cả, khiến tôi trước đây, mỗi khi nhìn bức ảnh này đều phải bật cười. Song, bây giờ không còn cười được nữa. Cổ mẹ tôi hơi dài, vốn không thể cho là đẹp được, và đúng giây khắc tôi nháy chụp - vì đúng lúc bà đang bước lên tàu - bà lại ngồng cổ lên vài centimét dài hơn so với mọi ngày, khiến mức độ lỗ bịch của bức ảnh phải tăng lên gấp đôi. Tư thế của bố tôi lại luôn luôn là tư thế một người không thể che đậy sự xấu hổ lương tâm của mình trước thiên hạ và vì thế mà trở nên bất hạnh. Hồi ấy, lúc tôi chụp bức ảnh này, bố tôi đội chiếc mũ kéo sụp xuống trán, sâu hơn so với mọi khi, khiến trông ông trong ảnh có vẻ vụng về lúng túng hơn ngoài đời thực. Tôi không biết vì sao tôi giữ lại đúng bức ảnh này của bố mẹ tôi. Tôi nghĩ bụng, rồi lúc nào đó sẽ tìm hiểu xem nguyên cớ là gì. Tôi đặt bức ảnh lên bàn giấy rồi lục tìm bức ảnh khoảng hai năm về trước, chụp gã anh tôi bên hồ Wolfgangsee, trên chiếc thuyền buồm mà suốt năm gã vẫn để nằm yên tại Sankt Wolfgang trong túp lều thuê của Furstenberg. Người đàn ông trong ảnh là một người mang đầy vẻ cay đắng, bị cuộc sống đơn độc bên bố mẹ hủy hoại. Bộ quần áo thể thao khó nhọc lắm mới che đậy được các thứ bệnh tật đang hoành hành trong người gã. Nụ cười, như thiên hạ thường vẫn nói, méo mó, khổ sở và bức ảnh chỉ có thể do em trai gã, tức là tôi vậy, chụp mà thôi. Lúc tôi đưa một tấm cho gã, gã đã chẳng nói chẳng rằng xé vụn nó ra ngay. Tôi đặt bức ảnh chụp gã anh trai bên cạnh tấm chụp bố mẹ tôi lên tàu hỏa ở London đi Dover, rồi ngắm nghía hai tấm ảnh khá lâu. Anh đã yêu thương những con người này lâu như họ từng yêu thương anh vậy, rồi chính từ giây phút họ căm ghét anh trở đi, anh cũng bắt đầu căm ghét họ. Dĩ nhiên, tôi chưa bao giờ nghĩ, tôi sẽ sống lâu hơn họ mà ngược lại, tôi đã luôn luôn nghĩ, một ngày nào đó, *tôi* sẽ là kẻ ra đi đầu tiên về cõi bên kia. Tình huống đang xảy ra đây là tình huống tôi *không bao giờ* tính đến; mọi tình huống có khả năng xảy ra khác tôi đều đã suy đi tính lại mãi, duy tình huống này lại không. Tôi đã thường hình dung và cũng thường nằm mơ mình sẽ chết, sẽ để họ lại một mình trên đời, không có tôi, thông qua cái chết của tôi để giải phóng cho họ, chứ chẳng bao giờ tôi hình dung hay mơ tưởng bị họ bỏ lại thế này. Sự thật là giờ họ đã chết, chứ không phải *tôi chết*, bỗng nhiên, trong chớp mắt, không những

đã trở thành một sự kiện không thể tiên liệu trước, dù chỉ là trong trí tưởng tượng, mà còn trở thành *sự thật gây xúc động mạnh mẽ*. Sự thật gây ra nỗi xúc động ấy, vâng, cơ sở gốc gác của nỗi xúc động ấy, mới chính là nguyên nhân làm tôi bị sốc, chứ nói của đáng tội, không phải là cái sự thật rằng nay họ đã chết, một cái chết không thể nào lật ngược lại nữa ấy. Bố mẹ tôi, đôi vợ chồng cho dù bao giờ cũng thảm bại trong mọi chuyện, nhưng đối với tôi là một cặp vợ chồng ma quỷ độc ác ấy, giờ đây, sau có mỗi một đêm, bỗng chốc teo tóp lại, nằm gọn lỏn, trong tấm ảnh kỳ khôi lồ bịch tôi đang bày trên bàn làm việc rồi chăm chú xem xét, soi mói một cách trơ trẽn đây. Tấm ảnh gã anh trai tôi cũng vậy. Suốt đời anh từng run sợ trước những con người này hơn trước bất kỳ ai khác, tôi nghĩ bụng, và anh đã biến nỗi sợ hãi ấy thành điếu quái dị lớn nhất trong đời, tôi tự nhủ. Mặc dù đã luôn luôn tìm mọi cách, nhưng suốt đời anh, anh đã không làm sao lánh mặt khỏi những con người này, mọi nỗ lực nhằm lẫn tránh của anh trước sau đều thất bại, chuồn sang Wien, trốn sang London, rồi sang Paris, sang Ankara, sang Konstantinopel, và rốt cuộc đến thành Rome, đến đâu cũng đều vô ích cả. Họ phải chết bất đắc kỳ tử, vì bị tai nạn, và teo co lại trên mẫu giấy được gọi khác đi là tấm ảnh này, họ mới hết đường hăm hại anh. Nỗi ám ảnh bị truy lùng thế là tiêu tan, tôi thảnh thơi. Họ chết cả rồi. Anh được tự do. Lần đầu tiên tôi cảm thấy thương hại ông anh tôi, khi liếc nhìn tấm ảnh gã ở Sankt Wolfgang trên chiếc thuyền buồm nhỏ. Lúc này trông gã trong ảnh còn nực cười hơn nhiều so với lần tôi giở ảnh ra xem trước đây. Sự tàn nhẫn, không chút động lòng, khi xem xét bức ảnh, khiến tôi thấy hoảng sợ. Cả bố mẹ tôi, trong bức ảnh chụp ở ga Victoria, trông cũng thật nực cười. Lúc này, nằm trước mặt tôi trên mặt bàn giấy đây, cả ba đều chỉ cao chừng mười centimet, quần áo đều tân thời, tư thế người ngợm đều kỳ cục, cho thấy một trạng thái tình thần cũng kỳ cục không kém, và trông đều lồ bịch hơn những lần tôi nhìn thấy trước đây. Ảnh chụp bao giờ cũng chỉ ghi lại cái khoảnh khắc buồm cười và lồ bịch mà thôi, tôi nghĩ bụng, chứ không ghi xem con người ấy suốt cả quãng đời đã ra sao, ảnh chụp là một thứ giả mạo tai ác, quỷ quyệt, bức ảnh nào cũng vậy, bất kể do ai chụp, bất kể chụp ai, đều là sự xúc phạm nhân phẩm con người ở mức tuyệt đỉnh, một sự giả mạo, bóp méo thiên nhiên cực kỳ tàn ác, một sự vô nhân đạo đều cang. Mặt khác, tôi lại thấy hai bức ảnh đặc



trung một cách tàn nhẫn cho cả ba người được chụp trong đó, cả cho bố mẹ tôi lẫn gã anh tôi. Đây chính là họ, tôi nghĩ bụng, đúng thực sự như họ ở đời, đây vốn là họ, đúng như họ đã từng thực sự ra sao ở đời. Lẽ ra tôi cũng có thể lấy vài bức ảnh khác chụp bố mẹ và ông anh trai tôi ở Wolfsegg đem theo, nhưng tôi lại mang theo và gìn giữ đúng hai bức này, bởi vì xét ở thời khắc tôi chụp, hai bức ảnh này đã ghi lại hình ảnh bố mẹ và ông anh tôi đúng không sai một tẹo nào, cho thấy bố mẹ vốn thực sự thế nào, ông anh tôi từng thực sự ra sao. Tôi không hề ngưng ngừng chút nào khi nhận ra điếu đó. Chẳng phải ngẫu nhiên mà tôi đã không hủy, ngược lại còn mang đúng hai bức ảnh này về Rome, cất kỹ vào ngăn kéo. Ở đây tôi không có hình ảnh bố mẹ được lý tưởng hóa, tôi tự nhủ, ở đây bố mẹ tôi đúng như là bố mẹ tôi thật, à, tôi xin chữa lại, từng đúng như là bố mẹ tôi hôm xưa thật. Ở đây tôi có ông anh đúng như ông anh tôi hồi xưa. Cả ba vốn đều rụt rè, đều độc địa, đều lỗ bịch như nhau. Nói của đáng tội, dĩ nhiên tôi đã chẳng chịu gìn giữ bức tranh giả tạo nào về bố mẹ và ông anh tôi trong ngăn kéo. Chỉ những bức ảnh nào thật nhất, trung thực nhất. Chỉ bức nào tuyệt đối xác thực, và càng kỳ cục, thậm chí càng đáng ghê tởm thì càng xác thực. Có lần, khoảng một năm về trước, tôi còn nhớ ở đâu nữa kia, tức là trong quán cà phê ở Piazza del Popolo, tôi cho Gambetti xem chính những bức ảnh chụp bố mẹ và ông anh tôi này. Anh ta ngắm nghía mấy bức ảnh nhưng không bình luận lấy một lời. Tôi chỉ nhớ, xem xong mấy bức ảnh, anh ta hỏi tôi: *Bố mẹ anh chắc rất giàu có, phải không?* Tôi đáp: *phải*. Tôi còn nhớ, sau đó tôi rất ngỡ ngàng vì đã cho anh ta xem ảnh. Lẽ ra mình không nên cho anh ta xem *đúng những bức này*, tôi đã nghĩ thế. Rồi ngu xuẩn. Đã có và vẫn còn có vô số ảnh chụp bố mẹ tôi, thấy bảo vậy, thật sự *ngghiêm túc*, nhưng đó là những bức ảnh không đúng với hình ảnh tôi mang trong tôi suốt đời tôi về ông bà. Ảnh chụp gã anh tôi cũng nhiều bức *ngghiêm túc* giống vậy, nhưng hề *ngghiêm túc* thì giả tạo. Lẽ ra, tôi đã chẳng bao giờ cho Gambetti xem một bức ảnh giả tạo nào như thế. Cũng cần nói thêm, trên đời này có lẽ tôi không căm ghét gì hơn trò khoe ảnh. Tôi chẳng khoe, mà cũng chẳng xem ảnh ai khoe bao giờ. Việc tôi cho Gambetti xem bức ảnh chụp bố mẹ tôi trên sân ga Victoria là một ngoại lệ. Tôi làm vậy nhằm mục đích gì nhỉ? Về phần Gambetti, anh ta chưa bao giờ cho tôi xem ảnh. Dĩ nhiên, tôi quen bố mẹ và anh chị em anh ta, cho nên nếu đưa tôi

xem ảnh họ thì đúng là không có ý nghĩa gì cả và anh ta chắc cũng chẳng bao giờ có ý định như thế. Nói cho cùng, thì tôi ghét các loại ảnh iếc và tự tôi chẳng bao giờ tôi có ý định chụp chiếu gì, trừ mấy tấm chụp ở London, ở Sankt Wolfgang, ở Cannes ấy. Cả đời tôi, tôi chưa từng có mấy ảnh bao giờ. Tôi khinh bỉ những ai chụp ảnh liên hồi và lúc nào cũng quàng máy ảnh qua cổ chạy lăng xăng. Lúc nào họ cũng ngó quanh ngó quất tìm cảnh này vật nọ hay người đứng chỗ này, người ng ồi chỗ kia để chụp, để ghi hình, ghi chụp thậm chí cả những thứ vô nghĩa lý nhất. Trong đầu họ, họ không nghĩ đến việc gì khác ngoài việc tìm cách lấy dáng cho chính họ, theo những kiểu đáng ghét nhất, nhưng tự họ, họ lại chẳng thấy làm sao. Họ ghi lại một thế giới bị méo mó đến mức quái đản trên các bức ảnh của họ, một thế giới không còn gì là chung với thế giới thật ngoài sự méo mó đến quái dị mà họ phải chịu tội. Chụp ảnh là một thứ nghiện ngập chung mà dần dần toàn nhân loại đã nhiễm phải, bởi vì nhân loại không những đã phải lòng cả sự méo mó lẫn sự quái dị đó, mà còn bị mê muội vì nó và theo thời gian, do không ngừng chụp ảnh, nhân tưởng thế giới méo mó và quái dị trong ảnh là thế giới duy nhất thực. Như thế, những kẻ nhiếp ảnh đã phạm một trong những tội ác đê đọa nhất mà con người có thể phạm phải, vì họ thông qua các bức ảnh, đã biến thiên nhiên thành thứ gì lối bịch kỳ quái nhất. Trong các bức ảnh của họ, con người biến thành mấy con búp bê lối bịch, xa lạ, méo mó đến mức không còn nhận ra nữa, những con búp bê sững sờ trở mắt nhìn thẳng vào ống kính máy chụp nhẩn tâm, câm lặng, đáng tửm. Nhiếp ảnh là niềm ham mê hèn hạ cuốn hút con người ta ở mọi châu lục, mọi tầng lớp xã hội, là một thứ bệnh tật lan tràn khắp thiên hạ và nhân loại sẽ không bao giờ thoát khỏi căn bệnh ấy nữa. Kẻ phát minh ra nghệ thuật nhiếp ảnh chính là kẻ phát minh ra thứ nghệ thuật phản nhân sinh nhất. Chính tại hần mà hôm nay chúng ta có sự biến dạng hoàn toàn của thiên nhiên cũng như của con người sống trong đó, khiến cả thiên nhiên lẫn con người đều mang vẻ mặt cau có đến quái dị. Tôi chưa từng thấy trên ảnh một người thật tự nhiên, cũng có nghĩa là một con người đúng là người, cũng như tôi chưa bao giờ thấy một phong cảnh thiên nhiên thật sự thiên nhiên trong ảnh. Nhiếp ảnh là tai họa lớn nhất của thế kỷ hai mươi. Tôi luôn cảm thấy tửm lợm khi nhìn các bức ảnh hơn khi nhìn bất cứ thứ gì khác. Song, giờ đây tôi tự nhủ, dù hình ảnh bố mẹ tôi và ông anh

tôi trên các bức ảnh duy nhất do tôi chụp bằng chiếc máy ảnh của anh tôi có bị méo mó đến thế nào đi nữa thì, càng nhìn lâu tôi càng nhận rõ sự thật và tính chất xác thực đằng sau sự quái dị và méo mó của những người trong ảnh, bởi vì tôi không quan tâm đến mấy bức ảnh và tôi không nhìn người trong ảnh đúng như lăng kính méo mó đã ghi lại họ ở trạng thái méo mó độc địa và quái đản đó ra sao, mà đúng như là *tôi* nhìn thấy họ ra sao. *Bố mẹ trên sân ga Victoria ở London*, tôi đã viết như thế ở mặt sau tấm ảnh. Còn ở mặt sau của tấm thứ hai chụp ông anh tôi ở Sankt Wolfgang, tôi ghi *Ông anh đi thuyền buồm tại Sankt Wolfgang*. Tôi mở ngăn kéo và lôi một tấm ảnh nữa ra, chụp hai con em gái tôi, Amalia và Caecilia, đứng tạo dáng trước căn biệt thự của chú Georg ở Cannes, em trai bố tôi, căn nhà chú mua bằng tiền ông anh chú, sau khi ông bà tôi qua đời, đã trả trọn cho chú thành một gói và chú đã khôn khéo rải ra, góp mua cổ phần làm ăn tại nhiều nơi trên khắp nước Pháp, khiến chú không những có thể luôn tận hưởng một cuộc sống sung túc thoải mái mà còn dư dả để sống xa hoa theo ý thích. Lúc này, nhìn tấm ảnh chụp các em gái tôi với hai bộ mặt ít nhiều mang vẻ nhạo báng giễu cợt kia, tôi nghĩ bụng, chú đã chọn được lá số may mắn hơn nhiều so với ông anh chú ấy, tức là bố tôi. Cách đây bốn năm chú Georg cũng qua đời đột ngột như ông anh chú, tức là bố tôi, chỉ có đi đầu chú ấy mất do một cơn đau tim bất ngờ ập đến, đúng lúc chú đang chăm sóc chỗ hoa hồng trong khu vườn của biệt thự, một thú đam mê vốn đã trở thành duy nhất vào những năm cuối đời của chú. Mới ba mươi lăm tuổi chú đã rời bỏ Wolfsegg rút về Riviera, mang theo một đồng bộ tiền bạc và sách vở. Chú mê cả văn học Pháp lẫn biển cả và hoàn toàn chìm đắm trong hai niềm say mê đó. Tôi thường vẫn nghĩ, tôi thừa hưởng khá nhiều thứ của chú Georg, hay nói gì thì nói, cũng nhiều hơn các thứ tôi thừa hưởng của bố tôi. Suốt đời tôi, tôi cũng mê văn học, cũng ham sách ham vở, cũng say sưa biển cả. Tôi cũng rời bỏ Wolfsegg, thậm chí từ lúc còn trẻ hơn cả chú ấy. Tôi ghi dòng chữ *các em gái tôi Amalia và Caecilia trước biệt thự chú Georg* lên mặt sau tấm ảnh. Tôi đến Cannes lần cuối năm một ngàn chín trăm bảy tám. Tôi đến thăm chú Georg ít nhất mỗi năm một lần. Ở với chú vài ngày trong biệt thự của chú bao giờ cũng làm tôi sáng khoái. Trước sự cảm tức tội độ của gia đình tôi, chú đã chỉ định ông quản gia của chú, một người luôn trung thành phụng sự chú, người lúc nào

chú cũng gọi là *Jean tốt bụng của tôi* một cách thân thương ấy, làm người thừa kế duy nhất. Chú Georg tôi từng nhiều lần ở Rome, một thành phố mà chú ấy, giống hệt tôi, yêu nhất, quý nhất, trong tất cả các thành phố trên đời này. Gambetti và chú Georg thân thiện với nhau ngay, nhiều buổi tối họ từng ng ỡ chuyện trò ngoài trời ở Piazza del Popolo, hoặc giả nếu trời có mưa, thì trong quán cà phê Greco, về *mọi thứ chuyện trên đời*, song nhiều nhất vẫn là chuyện về nghệ thuật, về hội họa. Chú Georg tôi là người đam mê sưu tầm nghệ thuật và như tôi biết, phần lớn lợi tức từ đồng tài sản của chú, chú bỏ cả ra mua tranh tượng của các nghệ nhân đương thời. Bởi chú có khiếu thẩm mỹ và đặc biệt bén nhạy khi đánh hơi giá trị các tác phẩm chú ưa chuộng, cho nên, nhờ cái thú sưu tầm say sưa ấy mà không bao lâu chú đã gom vào khối tài sản sẵn có thêm một khoản đáng kể, tính phải đến bạc triệu chứ chẳng ít. Các nghệ sĩ vô danh được chú bảo trợ đã nhanh chóng trở nên nổi tiếng, sau khi ít nhiều có thể xem là được chú phát hiện và khiến công chúng chú ý bằng cách mua r ỡ giới thiệu rộng rãi các tác phẩm của họ. Chú Georg tôi không ưa *lôi làm ăn nguyên thủy* của gia đình tôi chút nào, hay nói cho cùng, chú căm ghét việc thiên nhiên bị bóc lột năm này qua năm khác ở nông thôn và chú cũng khinh bỉ cái truyền thống hàng trăm năm của Wolfsegg, dù đấy là truyền thống sản xuất nào thịt với mỡ, nào da với bì, nào gỗ với than, hay truyền thống săn bắn, là thứ chú căm ghét thậm tệ, nhưng lại là thứ làm ông anh chú, tức là bố tôi, và thằng cháu chú, ấy là ông anh tôi, say đắm nhất trong số những niềm đam mê có thể có. Săn bắn là thứ đam mê chú căm ghét *thậm tệ* nhất trong số các niềm đam mê đáng ghét nhất. Trong khi cả bố mẹ chú, tức ông bà tôi, lẫn bố tôi, tức ông anh chú, đều mê mẩn với săn với bắn thì chú Georg tôi bao giờ cũng khước từ việc nhập cuộc với họ. Chú cũng như tôi, không ăn thịt thú rừng và trong khi cả nhà kéo nhau đi săn, lại chui vào một thư viện nào đó, vui đùa đọc sách để quên cơn điên đi săn của cả nhà, *trong khi bọn họ giương súng hạ một hươu nào đó thì ta lại ngồi thư viện, sau mấy tấm cửa sổ đóng kín, để khỏi phải nghe tiếng súng*, chú vẫn bảo thế, và đọc Dostoyevsky. Cũng như tôi, chú Georg yêu văn học Nga, mà trước hết là Dostoyevsky và Lermontov; chú cũng thường nói nhiều đi đâu thật thông thái về hai văn sĩ Nga này, đồng thời chú cũng tìm hiểu cận kề và đọc đi đọc lại hai nhà cách mạng Kropotkin và Bakunin, là hai người xét theo cái

gọi là văn chương hời kỳ, được chú đánh giá là hay nhất trong thể loại đó, và chú chính là người, với tư cách một chuyên gia dày dặn về văn học Nga, một người thông thạo tiếng Nga như thông thạo tiếng Pháp, đã dẫn dắt tôi đến với nền văn học đó, và cũng chính chú là người tôi mang ơn vì chú đã trao cho tôi tình yêu đối với văn học Nga và về sau, với văn học Pháp.

Cũng như, phải nhờ ơn chú tôi mà tôi mới có được một mảng lớn trong vốn liếng tinh thần. Chính chú Georg, từ rất sớm, đã mở mắt cho tôi nhìn ra thế giới, cho tôi thấy ngoài Wolfsegg, ngoài nước Áo ra, còn cái gì đó khác nữa, cái gì đó tuyệt vời hơn nhiều, cái gì đó dữ dội hơn nhiều, và thế giới, không như người ta vẫn tưởng, không chỉ do một gia đình duy nhất, mà do hàng triệu gia đình tạo nên, không phải chỉ bao gồm một chốn duy nhất, mà bao gồm triệu triệu nơi chốn như thế, và cũng không chỉ do một dân tộc duy nhất, mà do hàng trăm, hàng ngàn dân tộc hợp thành, không phải từ một nước duy nhất, mà từ hàng trăm, có khi hàng ngàn nước hợp lại mà nên, trong đó nước nào cũng đẹp nhất, cũng quan trọng nhất. Toàn thể nhân loại là một tập hợp vô cùng tận của tất tât những cái đẹp và các tiềm năng, chú Georg vẫn bảo thế. Chỉ kẻ nào ngu si đần độn nhất mới tưởng thế giới sẽ phải tận cùng ở nơi hần tận số. Song, chú Georg không những đã dẫn dắt tôi vào thế giới văn chương và mở nó ra trước mắt tôi như *một thiên đường bất tận*, chú còn dẫn tôi vào thế giới của âm nhạc, cũng như mở mắt cho tôi chiêm ngưỡng mọi môn nghệ thuật khác. Khi nào ta có được một quan niệm nghiêm túc về nghệ thuật, thì lúc ấy ta mới có một quan niệm nghiêm túc về thiên nhiên. Chỉ khi nào ta có thể vận dụng và thưởng thức nghệ thuật, ta mới có thể vận dụng và thưởng thức thiên nhiên đúng đắn được. Đa phần con người ta không bao giờ có được một quan niệm về nghệ thuật, dù chỉ là sơ đẳng nhất mà thôi, và do đó không bao giờ có thể nhận thức được thiên nhiên. Một nhãn quan lý tưởng về thiên nhiên đòi hỏi một quan niệm lý tưởng về nghệ thuật làm điểu kiện tiên quyết, chú Georg vẫn nói vậy. Những ai khoe khoang họ hiểu rõ thiên nhiên, nhưng lại không hề có một khái niệm nào về nghệ thuật, thì họ sẽ chỉ hiểu thiên nhiên một cách hời hợt, chứ không bao giờ hiểu theo một cách đầy đủ lý tưởng, cũng có nghĩa là họ không thể hiểu được sự cao quý vô tận của thiên nhiên. Một kẻ có đầu óc bao giờ cũng có thể, trước hết, dựa vào thiên nhiên để có được quan niệm hoàn hảo về nghệ thuật, rồi từ khái

niệm nghệ thuật ấy, trở lại có nhãn quan hoàn thiện lý tưởng về tự nhiên. Trong các chuyến đi thăm Ý với nhau, chú Georg chẳng bao giờ lôi tôi hùng hục chạy, như bố tôi, từ cột trụ cổ này đến cột trụ cổ nọ, từ tượng đài này đến tượng đài kia, từ nhà thờ này đến nhà thờ khác, từ công trình Michelangelo ở chỗ này để công trình Michelangelo ở chỗ khác. Chú chẳng đưa tôi đến thăm bất kỳ công trình nghệ thuật nào. Chính vì thế mà các hiểu biết của tôi về nghệ thuật đầu nhờ chú mà có, bởi chú không lôi kéo tôi phải thăm tác phẩm nổi tiếng này, phải ngắm kiệt tác kia; chú cứ để tôi yên, chỉ lưu ý tôi nên thưởng thức những công trình, tác phẩm nào, chúng được trưng bày ở đâu, chứ không như bố mẹ tôi, lúc nào cũng nhăm nhăm dúm đầu tôi về phía một cột trụ, hay một bức tường La Mã, hoặc Hy Lạp nào đấy. Chính cái trò người nhà tôi, trừ chú Georg ra, ngay từ thời tôi còn rất bé, lúc nào cũng dúm đầu tôi theo một lối hết sức cầu thả và võ đoán về phía các công trình thời cổ đại như thế, đã làm đầu óc tôi chẳng mấy chốc thành ra hoàn toàn vô cảm với mọi thứ nghệ thuật ở đời; cái lối ấy không những không đưa tôi đến gần với nghệ thuật, mà lại làm tôi ghê tởm nó. Tôi phải mất nhiều năm tháng để sắp xếp lại hàng trăm hàng nghìn công trình nghệ thuật họ đã nhét theo một lối dốt nát như thế vào đầu tôi. Giá như tôi, ngay từ hồi còn bé, tức là từ dạo bố mẹ tôi không chút nương tay, không chút chơn lựa, nhỡ nhét ứ ự vào đầu tôi trăm thứ bà giần ấy, đã sớm được chịu ảnh hưởng của chú Georg thì, tôi nghĩ bụng, chắc chắn đó sẽ là mối lợi thật lớn cho đời tôi rồi. Song, nói cho gọn, tôi phải bị bố mẹ hủy hoại gần như hoàn toàn đi đã, đợi mãi đến khi quá hai mươi tuổi, khi dường như đã tiết đường cứu chữa rồi, tôi mới được chú Georg ra tay chữa chạy. Một cách có suy nghĩ, có cân nhắc, và hết sức thận trọng. Khi tôi rốt cuộc hiểu được ra, chú Georg tôi đóng vai trò quan trọng như thế nào đối với tôi, với quá trình lớn lên và sự trưởng thành của tôi sau này, thì hầu như đã quá muộn để bắt đầu đi đầu tộ. Tuy nhiên, nói cho cùng, chính nhờ vào ý chí mạnh mẽ của tôi muốn thoát bằng được khỏi tai họa Wolfsegg, tức là mối tai họa bố mẹ tôi đã gieo vào người tôi ấy, cũng như may có thêm sự sáng suốt của chú Georg nữa, nên tôi mới được cứu vớt. Để khi trưởng thành, thay vì bị buộc phải sống như mọi người trong gia tộc, trừ chú Georg, tôi lại sống - giống như chú Georg tôi - theo một lối hoàn toàn đối nghịch với bọn họ. Cả đời họ, họ căm ghét chú Georg tôi, và, vào

những thập niên cuối đời, cũng chẳng buồn che đậy lòng căm ghét ấy nữa; dần dần họ đối xử với chú y hệt như đối xử với tôi, nghĩ về chú y hệt như nghĩ về tôi, lừa dối chú y hệt như lừa dối tôi. Song, họ nghĩ gì về chú, đối xử với chú thế nào, chú cũng mặc kệ. Để đến một hôm, sau khi thu xếp xong xuôi chuyện tiền nong, chú lên tàu làm một mạch đến Nice. Đến đây, chú lăn ra ngủ một trận mấy tuần liền, rồi, như chú vẫn nói, hoàn toàn tươi tỉnh, chú mới bắt đầu đi loang quanh tìm chỗ cắm dùi. Chỗ nào sát biển, có vườn rộng, không khí trong lành tươi mát, nhưng phải thuận đường đi lại. Ở Wolfsegg, bọn họ đã phải cay đắng biết chừng nào khi nhận được các bưu ảnh đầu tiên chú gửi về. Dưới mắt họ, chắc chú giờ đang nằm ườn sưởi nắng hay đang đóng bộ âu phục bằng vải lanh, tất nhiên, được may đo, cắt thừa đúng dáng đúng kiêu từ các tay thợ Paris, nhón như đi dạo bờ biển. Và, trong các giấc mơ, mà thực ra chỉ là các cơn ác mộng, bọn họ sẽ chỉ thấy chú - một người mà suốt đời bọn họ vẫn gọi là *thằng ranh vô dụng* ấy - ra ra vào vào các nhà băng lộng lẫy tại khu Riviera sang trọng để nhận khoản tiền lời thu được từ đóng tài sản mỗi ngày một tự phình ra của chú. Bọn họ đần độn, ngu si đến mức không thể hình dung nổi rằng, ngoài lối sống của họ, còn một đời sống tinh thần trí thức nữa. Chú Georg đã sống cuộc sống tình thần ấy; hàng trăm cuốn sổ ghi chép đầy kín chú để lại đã cho thấy rõ đi đâu đó. Ngay từ hồi chú còn rất trẻ, sự ngu xuẩn tăm tối của dân chúng vùng Trung Âu, những kẻ, như thiên hạ vẫn nói, sống để làm lụng, thay vì làm lụng để sống ấy, mặc dù họ hoàn toàn đứng đờ, chẳng thèm để tâm xem cái việc họ làm có nghĩa lý gì, đã làm chú Georg không chịu được, buộc chú phải tìm cách thoát đi chỗ khác. Chú không thể sống yên một chỗ. Chú vẫn nói, con người ta phải để gió mới thốc vào đầu, có nghĩa là, hằng ngày phải luôn luôn tiếp nhận thế giới vào đầu mình. Ở Wolfsegg, bọn họ không bao giờ đón nhận luồng gió mới nào vào đầu, thì cũng chẳng bao giờ đón nhận được thế giới. Sinh ra đã cứng nhắc và vô hồn, bọn họ ngẩn cứng nhắc và vô hồn trên đồng tài sản được thừa kế, và trong đời họ, họ không còn mục tiêu nào khác ngoài mục tiêu làm sao ôm thật chặt đồng tài sản thừa kế kếch sù ấy, khiến nó mỗi ngày một kiên cố, chứ không rã ra. Dần dần, tất cả bọn họ, ai cũng nhiễm cái cứng nhắc, cái bất di bất dịch lẫn cái rắn chắc tuyệt đối của đồng tài sản ấy mà không biết. Bọn họ hòa tan mãi mãi cùng đồng tài sản đó thành một khối hữu cơ

đáng sợ và kinh tởm, mà bọn họ không hay. Nhưng chú Georg tôi thì đã sớm nhận ra đi ều đó. Chú không muốn dính dáng gì tới đồng tài sản ấy. Chú chỉ chờ một thời cơ, có lẽ là một khoảnh khắc thích hợp nào đấy, để dứt mình ra khỏi đồng tài sản ở Wolfsegg. Bọn họ, theo tôi biết, khuyên chú đừng tách khoản chú được thừa kế ra khỏi Wolfsegg, thay vào đó chú chỉ nên bằng lòng nhận một khoản lương hưu đảm bảo đến cuối đời. Đầu óc tỉnh táo của chú đã giúp chú không mắc vào sai lầm ngu ngốc ấy. Đối với người thân trong gia đình, những kẻ như trong gia đình tôi, nếu cần, chính lại là những kẻ nhẫn tâm bậc nhất. Họ không chùn tay trước bất kỳ thủ đoạn đê tiện nào. Khoác bên ngoài tấm áo choàng của Cơ đốc giáo, của lòng cao thượng và tương thân tương ái xã hội, nhưng bên trong, bọn họ chỉ là một lũ tham lam không hơn không kém, và, như người ta vẫn bảo, sẵn sàng đạp lên xác chết mà đi. Chú Georg, ngay từ đầu, đã không khớp với các mưu toan của họ. Đứng ra thì bọn họ sợ chú, vì chú nhìn thấu ruột thấu gan họ từ rất sớm. Hồi còn bé chú đã bắt quả tang bọn họ trong nhiều trò bẩn thỉu và, chẳng hề sợ hãi, chỉ rõ cho bọn họ thấy cái đáng ghê tởm của những trò như thế và bao giờ cũng mạnh dạn lên án những trò bẩn thỉu đó. Người ta vẫn bảo, có lẽ, vì thế mà chú từng là *đứa trẻ đáng sợ nhất ở đất Wolfsegg*, vốn sáng suốt ngay từ đầu, chú đã sớm bị đ ồng thời là thích làm người nhà b ế mặt. Khi mới chỉ là đứa bé con, chú đã rình để bắt quả tang bọn họ làm những trò hạ đ ẳng nhất. Tôi nghe người ta bảo, ở Wolfsegg chẳng có đứa trẻ nào hỏi vặn hỏi vẹo nhiều như chú, không đứa nào nằng nặc đòi trả lời cho bằng được như chú. Người trong nhà rất hay đe tôi, rằng về sau tôi sẽ như chú Georg. Cứ như thế họ đang nhắc đến một người đáng sợ nhất trên đời, lúc nào họ cũng có thể dẫn mặt tôi bằng câu: *rồi mà sẽ như chú Georg mà cho mà xem*. Nhưng nào có ích gì khi họ lấy chú Georg ra dọa tôi; bởi ngay từ đầu, ở Wolfsegg tôi chẳng yêu quý ai bằng chú Georg. Chú Georg mà là con quái vật! - bọn họ hay nói vậy! Chú Georg mà là thằng ăn bám! Chú Georg mà là mối nhục của chúng tao! Chú Georg mà là thằng tội phạm! Bọn họ luôn luôn có sẵn một lô một lốc những danh hiệu kinh khủng như thế để úp lên đầu chú Georg, nhưng chúng chẳng tác động được đến tôi như họ mong muốn. Cứ vài năm chú lại ở Cannes về thăm chúng tôi vài ngày, đôi khi cũng được vài tuần. Đó là những lúc tôi hạnh phúc nhất đời. Những lúc chú Georg về Wolfsegg là



những lúc sung sướng nhất của tôi. Bồng dung, ở Wolfsegg có gì đó trở nên khác với mọi ngày. Như có thêm không khí đô thị vậy. Mấy cái thư viện bồng dung được thông thoáng, sách vở được chuyển đi chuyển lại, còn các phòng ốc, trước đó vốn chỉ như những hang động tối tăm, lạnh lẽo và im lặng như tờ, bồng chan hòa tiếng nhạc. Những căn phòng vẫn thường thấy ghê ghê bồng trở nên thoải mái, ấm cúng lạ thường. Những giọng nói ở Wolfsegg, thường ngày nghe vẫn thấy hoặc thô lỗ, sỗ sàng hoặc bị kìm nén, giờ tự dưng nghe thấy tự nhiên làm sao. Mọi người được phép cười, được phép nói với tông giọng bình thường, chứ không như mọi ngày, chỉ khi nào sai bảo người làm mới được lên giọng. Chú Georg vẫn mắng bố mẹ tôi, tại sao khi có mặt người làm, anh chị cứ phải nói tiếng Pháp với nhau? Thật lố bịch. Nghe chú nói như thế, tôi sướng lắm. Sao trời đẹp thế này mà anh chị không mở cửa sổ ra? Mọi khi, nhất là vào những năm về sau, lúc nào bên bàn ăn vốn chỉ đọc chuyện lợn, chuyện bò, chuyện giá thuê xe chở gỗ hoặc mượn nhà kho rẻ hay đất, bây giờ bồng dung nghe thấy những chuyện về Tolstoy, Paris hay New York, chuyện Napoleon, chuyện Alfons Thứ Mười ba hay chuyện Meneghini, Callas, Voltaire, Rousseau, Pascal, Diderot. Chị xem thế nào chứ tôi chẳng nhìn rõ mình đang ăn cái gì nữa, chú nói chẳng chút ngưng ngừng, khiến mẹ tôi phải bật dậy mở mấy cánh cửa chớp ra. Chị mở toang ra đi thì tôi mới thấy món xúp tôi ăn là xúp gì, chú Georg lại bảo mẹ tôi thế. Chú lại hỏi, làm sao anh chị cứ chui nhủi mãi trong cảnh tranh tối tranh sáng thế này chứ? Anh chị cứ như sống trong viện bảo tàng vậy! Mọi thứ trông cứ như cả năm chẳng ai đụng đến. Bộ đồ sứ đẹp thế kia để làm gì nếu anh chị không dùng đến? Còn bộ dao nĩa bạc kia nữa? Tôi một lòng khâm phục chú Georg. Có mặt chú một cái, là nổi buồn chán cố hữu sẽ tan biến ngay. Bên bàn ăn, chú không bao giờ ngẩng đầu nhìn ai như mọi người, chú thường xuyên quay từ người này sang người khác, hỏi han, giảng giải hay khen ngợi chuyện gì đó. Chị nên mặc đồ màu xanh dương, chú nói với mẹ tôi thế, màu xám không hợp với chị. Trông cứ như chị đang để tang, trong khi ông cụ đã mất mười lăm năm rồi còn gì. Anh này, chú nói với bố tôi, sao trông anh cứ như *người làm thuê* ấy. Nghe vậy tôi phải bật cười. Nếu có món ăn nào được bung ra - mọi khi quy trình này vẫn diễn ra trong im lặng gần như tuyệt đối - thì nay chú lại nói đùa vui với mấy chị hầu bàn,

thường là cảnh tượng mẹ tôi không chịu được. Không để ý đến sự có mặt của mấy chị hầu bàn, chú bảo, chẳng bao lâu nữa đâu, sẽ chẳng còn ai đến làm hầu bàn cho anh chị. Thì anh chị mới hoạt bát lên được. Đang có hơi hướng cách mạng đấy, chú bảo vậy. Tôi đánh hơi thấy sẽ sắp có chuyện gì đó xảy ra, để mọi thứ lại có thêm chút sức sống. Nghe những câu như thế, bố tôi chỉ lắc đầu. Còn mẹ tôi thì cứ nhìn trân trân vào mặt chú, như thể bà chẳng muốn giấu giếm rằng bà không ưa chú đến mức nào. Tại các nước vùng Địa Trung Hải, mọi thứ đều khác hẳn, chú bảo vậy, chứ không giải thích gì thêm. Tôi, hồi bấy giờ khoảng mười bảy, mười tám tuổi gì đó, muốn biết xem cái gì ở những nước vùng Địa Trung Hải kia khác với ở vùng Trung Âu của ta, thì chú bảo, sau này, bao giờ tôi tự mò đến thăm những nơi đó, chú sẽ chỉ cho biết. Chú bảo, cuộc sống vùng Địa Trung Hải đáng sống gấp trăm lần cuộc sống ở đây. Tất nhiên tôi rất khao khát muốn biết xem tại sao. Dân Trung Âu nhà mình không phải người, cứ như búp bê cả một lượt, mọi thứ đều căng thẳng, cứng nhắc, lỗ lã đến cực độ, chú Georg bảo vậy, đến đi lại cũng chẳng tự nhiên, ai nấy đều lên gân lên guốc, thành ra lỗ lã. Và chịu không nổi. Y hết tiếng nói của họ, là thứ đáng khó chịu nhất. Chú bảo, tiếng Đức chính là thứ tiếng không thể chịu được nhất. Lúc chú ấy nói đến *các nước vùng Địa Trung Hải*, tôi rất khoái. Quay lại đây, chú nói, chú bị choáng. Bảo rằng những đi đâu chú nói ra đấy làm người nghe ăn mất hết cả ngon, chú cũng chẳng may may lấy làm ngượng nghịu. Ối giời, chú kêu lên, lại còn các món ăn tởm lợm nữa chứ! Ăn uống ở Đức, ở Áo, và ở cả cái vùng gọi là Thụy Sĩ nói tiếng Đức kia nữa, không phải là ăn mà là đớp, là ngốn thì đúng hơn! Khen các món ăn Áo ngon thì thực trắng trợn không hơn không kém. Một vụ cưỡng bức dạ dày và toàn bộ cơ thể con nhà người ta thì đúng hơn. Về đến Cannes, bao giờ tôi cũng phải mất hàng tuần mới gột rửa hết các món ăn Áo khỏi ruột gan, bao tử. Hơn nữa, đất nước gì lại không có lấy chút bờ biển ấy! Chú chỉ thốt lên vậy, không nói gì thêm. Mỗi khi phải uống một ngụm rượu vang, tôi lại thấy chú nhăn nhăn mũi. Nếu tôi để ý không sai, thì đến nước khoáng ở Áo, vốn vẫn được xem là rất tốt, chú cũng chê, nhưng không bình phẩm. Hồi ấy, tôi đã nghĩ, phải về thăm Wolfsegg, chắc chú chán đến cùng cực, bởi vì, ở đấy chẳng bao giờ chú khơi được một buổi chuyện trò hào hứng - là thứ mà chú thích thú nhất. Thỉnh thoảng, nhất là vào những ngày mới

về, chú cũng thử, làm như vô tình, tung ra một cái tên như Goethe chẳng hạn, ra giữa bàn ăn; nhưng bọn họ không có lấy một chút hiểu biết nào để góp chuyện. Ấy là chưa nói đến Voltaire, Pascal, Sartre. Và, bởi không góp được chuyện với chú, họ sinh ra tăm tức, hậm hực; tăm tức, hậm hực dần tích ngày này qua ngày khác, để đến những ngày trước khi chú về, bao giờ cũng biến thành nỗi căm ghét ra mặt. Họ thường nói gần nói xa là họ phải làm việc nặng nhọc, trong khi chú chỉ ngồi chơi xơi nước, chẳng làm gì, và biến cái sự ngồi chơi xơi nước ấy thành nếp sống hàng ngày, và có vẻ, thành lẽ sống cả đời. Cháu biết không, có lần chú bảo tôi, chú về thăm Wolfsegg, đâu phải để thăm gia đình, mà cốt chỉ thăm lại căn nhà và cảnh vật thời niên thiếu. Rồi ngừng một lát, chú nói tiếp, và cũng là để thăm cháu nữa. Trong di chúc của chú, chú dặn - trái với mong đợi của đám họ hàng - không chôn chú ở Wolfsegg, mà ở Cannes. Chú ước mong được chôn bên bờ biển. Đóng bộ lông lầy, song hết sức quê kệch, đám họ hàng hốt hải kéo nhau đến Cannes dự tang lễ chú, lòng chắc hẳn sẽ nhận đóng tài sản kếch sù chú để lại. Nào ngờ, như tôi hé lộ lúc đầu, họ phải chứng kiến và mang về nhà - như mẹ tôi cứ day đi day lại mãi - *nỗi thất vọng lớn nhất trong đời họ*. Ông Jean tốt bụng, con của cặp vợ chồng dân chài nghèo khổ ở Marseille, đã nhận thừa kế của chú hơn hai mươi hai triệu Schilling ở dạng cổ phần chứng khoán, cộng thêm các bất động sản khác đáng giá còn gấp đôi như thế. Bộ sưu tập tranh, chú Georg tôi để lại cho các bảo tàng ở Cannes và Nice. Trên tấm mộ chí ông Jean tốt bụng sau này thuê đặt lên mộ chú, phía dưới họ tên, chỉ khắc thêm đọc một dòng: *người đàn ông đã ra đi đúng lúc, bỏ lại sau mình một bầu man di mọi rợ*. Ông Jean đã làm đúng y lời chú Georg dặn. Khoảng một năm trước đây, thấy bảo lúc bố mẹ tôi trên đường sang Tây Ban Nha tạt vào ghé thăm mộ chú, ông bà đã nổi xung nổi đóa đến mức, bà mẹ tôi sau đó buông lời thề độc, suốt đời không bao giờ ghé thăm mộ chú Georg nữa; bà mẹ tôi cho dòng văn bia kia là nỗi ô nhục kinh khủng nhất đời, và trở lại Wolfsegg lần ấy, thấy bảo bà cứ nhai đi nhai lại mãi những lời độc địa nguy hiểm rửa cái tội tày đình ấy của thằng em chồng, tức là chú Georg của tôi. Tôi đã cùng với chú Georg đi những chuyến dạo chơi xa và thú vị quanh vùng Wolfsegg; tôi với chú đi tới tận Ried ở Innkreis, lần khác lại ngược hướng về Gmunden. Bao giờ chú cũng dành thời gian cho tôi. Chính nhờ chú mà tôi được biết trên

đời còn nhiều thứ khác hơn là bò, là bê, là người hời, cùng những ngày lễ buộc phải nghỉ làm theo luật định. Cũng chính nhờ chú, tôi không những học được cách viết, cách đọc, mà còn thật sự học được cách phải biết suy nghĩ và tưởng tượng ra sao. Cũng nhờ công của chú, cho nên tôi, mặc dù coi trọng tiền bạc, nhưng cũng không hề coi tiền bạc là tối cao, và nhờ chú mà tôi, khác với bố mẹ tôi, không những chỉ biết coi đám nhân quần sống ngoài Wolfsegg là một thứ đối thủ tồi tệ cần phải có ở đời, mà còn biết coi họ như một thách thức, một thách thức mà suốt đời tôi, tôi sẽ phải đối chọi như đối chọi với một con quái vật dữ dội nhất, nhưng cũng làm tôi đắm say. Chú Georg đã đưa tôi vào thế giới bí mật của âm nhạc và văn học, cho tôi làm quen với những nhạc sĩ, nhà thơ bằng da bằng thịt, chứ không phải ở dạng những bức tượng to nhỏ bằng thạch cao, hàng năm phải lau chùi bụi bặm đôi ba lần. Nhờ ơn chú mà tôi biết đọc những cuốn sách dường như đã bị đóng gập lại mãi mãi trong các thư viện gia đình tôi và, từ đó cho đến tận ngày nay, tôi vẫn không ngừng đọc, để rồi cuộc, học được cả cách triết lý ở đời; nhờ ơn chú Georg, tôi không bị cuốn vào guồng cối xay sinh tiền đẻ của ở Wolfsegg, để thật sự trở thành một kẻ có thể xem là tự do. Tôi không chỉ đi những chuyến đi vớ vẩn, gọi là để mở mang đầu óc, mà bố mẹ tôi vẫn đi, và lúc đầu cũng thường kéo tôi theo, chẳng hạn, sang Ý, sang Đức, Hà Lan hay Tây Ban Nha, mà nhờ ơn chú Georg, tôi còn vỡ lẽ ra nghệ thuật đi du lịch là thứ thú vui tuyệt nhất ở đời mà tôi vẫn gắng hưởng cho đến tận ngày nay. Nhờ chú Georg, tôi được thăm những thành phố không phải các thành phố chết, mà là thành phố sống động, được làm quen không phải các dân tộc chết, mà là các dân tộc sống động, được đọc không phải các nhà văn, nhà thơ chết, mà là những nhà văn, nhà thơ sống, được nghe không phải thứ âm nhạc chết, mà là âm nhạc sống, được ngắm nhìn không phải những bức họa chết, mà là những bức họa sống. Chú, chứ chẳng ai khác, không găm tên tuổi các nhân lịch sử vĩ đại vào mặt phía trong của vỏ não tôi, như găm vài bức tranh nhạt nhẽo ghi lại đôi câu chuyện lịch sử cũng nhạt nhẽo không kém lên tường, mà chú đã biến những nhân vật ấy thành những diễn viên sinh động trên sân khấu sinh động của chính họ. Trong khi ngày này qua ngày khác bố mẹ tôi chỉ vẽ cho tôi đọc một thế giới buồn chán, một thế giới trước sau sẽ làm tê liệt đầu óc, và xét cho cùng, chẳng đáng để sống chút nào, thì ngược lại, chú Georg

lại mở chính thế giới ấy ra trước mắt tôi thành một thế giới thú vị, và sẽ thú vị mãi mãi. Thành ra, từ khi còn rất bé, bao giờ tôi cũng có hai thế giới để lựa chọn, một thế giới của bố mẹ tôi mà lúc nào tôi cũng thấy buồn tẻ, nặng nề chứ chả có gì hơn, và một thế giới của chú Georg, trong đó dường như chỉ đọc các cuộc phiêu lưu phi thường mà thôi, trong đó cuộc sống không bao giờ buồn chán và con người ta sẽ thật sự luôn luôn ham muốn sống mãi, và cũng là lẽ tự nhiên, để mong rằng trong thế giới đó, lòng ham sống đó sẽ chẳng bao giờ nguôi, một điếu tự khắc dẫn đến hệ quả là: tôi muốn được sống mãi mãi ở trong thế giới đó, cũng có nghĩa là sống vĩnh viễn. Bố mẹ tôi, nói cho đơn giản, ở đời mọi sự ra sao, đều chấp nhận và cam chịu như thế, còn chú Georg tôi lại chẳng bao giờ chấp nhận hay cam chịu chuyện gì. Bố mẹ tôi từ lúc sinh ra đã chỉ biết cung cúc sống theo các luật lệ do các bậc tiền bối đã vạch sẵn cho hai vị và trong đầu hai vị không bao giờ dám nảy ra ý định tự lập ra các luật lệ mới và sống theo các luật lệ tự mình lập ra ấy; còn chú Georg tôi, chú lại chỉ sống theo các luật lệ riêng, do chính chú lập ra cho mình. Và các luật lệ do chính mình lập ra ấy, lúc nào chú cũng có thể đạp đổ ngay. Hai cụ nhà tôi bao giờ cũng chỉ dám bước trên lối đi được vạch sẵn và không bao giờ, dù chỉ trong một giây khắc ngắn ngủi, dám rời khỏi lối đi đó; còn chú Georg, chú chỉ riêng đường chú, chú đi. Có thể kể thêm ở đây một chuyện, để cho thấy rõ bố mẹ tôi trái ngược với chú Georg đến mức nào: hai ông bà ghét cay ghét đắng cái gọi là sự ng ỡ không, không làm gì, bởi hai vị không bao giờ có thể hình dung được rằng, một con người có đầu óc tinh thần không hề biết sự ng ỡ không là gì, cũng như hai vị không đủ trí khôn để hiểu rằng, lúc một người trí tuệ chìm đắm say sưa trong cái sự gọi là ng ỡ không ấy, chính là lúc đầu óc anh ta đang ở trạng thái căng thẳng và phấn khích cực độ, bởi vì, thật ra, hai vị chẳng biết làm gì khi thật sự ng ỡ không, bởi vì lúc họ ng ỡ không, trong đầu họ chẳng hề nảy ra bất kỳ một ý nghĩ nào hết, bởi vì thật ra, nào họ có bao giờ nghĩ ngợi, nói gì đến khả năng ng ỡ yên cho trí óc vận động. Với một người có đầu óc để tư duy, không thể xảy ra cái gọi là sự ng ỡ không đó. Nhưng với bố mẹ tôi, sự ng ỡ không lại chính là ng ỡ không thật sự, không làm gì thật sự, bởi khi không làm gì cả như thế, trong đầu họ hoàn toàn trống rỗng. Người có đầu óc tư duy thì hoàn toàn ngược lại, khi anh ta tưởng như ng ỡ không, không làm gì cả, lại là lúc anh ta hoạt động

tích cực nhất. Thế nhưng, cả bố mẹ tôi, lẫn đống bà con họ hàng nhà tôi, đều là hạng ng ời không là ng ời không thật sự, thì họ làm sao hiểu nổi đi ầu đó. Song, khổ một nỗi, họ vẫn có một ý niệm mơ hồ về kiểu cách ng ời không của chú Georg, và bởi vì họ mơ hồ như thế, nên họ căm ghét chú. Họ căm ghét chú, bởi họ có linh tính rằng cái sự ng ời không của chú, nó khác họ, thậm chí trái ngược lối ng ời không của bọn họ, nên không những có thể sẽ nguy hiểm, mà sẽ còn mỗi lúc một nguy hiểm hơn cho họ nữa. Đối với những kẻ chỉ hiểu sự ng ời không đúng thực là ng ời không, và thật sự không làm gì cả, vì khi ng ời không, chúng hoàn toàn không nghĩ ngợi gì cả, thì người ng ời không có đầu óc tư duy chính là mối đe dọa và cũng là những người nguy hiểm nhất. Bọn họ căm ghét chú, bởi dĩ nhiên họ không thể coi thường chú được. Thiên hạ vẫn kháo nhau chuyện, dạo mới lên bốn, chú từng một mình cuốc bộ, vượt những chín cây số đường dài đến tận làng Haag, rồi thản nhiên bảo với đám dân làng lạ hoắc ở đấy, rằng chú từ Wolfsegg đến và không có ý định quay lại Wolfsegg nữa. Dân Haag, tất nhiên, đã vô cùng lãnh ngạc, và không biết xử trí ra sao, bèn đưa thằng bé Georg bưng bình quá sức tưởng tượng đó trả về cho bố mẹ ở Wolfsegg. Từ đấy, cả bố mẹ thằng nhỏ lẫn đám gia nhân được cất cử canh chừng nó, hầu như lúc nào cũng phải xích nó lại, chả khác xích chó con là mấy, để nó khỏi chuồn mất. Ngay từ thuở ấu thơ, chú đã khẳng khẳng một mực, chú sẽ lưu lại Wolfsegg đủ mức cần thiết rồi thôi, về sau này ở Cannes, có lần chú bảo tôi, hồi ấy, đương nhiên chú chỉ chờ đến lúc thuận tiện để thoát khỏi Wolfsegg mà không hề hấn gì, có nghĩa là lúc nào chú thấy đã thu lượm đủ mọi thứ cần thiết cho cuộc đời hoàn toàn tự do là được. Wolfsegg thật ra rất tuyệt, chú bảo tôi, nhưng nhà mình đã biến nó thành nơi chú không sao chịu nổi nữa. Ông anh chú, tức là bố cháu đấy, có lần chú bảo tôi, là người yếu đuối. Thật ra, ông ấy cũng là người đáng mến thôi, nhưng chú chịu không nổi. Còn mẹ cháu, chị dâu chú, lại là con mẹ hết sức tham lam; lấy bố cháu chỉ do tính toán cầu lợi mà lấy thôi. Bà ấy xuất thân đúng ra là từ tay trắng. Thấy bảo hồi xưa bà ấy có nhan sắc lắm, nhưng bây giờ còn thấy gì nữa đâu. Bố của cháu, đúng ra, không phải phường hám tiền, ham của. Phải vào tay mẹ cháu, bà ấy mới khơi lòng tham đê tiện của ông ấy lên. Nhưng, từ trước khi bố mẹ cháu quen nhau, chú đã chẳng chơi thân được với bố cháu rồi. Hai anh em đối nghịch nhau trong mọi

chuyện. Bố cháu tốt tính, thì rõ rồi, đến giờ vẫn tốt tính thế, nhưng chú nói cháu đừng giận, bố cháu đần độn lắm. Mẹ cháu nắm chắc ông ấy trong lòng bàn tay. Thế mà, hồi đi học bao giờ bố cháu cũng giỏi hơn chú đấy. Mọi thứ ông ấy làm đều tuyệt vời. Bài làm bố cháu nộp bao giờ cũng nhất. Mọi người quý bố cháu, chẳng ai quý chú. Điểm của bố cháu bao giờ cũng cao hơn chú. Thế nhưng, mặc dù bố cháu với chú quần áo giống nhau, chú trông bao giờ cũng sang trọng hơn. Chẳng hiểu tại sao. Nhưng chú chỉ nói vậy với cháu, vì nói thật, lúc nào chú cũng thương bố cháu, là ông anh chú đấy. Chú Georg bảo tôi thế. Mà đúng thật, lúc chú lần cuối cùng đến Rome, chú chỉ nói mỗi một chuyện là chú đã yêu quý ông anh chú hơn bất kỳ ai trên đời này, vâng, có lẽ sẽ vẫn còn yêu quý mãi như thế, nếu con mụ đàn bà kia, tức là mẹ cháu, chú nói, không tự dưng xuất hiện. Một mụ đàn bà xuất hiện, tìm cách lấy bằng được một thằng đàn ông làm chồng - dù gã có đần độn ý hay không đần độn ý cũng mặc - rồi làm mai một đần các đức tính tốt của hắn, rồi cuộc hủy hoại đời hắn, hoặc biến hắn thành con rối cho mụ giật dây. Mẹ cháu đã biến bố cháu thành con rối như thế. Lạy Chúa, chú Georg đã thốt lên như vậy, giá bố cháu gặp người đàn bà nào khác, thì có phải bây giờ bố cháu đã thành người khác thế này rồi không! Chú bảo, chú không biết còn ai trên đời mù văn hóa như mẹ tôi. Bà ấy đi nghe nhạc kịch, nhưng nào có tí hiểu biết gì về âm nhạc đâu. Bà ta ngắm một bức tranh mà không hiểu tí gì về hội họa. Bà ta bịa, bảo rằng đã đọc sách này sách nọ, nhưng thật ra chưa đọc quyển nào. Ấy thế, nhưng cứ ngõ vào bàn ăn là ba hoa, chú tôi bảo, bắt mọi người ngõ quanh phải nghe những chuyện hết sức vớ vẩn. Lẽ ra thì bà ấy phải biết làm cách nào để tìên tự nó sinh sôi mới đúng, chứ không phải bằng cái cách ngu si và bệnh hoạn bà ấy làm, cái cách sau này cả bố cháu cũng nhắm mắt làm theo ấy. Nói như thế là chú Georg muốn nhắc đến nghệ thuật làm ra tìên và không ngừng bắt tìên sinh sôi nảy nở của chú. Thật khó mà tin được là cả hai anh em, bố cháu với chú, đều cùng một lò mà ra cả. Đầu óc chú lúc nào cũng đầy các ý tưởng, bố cháu chẳng bao giờ có gì trong đầu. Chú đi đây đi đó, bởi chú ham đi đây đi đó, bố cháu lại không hề có chút nhu cầu đi đâu bao giờ; nếu có đi, thì cũng chỉ vì thiên hạ đi thì mình cũng đi, theo những chương trình đần độn do kẻ khác, những kẻ tởm lợm lúc nào cũng tự xưng là người am hiểu nghệ thuật lập ra ấy. Họ bảo bố cháu, anh phải đến Rome thăm nhà nguyên

Sistine, thế là bố cháu lên tàu đến Rome, chui vào thăm nhà nguyện Sistine cho bằng được. Bọn họ bảo bố cháu, ông phải xem bức họa của Giorgione, trưng bày ở Accademia, gọi là bức *La Tempesta*, thì bố cháu nhảy tàu đi Venezia xem bức *La Tempesta* của Giorgione. Chúng nó bảo bố cháu, ông phải đến Verona thăm mộ Romeo và Juliet thì bố cháu đến đấy thăm mộ hai người. Bọn nó bảo ông phải thăm Acropolis thì bố cháu đến Athens thăm Acropolis. Bọn nó bảo, ông phải xem Rembrandt, phải xem Vermeer, ông phải thăm nhà thờ Strafiburg, phải thăm nhà thờ chính tòa Metz. Thì bố cháu đi, bố cháu xem, đi xem hết những gì cái bọn gọi là sành sỏi nghệ thuật kia của bố cháu mách bảo. Mà cái bọn mách bố cháu đi xem những thứ đó là bọn đáng kính tởm làm sao chứ, chú Georg rên lên - cái bọn mang đầu óc tiểu tư sản đáng sợ, đeo danh hiệu giáo sư ấy, bọn người lân la làm quen với bố cháu chỉ cốt một mục đích duy nhất là được trọ không dăm ba bữa ở Wolfsegg tuyệt vời của nhà mình mà thôi. Cái đám toàn những hình hài đáng ghê tởm bố cháu vẫn mời ở Wien về ấy, những là giáo sư đại học với chuyên gia lịch sử nghệ thuật vân vân... ấy! Bởi bố cháu cứ tưởng bọn chúng là những người am tường văn hóa thật. Cái bọn đề tiên, cái bọn cứ cuối tu ần lại từ Salzburg với Linz kéo nhau mang theo cái mùi hôi ghê tởm của chúng về đầu độc Wolfsegg ấy, cái bọn gọi là triết gia, học giả hay luật gia ấy, tất cả bọn chúng đều chỉ lăm le lợi dụng bố cháu mà thôi. Chúng kéo nhau cả lô cả lốc những vợ chồng con cái lên nhà mình, đánh chén ứ ứ suốt hai ngày cuối tu ần, để rồi bên bàn ăn, chỉ phun toàn những thứ khoa học giả hiệu vớ vẩn nhất đời ra nữa thôi. Lại còn đám thầy thuốc tởm lợm bố cháu cứ lôi từ Vöcklabruck hay Weis về nhà nữa chứ. Bọn chúng chỉ làm bố cháu ngu muội thêm. Nghe chúng nó tán, bố cháu cứ tưởng chức danh hàn lâm cao thì khả năng tư duy cũng chắc chắn cao. Bố cháu hoàn toàn nhầm. Phần chú, suốt đời chú căm ghét tất cả các chức danh lẫn những ai mang các chức danh kiểu đó. Bởi đối với chú, chúng đáng ghét hơn bất kỳ thứ gì khác. Hừ, chỉ cần nghe đến cái danh: *Giáo sư đại học!* là chú đã thấy ghê hết cả người rồi. Bởi một chức danh như thế, gần như bao giờ cũng là bằng chứng hiển nhiên cho một kẻ đần độn ở tận hết sức đặc biệt. Chức danh kiểu đó, nghe càng oai bao nhiêu thì kẻ mang chức danh càng đần độn bấy nhiêu. Lại thêm bà vợ ông ấy, tức mẹ cháu đấy, nữa chứ! Bà ta vốn đã xuất thân từ một xứ sở trí tuệ luôn luôn bị chà đạp rồi.



Qua mấy chục năm bà ta bắt được bố cháu làm ch ồng, bà ta còn hoàn thiện nghệ thuật chà đạp trí tuệ đó thêm nhiều lần. Song, nói của đáng tội, bố cháu chưa bao giờ biết suy nghĩ độc lập cả, hay nói cho đúng hơn, bố cháu cũng không đủ sức để suy nghĩ độc lập nữa kia. Bố cháu chỉ biết ngưỡng mộ kẻ khác, những kẻ bố cháu tưởng họ biết nghĩ và để những kẻ đó nghĩ thay cho mình. Do đó bố cháu, tất nhiên, mỗi ngày một thêm ỷ lại. Song, một cuộc sống ỷ lại kiểu như thế không lảng lạng trôi qua mà chẳng để lại dấu vết gì. Đầu óc bố cháu, vì ỷ lại, nên không mở mang thêm chút nào. Chú Georg bảo tôi, đáng tiếc là chú phải nói thẳng rằng bố cháu là kẻ hết sức ngu si đần độn. Và, một người đàn bà bao giờ cũng tinh quái như mẹ cháu, lại rất cần một kẻ hết sức ngu si đần độn như bố cháu. Cho nên, rốt cuộc, bố mẹ cháu rất đẹp đôi. Tôi vẫn còn nghe rất rõ những lời chú nói; trong một kỳ nghỉ, lúc hai chú cháu ng ồi ở Piazza del Popolo; chiều tối hôm ấy, chú Georg đâm lảm nhảm hơn mọi khi, vì hoàn toàn trái với lệ thường, ngay từ chiều chú đã uống khá nhiều vang trắng. Chính vì chú bao giờ cũng rất thương bố cháu, ông anh chú đấy, cho đến giờ vẫn thương, cháu phải biết vậy, cho nên chú mới dám nói như thế về bố cháu. Chú bao giờ cũng cầu mong cho bố cháu kiếm được một mẹ đàn bà khác với mẹ cháu, nhưng nói gì thì nói - chú bỗng ngừng, nhìn tôi kinh hãi trong giây lát, rồi mới tiếp - bà ấy cũng là mẹ cháu. Đoạn, chú trầm ngâm, biết đâu cháu không nên than với chú thế này. Ai biết được, có khi không có chú, cháu lại sướng hơn cũng nên. Đáp lại, tôi chỉ làu bàu, *không phải đâu*. Chú thường ở Hotel de la Ville, khách sạn chú ưa nhất, nằm ngay kề Bạc thang Tây Ban Nha; từ đó chỉ vài bước là đến quán café Greco. Năm nào chú cũng đến Rome ít nhất một lần; lần nào đến chú cũng bảo, Cannes làm chú điên đầu nên chú bỏ đi. Thì ra mỗi năm Cannes làm chú điên đầu một lần. Chú thường nói, chú không thích Paris, Rome thì bao giờ chú cũng thích. Cũng bởi vì chú biết cháu ở Rome. Chú bảo, thành phố nào mình yêu thích, thì bao giờ mình cũng có một người mình yêu quý ở đấy. Chỉ tiếc Rome bây giờ ồn quá. Thế nhưng, bây giờ thành phố nào chả ồn. Mặc dù không hề thấy chú đâu trên tấm ảnh chụp Amalia và Caecilia hai đứa em gái tôi trước biệt thự của chú, nhưng lúc nhìn tấm ảnh, tôi ít nhiều lại chỉ nghĩ đến chú ấy. Chỉ để tâm đến chú. Chỉ để tâm đến chú, hòng nhờ thế mà không phải nghĩ đến bức điện tín từ Wolfsegg kia, bức điện tín mà mức

độ kinh khủng của nó tôi vẫn chưa thể hình dung hết được ấy. Bố mẹ tôi chết, chết chắc chắn; ông anh Johannes tôi, cũng chết. Tôi chưa đủ sức đối đầu với sự thật đó, cũng như với các hậu quả của nó. Bởi vậy, tôi tìm cách trì hoãn. Trong những giờ phút như thế này, lẽ ra chú Georg sẽ là chỗ dựa chắc chắn nhất cho tôi. Nhưng không, tôi không còn chỗ dựa nào nữa cả. Tôi không được nghĩ gì hết, về những gì đang chờ đón tôi. Trên mặt bàn giấy, tôi xếp chồng ba tấm ảnh lên nhau, để sao cho chú Georg - mặc dù không có mặt trên tấm ảnh chụp hai con em gái tôi Ở Cannes - lên trên cùng, tức là, lên trên ảnh bố mẹ tôi, và dưới ảnh ông bà là ảnh ông anh Johannes tôi. Chỉ một nhát, bọn họ bây giờ đều chết cả rồi. Tôi tự hỏi, không biết cái gì, đã móc nối họ với nhau, và móc nối họ với tôi? Ở khách sạn Hotel de la Ville đó, trong một căn phòng đương nhiên là tốt nhất, đẹp nhất mà chú vẫn thuê của khách sạn, có lần chú bảo tôi, mặc dù buộc phải căm ghét bà con họ hàng trong gia đình, nhưng lẽ ra, chú phải yêu quý họ mới đúng. Chú dùng đúng những từ ngữ đó để nói về quan hệ giữa chú với họ hàng. Ông anh chú, tức ông bố tôi, chú vừa thương, vừa khinh thường. Bà chị dâu chú, tức bà mẹ tôi, chú ghét bà trong vai chị dâu, song, lại tôn trọng bà trên cương vị mẹ của tôi và anh Johannes. Bọn họ sẽ sống rất dai, có lần chú bảo thế, kiểu người như vậy sống rất dai, bởi vì qua năm tháng, sự đần độn của họ sẽ biến dần thành một thứ vỏ bọc, giống như áo giáp kim khí, bao lấy họ, che chắn cho họ. Họ sẽ chẳng lẫn đùng ra chết như ta đâu. Chú đã nhầm. Các căn bệnh mạn tính kinh niên bọn họ ủ trong người, thay vì rút ngắn đời bọn chúng, lại kéo dài nó ra, chú bảo vậy. Kiểu bệnh tật như thế, tuy có thể làm khó chịu thật, nhưng không hiểm nghèo, không bùng phát rồi đánh gục anh ngay đâu. Bọn người ấy không bị các hứng thú ở đời làm mòn mỏi, chúng không bao giờ hóa điên hóa cuồng bởi các mối đam mê, bởi chúng chẳng có mối đam mê nào hết. Sự bàng quan, hay rốt cuộc là sự thờ ơ, lãnh đạm đã đi đầu tiết bộ máy tiêu hóa của chúng hàng ngày, bởi vậy bọn chúng cứ thế yên thân sống thật dai, cho đến khi lú lẫn. Nói cho cùng, chẳng có gì ở đời hấp dẫn họ, cũng chẳng có gì trên đời khiến họ phải chệch bại. Bọn chẳng say mê thứ gì đến mức làm chúng tàn hơi mất sức. Khi bọn họ chợt nhận ra, trong bọn họ, chú chính là kẻ gây rắc rối, chú Georg tôi bảo vậy, thì bọn họ gạt chú ra khỏi giới của họ, mới đầu còn kín đáo, về sau thì chẳng buồn giấu giếm

nữa. Đúng ra, giá có thể thuê được kẻ nào, thậm chí với giá thật cao, để trừ khử chú thì bọn họ có lẽ cũng chẳng ngại ngần gì đâu. Tự chú, ở Wolfsegg chú đã chiếm một vai mà bọn họ không chấp nhận được; chú chính là kẻ luôn luôn chỉ ra cho họ thấy mọi sai trái của họ, chính là kẻ không bỏ sót bất cứ biểu hiện kém cỏi nào của họ, là kẻ bắt quả tang họ trong mọi chuyện thấp hèn. Cháu có biết bọn họ đã trở mắt ra như thế nào không, chú Georg kể, khi mà một hôm, chú bảo, cả nửa năm nay rồi họ không mở cửa các thư viện nhà mình, và chú đòi họ để chú vào các thư viện ấy. Cứ bao giờ chú nói đến *các thư viện nhà chúng tôi*, dân tình thường ai cũng ngạc nhiên, bởi hầu hết người ta, giỏi lắm, chỉ nói *thư viện nhà chúng tôi*, là cùng, bởi vì người ta chỉ có một thư viện, trong khi nhà mình có cả những năm cái; thế nhưng, với năm cái thư viện ấy - chú Georg bảo tôi - nhà ta lại tụt hậu một cách nhục nhã về tình thần so với nhiều nhà chỉ có một thư viện duy nhất mà thôi. Một trong những bậc cụ cụ kị kị gì đấy của nhà mình đã lập ra năm cái thư viện, mà suốt đời chú, bao giờ chú cũng lấy làm hãnh diện. Cụ chắc chắn không phải điên, không phải *cuồng sĩ*, như bọn ở Wolfsegg vẫn cần nắn, để có đủ khả năng tiến bậc lẫn sự am hiểu tuyệt vời về văn học, cộng thêm ý chí, dám dành hẳn bấy nhiêu phòng ốc trong các dinh thự nhà ta làm thư viện, chứ không để làm phòng giải trí vốn chỉ dùng vào việc gieo cấy rồi nuôi dưỡng sự ngu si đần độn mà thôi. Cho đến một hôm, chú Georg bảo tôi, chú phá cửa vào các thư viện ngủ yên im im ấy. Suốt đời họ, họ chẳng bao giờ tha thứ cho chú vì cái tội lần đó. Thế nhưng, chờ chú đi khỏi Wolfsegg, bọn họ lại cho bịt chặt cửa các thư viện suốt mấy năm liền; mãi đến khi thiên hạ kháo nhau ồn lên về các thư viện này, thì cho khỏi bẽ mặt, họ mới lại mở cho những ai hiếu kỳ đến xem. Nếu không có *chú* lôi ra dùng, thì ở Wolfsegg, chẳng có thứ đồ đạc nào được đem ra dùng cả, chú Georg kể với tôi. Chú đi thăm nhiên ngẫm lên những chiếc ghế bành cả chục năm nay không ai đặt đít ngồi lên, chú mở toang các cánh tủ hàng chục năm nay không ai mở, chú uống nước, uống rượu bằng các loại ly cốc cả chục năm nay không ai dám đụng đến. Chú đi dọc các hành lang hàng chục năm nay không ai dám đặt chân lên. Ngay từ đầu chú đã là đứa tò mò, khiến bọn họ phải lo ngại. Chú lục lọi, lần mở đóng tài liệu ghi chép, lưu trữ từ cả trăm năm nay và xếp đậy trong những chiếc hộp to tướng trên gác xép. Bọn họ biết có những chiếc thùng như thế

nằm ở đó, nhưng chẳng bao giờ để mắt tới. Bọn họ e ngại phát hiện ra những điếu không hay ho trong đó. Chú Georg nói, chú bao giờ cũng quan tâm đến mọi thứ, và cũng là chuyện tự nhiên thôi, chú quan tâm trước hết đến các mối quan hệ gia đình, đến lai lịch các mối quan hệ đó. Nhưng, không phải theo kiểu họ quan tâm, tức là chỉ làm sao xếp hàng trăm hàng ngàn trang ghi vinh quang lên trên là được; chú quan tâm đến cái tổng thể. Chú dám liêu lĩnh làm cái việc họ không bao giờ dám, là bới tận đáy, soi tận gốc, cái lai lịch kinh khủng của nhà mình. Điếu đó khiến họ chững lại chú. Rồi cuộc, *thằng Georg* biến thành một tiếng gọi làm tất cả bọn họ kinh hãi, chú tôi bảo. Bọn họ sợ *thằng nhỏ*, tức là chú đấy, sẽ làm chủ bọn họ chứ không phải ngược lại. Bố mẹ chú, tức ông bà nội cháu đấy, trời chú, bịt mồm bịt miệng chú ở Wolfsegg. Lẽ ra, ông bà ấy không bao giờ được phép làm như thế với chú. Rồi đến bố mẹ cháu, hai vị đã chẳng học bài học thất bại của bố mẹ chú, tức của ông bà cháu thì chớ, đằng này hai vị lại đối xử với cháu còn thậm tệ hơn nhiều lần nữa chứ. Nhưng nói thật, chú nói, không biết cháu sẽ lớn lên thành hạng người nào, nếu họ không cư xử với cháu, theo cái lối họ đã cư xử với cháu nhỉ? À, mà đấy là câu hỏi không cần câu trả lời, tự nó đã trả lời rồi. Nhìn cháu, nói thật tình, lúc nào chú cũng như thấy hình bóng chú hồi xưa vậy, chú Georg bảo tôi. Cháu đã chọn con đường y hệt như chú. Cháu tách khỏi bọn họ, cháu tránh con đường của bọn họ, cháu quay lưng lại với họ, cháu chọn đúng thời cơ để rời xa họ. Bọn họ đã không tha thứ cho chú thế nào, thì cũng không tha thứ cho cháu y như thế. Lạ Chúa, Cannes đối với chú thế nào, thì Rome đối với cháu như thế. Nhờ vậy, đứng từ xa, chú cháu mình có thể đối chọi với Wolfsegg. Cứ nhớ đến những buổi tối trò chuyện cứng đờ đờ của người nhà mình là chú lại thấy ớn; bất cứ đề tài nào, dù hay ho tuyệt vời đến đâu cũng vậy, vừa nêu ra đã tịt ngóm. Anh nói gì thì nói, chẳng ai hiểu. Anh muốn gọi chuyện gì thì gọi, chẳng một ai để ý. Bố cháu, ông ấy có đọc báo, thì cũng chỉ tờ *Nông nghiệp vùng Thượng Áo* mà thôi, ông ấy có đọc sách, thì cũng chỉ cuốn *sở kế toán* là hết. Rồi cũng chỉ là khỏi phí vé nghe nhạc đã trót mua bao hàng tháng, họ đánh xe đến Linz vào nhà hát, chẳng chút ngưng ngừng, xem một vở hài kịch đáng tởm, rồi ghé nghe buổi giao hưởng lồ bịch trong cái nhạc viện gọi là Brocknerhaus, nơi mà chỉ các âm thanh lạc điệu với âm lượng hết cỡ là nghe rõ ấy. Bọn người đó, tức là bố

mẹ cháu, chú bảo vậy, không những chỉ mua bao vé tháng nhà hát và nhạc giao hưởng mà thôi, họ sống cuộc đời họ cũng theo kiểu mua bao vé tháng như thế, hàng ngày họ bước vào đời họ như bước vào nhà hát, trong đó đang diễn vở hài kịch tởm lợm, và họ không hề thấy ngỡ ngàng khi bước vào đời như đi nghe một bản giao hưởng kinh khủng, trong đó chỉ toàn các âm thanh lạc điệu, và họ sống, vì họ phải sống, chứ không phải vì họ muốn sống, không phải vì cuộc sống ấy là niềm đam mê của họ đâu, không đâu, mà vì cuộc sống ấy đã được đặt trước, được bố mẹ họ thuê bao từ trước cho họ rồi mà thôi. Và, cũng như trong rạp hát, họ vỗ tay không đúng lúc, thì trong cuộc đời, họ vỗ tay không bao giờ đúng chỗ, họ hoan hô tán thưởng trong nhà hát giao hưởng hết như trong cuộc đời, đúng vào lúc không có gì đáng hoan hô tán thưởng cả, lại còn lên mặt vênh vang ngạo mạn một cách đáng ghét, trong khi lẽ ra phải thả sức cười mới phải. Và, nếu như các vở kịch bọn họ chọn để xem hay bản nhạc chọn để nghe, theo vé tháng thuê bao ấy, là các vở kịch, bản nhạc tầm tẻ và tầm thường bậc nhất, thì cuộc đời họ cũng tầm tẻ, tầm thường thậm tệ y như vậy. Song, chú bảo tôi, có lẽ đã đến lúc chú cháu mình phải mặc kệ họ làm gì thì làm, sống ra sao thì sống. Chẳng cần hệ gì đến chú cháu ta! Và lại, ai dám bảo đảm đường chú cháu mình đi là đúng? Chính chúng ta đây cũng đâu phải là những kẻ sung sướng, hạnh phúc nhất đâu - những kẻ lúc nào cũng lông nhông trên đường tìm chân lý, mà có tìm thấy đâu. Sự thật là, tất cả chúng mình, ai nấy cũng đều tìm một con đường để xích đến gần nhau, nhưng càng tìm, lại càng xa nhau ra. Các nỗ lực tìm lại gần nhau càng lớn bao nhiêu, ta lại càng xa nhau ra bấy nhiêu. Các cố gắng của ta theo hướng đó, chú nói, bao giờ cũng kết thúc cay đắng. Và bao giờ mình cũng bỏ dở cuộc tìm kiếm, vì nếu không, chính những lời trách móc lẫn nhau sẽ làm ta chết ngạt, chú nói. Sai lầm của chú cháu ta là ở chỗ, ta không bao giờ chịu bằng lòng với sự thật là Wolfsegg chẳng đáng gì đến ta nữa, đấy là *Wolfsegg của bọn họ*, chú nói, không phải *Wolfsegg của chúng ta*. Thay vì để họ yên, ta lại luôn luôn muốn dúi bằng được vào tay họ, bắt họ phải nhận một Wolfsegg, một Wolfsegg của ta, chứ không phải Wolfsegg của họ. Ta đã luôn luôn tìm cách xía vào Wolfsegg của họ, trong khi lẽ ra, ta nên để họ đi đường họ, thì tốt hơn. Họ đã trả đứt khoản đền bù cho ta, nhẽ ra ta đã gạt thì cũng phải cho xong mới đúng. Chú bảo tôi, ta chẳng có quyền gì ở

Wolfsegg nữa. Tôi ngắm nghía lũ tấm ảnh hai con em gái tôi, chụp lúc một đứa khoảng hăm hai và một đứa khoảng hăm ba gì đó. Hai gương mặt có vẻ giấu cợt của chúng mày, tôi nghĩ bụng, giờ quay lại giấu cợt chính bọn mày đây. Bọn chúng mày còn lại một thân một mình, chúng mày không đủ sức thoát khỏi Wolfsegg, về mặt giấu cợt kia vốn là thứ vũ khí duy nhất của chúng dùng để chống lại mọi thứ xung quanh, chống lại bố mẹ mà chúng không thoát khỏi nanh vuốt, song, cũng chính về mặt đó lại làm mấy gã đàn ông chúng nó muốn vợ làm ch ờng, rốt cuộc, đầu đánh bài chu ần hết. Hai đứa em gái tôi không đẹp, tôi th ần nghĩ, chưa bao giờ có thể xem là đẹp. Đã xấu, chúng nó cũng lại không thú vị nữa. Đầu óc chúng chẳng được mở mang là mấy, vẫn là hai đứa con gái quê mùa ngốc nghếch thuở nào. Chỉ có đi ầu, bây giờ đã già thêm hai chục tuổi, về mặt giấu cợt không còn nét trẻ trung nữa, bị nhi ầu nếp nhăn cay đắng làm rúm rỏ. Nói trắng ra là chúng nó quá xấu. Rất có thể Caecilia tốt bụng hơn Amalia đấy. Nhưng, thêm vào thói tham lam kế thừa của bà mẹ chúng nó, cả hai đứa, đứa nào cũng nhiễm tật nhìn đời cay đắng. Thoạt đầu, hai đứa có vẻ có chút khiếu âm nhạc, và chú Georg tôi đã toan dạy hai đứa sau này thành nhạc công - một ý định đến là tội nghiệp và chẳng bao lâu đã tắt ngóm. Hai đứa nó không đủ kiên nhẫn học, mà cũng chẳng thích thú gì âm nhạc, thành ra năng khiếu ban đầu tiêu tan dần, chỉ còn vừa đủ để giữ được hai chân dự bị cho dàn đ ờng ca nhà thờ nữa mà thôi. Đạo chúng nó mới bốn hay năm tuổi gì đó, mẹ chúng nó ấn hai đứa, mỗi đứa vào một bộ áo váy Dirndl giống hệt nhau từ họa tiết đến đường may; mặc cái thứ áo váy ấy trên người, chẳng trách chúng cứ d ần dà teo tóp. Sức khỏe cả hai đ ầu ề ợt, vốn thừa hưởng từ bà mẹ chúng nó, nhưng lại là thứ ề ợt báo trước sự trường thọ. Cả hai đứa lúc nào cũng ho húng háng. Tôi chưa bao giờ thấy chúng nó không ho. Ở Wolfsegg chúng nó ho từ trên gác đi xuống, từ dưới nhà đi lên. Song, thứ ho này không phải thứ ho đáng để tâm, không phải thứ ho chết người. Đó là thứ ho háng, nghe cứ như một thứ đam mê, như một trò tiêu khiển tuyệt vời của chúng. Dường như, trong tiếng ho ấy chứa đựng năng khiếu âm nhạc đạo nào đã tiêu tan của chúng nó. Ngay cả khi khách khứa đông người, chúng nó cũng ho. Chúng nó chẳng có gì để góp chuyện, chỉ húng háng ho suốt buổi. Mỗi đứa đeo trên cổ một sợi dây chuyền bằng bạc, kế thừa của bà nội, và mỗi khi có ai hỏi, là lại nhanh m ồm đáp, chúng tôi theo

*đạo Thiên chúa*. Một đạo, hai đũa chúng nó phải đến Bad Ischl học nấu ăn, bởi bố mẹ chúng nó ai cũng tưởng, ở đấy, chúng nó hẳn sẽ học kiểu cách nấu ăn theo lối ở cung đình. Song, ở Bad Ischl chẳng đũa nào học nấu ăn cho ra hồn, nấu thậm chí còn kém cả mẹ chúng tôi, là người mà, vào những ngày chị nấu bếp nghỉ phép về Aschau bên sông Danube, lại lòi đuôi ra là chẳng biết nấu nướng gì. Mẹ chúng tôi biết nấu mỗi món xúp khoai tây. Chỉ có đi đâu, chả ai trong chúng tôi ưa món ấy. Còn mỗi bố tôi, ít ra thì cũng như ông luôn mê mồm thề thốt, là mê món xúp khoai tây. Hai em gái tôi, như thiên hạ vẫn nói, thuộc loại ngoan ngoãn, song đi đâu đó hoàn toàn không che đậy được sự thật hai đũa chúng nó là những kẻ ranh ma tráo trở bậc nhất. Nếu đũa này có bao giờ cầm lấy một quyển sách, thì đũa kia đã lại hất đi ngay. Hai đũa chúng nó, chẳng bao giờ đũa nào một mình, lúc nào cũng cặp kè. Cách nhau một tuổi, nhưng chúng nó cứ y hệt như chị em sinh đôi. Nếu tôi có bảo, tôi từng luôn luôn yêu quý chúng nó, thì cũng không có nghĩa là tôi không bao giờ căm ghét chúng thậm tệ cả. Khi cả bốn anh em đã thành người lớn cả, thì đương nhiên, ghét nhiều hơn thương; tôi nghĩ bụng, hay đúng hơn là lòng yêu quý đã tiêu tan, chỉ còn mỗi mỗi căm nổi ghét. Dường như tôi bao giờ cũng làm hai đũa chúng nó thất vọng. Theo tôi biết, bao giờ chúng nó cũng nói xấu tôi, thằng anh trai chúng, nhất là trước mặt bố mẹ hay khách khứa. Đó là những lúc chúng nó chắc mẫm, lời chúng nói sẽ có hại cho tôi hơn cả. Còn những chuyện gì mà chúng không bịa ra để hại tôi kia chứ! Xưa nay, tôi vẫn tin chắc một đi đâu là, trong mọi hạng người, hạng người đần độn bao giờ cũng hại người khác ghê gớm hơn cả. Tôi đã từng yêu quý chúng, cũng không có nghĩa là tôi không bao giờ nguyền rủa chúng. Bà mẹ của chúng nó, ngay từ đầu, đã buộc chặt chúng nó vào chân bà, không bao giờ muốn thả ra nữa. Chúng không được đi đâu xa, không được dự vũ hội; ngay cả khi đã ngót nghét những hai chục tuổi đầu rồi, thế mà nếu có muốn đến Lambach xem *chợ phiên thứ Năm*, chúng vẫn còn phải xin phép mới được đi. Bố mẹ chỉ cho chúng nó vừa đủ một số tiền, để không thể nhảy đi đâu xa được, nếu tiền có dôi ra, thì giỏi lắm, cũng chỉ vừa để mua thêm cốc nước với miếng bánh mì nữa là hết. Giày chúng nó mang bao giờ cũng là thứ do thợ giày ở Schwanenstadt đo rồi đóng - những ông thợ xưa ời là xưa, từng thừa giày cả cho ông bà chúng tôi đến giờ. Bởi thế, giày dép chúng nó mang bao giờ

cũng cỡ lỗ sĩ, không hợp thời trang, và dần dà, theo thời gian, khiến hai đứa em gái tôi có dáng đi đến là vụng về, dáng đi lố bịch mà chúng nó, cả về sau này, khi đã có dịp sắm giày ở Wien rồi, vẫn còn giữ nguyên. Tôi chẳng nói được xem trong hai đứa, đứa nào sáng sủa hơn. Tôi không thể bảo con Caecilia có khiếu thẩm mỹ hơn con Amalia. Tôi không thể quả quyết con Amalia biết nhiều hơn con Caecilia. Giọng hai đứa giống nhau như đúc, đến mức, khó nhận được ra xem con nào trong hai con vừa ới gọi. Chính vì hai đứa chúng nó ở đâu cũng kè kè thành đôi như thế, lại có vẻ như đứa này chẳng bao giờ muốn tách khỏi đứa kia, cho nên cả hai đứa chúng nó mất bao nhiêu lâu vẫn chẳng đứa nào kiếm được cho mình thằng chồng xứng đôi. Thậm chí, tôi đã tưởng, chắc chúng nó không nuôi ý định lấy chồng là đẳng khác. Mãi đến hồi năm ngoái, con Caecilia đi chơi hồ Titisee, thuộc vùng Schwarzwald, đến trọ nhà bà cô già của chúng tôi ở đó, rồi làm quen gã chủ xưởng sản xuất nút chai rượu vang, thì tôi mới biết tôi nhầm. Nó lấy chồng, và, dĩ nhiên, phải hứng tất cả mối cảm tức em gái nó đổ lên đầu. Amalia chuyển ngay từ khu nhà chính đến ở trong khu nhà vốn dành cho thợ làm vườn. Ló mặt ra sau buổi lễ thành hôn ở nhà thờ và bữa tiệc tiếp theo được một lúc, nó biến đi đâu không rõ. Tôi biết tính nó, nên tôi cần chắc rằng sau đấy nó không bước chân ra khỏi khu nhà thợ làm vườn ấy nữa. Cho đến khi có tin về vụ tai nạn. Bởi thói đống kịch ở nó thường vẫn trội hơn ở con chị, tôi có thể mừng tượng, nó đã kêu thất thanh, hốt hoảng chạy từ khu nhà làm vườn sang khu nhà chính như thế nào. Dĩ nhiên, tôi không thể biết được mọi sự thật sự đã diễn ra ra sao. Chắc vào lúc xảy ra tai nạn, tay chồng con Caecilia vẫn đang ở Wolfsegg, bởi như tôi biết, gã định hai tuần nữa mới quay lại Schwarzwald để về Freiburg. Nói cách khác, như người ta vẫn bảo, bà cô ở Titisee đã làm môi cho vợ chồng con Caecilia. Thì cũng rất đúng kiểu con Caecilia thôi, nó nghĩ sau đám cưới nó sẽ vẫn ở lại Wolfsegg được. Có biết mẹ tôi từng thề nguyện từ lâu, rằng bà sẽ không bao giờ cho đứa con gái nào đi khỏi Wolfsegg ra ở riêng, thì mới biết mẹ tôi đã phải dẫn lòng chịu đựng đến thế nào để khuyên con gái bà theo chồng về Freiburg! Lời nguyện đó bắt nguần từ nỗi sợ bà từng canh cánh suốt đời, là nỗi sợ phải sống cô đơn. Cả hai đứa con gái đều phải ở lại Wolfsegg với bà, bởi theo tính toán của bà, nếu có mất một đứa, bà vẫn còn đứa kia, để khỏi phải sống một



thân một mình. Mẹ tôi bao giờ cũng biết tính rộng nhìn xa, nhất là tính những việc sau này sẽ dính dáng đến tương lai của chính bà. Từ lâu, bà đã trù tính, lúc nào đó bà khắc mất chồng, tức bố tôi; nhưng, *cho dù bọn con trai sau này không ở Wolfsegg nữa, ta vẫn còn hai đứa con gái*. Lối trù tính như thế còn dẫn bà đi xa hơn: *hai đứa con gái, nếu đứa này bỏ đi, ta vẫn còn đứa khác*. Bà giận con Caecilia vè tội lấy chồng lắm và trong mấy ngày đám cưới, bà cũng chẳng thèm giấu con gái bà đi đâu đó, song, do bản tính bà ranh ma - à không, phải nói cho đúng hơn là, do bản tính bà *tình* rất ranh ma - bà không để lộ ra ngoài sự hằn học và cơn giận hừng hực bà những muốn trút ngay lên đầu đứa con gái phản phúc kia, mà ngược lại, mọi nơi mọi lúc, bà luôn mồm làm như thể bà vui mừng về *mỗi tơ duyên hạnh phúc* này lắm. Bà bảo, đến giờ bà mới thực sự là người mẹ hạnh phúc. Nghe mà thấy kinh, nếu biết bà thật sự nghĩ thế nào về đám cưới con gái mình. Bà, một người vốn không bao giờ cho người lạ chụp ảnh mình, lại lôi anh con rể đến mọi góc ngách ở Wolfsegg để anh này chụp ảnh cho bà, ở những tư thế mà dưới mắt tôi, đến thật lỗ bịch, thậm chí trơ trẽn; và, còn hơn thế, mọi nơi mọi lúc, bà bá vai bá cổ con rể bà, rồi rít bắt người này người kia đang đứng gần chụp ảnh giúp bà ở tư thế bá vai bá cổ ấy. Nghệ thuật đóng kịch của bà trong đám cưới, chắc chắn, đã đạt đến cực đỉnh. Ôi, nó lại là người Schwarzwald nữa chứ! Bà mừng rỡ reo lên. Từ xưa đến giờ tôi vẫn yêu Freiburg! Mà cả hồ Titisee nữa! Sự khiếm nhã của bà thật vô bờ. Trong thâm tâm bà, bà không mong ước gì tha thiết hơn mong ước sớm đập đổ cuộc hôn nhân giữa con Caecilia với thằng chồng ít nhiều hậu đậu kia, một anh chàng có lẽ cũng chẳng rõ đầu đuôi thế nào mà mọi sự lại thế này. Bà mẹ tôi, bà có bao giờ thèm kiêng nể hay giữ ý giữ tứ đâu. Chẳng biết đâu được, tôi nghĩ bụng, có khi bà cô chúng tôi ở Titisee xui con Caecilia lấy gã chủ xưởng sản xuất nút chai rượu vang là để cho mẹ tôi một võ cũng nên. Bởi, mọi sự rõ ràng rành rành, chính cô là người mối lái cho cuộc hôn nhân quái đản này. Cô tôi chưa bao giờ chịu nổi mẹ tôi, nên bây giờ là lúc cô hân hoan lắm đây. Tôi cần chắc là, suốt mấy ngày đám cưới, trong lúc chọn dáng đứng, thế ngồi để chụp ảnh một cách trơ trẽn như thế, mẹ tôi đã tính toán rất lung trong đầu những cách bà có thể ra tay để phá hủy cuộc hôn nhân bà chẳng hề mong ước này càng sớm càng tốt. Trong đầu bà, bộ máy chuyên dùng cho việc hủy hoại đã bắt đầu chạy,

nhưng trước mắt khách khứa hai họ dự đám cưới, bà vẫn chỉ phô ra hình ảnh một bà mẹ đang quá đỗi vui mừng với cuộc hôn nhân mà thôi. Ôi, bà thốt lên, thật thương chú Georg không còn sống để tận mắt chứng kiến cảnh này! Ông bố tôi suốt mấy ngày hôm đó tỏ ra khá dửng dưng. Ông cứ làm việc của ông, loay hoay đầu đó, lúc trong trại bò sữa, khi ngoài rừng cây. Kiểu hội hè như thế vẫn làm ông ngán ngẩm, nên ông tìm cách lảng, phần vì chi tiêu vợ, phần vì vợ ông bắt ông phải lảng đi. Suốt ngày, như mọi người bảo, ông chẳng nói chẳng rằng gì. Tôi đã lấy làm lạ, không hiểu sao bố tôi bỗng già hẳn đi như thế, có vẻ thân tàn sức kiệt, chẳng còn ham hố gì thế kia. Song, cũng khó mà nói được rằng tôi thương hại ông. Tôi nghĩ bụng, mặc dù giữa tôi với các con em gái tôi từ thời nhỏ cũng chỉ thường thường, chẳng mặn mà gì cho lắm - thậm chí càng lớn càng tởm đi, nhưng nói cho cùng, đó cũng là mối quan hệ anh em bình thường. Thế nhưng, bây giờ, sau cái chết của bố mẹ và ông anh Johannes, tôi lại e ngại phải đối đầu với hai đứa chúng nó. Tôi thầm nghĩ, chúng nó sẽ gây trở ngại nhiều nhất cho mà xem. Trước hết, tôi sẽ không chịu nổi vẻ mặt mới đầu có vẻ giễu cợt, như trong tấm ảnh, rồi chuyển sang vẻ cay đắng của hai đứa chúng nó, tôi sẽ không chịu nổi lối ăn lối nói, kiểu đi kiểu đứng, cách ăn cách mặc của hai đứa chúng nó, cũng như những lời chì chiết chúng vẫn đổ lên đầu tôi vì bao nhiêu lỗi lầm chẳng có chút căn cứ nào ấy. Chúng vẫn buộc tội tôi đã bỏ Wolfsegg mà đi, vì thế mà tôi đã xúc phạm, đã làm tổn thương bố mẹ, những lời buộc tội chúng vẫn thường đổ lên đầu tôi ấy, giờ đây, sau cái chết đột ngột của ông bà, càng vô liêm sỉ bội phần. Chúng nó, tôi chắc chắn, sẽ chẳng từ lời buộc tội nào đâu, cho dù có vô lý, có ác độc đến thế nào đi nữa. Sẽ chỉ là vô ích, nếu tôi nín lòng chịu đựng hay cố tránh mặt chúng nó; chúng nó sẽ luôn luôn có mặt, để đổ lỗi cho tôi. Đổ cho tôi, thậm chí, đổ cả cho chú Georg, đầu chú đã mất từ lâu. Chúng nó sẽ tìm mọi cách để bảo tôi đã làm bố mẹ điên đầu, đã làm bố mẹ tổn thương đến cùng cực. Dù tôi nào có dính dáng gì đến những chuyện đó đâu. Ngay từ lúc bố mẹ còn sống, tôi đã luôn luôn là kẻ gây tai họa cho ông bà rồi, cũng chẳng riêng gì cho bố mẹ, mà còn gây cả các tai họa cho hai đứa chúng nó nữa kia. Theo cách chúng nó nghĩ, bởi tôi bỏ đi khỏi Wolfsegg, bởi tôi quay lưng lại với Wolfsegg, cho nên chúng nó mới bị trói chân, buộc cẳng ở Wolfsegg, nên chúng bị héo hon ở Wolfsegg, nên chúng không được mở

mang, không được lấy ch ồng, vân vân và vân vân. Chính lỗi tại tôi, nên bầu không khí ở Wolfsegg hai chục năm trở lại đây - đúng từ lúc tôi bỏ Wolfsegg ra đi, rồi chuyển về Rome - trở nên tăm tối kinh khủng. Lỗi tại tôi, nên cả bố lẫn anh Johannes lâm bệnh, nên mẹ vốn đã bị đau nửa đầu kinh niên, lại chuốc thêm bệnh dạ dày lẫn đau thận. Tại tôi, nên sức khỏe chúng nó t ồi tệ hẳn đi. Tại tôi, nên ở Wolfsegg chẳng được sửa sang gì nữa cả. Ngay cả công việc sửa sang mái nhà hoàn toàn bị bỏ b ể suốt hai chục năm nay, cũng lỗi tại tôi. Cứ bao giờ mưa d ột và chúng nó phải đem giẻ lau cùng xô chậu chạy lên gác xép lau nước mưa, là chúng nó lại đổ lỗi cho tôi. H ồi trước, dạo tôi còn ở Wolfsegg, bao giờ cũng vui vẻ là thế, từ ngày tôi biến về Rome, thì chẳng còn gì. Chẳng hạn như, dùng một cái, ở Wolfsegg không còn tiếng nhạc nữa. Wolfsegg câm hẳn, con Amalia đã có lần nói thế với tôi, chỉ tại anh, chỉ tại anh cứng đ ầu cứng cổ, đòi về Rome ở cho bằng được. Tại tôi, nó còn dám mở miệng nói thẳng vào mặt tôi như thế nữa chứ, tại tôi vô trách nhiệm, tại tôi không thương yêu bố mẹ, tại tôi bao giờ cũng căm ghét bố mẹ, *bao giờ cũng căm ghét* bố mẹ, trong khi hai đứa chúng nó *lúc nào cũng yêu thương* ông bà. Tiền bạc, trong đó dĩ nhiên có cả phần của riêng chúng nó, bố mẹ dốc hết cho tôi, rút bớt của chúng nó. Tại tôi, theo lời con Caecilia, tiêu pha hoang phí, nên chúng nó phải bóp h ầu, bóp miệng, và, rốt cuộc, cũng lỗi tại tôi, nên món của h ồi môn của chúng nó ngày càng mất giá ghê gớm, vân vân và vân vân. Trong lúc say sưa luận tội, chúng nó còn leo cao đến mức dám mở m ồm quả quyết, tôi học đại học và chọn những trường giá ti ền học cao bậc nhất châu Âu để học, chỉ nhằm mỗi một mục tiêu duy nhất là, làm sao ti ền nong chúng nó bị cạn kiệt càng nhiều càng tốt. Chúng nó căn vặn đi căn vặn lại, sao cứ phải London, trường Oxford mới được, trong khi ở Innsbruck cũng có trường đấy thôi. Từ xưa đến giờ, nếu tôi nhớ không nh ần, chúng nó luôn m ồm gọi tôi là thằng anh vĩ cu ồng kiêu căng, một gã tiêu xài phung phí ti ền bạc của chúng nó - mặc dù đấy là ti ền của tôi, hay cùng lắm cũng chỉ có thể bảo là ti ền bố mẹ tôi. Chúng luôn m ồm than vãn, tôi bao giờ cũng đánh lên người những bộ cánh đắt ti ền nhất để l ảng x ảng đây đó, trong khi chúng - chỉ vì cái thói muốn làm vĩ nhân của tôi - lúc nào cũng buộc phải ăn mặc thật thô thiển. Con em gái Amalia có lần bảo tôi, *lỗi tại anh*, nên quần áo bọn em mới rách rưới thế này. Lúc đ ầu, chúng nó còn đổ hết lỗi cho chú

Georg, sau r ấ đ ồ cho tôi. Ngay đến ông anh tôi cũng chẳng chút ngưng m ồm khiến trách lối sống của tôi, gã còn bảo, nói đúng nguyên văn, ở Wolfsegg không lấy đâu mãi ra ti ền cho tôi phung phí được. Mặc dù tôi chẳng dám tin ở hai lỗ tai mình, nhưng lời gã nói đúng là như thế thật. Đúng ra thì cả ông anh lẫn hai đứa em gái chỉ lặp lại những gì quanh năm suốt tháng chúng nghe từ miệng bố mẹ tôi mà thôi; cứ khi nào tôi về Wolfsegg, cả bọn lại chẳng c ần giấu giếm đ ể tuân những lời trách móc ngu si, hiểm độc như thế ra. Lũ chúng nó lúc nào cũng bảo cuộc đời tôi vô tích sự, có sống cũng bằng thừa và bao giờ cũng cố xúi bẩy, thúc giục bố mẹ tôi đừng chuyên ti ền hàng tháng cho tôi, hoặc nếu có chuyên, thì cũng cắt xén thật mạnh tay vào. Ngày này qua ngày khác, chúng rớt vào tai ông bà, ông bà phải *trừng trị tôi thẳng cánh*, chứ đừng đ ể tôi xỏ mũi mãi như thế - như có lần chính tôi, do đến sớm hơn so với giờ hẹn, vô tình nghe thấy con Caecilia rủ rỉ với mẹ giữa lúc mây mẹ con ng ồi uống trà buổi chiều mùa hè tại cái gọi là chòi vọng lâu trong vườn. Thường xuyên tôi cứ phải đối mặt với những ngón xác xược kiêu như vậy của lũ chúng nó chĩa vào tôi. Và, nếu tôi còn nhớ hết, thì mỗi nghi ngờ th ần kín giày vò, dẫn vật chúng nhiều nhất là mỗi nghi ngờ cho rằng, tôi được hưởng lợi chẳng những nhiều hơn chúng, mà lại còn nhiều hơn cả những gì tôi đáng được hưởng; thêm vào đó, là mỗi nghi ngờ cho rằng, tôi được hưởng, như chúng suy đoán, một cuộc sống sung sướng hơn, nhàn hạ hơn, vốn không phải dành cho tôi. *Anh ấy là ai mới được chứ? Anh ấy tưởng mình ghê lắm hay sao?* Lúc nào chúng cũng đặt những câu hỏi như thế về tôi. Bên bàn ăn, tôi có lặng yên chúng cũng khó chịu, tôi có nói gì chúng cũng mất lòng. Chúng nó cần nhần, sao anh *cứ làm thinh* suốt thế, hoặc, sao anh *cứ luôn mồm thế*. Tôi ng ồi lại trong nhà, chúng nó sẽ suốt ngày nhấm nh ần, sao anh không đi đâu đi? Tôi có đi chơi, chúng lại suốt ngày l ầu b ầu, sao anh không chịu ng ồi ở nhà lấy một lúc? Tôi mặc bộ đ ồ sáng màu, chúng nó xía vào cho bằng được, anh mặc bộ s ẫm màu thì hơn; tôi đánh bộ s ẫm lên người, chúng nó lại g ắt, anh mặc bộ sáng màu cho chúng em nh ờ. Tôi có chuyện trò với tay bác sĩ trong vùng, thế nào chúng cũng lại trách, suốt ngày anh ấy trò chuyện với lão th ầy thuốc về chúng nó. Nếu tôi không nói năng gì với ông ta, thì chúng nó lại kêu, đến ông bác sĩ anh ấy cũng chẳng thềm bắt chuyện. Tôi có bảo tôi thích Rome hơn Paris, là thế nào chúng nó cũng chộp lấy

ngay, tôi thích Rome chỉ vì chúng nó ghét. Tôi có bảo, tôi không thích ăn tráng miệng, chúng lại luận lời tôi nói về món tráng miệng vào mình, mặc dù lúc nói về món tráng miệng tôi không ám chỉ đến chúng. Bất kể tôi nói gì, vào tai chúng cũng thành lời đả kích. Riêng chuyện ấy thôi, dần dà, cũng đủ khiến tôi không sao ở Wolfsegg được nữa. Tôi có hứng lên, đánh xe ra hồ nghỉ, thì thế nào chúng cũng sồn sồn lên, tôi bao giờ cũng chỉ nhằm nhằm đánh xe ra hồ chơi; thật quái đản, bởi mỗi năm, cùng lắm tôi chỉ hứng lên một lần để ra hồ như thế, trong khi ông anh tôi, cứ hai, ba ngày lại ra hồ một lần thật; sang hè, gã còn ra đấy đều hơn. Nhưng chê trách ông anh tôi thì chúng nó chẳng bao giờ mở miệng. Tôi có vào rừng đi dạo, chúng nó xem là điên rồ nhưng ông anh tôi mà vào rừng, chúng nó lại coi là chuyện hết sức bình thường. Đọc mỗi *một lần*, tôi đặt mua Martini từ nhà khách mang về, thế mà chúng nó quang quác lên rằng bao giờ anh ấy cũng đặt *toàn thứ Martini cực đắt*. Tôi có gửi từ đâu đó về tấm bưu ảnh cho bọn chúng, chúng nó lập tức ngoác mồm ra, anh ấy gửi bưu thiệp về chỉ cốt chọc tức mình. Vâng, anh được đến Cannes, đến Lisbon, đến Madrid, đến Dubovnik, chứ chúng em lấy đâu tiền mà đi. Thành ra, đã từ lâu, tôi thôi không gửi bưu thiệp về nữa. Ấy nhưng, từ ngày chúng không nhận được bưu thiệp tôi gửi về, chúng nó lại ngoa ngoắt bảo, anh ấy thật keo kiệt, đến bưu thiệp cũng tiếc không gửi. Bọn chúng nó giận tôi suốt năm, sáu ngày, chỉ vì tôi giữa mùa đông lạnh giá mở toang cửa sổ phòng để thông gió, nếu không sẽ vì bí mà ngạt thở; chúng nó mắng tôi, tôi mở cửa sổ cho gió vào như thế là vung tiền vãi bạc của chúng nó, đúng vào thời tiền hiếm, củi khan như thế này. Chúng không bao giờ tha thứ cho tôi cái tội mở cửa thông gió vào mùa đông, và không chịu hiểu rằng, tôi không thể sống, chứ đừng nói còn tỉnh táo đầu óc để làm việc, trong những căn phòng bí rì rì như thế. Còn chúng nó lại thà chết ngạt còn hơn, chứ không muốn hiểu, vì sao mỗi khi về Wolfsegg, tôi cứ phải thông gió căn phòng tôi bằng được, ở đâu không biết, chứ ở Wolfsegg này, chúng nó còn đủ củi để sưởi cả ngàn năm chưa chắc hết. Lần đầu tiên tôi từ Rome trở về Wolfsegg thăm nhà - trong bụng cứ tưởng sẽ được đón tiếp nồng nhiệt lắm - tôi vui vẻ kể, ở Rome, vào khoảng tháng Hai tuyết vùi thế nào, khi ai nấy chỉ cần mặc áo khoác mỏng là ngửi ở các quán ngoài trời uống café được rồi. Chúng nó lập tức điên ruột, bởi vào tháng Hai tôi đã được ngửi uống cà

phê ngoài trời, và từ đấy, không ngừng trách móc tôi vì tội, *lúc nào* cũng ngoài trời uống cà phê, trong khi chúng nó, chả riêng gì tháng Hai, mà suốt cả năm, *phải lặn lưng ra* làm. Anh có biết chúng em ở Wolfsegg phải làm cực nhọc thế nào không?! Chúng nó luôn mồm hỏi xỏ tôi như thế. Chúng em đâu được hưởng thụ cái gì. Anh sống trong xa hoa như thế, chứ chúng em ở đây phải làm cật lực, thì mới giữ được Wolfsegg thế này! Trong khoảng thời gian hai chục năm, từ lúc tôi đi khỏi Wolfsegg đến giờ, hai con em gái tôi dần dần quen cái lối dùng giọng kẻ cả rất khó chịu ấy với tôi, làm tôi đương nhiên không thể chấp nhận được. Sao anh cứ phải bay máy bay, đi tàu hỏa chỉ mất một phần ba số tiền; mẹ vặn hỏi tôi như thế. Lập tức, bọn em gái tôi phụ họa lời trách cứ vớ vẩn ấy bằng những giọng điệu xỏ xiên, đều cáng nhất của chúng nó. Hồi còn nhỏ, chúng nó dùng cái giọng the thé, eo éo để theo đuôi mẹ chửi bới tôi, thì bây giờ chúng nó lại trách cứ tôi, với giọng nói đáng ghét, khàn khàn, già nua, mà mỗi lần phải nghe, tôi lại thấy ghê đến tận chân răng. Mẹ tôi buông ra lời độc địa nào với tôi, thì các em tôi liền hóp lấy ngay, và, chẳng cần nghĩ ngợi lâu la gì, làm cho nó độc địa thêm lên gấp vài ba lần. Đúng là tôi chẳng bao giờ dám đưa Gambetti đến xứ Wolfsegg đáng ghét này và suốt bấy nhiêu năm tôi đã lảng tránh, không mời anh ta về đây thật. Những gì xưa nay tôi kể anh ấy nghe về Wolfsegg, tôi nghĩ bụng, thực ra chỉ là những chuyện quá ư vô hại so với những gì đang diễn ra ở đây. Tôi sẽ chẳng bao giờ để Gambetti ghé mắt nhìn vào hang hốc điên rồ này. Tôi biết, ở Wolfsegg chẳng ai ưa hai đứa em gái tôi; nếu để ý nghe ngóng, tôi toàn nghe dân tình kháo nhau những chuyện xấu xa về chúng nó. Trong làng, cũng chẳng ai ưa mẹ tôi. Nhưng bố tôi, dân tình lại nể trọng và thậm chí thương hại ông phải chung sống với mẹ đàn bà và hai đứa con gái như thế. Còn ông anh Johannes của tôi, dân trong vùng phải chung đụng làm ăn, trong đi ền trang, ngoài lâm trường hay dưới hầm mỏ than thì tôi không rõ, liệu họ có ưa gã không. Tuy nhiên, gã không phải người không cởi mở chút nào, và nói chung, cũng không đến nỗi kiêu ngạo, như thiên hạ vẫn bảo nhau. Duy có cách cư xử của gã làm người ta khó chịu thì đúng thật. Do nhút nhát, nên bên ngoài gã tỏ ra ngạo mạn như thế, chứ không phải do gã kهنh kiêu. Khác với mẹ và hai đứa em gái, gã - cũng như bố và tôi - luôn có quan hệ tốt với dân trong vùng và biết cách lấy lòng và lôi kéo họ. Hai

đưa em gái tôi thì chẳng ai ưa, tôi có thể nói trắng ra như thế. Chúng nó cũng chẳng bỏ công lấy lòng thiên hạ bao giờ. Rằng hai đứa chúng nó đến lúc về già vẫn suốt ngày suốt buổi kè kè bên nhau, thì không còn là chuyện nực cười nữa, mà đã thành chuyện đáng ghét lắm rồi, không còn chỉ là trò lơ bịch, mà đã thành trò đáng tởm lắm rồi. Ấy là chưa kể đến lúc cả đồng tuổi thế này mà chúng nó vẫn giữ cái lối ăn mặc y như nhau. Cho đến tận giờ, hai đứa chúng nó vẫn từ đầu đến chân, hoàn toàn chỉ là hai con rối của mẹ chúng nó, hai con rối nói giọng the thé đến đáng ghét mà thôi. Khi nào chúng nó chịu mạng giúp mấy đôi tất cho tôi, thì chúng nó mạng thô đến mức không thể mang tất vào chân được nữa, ấy là chưa kể chúng nó mạng bằng thứ sợi màu không còn hợp với chiếc tất tí nào. Chẳng hạn, chúng nó không chút ngần ngại lấy sợi len màu đỏ mạng vào tất len màu lục; ấy thế nhưng,

lúc tôi - thay vì phải cảm ơn chúng nó đã giúp - có bực tức ném trả đôi tất gói ghiếc vào mặt chúng, thì chúng lại dùng dùng nỗi cơn tự ái. Tôi thấy cảnh tượng bọn em gái tôi vênh vang đóng bộ y phục địa phương vùng Thượng Áo xấu xí kỳ quái để rong chơi mới ngớ ngẩn làm sao; hay lúc nào tôi cũng thấy gói bộ y phục gọi là áo liền váy Dirndl, mà mỗi năm hai lần, bà thợ may của mẹ tôi vẫn may đo cho chúng nó. Mỗi lần từ Rome về Wolfsegg, gặp chúng nó trong bộ Dirndl như thế, thì lần nào cũng như lần nào, tôi lại phải nén lòng lắm mới không buột ngay ra đôi lời chế nhạo. Hồi nhỏ chúng nó để tóc đuôi sam, về sau chúng nó búi tóc cao lên thành búi phía trên gáy. Hai búi tóc vàng hôm xưa giờ đây đã chuyển sang bạc. Tôi còn nhớ, ngay từ thời còn bé, chúng nó không chịu được cảnh tôi ngồi trong vườn đọc sách bao giờ. Chúng không để tôi yên, gọi tôi bằng danh hiệu tôi rất ghét là *thiên tài yếu* chúng nó hớp được từ miệng lưỡi của bà mẹ chúng tôi, và chúng nó lái nhải rót những lời vô duyên ấy vào tai tôi, cho đến khi tôi phải gập sách, nhảy dựng lên trốn biến về phòng mới thôi. Tôi cố tìm ở hai con em gái tôi những nét dễ thương mà nào có tìm được. Cố nhiên, có lẽ dần dần rồi tôi cũng sẽ kể được đôi chuyện sáng sửa hay ho về chúng nó, nhưng, đôi ba chuyện như thế thật quá ít ỏi, chẳng bõ đem so với những chuyện kinh tởm từng diễn ra với mấy anh em chúng tôi. Phải thú thật, rằng tôi chẳng ngại gì kể ra đây những điếu tôi thật sự biết về chúng nó, những đứa chỉ biết hành hạ tôi suốt đời và không ngớt ghen tị

ngay cả với từng hơi thở tôi thở ra ấy. Tôi sẽ mang tiếng gian dối, nếu bây giờ tôi im, không nhắc đến những trò đê tiện, các chiêu giày vò hành hạ chúng từng giáng vào tôi. Chúng nó chẳng đáng để tôi phải đối trá, mà chính tôi, tôi cũng không đáng chịu mang tiếng đối trá làm gì. Mỗi năm đôi lần, để cho vui, nhưng cũng là để cho mát, tôi lại sắm thứ mũ rơm kiểu Rome vẫn bán với giá chẳng đáng bao nhiêu ở Trastevere, là loại mũ - do nhẹ hơn hẳn các loại khác - rất tuyệt khi dùng để chống nắng nóng ở thành Rome, thứ nắng nóng mà, có những hôm, hần hập đến mức khó ai chịu nổi ấy. Một lần tôi đội thứ mũ rẻ tiền đó về Wolfsegg, tức là về nhà mình, như đạo ấy tôi vẫn nhàn tẻ, thì mẹ tôi triệu tôi đến gặp bà ngay, để bắt bẻ - không phải về chuyện gì khác, ngoài chuyện chiếc mũ rơm tôi đang đội trên đầu. Liệu có thật sự là cần thiết để tôi phải sắm thứ mũ đắt tiền như thế kia không, trong khi khủng hoảng kinh tế tệ hại đang hoành hành khắp nơi và cả nhà phải khó nhọc lắm mới gìn giữ nổi Wolfsegg như thế này. Đây chỉ là một thí dụ rất điển hình thường về sự quái dị của người nhà tôi, những kẻ - tôi trộm nghĩ - hầu như không biết ngưng ngừng, tế nhị hay nể nang là thế nào. Và, đấy cũng là những kẻ chưa bao giờ có nhu cầu, dù chỉ một chút thôi, tự hoàn thiện mình, những kẻ hàng chục năm nay chỉ nằm yên tại chỗ và tự lấy thế làm thỏa mãn. Trong lúc tôi tìm mọi cách tự hoàn thiện mình, hấp thụ và lôi kéo về cho mình tất tật những gì có thể hấp thụ và lôi kéo được, thì bọn họ lại không thêm bỏ chút công sức nào cho những việc như thế. Giống như đa phần các nhà hàn lâm, hay cũng như phần lớn các bác sĩ y khoa tôi quen - những người vốn thường đinh ninh rằng, một khi họ đã nắm trong tay bằng tốt nghiệp cao học hay đại học, có nghĩa là họ đã làm đầy đủ những gì họ cần làm cho cuộc đời họ và, như thế, cũng có nghĩa là họ đã vươn tới đỉnh cao của họ ở đời, cho nên họ chẳng cần mất công học hỏi nhằm mở rộng thêm học vấn, để nâng tầm hiểu biết hay rèn luyện bản lĩnh làm gì nữa cả - thì người nhà tôi cũng y như vậy; sau khi học xong cái gọi là trung học khối nhân văn, họ chẳng buồn học hỏi thêm gì nữa và suốt đời họ, họ giữ mãi niềm tin đó. Song, thật đáng kinh hãi, khi bọn họ nghĩ rằng, mở rộng đầu óc là việc vô ích, nâng cao học vấn - bất kể trên lĩnh vực nào - là việc chẳng đáng làm gì, không ngừng tôi rèn bản lĩnh là việc rồi hơi, vô bổ. Từ lúc kết thúc trung học, nghĩa là từ rất sớm, lúc chưa đầy đôi mươi, bọn họ đã thôi, không học hỏi, luyện rèn gì nữa và do tự



đánh giá mình quá cao, họ lấy làm tự mãn với những gì họ đã đạt được. Trong khi chú Georg tôi chẳng hạn, suốt đời chú, chú không ngừng gắng sức mở rộng vốn hiểu biết, rèn luyện bản lĩnh, tận dụng, khai thác đến cùng các năng lực của chính mình, thì bọn họ - chỉ vừa mới tập tễnh với được mức học vấn tối thiểu thôi - đã chẳng buồn bỏ thêm chút công sức nào cho những việc như thế nữa. Tôi buộc lòng phải nói, ở độ tuổi mười chín đôi mươi, họ đã ngừng, không học hỏi gì thêm, họ đã thôi, chẳng thêm cố công, gắng sức mở mang thêm t ầm hiểu biết cho mình nữa. Ấy thế mà, việc con người ta, chừng nào còn sống ở đời là còn phải mở rộng hiểu biết, còn phải rèn luyện bản lĩnh, là một việc tự nhiên tất yếu. Bởi vì, những ai ngừng mở rộng t ầm hiểu biết và ngừng rèn luyện bản lĩnh, có nghĩa là ngừng lao động với chính mình, thì những kẻ đó cũng thôi, không còn sống ở đời nữa; cứ xét như thế, thì tất t ật bọn họ, từ độ đôi mươi trở đi, đâu không còn sống nữa, tôi buộc lòng phải nói như thế, họ chỉ ườn ra đấy, như những xác chết, vô h ồn, vô tri, vô cảm r ồi tự mình biến thành gánh nặng đè lên chính mình. Phải mất cả trăm năm, tôi nghĩ bụng, dòng họ này mới sinh ra được một người như chú tôi, một con người có bản lĩnh khác thường đến nhường ấy, song, chính con người bản lĩnh khác thường ấy còn sống ngày nào, thì họ lại khước từ, thù hận ông ngày ấy. Nhìn những tấm ảnh chụp người nhà, tôi th ăm nghĩ, lẽ ra bọn họ đã có thể nên người và làm được nhiều chuyện r ồi đấy, song, họ đã chẳng nên người chỉ vì quá lười, quá nhác. Bọn họ thỏa mãn với nhịp sống đều đặn, nhàm chán mỗi ngày, một nhịp sống chẳng đòi hỏi gì hơn ở họ ngoài tính khí lù khù thâm căn cố đế mà họ đã mang trong huyết quản ngay từ lúc chào đời. Bọn họ không dám mạo hiểm, không dám li ều lĩnh trong bất cứ việc gì và, như thiên hạ vẫn nói, từ thời họ còn rất trẻ, đã chỉ thích khoanh tay ng ồi không. Bọn họ không bao giờ tận dụng t ềm năng của mình, những t ềm năng bao giờ cũng bày sẵn ra đó cho chúng, giống như cho mọi người khác. Nếu có một ai trong bọn họ biết tận dụng các t ềm năng như thế cho mình, như chú Georg tôi chẳng hạn, chứ chưa nói đến tôi làm gì vội, thì họ xoay ra hành hạ người ấy bằng mọi cách, từ chỗ thiếu cảm thông, đến chê bai độc địa. Giờ khắc hai con em gái tôi bắt đầu chết g ị chết g ị một chỗ, chính là giờ khắc chúng rời khỏi trường trung học. Chúng rời khỏi trường, vênh vênh vào vào, c ần mảnh bằng tốt nghiệp trên tay, như thế đang c ần mảnh giấy

chúng nhận có giá trị suốt đời cho một hành động phi thường nào đó lắm - trong khi mảnh giấy, thật ra, cùng lắm cũng chỉ là mảnh bằng làm chứng cho sự nung nấu đến cùng cực của chúng nó mà thôi. Rồi chúng dừng lại ở mức đó. Bây giờ, ở độ tuổi tư ấu, đầu óc chúng nó vẫn chỉ ngang tầm đôi mươi, khiến mọi thứ ở chúng đều ít nhiều kịch cỡm, và cứ dựa vào tuổi tác mà xét, thì cố nhiên, không những chẳng đáng để thương hại, mà chỉ đáng để khinh miệt. Song le, cả ông bố chúng tôi cũng dừng lại rất sớm trong đời. Vừa học qua được cái gọi là trường dạy nghề mộc ở Wiener Neustadt, ông cảm chắc mình đã đạt tới đỉnh cao trí tuệ, và từ đó, ông chỉ còn đường suy thoái. Đời ông dừng lại ở tuổi hăm hai, từ đó trở đi, chỉ mỗi lúc một xơ cứng, teo tóp đi mà thôi. Ông anh Johannes cũng vậy, đúng vào cái ngày tốt nghiệp trường lâm nghiệp Gmunden là gã dừng lại, không phát triển mở mang gì thêm nữa trong đời. Cũng giống như chín mươi phần trăm nhân loại, anh tin chắc tấm bằng do ngôi trường cuối cùng anh theo học trong đời cấp cho, chính là tuyệt đỉnh của đời gã. Đó là niềm tin của đa số con người chúng ta, một sự thực đủ làm ta phát điên lên được. Vừa ra khỏi nhà trường, là họ dừng lại, thôi không bỏ công, gắng sức nữa. Và ta có thể yên tâm mà nói, họ bắt đầu suy đốn từ đấy. Một kẻ không còn thiết gắng công, cố sức làm gì nữa, chắc chắn là kẻ đáng khinh, là kẻ mỗi khi ta gặp, ta không thể không cảm thấy ghê tởm. Hắn làm ta ngao ngán, làm ta không những mỗi lúc một thêm bất hạnh, mà còn mỗi lúc một thêm điên tiết. Mọi việc ta làm để cưỡng lại hắn đều vô hiệu. Nhân loại chúng ta dường như chỉ gắng công, bỏ sức khi có cơ giành được mảnh bằng ngu xuẩn nào đó làm thứ khoe mẽ, phô trương với đời. Một khi đã nắm đủ trong tay số mảnh bằng đó dẫn như thế, thì con người ta dừng lại, chỉ còn khoanh tay ngồi ườn ra đó nữa thôi. Con người ta, phần lớn cuộc đời, chỉ cốt sống để đạt bằng cấp hay học vị, chứ không vì bất kỳ lý do nào khác đâu, và một khi giống nhân sinh ấy nghĩ nó đã kiếm đủ số bằng cấp cùng học vị rồi, nó liền buông người, thả mình nằm ườn trên chiếc giường mà tấm nệm được nhồi êm bằng các loại văn bằng học vị đó. Con người ta, dường như thế, chẳng màng gì đến một cuộc đời riêng, đến sự sinh tồn độc lập, mà chỉ thiết kiếm bằng cấp và học vị, đóng bằng cấp và học vị vốn chôn chôn chất từ hàng trăm năm nay trở thành nguy cơ đè xuống nhân loại, làm nó trước sau cũng phải chết ngạt. Con người ta hết tranh đấu cho

độc lập và tự chủ, hết đời được phát triển tự do, chỉ còn tranh đấu, đòi hỏi những bằng cấp, học vị như thế nữa mà thôi; các bằng cấp, học vị ấy, giá mà được trao tay hay cấp phát vô điều kiện, là họ sẵn sàng hiến dâng mạng sống họ ngay lập tức. Đó là sự thật trần trụi, sự thật trĩu nặng cõi lòng. Họ coi nhẹ mạng sống đến mức, họ chỉ thấy có bằng cấp và học vị mà thôi. Họ treo bằng cấp, học vị của họ lên tường nơi họ ở; căn hộ những tay đao phủ ở lò mổ hay căn hộ các triết gia, căn hộ anh phụ bếp, căn hộ các luật sư hay các vị quan tòa đều có treo các bằng cấp học vị như thế và suốt đời họ, họ dán mắt vào các bằng cấp, học vị đó bằng những cặp mắt hau háu, những cặp mắt do suốt ngày suốt buổi hau háu ngắm nghía bằng cấp với học vị mà trở nên bần tiện đê hèn đến thế ấy. Thông thường, họ không nói, không xưng về mình, rằng tôi là người thế này thế kia, mà bằng cấp tôi thế này, học vị tôi thế nọ. Và, họ đánh bè kết bạn không phải với người này, người kia mà là với học vị này, bằng cấp khác. Bởi vậy, có thể nói chẳng ngoa rằng, đám nhân quần kia không phải đám sinh linh, mà là đám các bằng cấp và học vị và, nói nôm na, con người trong chốn nhân sinh đây chẳng mang chút giá trị đáng kể nào, chỉ có học vị và bằng cấp mới đáng kể mà thôi. Từ hàng trăm năm nay rồi, người ta không nhìn vào con người mà chỉ soi vào học vị và bằng cấp. Người đàn ông ta vừa gặp ở quán cà phê không phải ông Huber, mà là học vị tiến sĩ của ông Huber, người ta ra quán dùng cơm, không phải với ông Maier, mà với ông kỹ sư đáng lách trùng tên. Dường như con người ta chỉ đạt được tới đích, khi họ không còn là con người nữa, mà là ông kỹ sư mang bằng cấp, khi họ không còn đơn giản chỉ là bà Müller, mà là phu nhân ông cố vấn hội đồng toà án. Và, người họ nghênh tiếp tại phòng giấy, không phải là một tiêu thư nào đó, mà là một mảnh bằng tuyệt hảo. Mặc dù chứng nghiệm bằng cấp và học vị kiểu này, trên đất châu Âu, đâu đâu cũng có, nhưng ở Đức, mà nhất là ở Áo, thì không còn nghi ngờ gì nữa, chứng tật ấy đã điên rồ, quái dị tới mức khiếp đảm. Mới đây thôi, tôi bảo Gambetti rằng, dân Áo, dân Đức không coi trọng con người, mà chỉ coi trọng bằng cấp và học vị thôi, vâng, đúng thế, họ còn mù mị đến mức tin ngay rằng, mãi đến thời điểm thi xong một tấm bằng, hay giành được một học vị nào đó, con người mới thật sự hình thành, chứ trước đó, họ chưa phải người. Gambetti cho nhận định của tôi quá cực đoan, anh bảo tôi thổi phồng chuyện, song, trong các bài học sắp tới, rồi tôi

sẽ còn chứng minh cho anh thấy, tôi không phóng đại, tôi không thổi phồng chút nào, và, như tôi đang nghĩ đây, căn bệnh đó không những chỉ phổ biến trên đất Áo mà thôi, mà còn rải rộng trên toàn cõi Âu châu, và chả mấy chốc sẽ tràn nhanh ra khắp thế gian với tốc độ khủng khiếp cho mà xem. Chứng nghiệm bằng cấp và học vị đó, đương nhiên không phải riêng thế kỷ này mới có. Căn bệnh này, nhân loại đã mắc sẵn từ lâu. Bởi họ quá tự coi thường mình, cho nên, vào một ngày nào đó, trước đây cũng phải hàng trăm năm rồi, họ bắt đầu tự xưng theo bằng cấp này học vị nọ, những hồng qua đó sẽ nâng thêm lòng tự trọng. Chú Georg tôi thường vẫn kể, mỗi lần chú lên tàu về Áo, chú cứ nghĩ, ngồi cùng khoang tàu với chú chỉ đọc các chức danh giáo sư với học vị tiến sĩ, chứ không phải người, ngoài đường phố chỉ thấy nhưng nhúc một bày các loại bằng cấp, học vị hay các quan chức bậc nọ, hàm kia, chứ không thấy bóng các trang thanh niên, hay đấng lão thành đầu cả. Y gương ông bố tôi - hồi xưa từng đóng khung bằng tốt nghiệp trường thợ mộc để treo lên tường trước bàn giấy - gã anh trai tôi, con trai ông ấy, cũng lồng mảnh bằng tốt nghiệp trường lâm nghiệp Gmunde của mình vào cái khung ảnh to tổ bố, rồi trịnh trọng treo nó lên tường, như thể đó là tấm ảnh thờ tổ tiên không bằng. Hai vị coi văn bằng tốt nghiệp của những trường chắc chắn là quan trọng, nhưng cũng hết sức ketch cớm ấy, là đỉnh cao trong cuộc đời hai vị. Còn hai con em gái tôi thì chẳng chờ ai hỏi, cứ luôn mồm quang quác khoe *trường trung học* của chúng nó. Khắp nơi, bàn dân thiên hạ đều mắc căn bệnh sình bằng cấp và học vị, căn bệnh đã làm cuộc sống không sao còn tự nhiên được nữa ấy. Thế nhưng, chú Georg bảo tôi, bệnh tình ở các nước Latin, dù sao cũng chưa đến nỗi trầm trọng và cực kỳ ngao ngán như ở Áo và Đức. Phần tôi, tôi tin các nước Latin sẽ chẳng bao giờ lâm vào tình trạng bệnh hoạn như Đức - Áo. Dân các nước Latin, xưa nay, vốn không nông cạn đến vậy. Ở các dân tộc này, cuộc sống tự nhiên còn khá phổ biến, trong khi đó ở chỗ chúng tôi, đã hoàn toàn bị triệt hủy. Cuộc sống thật sự tự nhiên, từ cả trăm năm nay rồi, không thể diễn ra nữa ở Đức và Áo, vì nó đã bị căn bệnh nghiệm bằng cấp, sình học vị nuốt chửng và hủy hoại từ lâu. Hồi nhỏ tôi với anh Johannes chơi với nhau cũng khá thân; chúng tôi chềnh nhau có một tuổi, anh ấy lớn tuổi hơn, à, không, anh ấy vốn lớn tuổi hơn, hai anh em chúng tôi - từ bé, cho đến khi đi học và có thêm hai đứa em gái - vốn

vẫn chơi *với* nhau như bạn *với* bè. Song, vừa bước chân vào đời đi học, là tôi *với* anh ấy đã mỗi đứa một ngã. Ngay từ lúc lên sáu, tôi chắc vậy, hai anh em đã đi về hai hướng ngược hẳn nhau, ngược ngay từ đầu, và suốt quãng đời về sau vẫn ngược. Trong khi Johannes hăm hở đi xa mãi ra các cánh đồng, chui sâu mãi vào các khu rừng rậm thì tôi, cũng hăm hở không kém, mỗi ngày một rời xa đồng ruộng lẫn rừng cây, tức là, trong khi tôi mỗi ngày một rời xa Wolfsegg, thì gã anh tôi lại lún ngày một sâu thêm vào đấy; rất cuộc, gã không những bị Wolfsegg nuốt chửng, mà còn bị nó thao túng, hay nói cho đúng hơn, bị nó hút cạn máu, mút sạch tủy, còn tôi, thì ngược lại, bị thế giới bên ngoài Wolfsegg nuốt chửng và thao túng. Trong lúc vốn từ vựng gã khoái dùng không có gì khác hơn là *ngũ cốc, lợn heo, từng bách* vân vân và vân vân, thì của tôi lại là *Paris, London, Kaukasus, Tolstoi, Ibsen* vân vân và vân vân, và, rất cuộc, mọi nỗ lực của gã hòng làm tôi cũng hào hứng *với* những từ ngữ gã yêu thích đầu tỏ ra vô ích thế nào, thì các mưu mẹo của tôi toan mê hoặc gã bằng đồng từ ngữ tôi ưa chuộng cũng đầu trở nên công cốc như thế. Trong lúc tôi, theo gương chú Georg, hầu như suốt ngày chui thư viện, thì ông anh tôi chỉ loanh quanh chuồng gia súc từ sáng đến tối; gã nôn nóng trong chuồng bò chờ con bò cái trở dạ sinh con, trong khi tôi loay hoay trong thư viện để giải mã một câu văn của Novalis, gã sốt ruột sốt gan lúc đứng trong chuồng bò chờ con bê con lọt lòng thế nào, thì tôi, y hệt như gã, cũng nóng lòng, sốt ruột mong chờ một ý văn của Novalis sẽ nảy sinh trong đầu tôi như thế. Vừa tốt nghiệp trung học, gã sắm ngay chiếc thuyền buồm, còn tôi, tôi dùng số tiền thưởng tốt nghiệp bỏ vào chuyến đi chơi *với* chú Georg đến Anatolie. Đạo chú Georg còn ở Wolfsegg, trong khi tôi tranh thủ từng phút rảnh rỗi để gần chú, thì gã lại chẳng màng gì đến chú; lúc nào gã cũng chỉ bám đuôi ông bố tôi, theo ông ra đồng, vào rừng, xuống mỏ hoặc đến chầu chực ban này, phòng nợ tại các thị trấn quanh đây. Ngay từ đầu, tôi đã xem chú Georg như thầy dạy của tôi, còn *với* gã, Johannes ấy, thầy dạy của gã chính là ông bố tôi. Tôi cũng không suốt ngày quanh quẩn bên mẹ như gã; thậm chí tôi còn rất ghét cái cảnh gã anh tôi, đạo còn bé, suốt ngày bám váy mẹ. Tôi không bao giờ bám váy mẹ và bao giờ cũng quay đầu, ngoảnh mặt tránh sang một bên, mỗi khi mẹ tôi chột hứng lên, làm ra vẻ định hôn má tôi. Còn gã, gã cứ đòi mẹ hôn chùn chụt suốt ngày. Đêm đêm, trong lúc gã ngủ say, tôi rất hay

chủ lên khỏi phòng hai anh em ngủ đến phòng chú Georg, đòi chú kể chuyện cổ tích, loại chuyện chú nghĩ ra hàng trăm, chỉ cốt để chiêu tôi. Anh trai tôi không dám lên lách, trốn tránh các quy định, phép tắc ở Wolfsegg bao giờ, còn tôi, tôi tìm cách trốn suốt. Muốn lúc nào, tôi chủ lên lúc ấy, xuống dưới làng, nhập với dân ở đó, xem họ sinh sống ra sao, còn gã, tuyệt nhiên không. Tôi tán gẫu với dân làng khi nào tôi muốn, còn gã, gã chẳng dám chuyện trò với họ nếu không được phép. Từ rất sớm, tôi đã sắp xếp, bài trí phòng riêng theo sở thích, còn gã chẳng bao giờ nghĩ tới việc đó cả. Sách giáo khoa gã giữ bao giờ cũng sạch bong, chữ gã viết bao giờ cũng đều đặn, ngay ngắn, còn sách giáo khoa tôi học đầy vết bẩn, chữ viết nguệch ngoạc, khó ai đọc nổi. Đến bữa ăn bao giờ anh tôi cũng đúng giờ, trong khi tôi lúc nào cũng trễ trật mà không làm sao đúng được giờ. Chỉ có tôi xui anh tôi mạo hiểm trò này trò khác, chứ anh tôi chẳng bao giờ rủ rê tôi làm gì. Các trò mạo hiểm tôi vẫn rủ gã chơi, thường kết thúc, nếu không với một vết thương, vết xước trên người gã, thì cũng cùng tiếng gã khóc ré lên, bởi vì, trong hai đứa, bao giờ gã cũng vụng v hơn. Gã rất hay ngã xuống suối, lộn xuống ao, vấp thân cây chỗ này, đụng rễ cây chỗ khác, đầu đâm bụi rậm, cành cào rách mặt, gai quết xước đùi, còn tôi, chả bao giờ bị làm sao. Nếu tôi có hỏi, anh thấy cái này ở đây, hay cái nọ ở đằng xa kia không thì gã đều chịu, chẳng thấy gì, bởi gã bị cận thị, ngược hẳn với tôi, mắt mũi lúc nào cũng tinh tường. Người ta bảo, vèo một cái đã tôi đã đạp được xe, còn gã phải mất khá là lâu mới ng ồi thẳng được trên xe. Chạy đua, chẳng bao giờ gã đuổi kịp tôi. Nếu hai đứa có phải bơi vượt sông, thì gã thường bỏ cuộc, đành chịu thua. Cứ như thế, ngay từ khi còn ít tuổi, tuy chưa đến mức thù hận tôi ghê gớm, nhưng trong lòng gã đã sớm nảy sinh và trĩu nặng thứ mặc cảm tự ti t ối tệ, một thứ mặc cảm dai dẳng, ngày ngày, tháng tháng hành hạ gã, để rồi cuộc, lúc này lúc khác, lại bột phát thành thứ *hắn học khá w trắng trơn*, công khai nhằm thẳng vào tôi. Chẳng hạn, tôi chỉ cần ba phút là vụt chạy từ nhà xuống làng, gã cần những năm phút. Ở trường, gã mang danh học trò chăm chú bậc nhất, hề thầy gọi một tiếng là bật dậy ngay, còn tôi, thấy bảo vậy, là đứa chúa lơ đãng, nếu thầy giáo có gọi, cũng toàn không nghe thấy, và tất nhiên, thế nào cũng vì thế mà bị phạt. Vào những năm học đầu, cả hai anh em đều chẳng bạn bè với ai, bởi chúng tôi không được phép đón bạn về nhà. Hết buổi học là phải lên

Wolfsegg ngay. Nhưng vào các năm học về sau, khi được phép mời bạn bè về Wolfsegg, thì tính khí hai anh em chúng tôi trái ngược nhau thế nào, tính khí bạn bè chúng tôi cũng trái ngược nhau như thế. Anh trai tôi bao giờ ngủ cũng say và đầy giấc, còn tôi, từ lúc nhỏ đã mắc chứng mất ngủ. Tôi nằm mơ toàn những giấc mơ hồi hộp đến mê hồn, còn gã chẳng bao giờ mơ mộng quái gì. Nhìn bản đồ, gã phải loay hoay mãi mới tìm được nơi cần tìm, tôi chỉ nhìn một loáng là xong. Tôi thích bản đồ địa lý hơn bất kỳ thứ gì khác. Chỉ cần mở rộng một tấm bản đồ ra trước mắt là tôi đã có thể lên đường đi tới những nơi xa lắc xa lơ, ghé thăm những đô thành nổi tiếng nhất trần gian và dẫn lái những con tàu trong mơ dọc ngang biển cả. Anh tôi bị cuốn hút bởi những thứ hoàn toàn khác: gã vẫn quen lên vào ngõ một góc kín nào đó, say sưa ngắm không biết chán mấy con ngựa trong chuồng. Đạo chúng tôi vừa lên năm lên sáu gì đó, gánh xiếc rong Medrano đến dựng rạp dưới làng. Thế là tôi không để lỡ dịp nào để lân la xuống đây xem các diễn viên xiếc luyện tập, nhất các diễn viên nhào lộn trên không. Tôi có thể ngồi hàng giờ ở một chỗ nào đó không ai thấy, há mồm xem họ luyện các động tác trong màn diễn hết sức hấp dẫn. Còn anh trai tôi, gã chẳng mấy may thích xiếc. Sang mùa đông, tôi rất khoái ngồi xem - thậm chí đến lúc lạnh cóng cả người - trò chơi bắn băng dưới làng và chỉ mong được chơi cùng. Mặc dù lúc đầu bị nghiêm cấm, nhưng tôi - thấy mọi người bảo vậy - phớt lờ lệnh cấm, cứ tự mình xuống làng, xin được của người ta cả chiếc bàn đầy để chơi cùng. Có dịp, là tôi chuồn xuống làng. Từ lúc tôi chập chững biết đi, cái làng ấy đã cuốn hút tôi, đối với tôi, mọi người trong làng thật là mới, thật là lạ. Anh trai tôi không có cái thú đó; tôi cũng không sao rủ gã đi với tôi xuống làng chơi được. Đi với tôi, sẽ là phá lệ, một việc gã chẳng bao giờ dám, bởi đối với gã, ngay từ lúc còn nhỏ, phạm luật, phá lệ là việc tối kỵ. Nhà nào dưới làng tôi cũng vào, chẳng chút ngần ngại ngượng ngập gì, tự giới thiệu tôi là ai, rồi cứ thế bắt chuyện với người ta. Tôi làm quen, đánh bạn với họ, ngó nghiêng xem xét, tìm hiểu cuộc sống hàng ngày, góp chân vào các cuộc vui, chung tay vào công việc làm ăn của họ, và mỗi lần xuyên làng du ngoạn như thế - đoạn đường dài cũng phải bốn cây chứ không ít - càng quen được nhiều người, tôi càng khoái. Tôi thích làm quen nhất với những người bình dân, xem họ sinh sống, làm lụng, vui chơi thế nào. Trước khi lên bốn lên năm, tôi không hề

biết còn nhiều người khác với người ở Wolfsegg, thế nhưng rồi tôi cũng vỡ lẽ ra nhanh là còn rất nhiều người khác nữa, phải hàng trăm, hàng nghìn, hàng trăm nghìn, hàng triệu chứ không vừa. Tôi cũng rất ham đến xem các bác thợ lúc họ hành nghề- ông thợ tiện, thợ giày, bác hàng thịt, bác thợ may. Tôi thường hay ghé vào nhiều nhà nghèo và rất ngạc nhiên thấy ai cũng niềm nở, thân thiện với tôi. Ngạc nhiên, vì trước đó tôi vẫn tưởng, theo như lời bố mẹ vẫn dạy, bọn nhà nghèo, đũa nào cũng nôn nóng, nông cạn, khó gần, trâng tráo, nham hiểm, lại hay thù vặt. Song, tôi lại phát hiện ra rằng, ở dưới này họ đáng mến hơn người nhà tôi trên Wolfsegg, rằng họ mới tử tế và thân mật, chứ không phải người nhà tôi, rằng chính họ mới là những người luôn vui vẻ, chứ không phải chúng tôi. Và, tôi chợt cảm thấy, hóa ra, ngược hẳn với dân làng, chính chúng tôi mới khó gần, mới trâng tráo, nham hiểm, hay thù vặt. Bố mẹ tôi không ngớt bảo tôi xuống dưới làng rất nguy hiểm, thế mà tôi lại thấy trong làng không có tí gì là nguy hiểm cho tôi cả. Tôi xông chẳng chút ngần ngại vào mọi nhà; không cửa sổ nào mở mà tôi không ngó vào; trí tò mò của tôi không hề có giới hạn. Anh trai tôi chả bao giờ lang thang thám hiểm cùng tôi như thế, mà ngược lại, gã đi mách với bố mẹ. Gã sẽ mách, *nó lại vừa xuống dưới làng*, rồi thần nhiên, không chút hổ thẹn nhìn tôi bị phạt. Mẹ tôi bao giờ cũng quật tôi bằng chiếc roi da bò đã để sẵn một chỗ, bố tôi thì bạt tai. Trong khi tôi bị phạt roi không biết bao lần, tôi lại chả nhớ gã anh tôi có bị mẹ quật roi, hay bố bạt tai như thế bao giờ không. Nhìn bức ảnh chụp gã trên chiếc thuyền buồm ở hồ Wolfgangsee, tôi lại nghĩ, mình bao giờ cũng thích thú, tò mò với những gì khác lạ, còn gã chả bao giờ. Có lần tôi bảo Gambetti, anh tôi bao giờ cũng ra vẻ *hiền lành ngoan ngoãn*, tôi chả bao giờ. Dĩ nhiên, tôi phải nói để Gambetti rõ, ở đây, ý tôi *hiền lành ngoan ngoãn* là thế nào. Vào các bữa ăn, anh tôi khi nào cũng ngoan ngoãn yên lặng ngẩn bên bàn, không bao giờ dám hé răng hỏi lấy một câu, trong khi tôi, vào bữa ăn là hỏi, hết chuyện này đến chuyện khác - như bố mẹ tôi vẫn quở - hỏi *những câu vô lý*. Cái gì tôi cũng muốn biết, cũng hỏi cho bằng được. Anh tôi ăn uống chậm rãi, còn tôi bao giờ cũng ăn sao cho thật nhanh, đến tận giờ vẫn vậy. Tôi bước cũng vội vàng, càng sớm đến đích càng tốt, còn anh tôi - thông thả, nếu không bảo là *cân nhắc, tính toán từng bước*. Ngay cả viết lách, bao giờ tôi cũng ngoáy thật nhanh, đâm ra câu



thả, và như người ta nói lại, chữ tôi viết g ần như không ai đọc nổi; còn gã, bao giờ gã cũng viết từ từ, từng nét, từng chữ. Khi đi xưng tội, gã ng ỡ thật là lâu trên ghế xưng tội, còn tôi, vừa ng ỡ chưa ấm chỗ, đã vọt vội ra ngoài. Bấy nhiêu tội lỗi tôi mắc, thấy bảo là khá nhi ều, tôi xưng rõ nhanh, còn gã, tội tình chắc phải ít hơn tôi, bao giờ cũng mất gấp đôi thời gian mới xưng được hết. Tôi còn nhớ, dạo hai anh em còn chung nhau một phòng - vâng, đến lúc tôi mười hai tuổi hai anh em vẫn còn chung phòng - thì vừa sáng ra, tôi đã mặc xong quần áo. Loáng một cái, tôi đã rửa ráy xong xuôi, quần áo đâu ra đấy, còn gã, phải lâu hơn ít nhất ba lần. Về mọi mặt, đúng là gã giống bố nhi ều hơn giống mẹ, trong khi tôi, chỉ xét riêng về sự nhanh nhẹn, hiếu động, hiếu kỳ, nhanh trí, thì ngay từ nhỏ, đã giống mẹ nhi ều hơn. Bảo rằng, các bài luận của tôi, ngay từ dạo tiểu học, bao giờ cũng hay hơn của gã, là chuyện đương nhiên. Song, đi đâu đó không có nghĩa là tôi bao giờ cũng được điểm khá hơn đâu, thậm chí ngược lại, các bài luận rõ ràng hay hơn của tôi, bao giờ cũng được điểm kém hơn. Cứ xem các ông thầy dạy chúng tôi học đạo ấy thì chuyện đó chẳng có gì đáng lạ, vì các vị, thật ra, để ý đến vẻ ngoài nhi ều hơn đến nội dung các bài luận. Các đề luận, khi nào được tự chọn, tôi chọn bao giờ cũng hấp dẫn, hoặc khác thường - như tôi vẫn tự nhủ - còn anh tôi, gã chỉ lựa đề tài nào dễ nhất, dễ trình bày, dễ mở rộng bằng những cách đơn giản nhất, nhưng cũng tế nhị và lẳng nhẳng nhất. Trong khi đó, các đề tài tôi chọn, bao giờ tôi cũng xử lý phong phú và thú vị. Đó là sự thực; bấy nhiêu vở tập làm văn xếp đầy các thùng giấy lẫn hộp các tông để trên gác xép nhà chúng tôi ở Wolfsegg sẽ đủ làm chứng cho đi ều đó. Anh trai tôi không chú trọng học hỏi sao cho đi ều óc mỗi ngày một thêm mở mang, gã chỉ lo học sao làm vừa lòng thầy giáo. Tôi chả bao giờ có ý định lấy lòng các thầy, ngược lại, thấy mọi người kể lại, chẳng thầy nào ưa tôi. Không ưa cũng phải, bởi các thầy không biết xử trí với tôi ra sao, trong khi thầy nào cũng quý, cũng yêu anh tôi, vì gã dễ bảo, bất kỳ ở đâu, lúc nào, đi ều một dạ hai vâng. Tôi thường ít chịu ng ỡ yên, hay cãi, m ồm miệng lý sự không chịu ai; còn gã, thầy sai làm gì cung cúc làm ngay, cấm có cãi bao giờ, trong khi tôi gần như suốt ngày cãi bướng, chả trách các thầy, ai nấy đi ều ghét cay ghét đắng tôi. Ở nhà, tôi vắn vẹo bố mẹ nhi ều thế nào, thì ở trường tôi cũng hay hỏi vặn hỏi vẹo các thầy đủ thứ như thế, khiến họ đôi lúc phát điên, vì - bây giờ thì tôi

rõ tại sao - các thầy không đủ hiểu biết để trả lời hết các câu hỏi của tôi. Tôi không tin các thầy, họ ngờ vực tôi cũng chẳng kém. Anh tôi luôn phục tùng các thầy, còn tôi, tôi lại chẳng nề nang gì họ. Từ lâu, chú Georg đã chỉ cho tôi rõ, về thực chất, các thầy chỉ là một lũ nhát gan hèn hạ, chỉ vì ở nhà chẳng dám ho he gì trước mặt các bà vợ, đành đem bấy nhiêu bực bội ầm ức đổ lên đầu học trò cho hả. Trong hạng người gọi là có học, giáo viên là hạng hiểm độc và xấu xa nhất, chú Georg đã sớm gieo vào đầu tôi như vậy; và, xét về mức độ nham hiểm, họ đứng cùng hàng với các quan tòa, ở bậc thang rất thấp của xã hội loài người. Cháu nên nhớ, chú Georg từng dạy tôi, nhà giáo cùng quan tòa chính là bọn đê tiện nhất của chính quyền nhà nước. Chú ấy nói đúng. Tôi đã kiểm nghiệm đi đâu đó không phải chỉ một vài lần, mà hàng trăm, hàng ngàn lần. Chớ bao giờ đặt lòng tin vào bất cứ một thầy giáo hay một quan tòa nào. Xuất phát từ tính khí đờng bóng đáng kinh tởm, cũng như từ khát khao muốn phục hận cuộc đời tan hoang, bất hạnh của chính mình, họ ra tay hủy hoại không đắn đo, không thương tiếc - lại còn được trả lương - biết bao nhiêu sinh mạng những kẻ bị xua vào tay họ. Cái gọi là tính khách quan của giáo giới, cũng như của quan tòa, là sự bịa đặt độc địa và giả nhân giả nghĩa, chú Georg vẫn bảo tôi vậy, và chú nói chẳng ngoa chút nào. Nếu có dịp chuyện trò với một vị giáo viên, hay với một vị quan tòa nào đó, người ta sẽ nhận ra rất nhanh, các vị này, do bất mãn với chính mình, nên dễ hại người, và, xét cho cùng, cũng dễ hại đời như chơi. Anh tôi hay tin người, nên cũng dễ điên đầu cáu giận, vì hầu như bao giờ gã cũng bị người ta lừa gạt. Tôi thì ngược lại, chẳng mấy khi nhầm mắt tin ai, cho nên cũng ít khi bị thất vọng. Chính vì hay bị lừa gạt như thế, cho nên anh trai tôi, từ khi còn nhỏ, thường mang tâm trạng cay đắng và chẳng bao lâu sau, gã đã sớm mang, hay đúng hơn là *thừa hưởng* - như thừa hưởng tài sản vậy - vẻ mặt chua chát, cay đắng của ông bố gã, một người bị thất vọng về mọi mặt ở đời ấy. Mà, nói chung, gã giống bố gã về mọi mặt rất nhanh. Không biết tôi đã bao nhiêu lần tự hỏi, sao thằng anh mày bước đi giống bố mày như đúc, ngẩng, đứng, ăn uống đúng như bố mày, mở miệng nói những câu, những chữ chẳng khác gì bố mày, cũng loảng ngoảng, rắc rối mà chán phè như thế. Ba chục năm nữa, tôi tự nhủ, hẳn gã sẽ y hệt như bố mình. Gã nhập tâm tất tần tất các thói tật của ông bố gã, mà cũng là bố tôi ấy. Giống như ông bố gã, mà cũng là bố

tôi, chẳng mấy chốc gã trở thành *một kẻ biếng nhác*, một kẻ luôn luôn làm ra vẻ bận rộn, nhưng thật ra, lại là hiện thân của sự lười biếng, gã trưng ra trước bàn dân thiên hạ một nhân vật suốt ngày làm lụng, luôn chân luôn tay, dù chỉ chốc lát cũng không dám ngừng, không dám nghỉ - chỉ nhằm hết lòng tận tụy vì lợi ích của gia đình dòng họ mà thôi. Và dòng tộc bao giờ cũng mong muốn thấy gã như trong vai gã đang diễn; chỉ có đi ầu, cả dòng cả tộc, ai cũng cứ tưởng những gì gã đang diễn là thật, chứ không nhận ra, hay chẳng bao giờ muốn nhận ra rằng, đằng sau kẻ đang diễn vai, đóng trò kia, lại là kẻ, từ lúc lọt lòng, vốn đã hết sức lười biếng. Ông anh tôi, quả nhiên, làm lụng cũng ít như ông bố tôi; gã chỉ trưng diễn sự chăm chỉ cũng như sự ham hố, năng nổ làm ăn ra ngoài, khiến cả dòng họ trầm trồ khen ngợi và hài lòng, nhưng rồi, đến một lúc nào đó, chính gã cũng tự hài lòng về mình, bởi tự gã, gã chẳng còn đủ sức để thừa nhận, rằng gã chỉ diễn kịch thôi, chứ thực ra, nào có ham hố, năng nổ gì. Suốt đời ông, bố tôi đóng vai một chủ đi ền trang tham công tiếc việc, nếu không nói là nghiện công nghiệp việc - một người, vì *lợi ích gia đình và dòng tộc*, không tự cho phép mình ng ả yên bao giờ, dù chỉ một giây khắc ngắn ngủi, cũng không dám. Ông anh tôi cũng đúng y như vậy, gã nhập vai vốn do bố tôi đóng một cách tài tình; cả hai bố con đều hiểu ra rất nhanh, họ chỉ cần đóng giả là đủ, chứ không cần phải bắt tay thật sự làm việc gì. Xét cho cùng, hai bố con thật ra chẳng phải làm gì khác, ngoài việc suốt đời không ngừng hoàn thiện vai họ diễn, và trên lĩnh vực này - nếu không nói là trong bộ môn nghệ thuật này - cả bố lẫn con, quả thực, đã vươn *tới* mức điêu luyện. Đa phần con người ta, nhất là ở vùng Trung Âu này, chỉ giả bộ làm việc thôi, họ chẳng bao giờ ngừng đóng màn kịch họ đang làm việc và, càng già, càng hoàn thiện cái công việc họ diễn đó, một thứ công việc chẳng dính dáng gì đến công việc ở đời thực, cũng như màn diễn trên sân khấu chẳng liên quan gì đến đời thực cả. Nhưng, bởi con người ta bao giờ cũng ưa xem cuộc đời như một tấn trò hơn, chứ không thích xem nó như cuộc đời thực - cuộc đời thực đối với họ, xét cho cùng, vốn khô khan, mệt mỏi, khác gì nhục hình đầy đọa đâu - cho nên, họ thà đóng kịch, còn hơn sống thực, họ thà đóng kịch, chứ không lẩn lụng làm lụng thật làm gì. Cứ như thế, ai khen ngợi trầm trồ các công việc của bố tôi thì cứ việc khen, riêng tôi chẳng bao giờ thấy chút giá trị to lớn nào trong các công việc ông làm, bởi vì đa phần đấy chỉ là các

màn kịch ông đóng mà thôi, cũng như các công việc của ông anh tôi vậy, gã bắt chước hết sức khéo léo các màn diễn của bố gã rồi tự mình hoàn thiện và diễn lại ở mức còn ngoạn mục hơn nhiều trước sự ngưỡng mộ của bao người. Song, ngày nay không phải chỉ trong giới được gọi là thượng lưu đây, người ta mới đóng kịch là chính chứ không thật sự làm lung như vậy đâu, mà ngay cả trong giới gọi là bình dân kia, cái trò diễn kịch ấy cũng lây lan chẳng kém, đâu đâu người ta cũng chỉ giả bộ làm lung, lảng xảng phô diễn các hoạt động này nọ, nhưng sự thực, nào họ có làm gì, chỉ ngẩng không và, đa phần, đã vô dụng thì chớ, lại còn gây tai gây họa. Số đông thợ thuyền thời nay đều tưởng họ chỉ cần khoác bộ quần áo lao động màu xanh lên người là đủ, chẳng cần làm bất cứ cái gì thêm, chứ đừng nói làm được cái gì hữu ích, họ giả vờ làm việc trong bộ quần áo lao động màu xanh nặng mùi ấy, không ngớt hốt hải ngược xuôi, chạy đi chạy lại và thậm chí cũng đổ cả mồ hôi trong bộ quần áo đó, song, đó là thứ mồ hôi giả - đổ ra do đóng kịch, chứ không phải do làm thật sự - cho nên, rốt cuộc thứ mồ hôi đó cũng đáng tởm nốt. Đến bọn bình dân cũng vỡ lẽ từ lâu là giả bộ làm, cho dù còn chán mới khỏe mạnh bằng làm thật, nhưng vẫn hơi hơn làm thực rất nhiều, thành ra ngày nay người ta chỉ còn giả bộ làm, thay vì làm thực sự, cho nên - như ta thấy - các quốc gia bỗng dưng đều đứng trước nguy cơ bị suy sụp là vì vậy. Sự thật là từ nay, trên đời không còn kẻ cần lao, chỉ có các diễn viên đóng vai cần lao mà thôi. Mọi thứ đều diễn, chẳng còn gì gọi là làm thực. Cứ nhìn ông bố tôi làm lung gì đó, tôi thường vẫn nghĩ, ông ấy chỉ đóng kịch thế, chứ có làm gì đâu. Với ông anh tôi, tôi cũng y một ý nghĩ như thế. Đúng ra thì tôi có chê trách gì hai vị giả vờ giả vẹt và khéo đánh lừa bà con xung quanh đâu, bởi hai vị cũng chỉ hành động như bàn dân thiên hạ chung quanh mà thôi. Có đi đâu, tôi vẫn tự nhủ, hai vị đừng có lúc nào mở miệng cũng giở giọng than vãn, rằng hai vị phải cật lực làm đến chết. Mà chưa kể, hai vị còn quả quyết, họ làm như thế chỉ vì lợi ích của gia đình, dòng họ, và vào những dịp long trọng, lại còn vênh lên thành chỉ vì lợi ích của tổ quốc nữa chứ. Tôi thì cứ nói thẳng ra là, cả ông bố lẫn ông anh tôi, chẳng ai phải vất vả để đi đâu hành mọi công việc ở Wolfsegg cả. Hai vị nào có phải gắng công tốn sức gì đâu. Trong tay hai vị, Wolfsegg chỉ càng suy sụp thêm mà thôi. Chú Georg có lý, khi có lần chú bảo tôi: ông bố với thằng anh cháu ranh lắm, trước mắt thiên hạ, hai bố cứ

làm như hai bố là hai cỗ máy phụng sự gia đình họ hàng, nhưng thực ra, hai bố chỉ biến Wolfsegg thành cái sân khấu tiện lợi ở quê nhà đặng biến bọn ta thành lũ hề ở trên đó. Không phải ta lợi dụng họ, mà chính họ lợi dụng ta. Thế mà bọn ta, ai nấy đều bị mắc lừa. Để được tiếng trung thực và làm ăn chăm chỉ ở đời, một tay chủ trại thường chỉ cần mở hé cổng trang trại, rồi chĩnh như chĩnh máy phát thanh, cho tiếng lợn khụt khịt, ủn ỉn vọng qua cổng trại ra ngoài thế giới của những lương tri đã hủ bại kia là đủ. Và, quả nhiên, thiên hạ dần dần đến mức ai nấy đều bị lừa. Sáng sáng, hàng triệu người chỉ cần khoác bộ quần áo lao động lên người là, lập tức, họ được xếp ngay vào hạng dân chúng cần lao, trong khi thực ra họ chỉ là một bầy những kẻ lười biếng hết sức xảo trá, chỉ độc nghĩ đến miếng ăn mà thôi, và không làm gì khác, ngoài ra tay phá hoại thế gian này. Song, chú Georg bảo tôi, dân trí thức, quả thực, lại ngu đến mức không nhận thấy điều đó. Thậm chí, chỉ cần một tay thợ biếng nhác nào đẩy khoác quần áo lao động màu xanh, bước lên một sân khấu giả dối từ trong ra ngoài để diễn một vở làm lụng hết sức rẻ tiền nào đó, là đã đủ khiến lương tâm dân trí thức chúng ta bị cắn rứt rứt. Giới trí thức chỉ đóng những vai phụ, vô thưởng vô phạt, trên cái sân khấu tàn nhẫn, sinh bệnh gây hoạn ả mà thôi - một sân khấu mà trên đó, đã hơn suốt nửa thế kỷ này, mọi công việc làm ăn lẫn mọi hoạt động sinh sống của con người ta lúc nào cũng được trình diễn, phô trương một cách điêu luyện đến mức, khiến ta phải lạnh cả sống lưng. Nhưng, như lời chú Georg, chú không phản đối việc người ta không muốn động chân động tay làm lụng, cũng chẳng chê bai việc thiên hạ không ưa bỏ công bỏ sức kiếm ăn, có đi đâu, họ phải thú nhận sự lười nhác ấy, chứ đừng ngày ngày diễn đi diễn lại mãi màn lao碌 đáng ghét đó. Cả ông bố lẫn thằng anh cháu đều là những diễn viên chính tuyệt vời trên sân diễn. Còn bà mẹ cháu, ở Wolfsegg, chính là người đạo diễn tất tậ những màn đấy. Hai con em gái tôi, tôi nghĩ bụng, từ nhỏ đã quen cái thói nhảy tung tung như điên, khiến vè già, thành cái tật, chúng nó nhảy tung tung suốt ngày; chúng nó không đi lại bình thường, chúng nhảy tung tung từ bếp ra hành lang, vào phòng khách rồi quay lại, thật vậy, chúng nó không đi, chúng tung tung nhảy, tôi thấy chúng nó nhảy tung tung và vẫn trẻ con như thế y hệt như ba chục năm về trước, tất nhiên, đúng là chúng nó bước đi thật, nhưng tôi vẫn thấy chúng nó nhảy, tung tung, chồm chồm, chúng

nó đi thật, song tôi không thấy chúng nó bước, vẫn chỉ thấy chúng nó - hai con nhóc tóc tết đuôi sam dài - như h ồi còn bé, suốt ngày nhảy tung tung như điên ở Wolfsegg. Giờ chúng nó đ ầu ngấp nghé bốn mươi cả, tóc đã điểm sương, thế mà tôi vẫn chỉ thấy chúng nó tung tung nhảy. Có những lúc, tôi đã tưởng thoát được chúng nó, ai dè chúng đã lại bất ngờ tung tung nhảy đến quấy r ầy, lại còn cười rúc rích, thứ rúc rích cứa ruột cứa gan làm tôi lắmlúc muốn phát điên. Suốt ngày, chẳng những chúng nó ngheu ngoa hát đúng những bài tôi ghét, bất kể chúng làm gì, cũng đ ầu làm để chống lại tôi. Cứ như thế bố mẹ tôi cố tình sinh chúng nó ra *cốt để chống lại tôi*, chúng nó xoắn lấy tôi không rời, thậm chí các giấc mơ của tôi, chúng nó cũng xông vào. Giấc mơ thường làm tôi rùng mình choàng dậy ngay là giấc mơ chúng nó toan giết tôi. Ông anh tôi, chúng nó để yên, vì hành hạ gã không mấy thú vị, trong khi đối với tôi, chúng nó không còn niềm ham mê nào lớn hơn niềm ham mê đẩy tôi tới chỗ tuyệt vọng. Lần địa hai đứa chúng nó bao giờ cũng ác độc và với tôi chúng đã biến sự nham hiểm ác độc đó thành hành động. Suốt một dạo, tôi nằm gọn trong tay chúng nó, không đường nào thoát. Chúng rình rập, theo dõi tôi ở mọi nơi, mọi lúc, r ồi đem những gì chúng dò la được thừa bố mách mẹ và hân hoan sung sướng ra mặt, một khi tôi vì thế mà bị phạt; chúng nó khoái trá hả hê lắm, đến mức không nén nổi tiếng cười rúc rích đều cáng, mỗi khi được chứng kiến mẹ tôi nện roi da bò lên đ ầu tôi hay bố tôi bạt tai tôi bôm bốp. Tôi cũng chẳng biết đứa nào trong hai đứa yêu ma quỷ quái hơn, bởi lúc này con Caecilia xui con Amalia chơi đều tôi chỗ này, lúc khác con Amalia lại xúi con Caecilia hại tôi chỗ khác. Ngay từ dạo ấy, do chúng nó ham giày vò hành hạ tôi bằng những trò không trắng trợn ít thì trắng trợn nhiều, cho nên tôi đã sớm vỡ nhẽ, phái gọi là phái yếu, thực ra, mạnh hơn và tàn nhẫn hơn tôi tưởng rất nhiều. Những trò bọn em gái tôi ra nhằm hành hạ tôi nhiều vô kể, mỗi ngày chúng nghĩ ra một trò hành hạ mới, tai quái, hiểm ác hơn, hèn hạ hơn. Ngay từ khi còn rất nhỏ, chúng nó đã giăng bẫy hại tôi. Mọi người tin chúng, chẳng tin tôi, lời chúng nói luôn có trọng lượng, lời tôi nói không nghĩa lý gì. Vì thế, tôi phải tự tìm cách trả miếng. Tôi cài cửa chốt chúng nó trong gian nhà kho kín mít, tối om, tôi huých chúng nó xuống ao, tôi đẩy từ phía sau khi chúng nó đang diện bộ váy dài trắng ngày Chủ nhật, khiến hai đứa ngã sõng soài, từ đ ầu đến chân đ ầu lắmlắm bản, xây xước, chảy

cả máu. Dù biết chắc mình sẽ bị trừng phạt nặng vì những tội ấy, tôi vẫn không chừa tìm cách thật độc, trả đũa những đòn nham hiểm của chúng nó cho bằng được. Có lần, tôi dẫn hai đứa vào rừng rẫy bỏ dẫy, chạy biển; chúng nó có sợ chết khiếp mà kêu khóc thảm thiết, tôi cũng mặc. Thế nhưng, bao giờ chúng nó cũng là những đứa giở trò trước và các trò của chúng nó bao giờ cũng kinh khủng hơn các đòn trả miếng của tôi nhiều. Trên tấm ảnh trước mặt tôi đây, cái ác độc hiện ra rõ mồn một; hai gương mặt phèn phẹt trong ảnh đây phơi trần bóc trụi cả cuộc đời lẫn bản tính của hai đứa chúng nó trước mắt tôi. Hai con bé độc ác đạo nào, nay lớn lên thành hai mục đàn bà ác độc không kém. Lúc bé, chúng nó đã chẳng xinh đẹp gì, nay trưởng thành rồi, trông hai con mà kinh. Thật khó mà nói, trong hai con, con nào giống bố, con nào giống mẹ hơn. Cố nhiên, cả hai đều thừa hưởng *mọi thứ*, cả của bố lẫn của mẹ, có đi đâu, ở dạng thô thiển nhất. Bên bàn ăn, chúng nó ngổ ngĩnh như hai hình nộm, mở mồm chỉ biết phát ra độc những chuyện vớ va vớ vẩn, vẫn lặp đi lặp lại từ mấy chục năm nay đến giờ. Chúng nó ngổ ngĩnh hay nhảy dựng lên cùng một lúc; nếu một đứa đi cầu, đứa kia cũng phải cấp đít chạy theo cho bằng được. Lúc nhỏ đã vậy, lớn lên hai mục đàn bà ấy vẫn thế, không rời được nhau, đến cả đi cầu. Sang đông, gần suốt cả mùa, thế nào chúng nó cũng chỉ ngổ ngĩnh chết gí trên chiếc ghế bành trong phòng, để đan áo len cho chúng tôi, những chiếc áo đã không ai mặc vừa, lại xấu tệ xấu hại, ở mức tôi chưa bao giờ thấy ở đâu xấu hơn. Tay áo bên dài bên ngắn, lưng áo quá rộng, còn eo lẫn cổ lại quá hẹp, rốt cuộc áo chẳng ra áo, mũi đan cầu thả, xộc xà xộc xệch, bởi vì lúc đan chúng nó có bao giờ thật sự để tâm để ý đâu. Ấy là chưa kể màu len chúng nó chọn để đan áo, bao giờ cũng là thứ màu khiếm nhã nhất. Chúng nó nằng nặc đòi hai ông anh phải mặc thử những chiếc áo đan chưa ra đâu ra đâu ấy cho bằng được, rồi đứa xốc bên này, đứa kéo bên kia, miệng xuýt mồm xoa, ô, áo chúng em đan *đẹp ghê*, mặc dù ngay từ đầu, ai nấy đều rõ trò chúng nó làm là trò con trẻ, chẳng ra đâu vào đâu. Đến Lễ Giáng sinh, hai đứa đặt những món quà kinh tởm do tay chúng nó đan ra ấy xuống gốc cây thông Giáng sinh, rồi cả nhà, ai nấy đều phải khó nhọc so vai thụt cổ, vắn vẹo đủ kiểu để choàng được áo lên người, đã thế lại còn phải cất tiếng hết lời khen chúng nó nữa chứ. Suốt đêm Giáng sinh, ở Wolfsegg cả nhà cứ ngổ ngĩnh cả đống với nhau, chết gí trong những chiếc áo bọn em gái tôi đan

hông ấy, hết như những người bị tàn tật. Với trò đan áo lấm cặm này, hai đứa em tôi cứ như thể đã nuôi sẵn ý định, dùng những chiếc áo len đan thô lỗ nọ đặng biến chúng tôi thành một lũ người lỗ bịch. Cứ như thể chúng nó đã mờ ám thông đờng hàng tháng trời với chỗ len ấy. Trước Giáng sinh hàng tháng, ở Wolfsegg chỉ còn độc mỗi chuyện vèlen. Tối Giáng sinh, cả nhà bị hai đứa chúng nó quấn thú len đáng tởm ấy lên người, thế mà ai nấy đều phải rớt rít cảm tạ. Từ quần áo tự may, tự đan, đến thức ăn tự nấu, cũng như tất tậ những món tự chế trong nhà, tôi đều ghét cay ghét đắng. Đối với tôi, mỗi một chai đựng mứt hay thức ăn tự làm, tự đóng chai như thế vốn đã là một ác mộng, thế mà ở Wolfsegg, có đến hàng trăm chai loại đó, chẳng những chất đầy kho, mà còn chứa chậ ních trong các thùng gỗ xếp chờng nhau ở khắp các phòng. Riêng cái viễn ảnh, cả chục năm tới phải cố ăn sao cho hết số mứt mẹ tôi cùng hai đứa chúng nó đã đồ đầy đồng chai đó - rỗ ghi nhãn, đánh dấu cẩn thận - khiến tôi, ngay từ khi còn nhỏ, đã lúc nào cũng căm ghét mọi thứ thức ăn đóng hộp, nhất là mứt hoa quả, tự làm, tự đóng chai để dành kiêu đó rỗ. Ngoài ra, trong kho dự trữ thức ăn nhà tôi, bao giờ cũng đầy ứ hàng trăm chai lọ lớn nhỏ như thế, đựng nào đùi gà, đùi chim trĩ đến đùi chim bồ câu, mà mỗi lần thoáng liếc thấy chúng, với cái màu vàng vàng đục đục đó, là tôi lại buồn nôn. Mặc dù ở Wolfsegg, càng ngày càng ít người đựng đến các loại mứt hoa quả hay ăn đến thứ thức ăn gọi là tự nấu, tự đóng chai để dành đó, nhưng mẹ tôi và hai đứa em gái tôi vẫn tiếp tục tự nấu, tự đóng chai thật nhiều; từ lúc nào tôi không rõ, cả ba mẹ con đều bị mê bị cuờng bởi căn bệnh nấu nấu, nghiền nghiền, đóng chai, đóng lọ - một căn bệnh vè sau không sao trị được nữa. Bánh mì cũ, tuần nào ba mẹ con cũng hì hục gom lại, bóp vụn ra, trữ vào một loạt những lọ thủy tinh to nhỏ, nhưng chẳng bao giờ lấy ra dùng, bởi vì ở Wolfsegg chẳng mấy khi rán thịt lợn tằm vụn bánh mì nữa, hay nói cho đơn giản, là vì cả nhà không ai ăn kiêu thành Wien nữa. Ai nấy đều chuyển sang ăn theo kiêu Paris, hợp với khẩu vị bà mẹ chúng tôi hơn. Và lại ở Wolfsegg, chả riêng khẩu vị, mà dần dần mọi sự đều diễn ra theo sở thích của mẹ tôi. Cứ quan sát kĩ mọi sự ở Wolfsegg là thấy ngay thị hiếu mẹ tôi chiếm ưu thế thế nào. Từ ngày vè làm dâu Wolfsegg, bà đã gạt các sở thích của bố tôi sang một bên, áp đặt cho ông các sở thích của bà; bởi vậy, tôi phải nói ngay, *nhà bố tôi* chẳng mấy chốc thành *nhà mẹ tôi*. Song,



không phải do đó mà bố tôi được nhờ đâu. Cứ nhìn vô số những đảo lộn lung tung xòe trong các phòng ốc ở Wolfsegg thì khắc rõ đi đâu đó, mà nói cho cùng, chẳng riêng các phòng ốc, mà tất tậ các thứ ở Wolfsegg, kể cả các khu vườn, đều bị mẹ tôi nhúng tay vào, và với thị hiếu lẫn sở thích của bà, đã từ lâu, bà làm chúng hư hại đi mất bao nhiêu. Cả trăm năm nay, khu vườn hoa, vườn cây cảnh ở Wolfsegg bao giờ cũng được chăm sóc theo những quy trình nghiêm ngặt, cho đến khi mẹ tôi ra tay, làm cả khu vườn cũng phải xáo trộn, lộn nhào hết cả lên, từ một khu vườn - như tôi vẫn biết qua các bản in khắc cũ - vốn thênh thang và tràn ngập thiên nhiên, nó bị biến thành một thứ vườn đến là t ần thường và chán ngắt, nếu không muốn nói thành loại vườn tẻ nhạt của cánh tiểu chủ mạt hạng. Mọi thứ, có thể nói thẳng ra vậy, đều mang dấu ấn mẹ tôi. Tôi cũng phải thừa ngay, chính cái thói chuộng to cao, ưa đ ồ sộ của bà đã làm mọi thứ d ần d ần teo tóp lại. Đối với một gia sản như Wolfsegg, chưa hẳn bất kỳ mù đàn bà nào ngoi từ lớp dưới lên cũng sẽ là một tai họa không tránh khỏi; nhưng bà mẹ tôi, thì quả thật, đã là một tai họa như thế. Ông bố tôi, vốn yếu hèn, chẳng bao giờ đủ sức và bản lĩnh để ngăn chặn cái thói chơi ngông ngu ngốc của bà vợ ông ấy. Ngược lại, ông bao giờ cũng chấp thuận tất tậ những gì mẹ vợ, tức bà mẹ tôi, mong ước hay đòi hỏi, ông xuýt xoa, coi đấy là vốn hiểu biết thông thái của mẹ, ông tr ần tr ồ khen ngợi mọi việc làm méo mó, phá hại thẩm mỹ của vợ, xem đó như những thành công mỹ mãn, lớn lao, nếu không nói là tuyệt vời nhất, khiến mẹ tôi d ần d ần cũng tưởng mình là *vị nữ cứu tinh của Wolfsegg* thật, rồi cứ ngang nhiên đóng vai trò ấy mãi. Nhưng, đúng ra, bà mẹ tôi vốn bao giờ cũng chỉ là kẻ bòn rút, phá hại Wolfsegg mà thôi. Ngay từ dạo hai con em gái tôi còn nhỏ, mẹ tôi đã biến chúng thành hai trợ thủ trung thành vô đi ều kiện, nhắm mắt cổ xúy và thực hiện đến cùng các ý đồ phi thẩm mỹ của mẹ chúng ở bất kỳ đâu, bất kỳ lúc nào. D ần d ần, chúng nó tự biến thành hai chiếc loa lợi hại của mẹ tôi. Những chiếc loa này luôn đứng, ng ồi hay nằm ở tư thế rình mò, chờ đợi. Có lần tôi bảo Gambetti, loại em gái như chúng nó dễ làm một cảnh tượng vui tươi hạnh phúc nào đó lập tức tối s ầm như chơi. Ở một trang trại như Wolfsegg đây, một bà mẹ như vậy cùng hai đứa em gái chỉ mẹ bảo sao làm nấy như thế, nếu muốn, họ sẽ dư sức biến bất cứ một ngày chói chang ánh nắng nào thành đêm đen như b ờn. Và, quả nhiên, cả ba đã chung tay làm biết bao

nhieu ngày, thậm chí năm hay thặng ở Wolfsegg này trở thành tằm tối. Chỉ vì họ muốn vậy, họ chẳng ngại tắt ánh sáng của chúng tôi đi. Một người đàn ông như bố tôi, tôi bảo với Gambetti, lấy một người đàn bà làm vợ, thì như thế, ông cũng tự tắt ánh sáng đi. Từ đấy, ông không còn sống như trước nữa, ông chỉ còn lờ mờ, loay hoay, lóng ngóng sờ soạng trong bóng tối, trước sự khoái trá của kẻ đã chủ mưu kéo màn đêm kia xuống. Loại đàn ông như bố tôi, tôi nói với Gambetti, thoát đầu chỉ dính líu đàn bà đã ngại, chứ chưa nói kết duyên vợ chồng với ai, nên cứ lưỡng lự, chần chừ kéo dài mãi, cho đến lúc - vì sợ ế, sợ quá lứa sẽ biến thành trò cười cho thiên hạ - các bố bỗng cuống cuống nhắm mắt đâm đầu vào chiếc bẫy do một cụ đàn bà ranh ma nào đấy giăng sẵn, một cái bẫy chết người, sẽ sập ngay xuống. Khác với chú Georg, tôi cũng bảo Gambetti vậy, bố tôi thuộc loại đàn ông sinh ra để sống có đôi, có lứa; nhưng lẽ ra, không đời nào nên thành đôi thành lứa với một người đàn bà như mẹ tôi. Ông đã lấy phải một người hủy diệt ông, một người phản bội ông. Dĩ nhiên, mấy đứa chúng tôi, ai cũng yêu thương mẹ, tôi nói với Gambetti, song chúng tôi đều chứng kiến và thấu rõ cả tâm địa độc ác lẫn niềm ham mê phá phách của bà. Một khi cái độc, cái ác đã ngóc đầu - tôi nói với Gambetti - thì đạo lý cũng thành lỗ bịch thôi. Tất nhiên, ở đời, cũng rất dễ có chuyện ngược lại: một người đàn bà xuất hiện và sẽ cứu vớt *tất tật*. Song le, *người đàn bà này, bà mẹ chúng tôi đây*, chỉ là một nữ quái chuyên phá phách mà thôi. Mặt khác, tôi nói thêm với Gambetti, cũng có thể tôi chỉ tưởng vậy, trong khi mọi sự đều khác, thậm chí ngược hẳn lại cũng nên. Rằng, nếu không có người đàn bà ấy, tức là mẹ tôi, thì nổi bất hạnh đổ ập lên Wolfsegg ấy, biết đâu còn *lớn hơn nhiều*. Chú Georg chả vẫn thường nói, các tình huống do mẹ tôi mà hình thành ở Wolfsegg này quả quá *may mắn cho chú* là gì. Chú vẫn bảo, *các toan tính của chú đều trúng cả* đấy thôi. Và tự tôi, tôi cũng phải tự nhủ rằng các toan tính của riêng tôi đều nghiệm cả. Bởi, xét cho cùng, thì rất có thể chính tôi đây, lẽ ra, cũng đã thành người hoàn toàn khác rồi, nếu Wolfsegg đã phát triển theo một hướng hoàn toàn khác, tức là, nếu nó phát triển không phải dưới tay mẹ tôi, mà dưới tay một người vợ khác của bố tôi. Tôi sẽ không phải là người như tôi hiện nay, nếu Wolfsegg là một Wolfsegg khác với bây giờ. Bởi vì, nếu xét chung về mọi mặt, hay chỉ xem xét riêng cái cơ hội may mắn cho tôi được sống ở Rome thôi, thì tôi cũng

có thể tự xem mình sung sướng lắm rồi - tôi nói vậy với Gambetti - và, như thế, thật ra, tôi chẳng có cơ gì để luôn mãi nói đến Wolfsegg như nói đến một thứ hiểm họa cả. Rất có thể, dạo ấy tôi bảo Gambetti, chỉ vì do tôi cảm thấy hối hận về việc tôi - chỉ cốt sao thoát khỏi Wolfsegg cho bằng được - đã rời bỏ chốn này theo một cách phải thừa nhận là khá nhẫn tâm, bất chấp lúc ấy nó đang ở tình trạng thế nào. Chúng ta, như ai nấy vẫn biết, thường căm ghét kẻ nuôi dưỡng mình, và tôi ghét Wolfsegg - dù tôi có quyên ghét, hay không có quyên ghét cũng vậy - ít nhiều cũng vì lý do như thế, tôi bảo Gambetti, vì Wolfsegg chả nuôi dưỡng tôi là gì. Ta thường nổi cơn căm hờn, chỉ vì ta sai trái, hoặc chỉ lúc nào ta sai trái mà thôi. Tôi đã thành thói quen luôn luôn nghĩ trong đầu (và nói ra miệng!) rằng mẹ tôi đáng ghét, hai đứa em tôi đã đáng ghét lại còn ngu, bố tôi yếu hèn, anh tôi nhõ nhăng, vâng, rằng cả nhà rất một lũ đần độn. Thói quen đó là một loại vũ khí, nói cho cùng là thứ vũ khí hèn hạ, chỉ đem ra dùng cốt để làm lương tâm đỡ bị cắn rứt mà thôi. Sau lưng tôi, tôi bảo Gambetti, cả nhà ai nấy đều có quyên luôn mãi kể tội, bêu xấu tôi, biến tôi thành kẻ xấu xa độc địa, y hệt như bao lâu nay tôi vẫn kể tội, bêu riếu mọi người trong nhà như vậy. Ta dễ quên và nhanh quên cái thói căm ghét, quyên rửa người khác, nhưng không bao giờ tự hỏi xem sự căm ghét đó, những lời quyên rửa đó có công bằng, chính đáng chút nào không. Nhìn chung, rốt cuộc đó đều là *những con người tội nghiệp*, mà lẽ ra, vì ta tự biết mình, ta phải cảm thông mới phải. Bởi vì, hệt như ta đang vật vờ khốn khổ, họ cũng đang lay lắt sống một cách đáng thương như thế trên đời này và, dù muốn hay không - tôi bảo Gambetti - họ vẫn phải sống, cho hết ngày, tận tháng. Tại sao ta cứ hay vội vàng lấy rồi bấu chặt vào thói hư tật xấu của người khác, nhưng lại tảng lờ nét hay tính đẹp của họ như thế, tôi nói với Gambetti. Tuy nhiên, nhìn tấm ảnh chụp hai con em gái tôi, tôi lại quay ngay về cách nhìn cũ, bức ảnh làm hiện lên rõ mười mười cái lỗ bịch của chúng ngoài đời. Bảo chúng nó lỗ bịch thì tôi không bàn thêm. Nhưng, tôi tự hỏi, liệu chúng nó có đáng bị mình gọi là *đê tiện* hay không? Lại đúng lúc này? Tôi thấy ngượng ngượng thế nào, song, tôi lại tự chống chế ngay, đúng là trong đầu ta, đã nghĩ sẵn thế nào, thì khó mà sửa ngay được và tôi khẳng khẳng quả quyết, hai đứa em gái tôi quả là *vừa lỗ bịch vừa đê tiện* thật. Cái gọi là bịch gia đình, tôi tự nhủ, sẽ không bào chữa được cho việc ta giả mạo, vẽ

lại toàn bộ bức tranh thật về gia đình này, cũng không thanh minh nổi cho việc, chỉ do ích kỷ mà thôi, ta đột nhiên trở nên mềm lòng và ít nhiều xao xuyên. Một tai nạn, dù thảm khốc đến đâu đi nữa, không thể biện minh cho ta, cho phép ta xuyên tạc các ý nghĩ trong đầu ta, giúp ta ngụy tạo thế giới quanh ta, để ta bóp méo tất tậ, hay nói cách khác, để ta thông đồng với sự dối trá. Tôi thường chứng kiến tình huống, khi phải nói đôi lời về những kẻ quá cố nào đấy, những kẻ lúc đương thời vốn vẫn bị xem là đáng ghét, đáng ghê tởm, người ta bỗng đứng xoay ra nói về họ như thể họ chưa từng đáng ghét, không hề đáng tởm bao giờ cả. Cái lối trơ trẽn đó luôn luôn làm tôi khó chịu. Cái chết của một con người không làm hẳn thành con người khác được, cái chết không hóa hẳn thành người tốt hơn, không biến hẳn thành thiên tài, nếu sinh thời hẳn vốn đã điên, không nâng hẳn lên thành bậc thánh hiền, nếu sinh thời hẳn vốn là đồ quái vật. Ta buộc phải chịu đựng một tai họa kiểu như thế *một cách hoàn toàn tự nhiên*, phải cam chịu tất tậ những gì khủng khiếp nhất của nó, kể cả sự thật hiển nhiên là, những người gặp nạn kia chết đi, nhưng bức tranh thật sự về họ không vì thế mà thay đổi. Người ta vẫn bảo, không nên nói đi đâu gì xấu, chớ nên bàn chuyện gì dở về người đã khuất; song, như thế là dối trá, là giả tạo chứ còn gì. Một kẻ suốt đời vốn đáng ghê tởm, một kẻ tâm địa vốn hèn hạ, thì khi hẳn chết đi, làm sao tôi lại đột nhiên quay ra quả quyết, hẳn không đáng ghê tởm, không hèn hạ, mà ngược lại, còn rất tốt bụng được kia chứ! Tẩn trò nhạt thếch ấy, ta chứng kiến hàng ngày, khi một ai đó qua đời. Một khi chúng ta đã không ngần ngại để nói rằng con người cao quý này vừa mất, thì ta cũng không nên ngại ngần để nói thẳng ra, kẻ độc ác và đê tiện kia vừa chết. Con người đó chết đi, mang theo tất cả các tậ xấu, *hoặc* các đức tính tuyệt vời của mình, ta cần nói rõ như thế. Cái chết của một ai đó không được phép - bất kể bằng cách nào - bóp méo bức tranh về con người ấy theo ý ta. Người chết vốn ở đời thế nào, sẽ tồn tại trong ta thế ấy, ta cần biết vậy và để người đó yên nghỉ. Tôi đã bảo Gambetti còn lâu tôi mới về lại Wolfsegg, thế mà *bây giờ tôi lại phải về đó ngay*. Tôi đã bảo, tôi không muốn thấy Wolfsegg nữa, tôi không chịu nổi những bức tường lẫn người ngòm trong ngôi nhà ấy, cả đến thời tiết ở đó tôi cũng không chịu được nữa. Tôi không hề nghĩ vì sao mọi thứ ở đó, tôi bảo anh ấy vậy, nhanh làm tôi khó chịu đến thế. Tôi không chịu đựng nổi ông bà già tôi,

anh em cũng thế, nhất là hai con em gái, tôi bảo vậy, làm tôi phát điên. Tôi sống đã quá lâu ở Rome, hay nói rộng ra là ở nước ngoài, ở đấy, tôi thành người ngoại quốc mất rồi; lưu lại Wolfsegg chỉ một tiếng đồng hồ thôi, tôi cũng chịu không nổi. Tôi không thể hình dung, có một lúc nào đó, rồi tôi sẽ dừng chân, lưu lại Wolfsegg một thời gian dài. Tôi chẳng còn mối liên hệ nào với Wolfsegg nữa. Tôi ghê tởm tất tật, những gì liên hệ tôi với chốn ấy. Lịch sử của Wolfsegg là một gánh nặng chết người mà tôi không muốn đưa lưng ra gánh vác nữa. Thế mà giờ tôi lại phải quay lại Wolfsegg ngay. Vào hoàn cảnh thế nào chứ! Vào hoàn cảnh đáng lạnh hoàng biết chừng nào chứ! Tôi tự nhủ. Mới chừng bốn tiếng đồng hồ thôi chứ đâu, tôi còn bảo Gambetti, tôi chỉ ước ao, sao không bao giờ phải quay lại Wolfsegg nữa. Ước ao ấy của tôi chẳng bao giờ thành nữa. Ở đấy, tất tật đều đối trá, Gambetti ạ, bao trùm mọi thứ ở đấy là một thứ giả tạo kinh khủng anh sẽ không thể hình dung nổi. Người nhà tôi ở đấy, ai nấy đều thờ ơ, với tất tật những gì tôi nâng niu, yêu quý, với thiên nhiên, với nghệ thuật, với mọi sự đáng quý ở đời. Họ không đọc sách, không nghe nhạc, suốt ngày chỉ nói với nhau những chuyện chả ra đâu ra đâu, t ãn phào hết cỡ. Tôi không làm sao bắt nổi một câu chuyện nào gọi là thật bổ với họ, toàn chuyện chán phê phê. Tôi có nói gì, họ cũng chẳng hiểu. Tôi có giảng giải cái này cái kia, họ cũng chỉ trăn trăn nhìn tôi, hoàn toàn ghẻ lạnh mà thôi. Họ chẳng có lấy chút thị hiếu nào. Tôi có kể họ nghe về Rome - thì ít gì, đấy cũng là trung tâm thiên hạ cơ mà - họ ngáp dài, ngán ngẩm. Tôi có kể về Paris, về văn học hay hội họa, thì cũng thế thôi. Mỗi khi dẫn đến tên tuổi vĩ nhân nào quan trọng đối với tôi ra, tôi lại e ngại, không chừng ở nhà này, chưa ai nghe đến họ bao giờ cũng nên. Mọi thứ ở đó đều xơ cứng, và chẳng rõ vì lẽ gì mà mùa hè cũng vẫn lạnh lẽo, khiến tôi hầu như lúc nào cũng phải run lên vì lạnh. Anh không biết đấy thôi, trong đâu họ không còn gì khác ngoài những thứ hạ đẳng nhất. Tiền bạc, săn bắn, rau cỏ, lúa má, khoai sắn, than củi, Gambetti ạ, ngoài ra không còn gì nữa sất. Mẹ tôi chỉ luôn mồm về các cỗ ph ãn của bà, những cỗ ph ãn mà bà bao giờ cũng than phiền bà *toàn gặp rủi ro*. Bố tôi mở miệng là nói đến *nhà kho*. Với ông anh tôi, trung tâm thế giới nằm ở chiếc thuyền buồm và chiếc xe *Jaguar* của gã. Anh thử hình dung mà xem: ra vào lui tới chốn ấy chỉ rặt một lũ người đáng tởm, ngớ ngẩn, lỗ bịch, nhạt nhẽo mà thôi - đám dân tình lẽ đáng chán, không sao bắt

chuyện nổi, không thể nào bàn bạc, tranh luận chuyện gì cho đến đầu đến  
đuũa được ấy. Nếu được, thì ít nhất cũng phải mất một năm nữa tôi mới  
quay lại Wolfsegg, tôi bảo Gambetti vậy, thậm chí Lễ Giáng sinh cũng  
không về. Đến cả tục lệ ấy tôi cũng thấy đáng ghét, bởi Giáng sinh chính là  
dịp Wolfsegg trở nên nhớ những đôi trá nhất. Ít nhất một năm, tôi sẽ không  
về Wolfsegg, cùng lắm chỉ về vào dịp sinh nhật bố tôi! tôi bảo vậy, lúc hai  
chúng tôi dừng lại trước khách sạn Hassler. Cả lân này tôi cũng chuồn rõ  
nhANH khỏi Wolfsegg, làm người nhà tôi giận dữ, tôi bảo vậy, mặc dù, sức  
mấy họ đã giận dữ cơ chứ, bởi vì ai trong số họ chả vô cảm, vâng,  
Gambetti ạ, khó mà tả cho hết được chứng vô cảm bao trùm lên mọi sự ở  
đấy. Nói đúng ra thì gần đây, những gì mang hơi hướng Áo, cũng như tất  
tật những gì nhuộm màu sắc Đức vậy, tôi đều không chịu được. Tôi bảo  
Gambetti, ở Rome, đầu óc tôi đâm ra hư đốn đối với Wolfsegg. Rome làm  
tôi không chịu được Wolfsegg nữa. Ngay London đã đủ làm đầu óc tôi  
không chịu nổi Wolfsegg rồi, sau đó đến Oxford, Paris và cuối cùng là  
Rome. Tôi không hiểu làm sao mà, có đạo, tôi từng bán khoán, bứt rứt vì  
không về Wolfsegg như người nhà mong muốn được, bởi họ có đáng để  
tôi phải lặn lội về Wolfsegg đâu. Thì cứ bay về đấy, tôi nghĩ bụng, bay về  
cho họ riết móc làm nhục người. Chỉ riêng sự xuất hiện của tôi ở Wolfsegg  
thôi đã luôn luôn là mối nhục cho tôi rồi. Tôi vừa đến nơi là họ đã xỉ vả  
tôi. Vừa bước chân đến Wolfsegg là tôi đã bị làm nhục rồi. Ở đấy, tôi bảo  
vậy, nếu bỏ qua đôi khoảnh khắc hiếm hoi có thể gọi là dễ chịu đi, thì mọi  
thứ còn lại đều hèn hạ và hiểm ác. Đứng trước Gambetti, tôi vừa kể, vừa tự  
bị cuốn hút vào cơn phẫn nộ mỗi lúc một ngùn ngụt trút xuống Wolfsegg,  
mặc dù chính tôi, tôi cũng bỗng nhiên cảm thấy tràn chừi rửa tôi dành cho  
Wolfsegg quả là thối tha, khó chịu, song tôi không dừng được nữa, phải  
làm sao tuôn cho hết ra; bởi quả thực, tôi quá mừng được quay lại Rome,  
tôi chưa bao giờ mừng rỡ hân hoan đến mức không sao kìm lòng được  
nữa, và biến Gambetti thành một thứ nạn nhân phải bất lực đứng nghe  
những lời tôi nguyền rủa Wolfsegg, những lời nguyền rủa thật ra là dành  
cho mọi thứ mang chất Áo cũng như chất Đức, hay nói cho cùng, dành cho  
tất tật những gì ở vùng Trung Âu ấy. Đối với tôi, Gambetti ạ, đất bắc trở  
nên khó chịu tự bao giờ, càng lên phía bắc, tôi bảo vậy, càng khó chịu, mà  
Wolfsegg, trong mắt tôi, đã là nằm ở cực bắc rồi, đã tới tột đỉnh của sức

chịu đựng r ồi. Gambetti thân mến ạ, tôi không biết làm sao mô tả hết để anh thấy hết, những buổi tối chán chường, dài như vô tận, các món ăn vô vị cùng rượu vang nhạt nhẽo, lại thêm những câu chuyện trao qua đổi lại gương gạo ấy đã hành hạ, dẫn dắt tôi ghê gớm đến mức nào. Anh khó hình dung nổi tại sao, đối với tôi - được trở lại Rome, được lên đ ồi Pincio, được lượn qua lượn lại trong các khu vườn Borghese, được phóng tầm mắt từ đây xuống thành Rome yêu quý - lại có nhiều ý nghĩa như thế. Chao ôi, thành Rome tôi tôn kính! Thành Rome đẹp tuyệt vời! Ai từng sống ở Rome lâu như tôi, muốn hay không muốn, người ấy cũng tự xây tường, bịt lối dẫn về một nơi như Wolfsegg, anh ta không thể quay lại đây nữa, tịt đường r ồi. Tôi ra vào các dinh thự ở đây suốt bao nhiêu ngày, chỉ nhằm sao tự trấn tĩnh, nhưng vô hiệu. Tôi mất bao nhiêu lâu để loanh quanh trong các căn phòng dành cho tôi, với hy vọng r ồi sẽ quen dần, nhưng tất nhiên, vẫn không quen nổi; đã biết bao nhiêu lâu tôi uổng công tìm cách, làm sao lưu lại Wolfsegg mà không bị cảm giác sắp phát điên ám ảnh. Có cả năm cái thư viện một lúc, tôi bảo Gambetti, thế mà bầu không khí phản trí tuệ lại nặng nề đến thế! Ở các nước La-tinh, một người dù rất bình dân cũng đã ít nhiều có thị hiếu, có văn hóa r ồi, tôi bảo vậy, còn ở Wolfsegg, một tí teo thị hiếu cũng chẳng ma nào có. Từ lâu lắm r ồi, dân chúng Áo không còn chút thị hiếu nào nữa. Nhìn vào đâu cũng chỉ r ặt những thứ cực kỳ vô vị và nhạt nhẽo. Mà thói thờ ơ, tạt lãnh đạm mới lan tràn làm sao chứ. Tôi bảo với Gambetti, cứ như thế bây giờ người ta chỉ cần có dạ dày là đủ, đầu óc đâm ra thừa thãi. Một đám dân đ ần độn, tôi nói vậy, trong khi quê hương họ tuyệt vời là thế, đất nước họ đẹp có một không hai như thế. Thiên nhiên họ đẹp không nơi nào sánh nổi, vậy mà họ vô cảm, thờ hững với nó. Một nền văn hóa lâu đời, vốn đáng kính là thế, tôi nói, mà giờ đây, vô văn hóa đã man đến vậy, một sự phản văn hóa kinh hoàng nhất thì đúng hơn. Ấy là chưa nói đến nền chính trị t ối tệ ở đây. Ôi, không biết loài súc sinh ghê tởm nào đang cai trị đất nước Áo ngày nay! Những kẻ hạ đẳng leo lên ng ồi tít bên trên. Những kẻ đáng ghê tởm nhất, những tên hung ác nhất đang nắm mọi thứ trong tay và chúng đang manh tâm hủy hoại hết thảy. Đang ra tay chính là bè lũ phá hoại say sưa cuồng nhiệt, là tụi bóc lột người không nương tay, cái bọn choàng vỏ chủ nghĩa xã hội kiểu Áo ấy. Chính quyền này đang vận hành một bộ máy hủy diệt đ ỗ sộ, ngày ngày hủy hoại tất t ật

những gì tôi quý mến. Phố phường thay hình đổi dạng, tôi bảo vậy, đến mức không còn nhận ra được nữa, làng quê trở nên xập xệ đến mức đáng thương. Bao nhiêu vùng thiên nhiên đẹp đẽ hôm xưa trở thành nạn nhân của thói tham tiền háms lợi, vừa khát khao chức trọng quyền cao của lũ đã man tâm thối. Cây cối đẹp chỗ này, chúng cho đốn đi, ngôi nhà cổ tráng lệ nơi kia, chúng cho kéo đổ, chốn khác có dòng suối ngọt đổ xuống thung lũng, chúng cũng cho lấp đi bằng đợc. Mọi thứ đẹp đẽ đều bị giẫm đạp, chà nát. Và tất cả đều nhân danh chủ nghĩa xã hội kiểu Áo, theo một lối giả nhân giả nghĩa ngoài sức tưởng tượng. Tất tậ những gì, dù chỉ tí ti, dính dáng đến văn hóa đều bị nghi vấn, cho đến khi tuyệt diệt mới thôi. Chính là bọn chuyên nghề hủy diệt, lũ sát thủ ấy, đang ra tay. Ta đang đối mặt với bọn chuyên hủy diệt và bè lũ sát thủ đó, chúng đang hành sự ở mọi nơi, mọi chỗ. Bọn chuyên nghề hủy diệt lẫn bọn giết thuê, chém mướn ấy phá phách r ỡ triệt hạ phố phường, giết hại, r ỡ hủy diệt đ ồng quê. Các cặp mông phì nộn của chúng bít chặt hàng ngàn, hàng trăm ngàn văn phòng sở này, bộ nọ ở mọi vùng miền, mọi xó xỉnh quốc gia này, và trong đ ầu chúng không chứa bất cứ thứ gì khác, ngoài cơn say phá phách và hủy hoại, trong đ ầu chúng không toan tính bất cứ chuyện gì khác, ngoài chuyện làm sao tận diệt, làm sao xóa sạch sành sanh mọi thứ nằm giữa hồ Neusiedlersee và Bodensee. Thành Wien đang bị đẩy gần đến chỗ chết, Salzburg cùng bao nhiêu thành phố tuyệt vời khác cũng vậy, những thành phố, tôi nói với Gambetti, tuy anh chưa đến, nhưng thật sự là những thành phố nằm trong số thành phố đẹp nhất thế gian này. Phong cảnh ta thấy, mỗi khi từ Wien lên đường xuyên đất Áo ta vẫn qua, cũng bị hãm hại và gần như tuyệt diệt. Suốt quãng đường, hình ảnh ghê người này nối tiếp hình ảnh ghê người khác, các cảnh tượng quái dị chen nhau đi qua trước mắt ta, và nếu vẫn khăng khăng bảo nước Áo hiện giờ rất đẹp, thì quả là quá ư dối trá. Đất nước này, sự thực, từ lâu đã trở thành nạn nhân của các dịch vụ làm ăn xảo trá, bị hủy hoại, bị phá phách, bị nh ỡ nặn hoàn toàn tùy tiện, một đất nước khó lòng còn xó xỉnh nào nguyên vẹn. Bảo đất nước này đẹp là dối trá, bởi sự thực, đất nước này đã bị giết hại mất r ỡ. Có cần phải thế không, tôi hỏi Gambetti, để ngay trong thế kỷ này, con người ta chiếm đoạt mảnh đất đẹp nhất tr ần đời ấy, r ỡ giết hại và tuyệt diệt nó? Sau nhiều năm xa cách, ta không còn nhận ra cả làng xóm lẫn dân quê nữa đâu, Gambetti ạ. Mới vài



năm trước đây thôi, họ còn là những con người thế nào mà bây giờ, họ lại trở thành những kẻ như thế! Ai nấy dường như đều mắc thứ bệnh chết người - vô bản lĩnh, phi cá tính, tham lam, tàn nhẫn, hèn hạ, dối trá, giả nhân giả nghĩa, đê tiện. Ngày nay, để đạt được đôi mục tiêu thấp hèn, những kẻ như thế có thể làm tất cả, kể cả những trò tàn nhẫn đáng tởm nhất. Anh khắp khởi vào các thôn làng ấy, những tưởng sẽ hưởng niềm vui tái ngộ, ai ngờ gặp toàn chuyện độc địa, khiến anh chả mấy chốc phải quay lưng tháo chạy. Anh tìm thăm lại các thành phố hôm xưa từng tráng lệ là thế, để rồi gằm mặt thất vọng bỏ đi, nặng trĩu lòng trước cảnh tượng tan hoang của các thành phố ấy. Chúng đã bị bọn tà ma mới chà xát, triệt hạ mất rồi, anh chỉ còn tìm thấy chúng trong sách cổ, trên tranh khắc thời xưa nữa mà thôi. Thực tiễn hôm nay đã tuyệt diệt chúng từ lâu. Như những ngôi nhà tráng lệ ở Salzburg, vùng Thượng Áo chẳng hạn, hay ở Hạ Áo cũng vậy thôi, đã mất hết diện mạo vốn có của chúng, trong cơn sốt sình kiêu cách tân thời, người ta mù quáng cắt xén, băm vằm diện mạo tuyệt vời và cổ xưa trăm năm có lẽ đó, giật đổ tất cả những gì đẹp để vốn có trên các tòa nhà ấy, để giờ đây, với vẻ ít nhiều giễu cợt, chúng trơ trẽn phô bộ mặt rách nát, bần giập ra trước những cặp mắt xót xa của kẻ qua đường, người còn nhớ hôm xưa trông chúng thế nào. Tôi bảo Gambetti, nhìn đâu cũng rất những mặt nhà sần sùi tan nát, kinh khủng như bệnh hủi. Chưa kể bọn chúng còn thẳng tay moi gan mổ ruột hẳn cả nhiều khu phố một lúc, tôi nói với Gambetti, khiến chúng mãi mãi què quặt, đổ nát. Bọn kiến trúc sư đã làm méo mó mặt đất chúng ta - tôi bảo vậy - chính cái bọn kiến trúc sư là bọn đã được tụi chính trị gia tàn nhẫn kích động và xúi giục gây nên sự méo mó dị dạng đó. Thoạt tiên, có thể tưởng chiến tranh đã tàn phá phố phường, làng mạc chúng tôi; song thực ra, trong mấy chục năm gần đây, phố phường, làng quê chúng tôi bị nền hòa bình quái đản tàn phá còn thậm tệ hơn nhiều, qua những vụ làm ăn bất lương của bọn cầm quyền, cái bọn đã dung túng cho tụi kiến trúc sư hung dữ thả sức hoành hành phá phách ấy. Và anh có biết chúng đã hoành hành ghê gớm đến thế nào trong mấy chục năm qua! So với sự tàn phá của chúng, mức độ tàn phá do chiến tranh gây ra thật không đáng là bao, tôi quả quyết với Gambetti như thế. Và không ở đâu như ở Áo, sự tàn phá lại xảy ra như thế. Không ở đâu trên đất châu Âu này, sự tàn phá lại ác nghiệt đến thế. Tôi bảo Gambetti, bọn chúng

lừa bịp dân chúng, che mắt bịt tai con nhà người ta để rảnh tay đào bới, đục bỏ, rớt cuộc, không ít thì nhiều, hủy diệt hoàn toàn cả làng quê lẫn phố phường của họ. Hàng chục năm nay, bọn chúng thuyết giáo, nhõ nhét vào đầu con người ta một thứ thị hiếu cực kỳ vô vị và rẻ tiền. Mấy chục năm trở lại đây, tôi bảo Gambetti, chúng tôi đội trên đầu biết bao nhiêu vị Bộ trưởng đầu cơ trục lợi, vừa độc ác vừa trắng trợn, những kẻ ngỗ ngược ở các ghế Bộ trưởng cho đến khi nào triệt hạ, tàn phá xong các cánh đồng quê, các đô thành, của chúng tôi mới thôi, lại phải cõng trên lưng thêm biết bao nhiêu bọn chuyên nghề hủy diệt quốc gia, mà cũng là đất nước của chúng tôi ấy, tôi nói với Gambetti, cứ nghĩ mà phát khiếp. Nhưng, trên một đất nước mà hàng chục năm nay chỉ độc có sự thô lỗ và thị hiếu rẻ tiền hoành hành cai trị, thì cũng chẳng có gì là lạ, khi giờ đây kết cục mọi mặt lại thảm hại đến thế này. Bởi vì, lúc ra tay hủy hoại, tàn phá, hủy diệt phố phường, làng mạc chúng tôi, thì bọn càn quỳ cũng tàn sát và hủy hoại luôn cả linh hồn lẫn chí khí nhân dân chúng tôi vậy, tôi nói với Gambetti. Linh hồn đồng bào tôi bị hủy hoại, bản lĩnh họ trở nên thấp hèn, tính khí họ đâm tàn nhẫn. Tôi bảo, hiện giờ, ở đâu cũng bị bầu không khí hằn học bao trùm, đặt chân đến bất kỳ đâu, anh đâu phải đối mặt với tính khí hằn học, ác hiểm đó. Anh bắt chuyện với một người anh vẫn tưởng lương thiện như xưa, nhưng anh ngã ngựa ra ngay rằng đây là một kẻ nham hiểm và thấp hèn, bởi con người lương thiện hôm xưa ấy, theo trào lưu biến đổi tâm tính chung, đã biến thành kẻ nham hiểm và hèn hạ tự bao giờ rồi, và hẳn cũng chẳng buồn che đậy hay giấu giếm sự sa đọa, thoái hóa đó, hẳn còn ngang nhiên phơi bày nó ra trước mặt bàn dân thiên hạ. Anh bước chân vào một ngôi làng mà trong ký ức anh, vốn là nơi thân tình và cởi mở với anh, thì chẳng mấy chốc anh đã phải ngao ngán nhận ra, rằng nơi đây đã trở nên hằn học, không còn chút gì cởi mở nữa, rằng anh chỉ bắt gặp mỗi nghi hoặc hèn hạ mà thôi. Cả nước Áo biến thành cửa hàng bán buôn lèo lá, trong đó người ta chỉ còn cò kè mặc cả, bót một thêm hai với nhau, tên này bịp kẻ nọ nữa mà thôi. Anh định ninh anh đang rong ruổi thăm thú một đất nước đẹp đẽ, nhưng hóa ra, anh đang loanh quanh trong một cửa hàng bách hóa thì thụt bất lương. Anh chắc mẫm đang đến thăm một đất nước văn hóa, thì đâu đâu anh cũng bị cái dã man và thô thiển làm tổn thương. Tôi bảo Gambetti, ngay từ đầu, bầu không khí ngu muội ở đây sẽ làm anh ngạt thở.

Các bức tượng, tôi nói thêm, từ thế kỷ trước từng được dựng đặt khắp nơi kia, dường như cũng đang chán ngán nhìn xuống đồng hồ mang khôn tả do bọn c ần quy ền tạo ra. Gambetti ạ, tôi nói, anh không thể hình dung nổi, mọi thứ trở nên ghê tởm và lố bịch đến thế nào. Những thứ đáng ghê tởm ấy, những món lố bịch, vô vị và nhạt nhẽo ấy, hẳn sẽ không thể có ở nước Ý, tôi nói, ở l ầy Ban Nha cũng không. Không ở đâu như ở nước Áo, bọn họ lại nhắm mắt nhắm mũi rập khuôn các khẩu hiệu ngớ ngẩn cổ xúy cho tiến bộ một cách nghiêm túc như thế, tôi nói, và do đó, hủy hoại hết thảy. Ở Áo, mọi thứ ngu xuẩn đều được rập khuôn nghiêm túc, đều được bắt chước nghiêm chỉnh, ở mức triệt để nhất, tôi nói với Gambetti, và tự anh, anh khắc biết, như thế có nghĩa là gì. Cho đến giờ tôi vẫn một mực định ninh cái gọi là chủ nghĩa xã hội kiểu Áo ấy, chỉ là như cơn nhức đầu vô hại, sớm muộn khắc qua thôi, tôi bảo Gambetti, ai dè, nó quả thực là thứ bệnh gây tử vong đáng sợ. Thứ chủ nghĩa xã hội tôi muốn nói đến ở đây, Gambetti ạ, là thứ *chủ nghĩa xã hội đang thịnh hành*, tức là thứ giả dối, quỷ quyệt, bị xuyên tạc một cách vô liêm sỉ nhất. Hiện nay, ta không có chủ nghĩa xã hội thực sự, nó không tồn tại ở bất kỳ đâu trên thế giới này cả, anh c ần biết đi ều đó, đâu đâu cũng chỉ một thứ chủ nghĩa xã hội giả dối, trí trá, bị xuyên tạc ấy mà thôi. Cũng như những người xã hội chủ nghĩa hiện nay không phải là những người xã hội chủ nghĩa chân chính, mà về thực chất, chỉ là những kẻ giả dối, xảo quyệt, trí trá không hơn không kém. Thế kỷ này đã thành công biết bao trong việc bôi tro trát trấu vào thanh danh chủ nghĩa xã hội - vốn là thứ đáng tôn đáng kính - đến mức anh phải buồn nôn, tôi bảo Gambetti vậy. Giá các vị t iền bối hôm xưa từng mang nặng đẻ đau thứ chủ nghĩa xã hội chân chính và từng chắc mẫm đã xây dựng nên, đặt được móng cho nó trường tồn mãi mãi mà biết được bọn đê tử xấu xa của các vị đã biến con đẻ các vị thành thứ gì, thì hẳn các vị phải đội mồ ch ồm dậy. Các vị sẽ phải đội mồ ch ồm dậy, nếu các vị mở mắt nhìn thấy được những thứ mà ngày nay người ta đem ra rao bán dưới danh hiệu Chủ nghĩa xã hội cao quý của các vị và dúi vào tay dân chúng khắp nơi. Các vị sẽ điên tiết đội mồ ch ồm dậy, nếu các vị thấy những trò bịp bợm bản thủ nào đang đội danh Chủ nghĩa xã hội cao quý ấy của các vị để diễn ra ở châu Âu, cũng như trên thế giới này. Các vị sẽ phải bàng hoàng đội mồ ch ồm dậy, nếu các vị được nghe nói tới chiêu trò bịp bợm chính trị gớm

ghê chưa từng có này. Các vị sẽ đội m òn hòm dậ, đội m òng ã dậ, tôi nói đi nói lại nhiều lần với Gambetti như thế. Tôi cũng bảo Gambetti, còn lâu, ít nhất một năm nữa tôi mới quay về chốn ấy, thế mà bây giờ tôi lại phải lập tức quay về đó. Trong ảnh, dáng ông anh tôi đứng có vẻ hơi co ro khúm núm, tôi tự nhủ, và mặc dù trông khá sang trọng, gã vẫn chỉ là gã nhà quê, trong khi tôi bao giờ cũng là dân thành thị, dân phố lớn, dù có ăn mặc theo kiểu thị thành đến đâu đi nữa, bản mặt nhà quê của gã vẫn lộ rành rành. Y hết ông bố gã, tuy rất hay đóng bộ kiểu thị thành, như ông anh tôi, nhưng bao giờ ông cũng lộ rõ chất quê mùa. Thế rồi, bởi mẹ muốn thế, họ lên xe, hay đúng hơn là đã lên xe đến Wien nghe nhạc kịch - vào dịp Phục sinh thì nhất thiết phải là vở *Parsifal* - rồi vào khách sạn Sacher dùng bữa, ở Wien, họ không ăn tối, mà *dùng bữa tối*, họ không ăn trưa, mà *dùng bữa trưa*, họ dùng bữa điếm tâm, rồi đi dạo tay ba, hoặc - gặp lúc m òm lòng, rộng bụng - thì mời bà cô Elisabeth tôi sống ở Wien đi cùng, để thành tay tư kéo nhau qua khu Graben, lượn hết phố Kämtnerstrasse đến tận khu Ring. Y phục thị thành, nhưng thoáng nhìn, ba vị lộ ngay tướng nhà quê. Cả bọn dắt díu nhau đến những cửa hàng danh tiếng nhất, ở đấy, mẹ tôi sẽ chọn mua bộ trang phục cắt theo kiểu mẫu Milano hay Paris - đắt tiền nhất, mà cũng vô duyên, khiếm nhã nhất, rồi đóng lên người, xúng xính đến Linz, vào nhà hát, hoặc đến Salzburg nghe buổi giao hưởng trong chương trình vé tháng, mà từ cả chục năm nay ông bà vẫn đặt mua. Trên ảnh, trông ông anh tôi có vẻ khỏe khoắn hơn ngoài đời. Nhưng thật ra, gã đã kịp nhiễm mọi thứ bệnh bố gã mang trong người rồi, chỉ chưa phát ra như ở bố thôi, mà vẫn còn ủ, ngấm ngấm, âm ỉ. Nhưng tôi, chỉ nhìn gương mặt gã, chỉ nhìn dáng người tội nghiệp từ trong ra ngoài của gã trong ảnh là tôi đủ thấy các căn bệnh gã mắc rồi. Có lần tôi bảo Gambetti, bọn họ ai cũng có dáng điệu tội nghiệp, bắt ngu òn từ tính cách tội nghiệp của họ. Ở họ, cả trong lẫn ngoài, mọi thứ đều tội nghiệp, và tôi giảng giải cho Gambetti biết *tội nghiệp* là thế nào. Ở Ý, người ta không biết khái niệm này, trong tiếng Ý không có từ nào tương ứng, cũng không thể dịch nó cho đúng nghĩa được. Bọn họ dắt nhau vào nhà hát nhạc kịch hay nhà hát kịch nói, song của đáng tội, chỉ là để ng ã ngán ngảm, ngáp lên ngáp xuống. Ấy nhưng cứ hết buổi diễn, bao giờ họ cũng vỗ tay, dậm chân hoan hô cu òng nhiệt, chẳng buồn để tâm giữ vẻ sang trọng, tinh tường tế nhị nữa chỉ vì họ đã mất rất nhiều tiền để mua vé,

mua với giá gốc, là chuyện dân thành Wien chính hiệu chẳng bao giờ làm, dân Wien chính hiệu không bao giờ mua vé giá gốc, cùng lắm chỉ trả một nửa, họ dành vé giá gốc cho đám dân ngoại quốc hay cánh nhà quê thả sức mua, và đám này, vốn dĩ phải bỏ tiền mua vé gốc giá cao, nên cũng thường vỗ tay hoan hô nồng nhiệt hơn cả. Trước tủ kính trưng hàng của các cửa hàng danh tiếng, nhưng chưa hẳn đã là tốt nhất, bao giờ chúng tôi cũng phải cùng với mẹ dừng lại ngắm nghía. Bước vào các cửa hiệu này, bao giờ bà cũng ngẩng cao đầu, và tôi chưa bao giờ chứng kiến bà ra khỏi một cửa hiệu danh tiếng nào đấy mà không mua sắm gì. Cứ qua hai, ba cửa hiệu như thế, thì y như rằng, cả tôi lẫn những ai đi cùng đã phải tay xách nách mang một lô một lốc những túi với bị, bao giờ túi đeo túi xách quả thật nặng không tha được nữa, bà mới chịu thôi và để cho cả bọn, ai nấy mệt nhoài, lê lét kéo nhau về nghỉ ở khách sạn Sacher hay Bristol, là hai nơi chúng tôi thường dừng chân trọ. Nếu được, bà đã mua bằng hết đem về Wolfsegg cho hả. Bà làm gì với bao nhiêu thứ thế này - thế nào bố tôi cũng cần nhàn - rồi bà có mặc đến đâu? Ở Wolfsegg, bà không mặc được, bởi trông buồn cười đến chết; ở Salzburg chẳng ma nào để ý xem mấy thứ này quý giá ra sao, ở Linz cũng vậy, chứ chưa nói ở Weis. Rồi mọi thứ cứ treo đấy trong tủ, cho đến khi hết thời, bà lại quảng hoặc đem cho chứ gì. Song, nào mẹ tôi có chừa. Đi Wien về, số kiện hàng bà mang theo bao giờ cũng lên hàng tá, chưa kể chừng nửa tá nữa, do các cửa hiệu sẽ còn gửi về sau. Ấy là số quần áo bà mua lúc vắng mặt chúng tôi. Mẹ tôi bao giờ cũng chỉ cả đồng tiền bạc để sắm quần áo, mặc dù bà chẳng bao giờ mặc hết, và nếu có mặc, thì cũng hai, ba lần là cùng, rồi thì vứt bỏ hoặc cho đi. Ấy nhưng, thấy bảo vậy, nếu tụi em gái tôi hứng lên, muốn mua áo váy tân thời thì liệu hèn! Ở Wien, chúng chưa bao giờ được phép mua bất kỳ chiếc áo nào; thậm chí ngay cả khi bốn chục tuổi đầu rồi, cũng không được phép. Bốn chục tuổi đầu, tụi nó cũng chỉ mới đôi lần được mua thứ áo váy hạ giá ở Weis mà thôi, bởi vì cánh thợ may ở Lambach trước sau vẫn là những người may quần áo cho chúng nó, thứ quần áo Dirndl đáng ghét, mà bà mẹ chúng tôi - như tôi đã kể - mỗi năm hai lần, thuê thợ may đo. Đến vải may, chúng nó cũng chẳng được phép chọn, bởi bà mẹ - mặc dù chính bà, chưa bao giờ có thể coi là có khiếu thẩm mỹ - từ xưa đến giờ vẫn khăng khăng, hai đứa không đủ thị hiếu để tự chọn. Các phù điêu trên các

bộ váy Dirndl này, nếu không quá to, thì sẽ quá nhỏ, hoặc màu sắc đá nhau, cổ áo không quá rộng thì quá hẹp, tay áo hoặc quá ngắn hoặc quá dài, váy bao giờ cũng dài quá cỡ ít nhất hai chục phân và yếm bên ngoài không khi nào hợp với váy bên trong. Mẹ tôi bao giờ cũng diện hai đứa con gái bà như diện hai con búp bê, bởi bà bao giờ cũng đối xử với chúng nó như đối xử với hai con búp bê vậy, và nói cho cùng, chưa bao giờ thấy chúng nó khác hai con búp bê thế nào cả. Cũng như nhiều bà mẹ khác, ngay từ lúc đẻ con ra, bà đã luôn luôn xem hai đứa con gái bà như hai con búp bê. Và có lẽ sẽ không phải là quá lời, để bảo rằng hình như bà cố tình sinh nở hai con búp bê, chứ không phải hai đứa con gái. Dù đã có tuổi, dường như bà vẫn muốn có một, hai con búp bê để chơi thì phải. Hai đứa con gái bà nào khác gì hai con búp bê cho thú chơi của bà, cho nên bà cũng chưa bao giờ buông chúng ra cả, và chúng phải nhất cử nhất động theo ý bà, hàng ngày bà mặc quần áo cho chúng, bón thức ăn, rót nước uống, sáng dẫn đi chơi, tối bế lên giường, ru chúng nó ngủ, y như với mấy con búp bê. Bốn chục tuổi đầu rồi, mà hai con búp bê ấy - tức các em gái tôi - vẫn phải chiêu thú chơi búp bê của mẹ chúng, tôi nghĩ bụng. Nhưng cả gã anh tôi, suốt đời cũng sống cuộc đời một con rỗi, nói cách khác, làm thẳng hàng cho mẹ tôi, ngay từ đầu, bà đã nuôi dạy gã thành một thứ con rỗi phụ, đặng thay thế con rỗi chính, tức chồng bà, mỗi khi ông đi vắng. Với mẹ tôi, một người nghiện chơi búp bê, bọn em gái tôi quả là hai con búp bê biết nói thật; bà có thể bắt chúng cười hay khóc tùy ý bà, đuổi ra xa hay triệu đến gần khi nào bà muốn, mặc hay cởi quần áo chúng nó, tùy ý và tùy lúc bà ưng, còn chồng bà, ông bố tôi, và con trai bà, gã anh tôi, đầu là hai con rỗi nữa của bà, bà có thể giật dây tùy hứng. Mẹ tôi nghiện thú chơi con rỗi, một thú chơi khá ư tai ác. Bà đã biến Wolfsegg thành một thế giới vận hành hoàn hảo của các loại con rỗi và búp bê, trong đó mọi thứ đều chạy ro ro, rầm rập theo lệnh bà. Wolfsegg biến thành ngôi nhà búp bê và mọi thứ xung quanh nó - thành thế giới búp bê của bà. Vì tôi không muốn làm búp bê trong ngôi nhà và thế giới búp bê đó, cho nên tôi đã sớm tự tách mình khỏi ngôi nhà và thế giới ấy. Và, đứng từ bên ngoài nhìn vào, từ xa nhìn về, ngôi nhà búp bê ấy, thế giới búp bê ấy, trông còn nặng nề, ngọt ngào, còn đáng sợ hơn bội phần. Tôi bảo Gambetti, Wolfsegg là ngôi nhà búp bê, bao quanh nó chính là thế giới búp bê do mẹ tôi đi đầu khiến một cách tàn nhẫn, phi nhân tính,

vàng, đến rừng rợn. Gambetti phì cười, bảo tôi giỏi phóng đại, bi quan quá đáng, theo kiểu rất chi là Áo, tiêu cực đến mức vô lý. Đáp lại, tôi chỉ bảo, cái anh gọi là phóng đại hay cường điệu, thật ra, đã là rất kiêu căng, xà xẻo, bớt xén khá nhiều so với sự thật rồi đấy. Wolfsegg tôi mô tả cho anh so với Wolfsegg thật ở đời, vẫn còn thơ mộng chán. Gambetti ạ, tôi nói, anh không thể hình dung nổi Wolfsegg đâu, bởi anh chưa bao giờ có dịp đặt chân vào một ngôi nhà búp bê kinh khủng như thế, một cảnh quan ghê rợn chỉ dành riêng cho các loại búp bê và con rối như vậy quả là độc nhất vô nhị. Bởi tôi, tôi nói anh nghe, là một con rối đã hơn bảy chục tuổi đầu, sờ dĩ các khớp chân khớp tay ông khô cứng, sờ dĩ đầu óc ông đờ đẫn cứng nhắc như thế, là vì suốt đời ông, ông toàn bị giật dây, lên cốt. Anh trai tôi, tôi bảo Gambetti, là con rối bốn chục tuổi đầu, gã cũng không cưỡng lại việc mình bị giật dây, gã đã đầu hàng, không dám chống lại bà mẹ ham mê các con rối đến mức quái đản ấy. Dân Đức, cũng như dân Áo, tôi bảo Gambetti, phần lớn đều bám mẹ, ở hai nước này, dân chúng xem uy tín người mẹ là bất khả xâm phạm, họ nâng các bà mẹ lên hàng thánh thần thiêng liêng, thế nhưng, trong đời thực, đa phần các bà chỉ là các bà mẹ chơi búp bê hay con rối đáng sợ mà thôi; các bà giật dây con cái, vặn cốt gia đình các bà y như giật dây, vặn cốt con rối vậy, đến khi cả con cái lẫn các đấng ông chông của họ lăn ra chết mới thôi. Ở Đức và ở Áo không có các bà mẹ như các bà mẹ các nước La-tinh; ở đó các bà mẹ tự nhiên, không phải mẹ búp bê. Còn ở Áo với Đức, tôi nói, chỉ toàn mẹ búp bê thôi và các bà mẹ này, cả đời họ, không làm gì khác ngoài việc giật kéo không nương tay các ông chông, đưa con búp bê của họ, giật kéo cho đến khi các búp bê chông, búp bê con lăn ra chết mới hả. Ở miền Trung Âu này, không còn các bà mẹ tự nhiên nữa, chỉ còn các bà mẹ giả tạo, tức là các bà mẹ nhân tạo, tôi bảo vậy, các bà mẹ búp bê, những bà mẹ, nói cho đúng, chỉ sinh ra thứ con cái nhân tạo, nghĩa là, thứ con cái ít nhiều giả tạo nữa mà thôi. Ngay cả trên các rẻo núi cao hẻo lánh, anh cũng không tìm thấy các bà mẹ tự nhiên nữa, độc các bà giả tạo. Và cố nhiên, các bà mẹ giả tạo này chỉ cho thứ con cái giả tạo ra đời; thứ con cái giả tạo này, đến lượt chúng, cũng chỉ đẻ ra con cái giả tạo. Cứ như thế, ngày nay ta chỉ còn thứ con người giả, con người nhân tạo, không phải con người tự nhiên nữa, thật là sai lầm, nếu ta bảo con người là tự nhiên, con người tự nhiên đó không còn nữa ở

đời, con người ta gặp gỡ, giao lưu, chung đụng hiện giờ là những con người giả tạo, chúng ta sẽ hoảng sợ nếu chẳng may đụng phải con người tự nhiên, bởi ta bị bất ngờ, bởi đã từ lâu ta chỉ còn gặp thứ người giả, thứ người nhân tạo mà thôi, những người từ lâu đã thống trị thế giới này, một thế giới cũng đã từ lâu không còn tự nhiên nữa, mà trở nên hoàn toàn giả dối, một thế giới nhân tạo, Gambetti ạ. Thế giới nhân tạo đẻ ra con người nhân tạo và ngược lại, con người nhân tạo dựng nên thế giới nhân tạo; thế giới giả tạo đẻ ra thứ người giả tạo và ngược lại. Tuyệt không còn thứ gì tự nhiên nữa cả, tôi bảo Gambetti, tuyệt nhiên không, hoàn toàn không còn gì tự nhiên nữa. Song, ta vẫn luôn luôn tưởng, Gambetti ạ, mọi thứ là tự nhiên. Đó là ảo tưởng. Mọi thứ đều giả tạo, mọi thứ đều nhân tạo. Thiên nhiên không tồn tại nữa. Hiện giờ ta vẫn tưởng ta thưởng ngoạn thiên nhiên, trong khi đứng ra, ta phải hiểu ta đang ngắm nghía khung cảnh nhân tạo mới phải. Bởi vậy, tôi bảo Gambetti, mọi thứ lộn tung phèo hết cả lên. Thật giả dối. Thật bất hạnh. Rồi rầm đến mức tuyệt vọng. Ở đâu không còn thiên nhiên, thì đương nhiên, ở đó cũng không ai thưởng ngoạn thiên nhiên được nữa, Gambetti ạ, đó là đi đâu hoàn toàn hợp lý, tôi bảo Gambetti thế. Bức ảnh ông anh tôi đứng vào khoảnh khắc leo lên chiếc thuyền buồm ở hồ Wolfgangsee đây, chụp gã đang ở dáng vẻ ra chiều sung sướng lắm, thế nhưng, thật ra, gã lại là kẻ bất hạnh nhất trên bức ảnh này. Gương mặt hai đứa em gái tôi, trên bức ảnh chụp trước biệt thự của chú Georg tôi ở Cannes, như đông cứng lại trong vẻ hân hoan sung sướng, song chính vì thế, trông còn khổ sở hơn nhiều so với ngoài đời. Bố mẹ tôi khổ khổ, bất hạnh ngoài đời thế nào thì trong bức ảnh chụp trên sân ga Victoria ở London, trông hai vị bất hạnh, khổ khổ y như thế, mặc dù ông bà gắng gượng hết sức, làm cho ra vẻ đang sung sướng lắm. Tôi cứ nghĩ, không biết cái gì khiến con người ta lúc phơi mặt ra cho người khác chụp, luôn luôn có ý muốn, làm sao để trong ảnh, trông mình sung sướng, mãn nguyện mới được, hay ít nhất, cũng đừng để lộ mình đau buồn? Ai ai cũng chỉ muốn được chụp tươi rói, hơn hơn hạnh phúc, chứ không bao giờ bất hạnh, buồn đau cả, không bao giờ muốn chụp mình là kẻ bất hạnh, bao giờ cũng chỉ muốn được chụp lúc mình hoàn toàn bị xuyên tạc, không bao giờ muốn chụp một tấm hình chân thực, tức là bức hình một kẻ bất hạnh nhất. Mọi người, ai cũng muốn được chụp hình sao cho thật đẹp đẽ và hạnh



phúc, trong khi ai nấy thực ra đều xấu xí và bất hạnh. Người ta náu mình vào ảnh, cố tình thu nhỏ mình lại, để chui vào những bức ảnh chụp họ, những bức ảnh, theo một cách giả tạo - sẽ cho thấy họ thật sung sướng và xinh tươi, hay ít nhất cũng ít xấu xí, ít bất hạnh hơn họ ngoài đời. Họ đòi hỏi những tấm hình lý tưởng họ mong ước và họ sẽ không chừa bất kỳ biện pháp nào, kể cả những biện pháp gây méo mó thô bạo nhất, để có được tấm hình lý tưởng họ vẫn ao ước ấy. Họ chẳng hề nhận thấy khi làm như thế họ đã tự hạ mình kinh khủng và đáng sợ đến mức nào. Người đẹp trong ảnh chắc chắn bao giờ cũng là người xấu xí nhất, người rạng rỡ nhất trong ảnh bao giờ cũng là kẻ bất hạnh nhất. Nơi họ ở, họ treo những bức ảnh họ cho chụp, để phô ra một thế giới tưởng chừng đẹp đẽ và hạnh phúc lắm, nhưng thực ra, chỉ là một thế giới vô cùng xấu xa, bất hạnh và giả tạo. Suốt đời, họ trân trân nhìn ngắm các bức ảnh dường như đẹp đẽ và hạnh phúc treo trên tường ấy của mình và cảm thấy mãn nguyện lắm, trong khi lẽ ra, họ phải cảm thấy tự ghê tởm mới đúng. Song, họ chẳng hề nghĩ ngợi gì, và nhờ thế, cũng trốn tránh được một nhận thức đáng sợ rằng họ, thực ra, đến là xấu xí, bất hạnh và giả dối. Thậm chí họ còn khoe những bức ảnh này, những tấm ảnh mà trên đó, họ tưởng họ đẹp đẽ và hạnh phúc lắm, với khách khứa đến thăm nhà, những vị khách vốn vẫn thừa biết chủ nhà xấu xí, bất hạnh, đần độn và độc ác ra sao, họ cũng chẳng ngượng ngùng gì để khoe các tấm ảnh này với những ai biết rõ họ trong đời thực thế nào, và do đó, tất nhiên, sẽ nhận ra ngay bọn lừa đảo trong ảnh, bọn thật sự dối trá và lạc lõng ở đời. Chúng ta đang sống ở hai thế giới, tôi bảo Gambetti, một thế giới thực, sâu thẳm và độc địa đến chết người và một thế giới trong ảnh, tuy hoàn toàn giả tạo, nhưng đối với đa phần nhân loại, lại là thế giới lý tưởng họ luôn thèm khát. Nếu thời nay anh tước bỏ hết ảnh một ai đó, nếu anh lột hết ảnh gã treo trên tường xuống rồi hủy sạch sành sanh đi, không để sót tấm nào nữa, tôi bảo Gambetti, thì cũng chẳng khác gì anh đã lột hết mọi thứ của gã. Như vậy, có thể luận tiếp rằng con người ta chẳng còn ham hố gì nữa sắt, chẳng còn bầu vú vào bất cứ thứ gì khác nữa, và như thế, cũng có nghĩa là không phụ thuộc vào bất cứ thứ gì khác nữa cả, ngoài trò nhiếp ảnh. Nhiếp ảnh chính là sự cứu rỗi của họ, Gambetti ạ, tôi nói vậy khiến Gambetti bật cười, bảo tôi đúng là *kẻ hão huyền buổi sáng*, một danh hiệu ngộ nghĩnh tôi chưa nghe bao giờ, khiến tôi phải phá lên

cười, tiếng cười lôi cuốn Gambetti cười theo, và hai chúng tôi phải mất một lúc lâu để thả sức cười khoan khoái cho hết cơn. Nếu chúng ta không nắm nghệ thuật phóng đại trong tay, tôi bảo Gambetti, thế nào ta cũng phải gánh chịu một cuộc đời nhạt nhẽo tột độ, sống mà chẳng đáng sống. Và, tôi cam đoan với Gambetti, tôi đã nâng nghệ thuật phóng đại của tôi lên đến độ cao khó ai tin nổi. Để giảng giải đi đâu gì đó, ta phải phóng to nó lên, tôi bảo với anh ta như thế. Phải phóng đại lên mới thấy rõ được; nếu có vì thế mà bị thiên hạ rửa là anh hề, thì ở độ tuổi cao, đi đâu đó cũng không sao. Ở độ tuổi đã cao, không có gì hay hơn là được gọi là anh hề già. Niềm hạnh phúc lớn nhất tôi biết ở đời này là hạnh phúc của một nghệ sĩ hề già, khi ông ta hoàn toàn tự do hài hước. Nếu được, muộn lắm là ở độ tứ tuần, ta nên tự tuyên bố mình là anh hề rồi tìm cách nâng nghệ thuật hài hước của mình lên đỉnh cao. Nghệ thuật hài chính là thứ làm ta mãn nguyện, tôi bảo Gambetti. Tôi đặt tấm ảnh chụp ông anh Johannes tôi lên trên, còn tấm bố mẹ tôi ở sân ga Victoria xuống dưới cùng, xếp như thế, kết cục hóa ra thật lạ lùng: trước mắt tôi, ông anh phía trên, bố mẹ phía dưới, tự dưng có mối liên hệ khác hẳn với hai đứa em gái tôi đang nằm lền ở giữa. Đối với ông anh tôi, hai đứa chúng nó bao giờ cũng thủ thế, nhưng không ra mặt như với tôi, với gã chúng kín đáo hơn nhiều. Chúng nó cần đến gã, chứ tôi - chúng chẳng cần. Bởi ông anh tôi vốn là người nay mai sẽ chu cấp cho chúng nó, cho nên bao giờ chúng cũng phải đối xử với gã khác với tôi, vì xét cho cùng, chúng nó chả việc gì phải nể nang tôi. Chúng nó buộc phải luôn luôn kính trọng, tuân thủ và phụng sự bố mẹ ở cương vị những người chu cấp và bảo trợ trực tiếp cho chúng; với ông anh cả, là người nay mai sẽ chu cấp và bảo trợ cho chúng, chúng nó cũng phải kính trọng và nghe lời, nhưng không thường xuyên, mà chỉ lúc nào cần thôi. Tôi, chúng nó chẳng cần trọng, chẳng cần nghe, bởi tôi có bao giờ sẽ là người chu cấp hay bảo trợ cho chúng nó đâu. Đối xử với tôi dễ hơn cả, bởi ngay cả trong mắt bố mẹ tôi, tôi đã là thằng chẳng đáng trọng rồi. Tuy nhiên, vì một lý do hoàn toàn khác, chúng vẫn phải *dè chừng* tôi, vì chúng luôn nghĩ tôi trái tính trái nết, lòng dạ khó lường, nhưng, như chúng nó vẫn đinh ninh, tôi chưa bao giờ là nhân vật đáng kể, mà chúng phải lệ thuộc, hay một ngày nào đó, chúng sẽ phải lệ thuộc vào. Đến lúc nào đó, chắc chắn chúng nó sẽ lệ thuộc vào ông anh tôi, chứ không lệ thuộc vào tôi, chúng vốn lệ thuộc

vào bố mẹ, cho nên, chúng phải kính trọng, phải phụng sự bố mẹ, vân vân, thì cũng là lẽ đương nhiên thôi. Chúng không trọng tôi, không nghe tôi, bao giờ cũng chỉ *dè chừng* tôi thôi. Tắm ảnh anh tôi nằm trên, có nghĩa là gã đã trở thành nhân vật quan trọng nhất trong nhà, còn bố mẹ tôi, nằm phía dưới, chẳng còn mấy vai trò nữa. Hai đứa em gái tôi vốn chắt vật trong vòng cương tỏa của cả bố mẹ, lẫn của ông anh cả - nghĩa là, với cả người đang và sắp dừng chu cấp, nuôi dưỡng chúng, lẫn với người sắp giữ vai trò đó nay mai. Chúng hoàn toàn không nể trọng, không nghe theo tôi, chỉ luôn e ngại tôi; song, cũng chỉ e ngại đến lúc tôi - phải nói là mãi mãi - đi khỏi Wolfsegg mà thôi. Từ Rome, tôi chẳng làm chúng sợ, tất nhiên là không, ngay từ dạo tôi ở London hay ở Wien cũng đã vậy. Hay như người ta nói, từ lâu chúng nó đã chẳng tính đến tôi rồi. Thế mà bây giờ - tôi vừa nhìn hai gương mặt có vẻ giấu cợt của chúng nó, tôi vừa nghĩ bụng - tai họa kinh hoàng vừa đổ sập lên đầu chúng, bởi vì, không còn nghi ngờ gì nữa, bây giờ *tôi* lại là kẻ chúng sẽ phải lệ thuộc vào. Cùng với cái chết của bố mẹ và ông anh tôi, Wolfsegg nay chuyển sang tay tôi. Như tôi biết, luật định như thế. Ba tu ần trước, tôi bảo Gambetti, sau đám cưới con Caecilia, còn lâu tôi mới lại về Wolfsegg. Với tôi, Wolfsegg thế là xong. Tôi chẳng còn có gì để về Wolfsegg cả, tôi không cần Wolfsegg nữa, lũ người ở đấy, họ cũng chẳng cần tôi. Gambetti hỏi tôi, *chủ xưởng sản xuất nút chai rượu vang* là thế nào? Tôi cố giải thích cho anh ta, rồi bảo Freiburg là một thành phố đáng tởm, tiểu tư sản, Thiên chúa giáo, không chịu được. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang của con Caecilia em tôi cũng là một gã tiểu tư sản, Thiên chúa giáo và khó chịu kinh khủng. Song, tôi bảo Gambetti, rất có thể gã hợp đôi với con Caecilia. Thậm chí gã đàn ông này còn có thể là vị cứu tinh cho ả nữa kia. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng một trong hai đứa em tôi sẽ có ngày đi lấy chồng. Chúng nó sinh ra không phải để lấy chồng. Bố mẹ chúng, nhất là bà mẹ, đã làm mọi cách làm sao ngăn cản các vụ cưới xin của con gái ông bà. Tôi bảo Gambetti, bà cô tôi ở Titisee đã làm mối cho cặp vợ chồng đến là kịch cỡm này. Anh cứ tưởng tượng cảnh một tay chủ xưởng sản xuất nút chai rượu vang bỗng đột nhập vào Wolfsegg! Một tay tiểu tư sản Thiên chúa giáo, một tay phải chờ đến mẹ tôi nhắc mới biết lúc ng ồi bàn ăn, người ta không được mang dây đeo quần. Một gã người Đức, đến từ một xứ xinh hết sức Đức, tôi bảo Gambetti vậy, từ cái chốn

Schwarzwald ấy, nơi ch ờn cáo chào nhau đi ngủ, nơi sự ngu xuẩn rất Đức ấy hân hoan làm lễ khải hoàn. Bây giờ tôi chẳng ngại gì gã chủ xưởng sản xuất nút chai rượu vang nữa cả, và nói cho cùng, đến hai đứa em gái, tôi cũng chẳng sợ. Tôi không sợ chúng, song tôi hiểu, trong tình huống khủng khiếp này, chúng sẽ làm tôi khó chịu cho mà xem, khó chịu đến cùng cực, chứ không vừa. Thỉnh thoảng tôi cũng có nghĩ, có thể con Amalia lúc nào đó sẽ lấy chồng, chứ con Caecilia thì không bao giờ, có lần tôi bảo Gambetti vậy. Giờ chúng nó đứng trơ ra đó, hoàn toàn lệ thuộc vào tôi. Sự mong đợi, song đ ờng thời, cả lòng nghi hoặc của chúng nữa, hiện đang căng thẳng đến cực độ. Rất có thể, huyết mộ đào đã xong, tôi tự nhủ. Các cửa sổ ở Wolfsegg chắc đã treo cờ đen. Lần cuối cùng người ta đem cờ ra treo lên là đạo chú Georg mất. Đạo ấy, sau khi được tin chú mất mới nửa giờ, cả nhà ai nấy đều đã mặc đ ồ tang đen kịt. Tôi ước, giá gì chú Georg còn sống. Thì chú sẽ chả gánh hết cho tôi r ồi không. Hiện giờ, chất hài hươc của hai khuôn mặt ra đi ầu nhạo báng của bọn em gái tôi, ghi lại trên bức ảnh đây, tôi nghĩ bụng, tự dưng tăng lên gấp bội. Cái vẻ nhạo báng ấy trên gương mặt chúng, tôi tự nhủ, chắc chắn là kết quả của hàng chục năm chúng nó nằm gọn trong tay mẹ tôi. Khuôn mặt ra vẻ nhạo báng đó là vũ khí tự vệ duy nhất của chúng. Con Amalia lui ngay ra ở khu nhà người làm vườn và hiện giờ quay ra ghét cay ghét đắng con Caecilia, là đứa lấy gã chủ xưởng sản xuất nút chai rượu vang hẳn chỉ nhằm trêu người mẹ, bà luôn cấm chúng nó, chỉ đến gần đàn ông thôi cũng không được là gì. Nói cách khác, con Amalia thù ghét kẻ đã may mắn thoát khỏi vòng cương tỏa. Ả nhập ngay vào cùng một phe với mẹ ả, cùng bày mưu tính kế để đạt mục tiêu chung là làm sao phá vỡ cuộc hôn nhân của con Caecilia. Tôi thừa biết tâm địa con này; ả sẽ ng ồi trên một chiếc ghế nào đấy trong khu nhà thợ làm vườn và vắt óc nghĩ xem có cách nào, bất kể cách gì, để phá ngang cuộc hôn nhân bất ngờ và tuyệt nhiên không ai mong muốn của chị ả. Hai mẹ con lập mưu chống bằng được cuộc hôn nhân giữa Caecilia với gã chủ hãng sản xuất nút chai rượu vang. Hươc khi lên đường về Wollfsegg, tôi đã bảo Gambetti, con Caecilia cặp với gã chủ hãng nút chai rượu vang ở Schwarzwald chắc chắn không ổn, sớm muộn cũng đổ vỡ thôi, bởi mọi người, ai cũng chống lại. Và lại, con Caecilia không địch nổi gã chủ hãng nút chai rượu vang, mặc dù gã cũng đ ần độn lắm. Sự đắc thắng của con em

tôi, với thủ đoạn thoát thân của ả - tôi bảo với Gambetti - sẽ lúc nào đó biến thành tai họa. Chắc chắn ả sẽ không sống nổi ở Schwarzwald. Chắc chắn ả đã linh tính thấy chuyện này, cho nên sau đám cưới ả chưa chịu theo chồng về Freiburg ngay. Nó tưởng, cứ để chồng nó về, còn một mình nó ở lại Wolfsegg cũng được. Rõ vợ vẫn; muốn hay không, thì nó vẫn phải theo chồng. Gã khắc bắt nó phải theo. Ai lại làm bộ lấy chồng, chỉ cốt *chơi cho mẹ một vợ*, rồi thôi, sau đó đánh bài chuồn, lờ tít chồng đi như thế được. Lúc đặt chân đến Wolfsegg, tôi bảo Gambetti, gã đàn ông này chắc phải ngờ ngàng, lạc lõng lảm, và nếu gã tưởng vừa đào được mỏ ở nhà lảm tiêng nhiều của, thì theo tôi, đúng là gã nhàn to. Đừng có mà hòng, đừng tưởng bỏ! Mẹ tôi sẽ lo hết để gã khỏi mơ mộng, ước ao gì. Trong thiên hạ, ai cũng biết và nể sợ sự sành sỏi của bà trong các vụ kiện tụng. Nếu gã không phải kẻ đầu cơ, mưu toan đào mỏ, tôi bảo Gambetti, thì tôi phải tự hỏi, không rõ cái gì đã xui khiến gã lấy con Caecilia. Con Caecilia em tôi là gì cũng được đi, nhưng chắc chắn không phải là đứa hấp dẫn, không phải là đứa đáng để cưới làm vợ. Con Amalia cũng vậy. Song, ta chẳng vẫn thường tự hỏi nhau đấy thôi, không biết cái gì đã khiến hai con người nào đó sắp lấy nhau phải lấy nhau, phải cưới nhau cho bằng được và, ta thường vẫn phải vò đầu bứt tai, nhưng không làm sao cắt nghĩa được, tại sao đúng hai con người này lại lấy nhau mới được? Thông thường, ta có thể quen một người nào đó, thuộc loại ta tin chắc sẽ không bao giờ lấy một người khác kia, là người ta cũng biết rất rõ. Ta tưởng chuyện đó không bao giờ xảy ra, thế mà rốt cuộc, chính hai con người đó lại lấy nhau mới lạ, và đi đâu đó chưa có nghĩa ngay là họ sẽ không hạnh phúc với nhau đâu, thậm chí còn ngược lại là khác, mặc dù, nói cho hết nhẽ, thì các cuộc hôn nhân giữa những cặp cố tình bỏ ngoài tai mọi lời dự đoán không hay, mọi lời khuyên can của ta, thường bất hạnh thật. Có thể gã chủ xưởng nút chai rượu vang tưởng gã tung mẻ lưới đúng lúc, trong khi thật ra, tôi bảo Gambetti, gã đang phạm sai lầm lớn. Bởi, con Caecilia em gái tôi cũng là đứa láu cá ra trò, tôi bảo Gambetti. Nó ranh lắm, con Amalia cũng thế. Sự ngu xuẩn không ngăn chúng ranh ma, láu cá đâu. Và, ai chả biết kẻ ngu xuẩn nhất cũng chính là kẻ đáng gờm nhất vậy, nhất là khi - tôi nói chẳng chút ngượng mồm với Gambetti - nhất là khi cái ngu xuẩn kết duyên với cái ranh ma quỷ quái. Giờ tôi chợt nghĩ, trước mặt Gambetti tôi chỉ toàn

nói những cái xấu, kể rất những chuyện đáng ghét, đáng tởm về người nhà tôi, bởi xù trước mặt anh ta, tôi bao giờ cũng rất tự nhiên, nghĩ sao nói vậy và chia sẻ các cảm xúc của tôi với anh ấy một cách hết sức cởi mở và chân thành, thế mà, trong những năm gần đây, cảm xúc của tôi về gia đình chỉ toàn những cảm xúc xấu xa, đáng ghét và kinh tởm nhất thật. Chẳng có lúc nào để tôi chia sẻ với anh ta những cảm xúc khác cả. Độc thứ đáng ghét. Toàn thứ kinh tởm. Nếu không đến nỗi vậy, thì cũng rất thứ lỗi bịch, nhố nhăng. Mà kể những chuyện như vậy, tôi tuyệt nhiên không thấy hổ thẹn chút nào. Tôi đã luôn tự răn mình, người không bao giờ được phép để Gambetti nhận ra người là kẻ giả dối, không bao giờ được để anh ta bắt quả tang nhà người đang bịa đặt hay nhà người không thẳng thắn, bởi nhà người là thầy giáo, còn anh ta, anh ta trông chờ thầy chân thật và thẳng thắn là chuyện đương nhiên. Người với Gambetti phải tuyệt đối tin cậy nhau. Trước mặt Gambetti nhà người không bao giờ được bày trò né tránh bằng cách quanh co, hay bịa đặt, mặc dù rất có thể, Gambetti sẽ vì thế mà cho người là kẻ ác nghiệt, thậm chí độc địa nữa là khác. Mà bảo tôi nhiều lúc rất ác nghiệt và độc địa, thì cũng chẳng ngoa. Một người có đầu óc suy nghĩ độc lập sẽ không bao giờ tránh được nguy cơ có lúc bị người đời coi là ác nghiệt và độc địa, anh ta phải tính đến nguy cơ đó, phải chịu đựng, phải chung sống với nó. Anh ta phải để mặc cho thiên hạ chửi rửa mình mà không được phép cãi. Wolfsegg đối với tôi đã trở nên không chịu nổi, tôi bảo Gambetti. Bầy không khí ở đây ngột ngạt, muốn phát điên lên được! Ấy thế nhưng, Gambetti ạ, giá như anh được thấy những căn phòng tuyệt vời ở đây, những mái vòm, những hành lang, cái sân độc đáo có hàng *cột trụ bao quanh* ấy. Hối còn nhỏ, vào mùa đông, tôi nuôi hươu ở đó. Anh Johannes với tôi mùa đông nào cũng nuôi hai con hươu ở cái *sân có hàng cột trụ bao quanh* này. Hai anh em chúng tôi, mỗi thằng một con, chăm chúng nó ăn, trò chuyện với chúng nó, tắm bổ cho chúng nó! Gambetti tất nhiên không hiểu *tắm bổ* nghĩa là gì và tôi thử tìm cách cắt nghĩa cho anh ta, nhưng không thành. Sang xuân, bọn tôi lại thả chúng vào rừng. Mấy con hươu chúng tôi đem về nuôi ở *sân có hàng cột trụ bao quanh* là hươu bị thương nhẹ, tôi phải giải thích thêm cho Gambetti như thế. Chúng nó phải trú qua đông ở *sân có hàng cột trụ* của chúng tôi thì mới có cơ sống sót. Anh em tôi bịa tên, đặt cho chúng nó, kiểu như *Sarabande* hay *Locarnell*

chẳng hạn. Sang xuân, lúc được thả về rừng, chúng nó quen với anh em tôi rồi, đâm ra đôi khi khó nhọc lắm mới dứt đi được. Anh Johannes với tôi, hai anh em còn lượn ngang dọc khắp khu rừng để tìm xác mấy chú hươu già ốm không qua nổi mùa đông, kéo dãn về một chỗ rồi chôn cất chúng. Cánh thợ rừng bao giờ cũng giúp bọn tôi một tay. Tôi thường chơi thân với cánh thợ rừng; họ vốn là những người bạn thân nhất của tôi. Tôi quý họ hơn bất kỳ ai khác, tôi thuộc tên từng người; họ rất hay chơi đùa với tôi và bao giờ cũng sẵn lòng kể tôi nghe về họ. Tôi bảo Gambetti, người bình dân bao giờ cũng hấp dẫn tôi. Ở bên họ, hay đúng hơn là chỉ khi nào ở bên họ, tôi mới thấy dễ chịu. Mọi thiện cảm của tôi hoàn toàn dành cho họ. Khi chuyện trò, bao giờ họ cũng bình dị, không ba hoa chích chøe. Thứ tiếng họ nói bao giờ cũng mộc mạc, tự nhiên. Họ không giả bộ, như nhiều hạng người khác chuyên giả vờ giả vịt. Tất nhiên, tôi đã nhiều lần bảo Gambetti, Wolfsegg đối với tôi, cũng từng là chốn thiên đường thật, nhất là vào những năm tháng thơ ấu và những năm đầu đi học. Vâng, tôi từng nghĩ nơi đây là chốn thiên đường thật. Tuy nhiên, thiên đường ấy chẳng bao lâu trở nên tăm tối, biến dần thành chốn u minh, thềm bước vào địa ngục, trước khi thành địa ngục thật sự trước mắt tôi. Tôi phải thoát khỏi chốn địa ngục ấy, càng sớm càng hay. Tôi bảo Gambetti, tôi chỉ nóng lòng được vào trường nội trú, để sau đó chuyển đến Wien, trong đầu không hề nghĩ sau này mình sẽ làm gì, thành người thế nào, tuyệt nhiên không biết phải bắt đầu từ đâu. Tôi mù tịt, hoàn toàn không biết tí gì hết. Tôi yêu thích sách vở tôi từng đọc, yêu thích cả những quyển rồi tôi sẽ còn phải đọc, vô vàn những sách, trong đó - tôi cần chắc như thế - chứa đựng mọi điều tôi cần biết. Tôi có thể nói thẳng ra là, từ bé, tôi đã ưa cuộc sống tinh thần hơn, song, tôi lại không hề biết tôi phải làm gì để có thể tham dự, có thể góp phần vào cuộc sống tinh thần tôi ưa thích ấy, hoặc có thể tự mình được sống một cuộc đời tinh thần như thế. Tôi không biết ai có thể chỉ dẫn cho tôi, mãi đến khi chú Georg nhận ra sự hoang mang lúng túng ấy của tôi và bắt đầu cho tôi những chỉ dẫn đầu tiên. Trước hết, cháu phải tự giải thoát khỏi gia đình cháu, chú Georg bảo tôi, cháu phải hoàn toàn tự lập, mới đầu tự lập nội tâm, về sau - tự lập cả về thể xác. Tôi đã làm theo lời khuyên của chú. Mới đầu, tôi tự giải phóng, nội tâm trước, thể xác sau; tôi cũng trở nên tự lập, nội tâm trước, thể xác sau. Và, chú Georg bảo, tất nhiên, cháu phải

rời khỏi Wolfsegg. Cháu phải thoát khỏi mọi cách nhìn, cách nghĩ của gia đình cháu ở Wolfsegg và cháu phải đi khỏi Wolfsegg, đi ngược lại ý muốn của bố mẹ, anh em cháu. Cháu không được nghe theo những gì họ khuyên bảo, bởi những lời khuyên bảo của họ, trước sau chỉ nhằm duy nhất một mục tiêu xiềng chân cháu suốt đời vào Wolfsegg, chỉ cốt hiến được mạng cháu cho Wolfsegg mà thôi, cháu phải làm ngược lại tất cả những gì họ khuyên, cháu không được chia sẻ cách nhìn nhận của họ, bởi cách nhìn nhận của họ bao giờ cũng đối nghịch cách nhìn nhận của cháu, cũng có nghĩa là gây hại cho sự trưởng thành của cháu. Mọi lời khuyên của họ đều vô giá trị, mọi lời họ bàn bạc với cháu đều vô nghĩa, chú Georg bảo tôi vậy. Thì chính cháu cũng biết, tuy mồm miệng họ leo lẻo, chỉ mong mỗi những gì tốt đẹp nhất cho cháu thôi, nhưng sự thực, họ chống lại cháu, họ tìm mọi cách, chỉ cốt làm sao xiềng chân cháu và, nếu cháu không chịu để họ xiềng chân, họ khắc tìm mọi cách đánh gục cháu cho bằng được. Để thoát được họ, cháu phải gắng sức, gắng hết sức là đằng khác, phải cứng đầu cứng cổ không kém gì họ. Chú Georg bảo tôi, cháu có đủ sức để tự lập, để không phụ thuộc vào họ, song chú phải lưu ý cháu rằng cái giá phải trả sẽ rất đắt. Và, tự cháu sẽ phải trả cái giá cao tối đa đó. Quả vậy, tôi tự nhủ, tôi quả thực phải trả giá rất cao để thoát khỏi Wolfsegg. Lời chú Georg quả không sai. Tôi phải ngang ngạnh đương đầu với sức ép của cả nhà, và tôi đã chiến thắng, vì tôi không khoan nhượng, tôi bền bỉ hơn. Tôi đã phải trả giá cao đến thế nào để thoát được đến Wien, thành phố mà họ gọi là *thành phố vô dụng* ấy! Tôi đã phải trả giá cao đến thế nào, để sang được Anh, rồi sau đó đến Paris! Tôi đã phải trả giá cao đến thế nào để giành được tự do nội tâm, vươn đến tự do về thể xác. Nhờ ơn chú Georg mà tôi có được sự độc lập ấy, tôi nói với Gambetti như vậy trên đồi Pincio, lúc tôi cúi quyển *Vụ án* của Kafka vào tay anh ta, một tác phẩm khi đọc lại lần thứ hai thậm chí còn quyển rũ tôi nhiều hơn khi đọc lần đầu. Có những nhà văn như thế, tôi bảo Gambetti, khi đọc giả đọc lại lần thứ hai tác phẩm của họ, thì họ còn lôi cuốn, thuyết phục độc giả gấp bội so với lần đọc đầu tiên. Lần nào tôi đọc Kafka cũng đều vậy. Tôi bảo Gambetti, trong ký ức tôi, Kafka vốn là nhà văn lớn; song, khi đọc lại ông ấy lần nữa, bao giờ tôi cũng có ấn tượng rất rõ, dường như vừa đọc một nhà văn còn lớn hơn nhiều, số nhà văn khi đọc lại ta thấy hay hơn, tuyệt vời hơn như thế không nhiều. Phần đông là số



văn sĩ mà khi đọc lại lần nữa, ta cảm thấy hồ thẹn vì đã từng giở sách họ ra đọc. Ta hồ thẹn với hàng trăm nhà văn như thế, nhưng, với Kafka, với các nhà văn Nga vĩ đại Dostoyevsky, Tolstoi, Turgeniev, Lermontov thì không bao giờ, với Proust, Flaubert, Sartre, là những nhà văn tôi liệt vào hàng vĩ đại nhất, cũng không. Tôi nghĩ bụng, đọc lại một lần nữa các nhà văn mà khi đọc lần đầu, họ từng làm ta rung động - là cách không đến nỗi để đánh giá xem họ thuộc hạng nào, vì sau lần đọc lại, hoặc họ sẽ trở nên đáng ngưỡng mộ hơn nữa, trở thành quan trọng hơn nữa đối với ta, hoặc sẽ không còn đáng kể gì nữa. Bằng cách này, ta sẽ tránh được phải đeo suốt đời một gánh nặng văn chương lãnh khùng trong đầu, tôi bảo với Gambetti lúc đứng trên đồi Pincio, một gánh nặng rồi cuộc sẽ làm đầu óc ta sinh bệnh hoạn, bệnh hoạn chết người. Chú Georg đã dạy cho tôi gần hết những thứ về sau hẳn sẽ quan trọng cho đời tôi. Chú là thầy tôi, chứ chẳng phải ai khác. Chú vốn là người dạy dỗ tôi khôn lớn, chứ không phải ai khác. Với tính cách đần độn sẵn có của hai ông bà, bố mẹ tôi thay vì *dạy dỗ*, đã *dần dần* tôi lúc còn thơ ấu, đến tận những năm tôi lên chín lên mười. Sau đó, chú Georg tôi phải ra tay, mới hòng từng bước khôi phục những đồ vỡ gần như tan hoang do bố mẹ tôi gây ra trong lòng tôi. Tôi bảo Gambetti, chú Georg đã phải mất khá nhiều công để sắp xếp, thu dọn lại đầu óc vốn đã trở nên hết sức hỗn độn của tôi thành cái đầu có thể lĩnh hội thêm đi đâu này đi đâu nọ. Bố mẹ tôi, trong lúc đình ninh đang dạy dỗ tôi, thì sự thực, hai ông bà lại hủy hoại tôi, y như họ đã hủy hoại ông anh Johannes và hai con em gái tôi vậy. Ông bà tiếng rằng dạy dỗ, nhưng nhẽ ra, phải bảo ông bà đang hủy hoại tôi mới đúng. Bằng cái lối giáo dục, mà đúng ra là lối hủy hoại không hơn không kém ấy - nói như người ta vẫn thường nói trong một vài hoàn cảnh khác - ông bà đã làm đui què, thui chột tất tật mọi thứ trong đầu tôi. Suốt bao nhiêu năm, hai vị thi nhau dùng các thủ đoạn Thiên chúa giáo và Quốc xã tàn nhẫn của hai vị, làm xáo trộn, đảo lộn từng pheo mọi thứ trong đầu óc non trẻ của tôi. Nó trở nên hỗn độn đến mức chú Georg cũng lại phải mất hàng năm để xếp đặt lại. Nói cho cùng, thay vì giáo dục, dạy dỗ anh em tôi, bố mẹ tôi thậm chí còn làm hư hỏng, còn nhỡ nhét rất những thứ rác rưởi vào đầu óc chúng tôi. Tôi bảo Gambetti, bố mẹ tôi - vốn dĩ theo Thiên chúa giáo - đã làm đầu óc chúng tôi tan hoang bằng những biện pháp Thiên chúa giáo tàn ác như thế. Nếu bố mẹ ít nhiều trung

thành với đạo Thiên chúa, thì tất nhiên, Nhà thờ Thiên chúa sẽ gây tổn hại đầu óc trẻ thơ ở mức khó ai hình dung nổi. Gambetti ạ, bảo chúng tôi được giáo dục theo Thiên chúa giáo cũng có nghĩa là, về căn bản, chúng tôi bị hủy hoại. Thiên chúa giáo chính là kẻ hủy hoại tâm hồn trẻ thơ, kẻ khủng bố, kẻ phá hoại tính cách con trẻ ghê gớm nhất. Đó là sự thật. Chính do Nhà thờ Thiên chúa giáo mà hàng triệu, hàng tỉ con người trên thế gian này bị tàn phá, bị hủy hoại, bị mất bản chất tự nhiên của họ. Nhà thờ Thiên chúa giáo mang tội với những con người bị hủy hoại, bị rối loạn và, rốt cuộc, hoàn toàn bất hạnh đó. Đây là sự thật không thể chối cãi. Bởi Nhà thờ Thiên chúa giáo chỉ khoan thứ những ai theo đạo Thiên chúa mà thôi. Đó chính là ý đồ và mục tiêu mãi mãi của nó. Nhà thờ Thiên chúa biến con người thành tín đồ Thiên chúa giáo - một sinh vật ngu xuẩn, kẻ đã quên khuấy thế nào là tư duy độc lập, kẻ phản bội đầu óc độc lập của mình, dâng đổi lấy đạo Thiên chúa. Đó là sự thật! Tôi nói với Gambetti như vậy trên đồi Pincio. Gambetti ạ, hồi còn nhỏ, các nghi lễ Nhà thờ Thiên chúa bao giờ cũng làm bọn trẻ chúng ta mê hoặc, bởi các nghi lễ này, đối với chúng ta khác nào chuyện thần tiên giữa chốn đờng quê đâu. Đối với người lớn, các nghi lễ này thậm chí còn là màn trình diễn hoành tráng, hấp dẫn nhất trong đời họ. Tuy nhiên, cả câu chuyện thần tiên lẫn màn trình diễn ấy vẫn hủy hoại, chà đạp tất cả những gì là tự nhiên trong con người chúng ta. Thông qua câu chuyện thần tiên dành cho con trẻ cũng như qua màn trình diễn tuyệt vời dành cho người lớn tuổi hơn, Nhà thờ Thiên chúa giáo không nhằm mục tiêu nào khác, ngoài mục tiêu dụ dỗ họ, cả già lẫn trẻ, dẫn dụ họ vào vòng cương tỏa của nhà thờ, biến họ thành những kẻ ngoan ngoãn, dễ bảo, hủy diệt tư cách con người của họ, khiến họ trở thành những tín đồ Thiên chúa giáo nhu nhược và đần độn - tôi bảo Gambetti vậy - những người mà nhà thờ vẫn gọi một cách bỉ ổi là *con chiên ấy*. Đạo Thiên chúa, cũng như mọi tôn giáo khác, là sự giả mạo thiên nhiên, là một căn bệnh mà hàng triệu sinh linh tự nguyện tiêm nhiễm vào người, bởi vì nó là sự cứu rỗi duy nhất của họ, của kẻ yếu hèn, của kẻ hoàn toàn không có đầu óc tư duy riêng và độc lập - những kẻ phải nhờ một cái đầu khác, gọi là cao siêu hơn, nghĩ ngợi thay; tín đồ Thiên chúa giáo để mặc Nhà thờ Thiên chúa giáo nghĩ thay họ và do đó, rồi cũng sẽ hành động thay cho họ vậy, bởi vì như thế, thật là nhân nhã và thuận tiện cho họ, và bởi vì, đối với

họ - như họ vẫn đinh ninh - không thể còn con đường nào nữa cả. Và, tôi bảo Gambetti, đầu nã Nhà thờ Thiên chúa giáo nghĩ ngợi theo một lối đáng sợ. Nó chỉ nghĩ cho riêng nó, theo những lối thù địch với bản tính con người, nó chỉ nhằm mục tiêu của nó, chỉ mưu cầu thanh danh của riêng nó, Gambetti ạ. Không một nhà nước nào khác ở châu Âu này, tôi bảo Gambetti, tự xưng là nhà nước Thiên chúa giáo, rồi để mặc cho đầu nã Thiên chúa giáo nghĩ ngợi thay mình cả. Và, ta có thể thấy, rồi mọi sự đã dẫn ta đến đâu. Giờ ở Áo chúng tôi chỉ có độc các tín đồ Thiên chúa giáo, không còn một ai mang tư duy tự do, độc lập nữa cả. Rặt tín đồ Thiên chúa giáo, ở ngay một xứ mà tư duy độc lập mới thật cần thiết làm sao! Ở Áo, ngoài đầu óc Thiên chúa giáo, chẳng còn đầu óc nào nghĩ ngợi nữa cả. Bao nhiêu biến đổi chính trị khác nhau trong mấy chục năm trở lại đây vẫn không làm thay đổi thực trạng đó, thậm chí các nhà xã hội chủ nghĩa cũng để đầu óc Thiên chúa giáo trên đất Áo suy nghĩ thay họ, bởi nói cho cùng, đến cái đầu xã hội chủ nghĩa riêng, họ cũng chẳng có nốt. Khắp nơi trên đất nước Áo, ở đâu cũng có thể bắt gặp tinh thần Thiên chúa giáo, một tinh thần tuy đã để lại cho chúng tôi hàng trăm, hàng ngàn công trình nghệ thuật Thiên chúa giáo tuyệt vời, song, lại hủy diệt toàn bộ cái tính thần riêng, tinh thần tự do độc lập, là tinh thần duy nhất tự nhiên. Tôi bảo Gambetti, các công trình nghệ thuật kia, các nhà thờ, các cung điện Thiên chúa giáo kia phỏng có ích gì cho chúng tôi, nếu suốt hàng thế kỷ nay, chúng tôi không có nổi một đầu óc độc lập? Song, dân tộc chúng tôi đã phải luôn luôn khốn khổ vì cái tật nhu nhược kinh niên tuyệt đối về tinh thần ấy rồi, tôi bảo Gambetti, một thứ tật nhu nhược đã bị Nhà thờ Thiên chúa giáo lợi dụng nhiều hơn ở bất kỳ nước châu Âu nào khác, đến như ở Đức cũng không đến nỗi như thế này, bởi ở đó, chút tinh thần độc lập, tự do, ở chừng mực nào đó, vẫn được gìn giữ đến tận ngày nay. Trên đất nước Áo chúng tôi, ngay từ đầu, Nhà thờ Thiên chúa giáo và đạo Thiên chúa đã chẳng gặp chút trở ngại nào trong việc gây áp lực lên người dân Áo và, rồi cuộc, buộc cả dân tộc lẫn nhà nước Áo khầu đầu dưới trướng mình. Mãi đến những chục năm gần đây, mới bắt đầu thấy các dấu hiệu vươn ra, tự giải phóng, thoát khỏi ách thống trị Thiên chúa giáo, thoát khỏi sức đè nén ghê gớm của Giáo hội, thoát khỏi vòng vây hãm tàn nhẫn, từng kéo dài hàng trăm năm nay của đạo Thiên chúa, mãi đến những thập niên gần đây, mới lại

thấy ở nơi này chỗ nọ - tuy còn rụt rè, dè dặt - sinh sôi nảy nở đôi lối tư duy, cách triết lý độc lập với tinh thần Thiên chúa giáo, tôi bảo Gambetti thế, cũng mãi đến gần đây, một vài cái đầu thuần Áo của chúng tôi mới lại dám độc lập nghĩ ngợi thêm bằng chính bộ não riêng của người Áo, chứ không chỉ bằng bộ não Thiên chúa giáo mà thôi nữa. Chính Thiên chúa giáo là thủ phạm khiến cho hàng thế kỷ nay, nước Áo không sinh ra nổi một triết nhân nào hết và do đó, không mang một lối tư duy triết học, cũng như không sở hữu một nền triết học riêng. Ta có thể bình thản mà quả quyết, trong thiên niên kỷ này, tư duy của dân tộc đã bị Nhà thờ Thiên chúa giáo áp bức triệt để và tàn bạo. Và dân tộc này đã tự lấy làm khoan khoái và thỏa mãn với cái đầu Thiên chúa giáo ấy, cái đầu đã luôn luôn nhân danh dân tộc họ để *nghĩ theo cách của riêng nó*, tôi bảo Gambetti vậy. Trong thiên niên kỷ này, đạo Thiên chúa cùng gia tộc Habsburg đã chung tay hợp sức hủy hoại đầu óc dân tộc chúng tôi. Ở Áo, mọi thứ đều chứng minh đi đầu đó. Có thể nói, trong thiên niên kỷ này, Thiên chúa giáo đã dập tắt tư duy trong đầu óc dân tộc chúng tôi và thay vào đó, gieo mầm cho âm nhạc - thứ vô hại nhất trong mọi thứ nghệ thuật - ra hoa, kết trái. Tôi bảo Gambetti, sở dĩ hiện giờ đất nước chúng tôi là đất nước âm nhạc chỉ vì đầu óc tư duy ở xứ sở chúng tôi bị đè nén thậm tệ hàng trăm năm nay mà thôi. Chúng tôi trở thành một dân tộc giàu khiếu âm nhạc, tôi bảo Gambetti, bởi vì trong các thế kỷ Thiên chúa giáo, đầu óc chúng tôi trở nên u mê, đại dốt vô cùng, trí tuệ càng bị Thiên chúa giáo tẩy não bao nhiêu, chúng tôi lại càng cho âm nhạc tràn ngập vào bấy nhiêu. Vâng, tôi bảo, thôi thì dầu sao chúng tôi cũng nhờ vậy mà có Mozart, Haydn, Schubert. Song, tôi bảo Gambetti, nào có hay ho, hãnh diện gì, nếu chúng tôi, tuy có Mozart thật, nhưng lại không còn đầu óc tư duy độc lập nữa, tuy được Haydn đấy, nhưng lại quên mất cách nghĩ ngợi, thậm chí sắp thôi hẳn, chẳng buồn nghĩ suy gì nữa cả, tuy có Schubert đó, nhưng chẳng ít thì nhiều, lại trở nên ngu si, đần độn suốt lượt. Chẳng có đất nước nào như đất nước này, tôi bảo Gambetti, để mặc Nhà thờ Thiên chúa giáo trắng trợn cướp đoạt mất khả năng tư duy như thế, chẳng có đất nước nào lại tự vươn cổ ra cho đạo Thiên chúa chặt phăng đầu đi như thế cả. Chúng tôi, không có Montaigne, chẳng có cả Descartes lẫn Voltaire, tôi nói với Gambetti, chỉ có đọc một lũ thầy tu lẫn quý tộc ngớ ngẩn, võ vể ngọng nghịu chút thơ ca theo tinh thần Thiên chúa

giáo mà thôi. Gần đây, tôi bảo, quả bắt đầu có ít nhiều thay đổi thật, song, sẽ mất không chỉ vài thập niên, mà hàng thế kỷ, may ra chúng tôi mới hàn gắn, mới gầy dựng lại được những đống đổ vỡ và mất mát về trí tuệ do Thiên chúa giáo gây ra. Ấy là may ra mới được, tôi bảo Gambetti vậy! Chẳng dân tộc nào như dân tộc chúng tôi lại để mặc Nhà thờ Thiên chúa giáo lợi dụng mình nhiều, và lâu đến thế. Gần trọn cả một thiên niên kỷ, chứ ít đâu! Chắc chắn chúng tôi sẽ rất khó nhọc mới thoát được vòng vây và nanh vuốt Thiên chúa giáo. Các cuộc cách mạng hời hợt, ít nhiều ấu trĩ, tôi bảo Gambetti, sẽ chẳng giúp được gì ở đây, như ta vẫn thấy ở các nước châu Âu khác, tôi bảo Gambetti, sự cứu vớt chỉ có thể là một cuộc cách mạng thật sự triệt để, từ cội rễ trở lên, một cuộc cách mạng mà ngay từ đầu, sẽ đập đổ và phá hủy tan tành mọi thứ, đúng là *tất tâm tất mạng*, mới được. Có đi đâu, ngày nay chúng tôi vẫn còn quá yếu đuối, vẫn chưa đủ trưởng thành, để tiến hành một cuộc cách mạng sâu xa từ gốc rễ trở lên như thế; thậm chí mưu tính ngầm cuộc cách mạng sâu xa, cội rễ ấy, chúng tôi cũng còn chưa dám. Hiện nay, tôi cam đoan với Gambetti, chúng tôi quả là một đám dân Áo bạc nhược, vô hồn đến mức, đối với chúng tôi, chẳng còn gì thực sự là cốt yếu, là căn bản được nữa cả. Đẳng đẳng suốt hơn một thế kỷ, dân chúng Áo hoàn toàn bạc nhược, tôi nói với Gambetti. Bố mẹ tôi, cố nhiên, chỉ tính đến chuyện giáo dục tôi theo kiểu Thiên chúa giáo, chứ hai vị nào biết đến lối giáo dục khác đâu, tôi bảo Gambetti vậy. Từ xa xưa, mọi thế hệ ở Wolfsegg này đều được giáo dục theo Thiên chúa giáo. Cho đến khi chú Georg tôi ra mặt chống lại Thiên chúa giáo, mà như thế, cũng có nghĩa là *chống lại tất cả*. Tôi bảo Gambetti, chú Georg chính là người mở đường cho tôi, thoát tiên chú mới chỉ vạch nó ra trong đầu tôi thôi, về sau chú mới dắt tôi thật sự bước chân đi trên con lộ *nghịch hành* ấy. Trong thư viện - tôi bảo Gambetti, anh cố hình dung mà xem - bọn họ chỉ cho bày sách Thiên chúa giáo lên giá, còn số sách tạm gọi là thế tục thì đem khóa chặt, cất kín. Các tủ sách thế tục ấy bị khóa chặt, bị cất kín ròng rã hàng chục năm, nếu không phải là hàng thế kỷ. Tôi bảo Gambetti, chỉ có sách Thiên chúa giáo mới được phơi ra trước mắt, sách thế tục bị họ giấu kín, bị họ giam cầm, tù hãm, không cho ai đọc đến, cứ như thể họ đã nhốt tình thần tư duy tự do trong các tủ sách ấy vậy, Gambetti ạ, bọn chúng đã giam hãm, cầm tù số sách phi Thiên chúa giáo vào các tủ sách ấy, anh hiểu

không. Chúng cần từ cả Voltaire lẫn Montaigne, tôi bảo Gambetti, còn bấy nhiêu đi đâu ngu xuẩn của các thầy tu hay bá tước nào đó, từng được thu lượm vào hàng trăm, hàng ngàn tập sách bìa da sang trọng, thì phơi ra lộ lộ. Anh có tưởng tượng nổi không, tôi bảo Gambetti, những Voltaire, những Montaigne, những Descartes ấy phải bị niêm phong mãi mãi trong các tủ gỗ như thế! Các tủ đựng sách này chưa từng được mở ra bao giờ, mãi đến khi, do chú Georg khẳng khẳng đòi họ phải mở chúng ra cho bằng được; lúc các tủ sách được mở ra, chính đám người nhà tôi cũng là lũ người lập tức hoảng hốt thoái lui, làm như thể các tủ sách vừa mở ra kia là những tủ chứa hơi độc bị niêm phong cả thế kỷ nay không bằng, và bọn họ ai nấy đều cần chắc như vậy, luồn khí độc tuồn ra khỏi tủ sẽ làm cả lũ lẫn ra chết nhăn răng. Người nhà tôi không bao giờ tha thứ cho chú Georg tôi vì chú đã mở những tủ đựng khí độc ấy ra, tôi bảo Gambetti, vì chú bỗng dưng trả tự do cho thứ khí độc tinh thần ấy. Bọn họ ai nấy quả thật đều đồng thanh đổ lỗi cho chú Georg đã đầu độc Wolfsegg, bởi chú đã cho mở các bình đựng bị niêm phong, từng giam giữ trí tuệ từ hàng trăm năm kia ra, bởi chú đã thẳng cánh mở toang các tủ sách bị khóa chặt cả trăm năm nay ấy ra. Họ không tha thứ cho chú Georg tôi, bởi vì ở Wolfsegg vốn chỉ nòng nặc mùi Thiên chúa giáo ngu xuẩn bỗng dưng thoang thoang cả hương thơm của tư duy tự do; họ không tha thứ cho chú, bởi vì bầu trời Wolfsegg bỗng dưng không những chỉ chứa các luồng gió Thiên chúa giáo và chủ nghĩa Quốc xã, mà còn phảng phất thêm cả các luồng gió Descartes hay Voltaire nữa. Bọn họ từng đình ninh đã giam hãm được tư duy tự do như giam hãm con ác quỷ vào các tủ sách bị khóa chặt đó, thế mà giờ đây, chú Georg lại thả nó ra. Song, chẳng bao lâu sau bọn họ đã lại nhốt con ác quỷ ấy vào tủ. Ấy chính là lúc chú Georg tôi quay lưng với cả nhà, bỏ Wolfsegg đến sinh sống ở Cannes. Đối với cả nhà tôi, sống ở đâu, chứ ở Cannes là đi đâu không thể tưởng tượng nổi - ở Riviera, vùng bờ biển quý quái mà bọn họ từng xếp ngang địa ngục ấy. Chú Georg tôi vừa hai tay hai va li rời khỏi Wolfsegg, thì như thể không còn gì gấp gáp, quan trọng hơn, bọn họ lao ngay tức thì vào việc bắt giam bằng được con ác quỷ từng đầu độc nặng nề Wolfsegg mấy năm qua. Họ nhốt nó trở lại vào các tủ sách, khóa chặt không phải bằng một, mà hai, ba lần khóa. Như giờ đây tôi biết - do nơm nớp sợ hãi đến mức như sợ chết - mà họ cũng cứng đầu cứng cổ,

một mực khăng khăng ngăn cản, không cho tôi mở các tủ sách đó ra. Thậm chí đến lúc hơn hai chục tuổi đầu rồi, bố mẹ tôi vẫn không chịu cho tôi đụng đến số tủ sách ấy, và tôi, dần dà cũng đành thôi không đòi hỏi nữa, bởi tôi vừa căm ghét, vừa ghê sợ những cuộc cãi cọ diễn ra hàng ngày về chuyện đó. Khi chuyển đến sống ở Wien, tôi bảo Gambetti, việc đầu tiên tôi làm là lập tủ sách, trong đó sẽ phải chứa tất cả những tác phẩm mà chú Georg từng lưu ý tôi là tác phẩm bắt buộc phải đọc đối với những ai gọi là trí thức. Chỉ trong một thời gian ngắn, tôi đã tiêu gần hết số tiền tôi có để tìm mua những tác phẩm quan trọng nhất, lập thành cái gọi là *tủ sách ác quỷ* của riêng tôi. Và, cũng là lẽ tất nhiên, tôi bắt đầu lập tủ sách bằng các tác phẩm của Montaigne và Descartes, của Voltaire và Kant. Tôi bảo Gambetti, rốt cuộc, tôi đã tập hợp được - đúng như chú Georg vẫn nói - *những thứ quan trọng nhất cho đầu óc mình*, mà ở trung tâm, tất nhiên, không phải ai khác ngoài Schopenhauer. Tôi lập cho tôi một tủ sách gọn nhẹ, tôi vẫn gọi là tủ sách lưu động, bao gồm những *tác phẩm quan trọng nhất của ác quỷ*, khiến tôi bao giờ cũng có thể mang nó theo mình đi khắp nơi và không bao giờ phải sống bơ vơ thiếu sách cả. Trước hết, tôi chọn mua tác phẩm của các triết gia ở Wolfsegg tôi bị cấm đọc - tức là các tác phẩm bị xếp vào hạng độc hại chết người - rồi về sau, dần dần mua thêm cả các tác phẩm của những văn sĩ có tên tuổi nhất. Để chọn mua sách, tôi bảo Gambetti, tôi đã tuân theo một chương trình chú Georg từng vạch sẵn cho tôi. Cuốn đầu tiên tôi mua là *Heinrich von Ofterdingen* của Novalis. Cuốn thứ hai, tôi còn nhớ rõ, là cuốn *Lịch thư* của Johann Peter Hebel. Từ đây, tôi bảo Gambetti, còn lâu mới đến Kropotkin và Bakunin, còn lâu hơn nữa mới đến Dostoyevsky, Tolstoi và Lermontov, là nhà văn tôi yêu thích nhất. Giờ đây, tôi tự nhủ, việc đầu tiên tôi phải làm là trả tự do cho các linh hồn ác quỷ vốn bị người nhà tôi cấm cố chung thân trong hãm ngục ở Wolfsegg; tôi không những sẽ không bao giờ đóng các tủ sách lại, mà sẽ cho mở toang chúng ra vĩnh viễn. Chìa khóa các tủ sách tôi sẽ ném xuống giếng sâu, để không bao giờ có bàn tay kẻ nào có thể khóa các tủ sách ấy lại nữa. Lý do duy nhất khiến tôi đi suốt một lượt Wolfsegg là để mở toang các cửa sổ, cho không khí trong lành tràn vào. Có lần, tôi đã bảo Gambetti, anh cứ tưởng tượng mà xem, ai đòi vô số cửa sổ ở Wolfsegg hàng chục năm không mở ra lấy một lần, thì anh bảo có kinh khủng không! Rồi tôi sẽ

quay về Rome và báo cho Gambetti biết: này Gambetti ạ, tôi đã mở toang hết các cửa sổ ở Wolfsegg cho không khí trong lành tràn vào. Tôi đã bụng bảo dạ, cửa sổ hay cửa ra vào, tôi sẽ mở toang hết ra. Nhìn bức ảnh chụp ông bà già tôi trên sân ga Victoria ở London, tôi tự nhủ, hai vị toan trời chân trời chẳng tôi suốt đời theo cái lối Thiên chúa giáo - mà tôi phải nói ngay là rất ngu xuẩn ấy - của các vị. Họ từng nhốt chặt bọn ác quỷ vào các tủ sách thế nào, thì với tôi - một kẻ trong mắt họ cũng là một con ác quỷ không hơn không kém - họ cũng mưu toan giam cầm, cấm cố ở Wolfsegg thế ấy. Giam hãm chung thân kẻ dám cãi bướng, kẻ dám chống đối. Cầm cố mục xương kẻ đào ngũ. Có nát óc, tôi cũng không thể nhớ đã bao giờ bố mẹ tôi, dù chỉ một lần, để tôi yên với các sở thích của riêng tôi, hay có bao giờ khen tôi lấy một lần về các sở thích đó không. Các vị chưa bao giờ tuôn ra lấy một lời khen từ cửa miệng, chứ nếu có, tôi đã không để sót ngoài tai. Ngay từ dạo tôi còn là trẻ con, bố mẹ tôi đã rất nghi ngờ tôi. Tôi thẫn thờ, thậm chí ngay từ những năm tháng đầu tiên, khi các vị còn phải cúi xuống, bới bới trong nôi hay lật lật cuội tập đi mới tìm thấy tôi ấy, dường như bố mẹ tôi đã thấy tôi đáng ngờ rồi. Có lẽ từ dạo ấy, hai vị đã thấy ngờ ngợ mọi thứ về tôi và thẫn thờ lo sợ, không biết chừng đã cho ra đời một thằng con sau này có thể sẽ vượt khỏi tầm tay họ, quay ra phản lại, rồi thậm chí sẽ hủy hoại và tiêu diệt họ cũng nên. Ngay từ những năm tháng đầu tiên, cũng như suốt quãng đời về sau, họ đã luôn luôn dõi theo tôi bằng những cặp mắt đầy ngờ vực, và đã từ lâu, có lẽ họ đã ấp ủ trong tiềm thức mỗi cảm ghét mà sau này họ thẳng thừng thể hiện ra. Thoạt tiên, tôi không hiểu vì sao chính tôi phải hứng chịu sự căm ghét đó, nguyên do gì, mục đích gì, do tính cách hèn hạ, độc ác bẩm sinh nào mà tôi bị ông bà ấy căm ghét như thế. Ông anh Johannes tôi, bố thương mẹ quý ngay từ lúc mới lọt lòng, còn tôi, ông bà chẳng hề thương, không hề quý. Giờ đã đến lúc cần nói thẳng sự thật đó ra, tôi vừa nhìn tấm ảnh, vừa nghĩ thẫn thờ trong bụng. Ông bố tôi tạo mầm cho tôi, còn mẹ tôi sinh tôi ra đời, nhưng ngay từ đầu, hai ông bà chẳng ai muốn có tôi; vừa sinh ra tôi, tôi nghĩ bụng, giá nhét được, hẳn mẹ tôi đã nhét tôi trở lại ngay vào bụng bà cho bằng được rồi. Thoạt đầu, ta thường vẫn tưởng các bậc phụ mẫu, theo một lẽ đương nhiên, sẽ thương yêu ta. Song, ta sẽ sớm hiểu ra rằng, vẫn rất tự nhiên thôi, có thể họ cũng sẽ căm ghét ta, vì một lý do nào đấy, nếu ta, trong mắt họ, hay như



tôi trước mắt bố mẹ tôi chỉ là một đứa trẻ không hợp với mong muốn của họ, một đứa trẻ - nói như thiên hạ vẫn nói - sinh tật để nguy ền. Ông bà đã hết hồn hết vía vì cặp mắt của tôi, cặp mắt vừa nứt mở ra đã có vẻ nhìn thấy tất tật những gì họ không bao giờ muốn tôi được thấy. Nghe thiên hạ nói lại, tôi thoát tiên chỉ đưa mắt nhìn ông bà *một cách hoài nghi*, rồi về sau, toàn nhìn trân trân soi mói vào họ, và đến một lúc nào đấy, đã có thể *nhìn thấu tâm can* họ. Đó là đi ều ông bà không bao giờ tha thứ cho tôi, không tài nào tha thứ cho tôi được. Tôi nhìn thấu tâm can ông bà và, thấy bảo vậy, rút ra một đánh giá ngay thẳng, không thể dụ dỗ, mua chuộc, mà ông bà không thể nào ưa. Nói trắng ra, khi sinh ra tôi, họ cũng sinh ra một kẻ sẽ phanh thây, moi ruột moi gan họ từ đầu đến chân. Ngay từ giây khắc đầu tiên, tôi phải nói ngay, tôi đã là đứa chống đối lại, chống đối một cách quyết liệt nhất. Có lần, vào một bữa trời thu tuyệt đẹp, tôi thử mô tả Wolfsegg cho Gambetti nghe. Chúng tôi từ Rocca di Papa quay về Piazza del Popolo - tức cũng kể như đã về nhà đi - và ng ồi với nhau ở sân hiên trước quán cà phê. Lúc đó, tuy đã quá chín giờ tối, song mặt trời vẫn còn đủ sức tỏa ấm để chịu trên quảng trường. Tôi bảo Gambetti, tôi gắng mô tả anh nghe thật chi tiết về Wolfsegg. Lúc còn ở Rocca di Papa, như bây giờ tôi chợt nghĩ lại, tôi đã tuôn ra với anh ta những đi ều thật hết sức vớ vẩn về tác phẩm *Zarathustra* của Nietzsche. Bao giờ tôi cũng thấy rất khó nhọc khi phân tích Nietzsche. Hôm đó cũng vậy, tôi không làm sao nói được đi ều gì cho thật trúng về Nietzsche. Đây anh xem, Gambetti, tôi bỏ công cả chục năm trời để đánh vật với Nietzsche mà không sao khá lên được. Nietzsche bao giờ cũng làm tôi mê mẩn, nhưng có lẽ, tôi sẽ mãi mãi chẳng hiểu ông ấy viết gì, dù chỉ một tí ti thôi, cũng không. Nói thật lòng, tôi bảo Gambetti, các triết gia khác cũng vậy, dù đấy là Schopenhauer hay Pascal - ấy là ngoài Nietzsche, tôi chỉ dám nêu thêm tên hai vị này thôi - ai trong số họ đối với tôi cũng đi ều là khó hiểu cả, các lập luận của họ, có cỡ hết đời, may lắm tôi cũng chỉ hiểu được mang máng mà thôi. Đối với tôi, họ mãi mãi *lạ lùng* khó hiểu, nhưng bao giờ họ cũng hấp dẫn, lôi cuốn tôi ở mức cao nhất. Tôi bảo Gambetti, nghi ền ng ắm tác phẩm của các vị này càng nhiều bao nhiêu, tôi càng trở nên bất lực bấy nhiêu. Chỉ trong cơn vĩ cu ờng, tôi mới dám huênh hoang tôi hiểu các vị, cũng như chỉ khi nào lên cơn vĩ cu ờng, tôi mới dám quả quyết tôi hiểu rõ chính bản thân tôi vậy;

trong khi, nói cho đúng ra, cho đến tận hôm nay, tôi chưa bao giờ tự hiểu rõ mình. Càng nghiên ngẫm, càng suy nghĩ về mình nhiều bao nhiêu, tôi càng rời xa *sự thật về mình* bấy nhiêu, mọi thứ liên quan đến tôi càng tối tăm đi bấy nhiêu, cũng hết như với các vị triết gia kia vậy, tôi bảo Gambetti. Tôi tưởng tôi đã hiểu họ, nhưng đúng ra là tôi chẳng hiểu tí gì, tôi bảo Gambetti, không chừng mọi thứ tôi lao tâm khổ tứ học hỏi, mất công tốn sức vật vã từ xưa đến giờ đều thế cả cũng nên. Song, tôi vẫn tự tin lắm, tôi bảo Gambetti, vào những lúc ngông cuồng, tôi còn dám liều quả quyết đã lĩnh hội được đôi đi đâu bổ ích từ các vị, cũng như từ các công trình viết lách của họ. Nhưng, thật ra, không ai hiểu nổi các vị, cũng như các công trình của họ, tôi bảo Gambetti. Cả Pascal lẫn Descartes, cả Kant lẫn Schopenhauer hay Schleiermacher đều vậy, không ai hiểu nổi họ. Ấy là kẻ sơ sơ tên tuổi mấy vị hiện đang làm tôi quan tâm, mấy vị tôi đang mổ xẻ thôi. Phải thẳng thừng mổ xẻ, như mổ xẻ chính mình vậy, tôi bảo Gambetti. Với tất cả sự táo bạo và láo xược có thể có! Bởi vì, Gambetti ạ, tôi nói, khi ta nghiên cứu mổ xẻ một triết gia nào đó trong số họ, khi ta dám liều lĩnh tóm lấy họ, rồi moi móc phần ruột gan triết học của họ ra ngoài thân xác họ, cũng có nghĩa là ta đã rất táo bạo, láo xược. Kể khi nào ta ra tay mổ xẻ một công trình triết học, là ta đã trâng tráo lắm rồi, song, không có sự trâng tráo ấy, ta sẽ không thể tiếp cận nó, ta sẽ không thể tiến thêm một bước nào về mặt triết học cả. Quả thật, ta luôn luôn phải xông vào các tác phẩm triết học với tất cả sức mạnh thô lỗ và mạnh bạo có thể có, hết như khi xông vào các tác giả của chúng vậy, những tác giả mà ta phải luôn luôn xem là kẻ thù, là địch thủ đáng gờm nhất của ta vậy, Gambetti ạ. Tôi phải đối đầu với Schopenhauer, nếu tôi muốn hiểu ông ta, phải đối đầu với Kant, với Montaigne, với Descartes, với Schleiermacher, anh hiểu không. Tôi phải chống lại Voltaire, nếu tôi muốn ít nhiều thành công trong việc tranh luận với ông ấy một cách trung thực. Tuy nhiên, mọi cuộc tranh luận từ trước đến giờ của tôi với các triết gia cũng như với các công trình của họ đều không thành công. Cuộc đời sắp trôi qua, sự tồn tại của tôi sẽ tuyệt diệt, tôi bảo Gambetti, thế mà tôi vẫn chẳng đạt được tí gì cả, mọi sự vẫn khép chặt trước mặt tôi. Cũng như cuộc vật lộn của tôi với chính tôi cũng chẳng hề thành công. Tôi coi mình là kẻ thù của chính mình và tôi chống lại chính mình về mặt triết học, tôi bảo Gambetti, tôi tiếp cận mình với tất cả những

mối hoài nghi có thể có, và tôi đã thất bại. Tôi tuyệt nhiên không thu được gì sất. Tôi phải xem tư duy là kẻ thù và chống lại nó bằng các biện pháp triết học, tôi nói với Gambetti, thì mới thực sự tận hưởng được nó. Song, có lẽ tôi sẽ không đủ thời gian để làm nổi việc này, cũng như họ, đã chẳng ai có đủ thời gian. Nỗi bất hạnh lớn nhất của con người ta chính là ở chỗ, thời gian bao giờ cũng quá ngắn ngủi cho họ, khiến nhận thức không bao giờ trọn vẹn cả. Bởi thế, bao giờ ta cũng chỉ lĩnh hội được một cái gì đó gần đúng, na ná, không trọn vẹn. Còn không, thì rất chuyen nhặng cuối mà thôi. Nếu ta nghĩ ngợi và không ngừng nghĩ ngợi - một hoạt động ta gọi là triết lý ấy - thì rất cuộc, bao giờ ta cũng đi đến kết luận rằng ta đã suy nghĩ sai lầm. Cho đến giờ, bọn họ - bất kể tên tuổi họ thế nào, bất kể họ đã viết nên những công trình ra sao - tất cả đều suy nghĩ sai lầm; song, tôi bảo Gambetti, họ không chịu bỏ cuộc, họ bỏ cuộc không phải do tự ý mà do thiên nhiên bắt buộc họ bỏ cuộc, bắt họ lâm bệnh, làm họ mất trí, và đẩy họ đến chỗ chết. Họ đã không muốn dừng lại, họ bất chấp mọi luật lệ, mọi lời cảnh báo, dù có phải kham khổ đến đâu, dù có phải chịu đựng ghê gớm đến mức nào. Thế nhưng, tôi bảo Gambetti, họ đã tận tâm vật lộn như thế để rất cuộc, chỉ rút được ra các kết luận sai lầm, chỉ rút được cái hư vô, bất kể cái hư vô ấy là gì cũng vậy thôi. Và, tôi bảo Gambetti, mặc dù ta biết đó là hư vô, tức cũng là cái không có thực vậy, nhưng chính nó lại buộc mọi thứ phải lụi bại, khiến mọi sự phải dừng sừng lại, để rất cuộc, phải kết liễu. Tối hôm đó ở Piazza del Popolo, thay vì mô tả Wolfsegg như đã hứa với Gambetti trên lúc đi trên đường Flaminia, tôi lại sa đà vào một trong những câu chuyện tràng giang đại hải - tôi vẫn quen gọi là những câu chuyện triết lý - mà chính tôi là người e ngại chúng nhất, bởi mấy năm gần đây tôi càng hay sa vào và cũng vì chúng trơn tru tuồn tuột như chính môn triết học vậy, trơn tru như mọi thứ đàm luận tuy gọi là đàm luận triết học thật, nhưng ngoài động cơ sâu xa ra, sự thật, chẳng có gì chung với triết học hết. Vâng, thay vì mô tả Wolfsegg cho Gambetti nghe như đã hứa, tôi lại đi huyền thuyên cái gì đó về Nietzsche mà lẽ ra không nên nói thì hơn, vênh vang đi đâu gì đó hết sức vớ vẩn về Kant, hùng hồn đôi đi đâu về Schopenhauer mà thoát tiên, chính tôi cũng tự khen là rất thông thái, nhưng chỉ một loáng sau đã phải nhận là điên rồ, ba hoa đôi đi đâu về Montaigne mà chính tôi - lúc cất nghĩa cho Gambetti - cũng có hiểu mô tê gì đâu. Tôi

vừa tuôn ra nhận định của tôi về Montaigne với Gambetti, thì anh ấy lại xin tôi cắt nghĩa đi đầu đó, nhưng nào tôi có cắt nghĩa được nữa, bởi vì tôi không biết mình vừa phét lác những của nợ gì về Montaigne nữa. Thường thường, ta vừa nói xong cái gì đó, thì ngay khoảnh khắc sau đấy, ta lại nhận ra ngay rằng ta không biết mình vừa nói gì. Tôi bảo Gambetti, đấy anh xem, tôi vừa nêu ra nhận định gì đó về Montaigne, nhưng bây giờ, chỉ hai, ba giây sau đó thôi, tôi không còn biết, tôi thực sự vừa nói gì về Montaigne. Ta cần phải luyện được khả năng vừa phát ngôn đi đầu gì đó ra, vừa đồng thời ghi nhớ đi đầu vừa nói ra đó vào đầu mình, tôi bảo Gambetti, song ta không có khả năng làm như thế. Tôi không còn biết, tại sao trong khoảnh khắc ấy, tôi lại tuôn ra đi đầu gì đó về Montaigne, tôi bảo Gambetti, và đương nhiên, tôi càng không còn biết, tôi đã nói cái gì về Montaigne. Ta những tưởng ta đã tiến xa đến mức ta đã trở thành một cỗ máy tư duy, nhưng sự thực, ta không thể ỷ lại vào cỗ máy ấy. Nó không ngừng hoạt động chống lại đầu óc ta, tôi bảo Gambetti vậy. Tôi nói thêm, nó liên tục làm nảy sinh những ý nghĩ mà chính ta, ta cũng không biết chúng ở đâu ra, nảy ra để làm gì và có liên hệ với nhau như thế nào. Chúng ta quả thật bị kiệt sức bởi cỗ máy tư duy hoạt động không ngừng không nghỉ ấy, đầu óc ta bị quá tải, song ta không ngắt nó ra được nữa, cái đầu ta đã bị gắn liền suốt đời vào cỗ máy tư duy đó mà không thể cưỡng lại được. Tận đến lúc ta chết đi. Anh nói Montaigne hả, Gambetti? Song, trong giây khắc đó, tôi không biết anh nói gì. Descartes ư? Tôi không biết đó là gì. Schopenhauer à? Tôi không biết. Anh cũng có thể nói *hoa bồ công anh* với tôi, tôi bảo Gambetti, nhưng tôi sẽ không biết đó là gì đâu. Tôi bảo với Gambetti, tôi *cứ* tưởng về Sils Maria, tôi *cứ* tưởng thuê nhà ở gần đèo Malojapass, tôi sẽ hiểu Nietzsche rõ hơn, từ Sondrio trèo ngược lên, tôi khắc hiểu Nietzsche hơn, thậm chí hiểu Nietzsche trọn vẹn cũng nên. Song, tôi đã nhầm. Sau khi đến Sils Maria, từ Sondrio lên, tức trèo từ dưới lên đấy, tôi hiểu Nietzsche còn ít hơn trước, thậm chí tôi dám quả quyết, hiện giờ tôi chẳng hiểu tí gì của Nietzsche nữa cả. Mò đến Sils Maria, tự tôi đã đập đổ Nietzsche. Tôi cũng đã có lần tự tay phá hủy cả Goethe, tôi bảo Gambetti, chỉ vì tôi đã lỡ ngu ngốc một cách tai hại mò đến thăm Weimar, cũng như tôi đã phá hủy Kant, do tôi dò dẫm về xứ Königsberg. Thì tính tôi xưa nay vẫn vậy, chính vì tất cả những triết gia, thi sĩ, văn nhân ấy mà tôi đã có lần

rong ruổi khắp châu Âu để tìm nơi ở của tất cả những triết gia, thi sĩ, văn nhân, và kết quả là, từ đấy, tôi đâm ra hiểu họ ít hơn xưa rất nhiều. Anh hãy cẩn thận, Gambetti ạ, anh đừng dại đến thăm những nơi chốn các văn nhân, thi sĩ hay triết gia từng lưu trú; sau đó anh sẽ không hiểu chút gì về họ nữa đâu. Chỉ vì từng đến thăm những nơi chốn như thế - nơi họ chôn nhau cắt rốn, nơi họ từng sinh sống, nơi họ lìa đời - nên trong đầu anh, anh thật sự không sao hiểu nổi họ nữa. Tôi bảo Gambetti, anh đừng tự cho phép mình lặn đến các xứ sở từng dính dáng tới Dante, Vergil hay Petrarca, bởi vì anh sẽ làm tiêu tan tất tột những gì anh từng chắt chứa vào đầu anh về các bậc vĩ nhân trí tuệ ấy. Đây, Nietzsche hả, tôi hỏi Gambetti, tự gõ gõ ngón tay lên đầu tôi, đây anh xem, đầu tôi trống rỗng, rỗng tuếch rỗng toác. Tôi tự hỏi, Schopenhauer à, rồi lại vỗ vỗ tay lên trán, đầu tôi cũng trống rỗng. Tay đập đập lên đầu, tôi gọi Kant và nhận ra ngay, đầu tôi rỗng không. Điêu đó làm ta nhụt chí kinh khủng, tôi bảo Gambetti vậy. Anh gắng nghĩ đến một khái niệm hàng ngày rất quen thuộc nào đó, thế mà đầu anh trống rỗng. Tuyệt nhiên không một thứ gì. Không còn một thứ gì trong đầu anh cả, trong khi anh mong muốn nắm lấy một khái niệm thường nhật hết sức bình thường. Ngày qua ngày, anh lang thang cùng cái đầu rỗng tuếch ấy, thỉnh thoảng vỗ vỗ lên đầu và lúc nào cũng chỉ thấy nó rỗng không. Sự thật đó làm ta phát điên, phát cuồng, làm ta bất hạnh - vâng, điên dại một cách bất hạnh - và khiến ta đâm ra chán đời kinh khủng, Gambetti thân mến ạ. Tôi tuy là thầy dạy anh thật đấy, song đầu tôi hầu như lúc nào cũng trống rỗng, trong đó thật sự không có tí gì hết cả. Có lẽ do tôi bắt nó rỗng quá sức, tôi nói với Gambetti. Do tôi đã phó thác cho nó quá nhiều. Do tôi đánh giá nó quá cao mà thôi. Ta thường đánh giá quá cao cái đầu của ta và kỳ vọng ở nó quá nhiều, tôi bảo Gambetti, để đến lúc vỗ vỗ lên đầu mới lại kinh ngạc vỡ òa, hóa ra nó bị vét sạch sành sanh tự lúc nào rồi. Đến chút cạn trong đó cũng chẳng còn, tôi bảo Gambetti vậy. Rất có thể, do ta đã quá lạm dụng các triết gia, những triết gia mà lúc này lúc khác, đối với ta có ý nghĩa hoặc rất lớn, hoặc tuyệt đối lớn - tôi bảo Gambetti - khiến họ chốc chốc lại biến đi, để lại cái đầu ta toang hoác. Họ cứ thế bỏ đi, để lại cái đầu rỗng tuếch rỗng toác, khiến chúng ta - thay vì sẽ nghĩ thế này, suy thế nọ trong đầu và toan tính vận dụng chúng vào việc này việc kia, khôn ngoan hoặc không khôn ngoan, có lý hoặc không có lý - lại chỉ cảm thấy đau đớn

kinh khủng, đến mức ta chỉ còn muốn kêu rống lên mà thôi. Song, cố nhiên, ta sẽ thận trọng để không rống lên tiếng kêu khủng khiếp đó, bởi nếu không sẽ làm lộ tẩy cái đầu đang trống rỗng của ta. Và - trong một thế giới mà thiên hạ, ai nấy chỉ rình nghe ta kêu rống lên và qua đó tự thú nhận đầu óc ta hoàn toàn trống rỗng - hẳn nhiên đó chính là sự kiện kết liễu chúng ta, kết liễu một cách không sao cưỡng lại nổi. Với thời gian, ta quen dần thói quen giữ kín mọi chuyện, hay ít nhất cũng giữ kín những gì ta nghĩ, hoặc dám liêu nghĩ, để khỏi bị giết, bởi vì như ta vẫn biết, tôi bảo Gambetti, ai không giữ kín được những gì mình nghĩ, những ý nghĩ thật sự của riêng mình - những ý nghĩ không ai khác có thể biết được ấy - chắc chắn sẽ bị giết. Mang ý nghĩa sống còn là các ý nghĩ được giữ kín, tôi bảo Gambetti, chứ không phải các ý nghĩ đã phát ngôn thành lời hay đã công bố thành văn, bởi phần lớn chúng hoặc ít có, hoặc tuyệt nhiên không có gì chung với những ý nghĩ thầm kín kia và, thường còn thấp hèn hơn. Các ý nghĩ được giữ kín bao giờ cũng chứa đựng tất thảy, trong khi các ý nghĩ đã công bố thành văn chỉ chứa đựng, như ai cũng biết, cái tối thiểu, không mấy đáng kể mà thôi. Tuy nhiên, tôi bảo Gambetti, nếu ta có cơ hội công bố các ý nghĩ thầm kín của ta thành văn bản in ấn, hay ta chỉ cần phát ngôn chúng ra thành lời trong giấy lát thôi, thì chúng ta sẽ tiêu đời ngay. Hẳn mọi sự sẽ bỗng dừng kết thúc. Hẳn mọi sự sẽ tan vỡ tanh bành trong vụ nổ kinh hoàng. Mới đầu, ta tiếp cận triết học hết sức cẩn thận, chỉ rón rén thôi, mà không được, tôi bảo Gambetti. Sau đó, ta tiếp cận mạnh bạo hơn, cũng không được nốt. Ngay cả khi ta không hề kiêng nể, cởi mở hết lòng mình để tiếp cận nó, ta vẫn thất bại. Cứ như thể ta không có quyền chia sẻ gì với triết học vậy, tôi bảo Gambetti. Triết học luôn luôn giống như không khí ta hít vào, nhưng ta không thể giữ được nó lâu trong lòng mình, mà phải thở nó ra. Suốt đời ta, ta thường xuyên hít nó vào, rồi thở nó ra, song không thể giữ nó lâu thêm một khoảnh khắc, một khoảnh khắc lẽ ra có thể quyết định tất cả ấy. Chà, Gambetti ạ, chúng ta muốn *nắm lấy* và *thấu hiểu* mọi sự rồi kéo về cho mình, song ta không thể làm nổi việc đó. Ta mất hẳn cả cuộc đời ta để tự thấu hiểu mình còn không được, thì làm sao ta lại nghĩ, ta có thể thấu hiểu thứ gì đó khác, không phải là *ta* chứ?! Vậy là, thay vì mô tả Wolfsegg cho Gambetti nghe như đã hứa, thì - suốt quãng đường đi loanh quanh, hết xuôi lại ngược trên đường Flaminia trước khi đến được

Piazza del Popolo - tôi lại luôn mồm làm Gambetti điên đầu với những lập luận lằng nhằng, ồn ào quá sức chịu đựng của anh ta như thế. Và tôi cũng không để anh ta chen nổi lấy một lời, mặc dù suốt buổi, tôi biết chắc anh ta đã đôi lần rất muốn xen vào vài lời bình luận rằng tôi đã quá sa đà vào cái lối gọi là diễn văn triết học theo kiểu rất điển hình của tôi. Lẽ ra tôi nên để anh ta ngắt lời tôi và đưa ra đôi lời bình luận thì sẽ tốt hơn là mãi mê tự nghe những lời huênh hoang tràng giang đại hải của chính mình, rồi tự tăng mình lên mây như thế. Bởi tôi cũng thừa biết rằng chỉ một loáng nữa thôi, chính những lời huênh hoang tràng giang đại hải đó cũng sẽ làm tôi điên đầu và khiến tôi phải hổ thẹn và tự xỉ vả mình, làm sao lại không tự kiểm chế, mà còn tuôn tuồn tuột ra như thế, đã vậy lại trước mặt Gambetti nữa chứ, là người có quyền đòi hỏi ở ông thầy mình đôi chút kỷ luật. Lúc hai chúng tôi bước lên tới Piazza del Popolo - dạo ấy chín giờ tối vẫn còn đông xe cộ như ở nhiều thành phố lớn khác lúc đổ trưa - tôi suy nghĩ, trước mặt Gambetti tôi phải cẩn thận hơn mới được, đừng buông thả, đừng để bị lôi cuốn vào các cuộc phiêu lưu triết học như thế. Thế nhưng, tôi bảo Gambetti, ta không nên lấy làm hổ thẹn, nếu lúc này lúc khác ta không tự kiểm chế nổi mình, ấy là cái đầu ta nó muốn thế, mỗi khi ta bắt nó phải căng óc ra suy nghĩ, thì bao giờ nó chả hưng phấn như thế chứ. Chắc Gambetti phải buồn cười lắm khi nghe lời thanh minh muộn màng đó của tôi. Tế nhị và khôn khéo như mọi ngày, anh ta chỉ gọi *nửa* chai rượu vang trắng và tôi có thể kể về Wolfsegg được rồi. Mỗi khi mô tả Wolfsegg, bao giờ tôi cũng tả từ dưới làng, nhìn ngược lên. Phía trên đỉnh, tôi bảo Gambetti, ở độ cao hơn tám trăm thước, là Wolfsegg - một pháo đài, suốt hàng trăm năm nay chưa từng kẻ nào công phá nổi, bao gồm một tòa nhà chính và nhiều gian nhà phụ, nhà thợ làm vườn, nhà thợ săn, trại gia súc và khu gọi là khu nhà lính trồng cây ăn quả. Ngoài ra, còn ngôi biệt thự trẻ thơ, tôi nói thêm, là một biệt thự khá sang trọng, hình như được xây cất từ ba trăm năm trước cho bọn trẻ Wolfsegg thì phải, nằm hơi chệch sang phía đông, tuy có ra ngoài rìa một chút, nhưng từ đó, có thể phóng tầm mắt ra xa, bao quát được cả vùng núi Alpen rộng mênh mông. Nói chung, tôi bảo Gambetti, đứng trên Wolfsegg anh có thể ngắm nhìn quang cảnh hùng vĩ của dãy núi Alpen mà không đâu có được. Anh có thể phóng tầm mắt nhìn bao hết vùng đất bao la trải từ những dãy núi ở Tirol tới phía đông miền

Hạ Áo. Trên đất Áo, tôi dám chắc không còn nơi nào khác được như thế, tôi cam đoan với Gambetti như vậy. Gambetti là người biết nghe chăm chú, anh ấy không bao giờ nói xen vào, lúc nào cũng kiên nhẫn để yên cho tôi xoay xở với những gì tôi định nói. Ta rất hay bị phá rối, bị trì hoãn, hoặc ít nhất cũng hay bị một ai đấy cản trở ngay từ khi vừa định mở miệng kể chuyện hay thuyết trình gì đó, nhưng Gambetti thì không bao giờ; chàng thanh niên này từng được bố mẹ nhẹ nhàng và thận trọng dạy dỗ thành người biết lắng nghe kẻ khác. Wolfsegg nằm cao phía trên làng chừng một trăm thước; lối đi từ dưới làng lên đó là lối đi độc đạo, một con đường có thể bị ngắt đứt ra bất cứ lúc nào bởi chiếc cầu rút xây ngay vào vách đá nằm chắn giữa Wolfsegg với ngôi làng. Từ dưới làng nhìn lên, không thấy được Wolfsegg. Suốt hàng trăm năm nay, khu rừng rậm rạp toàn cây thân cao mọc chen vào giữa đã che khuất nó khỏi mọi con mắt kẻ lạ. Con đường rải đá dăm, tôi bảo Gambetti, chạy dốc ngược đến bức tường cao ba mét, cao đến mức che khuất cả tòa nhà chính lẫn nhà phụ ở phía trong. Bước qua cánh cổng chính, thoát tiên, khách viếng thăm sẽ nhìn thấy ngay khu nhà kính với nhiều cửa kính rộng và cao nằm phía bên trái. Trong đấy, tôi bảo Gambetti, cho đến giờ vẫn trồng cam. Do địa thế thuận lợi, nắng chiếu vào khu nhà kính suốt ngày, cho nên cả cam lẫn chanh, cũng như đủ loại cây cối nhiệt đới hay cận nhiệt đới khác ở trong đấy đều tươi tốt, cứ y như trong khu nhà kính của Hoàng đế ở Wien vậy. Ngay từ hồi còn bé, tôi bảo Gambetti, tôi đã thích nhất hoa sơn trà, vốn cũng là thứ hoa bà nội tôi cũng ưa chuộng hơn cả. Đạo ấy, bọn trẻ con chúng tôi thích đến chơi khu nhà kính nhất. Tôi thường ở lì lì trong ấy với chú Georg cả buổi, say sưa nghe chú ấy kể về nguồn gốc các loài cây, loại cỏ. Đó thật sự là niềm ham mê lớn nhất của tôi hồi ấy. Chính trong khu nhà kính này tôi được nghe một số danh từ La-tinh đầu tiên, tôi khoe với Gambetti, tức là các danh pháp La-tinh của bao nhiêu là loại hoa do ba người làm vườn gieo trồng, chăm bẵm cẩn thận trong vô số bình với chậu lớn nhỏ. Đến giờ, ba người làm vườn này vẫn được nhà tôi thuê làm ở Wolfsegg. Nay Gambetti, chính anh cũng biết, ở đất Trung Âu, đến thời buổi này mà vẫn nuôi trong nhà những ba thợ làm vườn là xa xỉ lắm đấy. Tiếp xúc đầu tiên của tôi với mấy người bố mẹ tôi vẫn gọi là *người ngoài* ấy, chính là tiếp xúc với các bác thợ làm vườn này; tôi có thể ngó nghiêng xem họ làm công việc của họ bất kể lúc



nào, bất kể bao nhiêu lâu hay bao nhiêu lần trong ngày cũng không chán. Tuy nhiên, ngay từ đầu tôi đã không chịu ngắm nghía các loại màu sắc rực rỡ của cỏ cây hoa lá mà thôi, tôi bảo Gambetti, tôi còn muốn biết ngay tại sao hoa lại có những màu sắc rực rỡ như thế, chúng nó lôi đâu ra màu sắc ấy, màu như thế gọi là màu gì. Thợ làm vườn ở Wolfsegg là những người hết sức kiên nhẫn, ở họ luôn toát ra sự bình thản lạ thường, cuộc sống của họ bao giờ cũng đúng mực và giản dị, khiến tôi khâm phục hơn ai hết. Bao giờ công việc của họ cũng hấp dẫn và lôi cuốn tôi, các thao tác của họ cực kỳ chính xác, có chủ định và đúng mực, họ nói năng bao giờ cũng hết sức mạch lạc và rõ ràng. Từ khi tôi tự đi được, khu nhà kính biến thành nơi tôi thích đến chơi nhất, trong khi anh Johannes tôi suốt ngày suốt buổi chỉ loanh quanh trong chuồng gia súc, với rất những bò, những ngựa, những lợn, những gà. Có thể nói, tôi là người của cây cối, còn gã - của gia súc. Mọi niềm vui của tôi nằm ở cỏ cây, hoa lá mọc trong nhà kính, còn mọi niềm vui của gã - trong chuồng gia súc. Vào mùa đông, lúc ngoài trời tuyết phủ, lạnh lẽo, trơ trọi, tôi bảo Gambetti, là lúc trong nhà kính tuyệt vời nhất. Tôi được phép đến chơi chỗ các bác thợ làm vườn, xem họ chăm cây tía lá, rồi về sau, còn được làm cùng với họ nữa kia. Tôi khoái nhất những lúc được ngồi trên chiếc ghế băng nhỏ trong nhà kính, chỗ cạnh mấy cây hoa đỗ quyên để xem họ làm, tôi bảo Gambetti. Ngay chữ *nhà kính* đã từ lâu làm tôi mê mẩn rồi, đó là một từ tôi khoái nhất trong các từ tôi thích. Nhà kính được xây sát bên bờ vách núi đồ sộ thẳng xuống phía ngôi làng, khiến mọi thứ cây cối trong nhà kính luôn được nắng dịu dịu chiếu vào. Các nhà xây dựng hồi xưa thật *khôn ngoan*, khôn ngoan hơn cánh xây dựng ngày nay nhiều. Điều đáng kinh ngạc là, hồi xưa họ chỉ cần một thời gian ngắn, chứ không như các nhà xây dựng thời nay, phải cần nhiều hơn, có khi hàng năm, mới xong nổi *độc mỗi một công trình*. Hồi xưa, tôi bảo Gambetti, một lâu đài sừng sững hàng trăm năm, người ta mất cùng lắm vài tháng, để xây xong đâu vào đấy, với tất cả các chi tiết đẹp đẽ, cầu kỳ, tinh xảo nhất. Còn ngày nay, bọn họ bỏ ra hàng năm trời chỉ để cất lên những cửa nợ xấu xí, gớm ghiếc mà cũng chẳng dùng vào được việc gì, tôi bảo Gambetti, và ai nấy đầu bứt đầu bứt tai, không hiểu vì đâu nên nông nổi ấy. Hồi xưa ai nấy đầu có óc thẩm mỹ, ai nấy hết lòng với công việc, họ làm say sưa. Anh cứ nhìn các công trình xây dựng

ngày xưa mà xem, công trình nào cũng hoàn hảo, ngày nay chẳng cái nào sánh bằng. Mọi chi tiết tại các công trình xa xưa ấy, đều được xử lý, lắp đặt bằng tất cả lòng yêu thương trân trọng, tôi bảo Gambetti, với khiếu thẩm mỹ tinh tế, ngay cả trong các chi tiết nhỏ nhất nhất. Khu nhà kính chẳng những được xây ở một địa thế tuyệt vời, tôi bảo Gambetti, nó còn là một công trình nghệ thuật, được xây nên dưới con mắt đầy thẩm mỹ - một công trình có thể sánh ngang bất kỳ tuyệt tác cùng loại nào khác ở vùng Bắc Ý cũng như Toscana. Xưa kia, bất cứ nhà xây dựng nào cũng là một tiểu Palladio, tôi bảo Gambetti vậy. Nghệ thuật xây dựng của chúng ta ngày nay thoái hóa mất rồi, nó không những chỉ trở nên phi thẩm mỹ thôi đâu, mà xét về nhiều mặt, còn vô dụng và cực kỳ vô nhân đạo nữa kia, trong khi ngày xưa, nền xây dựng bao giờ cũng giàu tính nghệ thuật và chứa đầy nhân tính. Phía bên trái nhà kính là một cổng vòm lớn, xây bằng sỏi kết khối, khá cao, xe cộ cỡ nào chạy qua cũng lọt. Bên trong là khoảnh sân nằm trải thềm thang trước khu nhà quản sự mà tầng dưới chủ yếu gồm ba dãy chuồng bò và một dãy chuồng ngựa khá rộng. Tầng trên gồm các căn hộ của cánh nông phu; họ được thuê làm với những khoản lương lậu khá hậu hĩnh. Khu nhà quản sự xây theo hình móng ngựa, tôi bảo Gambetti, phòng ốc trong các căn hộ phía trên trại gia súc khá rộng, không chật hơn các phòng trong tòa nhà chính chút nào và, nếu có đem gộp cả lại, cũng phải chứa được trăm mạng chứ không ít. Đối diện với khu nhà quản sự và nằm cách xa chừng hai trăm thước trên một mô đất cao là tòa nhà chính, xây theo một nghệ thuật kiến trúc khá tính vi. Toàn cảnh tòa nhà chính, trông từ trang trại lên qua cổng vòm tôi nhắc lúc nãy, thật tuyệt vời. Tòa nhà cao ba tầng, vọt lên đúng ba mươi tư mét, tôi bảo Gambetti vậy. Tôi rất thích ngắm tòa nhà này. Tôi chưa từng thấy ở đâu trên đất Áo một tòa nhà nào có mặt tiền oai nghiêm đến thế, mà trông nó cũng có vẻ sang trọng hơn bất kỳ tòa nhà nào tôi biết. Chính giữa là cổng ra vào cao tám thước tây; cánh cổng sơn màu lục, sẫm đến mức nhìn cứ như đen kịt, không trang hoàng bằng thứ gì khác, ngoài nắm đấm cửa bằng đồng thau gắn bên ngoài - nhưng không bao giờ đánh bóng - và sợi dây kéo chuông bằng sắt treo bên trái. Các cửa sổ tầng dưới được trở ở độ cao đủ không cho ai ngễnh cổ nhìn vào được. Mỗi lần ở Rome về, tôi bảo Gambetti, bước vào gian tiền sảnh bao giờ tôi cũng có cảm giác rất quái dị; trước vẻ lạnh lẽo, song

tráng lệ của gian tiêng sảnh, lại thêm bềcaolấn chiềusâu của nó, khiến lầnnào tôi cũng phải nín thở. Gian tiêng sảnh trải dài ba mươi tư thước, chạy đến tận bức tường bao quanh sân; ánh sáng ban ngày chỉ chiếu từ trên xuống nền nhà lát bằng những tấm gỗ thông xưa đến một trăm năm mười năm chứ không vừa, mỗi tấm rộng phải nửa mét, tôi bảo Gambetti, tấm nào tấm nấy xám xịt bởi dấu chân nhiều thế hệ từ xa xưa vẫn từng đặt lên. Tôi chưa thấy gian tiêng sảnh nào đẹp hơn thế, tôi bảo Gambetti. Trông nó rất oai nghiêm, với khoảng không gian rộng lớn cùng cái vẻ hết sức nghiêm trang tuyệt đối của nó, lại không chút trang trí nào, chẳng tranh cũng chẳng ảnh, tuyệt nhiên không thứ gì hết. Các bức tường đều quét vôi trắng, tạo cảm giác khổ hạnh kiên cường. Hàng trăm năm nay đều vậy. Gần đây, lúc này lúc khác mẹ tôi lại cố đặt vài ba lẵng hoa vào gian tiêng sảnh; hoa hoét chẳng làm cảnh trí trong đó đẹp thêm, hay hỏng đi, tôi bảo Gambetti vậy, vâng, có làm vướng mắt đôi chút, nhưng hỏng thì không hỏng. Nó quá ư tráng lệ, làm nó hỏng đâu có dễ. Tôi bảo Gambetti, bước vào gian tiêng sảnh tôi vẫn cho là quá rộng, quá lạnh lẽo và quái dị ấy, nhiều người hẳn sẽ cảm thấy ghê ghê, không ít người thậm chí còn e ngại, không khéo chết cồng ngay trong đấy cũng nên. Phần lớn đều thấy run run khi bước chân vào đấy, tôi bảo Gambetti vậy, bởi có mấy ai quen bước vào một gian tiêng sảnh rộng mênh mông, tráng lệ và oai nghiêm như vậy đâu. Mọi gian tiêng sảnh tôi biết ở những tòa nhà khác, đều không rộng khủng khiếp, không quá ư hoành tráng và cũng không cực kỳ oai nghiêm như gian tiêng sảnh nhà tôi và do đó, tất nhiên, cũng không gây cảm giác lạnh lùng, xa lạ như thế cho những ai đặt chân vào. Mọi người thấy lạnh lùng xa lạ, song với tôi lại khác; chính cái hoành tráng, cái lạnh lẽo ở đấy lại là cái hấp dẫn tôi từ xưa đến giờ. Anh bước chân vào gian tiêng sảnh nhà chúng tôi, tôi nói với Gambetti, lập tức anh sẽ có cái cảm giác, anh sắp lãn ra chết ngay tắp lự, khiến anh phải tìm ngay một chỗ nào đó làm chỗ dựa. Gian tiêng sảnh bao giờ cũng được che cho tối bớt so với bên ngoài, khiến mắt anh vừa từ ngoài bước vào là bị lóa ngay lập tức. Trong giây lát anh cảm thấy anh hoàn toàn trợ trợ. Bước vào trong, ngay bên trái là cánh cửa dẫn sang phòng người hầu, tiếp theo là cửa vào nhà kho chứa các loại dụng cụ nội trợ của gia đình. Tiếp theo nữa là cửa vào gian nhà thờ riêng của gia tộc tôi. Gian nhà thờ này lớn phải xấp xỉ loại nhà thờ hạng nhỏ ở vùng quê, tôi

bảo Gambetti, với ba bàn thờ, bàn thờ Gothic ở giữa, hai bàn thờ khác hai bên. Đến tận giờ, sáu giờ sáng Chủ nhật nào cũng tổ chức thánh lễ ở đây, do ông linh mục dưới làng chủ trì - hoặc đích thân ông, hoặc ông cử giáo sĩ lên thay. Cuộc bộ leo từ dưới làng lên, âu cũng là sự khó nhọc lắm lắm cho ông linh mục già. Trong kho áo lễ, tôi bảo Gambetti, cho đến giờ vẫn còn những thùng gỗ to đựng chất đầy áo lễ của các linh mục từ suốt ba thế kỷ nay. Wolfsegg may mắn, hầu như không bị cuộc chiến tranh lớn nào ở châu Âu đụng đến và các trận hỏa hoạn chớm bùng lên hồi thế kỷ trước đầu bị dập đi rất nhanh. Tôi bảo Gambetti, đội cứu hỏa làng chúng tôi là một trong những đội giỏi giang, điều luyện có tiếng nhất nước Áo. Không tối nào mẹ tôi không quỳ cầu nguyện trong gian nhà thờ này. Bọn con cái chúng tôi được dạy ngay từ khi còn bé, tối tối phải đến đó cầu nguyện. Cố nhiên, ở đây bao giờ cũng diễn ra các sự kiện đình đám, chẳng hạn lúc nào đón đích thân Tổng Giám mục xứ Salzburg xúng xính lễ bộ đến dự nào lễ đặt tên, lễ ban phước hay đám cưới, tôi bảo với Gambetti. Đã có dạo, những cảnh tượng tưng bừng diễn ra tại gian nhà thờ này, đối với tôi - cũng giống như đối với mọi người trong nhà - mang nhiều ý nghĩa đặc biệt lắm. Về sau, tuy trong lòng không còn thấy hay ho gì nữa, nhưng tôi vẫn còn nhớ như in các nghi lễ quái đản đó, nhớ cả ánh sáng xuyên qua những cánh cửa kính đò sộ và choáng lộn của nhà thờ lẫn các lễ hội tưng bừng, lung linh màu sắc. Đối diện gian nhà thờ là gian nhà bếp, rộng thênh thang như sân dạy ngựa, ngay mùa đông cũng không đốt lò sưởi; khá nhiều bếp lò lớn, một số không còn dùng làm bếp nấu ăn nữa, mặt bếp biến thành nơi chất các thứ đồ đạc vật vãnh. Hàng trăm, nếu không phải hàng ngàn bộ bát đĩa, tô tách lớn nhỏ cất trong tủ chén và chất trên giá dựng áp vào tường. Mãi đến lúc tôi ba chục tuổi, tôi nhớ vẫn còn những tám các bà các cô làm ở đây và hồi đó họ đã phải hồi hải chạy ngược chạy xuôi thế nào trong bếp vào dịp lễ sinh nhật ba mươi của tôi. Tôi thích nhà bếp gần như thích nhà kính vậy, chỉ có điêu, ở nhà kính toàn đàn ông, còn ở đây toàn các bà các cô - nhưng không phải vì thế mà không thú vị. Ở nhà kính tôi thích mùi thơm các loài kỳ hoa dị thảo thế nào, thì hàng ngày trong bếp, hương vị tuyệt vời của đủ các loại bánh ngọt lại hấp dẫn tôi như thế. Và lại, sự niềm nở và thiện cảm mà các bà các cô nhà bếp vẫn dành cho tôi ngay từ hồi còn bé khiến tôi bao giờ cũng thích thú mỗi khi ghé vào đây. Đến chơi trong bếp, không bao giờ tôi thấy

chán. Quả vậy, tôi bảo Gambetti, suốt phần đầu thời thơ ấu, nhà bếp và nhà kính là hai nơi tôi hay qua lại nhất, hay có thể nói, đời thơ ấu của tôi đã trôi êm ái, giữa một bên là các loài hoa trong nhà kính, với bên kia là các loại bánh ngọt trong bếp. Trong bếp chẳng ai hỏi han, bắt bẻ vặn vẹo tôi chuyện gì, ở nhà kính cũng vậy, tức là cứ chỗ nào *không* có mặt bố mẹ tôi, thì tôi muốn làm gì thì làm tùy thích, chẳng ai ngăn, không ai cản. Gần như lúc nào tôi cũng chỉ ao ước xuống bếp hoặc chạy vọt sang nhà kính. Đến tận giờ tôi vẫn thường nằm mơ tôi đang xuống bếp hoặc chạy sang nhà kính, tôi bảo Gambetti vậy, bất kể thời tiết thế nào. Thằng bé chạy xuống bếp tìm những người, theo cách nghĩ của nó, bao giờ cũng vui vẻ và niềm nở; nó chạy sang nhà kính, đến chỗ các bác làm vườn lúc nào cũng tỏ ra thỏa mãn với đời. Nó tìm mọi cách thoát khỏi những người nó cho là rất nghiêm khắc và độc ác, toàn đòi hỏi nó những chuyện quá quắt. Trong các giấc mơ, tôi bảo Gambetti, tôi luôn trốn sự nóng nảy và khắt khe của bố mẹ, tôi chạy từ gian tiêng sảnh ra ngoài, bỏ qua nhà kính lẫn trại gia súc để trốn vào các khu rừng xung quanh. Tôi nằm hàng giờ bên bờ suối xem cá bơi dưới nước hay ngắm mấy con bọ cánh cam bò trên lá sậy. Ngày bao giờ cũng dài, buổi tối lại quá ngắn ngủi. Tôi bảo Gambetti, bước vào gian tiêng sảnh, đi thêm hai chục bước anh sẽ gặp cầu thang gỗ rộng dẫn lên tầng trên. Quay sang phải là hành lang tầng thượng và chạy dài về hướng đông, ở tận cùng anh sẽ thấy gian phòng ăn rất lớn, cửa lúc nào cũng mở toang. Phòng ăn nằm đúng ngay trên gian tiêng sảnh và có cái ban công rất rộng. Bọn trẻ con chúng tôi bị nghiêm cấm bước vào đây, ngoại trừ vài ba dịp hội hè nhất định, khi có lệnh cho phép chúng tôi, quần áo chỉnh tề và mồm miệng ngậm tăm, đến ngồi bên bàn. Cho đến giờ, một loạt tủ búp-phê, tủ kính lẫn chạn bát đĩa, chứa đầy ắp các loại tô đĩa, tách chén bằng sứ hiếm hoi và dao nĩa vô cùng quý giá vẫn dựng bên nhau san sát. Bày ra khắp nơi trong các ngăn tủ này chính là kho báu vô giá mà các bậc tiêng bối trong dòng họ nhà tôi đã gom góp tích trữ hàng thế kỷ nay. Trên tường treo chân dung các vị từng cất công xây nên Wolfsegg lẫn các vị đã trông nom, gìn giữ nó - những vị đã mồi yên mả đẹp từ lâu trong ngôi nhà mồi gia đình ngoài nghĩa địa. Giá gian phòng ăn này mà biết nói năng, tôi bảo Gambetti, thì ta đã được nghe câu chuyện hoàn chỉnh, không chút méo mó, sai lệch về nhân loại rồi, một câu chuyện vừa thần kỳ vừa rất thực, vừa hiên hách vừa

kinh hoàng. Tôi bảo Gambetti, chắc chắn lịch sử - mà không chỉ riêng lịch sử địa phương đâu - đã được viết nên bên chiếc bàn ăn ở đây. Thế nhưng, cũng may mà các bàn ăn không nói năng được gì, tôi bảo Gambetti vậy, chứ không thì chúng đã bị những kẻ phải ng ửi ăn ở đó đập vụn ngay r ồi. Tôi còn nhớ đã từng được ng ửi ăn bên chiếc bàn này với cả thầy tám vị Tổng Giám mục lẫn Đức Hoàng y và ít nhất cũng cả tá Hoàng tử khác nhau chứ không ít, tôi bảo với Gambetti. Và đương nhiên, đi đâu đó đã để lại trong một đứa trẻ như tôi h ồi đó những ấn tượng thật mạnh mẽ. Ấy là chưa kể một số lớn các quý bà, các tiểu thư quý phái - mà tên tuổi giờ đây tôi không còn nhớ nữa - từ Wien, Paris hay London lặn lội đến thăm chúng tôi. Tất cả bọn họ đều nghỉ đêm ở Wolfsegg, trong các căn phòng thường ngày khóa kín, chỉ vào những dịp thế này mới mở ra - những căn phòng rộng, ngọt ngào mùi mốc, giấy b ối tường tối tăm, với những tấm màn che cửa nặng trĩu, nặng đến mức, ai yếu sức hẳn không thể sáng kéo ra, tối kéo vào được. Vào những phòng gọi là phòng khách, mà tất cả đều xoay lưng ra hướng bắc ấy, tôi nói với Gambetti, bao giờ tôi cũng thấy kinh hãi. Bất kỳ ai từng ở đó, dù chỉ ngắn ngày thôi, trước sau thế nào cũng sinh bệnh. Tuy nhiên, chủ nhà ở Wolfsegg đã cố tình sắp đặt, bày biện nội thất các phòng này theo một cách cừ địch như thế, cũng như bọn họ đã cố ý chọn các căn phòng nằm ở hướng bắc làm phòng khách và giữ các phòng này lạnh ở mức sớm muộn khách cũng bị cảm. Bọn họ không muốn khách lưu lại đây lâu hơn hạn cần thiết. Và lại, cũng phải vì một lý do bức thiết nào đó, lúc họ phải nhờ vả khách để đạt được việc nào đấy có lợi cho họ, những việc phải có khách giúp mới xong, thì họ mới mời khách mà thôi. Sáng ra, ngay bữa điểm tâm, các vị khách ngủ qua đêm tại các phòng khách đó đã để lộ các dấu hiệu cho thấy họ bị thấm lạnh; tôi bảo Gambetti, các vị hoặc quần khăn quàng cổ, hoặc húng hắng ho vẻ bất thường. Mặc dầu vậy, tôi bảo Gambetti, khách khứa vẫn ham quay lại, bởi Wolfsegg có sức quyến rũ lạ lùng. Ai nấy dường như đều nôn nóng chờ được mời lại lần sau. Đạo xưa, ông bà tôi rất hay mời đông khách. Bố mẹ tôi ít mời khách hơn hẳn; hai vị không giao du rộng. Bố tôi đã không, mẹ tôi lại càng không; và lại, lúc mới về nhà ch ồng, mẹ tôi còn bị ức chế suốt một dạo và mang nhiều mặc cảm về đám người, như bà vẫn định ninh, thích đến Wolfsegg cốt chỉ để dò la các thói tật thiếu thượng lưu của bà, r ồi đem rêu rao khắp nơi, cho

xấu mặt bà mà thôi. Thành ra, khoảng chục năm đầu, bà chẳng bao giờ mời ai trong số bạn bè bố tôi, chỉ mời bạn bè bà, những người bà ít phải ngại hơn, nên rốt cục, khách của bà rất bọn người đáng sợ thuộc giới gọi là giới trung lưu có học, những kẻ nếu anh đối mặt, Gambetti ạ, chắc chắn anh phải bủn rủn chân tay, nhất là khi bọn nó lại từ Weis hay Vocklasbruck, từ Linz hay Salzburg đến và vênh vang tự cho mình cao hơn hẳn thiên hạ một bậc nữa. Tôi bao giờ cũng ghét đám khách khứa kiêu đó. Mặt khác, cũng phải nói rằng Wolfsegg không những hoàn toàn mới mẻ và xa lạ, mà còn tuyệt nhiên không hợp với bà, khiến bà chẳng mấy chốc hẳn sẽ hoàn toàn cô đơn bên một ông chồng chẳng mấy lý thú như bố tôi, tôi bảo Gambetti, chắc bà sẽ buồn chán đến mục xương ra ở đấy mất. Chẳng mấy chốc Wolfsegg hẳn sẽ nghiền nát bà, và nói đùa như bố tôi dạo mới cưới còn dám nói, *người đàn bà ngoi từ dưới lên ấy rồi sẽ tiêu tan dần thành cát thành bụi*. Bởi vậy, đến một lúc nào đấy, vào thời điểm có thể định đoạt tương lai bà, bà liền cứ thế lôi những người cùng giới với bà lên Wolfsegg và rút cuộc, như lời bố tôi lâu bài, làm *vô sản hóa Wolfsegg*, tôi bảo Gambetti. Đầu sao thì, tôi nói thêm, bà cũng có quyền tìm cách sống sót, dù cách ấy có vừa mắt chúng tôi hay không cũng mặc. Riêng trong tòa nhà chính đã có tới hơn bốn chục phòng, tôi chưa bao giờ đếm chính xác. Tuy trẻ con chúng tôi mãi đến lúc tròn mười hai tuổi mới được chia phòng riêng và đi đâu thú vị là tôi và anh tôi đều được nhận phòng chái nhà phía nam, còn phòng cho bọn em gái lại chái nhà phía bắc. Hai đứa chúng nó rất hay bị cảm lạnh và rất có thể, sở dĩ chúng nó nhạy cảm với cái lạnh chính là do bị đẩy ra ở chái nhà phía bắc đó. Bọn con gái bị đuổi ra ở phần chái nhà phía bắc, tức là bị phạt, chỉ vì chúng nó là con gái. Thế nhưng, tôi bảo Gambetti, ấy là tôi ngờ vậy thôi, chứ không chắc. Những ai lớn lên từ chái nhà phía bắc về sau đều bị thiệt thòi, tôi bảo Gambetti, mà rồi họ cũng bị thiệt thòi suốt đời thật. Cả vào mùa hè, chái nhà phía bắc vẫn thấy khó chịu, bởi nó không ấm lên được. Các bức tường nhà ở Wolfsegg, dù hướng bắc hay hướng nam, chẳng bao giờ ấm lên, lúc nào cũng lạnh lẽo, bước đến gần còn nguy hiểm là đằng khác. Cửa sổ ở Wolfsegg, đến ở tầng ba vẫn còn cao hơn hai thước và bọn trẻ chúng tôi rất khó mở chúng ra. Muốn mở cửa ra thông gió, bao giờ chúng tôi cũng phải nhờ người giúp, nhưng có đi đâu, bên giường nằm của bố mẹ tôi, mới để sẵn chuông gọi

người làm, chứ chúng tôi làm gì có. Thời trẻ con, chưa có cầ tiêu trên tầng ba - là nơi chúng tôi ngủ nghê, học hành, chơi bời gần như suốt ngày. Tối đến, chúng tôi phải ỉa đái vào những cái xô sứ cũ, hoàn toàn tự nhiên như ông bà chúng tôi hồi xưa vẫn từng làm, rồi sáng sớm hôm sau hết sức khéo léo, tôi nói thật đấy, thân nhiên dốc đổ xô qua một cánh cửa sổ riêng ở tầng ba xuống đất. Tối tối, chúng tôi phải tự xách những chiếc bình sành đựng nước lên tầng ba vào phòng, bởi trên đó không có nước vòi. Nước bẩn, chúng tôi cũng cứ thế đổ qua cánh cửa sổ. Ngay dưới cửa sổ đó, chỗ chúng tôi vẫn đổ xô và nước bẩn xuống, sâu xuống phải năm chục thước, lau sậy mọc tươi tốt, vọt cao hẳn hơn bất kỳ chỗ nào khác. Tại trẻ Wolfsegg trước sau rồi cũng hết sợ, do cũng nhanh quen với cảm giác bị bỏ rơi trong tòa nhà mênh mông và lạnh lẽo này. Bọn trẻ nơi khác đến Wolfsegg thì bao giờ cũng sợ run, nếu không có ai ở gần, dù chỉ một loáng, là khóc ré lên ngay. Còn chúng tôi chẳng sợ gì. Tôi còn nhớ, dạo mới bốn, năm tuổi gì đó, tôi bảo với Gambetti, mẹ tôi đã đuổi chúng tôi ra khỏi phòng bà, bắt về ngủ ở phòng riêng, dạo đầu là phòng chung của hai anh em, vắng, đưa hay đuổi thì cũng thế cả. Tối nào cũng như tối nào, chờ chúng tôi rửa ráy xong xuôi, bà đến hôn hai đứa trước khi ngủ. Johannes bao giờ cũng chìa ngay má cho mẹ hôn, còn tôi rất ghét, trong bụng chỉ muốn lẩn, nhưng của đáng tội, có bao giờ lẩn được đâu. Đến tận giờ, tôi bảo Gambetti, mẹ tôi vẫn đeo đuổi tôi trong các giấc mơ để đòi hôn tôi trước khi ngủ. Bà đến bên giường, cúi xuống bên tôi và bỗng chốc tôi bị bó chân bó tay, phải đem mình nộp cho cái hôn của bà. Bao giờ bà cũng dán chặt môi vào má tôi, chặt như thể muốn trừng phạt tôi. Hôn hít hai anh em xong xuôi, bà tắt đèn, nhưng chưa ra khỏi phòng ngay đâu, bà còn đứng lại hồi lâu ở ngưỡng cửa, chờ chúng tôi xoay mình và chìm dần vào giấc ngủ. Bởi tai tôi hồi bé đã rất thính, nên tôi biết, khép cửa lại rồi bà vẫn còn đứng phía ngoài nghe ngóng một lát rồi mới xuống phòng ngủ của bố mẹ tôi dưới tầng hai. Tôi không biết vì lẽ gì, tôi nói với Gambetti, mà đến bọn nhóc chúng tôi, bà cũng nghi ngờ. Bệnh đa nghi mẹ tôi mắc thật kinh khủng hiếm thấy, thường xuyên giày vò, không lúc nào thuyên giảm, vô phương cứu chữa và, bây giờ thì tôi phải nói thẳng, hết sức quái đản và không tự nhiên chút nào. Ở Wolfsegg, phòng lớn phòng nhỏ đều quét vôi trắng hết một lượt. Rèm cửa các phòng tầng hai đều màu lục sẫm, gần như đen sì,



rèm của các phòng tầng một đầu đỏ sẫm, cũng gần như đen sì. Trong các phòng tầng ba, cả trong phòng của bọn trẻ chúng tôi, rèm may bằng vải gai vùng Mühlviertler, còn trong các phòng tầng một, bằng vải nhung dày, thấy bảo do bà nội tôi cho sẫm ở Ý về từ đạo thế kỷ cũ chuyển sang thế kỷ mới đến nay. Từ lúc còn nhỏ đến giờ, tôi chưa thấy ai giặt các tấm rèm này bao giờ, có nghĩa là chưa bao giờ dỡ xuống cả. Để làm bài tập ở nhà, anh Johannes với tôi, về sau thêm cả bọn em gái nữa, đầu bị nhốt chặt trong phòng cho đến khi bài vở xong xuôi mới được ra ngoài, trừ phi bài tập nan giải lắm mới được phép cầu cứu. Nhưng mẹ chẳng giúp chúng tôi bao giờ, chỉ một mực lạnh lùng, các con phải tự tìm ra lời giải thì mới khá lên được. Cái lối ấy của bà không nhằm mục tiêu giáo dục quái nào đâu, chỉ để bà đỡ mệt óc đấy thôi. Còn bố tôi không để tâm đến bài vở chúng tôi học bao giờ. Ông chỉ nổi cáu nếu chúng tôi vác điểm xấu về nhà. Đứa nào bị điểm năm hay thậm chí điểm sáu - vâng điểm sáu là điểm thấp nhất đã có từ thời tôi học tiểu học - là ông mắng, mà *không xứng đáng* làm con bố. Bị hai con sáu là tự khắc ở lại lớp, song chúng tôi chẳng bị hai con sáu bao giờ, nhưng một con thì nhiều. Phòng chúng tôi ở tầng ba, khi nào lạnh lắm, mười độ dưới không, mới được sưởi, mặc dù củi đốt lò nhà tôi ở Wolfsegg bao giờ cũng thừa mứa, và vào những lúc như thế, chúng tôi phải tự tay vác củi lên tầng, bởi người làm không ai được phép giúp chúng tôi. Bố tôi đích thân ban lệnh này cho họ, bởi ông muốn *tôi luyện* chúng tôi thành những con người thật sự. Gambetti không hiểu thế nào là *tôi luyện*, buộc tôi phải tìm cách giảng giải cho anh ta một lúc. Song rất cuộc, các *biện pháp tôi luyện* mà ông bố chúng tôi còn gọi là *giáo dục thông qua tôi luyện* ấy, chẳng tôi luyện hai anh em chúng tôi thêm chút nào, thậm chí làm chúng tôi *dễ mắc đủ các thứ bệnh*, mặc dù cũng chưa *dễ* đến mức như hai đứa em gái tôi, vốn phải ở trong hai căn phòng nằm ở chái nhà phía bắc. Do kiểu giáo dục thông qua tôi luyện ấy của ông bố tôi, chúng tôi chẳng những không được tôi luyện, tôi bảo Gambetti, mà còn yếu đi, rất dễ mắc bệnh là đằng khác. Với lối tôi luyện của ông, ông nuôi chúng tôi thành hai thằng con ngược hẳn ý ông. Chúng tôi yếu ớt hơn hẳn tụi trẻ không được hưởng phương pháp giáo dục thông qua tôi luyện, yếu ớt hơn hẳn bọn trẻ dưới làng, vốn được lớn lên hoàn toàn tự nhiên trong các căn phòng sưởi ấm, mặc dù bố mẹ chúng ít nhiều đầu nghèo kém, trong nhà chúng nó của nả

chẳng có gì, trong khi, tôi có thể nói thẳng ra với anh như thế, gia đình bố mẹ chúng tôi ngập ngựa dưới đồng tiền bạc và châu báu ngút trời. Tôi bảo Gambetti, lối sống keo kiệt đến rùng rợn đã từng thao túng Wolfsegg từ xưa đến giờ. Mẹ tôi chính là người keo kiệt nhất, bủn xỉn nhất, không ai sánh bằng. Tôi vẫn ngờ từ lâu, có lẽ niềm đam mê độc nhất của bà chính là sự keo kiệt. Nếu không tính đến số tiền khổng lồ mẹ tôi từng bỏ ra mua sắm quần áo thì bà quả là người keo kiệt nhất tôi từng gặp trên đời này. Bà không khi nào dám hưởng thụ bất cứ thứ gì. Trong bếp ở Wolfsegg, chỉ được phép nấu những món tối cần thiết, tốt nhất là tự cung tự cấp, không mua bất cứ thứ gì từ dưới làng lên. Bởi thế, ở Wolfsegg, quanh đi quẩn lại chúng tôi chỉ toàn ăn thịt lợn với thịt bò, lúc nào cũng thấy hết dĩa lại lòng, cùng đủ loại cháo bột, cháo yến mạch, mì luộc, mì xào. Vâng, tất nhiên, còn bao nhiêu món trứng nữa. Chỉ khi nào gọi là có *khách quan trọng* thì trong các gian bếp ở Wolfsegg mới lại ứ ứ các thức ngon của lạ, chỉ cốt toe toe khoe chủ nhà hào phóng. Mẹ tôi thuộc hạng người sống với bần nổi là chính. Câu hỏi luôn luôn làm bà băn khoăn là không biết thiên hạ nghĩ thế nào về bà, không rõ họ đánh giá bà ra sao và, cố nhiên, bao giờ bà chả muốn họ nghĩ hay, nói đẹp về bà. Ở bếp họ nấu ăn mới ngon chứ, tôi trềnh trềnh lên như vậy với Gambetti, nhưng thường ngày họ chỉ nấu một vài món chán phè, cứ ba, bốn ngày lặp lại một lần. Tôi vẫn tự hỏi, tôi bảo Gambetti, không biết nhà tôi nuôi ba bác làm vườn làm gì mà chúng tôi chẳng bao giờ được ăn rau quả tử tế. Chả lúc nào chúng tôi được thưởng thức món gì cho ra hồn từ trong vườn; dọn lên bàn một vài món rau ngon lành trông được thì có khó gì đâu nhỉ, nhất là khi ai cũng biết tôi thèm ăn rau tươi và xa lát lắm. Không! Cả rau tươi lẫn xa lát xanh thu hoạch trong vườn đều phải đem bán bằng hết, không chừa một lá một cọng nào để ăn cả. Để các bác làm vườn đem ra chợ Weis hay Vocklabruck bán hẳn có lời hơn. Bố tôi chẳng phải vô cớ mà đau dạ dày là vì thế, tôi bảo Gambetti. Cả các bà đầu bếp lẫn mấy cô phụ việc, như tôi đã kể, phần lớn thời gian chỉ xoay trềnh trềnh với việc vào chai, muối cái này cái kia, thậm chí với cả làm dĩa, nhũ xúc xích, bởi vì ở Wolfsegg cũng mổ lợn, mổ bò và cả nhà từ xưa đến giờ đều chỉ ăn thịt mỡ tại gia như thế thôi. Quả thật, chẳng cần bàn cãi gì thêm, thứ dĩa họ làm ở đấy đúng là thứ tuyệt vời nhất tôi từng ăn trong đời. Một ông hàng thịt sẽ được gọi từ dưới làng lên, ra tay mổ bò, mổ bê,

chọc tiết lợn rấi xẻ thịt chúng gọn gàng, sạch sẽ trong lò mỡ riêng của Wolfsegg dựng ngay cạnh trại gia súc. Xem ông hàng thịt mỡ lợn hay mỡ bò thật khoái. Tất nhiên, lúc còn nhỏ, chúng tôi đứa nào cũng thấy ghê sợ và khiếp đảm. Nhưng về sau, tôi dám xếp nghề mỡ thịt vào hàng những nghệ thuật cao, ngang hàng với môn phẫu thuật trong bệnh viện, đối với tôi thậm chí nghề mỡ thịt còn có vẻ đáng ngưỡng mộ hơn là đàng khác. Ở Wolfsegg, ngay từ khi còn rất nhỏ, chúng tôi đã nhận thức được rằng việc gia súc rấi sẽ bị chọc tiết, bị mỡ bụng xẻ thịt và chế biến là lẽ tự nhiên; những gì lúc ban đầu vốn làm chúng tôi kinh hãi thì dần dần không còn làm chúng tôi kinh sợ nữa và, về sau, thậm chí chúng tôi còn xem như thể là hoàn toàn cần thiết, cũng như coi công việc của ông hàng thịt là công việc rất nặng nhọc, và nếu ông ta còn lành nghề thạo việc nữa, thì đấy là công việc đáng khâm phục. Sau những cú sốc ban đầu, tụi trẻ ở làng quê đã làm quen ngay từ rất sớm với sự sống và cái chết. Đối với chúng, cái đó sẽ không còn gì đáng sợ nữa hết, bởi vì chẳng có gì là giật gân nữa cả, mà chỉ là cái hết sức tự nhiên nữa thôi. Tôi phải nói thêm anh biết, trên gác mái nhà trại gia súc chúng tôi còn có một lò hun khói rất lớn. Cái từ *lò hun khói* có vẻ làm Gambetti khoái chí, cứ muốn nghe tôi nhắc đi nhắc lại mãi. Trong trại gia súc có một gian chuyên dùng làm nơi hun khói, tôi bảo Gambetti, bao giờ cũng treo lủng lẳng tới hàng trăm xâu xúc xích, hàng trăm tảng thịt hun khói chứ không ít. Xung quanh khu sân sau của tòa nhà chính, tôi bảo Gambetti - *phần lớn mọi sinh hoạt của gia đình đều diễn ra ở đây* - từng gác nào cũng có một dãy cột chạy từ đầu này tới đầu kia, cũng là nơi tôi hay chùi giày bẩn vào. Đang rót rượu vào ly cho tôi, Gambetti nghe tôi nói vậy lại phì cười. Chính ở cái sân sau này, về mùa đông, chúng tôi vẫn thường chăm nuôi mấy con nai, con hươu yếu sức hoặc bị thương, tôi bảo Gambetti, do cánh thợ săn bắt đem về Wolfsegg cho chúng tôi. Ngôi nhà cánh thợ săn nằm trước cái gọi là ngôi biệt thự trẻ thơ, nhưng đằng sau nhà thợ làm vườn. Ở tằm chim bay cao nhìn xuống Wolfsegg, quang cảnh hiện ra hẳn sẽ là: tòa nhà chính nằm cao vọt lên so với ngôi làng; ngay trước mặt tòa nhà chính, khu vườn trải rộng về hướng đông theo hình na ná trái xoan, dài tới một trăm năm chục, một trăm bảy chục thước đến sát bờ tường. Chén vào bức tường là cái cổng đá cao và rộng, nơi xe cộ, máy móc nghề nông vẫn qua lại; xây gá vào tường về phía bên

phải chính là nhà kính, Gambetti ạ, nằm đối diện với cánh bên trái trại gia súc xây hình móng ngựa - một cái trại dài ít gì cũng đến hai trăm năm chục thước chứ có vừa đâu. Phía đằng sau, nhìn thẳng ra hướng đông, là nhà thợ làm vườn và xa nữa ra sau thì đến nhà thợ săn, rồi, thêm một đoạn sau rồi - *ngôi biệt thự trẻ thơ*. Ngôi biệt thự trẻ thơ này xây đã xấp xỉ hai trăm năm nay theo kiểu biệt thự vùng Florenz, loại biệt thự vẫn thường thấy trên đường đến Fiesole ấy. Tất nhiên, tôi bảo Gambetti, ngôi biệt thự ở Wolfsegg không được lộng lẫy như thế, nhưng đối với vùng đất Thượng Áo cũng là lạ mắt lắm rồi. Ấy thế nhưng chẳng ai bảo nó không hợp với phong cảnh ở đây. Trái lại, ngôi biệt thự quả thật rất quyến rũ, quyến rũ hơn mọi thứ ở vùng đất chúng tôi. Nghe nói có vẻ lạ đời, nhưng nó đúng là được xây cho trẻ con thật. Trong đó có hẳn một sân khấu múa rối, bao giờ cũng chỉ diễn những vở kịch do trẻ con dàn dựng thôi. Kịch do tụi trẻ tự viết vở, các vở hài kịch tụi trẻ tự nghĩ ra, cả những vở kết thúc có vẻ buồn, nhưng ngẫm kĩ thì chẳng buồn tí nào. Dĩ nhiên, kịch đây là kịch thơ. Trong biệt thự cho đến giờ vẫn còn lưu giữ hàng trăm bộ trang phục chỉ dành riêng cho trẻ em diễn kịch. Hiện nay cửa ngôi biệt thự bị đóng chặt, tôi nghĩ chắc từ nhiều năm nay không còn ai đặt chân vào đấy. Nhiều cửa sổ kính bị vỡ, có lẽ do tụi trẻ nghịch ngợm dưới làng, nhưng nóc *chưa* bị dột, Gambetti ạ. Tôi đã tính thuê sửa chính ngôi biệt thự trẻ con này, tôi bảo với Gambetti, song người nhà tôi không cho, ai lại bỏ tiền vào *một việc dớ dẩn* như thế bao giờ. Mấy anh em chúng tôi còn chơi diễn kịch ở đấy khá lâu, trước khi bị cấm hẳn, bởi *chúng tôi phải học nhiều hơn đóng kịch*. Ngôi biệt thự bây giờ chết ngóm, tôi bảo với Gambetti, rõ thật tiếc. Lại đúng biệt thự cho trẻ em nữa chứ, ngôi biệt thự đẹp nhất vùng. Anh khó hình dung nổi sức hấp dẫn của nó kỳ lạ đến mức nào Gambetti ạ, nhất là ở cái xứ chẳng mấy ngôi nhà nào quyến rũ, vui tươi, chẳng mấy nhà cửa nào được xây theo lối kiến trúc cho thật sự ra hồn như xứ chúng tôi. Thôi được, biết đâu sau này tôi chẳng thuyết phục được người nhà tôi, tôi nói với Gambetti, cho tôi mở lại biệt thự trẻ em - vâng, sửa sang xong, rồi mở lại và cho khai trương bằng một vở hài kịch do bọn trẻ dưới làng đóng chẳng hạn. Tôi bảo Gambetti, một màn kịch do tụi trẻ con dưới làng diễn sẽ làm tôi sung sướng biết mấy - diễn trong những bộ trang phục cổ xưa hàng thế kỷ, những trang phục màu sắc rực rỡ ngời ấy, giàu sáng tạo nhường ấy, khéo léo, nên thơ

nhường ấy. Nhưng bao giờ chả vậy, tôi bảo Gambetti, cái gì *thật sự thì vị* đầu bị coi thường hơn mọi thứ khác, cứ như thể chẳng ai buồn màng tới cái *thật sự thì vị*. Ngôi biệt thự bị khóa chặt và để mặc cho mục nát dần đi ấy là một chương đáng buồn, nhưng cũng thú vị của lịch sử Wolfsegg chúng tôi, tôi bảo Gambetti, vâng, có lẽ là đáng buồn nhất thì đúng hơn. Tôi chẳng bao giờ đánh bạn với đám thợ săn, tôi nói với Gambetti, đến vào nhà họ tôi còn miễn cưỡng, trong khi đây lại là nơi gã anh tôi thích lui tới nhất. Giống như bố tôi, săn bắn sớm trở thành niềm ham mê thật sự và duy nhất của gã. Cho đến giờ vẫn vậy, tôi bảo Gambetti, hờ lúc nào gã đi săn lúc ấy. Hàng năm ở Wolfsegg vẫn nhiều lần diễn ra các lễ hội đi săn, nhưng mấy năm gần đây, tôi chẳng buồn lộ mặt đến nữa. Vào những dịp như thế, quý vị thuộc tầng lớp gọi là tầng lớp trên ở châu Âu đầu kéo nhau cả về Wolfsegg, tôi nói với Gambetti, khiến suốt mấy ngày liền ở đây léo nhéo bao nhiêu là thứ tiếng khác nhau, to nhất là tiếng Tây Ban Nha, do họ hàng nhà tôi từ Bilbao hay Cadiz cũng về dự. Các lễ hội săn bắn này diễn ra nhu thế đầu theo ý ông bố tôi, vợ ông có hậm hực, mặt nặng, mày nhẹ, ông cũng mặc; ông bảo truyền thống lâu đời của gia đình ở Wolfsegg là thế, không bỏ được. Vào những dịp này, khách khứa ở kín hết các phòng, kể cả phòng xấu nhất, lạnh lẽo nhất. Khách người Ý đến dự phần vào các dịp như thế cũng khá đông. Và, các kho chứa thức ăn thôi thì đầu sạch nhẵn, mút đóng lọ mở ra cả đóng, thậm chí rau tươi, xà lách cũng được dọn ra. Do thích khu nhà thợ săn, gã anh tôi hay chui vào đấy làm các công việc của gã. Nhà thợ săn là nơi gã làm sổ sách kế toán. Tôi chẳng bao giờ ưa thú sưu tầm vật săn, tôi bảo Gambetti, từ xưa đến giờ, lúc nào tôi cũng ghé thăm trò sùng bái chiến lợi phẩm săn bắn. Đến ngay nghề đi săn đi bắn, trong bụng tôi cũng chẳng ưa và tẩy chay, mặc dù tôi vẫn biết săn bắn là cần. Gã anh tôi, cứ gặp dịp, là mò sang tận Ba Lan đi săn, thậm chí sang cả Nga. Gã say đi săn đến mức, cả cái gọi là chế độ cộng sản cần quyên ở mấy nước đó cũng chẳng làm gã phải chừa. Phải chi bao nhiêu tiền cho săn bắn, gã cũng chi. Một đường gã *si mê thuyền buồm*, đường khác gã *si mê săn bắn*. Lúc nào cũng thấy gã đóng sắc phục thợ săn, tôi bảo Gambetti, thứ sắc phục từ lâu như thế đã biến thành quần áo dân tộc trên đất Áo rồi ấy. Bởi nó tiện, anh hiểu không, bất kể thuộc tầng lớp nào, ai nấy đều khoác quần áo thợ săn lên người, mặc dù họ có thể chả dính gì đến săn với

bán cả. Ai nấy độc một màu lục với màu xám suốt cả lượt, cứ như thể toàn dân tộc Áo bây giờ là dân tộc thợ săn không bằng. Đến như ở Wien, dân tình cũng đàn đàn lũ lũ diện quần áo thợ săn ra đường. Ở các thành phố khác cũng thế, cơn nghiện săn bắn dường như đang bốc lên làm ai nấy mù mịt cả đầu lẫn óc vậy, tôi bảo Gambetti, chứ nếu không, thì làm sao cắt nghĩa, có gì ở đâu cũng thấy lảng xảng toàn người mặc quần áo thợ săn ấy, ngay cả những nơi kiểu áo xống như thế trông chỉ tổ nhố nhăng, vâng, nhố nhăng và kỳ quái. Ngôi nhà thợ săn này mãi cuối thế kỷ trước mới xây, trên nền ngôi nhà cũ bị cháy. Trong đấy, cụ cố ông tôi có đạo đã cho lập một thư viện riêng. Anh cứ tưởng tượng mà xem, Gambetti, tôi bảo anh ta, lẽ ra đó sẽ là thư viện thứ sáu ở Wolfsegg đấy nhé, mới đầu toan định chỉ lưu các loại sách vở, tài liệu săn bắn, nhưng sau cũng lưu giữ cả những thứ khác nữa. Sau này, tôi tìm được ở đấy không biết nhiều là của quý, tôi bảo Gambetti. Đấy đúng là nơi dành cho những ai không muốn bị quấy rầy, ngồi một mình một sách mà đọc thôi thật. Chẳng ma nào lai vãng đến ngôi nhà thợ săn, cũng chẳng phải ngại có ai đột nhập vào đây làm gì. Trong nhà đã thoáng đặng, ấm áp, trên tường lại treo những bức églomisé tuyệt vời, phần lớn do các nghệ nhân cao tay của thế kỷ mười bảy làm nên. Ở đây còn có bản sao cuốn *Biên niên sử thế giới* của Schedel do cụ cố bà tôi tô màu từ đạo xưa, đặt nằm trên mặt chiếc bàn giấy kiểu Josefin xuất xứ từ vùng Steyr. Mặt chiếc bàn này đúng là độc nhất vô nhị, tôi bảo Gambetti, xẻ từ đá cẩm thạch xứ Carrara - loại đá cẩm thạch cực hiếm ở vùng bắc núi Alpen - và dày phải hai chục phân là ít. Chú Georg tôi vẫn bảo, bên chiếc bàn này, đúng trên mặt bàn đá cẩm thạch này, chính là nơi tuyệt vời nhất để chú ghi chép các luận suy nghĩ của mình ra giấy. Và, cũng là trên mặt bàn đá cẩm thạch này thật, chú bắt tay viết bản thảo cuốn tự truyện, mà chính chú gọi là *phản tự truyện*, một bản thảo viết tay hàng mấy trăm trang, trong đó chú, từ những ngày ấy cho đến cả hơn hai chục năm ở Cannes về sau, vẫn không ngừng tự tay ghi lại tất tật những gì chú cho là đáng ghi. Thế nhưng, lúc chú qua đời, không ai trong chúng tôi tìm thấy bản thảo ấy đâu nữa cả; chỉ thấy mọi người xì xào ri tai nhau, hình như ngay trước khi mất, chú tự tay đốt nó đi rồi, bởi vì hai tuần trước đó, nghe nói chú vẫn còn ghi chép thêm đôi dòng, đôi dòng về Wolfsegg thì phải. Chính ông *Jean tốt bụng* có nhìn thấy những dòng viết thêm ấy,

nhưng không thuật lại được nội dung nó thế nào, chỉ biết rất ngắn gọn và hết sức cô đọng. Tôi biết tính chú Georg tôi; tôi đ̣ờchừng đ̣ấy phải là những lời ghê gớm lắm, khi đọc *tới* người nhà tôi hẳn phải uất hộc máu mà chết chứ chả chơi. Rất có thể, tôi bảo Gambetti, chính ông Jean tốt bụng cho giấu biến bản thảo đi. Thế nhưng, cũng không loại trừ khả năng chính mẹ tôi, chứ không ai khác, đã tiêu hủy nó. Thì mẹ tôi chả vẫn giữ chìa khóa vào phòng giấy chú Georg trước khi thu dọn mọi thứ ở đ̣ấy là gì. Mọi khi chú vẫn để nó trong ngăn kéo, thế mà chỉ hai ngày sau khi mẹ tôi vào phòng giấy của chú Georg, bản thảo chắc chắn thú vị của cuốn phản tự truyện không cánh mà bay, biến đi đằng nào không biết nữa. Trong cuốn phản tự truyện ấy, có lẽ mẹ tôi là người bị chỉ trích nặng lời nhất và tôi dám cho rằng bà làm bộ đau buồn, đóng chặt cửa phòng một lúc lâu để một mình ng ồi đọc cho trọn xấp bản thảo đó. Chắc bà đã phải nổi đ̄óa lên và thẳng thừng thanh toán ngay xấp bản thảo có cơ làm bản thanh danh bà. Suốt cả đời chú, lúc nào chú Georg cũng đổ hết lỗi lên đ̄ầu bà. Chú chả vẫn thường nói với tôi, *mẹ cháu chính là môi tai ương của Wolfsegg* đ̄ấy thôi. Cũng dám lắm, rằng chú cũng đã viết như thế vào cuốn *phản tự truyện* của chú. Mặt bàn bằng đá cẩm thạch Carrara đặt trên chiếc bàn giấy kiểu Josefín gốc gác Steyr ấy bao giờ cũng lạnh, lạnh như băng, tôi bảo Gambetti, dù trời đất xung quanh nóng lạnh thế nào cũng vậy. Ngay giữa mùa hạ, trong lúc ai nấy đ̄ều rên lên vì nóng nực, mặt bàn cẩm thạch Carrara vẫn lạnh băng. Chú Georg tôi vẫn ghi lại các ý nghĩ của chú trên chính mặt bàn lạnh như băng ấy. Chú thường nhắc đi nhắc lại, ng ồi bên tấm đá cẩm thạch mát lạnh ấy, đ̄ầu óc sáng suốt hơn đ̄ể nghĩ ngợi. Tôi bảo Gambetti, suốt những năm sau rốt, tuy vẫn còn ở Wolfsegg thật, nhưng trong lòng tôi, cố tình hay không, đã mãi mãi vĩnh biệt Wolfsegg rồi, thì cũng trên mặt bàn cẩm thạch Carrara đó, h ồi ấy chính tôi vẫn từng ghi lại đôi đi ều tôi cho là đáng ghi, đôi *suy tư mang tính triết lý*, những suy tư quả thật chẳng đưa đến đâu và rốt cuộc, tôi cũng hủy bỏ nốt, như nhiều suy tư khác của tôi vậy. Trên một tấm đá lạnh, lạnh như băng càng tốt, ta dễ suy nghĩ mạch lạc hơn cả, tôi bảo Gambetti vậy, ta viết lách ngon lành, trôi chảy hơn cả. Tấm đá cẩm thạch Carrara ấy, tôi bảo Gambetti, quả là tấm độc nhất vô nhị, hết sức độc đáo. Chỉ nó mới thỉnh thoảng hấp dẫn tôi đến khu nhà thợ săn, chứ nếu không, như đã nói, nào mấy khi tôi đến đ̄ấy, vào

mùa săn lại càng không. Cánh thợ săn là bạn bè của gã anh tôi, chứ không phải bạn bè tôi, tôi đã có mấy bác làm vườn của tôi rồi. Tôi thường lui tới nhà thợ làm vườn, hầu như ngày nào cũng tới. Đến nhà họ là tôi đến với người bình dân, tôi nói với Gambetti vậy, bởi tôi quý họ. Tôi thêm được đến đây và không ở đâu tôi thấy thoải mái sung sướng bằng ở đó. Tôi quý người bình dân, quý cách giản dị của họ. Mỗi khi tôi đến chơi, họ đối xử với tôi *thân thiết*, y hệt như đối xử cỏ cây, hoa lá của họ. Họ thông cảm với tình cảnh khó xử, với nỗi hoang mang của tôi, mối thông cảm mà cánh thợ săn không khi nào có. Cánh thợ săn bao giờ cũng ra vẻ bề trên, kể cả với tôi, bọn họ nghĩ chắc họ phải nhét vào đầu một đứa trẻ con non nớt như tôi rồi ấ các chuyện tiểu lâm bản thủ của họ mới được, hoặc phải mua vui cho tôi bằng cách vung vãi vài chai rượu quá đầu họ là xong, trong khi cung cách đáng ghét ấ của họ, thật ra, chỉ tổ làm tôi, vốn đã thiếu tự tin và buồn nản, càng thiếu tự tin và buồn nản thêm mà thôi. Không như các bác làm vườn, chẳng cần nhiều lời, họ đã thông cảm với tôi và thể nào cũng giúp tôi. Từ đằng xa, lối huênh hoang, khoác lác của cánh thợ săn, cũng như kiểu nói năng ồn ào, nửa say nửa tỉnh của họ đã khiến tôi sợ hết hồn, trong khi các bác làm vườn, với cung cách nhạy cảm tình tế của họ, lại giúp tôi yên lòng. Khi nào tôi buồn rầu không chịu nổi nữa, khi nào tôi hết sức chán nản, là tôi tìm *đến chỗ các bác làm vườn*, chứ không bao giờ *đến chỗ cánh thợ săn*, tôi bảo Gambetti. Ở Wolfsegg từ xưa đến giờ vẫn có hai phe đối nghịch nhau, phe thợ săn với phe thợ làm vườn. Hàng thế kỷ nay họ vẫn phải ăn ở sát vách nhau, hẳn không phải dễ dàng. Chẳng lẽ không đáng lạ hay sao, tôi bảo Gambetti, khi thỉnh thoảng lại có tay thợ săn nào đấy tự sát, dĩ nhiên bằng súng, chứ thợ làm vườn không bao giờ như thế. Bao nhiêu vụ tự sát ở Wolfsegg đều do cánh thợ săn, không vụ nào của thợ làm vườn. Vài năm lại có một tay thợ săn nào đấy dùng súng tự vẫn, lại phải cho tìm người mới thế chân. Thợ săn không thợ lâu, ngày nối ngày, họ sớm đâm ra đờ đẫn, lắm cảm đi rất nhanh, tôi bảo Gambetti, rồi sinh ra rượu chè. Trong khi thợ làm vườn bao giờ cũng thợ lâu. số thợ làm vườn thợ đến chín mươi tuổi không phải hiếm, còn phần đông thợ săn đến tuổi năm mươi đã phải thôi việc rồi, bởi họ không còn sức để hành nghề nữa. Tay họ đâm ra run rẩy khi ngắm bắn; mới độ tứ tuần họ đã bắt đầu có triệu chứng rối loạn tiền đình, thế là, suốt ngày suốt buổi toàn thấy họ lê la các



quán trọ dưới làng, ng ỡ li cùng khẩu súng săn không thêm cài chốt an toàn trong một xó xỉnh nào đấy r ỡ vừa ăn uống nh ồm nhoàm vừa ba hoa vớ vẩn về chuyện chính trường, những chuyện r ỡ thế nào cũng dẫn đến cãi vã to tiếng và tất nhiên, ở làng quê là thế, rốt cuộc sẽ ầu đả to, không đỡ máu chết người, cũng sứt đầu bể trán. Cánh thợ săn là bọn chúa hay cà khịa, hay gây rối. Ai ng ừa mắt chúng, gặp dịp là chúng chả run tay làm một phát chết tươi, đến lúc có ra tòa thì trắng trợn khai, bầm tóa con nhìn nh ằm, con tưởng nạn nhân là thú rừng. Tòa án vùng Thượng Áo từng xử vô khối vụ tai nạn săn bắn kiểu như thế và, thông thường, thủ phạm gây án cùng lắm chỉ bị khiển trách, bởi phương châm xét xử nói chung vẫn là: ngu lắm mới bị thợ săn bắn nh ằm. Bọn thợ săn bao giờ cũng là bọn cu ồng tín, tôi bảo Gambetti thế. Thật vậy, có thể chứng minh rằng phần lớn tai họa của thế giới này đều do một tay tội thợ săn gây ra cả. Tất cả bọn độc tài đều là bọn say mê săn bắn, chúng có thể trả mọi giá, kể cả giết hại chính dân mình, như ta vẫn chứng kiến đấy thôi, chỉ cốt để săn bắn. Bọn thợ săn từng là bọn phát xít, từng là bọn Quốc xã, tôi bảo Gambetti. Dưới thời Quốc xã, bọn thợ săn là bọn c ằm đầu dưới làng và, rốt cuộc, cũng chính bọn thợ săn đã ép bố tôi phải ngả theo phe Quốc xã. Lúc phe Quốc xã lên, bọn thợ săn thắng thế, còn bố tôi vốn bạc nhược, đành lu ồm cúi bọn chúng. Như thế, chính do tội thợ săn mà Wolfsegg nhanh chóng ngả hẳn về phe Quốc xã. Gambetti ạ, anh phải biết, bố tôi vốn bất đắc dĩ mà thành Quốc xã, vâng, tất nhiên, ông còn bị mẹ tôi xúi bẩy, kích động thêm vào. Vì, suốt thời Quốc xã, anh nên nhớ, mẹ tôi từng là một phụ Quốc xã điên cu ồng, *một phụ đàn bà Đức*, như đạo ấy bà vẫn vênh vang hãnh diện. Nhân ngày sinh của Hitler, ở Wolfsegg bao giờ cũng treo đ ầy cờ Quốc xã, tôi bảo Gambetti, trông phát tởm lên đ ược. Chú Georg tôi bỏ Wolfsegg ra đi, trước hết, chính vì chú không muốn, mà cũng không chịu nổi sự hoành hành trắng trợn của bọn theo chủ nghĩa Quốc xã ở đấy. Chú bỏ đến Cannes, sau về Marseille và hoạt động chống lại quân Đức từ đấy. Chuyện này là chuyện bố mẹ tôi khó bỏ qua cho chú nhất, bởi nói cho đúng ra, bố tôi hôm xưa không phải chỉ là tên Quốc xã bất đắc dĩ đâu, ông còn rất trung thành với Quốc xã là đảng khác, còn mẹ tôi trước sau vẫn là tín đ ồ cu ồng nhiệt của chủ nghĩa Quốc xã mà thôi. Đó là thời kỳ kinh tởm nhất Wolfsegg từng trải qua, tôi bảo Gambetti vậy, thời kỳ hạ nhục, giáng đ òn trí mạng vào Wolfsegg, một

thời kỳ không thể cố tình lãng quên, không bao giờ bùng bít hay che giấu đi được nữa. Bởi đó là sự thật. Khi tôi bảo anh, sở dĩ bố tôi ân cần mời mọc bọn c ần đầu Quốc xã lên Wolfsegg chỉ vì mẹ tôi muốn thế, thì thú thật, đến tận giờ tôi vẫn ớn lạnh cả dọc xương sống. Anh cứ tưởng tượng ra cái cảnh bọn cảnh vệ SA từ dưới làng mò lên, xếp hàng xếp ngũ trong sân tòa nhà chính rồi ngoặc miệng hô *Heil Hitler* mà xem! Khỏi phải bàn, bố tôi chắc chắn đã hưởng lợi nhờ bọn Quốc xã. Ấy thế nhưng khi bọn nó cuốn đi, ông vẫn chẳng bị làm sao, tuyệt nhiên không hề hấn gì. Sau chiến tranh, ông vẫn mặc nhiên là ông chủ. Vậy mà, chính ông đã từng đem ngôi biệt thự của trẻ em hôm xưa hiến cho tụi Quốc xã làm nơi hội họp và, như tôi biết, ông hiến hoàn toàn tự nguyện, chứ không phải chờ đến mẹ tôi hối thúc, bắt buộc gì đâu. Bọn thiếu niên Quốc xã học hành, chơi bời ở đấy, tập hát, tập hò mấy bài hát Quốc xã quái gở của chúng ở đấy. Năm này qua năm khác, lá cờ chữ thập ngoặc không ngừng bay ph ần phật trước ngôi biệt thự trẻ thơ đó, mãi đến khi mẹ tôi hốt hoảng tháo xuống - vì chỉ còn vài giờ nữa là quân Mỹ sẽ tiến vào - thì nó đã g ần bục hết vải, bạc hết màu rồi. Lúc tháo cờ, tôi bảo Gambetti, chả biết vội vàng thế nào, mẹ tôi bị vẹo cổ và, từ đấy, bà bị chứng thấp khớp cổ kinh niên. Cũng phải nói thêm là hàng tá lá cờ chữ thập ngoặc ở Wolfsegg dạo đó - sau khi mẹ tôi đích thân nhuộm các mảnh vải cờ ấy sang màu xanh đậm - thì đem may thành tạp dề cho đám thợ làm vườn và các bà, các cô phụ bếp. Vâng, tôi bảo Gambetti, bố tôi từng nghe lời mẹ tôi mà vào đảng Quốc xã và từ ngày vào đảng, tôi phải nói ngay, ông nghênh ngang đeo huy hiệu đảng mọi nơi, mọi dịp, không chút ngượng ngập nào. Cho đến giờ, đôi chiếc áo khoác của ông vẫn còn nguyên lỗ thủng, là do nhiều năm đeo huy hiệu đảng Quốc xã mà thủng, chứ chẳng vì lý do nào khác cả. Tôi còn nhớ, trong buổi chú Georg về thăm Wolfsegg lần chót, ở nhà tôi nổ ra cuộc tranh luận về đủ thứ chuyện trên trời dưới biển, nhưng gay gắt nhất vẫn là tranh cãi về *cân bằng vũ trang* Nga - Mỹ. Đến cuối buổi, chú Georg gằn giọng bảo bố tôi đừng nên quên ngày trước từng là đảng viên đảng Quốc xã - đảng viên khá lâu chứ không phải chỉ dăm ba ngày. Bố tôi nháy dưng ngay dậy, giận dữ hất đồ đĩa xúp đang ăn dở rồi đùng đùng bỏ phòng ăn ra ngoài. Trước khi nổi gót ch ững ra theo, bà mẹ tôi còn ném thẳng mặt chú Georg tôi *thẳng khốn*. Chuyện chú Georg về thăm Wolfsegg lần cuối, rốt cuộc, đã vì thế mà mất

vui. Thật ra thì lần nào chú Georg về Wolfsegg cũng vậy, tôi bảo Gambetti, về cuối, hầu như bao giờ chủ nghĩa Quốc xã cũng là nguyên nhân đáng tởm khiến anh em hục hặc nhau. Bọn Quốc xã vừa cuốn gói, tôi bảo Gambetti, lũ người nhà tôi đã lại ôm chân quân Mỹ ngay và cầu lợi từ mối quan hệ bản thủ ấy rồi. Từ xưa, người nhà tôi đã sẵn tính cơ hội, vâng, thứ bản tính có thể nói thẳng ra là hèn hạ ấy, cho nên chiều hướng chính trị thế nào họ cũng xoay ngay được sang chiều đó, và họ sẽ không từ bất cứ thủ đoạn nào để mưu lợi cho mình, bất kể chế độ cần quyên là chế độ thế nào. Bao giờ họ cũng ngả ngay về phe cần quyên, và vốn dĩ là người Áo bẩm sinh, họ chính là bậc thầy của nghệ thuật cơ hội chủ nghĩa vậy, gió chiều nào, xoay ngay chiều ấy, cho nên chẳng bao giờ họ bị thất sủng về chính trị cả. Vâng, tôi buộc lòng phải nói, chính nhờ bản tính yếu hèn nhu nhược ấy của dòng họ nhà tôi mà Wolfsegg, cho đến tận ngày nay, mới được bảo toàn như thế; ý tôi muốn nói tài sản ở đây - nào nhà cửa, nào đất đai - chưa bao giờ bị đối phương bắn phá hay phóng lửa tiêu hủy cả. Sự thật bất ngờ nhất lại là: dưới thời Quốc xã, Wolfsegg đã từng đứng thời là pháo đài của cả chủ nghĩa Quốc xã, lẫn của Thiên chúa giáo. Các Tổng Giám mục và các thủ lĩnh Quốc xã vùng thay phiên nhau lên đây, cuối tuần này các vị nọ tập nập khai hội thì cuối tuần sau các vị kia lại nườm nượp họp hành. Đạo ấy, mẹ tôi cần trích trong nhà, thu xếp mọi việc cùng đám thợ săn; đám này, cho đến tận giờ đầu óc vẫn sặc sụa mùi Quốc xã, chả khác gì mẹ tôi, mãi đến nay vẫn là một mục đàn bà Quốc xã *sâu xa trong tâm khảm*, dù bên ngoài bà có giả vờ ngoan đạo đến thế nào cũng vậy thôi. Chủ nghĩa Quốc xã vẫn luôn luôn là lý tưởng của bà, tôi bảo Gambetti, cũng như nó vẫn là lý tưởng của ít nhất cũng phải chín chục phần trăm đàn bà Áo còn lại. Nói cách khác, tôi bảo Gambetti, cánh thợ săn bao giờ cũng về phe với mẹ tôi. Ông bố tôi, theo cách nói của bọn Quốc xã, suốt một đời chỉ giữ vai trò cơ quan thừa hành cho bà vợ thôi, Gambetti ạ. Lão ngốc, như chính bà vẫn thường văng ra, lão đã chẳng hiểu, chẳng biết của khỉ gì, thì tôi bảo sao phải làm vậy chứ sao. Kỷ niệm về ngôi nhà thợ săn khiến câu chuyện tôi kể lan man, lộn xộn thế này, tôi bảo Gambetti, bởi cứ nói đến *ngôi nhà thợ săn* là thời Quốc xã lại hiện ra rõ mồn một trước mắt tôi. Lẽ ra, tôi bảo Gambetti, tôi có thể kể anh nghe đôi câu chuyện khác về ngôi nhà thợ săn mà hồi nhỏ tôi vẫn thấy ghê ghê bí hiểm ấy. Chẳng hạn,

kể anh nghe mấy vụ án mạng có liên quan đến cả ngôi nhà ấy lẫn đến tụi Quốc xã; nhưng vào lúc dù sao cũng vui vẻ thế này, tôi chả có hứng kể chút nào. Song, sẽ đến lúc, tôi nói với Gambetti, rồi tôi khắc ghi hết mọi chuyện dính dáng đến Wolfsegg vốn vẫn không để tôi yên ấy lại. Vâng, phải hàng chục năm nay rồi, Wolfsegg không để tôi yên, nó ám ảnh tôi cả ngày lẫn đêm. Người nhà tôi, chẳng ai có ý định mô tả Wolfsegg như đúng bản chất của nó, mà cũng chẳng ai có khả năng làm việc đó thật, thì rất cuộc, việc ấy đương nhiên rơi vào tay tôi là phải rồi. Tôi bảo Gambetti, thì chí ít tôi thấy Wolfsegg thế nào, *tôi* khắc mô tả thế ấy, bởi vì ai cũng vậy thôi, chỉ có thể mô tả cái gì *anh* thấy, mô tả đúng mọi sự hiển hiện ra trước mắt *anh* ra sao, chứ anh không thể làm khác được. Và, nếu tôi buộc phải thú nhận với chính tôi rằng tôi chỉ nhìn thấy một Wolfsegg kinh khủng cùng những con người kinh khủng ở đấy, thì tôi, cố nhiên, cũng không được phép lảng tránh để ghi chép đúng sự thực đó. Tôi chắc chắn là chú Georg tôi cũng từng nuôi một ý định na ná như thế trong phản tự truyện của chú. Vì cuốn phản tự truyện của chú tôi không còn nữa, nên tôi bây giờ phải có bốn phần vô tư xem xét, nhìn nhận về Wolfsegg và trình làng kết quả xem xét ấy một cách vô tư, không chút thiên vị. Còn lúc nào hơn lúc này nữa, tôi bảo Gambetti, khi tôi đã đủ sức, khi đầu óc tôi đã đủ minh mẫn, khi khoảng cách từ Rome đã đủ xa, để thực hiện một ý đồ như thế. Ở đây - trong ngôi nhà trên Piazza Minerva này, nơi nằm ngay giữa trung tâm của thế giới hôm nay - lại chính là nơi tuyệt vời, hoàn toàn yên tĩnh, hầu như không bị ai phá rối - để tôi bắt tay viết một bản tường trình như thế. Bao nhiêu năm nay tôi đã nuôi ý nghĩ, tôi phải viết về Wolfsegg, về con người ở đó, về cuộc sống của họ ở đấy, về các nỗi bất hạnh lẫn các thói tật đê tiện của họ, về sự cổ lỗ cũng như về sự đốn hèn của họ, có nghĩa về tất tột những gì họ tự phơi ra trước mắt, những thứ - tôi nói thật với anh, Gambetti à - ít nhiều đã làm tôi dẫn vật thâu đêm suốt sáng. Người nhà tôi thế nào, tôi sẽ gắng mô tả họ như thế, mặc dù, họ cũng sẽ chỉ được mô tả theo cách của *tôi* từng thấy họ thế nào, hay theo cách của *tôi* đang thấy họ ra sao mà thôi. Bởi vì cho đến nay, vẫn chưa có ai ngoài chú Georg tôi viết lách gì về họ, nhưng cuốn phản tự truyện của chú lại bị hủy mất rồi, cho nên tôi phải viết, Gambetti ạ. Đi đâu khó khăn bao giờ cũng là mở đầu bản tường thuật ấy như thế nào, lấy đâu ra câu đầu tiên, vâng, câu mở đầu khả dĩ dùng được cho

bản tường trình đó. Tôi thú thật với anh, Gambetti ạ, tôi đã rất nhiều lần bắt tay viết, nhưng lần nào tôi cũng thất bại ở ngay câu đầu tiên. Vậy là, hết lần này qua lần khác tôi đành chịu cứng, và lần nào cũng như lần nào lại ôm đầu tự rủa, có lẽ tôi điên thật, khi tôi định viết một bản tường trình như thế về Wolfsegg, bởi chỉ có thằng điên mới dám đầu vào làm một việc tương tự. Mà viết để làm gì mới được, lần nào tôi cũng tự hỏi vậy, để rồi lần nào cũng như lần nào tỉnh ngộ ra rằng, một bản tường thuật như thế chẳng hề có lợi cho một ai hết cả. Ấy thế, nhưng đối với riêng tôi thì bao giờ cũng rõ như ban ngày và gần đây lại càng rõ, rằng bản tường thuật đó phải do tôi viết, rằng tôi không thể trốn tránh viết một bản tường thuật như vậy về Wolfsegg và, dù tôi muốn cưỡng lại thế nào thì cưỡng, đến một ngày nào đó tôi sẽ vẫn phải viết nó ra như thường. Đầu óc tôi đòi tôi phải viết. Và, đầu óc tôi đã trở nên không khoan nhượng tự lúc nào, nhất là với chính tôi. Khất khe đến cực độ. Anh biết đấy, tôi bảo Gambetti, thời gian còn lại của tôi cũng chỉ còn cực kỳ ngắn ngủi, nếu tôi không nhanh tay bắt đầu viết, thì sẽ quá muộn. Tôi không chắc, tôi bảo Gambetti, song tôi linh cảm thấy tôi chẳng còn mấy thời gian. Vậy mà, một bản tường thuật như thế đòi người viết phải lao tâm khổ trí với nó hàng năm, không phải chỉ vài ba năm, mà thậm chí nhiều năm. Tôi bảo Gambetti, chỉ phang phác ra thôi ắt không đủ. Cái duy nhất mà tôi đã tuyệt đối chắc trong đầu là nhan đề *Diệt vong*, bởi bài tường thuật tôi viết ra sẽ chỉ để xóa sổ tất cả những gì được tường thuật trong đó mà thôi, tẩy diệt sạch sành sanh những gì tôi biết về Wolfsegg, tất tạt những gì thuộc về Wolfsegg, tất tạt, anh hiểu không, Gambetti, sạch nhẵn, không để sót bất kỳ cái gì. Sau bản tường thuật này, tất tạt những gì thuộc về Wolfsegg sẽ phải bị tận diệt. Bản tường thuật của tôi sẽ không là cái gì khác ngoài hành động tận diệt cả, tôi bảo Gambetti. Nó sẽ xóa sổ Wolfsegg hoàn toàn, có thể thôi. Tôi ngồi với Gambetti trên Piazza del Popolo đến gần mười một giờ tối, tôi vừa nhìn mấy tấm ảnh đặt nằm trên bàn giấy, vừa nghĩ bụng. Chúng ta, ai nấy đều mang theo mình một Wolfsegg đi khắp nơi và ai cũng khao khát xóa sổ nó, để thoát thân, xóa sổ nó bằng cách viết nó ra, để tiêu hủy nó đi. Ấy vậy, nhưng hầu như không bao giờ ta đủ sức để hoàn thành cuộc xóa sổ ấy. Có lẽ, mãi đến bây giờ, thời khắc ấy mới điểm chạng. Tôi đã đến đúng độ tuổi, tôi đã bảo Gambetti, độ tuổi vừa đẹp cho công việc đó. Trong căn hộ

tranh tối tranh sáng của tôi ở Piazza Minerva, rèm cửa đã hạ xuống gần hết, tôi nói với anh ta, để tôi được yên tĩnh, để tránh bớt nắng thành Rome và bắt tay vào việc. Không rõ cái gì đã ngăn trở tôi bắt tay ngay vào việc, tôi bảo Gambetti, rồi nói thêm: ta thường định ninh, ta có thể bắt tay thực hiện ngay một ý định như thế, nhưng rồi lại thôi, không bắt đầu được. Mọi sự đều chống lại ta, đều cưỡng lại một ý định kiêu như vậy, khiến ta luôn chần chừ, và rốt cuộc, bỏ dở cho công việc nằm lại đó. Cứ như thế, nhiều hoạt động tinh thần đáng nhẽ phải viết ra thành văn bản, rốt cuộc lại không được viết ra nữa, cũng như biết bao nhiêu phác thảo ta ấp ủ trong đầu rất lâu, hàng năm, có khi hàng chục năm, cứ thế mà nằm lại mãi trong đầu ta. Ta viện đủ cớ để chưa phải bắt tay ngay vào những việc như vậy, ta bới ra đủ lời biện bạch, ta cầu cứu đủ loại thánh thần - cố nhiên, làm những việc như thế, ta chỉ dám cầu cứu các hung thần mà thôi - cốt sao trì hoãn được những việc lẽ ra ta đã phải bắt đầu từ lâu. Tôi bảo Gambetti, tấn bi kịch của người nào định viết lách chính là ở chỗ anh ta sẽ luôn luôn cầu bằng được một kẻ ngăn trở anh ta đặt bút viết, đúng vậy, đó là một tấn bi kịch, nhưng đồng thời cũng là một tấn hài kịch hoàn hảo và hết sức hiểm độc. Rồi thế nào cũng phải thảo được một văn bản, nếu không thật đầy đủ, thì cũng khả dĩ chấp nhận được về Wolfsegg, cái chốn mà tôi đã kể anh nghe không biết bao nhiêu đi đâu về nó, Gambetti nhỉ, cái chốn mang thật nhiều ý nghĩa đối với tôi và, có lẽ, cũng là nơi quan trọng hơn bất kỳ nơi nào khác trong đời tôi ấy. Sẽ không đủ đâu, nếu chỉ dùng vài mảnh giấy con con ghi chép đôi dòng về một thứ thật hệ trọng cho ta, một thứ có thể là hệ trọng bậc nhất cho ta cũng nên ấy, tôi bảo Gambetti, tức là về toàn bộ hội chứng cộng đồng của chúng ta. Sẽ không thể đủ, nếu chỉ ghi chép dày đặc hàng trăm, hàng ngàn mảnh giấy về đề tài ấy, một đề tài của cả cuộc đời ta. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, quả thực chúng ta sẽ phải trình làng một bản tường trình đầy đủ hơn, nếu không phải là dài hơn, về cái thứ sinh ra ta, cấu thành nên ta và *ghi dấu ấn* lên ta suốt cả cuộc đời. Rất có thể nhiều năm qua ta đã chùn tay, có thể ta đã co rúm lại trước một nhiệm vụ quá sức người như thế, thế nhưng rốt cuộc rồi ta sẽ phải bắt tay thực hiện thôi. Tôi có bầu không khí thành Rome này để làm gì, tôi thuê căn hộ ở Piazza Minerva này để làm gì, tôi bảo Gambetti, nếu không phải là để thực hiện mục tiêu đó. Song, có lẽ tôi đã suy đi nghĩ lại chuyện này nhiều quá rồi,

không khéo lại làm tôi nhục chí. Tôi bảo Gambetti, tôi sẽ gọi bản tường thuật này là *sự tận diệt*, bởi trong đây, quả thật, tôi sẽ hủy diệt hết thảy. Tất cả những gì tôi sẽ viết trong bản tường trình này, sẽ bị tuyệt diệt. Toàn bộ gia đình tôi cùng cuộc đời họ sẽ bị tuyệt diệt. Wolfsegg sẽ bị tuyệt diệt trong bản tường trình này, theo cách của tôi, Gambetti ạ. Tôi nợ chú Georg tôi món nợ này. Nằm ở Cannes, tôi bảo Gambetti, chú Georg tôi vẫn viết được bài mô tả Wolfsegg, thì ở Rome, tôi cũng phải viết được, thậm chí còn ở vị trí độc lập hơn, trung thực hơn. Thành Rome, tôi bảo Gambetti, chính là nơi tuyệt vời để tiến hành cuộc tuyệt diệt từ lâu tôi vẫn ấp ủ trong đầu. Bởi vì Rome không phải là thành Rome cũ, không phải thành Rome cổ đại của lịch sử thế giới hôm xưa nữa, y như ta vẫn chứng kiến, như ta vẫn hàng ngày hàng giờ cảm nhận được, hể ta biết để ý - chính Rome mới là *trung tâm hiện nay của thế giới*, tôi bảo Gambetti. Trung tâm hiện nay của thế giới không phải New York, không phải Paris, không phải London, không phải Tokyo, không phải Bắc Kinh, không phải Moskva, như ta vẫn đọc, vẫn nghe nói ở khắp nơi. Không đâu, Rome mới là trung tâm, hiện nay Rome đã *trở lại* thành trung tâm rồi. Tôi không chứng minh được đi đâu đó, ít nhất là vào lúc này, bằng lời lẽ của tôi, song tôi cảm nhận được đi đâu đó. Anh chắc không tin, tôi nói với Gambetti, nhưng đúng là ở Piazza Minerva, tôi đã thành một con người mới rồi. Mãi ở đây tôi mới tìm về lại với tôi; sau một quãng thời gian khá dài bốn ba chỗ này chỗ kia, tôi tự *đánh mất* mình, đánh mất mình cùng tất cả những gì thuộc về tôi. Và, suốt bấy nhiêu năm tháng, tôi không còn tin vào sự giải thoát nữa, lúc nào tôi cũng chỉ nhìn thấy sự suy sụp của tôi, sự tận số của tôi, chỉ nhìn thấy tôi *chết teo chết tóp* ra sao thôi, Gambetti ạ, teo tóp dần dà, chậm rãi. Suốt những năm tháng đàng đẵng ấy, tôi chỉ nhìn thấy tôi tiêu tan dần ra sao, chết héo chết mòn như thế nào, chỉ nhìn thấy cái chung cuộc không thể níu kéo đang dần đến và mọi thứ trong tôi thật sự trở thành vô nghĩa. Ở Paris, ở Lisbon tôi đầu không tìm thấy thứ tôi từng tìm kiếm suốt bấy nhiêu năm tháng, tức là một chỗ dựa mới, một nơi khởi đầu mới. Nhưng ở Rome, tôi lại tìm thấy nó. Vậy mà lúc đầu, tôi vốn không trông chờ gì ở Rome cả. Tôi cứ nghĩ, thành phố này chắc chỉ để giải trí cuối tuần là tốt, chứ làm gì hơn. Giỏi lắm, cũng làm nơi chơi bời, nghỉ ngơi vài tháng là cùng, chứ làm gì ở đây được. Cũng phải nói ngay rằng chính do gợi ý của chú Georg mà rốt cuộc,

tôi rời Lisbon, vốn là thành phố tôi rất thích, để về Rome. Đẹp thế nào thì đẹp, chú Georg bảo tôi vậy, Lisbon vẫn chỉ là một thành phố tỉnh lẻ, địa phương mà thôi, còn Rome là thành phố ở tầm quốc tế, à - chú vội chữa lời - *một thành phố gọi là có tầm cỡ quốc tế* thì đúng hơn. Thế nên tôi về Rome, những mong trì hoãn được ít nhiều quá trình mục rữa đang không ngừng diễn ra trong tôi, chứ không nuôi chút hy vọng được cứu vớt nào. Ấy vậy mà quyết định về Rome của tôi, hóa ra, lại làm đổi mới cuộc đời tôi, tạo ra một bước có thể gọi là bước ngoặt trong đầu óc. Đột nhiên tôi thở phào, như trút được gánh nặng. Một thành phố ồn ào, ồn ào đến kinh khủng thế này, một thành phố hôi hám thế này, lúc đầu tôi nghĩ vậy, Gambetti ạ, song tôi lại nhận ra ngay đây đúng là thành phố hợp với tôi, thành phố duy nhất tôi cần, thành phố sẽ cứu vớt tôi. Ở Rome, tôi lại bắt tay làm những việc mà bao nhiêu năm nay không sao làm nổi nữa, là ghi chép, là bắt đầu suy nghĩ lại về nhiều thứ khác nhau, chứ không phải chỉ chờ đợi nghĩ đến giờ tận số của mình nữa mà thôi. Đúng là nghĩ ngợi đủ thứ, đủ đi đâu, Gambetti ạ. Đột nhiên, tôi lại quay ra để tâm đến mọi thứ, đến mọi người, thậm chí đến cả tình hình chính trị, là thứ bao nhiêu năm trời nay tôi không còn màng đến nữa; vâng, tôi để ý đến cả những thứ gọi là *đối tượng của nghệ thuật*, và còn để tâm, để mắt đến người này người nọ, Gambetti ạ. Quả thật, nhiều năm qua, đến cả người, tôi cũng chẳng còn thiết đến ai, ai đối với tôi cũng từng là gánh nặng khó chịu và chẳng khơi gợi được chút hứng thú nào trong tôi. Ở Rome, lần đầu tiên sau bao nhiêu năm, tôi mới lại đi nhà hát. Đi nghe opera, Gambetti ạ, là thứ nhiều năm tôi trốn tránh như trốn tránh dịch hạch. Và, tôi cũng lại bắt đầu đọc sách. Thì rõ ràng bao nhiêu năm nay rồi, ngoài báo chí, tôi còn đọc gì khác nữa đâu? Vâng, tôi lại giở sách ra đọc, Gambetti ạ, sách thật sự, chứ không phải mấy thứ nhật báo mà lâu nay tôi ngày này qua ngày khác vẫn đọc ngẫu đọc nghiên và nhồi nhét, nhét chặt toàn những thứ bản thủ kinh người đăng trong các tờ báo ấy vào mình, chỉ cốt làm sao không vì buồn chán mà lăn ra chết thôi. Đúng thế thật Gambetti ạ, bao nhiêu năm tôi đã buồn phát chết đi được. Mọi thứ *buộc* phải làm tôi buồn chán, bởi tôi không tìm ra cách nào để giải trí nữa cả. Tôi đã lánh tránh mọi người, mọi thứ, thậm chí cả khí trời, khiến thân thể tôi rốt cuộc cũng phải héo hơn dần. Vâng, tôi thật sự lâm bệnh, và từ đấy, tôi chỉ còn tìm đến các thầy thuốc, tìm đến nơi



không có ma nào khác ngoài thầy thuốc cả. Quanh tôi chỉ còn rặt các thầy thuốc, và tôi chỉ còn đọc những chuyện về bệnh tật, tất nhiên phần lớn là các thứ bệnh không rõ là bệnh gì của chính tôi để nói với họ - toàn các thứ bệnh nan y, hay như bọn họ vẫn nói, các thứ bệnh gây tử vong của chính tôi. Và, còn gì đáng sợ hơn nữa không, là phải chuyện trò với các thầy thuốc, lũ người nói chung là tẻ nhạt nhất trên quả địa cầu này, bởi bọn họ là bọn thờ ơ và bàng quan nhất đời. Lũ thầy thuốc là lũ người hết sức tẻ nhạt để anh chuyện trò, tẻ nhạt đến mức anh không tưởng tượng nổi đâu, nhưng đùng thình, bọn chúng cũng là bọn trò chuyện nham hiểm và độc ác nhất, bởi lúc nào chúng cũng chỉ khẳng khẳng một mực, anh sẽ chẳng còn sống bao lâu nữa đâu, vả lại, một khi cuộc đời chỉ còn loay hoay với chính mình và bệnh tật như thế, ghê rợn, khốn khổ, vô nghĩa và tai quái như thế - thì cũng chẳng đáng để kéo dài thêm làm gì. Tôi co người, rúm ró, lay lắt trong các căn hộ ở Paris, Madrid hay Lisbon, các lối đi về duy nhất còn lại của tôi là các đường phố dẫn tới bưu điện, nơi tôi đến để xem xem đường dây chuyển tiền từ Wolfsegg đến cho tôi còn hoạt động bình thường hay không nữa thôi, sống như thế chán lắm, chán đến nổi, dạo ở Lisbon hay Madrid tôi chỉ còn đi đi về về giữa một bên là bọn bác sĩ độc địa và tham lam hám tiền với bên kia là bưu điện thành phố mà thôi. Ở Napoli, nơi tôi ở một thời gian cũng y như vậy, chẳng khác gì, tôi bảo Gambetti, nhưng Napoli không hợp với tôi, khí hậu ở đấy tôi không chịu được, vả lại, nói gì thì nói, nó quá ư tỉnh lẻ. Nếu tôi có bảo Napoli quá ư tỉnh lẻ, thì anh cũng phải tha lỗi cho tôi, Gambetti ạ, bởi tôi không nói thế nào khác đi được. Đối với tôi, ngắm ngọn núi lửa Vesuvio là một tai họa, bởi vì, chắc cũng phải cả triệu, có khi cả tỉ người từng ngắm nó rồi. Suốt những năm tháng gần đây, trước khi về Rome ở, tôi chỉ còn để tâm vào một mình tôi, song, cũng chính vì vậy mà tôi lại tự bỏ bê chính mình một cách thô bạo nhất, không thể tha thứ được nhất. Tôi đã để mặc cho tinh thần đời bại, thể chất sa đọa. Vâng, tôi trở thành kẻ hoàn toàn sa đọa. Bệnh hoạn từ đầu đến chân, lại cố chấp và hay nghi kỵ đến mức không chịu nổi như thế, tôi gần như chết ngạt trong quá trình tự quan sát và tự đánh giá mình không ngừng ấy. Tôi quên khuấy đi rằng, ngoài thế giới đáng ghê tởm của tôi ra, còn một thế giới khác nữa, không đáng ghê tởm đến vậy. Và, đáng trách hơn cả là tôi đã quên hẳn cuộc sống tư duy, tôi quên hết các triết gia của tôi, các

nhà thơ, các nghệ sĩ của tôi, Gambetti ạ. Vâng, có thể nói, tôi đã quên hẳn cái đầu tôi. Tôi bầu chặt vào thân thể ngày một trở nên bệnh hoạn của tôi, và trong lúc không buông tay bầu vú suýt nữa tôi đã tự hủy hoại cả chính mình. Mãi cho đến lúc tôi đến Rome. Mãi đến lúc anh Zacchi, bạn tôi, lo được căn hộ trên Piazza Minerva cho tôi, vì như anh cũng biết, lúc đầu tôi còn ở trong Hassler, không phải ở khách sạn de la Ville như chú Georg, không, do cái chứng vĩ cu ồng cố hữu, nên tôi cứ phải ở Hassler mới chịu. Ngay từ giây phút đầu tiên, phóng tầm mắt từ Hassler qua quảng trường spagna xuống thành Rome, tôi hít một hơi thở sâu và lập tức có ngay cảm giác thoát nạn. Ngay trong khoảnh khắc đầu tiên ấy, tôi đã nghĩ ngay, tôi sẽ không rời khỏi nơi đây nữa. Tôi đứng bên cánh cửa sổ mở toang và tự nhủ, ta đã về đây và sẽ ở lại đây, không có gì khiến ta rời khỏi nơi đây cả. Và, quả nhiên, đi đâu tôi tiên liệu đã đúng, tôi ở lại Rome, không rời đi đâu nữa. Mặc dù tôi đã yêu thích tất cả những thành phố tôi từng sống, song, không nơi nào có tác động sâu xa nhường ấy đến tôi, không nơi nào có ý nghĩa sống còn đến vậy đối với tôi. Tôi đã ở, đã sống rất lâu hay khá lâu ở tất cả những thành phố kia, nhưng không ở đâu tôi có cảm giác đây là thành phố của mình, nhà của mình cả. Dù tất cả các thành phố ấy đều chiếm một phần trong trái tim tôi - như thiên hạ thường quen nói, mà chẳng nghĩ ngợi gì - thì cũng chẳng có thành phố nào trở thành *thành phố của tôi* cả. Các thành phố ấy, nhất là Lisbon, rồi Warsawa, Krakow hay Palma, rồi cả Wien lẫn Paris, hay London và thậm chí Palermo - thành phố nào tôi cũng yêu, cũng thích, nhưng từ giờ tôi sẽ chẳng bao giờ dừng chân lâu ở những nơi đó được nữa. Tôi đã để chúng lại sau lưng tôi mà không hề có chút cảm giác vừa đánh mất thứ gì đó rất riêng tư, thứ gì đó chỉ thuộc về riêng mình cả. Đôi khi tôi cũng nghĩ bụng, giá có ở lại Lisbon, có lẽ rồi mình cũng trụ được lâu như ở Rome, nhưng tôi lại nhớ đến chú Georg với lời bình thật đích đáng của chú về thành phố tôi cho là tuyệt vời nhất trong mọi thành phố này. Lisbon, quả thật, còn đẹp hơn Rome, nhưng nó đúng là thành phố tỉnh lẻ. Tôi đã trải qua một quãng đời đẹp đẽ ở Lisbon, nhưng đó không phải quãng đẹp nhất, như ở Rome đây. Lisbon là nơi kiến trúc hòa trộn với thiên nhiên ở mức độ tuyệt hảo, Gambetti ạ, thật tiếc là anh chưa có dịp đến Lisbon. Nơi đó từng là những năm tháng đẹp đẽ nhất của tôi, có lẽ cũng là sung sướng nhất. Thế nhưng, xét cho cùng, Lisbon rồi cuộc vẫn

không phải là thành phố hoàn hảo cho đầu óc tôi, trong khi Rome luôn luôn là nơi hoàn hảo như thế và, chính vì vậy, nó mới là nơi đầu óc tôi cần. Rome là thành phố dành cho đầu óc tư duy. Nó vốn đã là một thành phố lý tưởng cho nền tư duy cổ đại; đối với nền tư duy hiện đại cũng thế, nó lại đóng vai trò hoàn hảo đó, nhất là lúc này, khi tình hình chính trị ở đây rối ren, hỗn loạn, thì nó lại càng hoàn hảo cho đầu óc tư duy. Mỗi khi tôi bình chọn một thành phố lý tưởng và hoàn hảo cho tư duy đầu óc, tôi lại tự nhủ, chỉ có Rome mới đúng là thành phố như thế - dứt khoát và chắc chắn như thế - không thành phố nào khác được như vậy cả, đến như New York cũng không. Ở đây bùng nổ các cảm xúc mạnh mẽ, nên hợp với tôi. Ở đây, thành phố sôi động, dễ bùng nổ, khiến tôi yêu mến, Gambetti ạ. Đến đây tôi chợt nghĩ, hóa ra mình đã kéo Gambetti ra khá xa khỏi vòng tay bố mẹ anh, và tôi tự hỏi, không rõ mình có thể, hay mình được phép kéo anh ta ra xa chừng nào, khỏi vòng ảnh hưởng của bố mẹ và thế giới của họ - tức là ra khỏi các ý đồ của họ. Song, ngay sau đó, tôi lại thấy mình rõ lẫn thân, thậm chí thấy bức mình vì đã suy nghĩ dớ dẩn như thế, bởi vì mối quan hệ giữa tôi với Gambetti, đương nhiên, sẽ kéo anh ta ra khỏi vòng tay bố mẹ và các ý đồ của họ. Dạy anh học tiếng Đức, ấn vào tay anh ta hết *Luật sư Siebenkäs* đến *Vụ án*, tôi cứ làm như thể chỉ muốn đưa anh tiếp cận, rồi dần dà thông thạo nền văn học Đức mà thôi, nhưng thực ra, tôi đã kiên tâm bền bỉ lôi anh ta ra khỏi vòng ảnh hưởng của bố mẹ cũng như các ý đồ của họ, tôi nghĩ bụng, tôi đã xử sự như thể tôi có quyền làm việc đó không bằng, như thể tôi có quyền lôi kéo anh ta mỗi ngày một xa khỏi thế giới của họ - một thế giới, xét cho cùng, hoàn toàn tương phản với thế giới của tôi. Nói cách khác, hiện giờ tôi đang làm với Gambetti cái việc tôi đã làm từ lâu với chính mình, khi tôi rời bỏ Wolfsegg ra đi. Cái gì hồi xưa tốt lành cho mình thì cũng tốt lành cho Gambetti, tôi nghĩ vậy. Mình đang đóng vai chú Georg hôm xưa; những suy nghĩ, khám phá và tiết lộ của chú về Wolfsegg dạo ấy từng xua mình khỏi Wolfsegg và khiến mình không thể ở lại đấy được nữa, thì bây giờ, mình đang xua Gambetti. ra khỏi thế giới bố mẹ anh ta, hệt như chú Georg ngày xưa xua mình khỏi Wolfsegg. Song, tôi đã không cố tình kéo Gambetti ra khỏi thế giới của bố mẹ anh ta, tôi nghĩ bụng, mọi sự cứ vậy mà tự diễn ra, nằm ngoài chủ định ban đầu của tôi, hay nói cách khác, trong quá trình tôi dạy bảo Gambetti, nó tự diễn ra lúc nào

không hay. Lúc tôi dúm cuốn *Luật sư Siebenkäs* vào tay Gambetti và dặn anh ta, bao giờ đọc xong hãy nhớ đặt câu hỏi cho sát với tác phẩm đó, sự chú ý của Gambetti, hay đúng hơn niềm hào hứng của anh ta không lớn bằng lúc anh ta nghe tôi diễn giải cách nghĩ của tôi về việc nên thay đổi thế giới bằng cách nào, theo đó, trước hết, ta phải *phá hủy* nó tận gốc, thậm chí *tiêu hủy* sạch sành sanh, để rồi bắt tay kiến tạo nó lại từ đầu - theo cách thức mà tôi khả dĩ chấp nhận được - thành một thế giới hoàn toàn mới, mặc dù tôi không thể nói phải làm việc đó như thế nào, tôi chỉ biết duy nhất một đi đầu là phải hủy diệt hoàn toàn thế giới đi đã, rồi xây dựng lại từ đầu, bởi vì, nếu thế giới không bị hủy diệt một cách triệt để, thì không thể đổi mới được nó. Đầu óc Gambetti đã tiếp nhận khá nhiều thứ từ đầu óc tôi, tôi nghĩ bụng, nay mai, trong đầu anh ta không khéo lại nhiều ý tưởng của tôi hơn ý tưởng của chính anh ta cũng nên. Dõi theo một diễn biến như thế, tôi tự nhủ, bố mẹ anh ta hẳn không khỏi khó chịu và lo ngại. Họ chẳng thích gặp tôi như Gambetti vẫn bảo. Tuy có mời tôi đến nhà ăn cơm thật, nhưng trong bụng, thật ra họ chỉ mong sao quỷ tha ma bắt tôi đi, bởi vì từ nhiều năm nay rồi, ông bà đã xem tôi là kẻ *xúi giục* thằng con độc nhất của mình, thằng con bây giờ đã lớn phổng lên, cao hơn ông bà hẳn cái đầu. Ông bà đâm hốt hoảng, bởi rốt cuộc, trái với ý định ban đầu, hóa ra ông bà lại sinh thành một nhà triết gia, một nhà cách mạng tương lai, một kẻ thay vì suốt đời nhắm mắt bám đuôi họ, sẽ lại lăm le chờ ngày tiêu diệt họ. Giờ họ đổ hết lên đầu tôi cái tội, không những là *kẻ quyến rũ* thằng con, dĩ nhiên, rất đáng yêu của họ, mà rất có thể, cũng là kẻ hủy diệt con họ, và do đó, tất nhiên cũng là kẻ sẽ hủy diệt cả họ, một kẻ chính họ đã tự rước vào nhà họ đã đành, lại còn trả lương rất hậu nữa, bởi những giờ tôi dạy Gambetti không rẻ chút nào, tiền công dạy học tôi đòi trả trội hơn hẳn giá cả thông thường, nhưng bố mẹ Gambetti khá giả, tôi tự nhủ, tiền công tôi đòi tuy cao, tôi vẫn chả việc gì phải băn khoăn, cho dù số tiền ấy, tôi chả cần. Tiền nông tôi dư thừa, nhưng bố mẹ Gambetti chỉ ngờ ngợ, chứ không chắc như thế. Gambetti thì biết rõ. Có lần anh ta bảo tôi, bố mẹ tôi mà biết thầy giàu thế, chắc chắn ông bà đã chẳng chi xu nào và cũng chẳng cho tôi học thầy. Do ông bà không biết thực hư thế nào, nên cứ tưởng mình đang hào phóng lắm, rồi tự coi mình như Mạnh Thường Quân, chứ đúng ra, các giờ học này đã làm họ lo ngay ngáy từ lâu. Vả lại, đóng vai vị Mạnh

Thường Quân hào phóng như thế, tất nhiên, ít nhiều họ cũng muốn tự làm yên lòng, muốn lãng đi khỏi mối lo canh cánh họ trả lương thầy dạy con không phải là việc tốt lành mà chỉ gây hại. Riêng Gambetti lại coi việc bố mẹ vung tiền phí của cho tôi lôi kéo anh ta khỏi vòng ảnh hưởng của họ và gieo rắc vào đầu anh ta những tư tưởng sau này chắc chắn sẽ bùng lên dữ dội chống lại họ và mọi thứ trong thế giới của họ, là việc hoàn toàn ổn, chẳng cần bàn cãi gì. Nhưng có lẽ, họ không thể chỉ xem tôi là anh giáo tiếng Đức vô hại từ bên Áo xuống đây mà thôi, tôi nghĩ bụng, bởi tôi là kẻ thế nào, làm những trò gì, đầu rõ mồn một Thành ra, tôi chẳng việc gì phải tự trách mình, ở cương vị thầy giáo, ngoài các kiến thức về văn học Đức, còn nhồi nhét vào đầu Gambetti thêm cả các suy nghĩ của tôi về phương thức biến đổi thế giới, tức cũng đồng nghĩa với hủy diệt nó. Nói của đáng tội, tôi nghĩ bụng, nào tôi có *luôn lách* hay *cưỡng ép* họ đâu. Nhờ anh Zacchi mách, Gambetti tìm đến tôi; rồi bố mẹ anh ta khẩn khoản *xin* tôi dạy con trai họ, còn tặng tôi làm ông thầy lý tưởng cho Gambetti nữa. Mà tự tôi, tôi cũng cảm thấy mình là thầy giáo lý tưởng của Gambetti thật. Và Gambetti cũng cùng một cảm giác ấy với tôi. Những gì tôi khiến bố mẹ anh ta mỗi ngày một thêm kinh sợ, thì Gambetti lại cho là cần thiết/là tất yếu. Gambetti thường nhắc đi nhắc lại, tôi dạy anh ta một cách rất *hợp lý* và *nhất quán*; vả lại, chính anh ta, thực ra cũng hiểu ra rằng nền văn học Đức, nền văn học chỉ *do ngẫu nhiên* mà anh ta chọn làm môn học ấy, nói cho cùng, cũng chỉ là tấm bình phong che giấu những gì tôi thật sự muốn truyền dạy cho anh ta - tức là những ý tưởng, những suy nghĩ của tôi, mà dần dà, rồi anh ta cũng thấm thành của chính mình ấy. Chúng ta phải từng bước, từng bước chối bỏ tất thảy - trên đồi Pincio tôi nói vậy với Gambetti - ta phải dần dần chống lại tất cả và cùng tác động vào quá trình hủy diệt chung đang diễn ra trước mắt ta, kết liễu và sau rốt sẽ có thể hoàn toàn tiêu diệt được cái Cũ, dành chỗ, mở đường, cho cái Mới. Ta phải bỏ, phải hủy cái Cũ đi, dẫn cho quá trình hủy diệt đó có đau đớn đến mấy cũng vậy, để dọn đường cho cái Mới, mặc dù chúng ta cũng không thể biết trước được cái Mới ấy là *cái gì*. Nhưng chúng ta biết, mọi sự rồi sẽ phải như vậy, Gambetti ạ, tôi nói với anh ta, không còn đường thoái lui nữa. Khi chúng ta nghĩ như vậy, tất nhiên, vô hình trung ta đã kích động cái Cũ chống lại ta, tức cũng có nghĩa, kích động mọi thứ chống lại ta rồi. Song, đi đâu đó không

được phép cản trở ta phá hủy cái Cũ, thay nó bằng cái Mới ta hằng mong đợi. Phải vứt bỏ tất cả, tôi bảo Gambetti, cự tuyệt hết thầy và, xét cho cùng, phải tận diệt sạch sành sanh, Gambetti ạ. Đứng trên cao nhìn xuống Piazza Minerva, bỗng nhiên tôi lại thấy mình đang kể cho Gambetti nghe về một giấc mơ, trong đó tôi mơ mình đang cùng mấy bạn học thời sinh viên - Eisenberg, có cả Maria lẫn Zacchi nữa - lang thang trong một nhánh phụ của thung lũng Gröden. Giấc mơ này, tôi bảo Gambetti, lần đầu tôi mơ cũng phải bốn, năm năm trước rồi. Trong mơ, tôi còn rất trẻ, tôi bảo Gambetti vậy, chỉ độ hai mươi, hai một gì đó thôi, Eisenberg ngang tuổi tôi, còn Maria cũng chẳng lớn tuổi hơn bao nhiêu. Bọn tôi thuê phòng tại một nhà trọ nhỏ, tên là *Zur Klause*. Đến giờ tôi vẫn thấy biển hiệu nhà trọ rõ mồn một trước mắt, tôi bảo Gambetti, y như thấy lần đầu vậy. Tôi rất hay nhớ đến giấc mơ này và lần nào cũng như lần nào, đều muốn chìm mình trở lại vào giấc mơ đó. Bây giờ ý muốn đó còn mãnh liệt hơn bao giờ hết, bởi vì, trong khi vẫn cảm bức điện tín trên tay, tôi chỉ muốn tìm mọi cách để không phải nghĩ đến nó nữa. Giấc mơ ấy đối với tôi có vẻ là cách tốt nhất để tự đánh lạc hướng khỏi bức điện tín chắc chắn là rất kinh khủng này. Tôi không thể giải thích *do đâu* tôi lại nhớ tới giấc mơ đó. Có lẽ, do một câu nói Gambetti buột ra khoảng hai, ba tiếng gì đó trước khi tôi nhận được bức điện tín, loại câu nói ta vẫn gọi là *như gió thoảng qua*, trong đó loáng thoáng nghe nhắc đến vùng *Núi Cao*. Vâng, đúng là Gambetti có nói với tôi, mùa hè tới anh ta sẽ cùng bố mẹ và tôi, vâng, mời cả thầy cùng đi, như anh ta nhấn rõ thêm, lên vùng *Núi Cao*, là nơi anh ta rất đổi yêu thích và ở đó, tìm đến một thung lũng hẹp anh ta vốn biết và thông thạo từ nhỏ, một nơi chắc chắn sẽ vô cùng dễ chịu và tiện lợi cho hai thầy trò tiếp tục các công việc khảo cứu, vì được cách ly hoàn toàn khỏi các trở ngại vẫn gây phiền toái lâu nay. Phải, Gambetti vô tình nói *thoáng qua* rằng, tuy anh ta sẽ đi cùng bố mẹ lên vùng *Núi Cao* ở miền bắc Ý, song, đúng ra là cùng với tôi, nếu tôi không ngại, anh ta xin mời tôi tham gia chuyến đi anh ta gọi là kỳ nghỉ khảo cứu trên *Núi Cao* ấy. Hai chúng tôi hiện đang đề cập đến Schopenhauer, đến cả con chó của triết gia này, con vật mà ông ta đã xếp cao hơn cả bà quản gia của ông, cốt để nghĩ ngợi cho đến cuối ngọn cùng ngành và viết cho xong cuốn *Thế giới như là ý chí và hiệu tượng*; vâng, chúng tôi đang bàn đến một sự thật là, như Gambetti nói, *chính con*

chó cùng bà quản gia đã khơi bút cho Schopenhauer viết sách, thì đột nhiên - hay ít nhất cũng hết sức bất ngờ đối với tôi và chẳng ăn nhập gì với câu chuyện - Gambetti bỗng nói về chuyến đi lên Núi Cao vào mùa hè tới, về một quyển sổ tay giấy kẻ ca-rô nào đấy anh ta muốn mang theo, mà không hề nói tôi hay quyển sổ tay ấy có ý nghĩa gì ở đây cả. Tôi cũng không gắng hỏi về ý nghĩa quyển sổ tay giấy kẻ ca-rô anh ta trịnh trọng nhắc đến đó làm gì nữa, nhưng tôi còn nghe rất rõ Gambetti nói *đi với bố mẹ*, nhưng nghe chẳng khác gì *đi với thầy lên vùng Núi Cao*. Gambetti đã nói vậy trên đũa Pindo, tôi nghĩ bụng, phải, chính câu nói đó của anh ta khiến tôi bây giờ nhớ lại giấc mơ lạ lùng, nói thế nào nhỉ, hàng năm vẫn *hiện về thăm tôi* vài lần ấy. Tôi còn nhớ rõ, lần đầu tiên tôi mơ như thế bốn, năm năm về trước, ở Neumarkt in Steiermark, trong căn phòng đôi tối tăm, gọi là phòng đôi, thuộc một ngôi biệt thự cũ kĩ của họ hàng mà hồi ấy tôi bị ấn vào suốt hai ngày liền. Họ bảo, để tôi bình phục. Chẳng là vì tôi bị sốt, do một căn bệnh chẳng ai biết thật sự là bệnh gì, nên tôi đành phải nằm trong cái phòng đôi thả rèm kín mít ấy của họ hàng nhà tôi. Họ làm chủ một xưởng mộc lớn ở Neumarkt và, do họ hàng với mẹ tôi, đâm ra cũng thành họ hàng với tôi nốt. Tôi không nhớ đạo ấy tôi đến chỗ họ làm gì; bây giờ nhớ lại, tôi chỉ nghĩ, ai mà lại mò đến cái xóm tối tăm và ẩm ướt nhất trên đời như Neumarkt ấy chứ, chắc chỉ để bị cảm lạnh, chứ để làm gì hơn ở đấy. Sau hai ngày hai đêm, không ăn, không uống trong căn phòng rèm rủ kín ở cái xóm xinh Neumarkt hết sức đáng tởm nọ, mặt mũi họ hàng nhà tôi ra sao, dù chỉ lờ mờ thôi, tôi cũng chẳng nhớ; tôi chỉ nhớ đạo nằm ở đấy, tôi đã nằm mơ thế nào thôi. Bọn tôi - tức là tôi, cùng với Eisenberg, anh bạn ngang một lứa với tôi, Zacchi, triết gia, cũng ngang lứa tôi và Maria, nữ thi sĩ đầu tiên của tôi, tôi bảo Gambetti vậy, vâng, Maria đạo ấy đã là nữ thi sĩ vĩ đại nhất của tôi rồi - cùng đến cái thung lũng miền bắc Ý khi tiết trời đang lúc mưa nhiều. Maria từ Paris đến nhập hội với bọn tôi, chứ không phải từ Rome, nơi nàng có căn hộ nàng vẫn ở, có đi đâu, đạo ấy trông nó chưa nhu bây giờ, chưa chất đống cả ngàn quyển sách như thế, mới vài trăm thôi. Cũng chưa trải thảm, Gambetti ạ. Song, ngay từ đạo ấy Maria đã hầu như suốt ngày suốt buổi chỉ nằm trên giường là chính và, đến cả khách khứa, nàng cũng ngồi tiếp trên giường. Từ Paris đến nhập hội với bọn tôi lần ấy, Maria đóng một bộ cánh đến là điên rồ, trông nàng như thể sắp sửa

đi xem opera hay như vừa ở nhà hát ra. Quần hung đen, Gambetti ạ, với hai chiếc nơ lụa to đùng gắn phía dưới đầu gối, thêm vào đó là chiếc áo vét màu đỏ ối, cổ áo lại màu xanh Thổ. Tất nhiên, sự xuất hiện của Maria trong bộ cánh tuồng chèo như thế giữa thung lũng vùng Núi Cao đó đã làm náo động hết cả lên. Eisenberg chạy ra đón nàng, nhưng tôi thì từ xa đã thấy nàng tiến về phía nhà trọ *Zur Klause* ra sao rồi. Như trên sân khấu opera vậy, Gambetti ạ, cả chân tay lẫn đầu nàng đều cử động như trong một vở opera, như thể nàng đang vừa đi vừa múa, tiến về phía nhà trọ vậy, anh hiểu không Gambetti. Từ xa, thoạt tiên chưa thể nhận ra rõ bộ cánh của nàng được, và dĩ nhiên, tôi cũng không nghĩ ngay đấy là Maria, bởi lẽ, tôi chẳng hề nghĩ Maria sẽ đến đây đã đành, bây giờ bỗng dưng nàng lại đến trong bộ cánh thế kia, mà từ Paris, chứ không phải từ Rome, thì càng không thể ngờ. Như thể biết nàng đúng lúc ấy sẽ đến, chỉ mỗi một mình Eisenberg chạy ra đón, còn cả Zacchi lẫn tôi, đầu không chạy ra, bởi hai đứa tôi rõ ràng không biết Maria đến thật. Đứng bên cửa sổ phòng tôi trong nhà trọ, tôi đoán Zacchi lúc ấy vẫn đang trong phòng anh ấy, tỉnh ngủ rồi nhưng chưa ra khỏi giường, bởi anh chàng này vốn có tiếng dậy muộn, ngược hẳn tôi và Eisenberg chuyên dậy sớm. Đã thế, tay Eisenberg thường bao giờ cũng dậy trước tôi, cho nên, cũng là lẽ thường tình khi chạy ra đón Maria là Eisenberg, chứ không phải Zacchi hay tôi. Maria đến chỗ bọn tôi rất sớm, lúc chưa đen năm giờ sáng. Lần nào lên Núi Cao cũng vậy, suốt đêm tôi không ngủ được. Tôi đứng gần đầu đêm bên cửa sổ, nhìn ra ngoài; tôi bảo Gambetti, tôi đứng đấy, hết giờ này qua giờ khác, đến lúc đầu gối muốn khụy xuống, sắp ngã gục - tưởng vậy thôi, tôi bảo Gambetti, chứ thật ra đâu đã gục được - thì trông thấy Maria tiến về phía nhà trọ. Tối hôm qua, tôi cùng Zacchi và Eisenberg ghé vào đây nghỉ trọ chỉ nhằm mỗi một mục đích duy nhất là trao đổi về Schopenhauer và thơ của Maria. Trong giấc mơ của tôi, chúng tôi bỏ tiền thuê nhà trọ cũng chỉ để nhằm mục đích ấy, chúng tôi chọn nơi được xem là lý tưởng nhất cho việc ấy, tìm đúng cái thung lũng hẹp giữa vùng Núi Cao, nơi không có đường cái chạy vào, chỉ có độc một lối mòn cho người đi bộ thôi. Lẽ ra, tối hôm qua Maria đã phải ở trong thung lũng này với chúng tôi, nhưng chưa thấy nàng đâu, và tôi vẫn còn thấy mình đang gắng võ về tay chủ quán trọ, đang luôn mồm hết thuyết phục lại cam đoan với gã rằng nhân vật chính, tức là cô



bạn gái Maria của chúng tôi, chắc chắn sẽ đến, xin cứ yên tâm. Gã chủ quán *Zur Klause* sợ chúng tôi r ỡ sẽ chỉ trả *tiền ăn* cho ba người thôi, tức là cho Eisenberg, Zacchi và tôi, bởi vì chúng tôi không những đặt phòng, mà còn đặt *trọn gói các bữa ăn* trước, để thực hiện ý định mà không bị ngắt giữa chừng; tức là ý định đối chiếu và so sánh tác phẩm *Thế giới như là ý chí và biểu tượng* của Schopenhauer với *các bài thơ* của Maria. Lúc ở Rome, Eisenberg, Zacchi và tôi đầu nhất trí về ý định có vẻ rất hấp dẫn ấy. Ý tưởng này do Eisenberg xướng ra trước, Zacchi hưởng ứng nồng nhiệt ngay, còn tôi lo chuyện đặt phòng trọ ở *Zur Klause*, sau khi nghe Maria tuyên bố tán thành ý định của chúng tôi. Nàng bảo, *Heidegger thì không, chứ Schopenhauer thì được*. Nàng rất vui đến nhập bọn cùng chúng tôi, có đi đâu, đêm nàng phải đến Paris cái đã, nhưng đến Paris làm gì thì nàng không muốn lộ ra với tôi, dù tôi cất vấn, vặn hỏi mãi. Trong giấc mơ ấy, tôi bảo nàng, cất công từ Rome đến Paris chỉ để ở lại đó mỗi một đêm thôi thì thật là lạ lùng, hẳn phải có *lý do sống còn* nào đây. Tôi nói vậy, song, nàng không để tai nghe tôi nói gì, cứ thế lảng lạng khoác áo choàng, rời khỏi thành Rome ngay, lúc đi ra chỉ nói với lại, cứ yên chí, r ỡ nàng khắc đúng hẹn. Và, quả nhiên, lúc này, đúng vào giờ hẹn, tôi đang thấy nàng khoác bộ cánh phờng chèo ấy tiến về phía nhà trọ, trong đấy, chúng tôi đã sẵn sàng cho cuộc tranh luận. Hôm qua, từ chập tối, mặc dù suốt buổi tôi hầu như chỉ đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài thôi, tôi cũng đã ít nhiều để tâm suy nghĩ về Schopenhauer và các bài thơ của Maria, so sánh cách suy nghĩ của hai người, cụ thể là các suy nghĩ của Schopenhauer với những suy nghĩ của Maria, thử tìm mối liên hệ thuần túy triết học giữa hai lối tư duy đó với nhau - giữa lối tư duy bằng thơ của Maria với tư duy triết học của Schopenhauer. Tôi cố lần lượt lồng lối tư duy của người này vào lối tư duy của người kia và ngược lại, r ỡ tôi đặt cách nghĩ của người này đối lại cách nghĩ của người kia; tôi gắng làm sao sàng lọc tính triết học từ thơ của Maria cũng như tính thi ca, hay nói đúng hơn là tính nên thơ từ các công trình của Schopenhauer. Việc tôi suốt đêm thức trắng, ấy vậy mà có ích, vâng, thật tuyệt vời, tôi bảo với Gambetti. Ta phải mừng vui với từng đêm ta mất ngủ trong đời, Gambetti ạ, tôi bảo anh ta, bởi mỗi đêm như thế là một *bước tiến của ta về triết học*. Gambetti chăm chú nghe tôi tiếp tục thuật lại giấc mơ, trong khi kể, tôi không hề để ý đến bao nhiêu tiếng động

trên đồi Pincio, thậm chí tiếng chim ríu rít - thứ tiếng ríu rít tôi vẫn cho là phản tư duy nhất ấy - cũng chẳng ngăn được câu chuyện trong mơ của tôi. Tôi đứng suốt đêm bên cửa sổ căn phòng tôi trọ ở *Zur Klause*, Gambetti ạ, để suy nghĩ về Maria và Schopenhauer. Có lẽ, do tối hôm qua tôi định bụng sẽ nghĩ ngợi càng lâu càng tốt về đề tài này, cho nên suốt đêm tôi không ngủ. Tôi nhìn thấy bóng người kỳ quái kia - mới đầu trông chỉ đen sì sì chứ chưa thể nhận ra là ai - bóng người bước ra từ tấm màn tuyết vừa bị gió thốc dựng lên phía xa, cách chỗ tôi đứng đây chừng bốn, năm chục thước gì đó, và tiến dần về phía nhà trọ *Zur Klause*, Gambetti ạ, được một lúc thì tôi vỡ lẽ, dáng người kỳ cục với cách đi đứng như con rối kia chỉ có thể là Maria mà thôi. Ngay lúc đó, tôi sực hiểu tại sao đêm qua Maria phải đến Paris và ở lại đó bằng được. Nàng đến Paris chỉ cốt để xem một vở opera, Gambetti ạ, và nhất định phải trong bộ y phục mà cả tôi cũng biết ở đâu ra đó, vì Maria đã cùng với tôi đi sắm cả chiếc quần lẫn cái áo vét ấy ở Rome. Hai chúng tôi kéo nhau đi mua sắm vào một buổi chiều - như Maria vẫn nói - một buổi chiều đầy tuyệt vọng. Và, nhờ vụ mua sắm đó, chúng tôi biến buổi chiều tuyệt vọng ấy thành buổi chiều thật sung sướng. Đi mua sắm, tôi bảo Gambetti, đôi lúc có thể là cách duy nhất còn lại của ta để tự cứu vớt mình, nếu ta biết nhẫn nại và không ngại cả những thứ xa xỉ nhất hạng, có nghĩa là không sợ phải mua sắm thứ gì rục rờ nhất, đắt giá nhất, hay nói cách khác, thứ quý giá bậc nhất, dù cho nó có lỗ bịch, kỳ quặc như bộ cánh của Maria đang mặc, cũng kệ. Thay vì lặn ra chết vì tuyệt vọng, có lẽ ta nên ra phố thì hơn, mò vào một cửa hàng thật sang trọng nào đấy, sắm một bộ cánh thật quái đản, vâng, tự biến mình thành nhân vật nhớ nhãng trong một vở Don Giovanni rởm, âu vẫn còn hay hơn là nằm ườn trên giường rồi nốc gấp đôi, gấp ba lần liều thuốc ngủ thường ngày, mà không chắc rồi mình có thức dậy nữa hay không, mặc dù trong lòng, mình thừa biết, vẫn còn đáng để thức dậy lắm. Phải, đúng lúc nhìn thấy Maria trong bộ cánh quái gỡ tiến về phía *Zur Klause* như thế, tôi liền vỡ lẽ ra ngay, nàng đến Paris xem vở opera *Pelléas và Mélisande* của Debussy mà xưa nay nàng vẫn rất thích. Vâng, đứng bên cửa sổ nhìn Eisenberg chạy ra đón Maria trong lúc nàng tiến về *Zur Klause*, tôi đã bụng bảo dạ, Maria quả thật không quản ngại gì để từ nhà hát opera Paris đến thẳng thung lũng vùng Núi Cao là cốt giữ lời hứa với chúng tôi. Nhìn theo Eisenberg, tôi

ngĩ bụng, tay này hẳn đêm qua cũng thức trắng như mình, và đương nhiên, nhìn thấy Maria trước nên chạy ra đón nàng ngay. Đứng bên cửa sổ, vâng, tôi cũng nghĩ, đúng là kiểu của Eisenberg. Maria với Eisenberg chẳng những chi hiểu nhau, hai người còn rất hiểu nhau là đằng khác. Họ thật sự *ngang nhau về trí tuệ*. Eisenberg đam mê cùng một thứ triết học như Maria, hai người có cùng một quan điểm như nhau về thơ. Tôi nghĩ, với Maria tôi đã học được nhiều bao nhiêu, thì ở Eisenberg cũng học được nhiều bấy nhiêu. Maria đi tay không, tôi bảo Gambetti, nàng bước từ bức màn tuyết ra với vẻ hờn hờ và tiến về phía nhà trọ *Zur Klaus*. Bây giờ, giá cũng nhìn thấy nàng như tôi lúc này, gã chủ nhà trọ hẳn sẽ yên lòng lắm, tôi nghĩ bụng. Trong bọn, độc có Zacchi là không tin Maria sẽ đến. Anh ấy bảo, lẽ ra tối qua đi ngay cùng cả bọn đến Núi Cao ở miền bắc Ý, nàng lại đi Paris, thì làm sao vừa sáng ra đã có mặt trong phòng thuê trước cho nàng ở nhà trọ *Zur Klaus* được? Zacchi bao giờ cũng ngờ vực, tôi bảo Gambetti. Nên bọn tôi vẫn gọi anh là *kẻ hoài nghi* là vì thế. Maria đứng dừng lại chờ Eisenberg bước đến gần - lúc này đây đang đứng bên cửa sổ phòng làm việc của mình nhìn xuống Piazza Minerva, tôi nhớ mình đã nói với Gambetti như vậy. Đúng lúc đó - tiếp tục câu chuyện về giấc mơ, tôi nói với anh ta - phải, đúng lúc đó, tôi bỗng nghe thấy một tiếng nổ kinh khủng, như sét đánh, làm rung chuyển cả mặt đất. Chỉ lạ một nỗi - sau này tôi mới biết - là ngoài tôi ra, không ai nghe thấy tiếng sét và chẳng ai biết mặt đất lúc ấy rung chuyển thế nào. Cả Maria lẫn Eisenberg cũng đều không hay biết gì về tiếng sét lẫn cơn động đất ấy. Lúc Maria và Eisenberg tiến về phía nhà trọ mà không để ý gì đến tôi đang đứng bên cửa sổ chăm chú theo dõi họ, tôi có cảm giác, như thể Maria đang đi chân không. Rồi tôi nhìn thấy Eisenberg quả thật đang xách đôi giày của Maria trên tay thật, còn nàng đúng là đi chân đất. Eisenberg bao giờ cũng là người chu đáo với người khác, tôi bảo Gambetti, như thiên hạ vẫn nói, tính chu đáo thấm trong máu anh ta tự bao giờ. Tôi còn đứng bên cửa sổ nhìn xuống một lúc lâu nữa và gắng nhìn lên ngược về phía xa, càng xa càng tốt, theo vết chân Eisenberg và Maria để lại khi tiến về nhà trọ *Zur Klaus*. Tôi đếm được khoảng một trăm hai chục vết chân, tôi còn nhớ rõ, Gambetti ạ, như thể đang mơ giấc mơ đó ngay *lúc này*, chứ không phải bốn hay năm năm về trước. Rồi trình tự lại bị ngắt quãng, và đột nhiên, tôi lại thấy Maria cùng

Eisenberg dưới gian tiêng sảnh nhà trọ; Maria cởi giày Eisenberg rồi xỏ giày nàng vào chân anh ta, còn Eisenberg mang giày của anh ta cho Maria. Hai người cười vang, ra vẻ khoái trá lắm, nhưng lúc tôi bước vào, họ liền im bật. Được một lúc, họ lại phá lên cười rất to, to đến mức rung chuyển cả nhà trọ *Zur Klaus*. Maria duỗi hai chân ra phía trước, đưa đôi giày của Eisenberg lên lơ lửng, đôi bốt đen ống cao rất mềm mại anh ta vẫn thường mang, vâng, tôi nói, Gambetti ạ, cái đôi bốt ống rất mềm, mà cũng cao và đen ấy. Còn Eisenberg thì hai chân xỏ trong đôi giày múa ba lê màu bạc ánh kim của Maria và nhảy lò cò lui tới trong gian tiêng sảnh nhà trọ *Zur Klaus*. Cả hai ngoác miệng kêu to: Chúng tớ đổi giày cho nhau! Chúng tớ đổi giày cho nhau! Chúng tớ đổi giày cho nhau! Đến khi hai người mệt lử thì Maria quàng tay ôm lấy cổ tôi, kéo tôi xuống chiếc ghế băng trong gian tiêng sảnh rồi cứ thế là hôn, còn Eisenberg đứng tựa lưng vào tường, trân trân nhìn hai chúng tôi ôm hôn nhau trên ghế băng. Maria cứ hôn tôi mãi, cho đến khi tôi đứng bật dậy. Đúng lúc đó Eisenberg cất tiếng đòi Maria cởi giày anh ta ra. Maria cởi giày Eisenberg ra rồi ném vào đầu anh. Anh ta né sang một bên, tránh không để giày trúng đầu. Eisenberg cúi người nhặt đôi giày mình dưới sàn nhà, còn Maria chỉ tay vào đôi giày của nàng mà Eisenberg vẫn còn mang. Cảnh tượng lúc ấy trông đến là kỳ cục Gambetti ạ, anh hiểu không: Eisenberg trong chiếc áo choàng đen dài đến tận mắt cá, còn chân lại mang đôi giày vũ ba lê của Maria. Eisenberg bảo anh ta không tự cởi giày của Maria mà *hai chúng tôi* phải cởi cho anh ta. Maria thè lưỡi ra đáp lại. Song, khi thấy Eisenberg tỏ ra thất vọng vì phải tự cởi giày, nàng liền cúi xuống cởi giày giúp anh ta. Chân không, anh ta đứng trơ trơ ra đó giữa gian tiêng sảnh nhà trọ *Zur Klaus*, tôi bảo Gambetti, rồi đột nhiên tiến về phía Maria lúc nàng đang nép người vào tôi. Eisenberg quỳ xuống trước mặt nàng và trao đôi giày cho nàng. Anh ta bảo, đây là đôi giày của em, tôi cởi nó ra cho em đây, rồi lại đứng dậy. Maria hôn Eisenberg - tôi bảo Gambetti - rồi chạy vụt ra ngoài, xách đôi giày vũ ba lê trên tay. Eisenberg với tôi, hai đứa đứng nhìn theo. Mong sao cô bé của bọn mình không chết cồng ngoài ấy, lúc đó Eisenberg chỉ nói có vậy, tôi bảo Gambetti. Ngoài trời, tuyết lại rơi. Đoạn, tôi thấy tôi đang ngồi bên chiếc bàn con trong góc nhà trọ *Zur Klaus* cùng với Eisenberg và Zacchi. Trên bàn, chúng tôi để tập thơ của Maria và quyển *Thế giới như là ý chí và biểu*

trợng của Schopenhauer trước mặt. Quyền nào cũng mở sẵn, Gambetti ạ. Tay chủ quán trọ *Zur Klause* bước vào, định dọn bữa sáng lên bàn cho chúng tôi, bảo chúng tôi dọn sách vở trên bàn ra chỗ khác. Gã nói nguyên văn, các ông dẹp cái đồng kia khỏi bàn đi, rồi toan bắt tay dọn dẹp trên bàn thật. Vừa hay Maria bước vào, đúng lúc gã chủ quán tự ý, không thèm hỏi chúng tôi lấy một câu, định gập mấy quyển sách đang nằm mở sẵn trên bàn vào. Song, gã chưa kịp chạm vào cuốn *Thế giới như là ý chí và biểu tượng* của Schopenhauer thì Eisenberg sấn sổ hét to. Ông thôi ngay đi! Eisenberg quát thẳng vào mặt tay chủ quán, trong khi Maria vẫn còn đứng sau lưng tay này. Nàng ngơ ngác không hiểu chuyện gì xảy ra, tôi bảo Gambetti, trong khi Eisenberg vẫn tiếp tục sùng sộ, không ngừng quát vào mặt gã chủ quán Ông thôi ngay đi! Thái độ nóng nảy đó khiến thẳng cha chủ quán nổi đóa. Gã chồm tới định giật quyển sách của Schopenhauer đang nằm trên bàn, song Eisenberg nhanh tay hơn. Anh này vớ quyển sách, hai tay ôm chặt nó vào ngực. Tôi giật vội tập thơ của Maria vào tay, còn Zacchi thì vội nhanh mấy cuốn sổ ghi chép cũng đang nằm trên bàn. Lúc này tay chủ quán *Zur Klause* phát điên, giọng dọa giết chúng tôi. Hấn quả là to khỏe thật, khiến chúng tôi cũng run. Maria đến ng ẩ bên tôi, rồi nép vào người tôi, tôi bảo Gambetti. Nàng không hiểu đầu đuôi thế nào nữa. Lúc ở Rome, chúng tôi chả vẫn bảo, nào quán *Zur Klause* thật tuyệt cho bọn tôi, nào ông chủ quán đã vui tính, lại chu đáo, thật thích hợp cho ý định của chúng tôi ở đó là gì. Bây giờ nàng lại vừa chứng kiến một tay chủ quán đáng vẻ bất cần đời đang đùng đùng nổi cơn điên, dọa giết cả lũ chúng tôi. Mà trông tướng gã thế kia, không khéo gã ra tay giết thật, chứ chẳng phải dọa. Ấy vậy mà chính chúng tôi đã chọn quán *Zur Klause* này, bởi chúng tôi không tìm thấy nơi nào thích hợp hơn cho dự định của chúng tôi, tức là dự định đối chiếu và so sánh thơ của Maria với các suy nghĩ của Schopenhauer trong cuốn *Thế giới như là ý chí và biểu tượng*. Trong lúc m ồm miệng không ngớt dọa giết cả lũ chúng tôi, tay chủ quán *Zur Klause* vẫn dọn bữa sáng lên bàn. Dọn bữa sáng lên bàn cho khách vốn là thói quen của gã, tôi bảo Gambetti, bằng bất kỳ giá nào gã cũng phải dọn, bởi vợ gã đã dặn gã như vậy. Thế là, vừa dọa giết, gã vừa dọn bữa sáng lên bàn. Mà đến tiên trọ, các vị cũng chưa trả nhá! Tay chủ quán nói to, trong khi cả bọn chúng tôi vẫn run rẩy ôm chỗ sách vở, giấ y tờ vào ngực mà

không ai cất nổi lấy một lời. Các anh phải trả tiền ngay! Tay chủ quán hét lên nhiều lần như thế, cho đến khi dọn xong bữa sáng lên bàn mới tạm nguôi nguôi. Chúng tôi không ai đủ gan mở miệng đốp lại gã, song chúng tôi biết mục vụ gã đang đứng đờ tai nghe ngóng sau cánh cửa bếp nhà trọ *Zur Klaus*e. Hay ít ra, cũng một mình tôi biết mục vụ đang đứng đấy; thậm chí tôi còn có cảm giác nghe thấy mục vụ gập sau cánh cửa bếp thế nào nữa kia. Gã chủ quán dọn xong bữa sáng lên bàn, song, nhìn sổ sách vở, giấy tờ trên tay chúng tôi, hấn lại nổi xung, lấy lại giọng hăm dọa. Chợt hấn gằn giọng nói, phải nhốt các người này vào tù, phải tống bọn như các người vào ngục - hấn hấn học, nói không ra hơi nữa - bọn người lúc nào cũng khur khur sách vở như thế này, ăn mặc như thế này - hấn trở bộ quần áo Maria trước, rồi trở chiếc áo choàng đen, dài lượt thượt Eisenberg khoác trên người và, sau rốt, không tìm được nữa, hấn lại chỉ vào bộ râu của Eisenberg - bọn người râu ria thế này, cứ phải treo cổ hết lên. Cơn điên khùng của gã chủ quán *Zur Klaus*e mỗi lúc một bốc, hấn hét to, bọn rác rưởi các người (ấy là hấn nói chúng tôi đấy) thì cứ phải *triệt hạ* bằng hết. Hấn hét *triệt hạ, triệt hạ* mấy lần liên tiếp như thế vào mặt chúng tôi. Rồi như thể bất ngờ lên cơn đau tim, hấn đột nhiên đưa một tay lên ôm lấy ngực và, toàn thân loạng choạng, tay kia đưa ra sau mò mẫm tìm chỗ dựa ở mép bàn. Nhân lúc gã chủ quán *Zur Klaus*e như đang lên cơn đau tim như thế, chúng tôi lập tức xô cửa ra khỏi phòng ăn và bỏ chạy khỏi nhà trọ *Zur Klaus*e. Khur khur sách của Schopenhauer và tập thơ của Maria trên tay, tôi bảo Gambetti, chúng tôi để Maria chạy ở giữa, cả bọn đua nhau cầm đầu chạy bán sống bán chết khỏi thung lũng. Tuyệt rơi dầy đến mức chúng tôi chẳng nhìn thấy gì nữa cả, nhưng vì thung lũng cũng hẹp, nên chúng tôi rồi vẫn tìm được lối ra. Cũng như mọi khi, Gambetti lắng nghe tôi chăm chú, không chen câu hỏi nào vào về giấc mơ của tôi. Giấc mơ này, tất nhiên, tôi có kể cho cả Eisenberg, Zacchi lẫn Maria nghe. Nghe xong, ai nấy đều lặng im. Nhắc đến Maria, Gambetti bao giờ cũng nói như nói về một người mà mọi thứ trên đời đều như đang diễn ra trong hiện tại, và nhờ vào *sức mạnh trí tuệ* của nàng, nên nàng có thể chịu đựng được tất cả, bất kể trong môi trường xã hội nào. Giữa đám đông, bao giờ Maria cũng lập tức trở thành nhân vật trung tâm mà chẳng cần phải nói lấy một lời. Còn lão Spadolini, theo kiểu cách riêng của y, bao giờ y cũng là nhân vật trung tâm của mọi

đám đông. Maria là người khiến mọi người xung quanh, dù muốn hay không, đều ngay lập tức *phải* để ý đến nàng. Nàng biết rất rõ điều đó, cũng như lão Spadolini biết ngay lập tức rằng, y phải đóng vai nhân vật trung tâm của mọi đám đông. Nếu Maria gặp lão Spadolini, hai người sẽ khiến mọi đám đông xúm quanh họ phải tan tác ra ngay, như thể họ cố tình xua mọi người xung quanh đi ra chỗ khác. Tôi đã chứng kiến khá nhiều lần như thế, tôi bảo Gambetti, những khi hai người cùng xuất hiện ở một buổi tiếp tân hay tụ họp đông người nào đấy, đám đông lập tức bị hai người xé lẻ thành nhiều nhóm nhỏ. Hoặc Spadolini hoặc Maria là nhân vật trung tâm, tôi nói với Gambetti, chứ cùng một lúc là không xong. Lão Spadolini ít ra cũng còn làm ra cái vẻ như thể y không căm ghét hay thù hận gì Maria cả. Nhưng Maria thì ngược lại, tôi bảo Gambetti, nàng chẳng bao giờ giấu giếm nỗi khinh bỉ nàng bao giờ cũng dành sẵn cho Spadolini đã đành, mà hễ gặp dịp là nàng liền phơi bày nó ra ngay, Spadolini leo lẻo luôn mồm y hết lòng ngưỡng mộ thơ của Maria, những mong đánh lạc hướng thiên hạ, để không ai biết y thù ghét nàng cỡ nào. Y mượn những lời lẽ màu mè, y tỏ vẻ bái phục và ái mộ thơ nàng, cốt sao che giấu lòng căm ghét y dành cho nàng mà thôi, nhưng, tất nhiên, y chẳng bao giờ che giấu thành công, Gambetti ạ. Spadolini bao giờ cũng khen thơ Maria hơ quá lời, mặc dù thơ nàng *không thể* làm y ưa thích, tôi bảo Gambetti, bởi thơ nàng bao giờ cũng chống lại y, thậm chí, làm hại y ghê gớm. Spadolini khen nức nở bản dịch thơ Ungaretti của Maria trước bàn dân thiên hạ, Gambetti ạ, có đi đâu y khen thái quá, khen tới mức sự hèn học của y đối với nàng lộ hết cả ra. Y tặng bức Maria hết lời, mặc dù y chẳng ưa gì nàng, và bất kể nàng nói gì, đều làm y khó chịu. Còn Maria không hề giấu giếm nàng ghét Spadolini, và nàng không thể hiểu tại sao tôi không cắt hẳn mọi liên lạc với Spadolini, Gambetti ạ. Nàng không thể thông cảm vì sao tôi cứ bám lấy Spadolini, không *muốn* buông y ra. Nàng bao giờ cũng coi tính cách của Spadolini là tính cách đẽ bại, Gambetti ạ, nàng cũng giải thích cho tôi biết, vì sao nàng nghĩ như thế. Nàng còn quở trách tôi vì tôi gặp gỡ Spadolini *khá thường xuyên*, như nàng vẫn nói, vì tôi gặp *tên đàn ông thô bỉ luôn luôn tìm cách quyến rũ mẹ anh* ấy. Trong mắt nàng, Spadolini là kẻ giả dối tệ hại nhất trong số kẻ giả dối nàng từng gặp trên đời, y là tên bịp bợm bẩm sinh, là kẻ cơ hội ngay từ lúc lọt lòng, một khi các lợi ích riêng tư -

không phải lợi ích mang tính chất tôn giáo đâu - mà các lợi ích riêng tư hèn hạ nhất, bị đụng chạm. Còn tôi, mới tối qua nàng còn mắng tôi bạc nhược, vẫn tiếp tục đánh đeo lấy Spadolini, tôi bảo Gambetti vậy lúc đứng trên đồi Pincio. Maria đọc thơ nàng tại Viện Văn hóa Áo và lão Spadolini vỗ tay hoan hô nồng nhiệt, Maria bảo tôi, bởi y muốn mọi người để ý đến y, chứ không phải vì y thích mấy bài thơ đâu, tôi bảo Gambetti. Giới thiệu Maria với viên đại sứ Peru, Spadolini nói nguyên văn, đây là *nữ thi sĩ đương thời lớn nhất của chúng tôi*, trong khi trong bụng y, y căm ghét nàng tột độ. Y ghét nàng, song, mỗi tháng ít nhất một lần, y mời nàng đi ăn tối ở Via Veneto, một khu phố y ưa chuộng, nhưng Maria lại ghét cay ghét đắng, tôi bảo Gambetti vậy. Và mặc dù Maria bao giờ cũng khước từ các lời mời như thế, Spadolini vẫn tiếp tục mời. Y bảo tôi, ta lại vừa mời Maria dùng bữa tối, nhưng cô ấy không nhận lời; rồi ta vẫn cứ mời và cô ấy vẫn khước từ cho mà xem, Gambetti ạ. Spadolini, ở mức độ nào đó, là một nhân cách lớn, cho nên Maria buộc phải từ chối, bởi vì nàng không thể chấp nhận thêm bất kỳ một nhân cách lớn nào khác bên cạnh mình. Thật ra, Spadolini cũng không chấp nhận thêm nhân cách lớn nào khác ở bên cạnh y, song y là nhà ngoại giao lọc lõi ở đời, y thành thạo mọi thủ đoạn giao tế tình vi, trong khi Maria chẳng thành thạo bất cứ thủ đoạn nào, nàng cũng không hề che giấu đi đâu đó trước mắt thiên hạ, bởi nàng không thể hành động khác đi được. Ai trong bọn họ, cả Spadolini lẫn Maria, tôi bảo Gambetti, cũng đều là tâm điểm - Spadolini nhờ sự tình vi của y, còn Maria do sự tự nhiên của nàng. Tuy nhiên, *không thể có hai tâm điểm*, tôi bảo Gambetti. Chất tự nhiên của Maria bắt nguồn từ bản chất Áo trong nàng, còn chất giả dối của Spadolini - từ chất Vatican trong tâm can y, tôi bảo Gambetti vậy. Cả hai đều là hai bản lĩnh lớn và lòng căm ghét dành cho nhau đều ghê gớm dữ dội như nhau. Cả hai đều hiểu rõ bản lĩnh cũng như nỗi căm thù nung nấu trong lòng mình. Song, Spadolini là kẻ mạnh hơn, bởi vậy, y không cần lúc nào cũng phải thoái lui như Maria, trong khi, đối với nàng, thoái lui bao giờ cũng là vũ khí duy nhất của nàng. Lúc lâm nguy, trong khi Maria thu mình ẩn nấu thì Spadolini mới lại thật sự ra mặt. Cả hai đều chuộng lối ăn mặc nhã nhặn, hoang tàng, không những thế, cả hai đều có thiên hướng nông cụ cũng trong mọi thứ. Nói cho cùng, Gambetti ạ, cả hai người đều xuất thân từ tình lẻ, chỉ bằng cách nông



ngheh, hoang tàng họ mới ngoi lên tự khẳng định mình được. Mọi thứ ở Spadolini đều hoang tàng, mọi thứ ở Maria cũng vậy, đều nông cu ồng. Chỉ có đi ầu, Gambetti ạ, ở y là thứ hoang tàng giả tạo, ở nàng lại là thứ rất tự nhiên. Tôi nói với Gambetti, có lần Maria bảo tôi, nếu nàng có định viết một cuốn sách về các ngón bíp bọm, nàng sẽ chẳng chút ngần ngại lấy Spadolini làm nhân vật chính cho cuốn sách đó. Phải nói thêm ngay, viết văn vốn đã là ước mơ từ lâu của nàng. Thế nhưng mọi nỗ lực của nàng theo hướng này, rồi trước sau đều bại, bởi nàng thường sớm bỏ cuộc, giá như có viết đến cùng, thì rốt cuộc nàng đành thừa nhận, không phải nàng sáng tạo được một công trình nghệ thuật đáng giá, không, nói như chính nàng nói, nàng chỉ mới hoàn thành *một công việc đáng ngạc nhiên* mà thôi, Spadolini là một kẻ cu ồng tín ngoại cỡ, còn Maria là nghệ sĩ lớn, tôi bảo Gambetti. Nói cho cùng, Gambetti ạ, tôi thật may mắn khi được làm bạn với *hai con người như thế*, hai nhân vật thật sự quan trọng, dù thiên hạ bên ngoài có xì xào, bàn tán như thế nào về tình bạn đó, tôi cũng mặc, dù Spadolini có đánh giá Maria thế nào, hay ngược lại, dù Maria đánh giá Spadolini ra sao cũng thế. Tôi muốn gìn giữ hai tình bạn đó, không bao giờ muốn đánh mất chúng, tôi bảo với Gambetti. Nghe Spadolini kể về Peru cũng như nghe Maria đọc thơ vậy, y hệt nhau, Gambetti ạ. Nếu lúc nào ta cũng chỉ giao du với loại người có bản lĩnh cao cường, tôi bảo Gambetti, thì chẳng mấy chốc ta sẽ trở nên cô đơn vô cùng. Cho nên, ta phải làm ngược lại, nhập bọn cùng đám người gọi là đốn hèn, bạc nhược thì ta mới sống sót, đầu óc ta mới không bị ù lì. Lũ người gọi là có bản lĩnh cao, tính nết tử tế dần dần sẽ chỉ làm ta buồn chán đến chết mà thôi, cho nên, trước hết ta phải tránh kết bạn kết bè với đám này, tôi bảo Gambetti vậy. Cả Maria lẫn Spadolini đều là những người từng dạy tôi nhiều bài học, mặc dù tôi chưa bao giờ lộ đi ầu đó ra với họ. Tôi quen Maria qua anh Zacchi, một anh chàng chuyên móc nối người này với người khác, kẻ lập dị lắm triết lý, kẻ từng lang thang rong ruổi cùng trời cuối đất, con người của thế gian ấy. Zacchi quen Eisenberg trước, anh này lại giới thiệu tôi với Zacchi. Ba năm trước khi dời đến Rome, Eisenberg từng sống ở Wien. Anh ta trốn khỏi nhà bố mẹ ở Thụy Sĩ tìm đến Wien và, ở đây, kết thành người bạn thân thiết nhất của tôi. Bây giờ nhớ lại, tôi có thể nói, sau khi chạy khỏi Wolfsegg - là việc tôi phải mang ơn chú Georg - thì giai đoạn tôi trải qua ở

Wien cùng anh bạn Eisenberg chính là quãng thời gian có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển và mở mang đầu óc tôi sau này. Eisenberg là người đã chỉ lối cho tôi, theo đó tôi bắt đầu tìm hiểu thế giới, từng bước, từng bước học cách giải mã và phân tích thế giới. Kế theo chú Georg, Eisenberg - anh bạn đồng lứa của tôi ấy - chính là người hướng dẫn, mở mang đầu óc tôi, khơi dòng nắn lối cho các suy nghĩ của tôi đi đúng hướng. Đứng bên cửa sổ nhìn xuống Piazza Minerva bây giờ đã lác đác đôi người đang thông thả và ung dung đi lại, tôi nghĩ bụng, mỗi lần tôi với Maria về Wien, có bao nhiêu thời gian hai chúng tôi đầu hè như chỉ đi cùng Eisenberg hoặc do anh ấy dẫn đi, lên Kahlenberg, Kobenzl hay lên tận những Heiligenstadt Anh ấy dẫn Maria đi thăm các danh lam thắng cảnh của Wien, đưa nàng nhập vào cái thành phố mà sau này sẽ mang ý nghĩa sống còn đối với nàng ấy. Tôi nghĩ bụng, quả thế thật, có mặt Eisenberg chúng tôi không bao giờ thấy chán, lúc nào cũng vui vui trong lòng. Ngay từ đầu, giữa Eisenberg và Maria đã nảy sinh một *mối liên hệ triết học* vô cùng lôi cuốn mà tôi có thể thản nhiên quan sát không chút vướng víu gì trong lòng. Trông vào họ, lần đầu tiên tôi chứng kiến những con người của tư duy thấu hiểu lẫn nhau như thế nào và bao giờ tôi cũng nghĩ, sự thấu hiểu đó mới hiếm hoi làm sao. Maria xuất thân từ một thành phố tỉnh lẻ, nhỏ bé và nhỡ nhãng ở miền nam nước Áo, một xóm xinh xắn là nơi chôn nhau cắt rốn của Musil, mặc dù về sau, suốt đời ông chẳng dính dáng tẹo nào đến xóm xinh ấy nữa, nhưng cái tiếng là quê hương Musil của nó đã bị Maria lợi dụng đến cùng và hết sức trắng trợn. Tai hại là ở chỗ, cái xóm xinh đó nằm ở chính khu vực sát đường biên, đúng là mảnh đất mà chủ nghĩa quốc gia thuần túy pha lẫn tư tưởng chủ nghĩa Quốc xã, trộn cùng chủ nghĩa địa phương tằm thường và hạ đẳng xưa nay vẫn đâm chồi nảy lộc rồi ra hoa kết trái. Maria ra đi từ chính thành phố ấy, một nơi thường thường giới trưởng giả già nua meo mốc, ngu si và đần độn, vĩ cuồng kinh niên, nắm hết mọi quyền lực trong tay, một nơi phố xá xấu xí, xây đắp vụng về nằm giữa vùng đồi núi trung nguyên nhàm chán và chìm ngập trong bầu khí trời tù hãm, chẳng mấy khi trong lành, nơi mang mọi đặc điểm nhỡ nhãng tiêu biểu của một thành phố con con với năm chục ngàn dân, đám dân chẳng biết gì về thế giới bên ngoài nhưng vẫn tưởng mình đang ở trung tâm vũ trụ ấy. Từ một động cơ rất riêng tư, có thể ví với động cơ từng khiến tôi đi khỏi Wolfsegg hôm

xưa, Maria đã rời bỏ thành phố tuổi thơ vốn cũng chỉ gây tai sinh họa cho nàng ấy, để đến Wien và, nói như thiên hạ vẫn nói, toan dừng chân định cư ở đó lâu dài. Song, đó chính lại là nơi khó định cư nhất, trong đầu mang đầy những dòng thơ của mai sau, tôi còn nhớ, và trên tay chỉ một túi xách nhỏ, cô gái trẻ Maria đến Wien, mang theo những ảo tưởng của kẻ chống đối, một kẻ đào tẩu, một kẻ không những chỉ tìm kiếm lối thoát, mà - cũng giống như tôi hồi trước - còn tìm cả nơi biến ngay các giấc mơ đó thành hiện thực. Sau chiến tranh, Wien vốn là miền đất hứa cho tất cả những cái đầu biết suy nghĩ ở tỉnh lẻ. Song, không phải như người ta tưởng, ngay từ thời đó thành Wien đã chẳng giữ được lời hứa nào cho họ, cho cả Maria lẫn cho tất tạt những người khác. Thoạt tiên, Wien có vẻ như cọc sào cuối cùng cho kẻ sắp chết đuối bám vào thật, nhưng chẳng được bao lâu - hồi trước, cũng như bây giờ - những ai từng, hay đang lấy nó làm nơi dung thân, đầu như bị tê liệt. Như tôi biết, và tính đến giờ cũng được khẳng định đi khẳng định lại cả triệu triệu lần rồi, thì thành Wien chỉ là nơi dung thân tạm thời và ngăn ngừa cho những kẻ hay triết lý, những kẻ chuyên nghiên ngẫm, đắn đo - những kẻ toan tự kích thích đầu óc tư duy của mình mà thôi. Chạy đến Wien có nghĩa là thoát chết một thời gian ngắn, chứ không lâu la gì. Song, như thế cũng có nghĩa là những ai đã chạy đến Wien ẩn náu thì cũng phải chuồn khỏi Wien càng sớm càng hay, bởi vì, nếu họ không càng sớm càng tốt quay lưng bỏ cái thành phố tàn nhẫn và hoàn toàn mục ruỗng ấy mà đi, thì họ khắc bị tiêu vong. Maria sớm nhận ra đi đầu đó, tôi cũng vậy, trong số chúng tôi duy nhất có Eisenberg cho đến giờ vẫn chịu nổi Wien. Đứng bên cửa sổ, tôi nghĩ bụng, nhưng Eisenberg là người cứng cỏi, đầu óc sáng sủa, minh mẫn hơn Maria và tôi nhiều. Một tâm hồn như tâm hồn Maria sẽ sớm bị đè bẹp gí ở Wien, đứng bên cửa sổ tôi nhớ lại những lời Eisenberg nói, và đưa mắt, mới đầu nhìn xuống Piazza Minerva, rồi sang phía Pantheon, thấy cửa sổ của căn hộ Zacchi, nhưng tôi nghĩ bụng, chắc anh ta không có nhà. Maria dứt được khỏi Wien, mới đầu sang Đức, sau đến Paris, rồi về Rome, tôi nghĩ bụng, đúng như kiểu cách thơ mộng của nàng. Thế nhưng, nàng vẫn nhiều lần thử quay về định cư ở Wien, vẫn tìm cách liên lạc với đủ hạng người mà nàng nghĩ có thể giúp nàng quay lại Wien. Thế nhưng, cứ đến lúc có thể thật sự quay về Wien, thì *mọi sự lại đổ vỡ*, mọi dự định dính dáng đến Wien đầu thành mây khói.

Bao nhiêu người, nhu những người thuê giúp căn hộ nào đấy cho nàng chẳng hạn, đều vì thế mà chung hưởng. Mà nào có phải một căn hộ như vậy đâu, biết bao nhiêu căn hộ nàng tính mua hay thuê, như người ta vẫn nói, để ở trọn đời, nhưng chưa dọn đến nàng đã dùng dùng giao trả. Nàng dễ dàng để bọn người bần tiện, nhất là mấy thằng cha ở Bộ Văn hóa, dụ dỗ về Wien, bị bọn người mang các động cơ bần thủ này lừa lọc. Nàng không bao giờ muốn tin lời tôi vẫn cảnh báo đi cảnh báo lại với nàng rằng, tất cả bọn người muốn lôi kéo nàng về Wien đều độc một động cơ bần thủ cả thôi. Bọn chúng chẳng quan tâm thật sự đến nàng, chúng chỉ nhằm nhằm một mục tiêu đều cang và thấp hèn là lợi dụng nàng, lợi dụng tên tuổi Maria giờ đây đã lừng lẫy, để mưu cầu lợi ích riêng của chúng mà thôi. Tôi từng đi guốc trong bụng bọn này, tôi thừa biết, nhưng Maria - bắt ngu ồn từ mỗi tình đa sầu đa cảm nàng vẫn mù quáng dành cho cái thành Wien hết sức bạc bẽo, và trái với những gì thiên hạ vẫn tưởng, vô cùng tàn nhẫn và cực kỳ vô cảm ấy - nàng rất hay sa chân vào cạm bẫy của bọn chúng. Thế nhưng, nàng cũng chỉ sa chân đến mức nào thôi, rồi kịp rút ngay lại, khiến tụi kia lần nào cũng bị *vỡ mất mặt*. Maria ở lại Rome, trong căn hộ rất cuộc vẫn là để chịu nhất cho nàng đó. Có lần nàng bảo tôi, *đúng ra là em muốn quay lại về Wien*, nhưng ngay sau đấy, chỉ chừng vài ba phút sau thôi, nàng đã lại khẳng khẳng đi ngược lại, nói quả quyết không kém với tôi, *nói đúng ra thì em chỉ muốn quay lại Wien*, đúng ra em muốn ở lại Rome, thậm chí chết ở Rome. Maria đã nhiều lần bảo nàng sẽ chết ở Rome, tôi nhớ lại. Lý trí buộc nàng ở lại Rome - ở lại Rome, trong khi lòng dạ lại yêu Wien hơn. Song chỉ được vài tuần, sau khi nàng vừa làm tất cả những người đúng là đã bằng mọi cách chạy nhà lo cửa cho nàng ở Wien chung hưởng và mất lòng, nàng lại quay ra bàn chuyện, rất cuộc và dứt khoát quay về Wien, về *quê hương*, theo lời nàng nói, khiến lần nào tôi cũng chỉ biết cười nhạt đáp lại mà thôi, bởi vì, cái tiếng *quê hương* ấy thốt ra từ miệng nàng nghe bao giờ cũng lố bịch y hệt như khi thốt ra từ miệng tôi. Có đi đâu, tôi chẳng bao giờ mở miệng nói cái từ ấy ra, bởi vì, mỗi khi dùng đến nó, tôi lại thấy nó tởm lợm, trong khi Maria luôn luôn muốn tìm ở nó một chốn che chở cho mình và, nàng luôn cam đoan, theo nàng, từ *quê hương* là *một từ ngữ có sức cảm dỗ tốt độ* vậy. Rồi nàng lại bắt tay thảo thư viết từ gửi đến bọn người thành Wien kia ở Ban này Bộ nọ, tìm đến sứ quán Áo

hay đến cái gọi là Viện Văn hóa Áo trên phố Bruno Buozzi, tòa nhà lờ lợt gần phố Flaminia, nơi mà con yêu tính văn hóa Áo, với tất cả các bóng đen tăm tối của nó, đặt chi nhánh ngay từ ngày ngôi nhà này được dựng lên ấy; nàng cất công đến dự những buổi gọi là buổi đọc thơ của những kẻ gọi là thi sĩ Áo, cũng như đến dự đủ loại thuyết trình ngụy khoa học do đủ loại nhà ngụy khoa học của nước Áo múa may trình diễn tại Bruno Buozzi, thậm chí nàng còn đến tham gia cả những buổi gọi là tối ca nhạc, thường diễn ra đầu đặn ở đó, với một lô những ca sĩ Áo từng nổi tiếng một thời, nhưng từ nhiều năm nay đã mất giọng, chỉ còn giữ lại chút khò khè già nua, gây cho màng nhĩ thính giả Ý những thương tổn không tài nào chữa khỏi. Maria, người nữ thi sĩ muốn vừa làm dân thành Rome, vừa làm người thành Wien, và có lẽ, tôi nghĩ, chính trong tình trạng chên vênh hiểm nghèo giữa cảm xúc và lý trí ấy mà nàng viết ra được những vần thơ tuyệt vời chẳng. Giấc mơ về quán *Zur Klause* có dạo từng làm nàng xúc động ấy, làm tôi nhớ đến Maria, và giờ đây đứng bên cửa sổ nhìn xuống Piazza Minerva, tôi khoan khoái nghĩ đến nàng. Tôi nghĩ bụng, không biết, thành Rome này sẽ ra sao nếu vắng nàng. Thật may mắn khi tôi chỉ cần bước vài bước là sẽ đến được bên nàng, phấn chấn, tươi tỉnh hẳn lên bên nàng, vâng, có nàng ở đời thật may mắn biết bao. Các buổi chuyện trò với nàng bao giờ cũng đầy ý vị, bao giờ cũng rất lôi cuốn. Nói chuyện với nàng bao giờ cũng phấn khích, bao giờ cũng sôi nổi, hầu như bao giờ cũng làm ta sung sướng, tôi nghĩ bụng. Maria bao giờ cũng sẵn trong đầu các ý tưởng độc đáo, và đối với Gambetti - như chính lời anh ta nói - gặp nàng bao giờ cũng là *một trải nghiệm*. Trong ý nghĩ của nàng, tôi tự nhủ, nàng không e ngại, né tránh bất cứ ý nghĩ nào. Trong thơ nàng, trăm phần đều mang dấu ấn nàng cả trăm; bọn người kinh địch và ganh đua với nàng, một lũ người, như tôi biết, không ngừng bày mưu tính kế chống lại nàng - tức chính là các nữ thi sĩ, bạn thơ của nàng chứ ai - dù họ có nổi tiếng giỏi giang đến đâu đi nữa, cũng không thể được như nàng. Mỗi câu thơ nàng viết ra, đều hiện diện hình bóng nàng, tất thấy đều mang chất độc nhất vô nhị của nàng. Nếu ở Spadolini tôi mới thật sự học được cách *nhìn* và quan sát, tôi bảo Gambetti, thì ở Maria, tôi học được cách *nghe*. Chính hai người này đã dạy tôi thành người như tôi bây giờ. Đoạn, tôi bỗng chuyển sang kể cho Gambetti nghe về một sự thật là lão Spadolini chẳng bao giờ ngượng

ngừng nhận tiền của mẹ tôi để chi tiêu vào những việc thậm chí hết sức riêng tư của y. Y dùng số tiền ấy cốt chỉ để thỏa mãn thói háo danh của y mà thôi, Gambetti ạ. Hàng năm, mẹ tôi vẫn chuyển đến tay y nhiều khoản tiền lớn, những khoản, tất nhiên, rút từ ngân quỹ Wolfsegg. Ông bố tôi chắc cũng thừa biết như thế, nhưng nhắm mắt làm ngơ, bởi bao giờ ông chả làm mọi việc, cốt sao vừa lòng vợ là được. Thậm chí ông cũng chẳng ngại ngần gì, đi *tay ba*, tức là cùng với mẹ tôi và lão Spadolini, sang Ý, nói cách khác, ông tự nguyện đóng vai nhân chứng chính cho mối quan hệ quái đản, trong đó không phải Spadolini, mà chính ông là kẻ chầu rìa, hóng chuyện. Thế nhưng, ông bố tôi cũng say mê Spadolini đắm đuối y như tôi; ông không muốn, tôi bảo Gambetti, ông không đời nào muốn buông y ra. Spadolini không phải là hạng người ta có thể dễ dàng buông ra được, bất kể trong mắt ta họ là người thế nào, họ vẫn là hạng người ta không sao giã ra được nữa, bất kể họ có gây chuyện tày đình đến thế nào cũng chịu, tôi bảo Gambetti. Nói rồi, tôi chợt nghĩ, kẻ cũng kỳ quặc, thế quái nào mà chính tôi lại là thằng phải giúp Gambetti làm quen với văn học Đức, vâng, đúng văn học Đức, văn học Áo, Thụy Sĩ, đúng nền văn học mà thiên hạ lúc nào cũng không may gọi một cách ghê tởm là *nền văn học các nước nói tiếng Đức* ấy, nền văn học mà, nói cho cùng, tôi *không thể* yêu, nền văn học tôi vẫn coi nhẹ hơn văn học Nga, văn học Pháp, lẫn văn học Ý. Tôi bỗng bần khoản, chỉ vì tự cho mình thông thạo văn học Đức hơn các nền văn học khác, nên tôi nhận dạy *đúng thứ của nợ mình không thích* này thì không biết có phải đạo không. Nền văn học Đức, tôi bảo Gambetti, ngay cả ở tuyệt đỉnh của nó cũng không thể sánh ngang các nền văn học tôi yêu thích, như văn học Nga, văn học Pháp, Tây Ban Nha hay văn học Ý. Ngay như tiếng Đức, nói cho đúng, cũng đã là một thứ tiếng xấu xí, thứ tiếng nói - như tôi đã nói rồi - chẳng những đè gí gị mọi lu ùng suy nghĩ xuống bùn đen, mà do tính ù lì, ục ịch sẵn có, nó còn thật sự làm méo mó, xuyên tạc mọi thứ một cách trắng trợn. Nó không đủ sức diễn đạt sự thật nguyên vẹn như chính sự thật đó, từ trong bản chất nó đã bóp méo mọi sự thật rồi. Nó là một thứ tiếng nói thô thiển, không chút nhạc tính nào, và tôi bảo Gambetti, nếu không phải tiếng mẹ đẻ của tôi, có lẽ chả bao giờ tôi mở miệng dùng đến nó. Đấy, anh xem tiếng Pháp mà xem, tiếng Pháp có thể diễn đạt mọi thứ chính xác đến mức nào! Thậm chí tiếng Nga, vâng, thậm

chí tiếng Anh, tôi nói, chứ chưa cần viện đến tiếng Ý hay tiếng Tây Ban Nha, những thứ tiếng mà khi nghe, cảm thấy thật ngọt ngào trong tai, trong khi tiếng Đức, dù đây là tiếng mẹ đẻ thật, chúng tôi nghe sao lạ lẫm và thâm thối. Với những người có năng khiếu âm nhạc và toán học như tôi và anh, Gambetti ạ, tôi nói với anh ta, tiếng Đức không khác gì thứ đòn hành hạ. Tiếng Đức, nghe đến là khó chịu, không hay, vụng về, lủng củng, ngay cả tại những nơi chúng tôi những tưởng đã nâng nó lên hàng nghệ thuật. Tiếng Đức là thứ tiếng hoàn toàn *phản âm nhạc*, tôi bảo Gambetti, hết sức tầm thường và thô lỗ, chính vậy nên nền văn chương của chúng tôi có vẻ cũng tầm thường và thô lỗ như thế. Vì giới văn sĩ Đức chỉ nắm trong tay một công cụ thô sơ như thế, tôi bảo Gambetti, chẳng trách họ bao giờ cũng phải vất vả cực nhọc trăm lần hơn giới văn sĩ mọi nơi khác. Lúc này, đứng xem xét các bức ảnh gia đình, tôi tự nhủ, đôi khi ta toan tính kĩ lưỡng chuyện gì đó, song, đã chắc gì mọi sự rồi sẽ thành; một tai nạn bất ngờ có thể sẽ phá tan hoang hết cả. Hai bộ mặt giễu cợt của hai con em gái tôi trên tấm ảnh chụp ở Cannes cũng *chính là* hai con em gái tôi. Nhìn chúng nó, bao giờ tôi cũng chỉ thấy hai bộ mặt giễu cợt đó của chúng nó; bất kể thấy chúng ở đâu, gặp chúng lúc nào, đối phó chúng trong tình huống thế nào, tôi cũng chỉ nhìn thấy hai bộ mặt giễu cợt đó. Giả như có lúc nào, tôi nghĩ đến tội nó chẳng hạn, tôi cũng lại chỉ thấy *chúng*, đúng hai gương mặt ấy. Tôi cất vào ngăn kéo bàn làm việc của tôi ở Rome đúng hai *gương mặt mang vẻ giễu cợt này*, chứ không phải hai gương mặt với vẻ khác mà đôi khi chúng nó cũng có, *buồn rầu, hãnh diện, vênh vang, hay tự cao tự đại hết nước*, không, *tôi chỉ cất vào ngăn kéo đúng hai bộ mặt mang vẻ giễu cợt này thôi*. Mỗi khi tôi nhắc đến hai con em gái tôi, thật ra tôi không nhắc đến hai con em thật sự, có lần tôi đã nói vậy với Gambetti, mà nhắc đến hai bộ mặt mang vẻ giễu cợt, do vô tình mà được ghi lại trên tấm ảnh đây thôi. Giá chúng nó có lẫn ra chết, tôi nghĩ bụng, chắc mình cũng chẳng giữ lại được hình ảnh nào khác của chúng nó ngoài vẻ mặt giễu cợt này. Trong mơ, tôi nghe tiếng chúng nó cười, song đôi khi, lúc đang đi giữa thành Rome tôi cũng bất ngờ nghe thấy tiếng cười quái lạ của chúng; tiếng cười tự tin với cuộc đời còn dài-của chúng, và trước mắt tôi, lập tức chỉ hiện ra hai gương mặt mang vẻ giễu cợt ấy của chúng nó mà thôi. Ngoài ra không còn thêm gì nữa cả. Hai đứa chúng nó chuyện gì đấy với tôi, thì trọng lúc

nghĩ lại xem chúng nó vừa nội gì, tôi lại chỉ thấy độc hai gương mặt giễu cợt đó hiện ra. Tôi nghĩ bụng, bộ mặt giễu giễu cợt cợt ấy chúng nó nhận từ bà mẹ - mặt bà chả cũng mang cái vẻ giễu cợt ấy mà lại - nhưng hai đứa con gái bà phóng đại vẻ giễu cợt ấy lên gấp bội, trông mới quái đản, mới ghê gớm làm sao. Đã nhiều lần tôi thử tách tôi khỏi hai gương mặt giễu cợt đó của hai con em gái tôi, thử trộn vẻ mặt đó với những vẻ mặt khác, không giễu cợt, nhưng không bao giờ thành. Tôi tự nhủ, tôi chẳng hề có đứa em gái nào, chỉ hai bộ mặt mang vẻ giễu cợt kia, chẳng có Caecilia lẫn Amalia nào cả, chỉ độc hai bộ mặt mang vẻ giễu cợt đông cứng lại mãi mãi trên tấm ảnh gốm guốc này thôi. Nhìn bức ảnh, tôi tự nhủ, chúng nó muốn tỏ ra xinh đẹp, trẻ trung, muốn làm ra vẻ sung sướng lắm, nhưng, hóa ra trong tấm ảnh lưu lại cho hậu thế đây, trông chúng nó lại xấu điên xấu đảo, và mặc dù ngoài đời thật sự còn ít tuổi, nhưng nhìn chẳng trẻ trung là mấy, trông lại vừa già, vừa *hết sức bất hạnh*. Chúng nó mà biết trước chúng nó sẽ chỉ để lại trong ảnh vẻ mặt giễu cợt và ấn tượng thật sự bất hạnh cho những ai sau này xem ảnh thế này, thì thế nào chúng nó cũng không chịu cho chụp đâu. Song, tôi tự nhủ, chúng nó đòi chụp, đòi chui bằng được vào bức ảnh này. Tôi còn nhớ rõ, chúng nó dứt khoát muốn có bức ảnh này, chúng nó lấy dáng, đứng nép vào nhau, làm ra bộ sung sướng và tự nhiên lắm, một vẻ tự nhiên mà trong khoảnh khắc chụp, chúng nó tưởng là vẻ tự nhiên thiên phú của chúng nó, nhưng thật ra, làm như thế, chúng nó chỉ phũ phàng tạo ra một dáng vẻ giả tạo, méo mó, trái tự nhiên, một sự bóp méo tàn độc mà thôi. Tôi cũng còn nhớ, miễn cưỡng lắm tôi mới chụp bức ảnh này. Song, không phải *tôi* có lỗi vì chụp ra bức ảnh tàn nhẫn như thế, tôi tự nhủ, mà chính *chúng nó* mới có lỗi, vì chúng nó đã ép tôi phải chụp và do vậy, mặc dù ngay lúc ấy, cả tôi lẫn chúng nó đều không thể biết được, cũng đã cưỡng bức tôi suốt đời phải đeo theo mình hai bộ mặt mang vẻ xỏ xiên, giễu cợt ấy của chúng. Tôi không bao giờ thoát khỏi bộ mặt ấy của chúng nó nữa, mọi nỗ lực của tôi nhằm thoát khỏi chúng đều không thành. Bao nhiêu lần tôi đã định hủy bức ảnh, xé nó ra, đốt cháy thành tro. Nhưng rồi *mãi tôi vẫn không hủy, không xé cũng không đốt*, bởi tôi cứ nghĩ, nếu đã phải dùng đến cả những cách như thế tôi mới tiêu hủy được một thứ hết sức vật vãnh và tầm thường như bức ảnh đây, thì thật đúng là tội cùng lỗ bịch. Nghĩ vậy, tôi lại nhét bức ảnh này vào ngăn kéo cùng các tấm ảnh



khác. Không phải hai đứa chúng nó đeo đẳng bám theo tôi cả ngày lẫn đêm, tôi tự nhủ, mà hai gương mặt giễu cợt của chúng nó suốt ngày suốt đêm không để tôi yên, hai gương mặt đó *hành hạ* tôi hàng ngày, thậm chí hàng tuần liền. Ta chỉ ghi lại một khoảnh khắc trong số hàng triệu, thậm chí hàng tỉ khoảnh khắc của hai con người bằng thứ dụng cụ quý quái này của nhiếp ảnh, tôi nghĩ bụng, để bây giờ lại suốt đời buộc tội hai con người trong ảnh ấy chỉ vì cái khoảnh khắc họ lộ ra vẻ giễu cợt trên gương mặt. Thế nhưng, tôi có là có hai con em gái, chứ đâu phải chỉ có hai gương mặt giễu cợt của chúng nó, tôi nghĩ bụng, rồi lấy hai tay ôm lấy đầu vì ý nghĩ ngớ ngẩn đó. Ở Wolfsegg tôi có hai con em gái, chứ không phải chỉ hai gương mặt giễu cợt mà tôi luôn nghĩ, chúng chống lại tôi mọi nơi, mọi lúc. Bây giờ, một trong hai bộ mặt giễu cợt ấy lấy chông - thì tôi cũng phải nhất quán với mình để nói vậy chứ sao - lấy gã chủ hãng nút chai rượu vang ở Freiburg vùng Breisgau, gã đàn ông kỳ quặc và lố bịch, có cái đầu theo tôi là quá nhỏ, cắm trên tấm thân hộ pháp nặng nề, rộng ngang bè bè của gã. Thế là, một gương mặt mang vẻ giễu cợt này có chông, còn bộ mặt giễu cợt kia không có anh chông nào, và do đó, bộ mặt không có chông này, loáng một cái, đâm ra thù ghét bộ mặt giễu cợt vừa lấy chông kia rồi lui hẳn về ở trong khu nhà thợ làm vườn. Song, tôi không bao giờ nhìn *tách biệt* hai gương mặt giễu cợt của hai con em gái tôi. Có cố mấy cũng không được. Bao giờ tôi cũng chỉ nhìn thấy hai gương mặt mang vẻ giễu cợt ấy của hai đứa em gái tôi *như một cặp ở bên nhau* mà thôi. Trên bức ảnh, hai bộ mặt chúng nó mang vẻ giễu cợt, nhưng, tôi tự hỏi, có đúng thật là hai con em gái tôi có hai bộ mặt mang vẻ giễu cợt như thế không nhỉ? Ở ngoài đời, chúng nó mang hai bộ mặt giễu cợt như thế thật ư? Liệu có phải chúng nó chỉ mang hai bộ mặt giễu cợt đó trong khoảnh khắc chụp ảnh tại Cannes mà thôi? Biết đâu, tôi nghĩ bụng, hai đứa chúng nó thật ra chỉ có vẻ mặt giễu cợt ấy đúng vào khoảnh khắc chụp ảnh tại Cannes thôi, chứ vào lúc khác thì không. Thế mà bây giờ tôi lại làm như thể chúng nó lúc nào cũng như lúc nào, luôn luôn mang bộ mặt giễu cợt như trong tấm ảnh chụp ở Cannes ấy. Nhiếp ảnh quả thật là thứ nghệ thuật quý quái ở thời đại chúng ta, tôi nghĩ bụng, nó buộc ta năm này qua năm khác, thập niên này qua thập niên khác, thậm chí suốt đời, luôn luôn phải nhìn thấy bộ mặt mang vẻ giễu cợt đó, trong khi vẻ mặt ấy chỉ hiện ra độc một lần duy nhất, trong một giây

khắc ngấn ngủi trên một tấm ảnh nào đó, do ta chụp vào một lúc hoàn toàn không nghĩ ngợi, suy tính gì, do một ý nghĩ bất ngờ nào đó đưa đẩy thôi. Và ý nghĩ đột ngột ấy lại gây tác động ghê gớm, vâng, lánh khùng suốt đời. Một tác động không cách gì vô hiệu hóa được nữa, một tác động đôi khi có thể đẩy ta đến tuyệt vọng. Tôi không thể xóa hai gương mặt giễu cợt của hai con em gái tôi nữa, có lần tôi đã bảo Gambetti vậy. Trước mặt Gambetti, hình như tôi đã nhiều lần kêu ca phàn nàn với một cách hèn mạt về hai gương mặt mang vẻ giễu cợt ấy của hai con em gái tôi, kể từ khi chụp tấm ảnh, hai gương mặt từ ngày tôi chụp vào bức ảnh đây, quả thực đã *luôn luôn* giữ vai trò lớn trong đời tôi. *Tấm ảnh khùng khiếp* này, tôi đã nhiều lần nói vậy với Gambetti. Ở đây, tôi mới chỉ nói đến hai gương mặt mang vẻ giễu cợt của hai con em gái tôi thôi đấy, hai gương mặt tôi không thể xóa đi được, không sao lòi ra khỏi đầu óc tôi được nữa, tôi bảo Gambetti. Thế nhưng, tuy tác động có thể sẽ không đến nỗi dữ dội lắm, đi đâu đó cũng có thể xảy ra khi ta xem xét bất kỳ bức ảnh nào khác, như ảnh người quen hay ảnh các nhân vật nổi tiếng mà ta coi là quan trọng chẳng hạn. Anh cứ thử nghĩ đến bức ảnh chụp Einstein lúc ông ta thè lưỡi ra mà xem. Gambetti ạ, tôi không thể nhắc đến Einstein mà không nghĩ đến hình ảnh ông ấy thè lưỡi ra như thế nữa. Tôi không thể nghĩ đến Einstein mà không thấy cái lưỡi ông ta thè ra, cái lưỡi láu lỉnh, ít nhiều ác ý, ông thè ra trên người toàn bộ thế giới chúng ta, không, toàn bộ vũ trụ mới đúng, Gambetti ạ. Cũng như tôi không thể nghĩ đến hình ảnh ông Churchill mà không thấy môi dưới ông ấy trề ra đầy vẻ ngờ vực. Tất nhiên, có phần chắc là Einstein chỉ thè lưỡi với vẻ ác ý và láu lỉnh như thế độc mỗi một lần và cũng có phần chắc là Churchill chỉ trề môi ngờ vực như vậy có mỗi một lần duy nhất đó, đúng vào khoảnh khắc những bức ảnh đó chụp được mà thôi. Ấy vậy mà, tôi bảo Gambetti, lần nào đọc các bài viết của Churchill, tôi cũng chỉ nhìn thấy cái môi dưới của ông ta trề ra đầy ngờ vực như thế, cũng như mỗi lần đọc cái gì đó của Einstein thì lập tức tôi lại ám ảnh, như bị bỏ bùa bởi cái lưỡi ông thè ra trên người thế giới và toàn bộ vũ trụ ấy. Thậm chí tôi còn nghĩ, không phải ông Churchill mà cái môi dưới trề ra ngờ vực của ông ta đã viết ra quyển hồi ký ấy, không phải Einstein mà cái lưỡi thè ra của ông đã phát ngôn những câu nói rung động toàn thế giới. Tôi bảo Gambetti, có dạo tôi đã nghĩ, bây giờ mà làm một bài

tiểu luận về hai gương mặt giễu cợt của con Amalia và con Caecilia thì không chừng, tôi có thể thoát khỏi vẻ mặt ấy của chúng nó cũng nên. Nhưng, tất nhiên tôi gạt ý nghĩ đó đi ngay, bởi vì, rõ ràng đó là một trong những ý nghĩ dớ dẩn nhất của đời tôi. Tôi sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi hai bộ mặt giễu cợt của hai con em gái tôi, hồi ấy tôi đã bảo Gambetti như thế, tôi sẽ phải sống với hai gương mặt ấy suốt đời, cho đến lúc chết. Rất có thể, thảo một bài luận mang tựa đề *Những gương mặt giễu cợt của bọn em gái tôi* hẳn cũng sẽ rất có ích đấy. Nhưng để làm gì chứ? Hồi ấy tôi hỏi Gambetti. Hẳn tôi phải chìm đắm trong cơn buồn chán thật sự ghê gớm thì mới bắt tay soạn một bài luận văn loại như thế. Ngay hai gương mặt của hai đứa em đã cản trở tôi làm việc ấy rồi, tôi bảo Gambetti, hai gương mặt đã từ lâu không để tôi lúc nào được yên. Quả thật là điên rồ nếu nghĩ rằng, tôi ắt sẽ thoát khỏi gương mặt giễu cợt của chúng nó bằng cách xé nát tấm ảnh. Hay hủy nó đi, bằng cách vứt vào lò lửa chẳng hạn. Hoặc dùng kéo, cắt nó ra thành hàng ngàn mảnh. Không, chúng nó sẽ hành hạ tôi còn dữ dội hơn nữa, Gambetti ạ. Còn bố mẹ tôi trong tấm ảnh thứ hai, tôi tự nhủ, lúc hai người trên sân ga Victoria ở London lên tàu đi Dover cũng chẳng đẹp để chút nào, trông đến là thảm hại, lỗ bịch, nhố nhăng. Hai ông bà không mang theo hành lý, chỉ ngoắc ô Burberry trên tay. Ông bố tôi mặc chiếc quần ống chèn, cũ phải ba chục năm có lẽ, mua từ hồi trước chiến tranh ở Wien trong cửa hàng sang trọng của ông Habig nằm trên phố Kärntnerstrasse và, suốt thời Quốc xã, ông đã mặc nó trên người. Hầu như bao giờ tôi cũng thấy ông mặc chiếc quần ống chèn này thì phải, tôi nghĩ bụng. Ngay cả những lúc ông mặc loại quần khác, tôi vẫn thấy ông mặc chiếc quần chèn của hiệu Habig trên người. Ông luôn mồm hô *Heil Hitler* trong chiếc quần chèn ống của ông Habig, một chiếc quần hẳn phải đắt tiền lắm, bởi nó rất bền. Thật ra, tôi nghĩ bụng, chiếc quần trông cũng sáng trọng, nhưng bố tôi mặc trên người thì không sang trọng chút nào, trên người ông, trông nó đến rớm. Trong chiếc quần ống chèn Habig này, bố tôi đã đứng chờ nghênh tiếp tay thủ lĩnh Quốc xã vùng Salzburg ở cổng vào khu nhà quản sự rồi mời ngay tay này đến tàu ngựa, bởi ông tin chắc như thế, ông sẽ gây được ấn tượng tốt đẹp nhất cho tay này về mặt âm cờ khang trang của Wolfsegg cũng như về vai trò ông chủ của chính ông ở Wolfsegg. Các vị Tổng Giám mục, ông cũng đón tiếp trong chiếc quần ống

chẽn này, trông tuy có thô bỉ thật, nhưng hợp thời Quốc xã. Trong tấm ảnh chụp ở London, hai ông bà đang lúc lên toa và mẹ tôi vươn cổ lên một chút, khiến chiếc mũ bà đội trên đầu trông vát vẹo đến quái dị, tôi nghĩ bụng, như thế chỉ được giữ lại bằng mỗi một mũi kim cài mũ nữa thôi. Tại sao tôi lại cất đúng tấm ảnh này của bố mẹ tôi trong ngăn kéo bàn giấy nhỉ, không phải tấm nào khác, mà đúng tấm này - tấm ảnh nực cười và nhố nhăng, chụp bố mẹ tôi ở tư thế hài hước và nhố nhăng như thế. Trong khi, thật ra hai ông bà không phải lúc nào cũng hài hước và nhố nhăng như thế, tôi tự nhủ, thậm chí hoàn toàn khác hẳn - nghiêm nghị, hờ hững, vâng, cố tình ra vẻ lạnh lùng, chứ không hài hước. Trong khi hai chiếc ở Burberry ngoác ở tay ông bà hướng thẳng đứng xuống đất, tư thế hai ông bà lại nghiêng nghiêng về phía trước, đúng tư thế người đang leo lên tàu. Trông ông bà trong bức ảnh đây sờ dĩ nực cười và nhố nhăng như thế, chính là do tư thế nghiêng nghiêng của ông bà, trong khi hai chiếc ở Burberry ngoác ở tay hướng thẳng đứng xuống đất. Chính quy luật trọng lực khiến họ trong giây khắc ấy trở nên hài hước và nhố nhăng. Hai người tất nhiên không hay biết gì về giây khắc họ bị chụp ảnh đó. Hai ông bà dạo ấy không muốn chụp ảnh, song lại bị tôi chụp. Tôi đã từng có trong tay hàng trăm tấm ảnh bố mẹ tôi, nhưng rồi tôi đâu tiêu hủy hết, vứt bỏ tất tậ, chỉ còn giữ lại độc tấm này trong ngăn kéo bàn giấy, tấm ảnh trong đó trông hai ông bà hài hước và nhố nhăng thế này. Tại sao nhỉ, tôi tự hỏi. Có lẽ do tôi muốn bố mẹ tôi hài hước và nhố nhăng như trong tấm ảnh tôi giữ lại thì phải. Tôi cũng muốn có của ông anh tôi một tấm ảnh, trong đó trông gã không đúng như thật sự gã thế nào, mà một tấm ảnh như tôi muốn nhìn thấy gã, ở tư thế lố bịch trên chiếc thuyền buồm ở hồ Wolfgangsee - một gã đàn ông trông cũng điển trai, bỗng chốc trở nên lố bịch, vô tích sự, bần tiện, ngu ngốc và bất lực, vâng, một gã chẳng đáng để tâm. Tôi bao giờ cũng chỉ muốn giữ một tấm ảnh chụp ông anh tôi nực cười thế này, có lần tôi đã bảo Gambetti, tức là tôi muốn có một gã anh trai nực cười, lố lăng, y như tôi muốn có ông bố bà mẹ nực cười, lố lăng vậy, cũng chẳng muốn có hai con em gái, chỉ muốn giữ hai gương mặt mang vẻ giễu cợt của chúng nó mà thôi, Gambetti ạ. Thật là như thế! Nói chung, chúng ta mang trong mình một bản tính quỷ quái, bộc lộ qua cái ta vẫn gọi là chuyện vặt vãnh, không đáng kể, như những tấm ảnh ta thu tập ảnh đây cho thấy. Sự thấp hèn của

ta, sự đều cang, vâng, sự vô liêm sỉ của ta lộ ra rõ rệt đến cỡ nào. Và, chẳng còn nguyên do nào khác ngoài nguyên do ta hèn kém, bởi vì, nếu ta thật sự trung thực, thì ta phải thừa nhận rằng ta, chính ta, kém cõi hơn tất cả những ai ta muốn thấy họ kém cõi, ta lỗ lã, bạc nhược, tằm thường hơn tất tạt những ai ta muốn thấy họ như thế. Không phải họ, chính ta trước hết, mới là kẻ bạc nhược, kẻ lỗ lã, tằm thường, đáng tởm, Gambetti ạ. Chỉ riêng việc tôi cất giữ những tấm ảnh này chứ không phải tấm nào khác của người nhà tôi, mà cất giữ trong ngăn kéo bàn giấy nữa chứ, hòng để có thể lôi họ ra xem xét bất kỳ lúc nào tôi muốn thôi, đã là bằng chứng cho sự đều cang, vô liêm sỉ và tằm thường của tôi rồi. Tôi chỉ cần mở ngăn kéo bàn giấy tôi ra - tôi đã có lần bảo Gambetti như vậy - là tôi đã có thể hả hê nhạo báng hai con em gái đáng ghét mang về mặt giễu cợt rồi, là tôi đã có thể khoái trá chế giễu về lỗi bịch của bố mẹ tôi, hay mỉa mai cay độc đáng điều khổ sở của gã anh trai tôi rồi; vâng, chỉ cần lôi mấy tấm ảnh trong ngăn kéo bàn giấy ra xem xét là tôi đã tự cảm thấy vững vàng hơn trong cơn đốn hèn của chính mình và tự an ủi bằng một hành động phải nói thẳng là xỏ xiên đều cang như thế của chính mình. Qua chuyện này ta thấy con người ta hèn hạ đến thế nào. Ta coi kẻ khác là đê tiện và hèn hạ, rồi viện đủ mọi chứng cứ ra làm bằng, nhưng chính ta, khi tìm bằng viện cứ như thế, chính ta lại đê tiện và hèn hạ hơn gấp bội kẻ khác. Lẽ ra ta phải nhét chính mình vào ngăn kéo dưới dạng vài tấm ảnh nhỏ nhãng và lỗi bịch, ta lại đi cất giữ ảnh người nhà mình, để lúc cần thì lôi ra, hết dùng vào việc bất lương này lại đến việc bất lương khác, tôi bảo Gambetti. Tất nhiên, tôi bảo anh ta, trên đời cũng có người cất giữ ảnh chụp người thân họ ở những thời khắc đẹp đẽ, song, tôi không nằm trong số đó. Tôi chỉ lưu giữ những tấm nhỏ nhãng và lỗi bịch, bởi vì, xét về căn bản, tôi là kẻ yếu đuối và do đó, nhu nhược từ đầu đến chân. Mặc dù mỗi bức ảnh bao giờ cũng là một lần giả mạo thối thiên, vẫn có những tấm ta cất giữ do kính trọng hay yêu thương những người chụp trong ảnh, song cũng có những tấm ta gìn giữ trong ngăn kéo bàn giấy hay treo lên tường chỉ xuất phát từ lòng thù ghét hay từ thói đều cang ta dành cho những người trong ảnh mà thôi. Tôi phải nói, thật đáng tiếc, tôi thuộc loại thứ hai vừa kể ra ở trên, tức là loại đê tiện. Đến độ tuổi nào đấy, tôi nói với Gambetti, khoảng bốn chục gì đó, ta thường có khả năng mình ra sao thì biểu lộ đúng như thế, với tất cả các nét

hèn hạ vốn có - việc mà trước độ tuổi đó, đến trong mơ cũng không bao giờ xảy ra. Ở độ tuổi này, thỉnh thoảng ta để yên cho thiên hạ nhìn sâu một cách đáng sợ vào lòng dạ ta. Ở tuổi tôi, Gambetti ạ, chúng ta đã mở khá rộng những rèm cửa ta từng khép kín hàng chục năm, kín đến mức ta sắp ngạt cả thở, tôi bảo Gambetti. Rồi sẽ đến lúc, những tấm rèm đó sẽ mở toang hết ra, Gambetti ạ. Không biết rồi thái độ bọn em gái tôi sẽ thế nào, tôi nghĩ bụng, khi bây giờ tôi xuất hiện trước mặt chúng trong tư cách người thừa kế và quản lý toàn bộ tài sản bố mẹ tôi để lại? Bây giờ chúng nó cũng sẽ đón tôi, theo cái lối xưa nay tôi vẫn thấy *rất xác xược* ấy ư? Tôi không dám nghĩ tiếp nữa, đành lảng đi. *Những người còn sót lại*, tôi tự nhủ, là hai đứa em gái tôi với tôi. Còn sống sót hóa ra lại là những đứa cả nhà chẳng ai ngờ chúng sẽ sống sót. Cái thằng tôi, từ xưa họ vẫn định ninh và luôn buông lời rửa, sẽ sớm vì *căn bệnh khó thở* mà chết vì chết đập; có đi đâu, chết đâu thì chết, đừng chết ở Wolfsegg là được. Giờ đây tôi nghĩ, rất có thể, có khi còn chắc chắn là khác, *cả nhà* tôi từng suốt ngày suốt buổi ngong ngóng một bức điện báo tin *tôi* chết như thế cũng nên. Rồi cả bọn em gái tôi nữa, cũng sống sót; đây là hai đứa, nói như mẹ tôi vẫn nói, hoàn toàn vô tích sự, cho nên cũng có được ai thật sự để tâm đến đâu. Song, *tôi* chưa bao giờ trông ngóng một bức điện báo tin *bố mẹ* tôi mất cả. Nhiều người thường lo sợ sẽ nhận được bức điện như thế, tôi thì không, tôi chẳng sợ. Ngày này qua ngày khác, phải có tới hàng triệu người sống ngay ngáy với mỗi lo nhận được bức điện tín như thế, báo tin về cái chết của người họ yêu thương hay họ kính trọng, tôi vẫn thường nói với Gambetti như vậy. Còn tôi, tôi chẳng bao giờ lo sợ một bức điện như thế. Khi chúng ta xem xét những tấm ảnh loại như những tấm tôi đang để nằm trên bàn giấy đây, ta thường nghĩ, những người chụp trong ảnh, ít nhất là từ trong ảnh, họ không nguy hiểm gì đối với ta, mặc dù ngoài đời, rất có thể họ là những kẻ dễ gây hiểm họa cho mình nhất. Hiểm họa chết người, chứ không vừa! Những người chụp trong ảnh cao cùng lắm được mười phân, và đến cái lại ta họ cũng chẳng cái được cơ mà. Ta ném vào mặt họ những lời chửi bới kinh khủng nhất mà họ chẳng buồn cãi lại, ta sồn sồn, lòng lộn xía xói họ mà họ chẳng thêm chống trả, ta có thể văng vào mặt họ mọi thứ ta muốn, họ cũng chẳng buồn động chân động tay. Song, chính cái kiêu dũng, bất cần ấy của họ khiến ta điên tiết, càng làm ta lòng lộn.

Ta ngần ngại rửa những người trong ảnh, bởi họ chẳng thèm đáp lại ta, bởi họ chẳng buồn có lấy một lời chống trả, trong khi ta nào có trông đợi gì hơn, nào có vật nài xin xỏ họ cái gì khác đâu, ngoài một lời chống chế. Nói cách khác, ta hung hăng vật lộn với những địch thủ lùn tịt bị thu nhỏ, tôi đã có lần bảo Gambetti, rồi cứ thế mà điên cả tiết. Ta bạt tai những thằng người lùn tí ti, rồi chính vì thế, mọi thứ trong ta đâm ra điên đảo. Thậm chí ta mù quáng lên cơn thịnh nộ, tôi bảo Gambetti, đồ tới tấp lên những cái đầu chỉ to không đến một phân như thế kia, bao nhiêu lời chửi bới thậm tệ và do đó, tự biến mình thành kẻ cực kỳ lỗ bịch. Tôi ngắm nghía bố mẹ tôi trong tấm ảnh, nhìn cảnh tượng hai ông bà, cao chưa đến chục phân, đang leo lên tàu đi Dover tại sân ga Victoria rồi xía xói hai ông bà; tôi bảo, từ xưa đến giờ các vị thật lỗ bịch biết bao, tôi nói thế, nhưng trong khoảnh khắc đó tôi không hề nhận ra mình đã tự biến thành kẻ lỗ bịch ra sao, còn lỗ bịch hơn cả bố mẹ tôi nhiều, nếu quả hai ông bà có khi nào đó từng lỗ bịch như tôi nghĩ, Gambetti ạ. Mà y là thằng ngốc, tôi rửa gã anh trai chưa cao nổi chục phân của tôi. Bọn con gái đáng ghét chúng mày, tôi vặc hai đứa em đứng chỉ nhin nhin bầy, tám phân trên sân hiên ở Cannes. Chụp ảnh một ai đó cũng có nghĩa là chế nhạo người đó vậy, Gambetti ạ. Xét như thế, thì tất tật những ai cầm máy chụp ảnh, ngay cả khi họ hành nghề và thậm chí đã đưa nhiếp ảnh lên đến mức nghệ thuật cũng vậy thôi, đều là những kẻ nhạo báng thiên hạ. Nhiếp ảnh, tự nó, là sự nhạo báng láo xược nhất ở đời, sự nhạo báng tột cùng nhằm vào toàn thể thế giới này. Thế nhưng, tôi bảo Gambetti, thời nay, số người chụp trong ảnh phải nhiều gấp trăm lần số người thật ngoài đời - hay nói cách khác - nhiều gấp trăm lần số người tự nhiên. Đó là sự thật, buộc ta phải ngắm nghĩ. Vừa hai hôm trước chứ đâu, sau khi từ Wolfsegg quay về, tôi nói với Gambetti, tôi rất mừng trở lại đây, thoát khỏi cái phương bắc cùng bao nhiêu thứ ngu si điên độn ở đấy ít lâu. Tránh xa nanh vuốt gia đình tôi, xa bà mẹ lúc nào cũng sồn sồn, lẫn ông bố suốt ngày suốt buổi nhấm nhẩn, cũng như tránh cái thời tiết khó chịu ở đất nước ấy. Một năm mười hai tháng thì ở đấy, đã mất chín tháng thời tiết xấu. Và, nếu chúng tôi ở đấy khắp khởi mừng, tưởng đã sang xuân, thì cũng mất cả vài tháng nữa, xuân mới thật sự về, để rồi lại chuyển ngay sang hè. Mà mùa hè thì mỗi ngày một ngắn đi. Rồi mùa thu, thật ra là mùa đẹp nhất ở đấy, hóa ra lại là mùa khiến dân chúng ở cái xứ bị thời tiết xấu

hoành hành ấy phải khốn đốn, nhất là những ai chẳng may mắc bệnh gout hay bệnh phong thấp, bởi vì những cơn giông, trận bão thay nhau liên tiếp xộc tới, những ngọn gió lạnh như băng mới tháng Mười đã tràn về - sẽ chỉ hành hạ đời họ mà thôi. Ấy là chưa nói đến những mùa đông khinh khủng, là những lúc mọi thứ ở đó trở nên không thể chịu đựng được nữa với những ai ngoài ba mươi tuổi. Ấy thế mà dân tình ở đây nào có biết họ đang hưởng vùng khí hậu tuyệt vời ra sao đâu, họ cứ nằng nặc muốn đến vùng phía bắc mát lạnh, họ khao khát rừng thông, họ thèm thuồng hồ nước trên núi, ao ước không khí trong lành vùng Núi Cao. Anh thấy không, Gambetti, người này ao ước về phương nam, kẻ khác lại thèm lên phương bắc, rốt cuộc ai cũng bất hạnh, vâng, thôi thì cũng còn may là ai cũng bất hạnh như ai. Còn tôi, lúc này tôi cứ tận hưởng bầu không khí tươi mát mà ấm áp ở đây cái đã, giữa những con người ồn ào nhưng dễ chịu, chia sẻ với họ lối sống *thảnh thơi vô tư lự* ở chốn này. Ở Wolfsegg tôi phải khoác áo khoác mùa đông sù sụ, còn ở đây, chỉ một áo sơ mi mỏng phanh ngực, quàng thêm trên vai chiếc áo len mỏng là xong. Khác biệt là ở chỗ đó. Ở đây, dân chúng không phải khâu trên người cả đống quần áo, không phải xỏ giày nặng trĩu, không phải choàng nhiều lớp áo dày, không phải đội mũ lông, mũ nỉ trên đầu - suốt cả năm, người ta chỉ cần mặc quần mỏng áo nhẹ ra phố, và gần như suốt năm, lúc nào họ cũng và có thể thoải mái ăn uống ngoài trời. *Còn lâu!* Tôi vẫn nghe văng vẳng tiếng tôi kêu to lên, còn lâu tôi mới lại về Wolfsegg. Bây giờ bức điện này lại buộc tôi phải tức tốc quay về đây. Đó là việc đương nhiên! Song, tôi lại nghĩ tôi có thể trì hoãn cái việc không thể cưỡng lại, không thể trốn tránh ấy bằng cách tuyệt nhiên không làm gì hết, cứ thế ngồi lì ra bên bàn giấy và xem xét mấy tấm ảnh này. Suốt buổi, tôi không rời mắt khỏi chúng, nhìn xoáy thật sâu, sẫm soi từng li từng tí. Bức điện tín, tôi trải rộng ra bên cạnh, để dòng tin báo tử ngán ngùi luôn hiện trước mắt tôi và không ngừng lăm lăm đánh vần đi đánh vần lại dòng chữ ấy cho đến lúc tôi tưởng sắp phát điên. Khác hẳn tôi, gã anh tôi vốn trầm tính. Ở Wolfsegg, tôi bao giờ cũng là *kẻ không chịu ngồi yên*, còn gã *đưa trầm tĩnh*. Bố mẹ tôi thường vẫn xem gã là đứa trẻ mãi nguyền, còn tôi - kẻ bất mãn. Hể hai anh em có gây chuyện gì, ông bà cứ nhắm đầu tôi mà đổ lỗi; gã thanh minh, biện bạch thế nào, ông bà cũng tin ngay, còn tôi có huyền thuyên nhiều gấp bội ông bà



vẫn bỏ ngoài tai. Nói ví dụ, tôi chẳng may đánh mất một số tiền, trước đó ông bà không rõ vì sao lại giao cho tôi giữ chẳng hạn, họ liền lập tức không tin tôi đánh mất, dù tôi có thể thoát thế nào cũng vậy. Ông bà không tin tôi, nghi tôi lấy tiền đút túi và giả vờ bảo mất, còn anh tôi, gã bảo gã mất tiền, ông bà khắc tin ngay. Ví dụ, gã bảo gã đi lạc trong rừng, ông bà tin gã ngay lập tức. Còn tôi, nếu có nói y như gã đi nữa, họ cũng chẳng đời nào tin. Bao giờ tôi cũng mất nhiều công, tổn lắm lời thanh minh, phân trần chuyện này chuyện nọ. Một bữa, gã anh tôi đẩy tôi ngã xuống cái ao phía sau ngôi biệt thự trẻ thơ. Chẳng biết vô tình hay cố ý, nhưng rõ ràng, gã ấy tôi xuống ao lúc đi ngang qua tôi trên bờ ao, nơi hai anh em đang chơi nghịch trên đấy. Vì bờ ao hẹp, hai đứa không thể sánh đôi trên đó được. Tôi phải gắng hết sức giữ sao cho mình nổi trên mặt nước, chứ không để bị chìm xuống. Quả thực lúc đó tôi rất sợ, không khéo mình chết đuối mất, nhưng trong đầu tôi cũng thoáng ngay ý nghĩ, gã anh tôi cố ý đẩy tôi xuống ao, chứ không phải do gã vô ý hay vụng về gì. Trong lúc vật lộn với cái chết, ý nghĩ đó cứ xoáy vào đầu tôi. Muốn cứu tôi, anh tôi lúc ấy không thể không liều mạng, đúng, phải liều mạng thật. Vâng, thì dĩ nhiên, gã cũng có tìm cách kéo tôi vào bờ thật, nhưng vô hiệu. Cái ao khá sâu và đứa trẻ nào chắc chắn cũng sẽ chết đuối, nếu nó không tìm cách giữ mình nổi trên mặt nước, tôi bảo Gambetti. May sao, đúng lúc tôi chắc mười mười, mình chết chìm đến nơi rồi, thì tay tôi vớ được chiếc vòng bằng sắt gắn ở bờ ao để leo lên bờ - chiếc vòng sắt nằm dưới mặt nước, vốn dùng để buộc chiếc thuyền con con trước đây vẫn bập bênh một dạo trong cái ao này. Về đến nhà, bố mẹ tôi lập tức căn vặn, làm sao tôi ướt như chuột lột từ đầu đến chân thế kia, thì tôi - để đỡ cho ông anh - lại không nói thật, chỉ nói cụt lủn, con vô ý ngã xuống ao. Hai ông bà lập tức lờ lên, à, mà cố ý nhảy xuống ao cho anh mà gặp rắc rối chứ gì. Tôi cãi lại, không, con chẳng may ngã xuống đấy, thì ông bà mắng tôi sa sả, bảo tôi dối trá, rồi kéo gã anh tôi vào lòng như thể muốn che chở, an ủi gã và quây quây đuổi tôi vào bếp, nhanh lên, trút ngay quần áo ướt ra, mặc quần áo khô ráo vào. Suốt lúc ấy, gã anh tôi không mở miệng nói một lời. Thôi, gã không nói sự thể thế nào thì cũng được đi, nhưng một lời thôi, giúp tôi thanh minh, rằng không, tôi chẳng có lỗi gì khi chẳng may ngã xuống ao, gã cũng không thêm nói. Gã đứng đưng trước cảnh tôi bị mắng oan, mặt mũi tỉnh bơ, đã

không buông một lời nào bênh vực tôi thì chớ, lại còn dúi đầu vào vạt váy mẹ tôi như muốn tìm nơi che chở, khiến tình thế của tôi đã khốn nạn lại càng khốn nạn thêm. Nếu tôi chẳng may có ngã r ã làm rách tất, thế nào ông bà cũng mắng tôi sa sả vì tội làm rách đôi tất, chứ không bao giờ nghĩ đến chuyện an ủi tôi, do ngã như thế mà sứt cả đầu gối, róm máu đến là đau. Họ mắng mỏ, xỉ vả tôi hàng giờ liền và thậm chí tối đến, lúc chính tôi cũng quên vỡ ngã đau của mình từ lúc nào lúc nào r ã, thì ông bà lại lôi chuyện đó ra đay nghiến tôi, cứ như thể họ lấy chuyện nhiec móc tôi, khiến tôi phải phát khóc lên, làm trò tiêu khiển không bằng. Gã anh tôi, chỉ xây xước tí ti thôi, ông bà đã xuýt xoa, an ủi rối rít, chứ tôi có sứt cả đầu mẹ cả trán họ cũng mặc kệ. Bởi vì ông bà nghi tôi hay mò đến chơi lâu ở chỗ thợ làm vườn, cho nên hai vị rất hay đe trước, ông bà không muốn tôi đến chỗ thợ làm vườn, bởi hai vị e họ sẽ *làm gương xấu* cho tôi, ông bà thích tôi đến chơi chỗ cánh thợ săn nhiều hơn, ông bà nghĩ đám này sẽ nêu gương tốt cho tôi. Còn tôi, như đã nói, tôi lại ghét đám thợ săn, tôi chỉ quý thợ làm vườn và chỉ thích đến chơi với họ thôi. Bố mẹ tôi mà biết tôi đến chơi chỗ thợ làm vườn là thế nào ông bà cũng mắng mỏ nặng nề, r ã trách mắng luôn cả cánh thợ làm vườn, đổ lỗi họ dụ dỗ tôi, bởi vì dưới mắt ông bà, đi lại chơi bời với cánh thợ làm vườn chỉ có hại - nói như mẹ tôi - chứ không được tích sự gì. Nếu anh tôi lân la đến chỗ thợ săn, bao giờ ông bà cũng lại khen giỏi, bố mẹ rất hài lòng thấy con đến chơi với thợ săn. Và, bao giờ ông bà cũng cố ý làm sao để tôi phải nghe thấy mới được, làm sao tôi phải cảm thấy bị xúc phạm mới sướng. Cũng có lần tôi đến chỗ thợ săn - tôi không nhớ lý do nào khiến tôi đến đó, chứ không đến chỗ thợ làm vườn, vâng, vì lý do nào, quả tôi không nhớ nữa thật, lúc bố mẹ hỏi tôi vừa đi đâu về tôi liền đáp, con ở chỗ thợ săn về. Đã không tin thì chớ, bố còn giáng cho tôi cái bạt tai ngay trước mặt thằng anh tôi nữa chứ. Hấn biết rành rành tôi vừa ở đó về, vì hấn cùng tôi đến đó về chứ đâu, nhưng hấn chỉ lặng thinh, không nói lấy một lời đỡ giúp tôi. Kể cả mẹ tôi có quả quyết tôi nói dối, r ã cho tôi cái bạt tai trời giáng, thì hấn vẫn thản nhiên như không, một mực làm thinh, mặc dù hấn biết thừa tôi nói thật. Ngay cả khi lớn lên r ã, vâng, tôi còn nhớ rất rõ mà, bố mẹ tôi cũng chẳng hề tin tôi. Nếu tôi có bạn bè đến chơi r ã sau đó, ông bà vắn hỏi tên tuổi những ai vừa đến, thì dù tôi có nêu đúng tên gọi đúng tuổi tất cả những ai vừa đến

chơi về họ vẫn không tin mới khở. Hai vị cứ một mực khẳng khẳng, họ biết thừa ai vừa đến chơi tôi, chỉ có đi đâu chắc chắn đấy không phải người tôi vừa khai ra với họ. Nếu tôi có ở Weis về và, khi hai vị hỏi vừa ở đâu về tôi đáp, con ở Weis về thì họ liền quả quyết, không phải anh vừa ở Weis; chúng tôi biết thừa anh vừa ở đâu, ở Vocklabruck, ở Linz, ở Styer, chứ chắc chắn không phải ở Weis và anh đừng có mà hòng dạy khôn chúng tôi. Hai vị không bao giờ tin tôi lấy một lời, bao giờ họ cũng nhìn tôi như nhìn một thằng dối trá, không phải hạng dối trá vặt bình thường, mà - như mẹ tôi vẫn rủa - hạng dối trá bầm sinh, dối trá tụt lút lòng. Anh làm gì suốt ngày trong thư viện thế? Các vị vặn tôi, mỗi khi bắt gặp tôi từ thư viện ra, bất kể từ thư viện nào trong số năm thư viện gia đình. Thư viện nào đối với các vị cũng đáng ngờ, bởi quả thật chỉ có một mình tôi thường xuyên vào thư viện mà thôi. Chắc chắn anh vào đấy làm gì khác chứ không phải để đọc sách! Ông bà sẽ nói thế rồi dứt khoát đòi tôi phải trả lời ngay. Dù tôi có thề thốt thế nào với các vị thì thề thốt - quả tình con vào đấy chỉ cốt để đọc sách - đâu chẳng ăn thua. Anh vào đấy, cốt để theo đuổi *các suy nghĩ xấu xa mất nết* chứ gì, bao giờ mẹ tôi cũng sa sả toàn những lời kiêu như thế, không thèm nghe tôi thanh minh, không, con vào thư viện đọc sách thôi, ngoài ra con không làm gì khác trong ấy cả. Tôi bao giờ cũng một mực thề thốt, tôi vào thư viện chỉ để đọc sách, ng ỡ trong đó bao lâu cũng chỉ là để *đọc sách* thôi. Song, bà không chịu yên, sừng sộ mắng tôi là thằng nói láo rồi lần nào cũng như lần nào, hằm hằm quả quyết, tôi vào thư viện cốt thả hồn theo *các ý nghĩ xấu xa mất nết*. Ấy thế, nhưng nếu tôi có bẻ lại, vậy chứ thế nào là *ý nghĩ xấu xa mất nết*, thì bà lại chẳng đáp mà tru tréo lên, như bà vẫn chửi tôi h ỡ tôi còn niên thiếu, nào tôi là thằng chuyên gây rối, nào tôi trâng tráo, xỏ xiên, dối trá; rồi bà ùng ùng bỏ đi, mặc tôi tro ra đó một mình. Bao giờ bà cũng nghi tôi đang đeo đuổi *các ý nghĩ xấu xa mất nết*, mặc dù chính bà cũng không biết *các ý nghĩ xấu xa mất nết* ấy là gì. Nhưng nghi ngờ mãi thành quen, bà cứ đồ riệt cho tôi cái tội ấy, ngay cả khi khách khứa đông người, bà cũng chẳng tha. Bên bàn ăn, trước mặt bao nhiêu người lạ, phần lớn là những người tôi chẳng ưa tí nào - những người thuộc cái giới gọi là giới trung lưu ở các thị trấn lẻ nằm rải rác xung quanh Wolfsegg bà từng giao lưu từ dạo bé tí đến giờ - bà cũng chẳng ngần ngại rêu rao tôi đeo đuổi *các ý nghĩ xấu xa mất nết*. Tôi phải nói ngay, mẹ

tôi sở dĩ yêu cung gã Johannes anh trai tôi, trước hết vì gã chẳng bao giờ có nhu cầu vào thư viện. Lúc nào bà cũng luôn mồm, Johannes không vào thư viện đeo đuổi các *ý nghĩ xấu xa mất nết* làm gì, nó đến nhà thợ săn chơi, ở đấy vui hơn. Tôi nào có lạ các thú vui ở khu nhà cánh thợ săn, rất những trò hạ đẳng, xỏ lá, xỏ xiên. Cánh thợ săn ở đấy có lối vui đùa đùa giả và hèn hạ, họ nhai đi nhai lại các câu chuyện tiêu lâm thô tục, bản thủ và tằm thường đến mức, hay ho đâu tôi chẳng thấy, chỉ thấy bản tai. Trong khi các câu chuyện tiêu lâm thô lỗ, bản thủ từ đầu đến cuối, tằm thường và hạ đẳng ấy là nguyên nhân chính khiến tôi ghê tởm khu nhà cánh thợ săn, thì chính đó lại là trò mẹ tôi thích thú. Bà không khoái gì hơn khoái nghe loại chuyện tiêu lâm như thế, lần nào như lần này, mỗi khi rời khỏi khu nhà thợ săn, bao giờ bà cũng do cười quá nhiều mà rơm rớm cả nước mắt, khiến đến như bố tôi mà cũng phải thấy là nhố nhăng. Bà luôn mồm bảo tôi, sao anh chỉ thích đến nhà thợ làm vườn, nhạt nhẽo, chán chết đi được ấy. Đấy đúng là kiêu của bà. Bà chẳng hề thấy nhạt nhẽo tí nào khi bà suốt đêm cùng thợ săn lè nhè vài bài hát ngu xuẩn, khi bà cùng ngồi chen vai sát cánh sát sàn sạt với bọn họ trên một chiếc ghế băng chật hẹp nào đó rồi mặc cho bọn nó, chẳng những được tha hồ buông lời tán tỉnh cợt nhả, mà còn - vâng, tôi phải nói thật - khi đã về khuya, không cần nề nang, giấu giếm gì nữa cứ việc thả sức hết sờ đùi lại bóp mông bà. Nếu gã anh tôi làm xong bài tập ở nhà rồi trình bố mẹ xem, thì thế nào ông bà cũng lại khen, bài con làm vậy rất tốt; đến lượt tôi trình bài tôi làm, thì hai vị khắc bới lông tìm vết, không lỗi chỗ này, thì sai chỗ nọ, và luôn miệng máng mỏ tôi về tội chữ xấu, như ông bà vẫn nói, khó đọc chết đi được. Gã anh tôi vác được điểm tốt về nhà là hai vị lại y như rằng khen lấy khen để, còn tôi, nếu có khoe điểm tốt đến giới, hai vị cùng lắm cũng chỉ miễn cưỡng thưởng cho cái gật đầu là hết. Tôi còn nhớ, bố mẹ tôi bao giờ cũng cho gã anh tôi dùng loại vỏ chăn, khăn trải giường thượng hạng, ngược với tôi, chỉ được dùng thứ đã cũ sờn, gối của gã cũng là loại tốt nhất, còn của tôi thì vá chằng vá đụp. Tất tể mang ở chân, tôi cũng phải mang lâu hơn gã, áo khoác mặc ngoài, áo khoác mặc trong đều vậy cả. Nếu tôi có xin cho tôi được mặc quần áo mới, như gã anh tôi, cũng vô ích; với gã - nếu tất ngắn, tất dài, áo khoác trong, áo khoác ngoài, vân vân và vân vân của gã có hơi sờn hay chớm bẩn - liền được các vị cho phép sắm thứ mới ngay. Với

tôi, ông bà chẳng cho phép. Hai vị vẫn bảo tôi *hoang*, trong khi ông bà chẳng bao giờ mắng gã anh tôi *hoang* cả. Bố mẹ tôi, tôi tin chắc như thế, không bao giờ đối xử công bằng với tôi, bởi vì, ngay từ thời tôi còn thơ ấu, hai ông bà đã có cảm giác e ngại rằng tôi hơn hẳn họ. Tôi không rõ cái gì đã khiến ông bà e ngại như thế. Chỉ ông bà nội hồi xưa là công bằng, ông bà đối xử với tôi và Johannes như nhau, không hề phân biệt đứa cháu nào hơn đứa cháu nào. Có thể nói, thời ông bà nội tôi còn sống là thời sung sướng nhất của hai anh em chúng tôi ở Wolfsegg. Cũng phải thôi, có lần tôi bảo Gambetti, ông bà nội tôi quả thật không thiên vị bất kỳ ai. Ông bà tôi vừa mất là tôi liền có ngay cảm giác, bố mẹ tôi muốn trừng phạt tôi, chỉ vì ông bà cứ nghĩ định ninh trong đầu rằng tôi thường được ông bà nội nuông chiều hơn anh tôi. Nhưng, đâu có phải vậy; bố mẹ tôi, nhất là mẹ tôi, cứ suy ra thế thôi. Mọi sự cứ như thế, sau khi ông bà nội mất, bố mẹ tôi bảo nhau, giờ ta phải chăm nom thằng Johannes nhiều hơn, vì nó vốn vẫn bị ông bà nội hắt hủi, ta phải chiều chuộng nó nhiều hơn, bởi nó thường bị ông bà nội ghét bỏ và bao nhiêu lâu nay nó phải tủi thân vì ông bà nội nuông chiều thằng em nó - tức là cái thằng tôi đây - nhiều hơn. Song, gã anh tôi không hề bị ông bà nội hắt hủi bao giờ, cũng như tôi không được ông bà nội chiều chuộng hơn. Sự thật là thế! Song, bố mẹ tôi cứ một mực định ninh ông bà nội cưng chiều thằng tôi và hắt hủi thằng anh, và từ đó trở đi, hai vị đờng lòng, tìm mọi cách cho tôi phải thấm được điếu họ suy diễn tưởng tượng ra đó, mặc dù tôi thừa biết điếu đó không đúng với sự thật chút nào. Vâng, từ ngày ông bà nội tôi mất, bố mẹ tôi mỗi ngày một tỏ ra yêu thương, chiều chuộng gã Johannes nhiều hơn, trong khi đối với tôi thì ngược lại, ông bà mỗi ngày một thêm ghét bỏ. Và, cả lối thiên vị mỗi ngày một tăng của hai vị dành cho gã Johannes anh tôi, lẫn sự ghét bỏ ông bà đổ lên đầu tôi, quả thực, đầu dần dần làm tôi không chịu nổi. Nói cách khác, ngắn gọn hơn, thì ông bà thương thằng anh tôi và ghét cái thằng tôi, có vậy thôi. Lúc đứng trên đỉnh Pincio, tôi bảo Gambetti, điếu hết sức quái đản là chính trong cái nhà có đến những năm thư viện như nhà tôi mà tư duy, cùng đời sống tính thần nói chung, chẳng những bị coi nhẹ, mà còn thật sự bị khinh rẻ. Đối với những người từng bắt tay xây nên Wolfsegg và sinh sống ở đó trước tiên, tôi buộc phải nghĩ vậy, hẳn là một thư viện thôi chưa đủ. Họ hẳn phải có một nhu cầu tự nhiên, hướng tới trí tuệ cũng như

cuộc sống tinh thần và chính họ hẳn cũng phải là những nhà tư tưởng say sưa cu ồng nhiệt, những người - tôi tin chắc như thế - hẳn đã lấy tư duy và hoạt động trí óc làm hoạt động sống chính yếu, như vô số tài liệu còn được lưu giữ đây cho thấy rõ đi ầu đó. Họ hẳn phải chắc chắn một niềm tin rằng, đỉnh cao của cuộc đời mỗi người là các hoạt động trí tuệ, là các hoạt động tinh thần, Gambetti ạ, chứ không phải là các mối bận tâm t ần thường, không phải là các hoạt động vớ vẩn thường nhật như bố mẹ, anh em tôi hàng ngày vẫn l ẫn vào. Kỳ diệu làm sao cái thời xa xưa ấy, cái thời trí khôn được nâng lên t ần tư duy và, như ta vẫn biết, tư duy trở thành đi ầu r ần tối thượng. Ngày nay, mọi thứ hôm xưa từng làm Wolfsegg nổi bật lên, đi ầu đã bị khô héo, tàn lụi, bởi chúng đã bị hậu thế, lớp này qua lớp khác, khinh nhờn, miệt thị, hay nói cho đúng hơn là, trong thế kỷ vừa qua và nhất là trong mấy thập niên gần đây, mọi thứ đó đã bị chúng đạp xuống bùn đen. Vậy mà, tôi bảo Gambetti, các thế hệ xưa kia từng lập nên ở đó không phải một, mà những năm thư viện, hai thư viện t ầng trên, một cái bên trái, một cái bên phải, hai thư viện t ầng dưới, một cái bên trái, một cái bên phải, còn thêm thư viện trong ngôi biệt thự trẻ thơ nữa. Suốt hàng thế kỷ qua, các thư viện đó đã dành chỗ cho mọi ngành khoa học xã hội, cho mọi trường phái tư duy, cho mọi loại hình nghệ thuật khác nhau. Một lần, Gambetti ạ, tôi chui vào thư viện t ầng trên, phía bên trái, để đọc cuốn *Luật sư Siebenkäs* của Jean Paul, cuốn sách chú Georg tôi đặc biệt yêu thích. Tôi đọc hàng giờ liền và dần dần quên hết mọi thứ xung quanh, thậm chí quên cả một việc - thay vì vui đi ầu đọc *Luật sư Siebenkäs* như lúc ấy - lẽ ra tôi đó phải có mặt giúp mẹ tôi sắp xếp đóng thư từ của bà. Tôi quên khuấy mất rằng, theo lệnh bà, đúng sáu giờ chiều thứ Bảy hàng tuần, tôi phải có mặt tại căn phòng gọi là phòng làm việc của bà, để giúp bà phân loại, sắp xếp các loại thư từ. *Luật sư Siebenkäs* trong thư viện bên trái của t ầng trên, quả thật, đã làm tôi quên sạch mọi thứ, thậm chí cả lệnh của mẹ tôi. Thứ Bảy nào cũng như thứ Bảy nào, từ sáu đến bảy giờ tối, bà ngồi trong phòng làm việc và bắt tôi, hoặc Johannes, luân phiên nhau, sắp xếp và phân loại thư từ suốt tuần qua gửi đến cho bà, đúng theo thứ tự trước sau, xét theo ngày đến. Sắp xếp xong đâu đấy, tôi phải đặt tập thư từ vào một chỗ nhất định trên bàn giấy của bà. Trong lúc tôi sắp xếp thư từ cho bà như thế, tôi thường có cơ hội thông thả nói chuyện với mẹ tôi, những cơ hội thông

thường chẳng bao giờ có. Trong lúc tôi sắp xếp thư từ, bà hí hoáy viết lách và cho tôi đọc dịp thừa mọi chuyện với bà. Không bao giờ có dịp nào khác. Mặc dù bà không ưa tôi hỏi chuyện này chuyện nọ, bởi bao giờ bà cũng bảo tôi chuyên hỏi lời thôi, rắc rối. Thế nhưng, những lúc sắp xếp thư từ như thế, tôi vẫn được phép hỏi bà chuyện này chuyện nọ, và bà cũng đáp lại tôi thật. Nói cho cùng, những lúc sắp xếp thư từ như thế trong phòng giấy của mẹ tôi, vào khoảng thời gian chưa đầy một tiếng đồng hồ trước khi ăn tối ấy, là những dịp may duy nhất cho tôi được gần bà. Những lúc ấy, cũng có khi bà thường cho tôi đôi lời thân mật, vâng, thậm chí còn âu yếm nữa là khác. Vào những lúc sắp xếp thư từ đó, thường tôi cũng cảm thấy yêu mẹ tôi thật, yêu tự đáy lòng là đằng khác. Nhìn nghiêng, tôi thấy khuôn mặt mẹ những lúc đó thật đẹp, mặc dù lúc khác, vẻ mặt tâm thường của bà vẫn hay làm tôi bối rối. Chiếc đèn bà thắp trên bàn giấy hắt ánh sáng lung linh yếu ớt lên mặt bà, làm gương mặt đẹp hẳn lên, tôi bảo Gambetti lúc đứng trên đồi Pincio, ánh đèn lúc ấy thật nhân từ, độ lượng với bà. Vào những buổi tôi sắp xếp thư từ rồi đặt chúng lên bàn cho bà như thế, đôi khi bà ngẩng lên, và gần như là triu mến, bà đưa tay xoa đầu tôi. Song, cũng ngay giây phút đó, như thể chợt thấy ngỡ ngàng vì một cử chỉ như thế, bà đã rút ngay tay lại, rồi đuổi tôi đi. Lúc ấy, như thể bà chợt nhận ra đó là tôi, chứ không phải Johannes, nên bà rút ngay tay về và quay lại với đồng thư từ của bà. À, nhưng tôi đang định kể anh nghe chuyện khác, Gambetti nhỉ, tôi nói với anh ta trên đồi Pincio. Vâng, tôi chui vào thư viện tầng trên, phía bên trái, đọc cuốn *Luật sư Siebenkäs* rồi quên khuấy việc sắp xếp thư từ. Lúc tôi sực tỉnh khỏi cơn mê mải *Luật sư Siebenkäs* và ít nhiều hoảng hốt đặt quyển sách sang một bên thì đã chín giờ tối. Rồi tôi rời thư viện, là nơi - như anh đã biết - lâu nay tôi vẫn bị cấm lai vãng để vội vàng lần xuống nhà với mọi người, lúc ấy đã xong bữa tối từ lâu. *Luật sư Siebenkäs* đã cuốn hút và buộc chặt tôi ngã bất động vào chiếc ghế trong thư viện suốt năm tiếng liền và tôi, không những chỉ quên sắp xếp thư từ, mà cả bữa ăn tối cũng quên nốt. Tôi xuống dưới nhà, Gambetti ạ, thấy cả nhà đang ở trong gian phòng vẫn gọi là phòng khách màu lục, và thoáng nhìn tôi biết ngay, ai nấy chỉ còn chờ tôi lộ mặt trình diện. Thấy tôi bước vào, không ai nói một lời. Được một lúc, trong khi gã Johannes anh tôi, đứng như tôi lưỡng lự trước, hóng hớt với vẻ mặt há

hê hết sức đáng ghét, mẹ tôi - mắt không thèm nhìn tôi - nghiêm giọng hỏi, tôi đi đâu, tại sao không đến sắp xếp thư từ cho bà, làm sao lại dám láo xược và vô lễ đến mức không những ngang nhiên trốn việc sắp xếp thư từ, lại còn trâng tráo bỏ cả bữa ăn tối như thế. Bởi vì, chẳng có lý do nào, ít nhất cũng là những lý do bà có thể chấp nhận được, khiến tôi bỏ bê công việc sắp xếp thư từ, và để mặc bà ăn tối một mình, lại còn khiến cả nhà phải lo cuống lên vì không biết tôi biến đi đằng nào, làm cả nhà lo sợ, tưởng tôi lâm nạn khủng khiếp ở tít tít những đâu. Và, liệu tôi có hiểu rằng, tôi đã làm mọi người, nhất là bà, mẹ tôi, sợ chết khiếp không. Theo bà, không hề có lý do nào cho phép tôi không đến sắp xếp thư từ, cũng như không hề có lý do nào cho phép tôi bỏ bữa ăn tối. Cho đến lúc đó, mẹ tôi vẫn chưa thèm nhìn mặt tôi. Bỗng bà đột ngột nhìn xoáy vào mặt tôi rồi nói gần từng tiếng: *Mày là thứ quái vật!* Nếu ta không nhàn thì mày vừa ở thư viện ra! Và mày làm gì trong đấy? Đoạn, bà bĩu tiếp, mày lại đeo đuổi *các ý nghĩ xấu xa, mất nết* của mày chứ gì. BỐ tôi, cùng anh trai lẫn hai đứa em gái tôi, ai nấy đều nhìn về phía tôi, hễ hộp chờ giây phút mẹ tôi ra lời tuyên án. Lúc ấy, tôi vẫn đứng ở cửa, sợ hết hồn hết vía. Đạo ấy, tôi mới khoảng chín, mười tuổi gì đó, tôi cũng không nhớ rõ, Gambetti ạ. Toàn thân tôi run bắn cả lên. Hai con em gái, đạo ấy tuy còn rất nhỏ, nhưng trên mặt cũng không để lộ cái gì khác, ngoài nỗi háo hức, niềm khao khát xấu xa, mong cho tôi sẽ bị mẹ - vốn vẫn ghét cay ghét đắng tôi - ra hình phạt thật nặng. Mẹ tôi hạ giọng hỏi lại, thôi được rồi, bây giờ nói ta nghe, mày làm gì trong thư viện? Tôi đáp, con mãi đọc *Luật sư Siebenkäs* quá. Nghe vậy, mẹ tôi nhảy dựng ngay dậy, cho tôi một bạt tai thật mạnh rồi tức khắc đuổi tôi về phòng ngủ. Hình phạt chính thức là tôi ba ngày không được phép ra khỏi phòng. Mẹ tôi khóa trái cửa phòng và suốt ba ngày liền không cho tôi ăn gì. Tôi ngồi bên bàn và không làm gì khác, chỉ khóc ròng suốt ba ngày đó. Phía ngoài, hai con em tôi chạy qua chạy lại suốt cả ba ngày liền và, trong lòng hả hê không để đâu cho hết, chúng luôn mồm gào *Siebenkäs, Siebenkäs, Siebenkäs*. Bao giờ anh đọc cuốn *Luật sư Siebenkäs*, Gambetti thân mến, tôi bảo anh ta trên đồi Pincio, anh đừng quên câu chuyện nhỏ ấy của tôi. Sau này, tôi quả có đưa cuốn *Luật sư Siebenkäs* cho Gambetti đọc thật. Không biết hiện giờ Gambetti còn nhớ câu chuyện tôi kể không, tôi tự hỏi. Mọi cuốn sách tôi từng đọc ở Wolfsegg đều kèm theo *một câu chuyện*



hậu như thế, đầu gắn với một câu chuyện về sau (hay đến trước nhỉ!) của đời tôi, tôi nghĩ bụng, mặc dù không phải chuyện nào cũng đáng buồn như câu chuyện gắn với cuốn *Luật sư Siebenkäs* của Jean Paul lần đó. Mẹ tôi, Gambetti ạ, thật sự chẳng biết *Luật sư Siebenkäs* là gì, bà chỉ nghĩ, tôi nhạo bà. Tôi nói thêm với anh ta, chắc anh vẫn nhớ dạo mẹ tôi đến Rome, vào dịp mùa thu ba năm trước. Đương nhiên, tôi đưa mẹ tôi đi thăm chỗ này chỗ nọ trong thành phố. Song, bà chán, chán đến tận cổ. Bà chỉ muốn vào các cửa hiệu nổi tiếng, nhất là các cửa hiệu ở phố Corso và Via Condotti. Bà mang theo một danh mục dài ghi tên các cửa hiệu nổi tiếng đó và cứ theo danh mục lần đến từng nơi một. Oái oăm là ở chỗ, danh mục bà lập theo thứ tự chữ cái - một sai lầm tai hại, đến như bà cũng phải sớm nhận ra, vì các cửa hiệu đó nào có nằm cạnh nhau theo thứ tự chữ cái abc cho bà, mà thông thường nằm rải rác rất xa nhau khắp thành phố. Thế là, hai mẹ con đưa nhau đi hết cửa hiệu danh tiếng này đến cửa hiệu danh tiếng khác, phần lớn là các cửa hiệu ở gần Piazza di Spagna; vào cửa hiệu nào, bà cũng mất ít nhất nửa tiếng, tại đa số cửa hiệu, mẹ tôi mất hẳn cả tiếng đồng hồ, khiến tôi phát điên lên được. Mẹ tôi vốn say mê các loại nữ trang rẻ tiền, tôi bảo Gambetti, bởi thế, bà hốt hải chạy hết cửa hàng trang sức này sang cửa hàng trang sức khác, tìm mua không phải một, mà cả đống, nào vòng đeo tay, nào chuỗi đeo cổ, đúng theo sở thích của bà. Chắc anh cũng đoán ra, tôi đã phải miễn cưỡng thế nào khi đi kèm mẹ tôi như thế; nhưng tôi không có đường nào mà thoát thác được cả. Anh cũng biết, tự tôi, tôi rất ghét những ai suốt ngày chỉ nháo nhác chạy đi xem hết tượng đài này đến nhà thờ nổi tiếng khác. Song, tôi cũng phải thú thật, tôi cũng chưa từng thấy một ai thờ ơ tráo đến như thế trước cả một kho tàng văn hóa vĩ đại bày ra trước mắt mình ở Rome như mẹ tôi. Tôi đưa bà vào thăm Thánh đường Thánh Peter và, tất nhiên, bàn thờ Bernini - là bàn thờ tôi ghét nhất hạng - lại làm bà xúc động ra mặt; còn thì, suốt cả bấy nhiêu ngày bà dừng chân ở Rome, ngoài nội thất mấy cửa hiệu đồ trang sức và thời trang nữ, bà chẳng còn biết chỗ nào hơn nữa cả. Bà trọ ở khách sạn Hassler theo lời khuyên của tôi, nhưng bà than phiền khách sạn quá cũ lỗ, bà luôn mồm chê bai hết cái này lại nhắc nhở chỉ trích cái khác của khách sạn, mặc dù Hassler chắc chắn là khách sạn hạng nhất ở Rome, và có lẽ, cũng nằm trong số ba hay bốn khách sạn hạng sang nhất thế giới cũng nên. Không có

thứ gì đủ tốt làm hài lòng bà cả. Rốt cuộc, tôi bảo Gambetti, bà mua không biết bao nhiêu là thứ, hộp lớn hộp nhỏ chất đầy phòng khách sạn, chẳng biết để đâu cho hết nữa. Hai mẹ con chúng tôi nhận được lời mời dùng bữa tối tại nhà bà con, anh bạn Zacchi của tôi, tất nhiên, cũng mời một bữa, tôi bảo Gambetti, nhưng bà chỉ nhận lời đọc một bữa, nhưng không phải bữa anh Zacchi đáng kính mời, như anh có lẽ đã tưởng nhầm, mà bữa tiệc do tay đại sứ Áo mời, chỉ vì bà cho rằng đến đó vinh hạnh hơn, oai hơn, mặc dù, anh cũng thừa biết, đó vẫn là loại dạ tiệc buồn tẻ, nhạt nhẽo nhất từ xưa đến giờ. Đám khách khứa tham dự những buổi chiêu đãi kiểu như thế, thường là đám quan chức ngoại giao đầu óc ngu xuẩn, cùng các phu nhân đầu óc còn ngu xuẩn hơn nữa của họ, những người suốt hai tiếng đồng hồ chỉ biết xào đi nấu lại vài ba câu chuyện xã giao khách sáo và cũ rích. Chắc anh đã bắt đầu sốt ruột, không biết tôi dài dòng kể mấy chuyện này làm gì, tôi bảo Gambetti, tôi sẽ vào đề ngay thôi, vâng, chả là trên đường hai mẹ con từ khách sạn Hassler đến sứ quán Áo, mẹ tôi, chẳng ăn nhập đâu với đâu, bỗng đột ngột hỏi tôi về câu chuyện từ cả hàng chục năm trước ấy. Nay, cái *Siebenkäs* anh đem ra nhạo tôi dạo ấy thật ra là cái gì thế? Tôi bảo Gambetti, vâng, có nghĩa là mấy chục năm qua mẹ tôi vẫn nhớ cái vụ bê bối diễn ra với *Luật sư Siebenkäs*. Tôi nghiệm ra, sự kiện đó in sâu vào ký ức tôi thế nào, thì cũng hằn sâu vào trí nhớ của bà y như thế. Gambetti ạ, lúc đó hai mẹ con vừa ra khỏi Hassler, hòa mình vào một trong những buổi tối tuyệt vời của thành Rome, những buổi tối khiến ta tưởng như đang lọt vào cõi thần tiên nơi thượng giới ấy, thì mẹ tôi vừa bước được vài bước đã gặng hỏi: Anh nói tôi nghe, xem *Siebenkäs* thật ra là cái gì vậy? Tôi đáp, *Luật sư Siebenkäs* là sáng tác của Jean Paul. Bởi Jean Paul là ai bà cũng chẳng biết nốt, tôi liền phải nói thêm rằng Jean Paul là một nhà văn, chính nhà văn đã viết ra cuốn *Luật sư Siebenkäs*. Thế à, mẹ tôi ngạc nhiên, giá tôi biết trước như thế! Tôi lại cứ tưởng *Luật sư Siebenkäs* là trò anh bịa ra trêu tức tôi. Trong lúc tôi trên đường từ Hassler đến sứ quán Áo cứ cười ngất về tiết lộ ấy của mẹ tôi - vâng, quả là tôi có đủ cơ để cười thật - thì mẹ tôi lại lặng thinh suốt cả quãng đường. Nhưng rồi bà cũng lại hỏi thêm, có đúng như thế không, có thật Jean Paul là nhà văn và *Luật sư Siebenkäs* là tác phẩm của ông ấy không. Bởi bà thoát tiên không muốn tin như thế, bởi bà chẳng bao giờ muốn tin tôi cả, Gambetti ạ. Thế

hả, thì ra *Luật sư Siebenkäs* là tác phẩm văn học hả, thì ra Jean Paul là nhà văn hả, mẹ tôi còn lầm bầm mãi một lúc như thế, trên đường hai mẹ con chúng tôi đi bộ đến sứ quán Áo. Được chừng nửa đường, mẹ tôi lại chợt hỏi: thế Kafka cũng là nhà văn à? Vâng, Kafka cũng là nhà văn. Tiếc nhỉ, mẹ tôi nói, tôi lại cứ tưởng đấy toàn những thứ do anh bịa ra. Tiếc thật! Bà không thể yên lòng trước sự thật Jean Paul và Kafka là hai nhà văn đã viết ra hai quyển *Luật sư Siebenkäs* và *Vụ án* thật, chứ không phải là các nhân vật do tôi bịa ra, tất nhiên, bịa ra chỉ để trêu chọc và nhạo báng bà. Như vậy là anh biết tình trạng tri thức người nhà tôi, của Wolfsegg thế nào nhé, Gambetti! Chứa trong nhà li ền một lúc năm thư viện, Gambetti ạ, nhưng không hay biết chút nào về các văn sĩ lớn của đất nước mình, ấy là chưa kể đến bao nhiêu triết gia lừng lẫy từng làm rạng rỡ bao nhiêu thời đại, mà đến tên tuổi họ thôi, mẹ tôi cũng mù tịt. Ông bố tôi tuy có biết đến danh tiếng họ đấy, nhưng họ đã nghĩ suy những gì, đã viết ra các công trình như thế nào, thì ông cũng ăm ớ nốt. Là chủ đi ền trang, bố tôi, nói cho cùng, bao giờ cũng là kẻ thuộc loại mặt hạng, chuyên khinh thường tri thức, một kẻ đặt ngựa bò, gà lợn lên trên hết, chứ không gán cho tri thức chút giá trị nào cả. Giá bố tôi được chọn giữa một bên là hầu chuyện Kant với bên kia là đi nhận một con lợn được vỗ béo ở chợ gia súc nổi tiếng tại Ried im Innkreis, ông sẽ lập tức chọn con lợn, Gambetti ạ. Đạo mẹ tôi đến Rome, tôi không giới thiệu anh với mẹ tôi, vì tôi biết, mẹ tôi sẽ không hiểu anh, anh hiểu không. Bà sẽ chê anh, chẳng hạn, sao anh không thắt cravat, hoặc sao anh lại cấp cuốn giáo trình triết học trên tay, chứ không cấp bảng tính thuế thu nhập. Tôi biết, do vậy mà anh lỡ mất dịp làm quen mẹ tôi. Tối hôm đó, lúc hai mẹ con tôi đến được buổi tiếp tân của sứ quán thì đã khá muộn. Ai nấy đều đã có mặt và chỉ còn chờ có hai mẹ con chúng tôi. Bọn họ đứng đấy cả lượt, bài bác nhau, phô cho nhau hết dòng dõi họ hàng, lại đến các loại huân chương, huy chương, tranh nhau khoe từng làm sứ giả ở Trung Quốc, Nhật Bản, Ba Tư hay Peru và khuấy luôn tay vào quá khứ ngoại giao đã dậy mùi của họ. Họ huênh hoang không ngừng rằng họ chỉ biết có Chúa và thế giới chứ ngoài ra chẳng biết gì hơn, họ than phi ền, dù ở các tư gia thành phố hay trang trại nông thôn, họ đều thấy chán nản và buồn tẻ. Họ bàn về sách vở như bàn về một thứ bánh mì khô vô vị nào đó, họ tỏ ra hiểu biết về cách thức đi ều khiển một dàn nhạc

giao hưởng cũng nhiều như họ am hiểu về Spinoza, họ am hiểu Heidegger cũng lắm càng như am hiểu Dante. Song, ai tinh ý, sẽ có ngay cảm giác, bọn họ quả đã chứng kiến rất nhiều thứ thật, nhưng lại có vẻ như chưa hề thấy một thứ gì ở đời cả. Trong các buổi tiếp tân như thế, mẹ tôi thường vẫn giữ một vai không đến nỗi tồi, bởi bà diễn đã đúng vở, lại nằm đúng khuôn đúng khổ. Và lại, các câu chuyện phiếm vô thưởng vô phạt bà mang từ quê ra phơi bày toàn bộ sự vô nghĩa lẫn lộn bịch của cuộc đời bà xưa nay, bao giờ cũng làm bọn dân thành thị khoái chí. Còn tôi, trong vai tháp tùng, rốt cuộc cũng bị bà biến thành thằng hề và chỉ biết câm miệng đứng đực ra đó, chứ biết nói gì, làm gì hơn. Khoảng mười hai giờ đêm, trên đường từ sứ quán về nhà, mẹ tôi lại hỏi, anh nói thật không đấy, có đúng Jean Paul là nhà văn và *Luật sư Siebenkäs* là sáng tác của ông ấy không. Bà chẳng bao giờ tin tôi bất cứ chuyện gì, Gambetti ạ, cả chuyện này bà cũng không tin nốt. Mẹ tôi đến thăm tôi ở Rome chỉ vì muốn thỏa chí tò mò, tôi bảo Gambetti. Bà chỉ muốn biết xem *tôi sống ở đâu và như thế nào* thôi. Tò mò chịu không nổi, bà cứ thế dùng dùng leo lên tàu đến Rome, chú Georg chắc sẽ bảo, để dò la mọi thứ về tôi ở đấy. Chứ Piazza Minerva đối với bà nào có ý nghĩa quái gì đâu, đền Pantheon cũng chỉ vang lên trong tai bà như một địa danh quái đản và vô nghĩa bà từng loáng thoáng nghe đâu đó mà thôi. Dẫu sao, thoát tiên bà cũng rất lấy làm ngạc nhiên thấy tôi thuê và thực sự chiếm hẳn một căn hộ thuộc loại đẹp nhất thành Rome, nằm *trong một tòa palazzo thật sự* - nói như bà lúc vừa bước vào tòa nhà có căn hộ của tôi ở tầng tư. Ở trên ấy, tôi bảo mẹ, có thể nhìn sang Pantheon rất rõ. Bà liền nóng lòng lên đó ngay. Song, chưa biết căn hộ tôi ở thế nào, bà đã nói *anh ở cứ như ông hoàng thế này*, và lập tức, giọng bà đã đầy trách móc. Đứng trước palazzo, ngược nhìn mặt tường ngoài ốp cẩm thạch, bà trầm trồ *cái công nhà này mới ghê chứ!* Rồi bà nói, tôi cứ tưởng nhà anh ở khác cơ. Tôi đỡ lời, mẹ vào trong rồi chịu khó theo con trèo cầu thang lên tầng bốn vậy, ngôi nhà này không có thang máy, chắc không hợp với mẹ. Bà lên cầu thang, chốc chốc lại dừng và nói *thật đúng y ông hoàng!* Tôi bảo, do ngôi nhà này - chứ tôi không nói lâu đài này - không có thang máy, nên căn hộ thuê tuy rẻ được chút ít - tôi nói tiếp - nhưng tiền nhà vẫn là loại cao nhất ở đây. Ở cầu thang, lúc vọt lên trước, lúc tụt lại sau mẹ tôi vài bước, tôi chẳng ngại nói ra như thế với bà, bằng một giọng, chắc anh cũng

đoán được, ít nhiều hãnh diện và đắc thắng. Cuối cùng hai mẹ con cũng lên được tầng bốn rồi dừng lại trước cửa căn hộ của tôi. Mẹ tôi tỏ ra hơi bối rối khi thấy tôi không cho gắn bảng tên ở ngoài. Sao không có biển ghi tên anh, bà nói, thế thì đến ông đưa thư cũng chẳng biết anh ở đây. Chưa kịp bước vào trong, bà đã nói, *phải rồi, lúc nào anh chẳng muốn sống ẩn danh* và tôi đáp lại, vâng, giữa bàn dân thiên hạ, ẩn được danh, con vẫn thấy dễ chịu hơn nhiều. Đi đâu đó khác hẳn mẹ tôi; bà lúc nào cũng nghĩ cách làm sao nổi lên thành người đặc biệt, mặc dù chính bà, bà cũng chẳng hề biết nét đặc biệt của bà ở đâu. Nhìn tấm ảnh chụp bố mẹ tôi tại ga Victoria ở London đang lên tàu đi Dover, tôi nhớ lại cảnh mẹ tôi bước vào căn hộ tôi ở Piazza Minerva *như thế nào*. Phần do kinh ngạc, phần do sợ hãi, bà không tìm ngay được lời nào để thốt lên nữa, khiến bà trong chốc lát, như hụt cả hơi. Còn tôi, Gambetti ạ, ngay từ lúc đưa tay vặn chìa khóa mở cửa phòng, cũng có lẽ do đang nắm chiếc chìa khóa trong tay, tôi lại chợt nhớ đến một chuyện cực kỳ đáng dẫn xảy ra đã khá lâu. Số là, mẹ tôi hồi ấy không biết làm sao lại để rơi chùm chìa khóa kết sắt của bà ở đâu đó, rồi tìm ở đâu cũng không ra. Bà tìm cả trong phòng bà lẫn các phòng khác, bà sai người làm lục tìm khắp nơi, nhưng vẫn không biết chùm chìa khóa mất đi đằng nào. Thế rồi, bà bỗng nhiên quay ra nghi cho tôi, vì một lý do nào đó bà chưa biết hết nhé, nhưng - như dạo ấy bà lớn tiếng nói - chắc chắn là tôi đã vì một lý do rất hèn hạ, nên giấu biến chùm chìa khóa kết sắt của bà đi. Rồi bà buộc tội tôi, hoàn toàn vô căn cứ, anh hiểu không, rằng tôi - khi biết bà bắt đầu nghi ngờ mình, tức là lúc tôi cảm thấy bị dấn vào đường cùng rồi - đã thủ tiêu chùm chìa khóa, bằng cách vội vàng ném nó xuống cái giếng đào phía dưới cửa sổ phòng bà, xuống cái giếng bỏ không và gần cạn nước cả chục năm nay rồi - anh hiểu không, Gambetti - để khỏi bị bắt quả tang. Và anh cứ tưởng tượng mà xem, Gambetti, mẹ tôi nhất định bắt người chui xuống giếng tìm cho bằng được. Ngay trước mắt mẹ tôi, một ông thợ làm vườn rờng dây cho một ông thợ làm vườn khác lần xuống đáy giếng tìm chùm chìa khóa mà cái thằng tôi, *thứ con cái quỷ Sa tăng*, trong lúc cùng đường chắc chắn đã ném xuống để giấu tội. Tất nhiên, ông thợ làm vườn lần mò xuống đáy giếng không thấy chùm chìa khóa nào cả, bởi nó không thể ở dưới đó được, bởi thật sự không phải tôi, mà chính trí tưởng tượng độc địa của mẹ tôi, trí tưởng tượng luôn nghĩ ra chuyện này,

đặt ra chuyện khác để hành hạ tôi ấy, mới ném chùm chìa khóa xuống đó. Ông thợ làm vườn chui từ dưới giếng lên rồi không ngớt cam đoan, chùm chìa khóa không nằm ở dưới ấy, dưới ấy *không có gì cả*, ngoài chiếc giày cũ đã mục gân rữa mà thôi. Mẹ tôi tức lắm, vì dưới giếng không phải chùm chìa khóa của bà mà chỉ có chiếc giày mục gân rữa, rồi quay ra chửi mắng ông thợ làm vườn. Cả tôi, bà cũng mắng, cũng chửi, và tôi phải nói thật, Gambetti ạ, chửi mắng rất thô lỗ là đằng khác, rồi sau đó, cứ thế nhấm nhẳng, dai nhanh nhách đến tận tối vẫn chưa thôi. Bao nhiêu ngày sau vụ mất chìa khóa và vụ ông thợ làm vườn uống công xuống giếng tìm chùm chìa khóa không thấy đó, bà vẫn hàn học bảo tôi, anh giấu chùm chìa khóa, dù anh không ném nó xuống giếng, thì nhất định anh cũng đều giả *quảng nó đi đâu đó rồi, dù đi đâu cũng vẫn là tay anh quảng*. Gambetti ạ, cho đến tận giờ tôi vẫn còn bị nghi ngờ, nói cách khác là mỗi nghi ngờ ấy vẫn bám lấy tôi. Sau bấy nhiêu năm, mẹ tôi vẫn một mực giữ vững niềm tin, đạo ấy, chính tôi đã thủ tiêu chùm chìa khóa kết sắt của bà. Song, tôi không lấy chùm chìa khóa, anh hiểu không, tôi bảo Gambetti, tôi chả hiểu, vì có gì tôi phải giấu nó, giấu để làm gì. Ngay nghĩ đến một việc như thế, tôi cũng chẳng nghĩ đến, huống hồ làm thật. Hồi ấy, đạo mẹ tôi đến Rome, vừa mới mở cửa cho mẹ tôi bước vào căn hộ của tôi, tôi lại chợt nhớ đến cái vụ xảy ra ngày đó, một vụ tiêu biểu phản ánh rõ ràng hơn bất cứ vụ nào khác về mối quan hệ giữa tôi với mẹ tôi. Đó là một trong những vụ điển hình, có khi điển hình nhất cũng nên, cho thấy thực chất mối quan hệ giữa hai mẹ con chúng tôi là thế nào, Gambetti ạ. Suốt từ lúc mẹ tôi bước vào căn hộ tôi ở, tôi chẳng nghĩ chuyện gì khác ngoài chuyện bà bắt thợ mò xuống giếng chỉ vì bà định ninh tôi bởi một mục đích xấu xa, cố tình ném chùm chìa khóa kết sắt của bà xuống đó. Chìa khóa trên tay mở cửa phòng, tôi nhớ lại và đầu óc tôi như đờ đẫn, không dứt được khỏi cái vụ chùm chìa khóa xảy ra từ hồi xưa hồi xưa ấy. Song, ngay cả khi mẹ tôi hơi bối rối trước sự thần thờ bất thường của tôi - cất tiếng lo lắng hỏi tôi làm sao, tôi cũng không lộ cho bà biết tôi đang mãi nghĩ chuyện gì khác, chứ không phải bận tâm chuyện có mẹ đến thăm. Tôi đáp, *không, có gì đâu mẹ*. Tôi đánh trống lảng, không muốn lộ ra cho bà biết tôi đang mãi nghĩ đến vụ chùm chìa khóa dưới đáy giếng nhiều hơn nghĩ đến chuyện lần đầu tiên bà đến thăm tôi tại căn hộ ở Piazza Minerva. Tôi mà lộ tôi đang mãi nghĩ

những gì, tôi bảo Gambetti, thì thế nào tôi cũng làm nổ ra một cuộc cãi vã khó chịu giữa hai mẹ con về câu chuyện đã cũ mèm từ bao nhiêu năm nay rồi. Mà tôi thì rất sợ phải cãi vã với mẹ tôi, đến tận giờ, tôi vẫn sợ, Gambetti ạ. Đạo ấy, bà để bố tôi một mình ở lại Wolfsegg, mặc dù ông - sau này tôi biết - cũng rất muốn đi với bà đến Rome. Bà một mực khuyên ông ở lại, bà quả quyết không ai thay thế ông ở nhà được. *Lúc thời thế bất yên thế này, làm sao ông bỏ mặc Wolfsegg được chứ* - vừa ngắm nghía tấm ảnh chụp hai ông bà, tôi vừa nghĩ bụng - lần nào cũng như lần nào, đấy là những lời bà nói ra như để trách móc ông chồng. Hoặc, *đang giữa mùa săn bắn thế này, làm sao ông để mặc bọn thợ săn một mình được*, bà bảo bố tôi vậy, rồi chêm thêm vào, khổ lắm, bà nào có thích thú gì khi phải đi một mình đến Rome đâu, từ xưa đến giờ, bao giờ bà chả quen đi với ông, *người che chở* cho bà đến Rome; *Người che chở* cho bà, bà vẫn thường gọi vui ông chồng bà như thế, cốt để nhin thôi, chứ có bao giờ bà thật sự coi chồng bà, tức ông bố tôi, là người che chở cho bà đâu. Vả lại, nào ông có phải người như thế, ông chẳng bao giờ có thể là người như thế đối với bà cả. Rốt cuộc, bà đi một mình đến Rome, theo tôi biết, hay nói như bà vẫn nói với bố tôi và Johannes, để ngó xem tôi sinh sống thế nào, nhưng sự thực là để chạy lông nhông với ông bạn Spadolini của bà, ông bạn đạo đó đã là quan chức cao ngất ngưỡng của Tòa thánh Vatican, một người đã leo lên đến hàng Tổng Giám mục từ khi còn rất trẻ. Tôi bảo Gambetti, đêm nào bà cũng đi với Spadolini. Tôi có gọi điện thoại đến khách sạn Hassler hỏi thăm, Gambetti ạ, thì bao giờ cũng chỉ thấy họ đáp, thưa ông, *Signora* không có trong phòng ạ. Mười một giờ đêm bà chưa về phòng, mười hai giờ đêm chưa, một rưỡi sáng vẫn chưa, ba giờ sáng cũng chưa nốt. Đó là sự thật về mẹ tôi, về các chuyến viếng thăm Rome của bà, trong đó tôi, thật ra, chỉ là cái cớ cho bà đi thôi, Gambetti ạ. Tôi chỉ là cái lá chắn bà lôi ra chắn trước mặt chồng bà, tức là bố tôi, mỗi khi bà một mình đến Rome. Bà quen Spadolini từ hồi y mới giữ chân cố vấn quèn dưới trướng Sứ thần Tòa thánh ở Wien. Tôi không thể bảo, từ xưa đến giờ, tôi không ưa tay Spadolini này bao giờ. Không phải vậy, trái lại là đằng khác; *y là một nhân vật cực kỳ thú vị* và tôi cũng không hề phản đối mẹ tôi gìn giữ cũng như vun đắp mối quan hệ quen biết, đúng hơn là bạn bè thân thiết với y từ hàng chục năm qua, tôi chỉ không tán thành cái lối *vụng vụng trộm trộm* trong

mối quan hệ mà thực ra, là *tình ái ái* của hai người. Gambetti ạ, tôi cũng thừa biết mẹ tôi không phải chỉ đến Rome mỗi một lần ấy mà thôi, và đấy cũng không phải là lần cuối cùng bà đi một mình đến Rome. Bà thường xuyên hẹn hò với Spadolini; bà rất hay xướng lên bà phải đi Wien có việc gấp, rồi phóng xe hay đáp máy bay đến Rome, cốt chỉ để đến với Spadolini một, hai đêm, rồi về Spadolini cũng năng đến Wolfsegg, mặc dù ở đấy y không tránh được một việc thường vẫn gây cho chính y ít nhiều sự sợ hãi, bởi rồi là làm lễ thánh ở nhà thờ gia tộc chúng tôi, lễ thánh với tất tậ những nghi lễ trang trọng và long lẫy nhất, y như lễ thánh tại Thánh đường Thánh Peter ở Rome. Mẹ tôi nghiện và say mê các loại nghi lễ tôn giáo long lẫy và hoành tráng như thế hơn bất kỳ ai. Tôi nghi lắm, tôi bảo Gambetti, không chừng mẹ tôi sẽ đi theo đạo Thiên chúa, chỉ vì bà say mê khung cảnh long lẫy của Nhà thờ Thiên chúa giáo, nhất là các nghi lễ đám ma, của đạo Thiên chúa mà thôi. Được đón tiếp ở ngay nhà mình một vị Tổng Giám mục, ngoài ra lại còn là quan chức cao cấp của Tòa Thánh Vatican, quả là niềm vinh hạnh làm bà say sưa mê mẩn và bằng mọi cách, mọi lúc, kể cả vào những lúc chẳng thích hợp chút nào, bà vẫn kéo y về Wolfsegg cho thỏa niềm đam mê đó. Suốt một dạo rất lâu, bố tôi nhìn không ra cái mưu mô hai mặt ấy, nhưng, đến khi nhìn được ra, thì đã quá muộn, cặp kia đã cài bẫy xong xuôi, đã dàn dựng mọi sự đâu vào đấy. Nhưng, Gambetti ạ, Spadolini là một nhân vật hết sức đặc biệt, vâng, có lẽ đó cũng là điều tất nhiên thôi, bởi nếu không, y đã chẳng leo lên được cao như thế trên bậc thang danh vọng của Tòa thánh Vatican. Nếu không kể đến mối quan hệ tình ái chẳng thơm tho gì giữa y với mẹ tôi, tôi rất kính trọng y - một trong những con người đầu óc thông minh và học vấn uyên bác nhất tôi từng; biết. Nguyên các chân Sứ thần Tòa thánh y từng giữ ở Lima, Kopenhagen, Paris rồi New York và Madrid đã đáng kể rồi, chưa cần kể thêm bấy nhiêu thứ tiếng y thông thạo, đến hàng ngàn cuốn sách y đã đọc, cùng tất cả những gì con người ấy từng tai đã nghe, mắt đã thấy. Điều đáng ngạc nhiên là ở chỗ, một gã đàn ông tầm cỡ như y lại sa bẫy, rồi dính chặt đúng vào mẹ tôi - mục đàn bà hời hợt, nông cạn từ đầu đến chân ấy. Bà hẹn hò, gặp gỡ y, tôi bảo Gambetti, nhưng phải đẩy tôi ra làm cố. Ngoài mặt, bà rêu rao bà phải đến thăm con trai bà, nhưng ngầm bên trong, bà lén lút gặp gỡ vị Tổng Giám mục của bà - một sự lén lút chỉ có thể gọi là



hèn hạ, không hơn không kém. Anh cứ hình dung mà xem, bà lên máy bay cùng Spadolini bay đi Palermo hai ngày, sau đó lại ở với y hai đêm nữa ở Cefalù. Gambetti ạ, tôi thật tình không phản đối chuyện hai vị đi lại với nhau như thế, song, tôi ghê tởm cái lối vụng trộm, lén lút bất lương ấy. Trong khi đó, ngoài anh và anh Zacchi ra, quả tình tôi không biết còn con người nào học vấn cao và uyên bác như Spadolini nữa hay không, tôi bảo Gambetti. Một nhân vật đa cảm nhường ấy, một bộ óc uyên thâm ngần ấy, lại dấn dứ vụng trộm, lén lút đáng tởm như thế với bà mẹ tôi từ nhiều năm nay, từ hàng chục năm nay. Ấy thế, nhưng mẹ tôi không học được ở Spadolini bất cứ thứ gì. Song, biết đâu đấy, có khi chính thói phù phiếm vô duyên, chính sự ngô nghê, đần độn của mẹ tôi lại làm Spadolini say mê cũng nên, Gambetti ạ. Thế là, ban ngày bà cùng tôi rong ruổi các cửa hiệu ở thành Rome, còn đến tối - như tôi biết - bà hẹn gặp Spadolini ở Trastevere. Nhưng không phải chỉ để ăn cá, uống rượu vang, ng ẩ duỗi chân duỗi cẳng và lấy đó làm khoan khoái, thú vị như anh với tôi vẫn làm đâu, Gambetti ạ. Không, không chỉ có thế thôi đâu. Hai vị dẫn nhau đến khu vực gần cái trại gọi là trại diệt chó mà anh cũng biết đấy, rồi đi êm nhiên chui vào mấy quán trọ xập xệ, bẩn thỉu ở quanh đó, không hề bận tâm đến những tiếng tru khiếp đảm của bầy chó - gọi là chó hoang vô chủ của thành Rome, bị bắt rồi đưa về nhốt trong trại này chờ đến lúc bị đập chết - vang lên thảm thiết suốt đêm. Song, tôi sẽ không lộ cho anh biết nguồn tin ấy từ đâu ra, vâng, tôi bảo Gambetti, đến cả anh tôi cũng không lộ ra đâu. Vâng, đấy chính là Spadolini, con người đầu óc thông minh tuyệt vời, nhà bác học ưu tú từng sáng tạo ra bao nhiêu công trình xuất chúng, bậc thiên tài cả trong nghệ thuật diễn thuyết lẫn nghệ thuật giữ im lặng - con người luôn luôn khiến tôi phải ngưỡng mộ ấy! Chao ôi, bữa đầu tiên y đặt chân đến Wolfsegg, tôi nghĩ bụng, trước đó Wolfsegg quả chưa bao giờ được đón tiếp một người đàn ông siêu việt cỡ đó thật. Gambetti ạ, anh không hình dung được tôi đã hồi hộp ra sao khi được chứng kiến y, trong bộ lễ phục Thăng Thiên, ban lễ thánh lần đầu tiên ở Wolfsegg. Lần đầu tiên gặp y, tôi đã cảm phục y đến mức tôi đã định gạt bỏ các mối nghi ngại từ xưa tôi vẫn dành cho Nhà thờ Thiên chúa giáo đi rồi. Tôi phải nói thật, một người đàn ông đẹp trai như thế, với tác phong như thế, tự nhiên hơn ai hết, đời đời cũng rất kịch, kịch đến mức vô song! Quả thực tôi đã phải lòng

Spadolini ngay từ đầu. Nhưng, đối với bố tôi, bao giờ y cũng là cái gai chọc vào mắt; có đi đâu ông bất lực, chẳng làm gì được y, bởi mẹ tôi là người quyết định bao giờ Spadolini đến thăm chúng tôi ở Wolfsegg, bà cũng quyết định bao giờ bà đi thăm Spadolini, tình nhân của bà, ở Wien, Paris hay Rome. Ngoài miệng bà nói với bố tôi, bà đến thăm tôi, trong đầu bà lại nghĩ, mình phải đến thăm Spadolini. Chẳng biết đâu được, có khi bà bảo với tôi, bà vừa đến Rome, phải, mẹ vừa đến khách sạn Hassler lúc chiều nay, nhưng kỳ thực bà đã ở Rome từ mấy hôm nay rồi với Spadolini cũng nên. Ai chứ mẹ tôi, tôi tin bà dám làm như vậy lắm. Như tôi biết, Spadolini đưa bà đi xem opera, Spadolini đánh xe đưa bà đến Napoli, Spadolini thuê taxi đi với bà về tận Bari thăm ông bạn của hai người. Vâng, chính anh cũng biết đấy, Spadolini quả là người dễ làm đàn bà say đắm, là người khiến các phu nhân đại sứ phải quỳ gối xuống đất, lê lết xin hôn tay y cho bằng được rồi run run đầu gối, ngược nhìn đắm đuối và chứa chan hy vọng vào cặp mắt y. Kể ra thì cũng sẽ rất phi lý và phi tự nhiên lắm lắm thật, nếu cuộc đời trần tục này bị mất đi một gã đàn ông như Spadolini, tôi bảo Gambetti, song, trong số hàng trăm mũ đàn bà sẵn sàng buông mình cho sức quyến rũ ghê gớm của y cuốn đi ấy, y lại chọn đúng bà mẹ tôi, thì quả thật đó cũng lại niềm bất hạnh vô biên cho cõi trần gian này. Gambetti ạ, chính tôi lại là cái bia đỡ đạn cho Spadolini và mẹ tôi nữa chứ. Ông bố tôi, tất nhiên, không những chỉ đoán già, đoán non, mà ông còn biết tường tận là đằng khác, về mỗi tình vụng trộm đó của hai vị. Song, ông có muốn nổi trận lôi đình cũng chẳng được ích lợi gì, bởi mẹ tôi muốn làm gì với ông chẳng được. Ấy thế, nhưng đến Rome với Spadolini thường xuyên quá, bà quả cũng không dám thật, bà phải lôi cái thằng tôi ra làm lá chắn cho bà - thằng con điên rồ, thằng con vốn mắc chứng vĩ cuồng của bà, thằng con dám ở khách sạn Hassler hàng mấy tháng trời, bất chấp một lễ thói xử thế của con nhà đứng đắn, trước khi chọn ngay một trong những căn hộ đắt nhất ở Piazza Minerva để thuê dài hạn luôn nhiều năm, có khi luôn cả chục năm cũng nên, chỉ vì nó muốn sáng sủa, trong lúc điễm tâm được phóng tầm nhìn sang đền Pantheon cho sướng mắt nó ấy. Tôi biết mẹ tôi không hề ngờ tôi biết bà đến Rome cốt gặp Spadolini là chính, lúc đó tôi bảo Gambetti thế. Tôi cũng bảo Gambetti, nếu phải giấu giếm bố tôi chuyện gì, thì phải nói ngay, các màn kịch mẹ tôi

đóng thật tuyệt hảo. Những lúc đó, tài diễn kịch của bà thật cao siêu, có lẽ phải đem sánh với tài nghệ già đời của nhiều nghệ sĩ sân khấu chuyên nghiệp mới xứng. Bây giờ nhìn bức ảnh chụp bà cùng bố tôi trên sân ga Victoria ở London, tôi nghĩ bụng, do dạo ấy bà chỉ vì Spadolini mà phóng đến Rome, nên đi với tôi chắc bà chán lắm, vì suốt buổi bà có nghĩ gì khác trong đầu ngoài nghĩ đến Spadolini đâu. Song, tôi bảo Gambetti, cũng phải nói ngay rằng mối tình giữa hai vị không phải do Spadolini, mà hoàn toàn do mẹ tôi mà nảy nở. Bây giờ, sau chuyến bà đến thăm Rome lần ấy đã bao nhiêu lâu rồi, những lời bà nói với bố tôi lúc bấy giờ - *đang giữa mùa săn bắn thế này, làm sao ông để mặc bọn thợ săn một mình được* - tôi nghe lại thấy còn xỏ xiên đều cáng hơn so với lúc đầu. Đến cả đám thợ săn, chứ chả riêng gì tôi sau này, cũng bị bà lôi ra làm lá chắn, che cho bà với Spadolini ở Rome. Trong khi trong đầu bà chỉ mong sao chóng gặp Spadolini càng sớm càng hay, bà vẫn không hề ngưng ngưng và - như thiên hạ sẽ rửa - vô liêm sỉ đến mức, ngày nào cũng gửi cho bố tôi một tấm bưu ảnh, chụp nào bảo tàng Engelsburg, nào đền Pantheon hay Thánh đường Thánh Peter - vâng, những tấm bưu ảnh nhất hạng vô duyên - rồi ghi những dòng như, hai mẹ con (tức là cả bà lẫn tôi đấy!) đang dạo chơi ở Rome, vân vân và vân vân trước khi bà bắt tôi ký vào, bởi bà nghĩ, như thế, bà có bằng cứ chứng hẳn hoi cho thấy bà ngày nào cũng đi với tôi, chứ không đi với ai khác cả. Spadolini bao giờ cũng là nhân vật chính của mỗi lần bà đến Rome, của mọi lần bà đến Rome, Gambetti ạ, chứ không phải tôi. Song, tôi bảo Gambetti, nào tôi có ưa có chuộng đóng vai chính cho bà trong những lần viếng thăm ấy đâu. Trò dối trá của mẹ tôi hồi ấy đã lên đỉnh cao của sự sống sượng rồi. Tôi nói vậy với Gambetti, nhưng tức thì, tôi phải thú nhận ngay, tôi tự cảm thấy hổ thẹn vì đã nói ra như thế. Tôi cảm thấy, nói như thế, tôi đã quá lời, ít nhất là trước mặt Gambetti. Nhìn nét mặt anh ta, tôi cũng biết ngay, tôi đã quá lời. Anh ấy quá *nhạy cảm*, bây giờ tôi nghĩ bụng, để nghĩ rằng những lời tôi vừa văng ra đó, mà nào có phải chỉ một lần như thế đâu, là do vô ý nhớ nhầm, chứ không phải là những lời đáng tởm. Người thầy không được phép tự phơi mình ra một cách đáng ghê tởm như thế trước mặt học trò, tôi nghĩ bụng, nhưng, sự đã rồi. Mặt khác, tôi tự nhủ, tôi phải thẳng thắn với anh học trò Gambetti của tôi. Phải, thẳng thắn cởi mở thì được, vâng, chứ hèn hạ thì không; thẳng

thần cõi mở - chứ không đều giả, thẳng thần cõi mở - chứ không dung tục, thẳng thần cõi mở thì được - chứ bần tiện thì không. Thế nhưng Gambetti quen biết tôi đã lâu, anh ấy sẽ hiểu thôi, tôi lại nghĩ, anh ấy quen biết tôi đã lâu như thế, hẳn sẽ tha thứ cho tôi thôi. Anh ấy hẳn có cố để tha thứ. Phần câu chuyện Spadolini với mẹ tôi là phần chuyện nguy hiểm, tôi nói với Gambetti, như lần nữa muốn kết thúc phần câu chuyện đó. Đạo ấy, hai chúng tôi cứ loay hoay đi lên đi xuống trong nhà bảo tàng De Chirico mà mãi vẫn không dứt khoát, nên kéo nhau đến tiệm trà ở spagna uống trà hay vào Greco thì hơn. Rốt cuộc, như thường vẫn vậy ở đời, cơn mưa bất chợt đổ xuống đã lừa chúng tôi vào Greco ng ẩ để tiếp tục câu chuyện, một câu chuyện thật sự chỉ xoay quanh Pavese, chứ không quanh Spadolini với mẹ tôi nữa. Sở dĩ chúng tôi bàn về Pavese là do tôi nhớ đến một nhận xét trong cuốn sách nổi tiếng *Nghịệp vụ sống* của ông ta, là một trong cuốn tôi thích nhất và bình giải nó cho Gambetti hôm đó, bằng cách so sánh Pavese với Heine, cũng như giải bày các quan điểm của tôi về họ cho Gambetti nghe. Tôi không còn nhớ vì có gì tôi lại đang từ chuyện hai nhà văn Pavese và Heine tôi hết sức yêu mến, bỗng dung lại nhảy sang chuyện Spadolini với mẹ tôi. Spadolini, tất nhiên, không bao giờ kể tôi nghe về các cuộc gặp gỡ của y với mẹ tôi ở Rome. Mặc dù tôi rất hay gặp Spadolini, thậm chí tôi còn thích gặp y là đằng khác và gần như tu ần nào cũng ghé đến nhà hoặc văn phòng làm việc thăm y, nhưng y không bao giờ nhắc đến, dù chỉ phớt qua thôi, chuyện y gặp mẹ tôi. Vị đại diện của Nhà thờ ấy lặng im, đầy bí hiểm. Thật tình, tôi cũng không chắc, liệu y có biết tôi rất rành về các cuộc hẹn hò của y với mẹ tôi không. Một lần, ba chúng tôi - Spadolini, mẹ tôi và tôi - gặp nhau, rồi đưa nhau đến Rocca di Papa ăn trưa theo lời mời chiêu đãi thường bao giờ cũng rất hào phóng của Đức cha Spadolini. Y là một trong những chủ tiệc tuyệt vời nhất tôi từng biết. Bữa ấy ở Rocca di Papa, bà mẹ tôi và Spadolini đã thật sự tỏ ra là những diễn viên tuyệt vời hoàn hảo. Trưa hôm đó, họ không hề có một cử chỉ nào để lộ ra rằng suốt cả tối lẫn cả đêm qua, hai ông bà đã ở bên nhau, cũng như không hề có lấy một chi tiết nào cho hay, họ đã lại hẹn gặp nhau vào đêm nay rồi. Tình thế của tôi giữa hai kẻ đối trá và đạo đức giả, giữa một bên là bà mẹ giả dối với bên kia là vị đại diện Nhà thờ làm bộ làm tịch ra vẻ nghiêm trang, đứng đắn - âu cũng dễ hình dung thôi - quả là không mấy dễ chịu. Song, tôi đã vượt

qua tình thế oái oăm đó một cách ngoạn mục; tôi không để lộ một tí ti gì, tôi làm như tôi là kẻ hoàn toàn không biết gì về cuộc tình hai vị. Ở Rocca di Papa, mẹ tôi chia tay Spadolini theo lối như thể chia tay lần cuối, mặc dù chính bà đã hẹn và thu xếp cuộc gặp tối nay với y rồi. Spadolini đón một chiếc taxi, hai mẹ con tôi đón một chiếc khác, cùng quay về Rome. Tôi thấy cái trò phải leo lên hai xe riêng rẽ, theo nhau chạy về Rome như thế quả là một màn kịch lố lăng nhục nhã - một màn kịch chính vì được dàn dựng quá điều luyện và hoàn hảo như thế, cho nên tôi càng thấy rõ tình thế của tôi lúc đó thật khốn nạn thế nào. Tôi không biết ai trong hai vị, Spadolini hay mẹ tôi, là người đã dàn dựng màn kịch ấy, song tôi có thể chắc chắn, chỉ có thể là mẹ tôi, bởi vì trong những tình huống như thế, mẹ tôi bao giờ cũng tinh ranh, xảo quyệt hơn. Tôi bảo với Gambetti, tôi nghĩ Spadolini cùng lắm cũng chỉ là tay chân để bà sai bảo trong các màn trình diễn nghệ thuật nguy trang của bà mà thôi. Gambetti ạ, chắc anh cũng hiểu, vì sao tôi cảm thấy nhục nhã, khi phải thú nhận với chính mình rằng, một vị cỡ Hồng y như Spadolini lại chỉ là một con rối ngoạn ngoạn trong tay mẹ tôi. Tất nhiên, mối tình giữa Spadolini và mẹ tôi khiến quan hệ của tôi với y đâm éo le, rắc rối. Song, tôi sẽ không bao giờ cắt đứt nó, thậm chí nếu nó còn bị thách thức nặng nề hơn nữa cũng không, bởi tôi không muốn từ bỏ một con người như Spadolini. Tôi rất thích tìm gặp y, tôi lấy làm may quen y ở Rome. Trong đời ta, số người mà khi cần, ta có thể thích thú và say mê muốn gặp, thật không nhiều. Spadolini rõ ràng là một trong số rất ít những con người có đầu óc tôi quen ở Rome. Người hiểu biết không bao giờ lại từ bỏ một người như thế. Không, thật mà, Gambetti, tôi bảo anh ta, đã nói đến Spadolini thì tôi không do dự, ngại ngần gì để nói như thế cả. Chỉ có điều, Gambetti ạ, tôi không muốn để một gã đàn ông như y rơi vào tay mẹ tôi. Mẹ tôi không xứng đáng với được ai như Spadolini. Cái thứ hai vị vẫn gọi là tình bạn ấy, tôi phải cười khẩy khi nói lên như vậy, thật ra chỉ là một thứ ái tình vụng trộm bản thủ và hết sức lố bịch mà thôi, Gambetti ạ. Quả thật, tôi nghĩ bụng, lúc vẫn tiếp tục ngắm nghía các bức ảnh. Ảnh chụp đã không che đậy, không phủ kín được gì ráo, lại còn phơi lộ một cách trắng trợn tất cả những gì mọi người trong ảnh muốn mãi mãi che đậy, phủ lấp đi. Sự méo mó, sự đối trá trong ảnh, hóa ra, lại là sự thật. Tôi nghĩ bụng, thì ra, sự xuyên tạc hoàn toàn ở trong đó, lại là sự thật. Ngay cả

lúc người trong ảnh, hay nói như họ vẫn nói, người chụp trong ảnh, chết rồi, họ cũng chẳng tốt đẹp hơn lên. Năm một ngàn chín trăm ba mươi một ở London, tôi nghĩ bụng, bố mẹ tôi, nói như thiên hạ, còn rất trẻ. Họ rong ruổi khắp nơi. Chưa con chưa cái gì. Suốt nhiều năm trời, mẹ tôi không chịu có con, về sau, chồng bà ép mãi, bà mới đẻ. Ông đòi thì ít nhất bà cũng phải đẻ cho tôi một đứa nối nghiệp. Wolfsegg phải có người thừa kế. Đẻ được Johannes rồi, nghe đâu bà mẹ tôi đã thê độc, không đẻ thêm đứa nào nữa. Thế nhưng, mới một năm sau, đã đến lượt tôi chào đời, thằng con phiên toái, thằng con quỷ quái, thằng con chuyên gây bất hạnh cho bà. Bà không muốn có tôi, như tôi vẫn nghe mọi người nói, bà không muốn có tôi. Thế nhưng, bà *phải* mang thai tôi, kẻ mang tai, gây họa cho bà. Thật khó mà đếm xuể, đã bao nhiêu lần bà than, bà bóp chết thằng thừng như thế, vào mặt tôi, ở mọi nơi, mọi chỗ. Song, ngay cả hai đứa em gái sinh ra sau tôi cũng không làm bà vui, bà sung sướng. Nếu ở đời quả có những người mẹ sung sướng thật, thì mẹ tôi chưa bao giờ là người mẹ có thể được coi là sung sướng cả. Như thế, kẻ thừa kế ông bà đã có rồi, được họ thừa nhận rồi, còn tôi - họ chưa bao giờ thật sự thừa nhận, cùng lắm chỉ được ghi nhận là một kẻ thừa kế dự khuyết thôi, không hơn không kém. Suốt đời tôi, tôi phải tự nhận thức được vai trò dự khuyết cho gã Johannes. Suốt đời tôi, người ta dạy tôi, nhắc đi nhắc lại cho tôi hiểu, tôi chỉ đóng vai kẻ thừa kế dự khuyết thôi, có nghĩa là tôi - như sau này tôi biết - chỉ vì nhằm để dự phòng các tình huống không may, cực kỳ khẩn cấp, nên mới được thai nghén vào một tối mùa hè, trong ngôi biệt thự trẻ thơ. Thai nghén miễn cưỡng, như mẹ tôi vẫn luôn mồm oang oang. Tóm lại, tôi là kết quả của một trận đấu nảy lửa, ngay giữa tháng Tám. Nghe đâu, mẹ tôi đã mò đến tận một tay bác sĩ chuyên khoa ở Weis, toan thuê hẳn nạo bỏ cái thai chứa cái thằng tôi đi cho bà, song, tay bác sĩ nọ không dám, sợ nguy đến tính mạng mẹ tôi. Hỡi ôi, cái gọi là phá thai quả không đơn giản chút nào thật, toi mạng như chơi. Buộc lòng, bà phải chấp nhận số mệnh, nhưng suốt đời bà, bà vẫn chỉ xem tôi là đứa con bà phải miễn cưỡng sinh ra, bao giờ bà cũng bêu tôi là đứa con bà không muốn có, bất kể ở đâu, lúc nào, bà cũng rêu rao tôi là *đứa con dự thừa nhất ta có thể tưởng tượng được*. Mặc dù tôi có thể tìm nơi che chở nơi ông bà ngoại ở Weis hay ông bà nội ở ngay Wolfsegg, nhưng tôi mãi mãi vẫn là đứa không thuộc về ai cả. Tình trạng đó

khiến việc dạy dỗ tôi không thể thực hiện trọn vẹn, đánh gục tôi ngay từ những năm tháng ấu thơ, nghiến nát tôi vào những năm mười tám, mười chín tuổi. Có lẽ, tôi cũng được phép nói thẳng ra, rốt cuộc, chính chú Georg, chứ chẳng phải ai khác, đã cứu tôi. Chú quan tâm để mắt đến tôi đúng vào lúc tôi cảm thấy bị bỏ rơi, một thân một mình bơ vơ giữa đời. Với một kẻ thừa kế dự phòng như tôi, ai cũng chỉ dừng dừng mà thôi. Ai này đâu chỉ để mắt đến Johannes, không ai màng gì đến tôi. Chuyện mừng vui, sung sướng bao giờ cũng gắn với *Johannes của chúng ta*. Tên tôi, tôi chỉ nghe bố mẹ tôi rít lên lúc cáo bản hay bực bội mà thôi. Mọi sự càng trở nên tồi tệ, có lần tôi bảo Gambetti, trong thời bọn Quốc xã nổi lên. Mọi người trong gia đình tôi ai này đâu có thiên hướng Quốc xã cả, nên mọi thứ của bọn Quốc xã đều làm bọn họ hào hứng; vâng, có thể nói, bọn họ gặp chủ nghĩa Quốc xã như cá gặp nước. Bên cạnh Chúa tối cao bọn họ thường vẫn gọi *Chúa kính yêu* ấy, giờ đây, bỗng dưng họ có thêm cả *Lãnh tụ vĩ đại*. Mặc dù đến khi tôi bước sang cái tuổi gọi là tuổi trưởng thành, biết suy biết nghĩ, thì chủ nghĩa Quốc xã đã lui vào quá khứ từ lâu, tôi vẫn còn cảm thấy rõ ràng di họa của nó ở khắp nơi nơi. Tư tưởng Quốc xã trong đầu bố mẹ tôi không tiêu tan cùng với sự chấm dứt của thời kỳ Quốc xã. Vì chất Quốc xã vốn thấm trong xương, hòa trong máu bố mẹ tôi, cho nên ở thời kỳ hậu Quốc xã, họ vẫn tiếp tục nuôi dưỡng, cưu mang nó. Chủ nghĩa Quốc xã, cũng như Thiên chúa giáo vậy, chính là nội dung thật sự của cuộc đời họ, không có những thứ ấy, họ không thể sống sót, họ không thể tồn tại ở đời này nữa. Bởi thế, cho nên tôi, mặc dù thời kỳ Quốc xã đã trôi qua từ lâu, vẫn được dạy dỗ theo cả tinh thần Quốc xã lẫn Thiên chúa giáo vậy, bằng các biện pháp bạo lực hỗn hợp kiểu Áo, loại biện pháp giáo dục tác động tàn nhẫn và ác độc lên con trẻ đang tuổi trưởng thành. Song lẽ, phương pháp giáo dục Thiên chúa giáo và Quốc xã - trong đó, các yếu tố Thiên chúa giáo phối hợp chặt chẽ với các yếu tố Quốc xã như thế - thật ra, lại là phương pháp thông dụng, chuẩn mực, phổ biến rộng rãi nhất ở Áo và, ở đâu đâu trên cả nước, nó cũng tự do hoành hành, gây cho dân tộc Áo - một dân tộc xét cho cùng, cũng là dân tộc Quốc xã và Thiên chúa giáo nốt - những hậu quả thảm khốc. Các phương pháp giáo dục Quốc xã và Thiên chúa giáo thật sự khống chế mọi mặt ở Áo; kẻ nào phản bác sự thật đó là kẻ đối trá, hoặc là kẻ ngu ngơ, không biết gì. Các luật lệ ở đất nước này

cũng không vượt ra ngoài khuôn khổ các luật lệ Quốc xã và Thiên chúa giáo, được thi hành theo một cơ chế chỉ gây tàn phá và hủy hoại. Đó là sự thật nước Áo. Con người Áo - họ có muốn cưỡng lại thế nào thì cưỡng, cũng vậy thôi - là con người Quốc xã và Thiên chúa giáo về bản chất. Trên toàn đất nước này, trong lòng cả dân tộc này, Thiên chúa giáo một bên, Chủ nghĩa Quốc xã bên kia, bao giờ cũng như hai đĩa của một bàn cân, lúc này nghiêng về phía Thiên chúa giáo, lúc khác lại nghiêng sang phía Quốc xã, nhưng không khi nào lệch hẳn một bên. Đầu óc người Áo bao giờ cũng nghĩ theo hai hướng, Thiên chúa giáo và Quốc xã. Đến các nhà tư tưởng Áo cũng đầu suy nghĩ bằng thứ đầu óc Thiên chúa giáo và Quốc xã nuốt không trôi như thế cả. Bước ra đường, lần ra phố ở Wien, nói cho cùng, ta sẽ chỉ đụng đầu rất một bọn Quốc xã và Thiên chúa giáo mà thôi, một bọn hành xử lúc này thiên theo kiểu Quốc xã, lúc khác lại thiên theo kiểu Thiên chúa giáo, nhưng thông thường, theo cả hai kiểu cùng một lúc. Vâng, Gambetti ạ, đó chính là lý do khiến ta - dù muốn hay không muốn thừa nhận - cũng phải cảm thấy ghê tởm sau đôi lần gặp gỡ, xem xét, quan sát bọn chúng gần hơn, kĩ lưỡng hơn. Ta mở đọc đôi bài nào đó đăng trên báo chí Áo, thì bài nào cũng như bài nào, đều một giọng hoặc Thiên chúa giáo hoặc Quốc xã và cái đó buộc ta phải nói thế thôi, Gambetti ạ, cái đó chính là *chất Áo* vậy - hai lần xảo trá, hai lần đều giả, hai lần phản trí tuệ. Nói chuyện một hồi với gã người Áo nào đấy, ta sẽ sớm có cảm giác đang nói chuyện với một tín đồ Thiên chúa giáo, chứ không phải với một con người tự do, con người độc lập, Gambetti ạ, hoặc ta sẽ có cảm giác đang nói chuyện với một tên Quốc xã, và rất cuộc, ta sẽ có cảm giác ta đang nói chuyện với một kẻ vừa Thiên chúa giáo vừa Quốc xã từ đầu đến chân, một kẻ chẳng mấy chốc sẽ khiến ta phải tởm lợm. Cái tinh thần Thiên chúa giáo và Quốc xã - ở đây, tôi không dùng từ nào khác, ngoài cái từ  *tinh thần ấy* được cả, mặc dù tôi rất biết, tôi bảo Gambetti, như thế là tôi đã bôi bẩn cái từ ấy rồi - tinh thần Thiên chúa giáo và Quốc xã từng thống trị ở Wolfsegg và nó sẽ thống trị mãi mãi ở đó. Gã Johannes anh tôi mang trong người gã tinh thần ấy. Hai con em gái tôi cũng vậy thôi, có đi đâu chất Thiên chúa và Quốc xã ở hai đũa chúng nó vừa xác xược vừa ngu xuẩn hơn nhiều so với ở gã Johannes anh tôi, một người cũng như bố chúng tôi, thực sự đã nuôi dưỡng tinh thần Thiên chúa và Quốc xã đó gần như suốt đời,



cái thứ mà như tôi đã nói, về thực chất là tinh thần phản trí tuệ theo kiểu Áo mới đúng. Tôi, Gambetti ạ, tôi trốn ra khỏi vùng ảnh hưởng của tinh thần ấy, song, suốt đời tôi, tôi phải vật lộn với nó, bởi nó là thứ bám sinh, thấm trong xương, trong máu. Và thứ tinh thần bám sinh ấy, hoặc ta sẽ chẳng bao giờ trừ khử được nó, hoặc phải bỏ công gắng sức ghe gớm mới tạm thời trừ khử được nó, chỉ tạm thời thôi, chứ chắc chắn không thể trừ khử vĩnh viễn được, Gambetti ạ. Thế nhưng, sự tởn tại của tôi ở đời này là cuộc vật lộn suốt đời nhằm thoát khỏi căn bệnh phản trí tuệ kiểu Áo đó, tôi nói với Gambetti. Tôi từng bị nhiễm đi nhiễm lại nhiều lần căn bệnh phản trí tuệ đó, tôi bảo Gambetti. Thế nhưng, hễ tôi thoáng cảm thấy triệu chứng của thứ tinh thần yêu quái gốc gác căn nguyên Áo đó chớm trở lại trong lòng hay trên da dẻ mình mấy tôi, là tôi lại gồng mình chống lại ngay. Nhìn tấm ảnh bố mẹ tôi chụp năm một ngàn chín sáu mươi trên sân ga Victoria ở London, tôi nghĩ bụng - năm một ngàn chín trăm ba một là năm hai ông bà mới lấy nhau, và như thế, mẹ tôi vừa đạt được chiến thắng lớn của bà, tức là, đã leo lên đỉnh cao bà muốn chinh phục. Song, ông bố tôi vẫn chưa đạt được điều mình mong ước, tức là có kẻ thừa kế. Loại đàn ông như bố tôi, con họ không muốn đẻ, họ chỉ muốn có kẻ thừa kế. Họ thường lấy vợ muộn, cốt làm sao đạt mục tiêu duy nhất đó mà thôi. Họ sùng sục cưới ngay người đàn bà họ chẳng mấy quen biết, và, trong cơn cuống cuồng muốn nhanh có kẻ thừa kế, họ cũng chẳng thể biết gì hơn về người đàn bà ấy. Kẻ thừa kế vừa chào đời, là các ông liền yếu xỉu đi ngay và có thể xếp vào loại già nua rã. Bà vợ bảo một trong số các ông chồng như thế, tôi để cho ông đưa con thừa kế rã nhá, song đồng thời, bà cũng thật sự lột hết sạch mọi thứ của ông. Ông bố mới, về phần mình, lại yên lòng vì đã làm xong bổn phận. Có đứa con thừa kế rã, ông chẳng màng gì đến bà vợ nữa. Ông trừng phạt bà bằng cách lơ tịt bà đi, và tùy hứng hoặc tùy có, ông chửi xỏ xiên, con mẹ chỉ độc lợi dụng ông, ngày xưa lấy ông chỉ vì hám của cải nhà ông. Cứ thế, dần dà, hai vị chửi bới, xỉ vả nhau chẳng còn thiếu thứ gì, để biến cuộc đời hai vị thành địa ngục. Cuộc sống vợ chồng không đưa hai vị đến chỗ tôn trọng, thương yêu nhau, không biến thành cuộc sống hiểu biết và cảm thông lẫn nhau, mà dần dần, lại biến thành địa ngục cho cả hai. Hai vị, mỗi người theo một kiểu riêng, tự thích ứng với cuộc đời dưới địa ngục đó và, rốt cuộc, xoay ra thù hận nhau. Thế nhưng, hai vị cũng sớm

nhận ra mỗi thù hằn lẫn nhau ấy thật ra là cần thiết cho họ; bởi vậy, họ an phận sống cùng mỗi thù hằn nhau ấy cho trọn quãng đời còn lại. Vâng, năm tháng trôi qua, trong khi bố tôi dần dần thu mình lại, bỏ mặc bà vợ làm gì thì làm, đi đâu thì đi, mẹ tôi bèn nhìn quanh nhìn quất, tìm nơi thì thố các ý tưởng, các tài năng cũng như các ham muốn đàn bà chưa hề hao mòn hay tàn lụi chút nào tức là xông xáo đi tìm một Spadolini nào đó - nhìn bức ảnh tôi nghĩ như vậy. Hoàn cảnh ít nhiều bất hạnh đó của bà, hóa ra lại xui khiến bà may mắn vớ được hẳn một tay Tổng Giám mục. Một tay Tổng Giám mục không những thuộc loại thân hình tráng kiện khiến thiên hạ phải ghen tỵ, mà còn thuộc loại đầu óc sáng sủa bậc nhất nữa chứ. Như tôi cứ tự hình dung ra, mỗi khi bà sung sướng bên Spadolini, bà lại rên lên với y, *Sứ thần của em*. Cảnh tượng ấy, tôi bảo Gambetti, hẳn phải cảm động lắm, phải rung động con tim lắm đấy. Bao giờ cũng vậy, cứ nhắc đến lão Spadolini *ám muội*, là tôi lại cáu tiết. Thật đúng là dó dẩn, tôi tự nhủ, ta được thuê dạy văn học Đức lẫn nghệ thuật ngôn từ Đức, nhưng do mắc chứng vĩ cuồng hoang tưởng, ta đòi dạy luôn cả triết học Đức, rồi huênh hoang, ra đi đâu ta thông thạo, hay ít ra, cũng hiểu biết đôi chút, cả về nền văn chương lẫn nền triết học ấy, nhưng thực ra, ta chỉ là một phần của cái xó Wolfsegg rác rưởi, bẩn thỉu mà mỗi lần, chỉ cần thoáng nghĩ đến nó thôi, ta đã thấy kinh hoàng rợn tóc gáy. Ta ra đi từ cái xó ô nhục như Wolfsegg đến Rome, rồi lên giọng ba hoa không chút ngượng mồm với thiên hạ ở đấy về Schopenhauer và Goethe. Tôi tự nhủ, cái trò khốn tôi đang đeo đuổi quả là trò khốn ngang ngược. Tôi đang xắn tay xắn áo toan phanh phui Wolfsegg cùng cả lũ trong gia đình tôi, đập nát tan tành, tiêu hủy, tận diệt chúng đi, thì hóa ra, tôi lại đang tự phanh phui, tự mổ xẻ tôi, tự tiêu hủy, tự trừ khử chính mình. Nhưng, tôi bảo Gambetti, ý nghĩ về sự phanh phui mổ xẻ chính mình, sự tiêu diệt chính mình ấy, lại làm tôi dễ chịu và khoan khoái. Dường như cả đời tôi, tôi chẳng ấp ủ mưu toan nào khác mưu toan đó cả. Mà nếu tôi không nhàn, tôi cũng thành công trong việc phanh phui, mổ xẻ, tận diệt chính mình. Thật vậy, tôi nào có làm gì khác ngoài việc tự phanh phui, mổ xẻ, tiêu diệt chính mình đâu. Sáng sớm thức dậy, ý nghĩ đầu tiên của tôi là bắt tay ngay, thật dứt khoát, vào việc phanh phui mổ xẻ, và hủy diệt chính mình. Bố mẹ chúng ta chỉ đưa chúng ta, con cái họ, đến bên bờ vực thẳm, chứ không bao giờ cho ta thấy vực

thảm đó thật sự thế nào, họ không để ta nhìn xuống đó, họ kéo ta lùi lại, ngay ở giây phút gay gắt nhất, họ cố làm sao chỉ đưa ta đến được bờ vực thôi, chứ không chỉ cho ta thấy cái gì sẽ phá nát chúng ta. Hàng triệu, hàng tỉ cặp bố mẹ trên đời này đều hành động như thế cả, Gambetti ạ. Bây giờ tôi lại đảo lại thứ tự các tấm ảnh. Tấm chụp anh trai tôi cùng chiếc thuyền buồm của gã, tôi đặt lên trên tấm chụp bố mẹ tôi. Dưới cùng là tấm ảnh hai con em gái. Hồi ấy, chúng nó đến Cannes với tôi và chú Georg cho chuyến du lịch sang Mỹ mà chúng nó vốn đã định từ lâu. Bố mẹ tôi không nhả cho chúng nó đờng nào, bởi theo ông bà, cho chúng nó sang Mỹ làm gì cho vô ích. Ở Cannes, chúng nó tìm mọi cách moi của chú tôi khoản tiền chúng nó cần. Song, sau hai tuần, chúng nó đành bỏ cuộc, bởi chú tôi cũng không cho chúng lấy một xu. Chẳng là, chú cũng cùng ý nghĩ như bố mẹ tôi, cho tiền hai con em gái tôi sang Mỹ chơi, chẳng khác nào vứt tiền qua cửa sổ. Hai con em tôi vốn đã thù ghét chú Georg, từ đấy lại càng thù ghét chú Georg hơn. Mặc dù ở Nice, theo tôi biết, chú khoản đãi chúng nó khá hậu hĩ, ăn uống toàn cửa hàng sang trọng và đắt tiền nhất hạng, mua tặng chúng nó cơ man nào là quần, là áo, vòng đeo tay, dây chuyền đeo cổ, vân vân và vân vân. Song, chú Georg tôi nhìn xuyên gan, thấu ruột hai đứa chúng nó. Và lại, hai đứa chúng nó cũng không thể tự nghĩ ra cái bài tìm đến chú Georg ở Cannes với tiền đi Mỹ như thế đâu, mà - như tôi biết - do mẹ tôi xui. Chính bà, với ý rất đều đặn, xúi hai đứa con gái đến Cannes. Nhưng vô ích. Tôi vẫn phải tự nhủ, tôi nói với Gambetti vậy, mọi trò độc ác bao giờ cũng từ mẹ tôi mà ra. Nếu ta chịu khó lần tìm đầu mối của cái ác ở Wolfsegg, thì cuối cùng, bao giờ ta cũng lần đến mẹ tôi, chính bà là đầu mối. Ấy vậy nhưng, tôi bảo Gambetti, nếu ta lên án bà, thì sẽ rất vớ vẩn, bởi vì - nghe có vẻ vô lý thế nào thì vô lý - thật ra, bà chẳng thể làm gì khác được. Chính vì bà luôn luôn là nguồn gốc cái ác, nên bao giờ bà cũng là nạn nhân của cái ác. Có thể nói, bất kỳ ai tiếp xúc với bà, chẳng sớm thì chầy, đều trở nên ác độc, tôi bảo Gambetti vậy. Chính do như thế mà bà biến Spadolini, cũng như biến cả tôi, cả gã anh tôi, vân vân và vân vân, thành những con người ác độc. Và đương nhiên, cả bố tôi, vốn là người không độc ác, thậm chí hiem gì, vâng, tôi phải nói thẳng, có lẽ ông vốn hơi ngớ ngẩn, chứ không ác. Một người như mẹ tôi sẽ biến một gia đình, vốn không bao giờ độc ác thành độc ác, biến một căn nhà vốn không độc ác

thành độc ác, Gambetti ạ. Thế nhưng, thật hết sức vô lý, nếu cứ bắt một mình bà phải gánh hết mọi tội lỗi cho tất cả những chuyện ác độc đó, như ta vẫn thường làm, bởi ta không còn lựa chọn nào khác, bởi đối với ta, thay đổi cách nghĩ thì quá khó, quá phức tạp, thậm chí không thể thực hiện nổi, cho nên để cho tiện, ta đổ thừa hết cho bà, chỉ việc rêu rao, *bà ấy, bà mẹ chúng tôi đó, là người độc ác*, rồi, quên đi, cứ vậy mà nghĩ suốt đời. Vàng, người đàn bà này đã làm tất cả chúng tôi, ai nấy đều trở nên độc ác. Đây anh xem, phần cảm động chắc chắn chứa đựng trong tấm ảnh trước mặt tôi đây - ngay cả lúc này, lúc bố mẹ tôi mất rồi - cũng không ngăn được tôi lên án hai ông bà, vẫn xông vào xía xói ông bà một cách hết sức thô bạo như thế này đây. Vàng, trong đầu tôi thậm chí còn đột ngột nảy ra ý nghĩ, hay là bố mẹ tôi, bằng ngón xỏ xiên độc địa xưa nay hai vị vẫn dùng, cố tình để tôi ở lại một mình trên cõi đời này. Song, tôi phải bóp chết ngay ý nghĩ đó, bởi mới nảy ra thôi, nó đã có vẻ hết sức ngớ ngẩn rồi. Các bà mẹ chính là những người phải chịu trách nhiệm, tôi đột nhiên nói với Gambetti như thế, lúc tôi đi với anh ta trên phố Corso, hai ngày trước khi tôi lên đường về Wolfsegg. Khi ấy tôi giống như đã bị Wolfsegg mê hoặc, Wolfsegg đang chờ tôi về dự cái gọi là *cuộc hôn nhân* giữa con em gái tôi với một gã chủ hãng sản xuất nút chai rượu vang nào đấy, cái chốn trước khi tôi kịp rời khỏi Rome đã choàng ngay thòng lọng lên cổ tôi rồi ấy. Chỉ các bà mẹ thôi, chứ chẳng ai khác, phải chịu trách nhiệm, nhưng chính họ lại trốn tránh trách nhiệm đó của họ, khi họ trở thành người mẹ, bằng cách đổ hết lỗi lầm cho thế giới xung quanh họ. Các bà mẹ là những kẻ phải chịu trách nhiệm chính, song, đến lúc cần tính sổ, họ lại chẳng bao giờ bị lôi ra hỏi tội, bởi từ hàng ngàn năm nay rồi, thiên hạ vẫn luôn luôn mang sẵn lòng kính trọng không bao giờ mai một đối với các bà mẹ. Tại sao thế? Tôi hỏi Gambetti, tại sao chứ? Các bà mẹ quẳng con cái họ ra đời, rồi bắt đời phải chịu trách nhiệm về việc đó, cũng như về tất cả những gì sẽ xảy ra với con cái họ ở đời, chứ chính họ, họ lại không chịu nhận cái trách nhiệm đáng lẽ ra họ phải chịu. Các bà thoái thác không chịu nhận bất kỳ trách nhiệm nào dính dáng đến những đứa con đứa cái do chính họ quẳng ra đời ấy. Đó là sự thật, Gambetti ạ! Đi đâu tôi nói ra đó, đúng với tất cả, hay đúng cho đa phần các bà mẹ. Nhưng với ý nghĩ đó, tôi thật cô độc biết bao nhiêu, vì nào có ai chia sẻ với tôi đâu. Những ý nghĩ như thế ta chỉ

được phép nghĩ thầm trong đầu thôi, chứ không được nói thành lời, Gambetti ạ, chỉ giữ cho mình thôi, chứ không công bố công khai được. Rồi ta ít nhiều sẽ bị ngợp bởi những ý nghĩ như thế, trong một thế giới sẽ phản ứng chống lại các ý nghĩ như thế theo kiểu riêng của nó, nghĩa là xa lánh, bài xích chúng. Gambetti ạ, nếu tôi có xuất bản một tiểu luận và đặt tên là *Các bà mẹ* chẳng hạn, thì hậu quả tất nhiên là thiên hạ sẽ chửi tôi, mày dối trá hay mày ngu, hoặc mày vừa dối trá, vừa ngu cũng nên. Thế giới không chấp nhận nổi một bài tiểu luận như thế, do tôi soạn thảo và công bố, thế giới này quá quen với sự dối trá và thói đạo đức giả mất rồi, không còn biết đến các sự việc và các yếu tố thật nữa. Sự thật là ở chỗ, thế giới này, cuộc đời này đã vứt bỏ các yếu tố thật và lấy các lý tưởng nảy sinh trong trí tưởng tượng làm sự việc hay yếu tố thực, bởi làm như thế, có lợi hơn, dễ chịu hơn về mặt chính trị, Gambetti ạ, chứ không phải ngược lại. Bức điện tín, như thiên hạ nói, không làm tôi bị rung động chút nào. Tất nhiên, dần dần nó bắt tôi phải tính đến các hậu quả kéo theo. Song đầu óc tôi vẫn hoàn toàn tỉnh táo, như khi lần đầu tôi đọc bức điện. Ngay cả sau khi đọc lại lần thứ hai, lần thứ ba, tay tôi không hề run, toàn thân tôi không lẩy bẩy. Hàng giờ sau, tay tôi vẫn chẳng run, toàn thân tôi vẫn không lẩy bẩy. Tôi bình thần ngó quanh căn hộ tôi ở. Mấy năm gần đây, tôi bài trí, sắp xếp nó hoàn toàn theo sở thích của tôi, theo cách tôi nghĩ. Tôi đã quen với căn hộ rộng thênh thang này, tôi hoàn thiện nó cho hợp với các mục tiêu của tôi. Ta tìm được căn hộ này nhờ anh Zacchi, tôi nghĩ bụng, anh bạn sống trong lâu đài riêng phía đối diện. Tâm thế giới của ta nằm trong căn hộ này và nó sẽ nằm ở đây mãi mãi. Ta sẽ không tự từ bỏ tâm điểm này, ta sẽ làm mọi thứ để không phải từ bỏ nó. Không có gì có thể búng ta khỏi Rome để đưa ta quay trở lại Wolfsegg được cả. Tôi đứng lên, bước tới bên cửa sổ. Tôi chưa thấy Piazza Minerva yên tĩnh như thế này bao giờ, lèo tèo hai, ba bóng người, ngoài ra chẳng còn ma nào, mà lại vào giờ này, năm giờ chiều, quang cảnh như thế quả là bất thường. Tôi hạ tấm màn xuống, khiến căn hộ tối om om. Tôi thích căn hộ nhất chính vào những lúc trong đó tối om om thế này, những lúc tôi nghĩ ngợi tốt nhất. Tôi chợt nghĩ, ngay đêm nay, tôi sẽ về Wolfsegg, bằng chuyến tàu đêm, nhưng sau đó lại nghĩ, thôi, sáng sớm mai hãy lên đường. Mới đầu tôi tự nhủ, thôi, lên tàu đi ngay; nhưng ngay sau đó lại nghĩ, không, chờ sáng mai, bắt chuyến tàu đầu tiên; tôi nghĩ

tới, nghĩ lui, nghĩ đi, nghĩ lại mãi như thế, nhưng rất bình thản, xem nên quay về Wolfsegg thế nào. Tôi cố hình dung xem hai con em gái đang ngóng chờ tôi. Tôi nghĩ bụng, kệ chúng nó, mình không báo bao giờ đến nơi, cho chúng nó thấp thỏm thế nào thì thấp thỏm. Tôi tự nhủ, đi xuống nhà gọi điện thoại, rồi đi ra phía cửa ra vào để đi xuống; song, vừa đến cửa, tôi lại quay lại bên cửa sổ. Cứ thế, tôi ra đến cửa rồi quay lại, có đến chục lần, có khi cả trăm lần cũng nên, tôi chẳng biết rõ bao nhiêu, nhưng rõ ràng rất nhiều lần, không phải chỉ một hay chục lần, quay đi quay lại giữa cửa sổ với cửa ra vào. Rồi tôi lại ngồi xuống bên bàn giấy, như mọi khi, vào giờ này tôi vẫn ngồi, nhưng không phải để làm việc thường ngày của tôi, không phải để ghi chép, không phải để chuẩn bị bài giảng, nhất là bài giảng cho Gambetti, mà là để nhìn lại vào mấy tấm ảnh tôi vẫn để trên bàn. Tôi không cảm thấy có nhu cầu tiếp xúc với ai vào lúc này, tôi chỉ muốn ngồi đây cô độc hoàn toàn. Tôi cũng không có nhu cầu phải thông báo cho ai. Tôi phải ngồi một mình với dòng tin báo tử này. Tôi nghĩ bụng, không biết tôi phải báo tin bố mẹ tôi chết cho ai, báo như thế nào, bằng cách nào. Tôi nghĩ đến người này, người kia, cân nhắc tên người này, tên người nọ, số điện thoại người này, số điện thoại người khác chợt hiện ra trong đầu, nhưng rồi tôi lại bỏ ý định báo tin bố mẹ tôi chết cho một ai đó biết. Hay cứ báo cho Gambetti nhỉ, tôi nghĩ bụng, hay cho Zacchi, hay cho Maria - nàng thi sĩ của tôi ở căn hộ gần phố Condotti và có cuộc hẹn ăn tối với tôi hôm nay đi. Từ ngày ở Rome, tôi gặp Maria đầu đàn; nàng là người đàn bà duy nhất tôi thực sự duy trì liên lạc, là người lâu nay tôi vẫn có nhu cầu, mỗi tuần phải gặp được một lần. Bây giờ ta đến gặp người bạn *thông minh* của ta, tôi vẫn thường tự nhủ, *người bạn giàu trí tưởng tượng, một thi sĩ lớn*, bởi tôi không bao giờ nghi ngờ, dù chỉ một giây khắc, sự thật hiển nhiên là mọi thứ nàng sáng tác đều lớn lao hơn, đều tuyệt vời hơn tất cả những gì các nữ thi sĩ khác viết ra. Nàng là người đầu tiên tôi phải gọi điện thoại, để báo với nàng vì sao cuộc hẹn của tôi với nàng sẽ không thành, vì sao tôi phải quay lại Wolfsegg, về lại cái chốn tôi vẫn ngần ngại hết lời, cái chốn tôi vẫn gọi là mắc dịch, gây chết người trước mặt nàng ấy. Maria chẳng biết chốn Wolfsegg nào khác, ngoài chốn Wolfsegg mắc dịch, chết chóc của tôi, cả Gambetti lẫn Zacchi đều không biết Wolfsegg nào khác, tất cả những ai nữa tôi quen ở Rome cũng đều không biết như thế nốt. Với ai,

bao giờ tôi cũng chỉ kể về cái chốn Wolfsegg mắc dịch, nguy hiểm chết người - cái chốn địa ngục nơi tỉnh lẻ ấy. Được rồi, gọi điện cho Maria, gọi cho Gambetti, cho Zacchi, tôi nghĩ bụng, rồi lại ngồi xuống bên bàn. Không đem gì về Wolfsegg cả, tôi tự nhủ. Phải bình tĩnh. Gọi điện cho hai con em gái, tôi thầm nghĩ. Báo chúng nó biết, bao giờ tôi về. Nhưng trước hết, tự tôi, tôi phải biết bao giờ tôi lên đường đã. Mà tôi đã biết đâu. Rồi cuộc, tôi đi đến kết luận chung cuộc là, thực ra, tôi chẳng có cách nào để tự quyết định cả. Bên hỏa xa mà đình công, ắt tôi phải bắt máy bay; các hãng hàng không mà đình công, ắt tôi phải đi tàu hỏa; nhưng muốn đi tàu thì tôi phải lên đường ngay đêm nay, muốn đi máy bay thì phải năm giờ sáng sớm mai. Chưa lần nào như lần này, vừa từ Wolfsegg quay về mà tôi - cứ nhớ đến nó - lại thấy tởm lợm và lại giơ tay về còn lâu nữa mới quay lại đây. Ấy thế mà bây giờ tôi lại phải *lập tức* quay lại. Tôi sực nhớ đến tay luật sư của gia đình tôi ở Weis, tay luật sư của bố tôi, đặt văn phòng ở quảng trường Franz Josef - cái văn phòng vừa bước vào tôi đã thấy đáng ghét. Vợ tay luật sư chột hiện ra trước mắt tôi, thật đáng ghét. Tôi thấy viên bác sĩ của gia đình tôi ở Weis, thật đáng ghét. Vợ hắn, cũng đáng ghét nốt. Thành phố Weis cùng các thị trấn lẻ xung quanh, tôi bỗng thấy đều đáng ghét cả. Nghĩ đến Vocklabruck, tôi thấy đáng ghét, nghĩ đến Gmunden - cũng đáng ghét. Đám dân đáng kính tởm ở những nơi đấy, trong những chiếc áo choàng mùa đông nặng trĩu, trông đến phát buồn nôn của họ - tôi nghĩ bụng - bọn người đội mũ lông bịch trên đầu, kéo lê bệt những đôi giày đã nặng như chì, lại to tổ bố dưới chân ấy. Tôi nghĩ đến chợ trời ở Weis, thấy sao nó đáng ghét, đáng tởm thế, tôi nhớ đến quảng trường thị trấn Gmunden, cũng thấy nó đáng ghét quá thế. Ta mà bắt chuyện với bọn người ở những nơi chốn đáng ghét ấy, thì lập tức, cả thế giới này cũng trở nên đáng ghét nốt. Ta mà sống ở vùng ấy, thì suốt ngày ta sẽ phải đụng chạm với lũ người đáng tởm đó, tôi nghĩ bụng, nhưng ta chẳng chạy đi đâu được, đấy là xứ của họ. Tôi chịu không nổi lối nói năng cũng như kiểu ăn cách mặc của họ. Tôi không chịu nổi những gì họ suy nghĩ tính toán; những gì họ phô trương, những gì họ đã làm và mưu tính làm, tôi đều không chịu nổi. Họ nói gì, làm gì, đều để chống lại tôi. Tôi quả thực không chịu nổi lối sống Thiên chúa giáo và Quốc xã của họ. Tôi chịu không nổi giọng họ nói, không những tôi không chịu nổi họ nói *cái gì*, mà họ nói *như thế nào*, tôi

cũng chịu không nổi. Những lúc tôi quan sát họ, tôi không làm sao có những tình cảm xứng với họ, trong đầu tôi chỉ rặt những suy nghĩ bất công nhất hạng dành cho họ, tôi tự nhủ. Phải chăng, do chính tôi bị mối ác cảm bệnh hoạn tôi luôn dành cho Wolfsegg làm mê muội, khiến tôi không công bằng với họ, khiến tôi bất công đến mức tàn nhẫn đối với họ và tất cả những gì dính dáng đến họ khi tôi giương mắt quan sát họ. Đơn giản là tôi ghê tởm họ, họ khiến tôi buồn nôn. Những con ngỗng xinh xắn tại cái thị trấn đó phỏng có ích gì, tôi nghĩ bụng, nếu ở đó rặt một bọn người đáng ghét như thế kia sống chen sống chúc. Những quảng trường đẹp đẽ kia phỏng có ích gì cho tôi, nếu trên đó lảng vảng vài ba hình hài xấu xí, bẩn thỉu. Từ lâu tôi chẳng còn chút thiện cảm nào dành cho họ. Tôi khinh thường họ, tôi căm ghét họ, nhưng đồng thời tôi cũng thừa nhận sự bất công tệ hại tôi đổ cho họ. Thế nhưng, tôi không thể và cũng không muốn lấy lòng tất cả bấy nhiêu con người, để họ quay ra quý mến tôi; tôi không muốn còn gì chung đụng với đám dân chúng ấy nữa khiến họ yêu thương tôi, tôi tự nhủ, tôi không thể quay lại với họ, với dân tộc họ nữa. Tôi không thể bước vào các cửa hàng lối bịch của họ nữa, không thể ghé vào các văn phòng khăm khảm của họ nữa, tôi không thể đặt chân vào các ngôi nhà thờ lạnh lẽo và huy hoàng giả tạo của họ nữa. Chính các tay thầy thuốc ấy đã hủy hoại tôi, chính các viên luật sư ấy đã bịp tôi, chính các vị linh mục ấy đã lừa tôi. Tất cả những con người ấy đã làm tôi thất vọng, đã sỉ nhục niềm tin tôi từng gửi gắm nơi họ bằng những cách bẩn thỉu nhất. Tôi nghĩ bụng, tôi không thể gặp họ nữa, họ trở thành những kẻ tôi không sao chịu nổi, không còn có gì cứu vãn được nữa. Tất cả bọn người lũ ngợm ấy ghét bỏ những gì tôi yêu quý, coi thường những gì tôi kính trọng, ưa chuộng những thứ tôi ngao ngán. Đến bầu không khí họ hít vào thở ra cũng khiến tôi phải buồn nôn buồn mửa. Trên khắp thế giới này, tôi tự nhủ, đâu đâu tôi cũng lắm bạn nhiều bè, duy ở nơi lẽ ra phải là nhà tôi, quê hương tôi, tôi lại chẳng có ai làm bạn, ngoài những con người công nhân, những người thợ mỏ bình thường và giản dị nhất. Khắp nơi trên thế giới, đâu đâu - nếu không phải thường xuyên, thì cũng lúc này lúc khác - tôi cũng luôn luôn là con người hạnh phúc, ở nơi này, nơi kia, tôi còn là người mãn nguyện nhất, sung sướng nhất, vâng, biết ơn nhất nữa kia, nhưng ở nơi lẽ tôi phải được sung sướng, mãn nguyện hơn nữa ấy, thì lại không bao giờ. Bọn chúng không



hiều ta, tôi tự nhủ, bọn chúng chẳng hiểu gì, bọn chúng không hề hiểu bất cứ thứ gì. Bọn chúng không biết cách sống. Bọn chúng sống để làm ăn, chứ không phải làm ăn để sinh sống. Chúng đều cẳng, hèn hạ, nhưng lại vĩ cu ồng, hoang tưởng. Bọn chúng mở m ồm nói *chào buổi sáng* một cách quái đản; nhòen miệng *chào buổi tối, chúc ngủ ngon* - cũng theo một kiểu quái đản như thế nốt. Người nghĩ đến bọn người trong nhà, người thấy buồn nôn; nghĩ đến lũ người khác ở đây, người cũng thấy buồn nôn. Tất nhiên, một kẻ chỉ mang độc những ý nghĩ kiểu như thế trong đầu là kẻ bệnh hoạn, tôi nghĩ bụng, và lập tức hiểu ra, tôi đang chìm đắm trong tâm trạng nguy hiểm như thế nào. Bình tâm lại, tôi tự nhủ, giữ đầu óc cho tỉnh táo, cứ bình tĩnh, phải hết sức bình tĩnh. Song, tôi không thể thoát khỏi tâm trạng nguy hiểm ấy nữa rồi. Tôi nghe thấy rõ rành rành họ rửa: Thằng ấy bị hoang tưởng - nói như họ thường nói - bị mắc chứng hoang tưởng vĩ cu ồng khác với của nhà ta, dạng hoang tưởng vĩ cu ồng của riêng nó. Trông thấy tôi, *bọn chúng* li ền buồn nôn. Nghe hắn nói *chào buổi sáng*, bọn họ thấy quái dị, cũng quái dị như khi nghe hắn nói *chào buổi tối* hay *chúc ngủ ngon*, tôi tự nhủ. Cách hắn ăn mặc, quần áo, mũ mào, giày dép, bọn họ đều thấy đáng ghét. Hắn nghĩ gì, hắn làm gì hay không làm gì, với bọn họ, đều đáng ghét cả. Bọn họ khinh bỉ hắn giống y như hắn khinh bỉ họ, bọn họ căm ghét hắn y hệt như y căm ghét họ. Vậy thì, sự khinh bỉ của ai, lòng căm ghét của ai đúng hơn, công bằng hơn đây? Chẳng biết được, tôi nghĩ bụng. Tôi đứng dậy, tiến đến bên cửa sổ, bởi ng ồi bên bàn bây giờ khó chịu quá, rồi nhìn xuống Piazza Minerva. Mành nhà Zacchi đầu hạ hết cả xuống, tôi tự nhủ, chắc anh ấy không có nhà, có lẽ đến chỗ chị gái ở Palermo rồi. Anh hay đi thăm chị ấy. Chị mắc bệnh thận, phải nằm trong bệnh viện chuyên điều trị bệnh thận, ở một trong những vùng đẹp nhất Sizilien, dưới chân núi Pellegrini. Lúc nào anh ấy thả hết mành xuống, có nghĩa là anh ấy về Palermo thăm chị, tôi nghĩ bụng. Nhưng rồi tôi cũng sẽ thử tìm cách báo tin cho anh ấy biết về cái chết của bố mẹ tôi. Tối muộn, có khi anh ấy sẽ về. Tôi đi đi lại lại trong căn hộ; tôi mở toang hết cửa các phòng để dễ dàng tới lui. Như thế, tôi khỏi phải xuống phố mới thư giãn được, chỉ cần đi đi lại lại nhiều lần trong phòng là đủ. Tôi đã tự mình rời bỏ Wolfsegg, tôi vừa đi một quãng trong nhà, vừa nghĩ bụng. Dần dần, rồi tôi cũng tỉnh tâm lại. Tôi rời bỏ Wolfsegg và xa lánh gia đình một cách có chủ định hẳn hoi. Tôi đã

cổ tình *cắt đứt* với Wolfsegg. Tôi đã luôn luôn xúc phạm bố mẹ tôi. Tôi đã làm mọi thứ, khiến họ phật lòng, tôi cũng luôn làm mọi thứ, cốt chỉ để xúc phạm anh em tôi. Và, để xúc phạm bố mẹ, anh em, tôi chẳng hề nương tay chút nào. Tôi đã rất hay hạ nhục họ, thường xuyên chế nhạo họ, ngay cả khi họ không hề có gì đáng để hạ nhục hay chế nhạo cả, tôi tự nhủ, và đâu óc tôi bỗng trở lại tỉnh táo. Tôi thường lên án bố tôi theo một cách đê hèn nhất ở cả những việc chẳng có gì đáng phải lên án cả. Tôi đã thường lừa dối mẹ tôi, tôi cũng thường chế nhạo bà trước mặt bao nhiêu là người, làm nhục bà, làm bà tổn thương với cung cách kiêu ngạo của tôi, bây giờ tôi phải tự thú nhận như thế. Song, quả thực tôi đã bình tĩnh trở lại, đâu óc cũng quả thực đã tỉnh táo trở lại. Tôi đã hoàn toàn tự ý rời bỏ gia đình, và như thế, tôi đã tự tước bỏ mọi quyền phán xét của tôi đối với mọi người thân trong nhà, tôi nghĩ bụng rồi quay người đi ngược lại. Nhiều năm nay rồi, tôi không thuê thợ quét vôi lại căn hộ, bởi tôi không chịu nổi đám thợ lảng xãng, vừa nhìn vết nứt trên trần nhà, tôi vừa nghĩ bụng. Tôi phải dọn đến một lâu đài kiến trúc thời Phục hưng để được cảm thấy tôi chỉ còn lại một mình với mình, tách biệt hết với mọi người. Bởi vì sự thật là ở chỗ, tôi đã tách biệt tôi khỏi tất cả mọi người, chứ không phải chỉ tách khỏi người nhà tôi ở Wolfsegg mà thôi. Gambetti, Zacchi, Maria - giới người tôi giao lưu teo lại còn từng ấy mong. Và, chẳng bao lâu nữa thì cả cái giới người đã teo tóp lại ấy cũng không còn tồn tại nữa, tôi nghĩ bụng, rồi quay gót đi theo hướng ngược lại. Nếu ta sống sót, tôi tự nhủ, ta bỗng trở lại, *hoàn toàn đơn độc, tuyệt nhiên không còn lấy một sinh linh nào nữa ở gần ta*. Tôi chấp tay sau lưng, một thói quen tôi nhiễm từ ông nội tôi. Tôi nghĩ bụng, tôi đã nhiễm không những nhiều, mà hầu hết các thói quen của ông nội tôi. Chao ôi, giá chú Georg tôi biết tôi lúc này bỗng thực sự đơn độc ra sao. Tôi đã luôn luôn khao khát sống đơn độc, thế nhưng, khi tôi đơn độc, tôi lại là kẻ bất hạnh nhất. Tôi không chịu được sự đơn độc, nhưng lại luôn mồm nói về sự đơn độc đó, tôi rao giảng về sự đơn độc, nhưng lại căm thù nó thậm tệ, bởi nó - như tôi vẫn biết, như tôi đang cảm nhận rất rõ ràng bây giờ đây làm ta bất hạnh hơn bất cứ thứ gì khác, tôi khuyên Gambetti chọn cuộc sống đơn độc, nhưng tôi biết rất rõ, sự đơn độc là hình phạt đáng sợ nhất. Miệng tôi bảo Gambetti, Gambetti ạ, *sự đơn độc chính là đỉnh cao tuyệt đối*, bởi lúc đó tôi đóng vai triết gia riêng của anh ta, nhưng trong

lòng tôi, tôi biết rất rõ, *sự đơn độc là hình phạt kinh khủng nhất trong mọi hình phạt*. Chỉ kẻ nào điên mới rêu rao tán tụng sự đơn độc, và hoàn toàn đơn độc, nói cho cùng, cũng có nghĩa là hoàn toàn điên loạn, tôi nghĩ bụng rồi quay người đi ngược lại. Căn hộ tôi rộng khiến tôi không có cảm giác bị giam hãm, bị ngăn chặn hay đè nén, nó tạo cho các suy nghĩ của tôi một khoảng không gian tự do, khoảng không gian tôi chỉ thường tìm thấy ở các quảng trường rộng trong thành phố mà thôi. Tôi đã tính đến nó, khi chọn căn hộ này trong cơn vĩ cuồng, bởi vì, rõ ràng chứng vĩ cuồng của tôi đã thôi thúc tôi thuê căn hộ rộng thênh thang này ở Piazza Minerva với giá cao kinh khủng, cao tới mức tôi không bao giờ nói thật cho người nhà tôi biết cả. Có lần do bố mẹ gắng hỏi - tôi đã xướng lên một cái giá giới ời, chưa bằng nửa giá thuê nhà thật; bởi nếu tôi nói thật ra, ông bà sẽ hết hồn mà bảo tôi điên. Tôi bảo, đây là một trong những căn hộ giá cả phải chăng nhất ở Rome, nói một lần rồi thôi, sau đó không bao giờ có ai nhắc đến giá thuê căn hộ của tôi nữa. Song, ở trong căn hộ này, quả thực, đôi khi tôi cũng có cảm giác tựa tựa như ở trong nhà ngục, tôi nghĩ thầm, và đi đi lại lại trong căn hộ này như thể đang đi đi lại lại trong nhà ngục vậy. Thì chính tôi chẳng vẫn hay gọi căn hộ của tôi là *ngục tối để nghĩ ngợi* là gì nhưng gọi trộm một mình thế thôi, không nói cho ai biết, nếu không, thế nào người ta cũng ngờ tôi mất trí, bởi chắc chắn họ sẽ nghĩ, chỉ ai mất trí mới gọi căn hộ mình ở là ngục tối để nghĩ ngợi như thế. Tôi lại ngồi xuống bên bàn giấy, xem xét mấy bức ảnh tôi đã xem xét suốt từ chiều đến giờ, đồng thời tự nhận thấy chính mình tử tế lên như thế nào. Bây giờ tôi xếp mấy tấm ảnh nằm cạnh nhau rồi tự nhủ, không thể đánh giá những người chụp trong ảnh theo cách *như thế này* được. Không thể đánh giá họ như đánh giá hình ảnh họ chụp trong ảnh được. Tôi lại chồng các tấm ảnh lên nhau, chồng làm sao cho tấm ảnh chụp bố mẹ tôi trên sân ga Victoria ở London - đúng vào lúc hai người đang bước lên tàu đi Dover - che kín hai tấm kia. Tôi đã mong đợi một cảm xúc khác, nhưng đến lúc này hai ông bà vẫn gây cho tôi cảm giác nực cười và lỗ bịch y như lúc đầu. Tôi đành cho mấy tấm ảnh vào ngăn kéo bàn giấy, rồi quyết định gọi điện thoại cho bạn bè và đặt chuyến bay sớm mai, bay từ Rome, về nhà. Các ngón tay tôi không hề run, người tôi không lấy bẫy. Đầu óc tôi hoàn toàn tỉnh táo. Bức điện tín này có ý nghĩa gì, tôi biết rất rõ.



## **II**

### **Tờ di chúc**

Tôi về đến Wolfsegg, kín đáo và bất ngờ - rồi chúng nó sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho tôi đâu, tôi biết vậy - vì tôi không cho xe chạy thẳng lên chỗ chúng nó ngay; mà vừa đến dưới làng, tôi đã nói lái xe dừng, cho tôi xuống tại một nơi tôi cảm chắc sẽ không ai trông thấy tôi, tức là đúng công làng, gần ngôi trường, chỗ con đường chính chạy ngoặt về phía khu mỏ. Quả nhiên, tôi đi qua mảnh sân quanh Cột Đức Mẹ mà không gặp một ai, vắng tanh, khiến tôi đâm thoáng có ý nghĩ, hay là mọi người chui vào nhà trốn hết cả rồi, *không muốn* lộ mặt ra lúc này, vì giờ này, tôi nghĩ thầm trong bụng, có lẽ linh cữu bố mẹ và anh trai tôi đang được quàn trên Wolfsegg và cả làng cũng lặng lẽ để tang chẵn, tôi nghĩ vậy, nhưng quên mất rằng tầm giữa trưa, vào các ngày giữa tuần, trong làng bao giờ cũng vắng vẻ. Nói gì thì nói, tôi không muốn cho xe chạy thẳng lên Wolfsegg. Người lái xe taxi, tất nhiên, đã nhận ra tôi ngay từ lúc tôi xuống tàu ở ga Attnang-Puchheim rồi băng qua sân ga ra bến đậu taxi. Tôi có cảm giác mọi người đều nhận ra tôi, nên để tránh họ, tôi rảo bước nhanh hơn thường ngày đến bên xe taxi rồi nói luôn, cho tôi về Wolfsegg gấp. Nhưng, ngồi trên taxi đang chạy, tôi lại không nghĩ đến Wolfsegg, là nơi tôi sắp phải đến, mà lại nhớ đến Rome, nơi tôi vừa rời đi sáng sớm nay. Miễn cưỡng lắm ta mới phải theo đường này lên Wolfsegg, suốt cả đoạn đường chỉ độc một ý nghĩ, cực chẳng đã ta mới phải ở đây, tôi nghĩ bụng, trong lúc xe taxi chạy qua một trong những vùng phong cảnh đẹp nhất trần gian, kéo từ chân núi Alpen đến Hausruck, là vùng phong cảnh dễ chịu nhất đối với tôi, làm an lòng tôi nhất, rất có thể, cũng là phong cảnh đẹp nhất đối với tôi cũng nên, nếu có lúc nào đó, tôi được ngắm nhìn mà không phải nghĩ đến Wolfsegg và gia đình tôi. Nói cho đúng, xe đang đưa tôi lướt qua vùng phong cảnh tôi ưa thích, qua những cánh rừng rậm ở gần Kien và Stocket về phía Ottnang. Những con người ở quanh đây - ngồi trong xe, tôi tự nhủ - ta vẫn yên mến từ xưa, những con người giản dị, chất phác nhất đời, nông dân, thợ mỏ, thợ thủ công, các chủ quán ăn bình dân, khác với người nhà ta trên Wolfsegg kia, những người mà từ lúc còn bé, khi phải đối mặt ta chỉ thấy kinh hãi, và ngồi trong xe, tôi lại tự hỏi, tại sao tôi lại chỉ luôn luôn quý mến những con người gọi là ở dưới đây - chỉ vì họ ở vùng đất trũng dưới này - còn người nhà tôi ở phía trên núi cao thì không, tại sao bao giờ tôi cũng kính trọng những người ở dưới đây, khác với người nhà tôi trên kia,

là những người, nói cho cùng, tôi luôn luôn *coi thường*, nếu không nói là căm ghét, tại sao ở chỗ những người dưới đây, suốt đời ta, ta thấy dễ chịu, trong khi ở chỗ người nhà ta trên kia, ta chỉ thấy khó chịu, bực bội, tại sao ở chỗ những người ở dưới đây, ta cảm giác thân thuộc như ở nhà, còn ở chỗ người nhà ta trên kia, chẳng bao giờ ta có cảm giác đó. Thôi, hãy tạm ngắt lu ồng ý nghĩ đó ở đây đã. Phong cảnh tôi đang lướt qua đây đẹp biết bao, tôi vừa ngắm nhìn xung quanh vừa nghĩ bụng, tôi cũng yêu quý những con người sinh sống ở đây biết bao, r ồi tự nhủ, ta quý nhất dân thợ mỏ, quý cách đối xử của họ đối với anh và của họ đối với nhau; mà nói cho cùng, ta cũng cùng lớn lên với họ ở đây chứ đâu - tôi nghĩ bụng - ta đã cùng họ đến trường, cùng họ chia sẻ nhau cả chục năm trời đầy th ối. Bởi mãi mê như thế với những ý nghĩ như thế về cảnh vật và con người vùng xung quanh, cho nên mãi đến lúc xuống xe r ồi, tôi mới sực nghĩ ra, suốt từ đầu đến giờ, tôi không chuyện trò gì với người lái xe, một người - như thiên hạ vẫn nói - tôi trông quen quen nhưng không biết tên, và cũng không hỏi, trái với thói quen vẫn có, thói quen bao giờ cũng hỏi thăm dân ở quanh đây, mỗi khi gặp gỡ, xem họ tên gì, một thói quen tôi học của chú Georg - ông chú nổi tiếng, vắng tôi phải thừa nhận ngay như vậy, nổi tiếng hiếu biết và thân thiện với bà con dân chúng ở đây. Không ai đối xử nhã nhặn với người khác - nhất là với những con người giản dị, mộc mạc, tự nhiên - như chú Georg tôi. Chính ở chú Georg tôi học được cách c ần đối xử với họ như thế nào, nói năng, trò chuyện với họ ra sao, để giữ cân bằng giữa họ với người nhà tôi mà không làm bên nào mất lòng. Chú Georg quý mến những con người giản dị, chất phác, chú hòa đ ồng với họ, tôi cũng vậy. Ở bãi đất trống đầu làng quả không có ai thật, đến như mấy chú mèo thường vẫn nằm ườn ở đây vào các buổi trưa nóng nực cũng trốn đi đâu hết cả, nên tôi nghĩ th ần, có lẽ cứ lẳng lặng lên Wolfsegg mà *không bị ai trông thấy*. Mấy quán ăn đều đóng cửa, cửa sổ lò bánh trống không, cửa hàng thịt hạ rềm kín mít. Mọi thứ đều có vẻ buồn th ảm, như muốn chia sẻ với gia đình chúng tôi trong lúc gặp tai họa. Ở Rome tôi vẫn kịp gọi điện cho anh Zacchi, lúc đó đúng là anh đang ở Palermo, và bảo anh ấy, đến khổ cho tôi, *bây giờ lại phải quay lại Wolfsegg, sau ba ngày vừa rời khỏi đó về đây*; tôi nói với anh ấy bằng một giọng chính tôi cũng cảm thấy bất nhã, một giọng mà bây giờ chắc tôi sẽ không dám nói, nhất là với một người như Zacchi -

là người thật ra chưa thân thiết với tôi lắm, như Maria hay Gambetti chẳng hạn. Lúc đi qua mảnh sân đầu làng, tôi thấy hồi hận đã gọi điện cho anh Zacchi, bởi trong điện thoại, tôi có cảm tưởng, anh ấy dường như không hiểu tình cảnh éo le của tôi lắm, khác hẳn Maria - nàng hết sức hiểu tôi, hiểu cặn kẽ mọi chi tiết tôi thổ lộ với nàng, chia sẻ với tôi mọi điếu tôi buột miệng tuôn ra, cả những điếu chắc chắn nàng nghe sẽ lấy làm quái dị lắm, nhưng nàng biết đó là cái rất điển hình cho tôi. Cả với Gambetti tôi cũng đã vắng ra nhiều điếu không cần thiết, và không dừng được, tôi lại sa vào việc công kích gia đình mình, sa sả tuôn ra những lời chỉ trích dài lê thê, tràng giang đại hải theo cái lối mà tự tôi, tuy cũng ghét cay ghét đắng thật đấy, vẫn không sao giữ mồm được. *Tôi lại quay về chốn địa ngục*, tôi bảo với Gambetti, ngay năm giờ sáng ngày mai. *Thật kinh khủng*, tôi còn bõ thêm như thế với anh ta mà không nghĩ đến, hay đúng hơn là không lưu tâm đến một sự thực là, bõ thêm những lời như thế thật hết sức vô duyên, thật không cần thiết, và nói cho cùng, thật đều cáng, hay ít ra, thật quá quắt và thật xúc phạm đến gia đình, đúng vào lúc lẽ ra tôi phải tỏ chút lòng kính trọng mới phải. Song - vừa đi qua khoảnh đất trống tôi vừa nghĩ - tôi không bao giờ tự lừa dối mình được, tôi là người thế nào, tự lúc lọt lòng tôi đã thừa kế những gì, và như thế nào, từ chính bố mẹ tôi, thì tôi khắc phải thể hiện ra như thế. Dân làng, nếu có nhìn thấy tôi bây giờ, hẳn họ sẽ nghĩ, gã kia từ xưa đến giờ lúc nào cũng lạ lùng; nhẽ ra phải nhanh chân về Wolfsegg với người nhà mình, gã lại cứ luẩn quẩn mãi dưới làng. Rõ hạng vô giáo dục, rõ đờ phụ bạc, một kẻ không ai thương được! Song, tôi lại nghĩ ngay, dân làng sẽ không phán xét tôi như gia đình tôi, người nhà tôi trên kia mới nghĩ như vậy, nghĩ thật xấu về tôi, chẳng khác gì tôi nghĩ về họ; tôi tin chắc dân làng dưới đây sẽ tôn trọng tôi, chứ không coi thường tôi như người nhà tôi trên kia, dân làng quý mến tôi chứ không ghét bỏ tôi như người nhà tôi trên kia. Đúng vậy thật, dân làng từ xưa đến giờ vẫn quý tôi, như tôi cũng quý họ, nhất là cánh thợ mỏ, bởi phần đông dân làng là thợ mỏ, từng làm hay vẫn đang làm ở các mỏ than nâu của nhà tôi, mặc dù hiện nay số thợ không còn bao nhiêu. Họ, dân làng này, xưa nay bao giờ cũng là ngu ồn an ủi duy nhất của tôi, tôi nghĩ bụng, khi đi ngang bãi đất trống giữa làng. Với họ, tôi có thể nói những chuyện chẳng bao giờ tôi nói với người nhà tôi, hễ còn nhỏ, tôi có thể giải bày mọi nỗi niềm, tôi có thể khóc hết



nước mắt với họ. Vừa đi, tôi vừa nghĩ, trong khi dưới làng đây, mọi sự đều diễn ra rất tự nhiên, tức là rất nhân tính vậy, thì ở trên Wolfsegg mọi sự lại đều giả tạo và phi nhân tính. Và tôi tự hỏi, vì đâu ra nông nổi ấy, vì sao lại thế. Thế nhưng thời gian đi qua bãi đất trống dưới làng chẳng là mấy, để tôi theo đuổi mãi dòng ý nghĩ đó. Tôi quay sang với ý nghĩ khác; không biết tôi sẽ gặp bọn em gái tôi lúc chúng nó đang thế nào, tôi tự hỏi, rồi phóng tầm mắt bao quát khoảng trời đất trải dài có tới hai trăm cây từ tây sang đông - một khoảng trời đất bao la chỉ đứng ở chỗ này, duy nhất chỗ này, chứ không chỗ nào khác trên đất Áo, mới nhìn bao quát được. Vâng, đúng tại chỗ đẹp nhất mà tôi bao giờ cũng dừng lại này, tôi phóng tầm mắt nhìn phong cảnh tuyệt trần xung quanh vào cái ngày không một gợn mây trên trời cao và hít một hơi dài căng lồng ngực, trong giây phút ấy, tôi tự hỏi, tại sao ta lại để mặc thiên nhiên tuyệt vời này lọt vào tay bọn người dưng như *sinh ra* chỉ để tàn phá và hủy hoại thiên nhiên ấy. Như vậy, mình đến quá đúng lúc, tôi nghĩ bụng, rồi bước tiếp, đi ngược lên phía trên. Trong làng dường như không còn một ai thật, bởi cho đến giờ, tôi vẫn chẳng nghe thấy tiếng động nào cả. Mọi khi, đi ngang qua đây tôi thường vẫn nghe vọng qua các cửa sổ mọi nhà những tiếng động của dân tình sống trong đó. Bây giờ tịnh không nghe thấy tiếng động nào và tôi quy ngay lý do gây ra sự im ắng ấy cho tai họa của gia đình tôi. Chắc dân tình ở đây ai cũng chia buồn với gia đình tôi. Tôi sải bước, nhanh như chạy trên con đường có hai hàng cây mọc hai bên dẫn lên Wolfsegg, chứ không như người khác, vào những lúc như thế này, có lẽ sẽ chỉ bước đi chầm chậm. Vâng, một nỗi tò mò mà tự tôi cũng cảm thấy thật vô liêm sỉ đã khiến tôi đi gần như chạy trên con đường có hai hàng cây hai bên dẫn lên Wolfsegg ấy. Song, lên đến cổng chính cạnh khu nhà quản sự tôi dừng lại, và qua những nhánh cây khổng lồ của hai cây dẻ mọc sừng sững ngay tại cổng, tôi nhìn xéo qua khu vườn sang nhà kính, là nơi như tôi vẫn nhớ, xưa nay ai ở Wolfsegg chết đều đem quần ở đấy. Cửa vào nhà kính quả nhiên mở rộng, thợ làm vườn đang ra ra vào vào, bê theo các loại vòng hoa, bó hoa khác nhau. Tôi quyết định không vào khu nhà kính vội, tôi chưa muốn thấy xác bố mẹ và anh trai tôi quần trong đó. Tôi chần chừ, muốn quan sát kĩ càng hơn quang cảnh mọi sự đang trải ra trước khu nhà kính kia. Bởi chưa ai thấy tôi, vẫn chưa bị ai phát hiện, nên tôi vẫn còn cơ hội để đứng đây lặng

lẽ quan sát. Cung cách bình thản của mấy người thợ làm vườn đập ngay vào mắt tôi; không nói không rằng, rất khẽ khàng theo lối tôi vẫn quen thấy ở họ, họ khuôn vòng hoa từ khu nhà quản sự ra ngoài rồi chuyển vào trong nhà kính. Các xô đựng đầy nước thì họ phải xách từ tàu ngựa sang. Một tay thợ săn bỗng xuất hiện, có vẻ như định vào khu nhà kính, nhưng lại quay lại và đi khuất về phía khu nhà quản sự. Tôi nép người vào bức tường để có chỗ quan sát tốt hơn. Ta phải quan sát người khác, lúc họ không ngờ đang bị ta quan sát mới được, tôi nghĩ bụng. Cánh thợ làm vườn bước từ khu nhà quản sự ra rồi biến vào trong nhà kính, trên tay lúc nào cũng khệ nệ các bó hoa hay vòng hoa, xô nước hay những tấm gỗ lớn. Phía ngoài nhà kính, họ đặt mấy chậu gỗ lớn trông trác bá hoặc cọ cùng một chậu cây thù, là các loại cây lâu nay họ vẫn chăm sóc cẩn thận trong nhà kính. Ở miền đất phía bắc đây, người ta phải mất bao nhiêu công chăm sóc, nâng niu các giống cây cỏ gốc gác phương nam ấy, tôi nghĩ bụng, lưng vẫn tựa vào tường, trong lòng một đằng tuy có chút băn khoăn, áy náy, như thiên hạ vẫn nói, nhưng đằng khác, lại thấy khoan khoái vì được đứng một mình để nhìn quanh nhìn quất thế này. Tôi bình thản, quan sát mấy người thợ làm vườn với ý nghĩ trong đầu, lát nữa rồi tôi sẽ nhìn thấy bóng một trong hai con em gái, hoặc ai đó trong số họ hàng, chứ chưa nhất thiết phải vội đến ngay chỗ bàn bố mẹ và anh tôi, như nghi thức thông thường đòi hỏi. Song, biết đâu được, có khi tôi lần chần như thế vì tôi sợ cũng nên, tôi sợ đột nhiên phải nhìn thấy người thân của mình không phải lúc đang sống, mà lúc đã chết, đang nằm ở kia. Tôi khiếp hãi các gương mặt đã chết của họ, cũng y như tôi từng khiếp hãi các gương mặt còn sống của họ vậy, tất nhiên, bây giờ tôi khiếp hãi các gương mặt chết không bằng khiếp hãi các gương mặt khi còn sống, nhưng khiếp hãi thì vẫn cứ là khiếp hãi, cho nên tôi chần chừ, bụng bảo dạ, cứ đứng tựa vào tường ở đây đã, chưa vội bước tới vườn kia làm gì. Tính kịch của mọi sự diễn ra ở khu nhà kính đột nhiên lộ rõ ra trước mắt tôi, tôi chợt nghĩ, mình đang xem một màn kịch do thợ làm vườn đóng, với các vòng hoa, bó hoa trên tay họ. Thế nhưng, nhân vật chính cho vở kịch này vẫn còn vắng mặt, tôi lại tiếp ngay dòng suy nghĩ, mà cũng đúng thật, màn kịch sẽ chỉ thật sự mở màn, khi tôi - diễn viên giữ vai chính, hối hả từ Rome đến để tham gia vở kịch đám ma này - xuất đầu lộ diện. Đứng ở cổng nhìn vào, những gì tôi thấy đây mới

chỉ là các bước chuẩn bị cho vở kịch, mà tôi chứ chẳng còn ai khác cả, sẽ khai màn. Tôi chợt có cảm giác, toàn bộ cảnh trí đây, cả như những cảnh diễn ra phía sau, trong tòa nhà chính mà tôi chưa nhìn thấy được, cũng giống như một thứ phòng thay đồ dành cho diễn viên, nơi họ đang sửa sang xiêm áo, trát phấn, bôi son, trang điểm tóc tai, ôn lại vai nhằm lại lời, y hệt như tôi, bởi vì tự dưng tôi cảm thấy tôi, đúng như một diễn viên thủ vai chính - trong khi vẫn hồ hững quan sát các diễn viên khác lặng lẽ sửa soạn cho vai của họ - cũng đang chuẩn bị lên sân khấu, đang xem xét lại chính mình, nếu không nói là đang ôn lại các thủ thuật, các kĩ xảo của mình, đang điếm lại lần nữa trong đầu tất cả những gì anh ta phải thể hiện và diễn đạt, đang nhằm lại lời anh ta phải thuộc theo kịch bản, đang tượng tượng lại trong đầu từng bước đi anh ta phải bước trên sân khấu. Sự hồ hững xâm chiếm lòng tôi lúc đó khiến tôi phải ngạc nhiên, có lẽ, vì lúc đứng ở công vòm và ôn nhằm lại vai sẽ phải đóng trong màn kịch tới như thế, bỗng dưng tôi thấy màn kịch không còn mới mẻ gì nữa cả, mà hình như đã diễn thử đi diễn thử lại hàng trăm lần, có khi hàng ngàn lần rồi cũng nên. Tôi thuộc lâu lâu màn kịch này rồi, tôi nghĩ bụng. Những lời tôi phải nói, tôi đã thuộc, không phải lo gì nữa, mỗi bước chân, mỗi cử động đầu đã thuần thục đến mức, tôi chẳng cần phải nghĩ ngợi gì mà vẫn diễn thành công. Tôi là diễn viên đến từ Rome để thủ vai chính trong vở bi kịch này, tôi nghĩ bụng và cảm thấy khoan khoái chứ chẳng có chút ngượng ngùng nào với ý nghĩ ấy cả. Tôi sẽ nhập vai tốt cho mà xem, tôi nghĩ bụng vậy, chứ không nghĩ ngay, mình quả là đũa xỏ xiên, đều cáng đến mức cũng không nhận thấy cả tính đê tiện của mình tại giây khắc đó. Loại bi kịch này là loại kịch lâu đời, từng được diễn đi diễn lại hàng trăm năm nay rồi, tôi tự nhủ, mọi sự hẳn sẽ diễn ra như máy chạy cho mà xem. Diễn viên thủ vai chính hẳn sẽ phải lấy làm kinh ngạc, khi chứng kiến mọi màn mọi cảnh khớp nhau đầu vào đây, các diễn viên phụ đã thuần thục nghệ thuật trình diễn và thuộc lời thoại, bởi tôi chắc chắn mười mươi rằng cả bọn em gái tôi lẫn mọi người khác đang chờ tôi trong kia, cũng đều đang ôn nhằm lại vai họ sẽ phải diễn, bởi vì họ cũng như tôi, không ai muốn, cũng như không ai nuôi ý định, tự bêu riếu mình trước mặt đám cử tọa sắp tụ tập đủ mặt - đám người nhóm lại với nhau gọi là để đi đưa ma ấy - chỉ vì họ không thuộc vở hay không nhớ mình phải động chân, nhắc tay ra sao, nên trong lúc diễn hết vấp chỗ

này lại va chổ nọ. Tôi tin chắc họ, cũng như tôi, đều d ần tâm huyết cho màn trình diễn nhà nghề chứ không phải chỉ nghiệp dư vớ vẩn, bởi vì trong chúng ta, ai chẳng biết, nghệ thuật ma chay, nhất là ở vùng đất nhà quê này, là nghệ thuật sân khấu ở bậc cao nhất, trong mọi bậc phân loại cao thấp con người ta từng đặt ra. Đến cả những người bình dân nhất cũng đã đưa đám ma lên thành thứ nghệ thuật điêu luyện, còn điêu luyện hơn hẳn trình độ các nhà hát kịch trên toàn nước ta, là những nơi rất một lũ diễn viên nghiệp dư múa may kịch cọt vớ với nhau mà thôi. Bọn em gái tôi đi lên đi xuống tập dượt đám ma lần này không phải như tập dượt một màn kịch bình thường, tôi nghĩ bụng, chúng nó sẽ tập như tập một màn lễ hội tung bừng và gã chủ xưởng sản xuất nút chai rượu vang từ Freiburg hẳn cũng đang vừa lẳng xăng tháp tùng chúng nó, vừa lằm nhằm lại vai của gã, một vai tôi dám c ần chắc chỉ là vai phụ mà thôi. Chúng nó đi lên đi xuống, vừa trông ngóng tôi, vừa tập tới dượt lui màn đám ma bất thành linh chen vào chương trình diễn kịch vốn định sẵn ở Wolfsegg này. Đám ma sẽ diễn ra vào ngày mai, tôi nghĩ, đám ma bao giờ cũng diễn ra ba ngày sau ngày chết. Lúc này, màn sân khấu vẫn chưa kéo ra. Xiêm áo chắc chưa thật chỉnh tề, tôi nghĩ bụng, m ồm miệng vẫn chưa thật trơn tru lời văn tiếng nói theo kịch bản. Và còn gì đẹp hơn một màn diễn, trong đó từ trang phục đến tất tạt mọi thứ khác đều tuyền một màu đen là chính. Cả đám diễn viên giữ vai phụ, làm nền, từ dưới làng lên cũng đều đóng bộ màu đen nốt. Từ lâu lắm rồi, nhà chúng tôi không diễn màn này ở Wolfsegg; lần cuối cùng là lần ông nội tôi mất, lúc ấy ông đã tám mươi chín tuổi, không may vấp vào gốc cây thông rồi ngã vấp đầu chết ngay tại chỗ, trong cánh rừng trải dài từ sau biệt thự trẻ thơ đến tận thành Haag. Bao giờ gia đình tôi cũng ở tình trạng gọi là tình trạng *chực sẵn*, chỉ chờ có đám ma; đủ thứ trang phục, xiêm áo, đạo cụ, phụ tùng, tất tạt những gì cần thiết cho đám ma, đều sẵn đó cả. Song, cũng mất khá lâu, bây giờ các thứ đó mới lại được lôi ra dùng. Nói của đáng tội, tôi nghĩ bụng, cũng chỉ cần phủ bụi bám trên đó đi là được. Quả nhiên, bây giờ tôi mới nhận ra, các mặt tường của tòa nhà chính đầu đã treo cờ đen. Cánh thợ làm vườn hẳn đã treo cờ theo lệnh hai con em gái tôi, tôi nghĩ, hay đúng hơn, theo lệnh của con Caecilia chứ không phải của con Amalia, tôi nghĩ thế rồi lại tự hỏi, chả biết hai đứa đã kịp trao vai gì cho gã sản xuất nút chai rượu vang từ Freiburg, không biết gã sẽ phải

nói gì khi màn kịch bắt đầu, không biết hai đứa đã nhét vào mồm gã đoạn văn lời lẽ thế nào, bởi vì, tôi nghĩ bụng, sau lần gặp gỡ duy nhất với gã trong đám cưới cách đây mấy hôm, tôi không tin gã sẽ tự nói được điều gì ra đầu ra đũa mà không cần ai mách vở. Trong chớp mắt, Wolfsegg đã đột nhiên chuyển từ đám cưới sang đám ma, tôi nghĩ thầm trong lúc vẫn đứng tựa vào bức tường cạnh cổng ra vào và lòng dạ vẫn chưa hết ngạc nhiên về chuyến đi thuận buồm xuôi gió từ Rome đến Wien, một chuyến đi đúng khớp từng giây, các nhân viên hỏa xa lẫn các hãng hàng không, trái với lệ thường, đều chẳng ai đình công, những nơi chuyển tàu đổi bến đều trơn tru, trót lọt. Bọn em gái tôi, tôi nghĩ thầm, chắc chưa kịp dọn dẹp các loại trang trí dành cho hôn lễ, đã phải lo ngay việc trang hoàng đám ma ở khắp nơi và sắp xếp mọi thứ theo một trình tự định sẵn mà chúng nó đã thuộc lòng, bởi vì mẹ tôi, năm nào cũng như năm nào, bao giờ cũng duyệt lại với chúng ít nhất hai, ba lần - đến từng chi tiết nhỏ nhất nhất - cái trình tự đám ma đã xưa đến cả trăm năm ấy, cho khoái, và nói như bà vẫn nói, *thì ai mà lòng trước được sẽ có chuyện gì xảy ra*. Cả các đám cưới lẫn lễ mừng sinh nhật ở Wolfsegg đều diễn ra theo những chương trình sắp xếp kĩ từng chi tiết từ trước. Chẳng hạn, hai con em gái tôi chắc chắn biết khi nào nhà có đám ma, phải đem không phải một, mà hai cành nguyệt quế từ nhà kính đặt ra hai bên trái và phải, đằng sau dây đèn ngoài gian tiêng sảnh, còn ngoài ban công của tầng trên, phải đặt hai chậu trúc bá, một chậu sang hẳn bên trái, chậu kia sang hẳn bên phải, và tất nhiên, cây trong chậu phải cao bằng nhau, nhưng không quá cao, chỉ ngang tầm cửa sổ phòng ăn là được. Đúng vậy, mọi thứ hội hè, lễ lạt ở Wolfsegg đều có chương trình nhất định, các chương trình này mẹ tôi bao giờ cũng cất giữ ở ngăn kéo trên, phía bên phải bàn giấy của bà. Y như các bậc tiêng bối trước bà, làm gì bà cũng cứ đúng theo các chương trình đó mà làm. Cách thức bà tuân thủ nghiêm ngặt các chương trình lễ lạt đó không phải do bố tôi ép bà, mà chính bà, trong một khoảng thời gian ngắn, tự biến thành niêng đam mê riêng của chính bà. Và đám ma cũng chính là niêng đam mê của bà. Thế nhưng đám ma của chính mình, mà lại xảy ra sớm thế này, chắc bà chưa nghĩ đến bao giờ, tôi tự nhủ, vẫn đứng dựa lưng vào bức tường bên cổng vòm. Rồi tôi lại vụt nghĩ, giá mà được, chắc chắn bà đã tự làm lễ mai táng cho chính bà, và trước mắt tôi đã hiện ngay ra hình ảnh hai đứa em gái tôi đang cử hành lễ

tang mẹ tôi theo đúng lời dặn của bà. Tự dưng, cái từ *tính chuyên cần* bỗng nảy ra trong đầu tôi. Bất kỳ ai khác, đương nhiên sẽ ngồi yên trong taxi đi cho hết con đường có hai hàng cây hai bên, như thông thường vẫn vậy, để lên tận công r ỗ mới xuống xe. Chỉ có tôi là không. Bởi trước đó đã nhận ra tôi là ai, nên người lái taxi cũng tỏ vẻ khá ngạc nhiên thấy tôi xuống xe ở chân Cột Đức Mẹ, giữa hai quán trọ. Có lẽ cũng chẳng ai hiểu, tại sao tôi lại một mình cuốc bộ xuyên qua làng, qua mảnh sân ấy. Nhưng tôi muốn đi bộ lên Wolfsegg, và ngôi làng vắng tanh quả đã rất hợp với ý đ ò của tôi. Tôi không những chỉ có cảm giác không bị ai theo dõi, mà đúng là không ai dõi theo tôi thật. Hơn nữa, cũng là để nói cho hết nhẽ, việc tôi chẳng mang theo hành lý gì cả, rõ ràng là lạ kỳ, bởi dẫu gì, tôi cũng từ Rome, chứ có phải từ nơi nào gần đây tạt ngang về đ ầu, và cũng chính vì tôi không mang theo hành lý gì cả, cho nên lúc nào tôi cũng có thể đút hai tay vào túi quần mà đi được. Wig, tôi cứ thế rẽ vào con đường có hai hàng cây hai bên dẫn lên Wolfsegg, hai tay thọc túi quần theo một kiểu xác xược quái dị, không ai, kể cả dân làng, có thể tha thứ được. Dù gì tôi cũng đã bốn mươi tám tuổi, từ Rome về đ ầu nhân đám tang bố mẹ và anh trai, thế mà hai tay lại đút túi quần! Tôi nghĩ bụng r ỗ nép sát vào tường thành, không để cánh thợ vườn đang khuôn vòng hoa từ khu nhà quản sự vào nhà kính đằng kia trông thấy tôi. Quàn xác chết bao giờ cũng là một màn kịch lớn, tôi nghĩ bụng, một công trình nghệ thuật thành hình từng bước dưới bàn tay thành thạo của những người tinh thông lão luyện, biết rõ cách thức hoàn thành công trình nghệ thuật đó ra sao. Tôi xưa nay ý nghĩ, xác bố mẹ và anh trai tôi đang quàn trong nhà kính kia, tôi không nghĩ đến tấn bi kịch đang thực sự diễn ra mà lại nghĩ đến công trình nghệ thuật, nghĩ đến tính chất lạ thường của nghệ thuật quàn xác chết, chứ không nghĩ đến cái khủng khiếp thật sự của công việc đó lúc này. Tôi bao giờ cũng là kẻ soi mói sắc sảo, đ ồng thời cũng là kẻ quan sát còn sắc sảo và gắt gao hơn, dần dần tôi đã biến soi mói và theo dõi người khác thành một trong những thói tật chính của tôi, bởi thế, việc tôi đứng ở công soi mói và theo dõi mọi sự đang diễn ra kia cũng là việc tự nhiên thôi. Hơn nữa, cánh thợ làm vườn quả là những người tuyệt vời để tôi xem xét và quan sát, r ỗ nhờ thế mà bình tâm lại. Trước đây, cũng từ chỗ đứng này, tôi từng rất thích xem xét và quan sát họ làm lụng, vào những khoảnh khắc mà, tôi phải nói vậy, tôi cố tình kéo dài mãi

ra, thành hàng trăm, hàng ngàn khoảnh khắc. Theo dõi và quan sát - trong khi người bị theo dõi và quan sát không hay biết họ đang bị theo dõi và quan sát - là một trò tiêu khiển thú vị. Song, tôi nghĩ đó cũng là trò tiêu khiển phi pháp; tuy biết như thế, nhưng khi đã nếm mùi trò tiêu khiển đó rồi, ta không sao dừng được nữa. Một tay thợ săn từ trong khu nhà quản sự bước ra, bê theo một chân đèn gọi là chân đèn bệ linh cũ để trao vào tay một thợ làm vườn từ trong nhà kính chạy ra đón. Loại chân đèn này cao hơn thước rưỡi, dùng để dựng phía dưới chân người chết, sao cho ánh đèn nền hắt xuống đủ soi sáng thi thể. Có cả thảy bốn chân đèn như thế. Tôi còn nhớ, những chân đèn này được quét sơn màu vàng kim từ nhiều năm trước, và hồi ấy đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho một thằng nhỏ như tôi, bởi nó cứ tưởng, người ta quét sơn, đánh bóng chân đèn bệ linh cũ để làm đám ma một ai đó mà họ biết chắc từ trước rồi. Thế nhưng, tôi đã nhầm, vì sau lần sơn quét chân đèn bệ linh cũ ấy, cũng phải cả mấy chục năm sau mới lại có đám ma, tức là đám ma ông nội tôi, đám ma tôi đã nhắc đến lúc này. Nếu trong một nhà, rất lâu mới có đám ma, thì có lẽ người ta phải tính đến chuyện - bỗng dưng, rất đột ngột - vào một lúc nào đó, sẽ diễn ra nhiều đám một lúc. Thiên hạ thường hay tin như thế. Và, bây giờ, đi đâu đó lại nghiệm đúng ở Wolfsegg, tôi nghĩ, ba người cùng chết một lúc, rồi cũng sẽ được chôn cất cùng một lúc. Song, đi đâu đó cũng có nghĩa là, ở chốn này, tiếp theo đây sẽ diễn ra một giai đoạn yên bình; bởi người ta chả vẫn nói đầy thôi, họa vô đơn chí, cũng có nghĩa là đám ma cũng hiếm khi diễn ra một lần mà nhiều lần, theo tuần tự các tai họa ập đến, nhưng lần này, tai họa giết chết cùng một lúc ba người cho một đám ma, tức là theo cách nghĩ của tôi, dẫu ba đám ma thành một! Từ dưới làng, len qua các hàng cây cao lẫn bụi rậm mọc um tùm dốc núi, tiếng kèn thổi một bản nhạc của Haydn vọng lên đến đây. Tôi nghĩ bụng, chắc dưới kia, trong ngôi nhà gọi là *nhà âm nhạc* - một ngôi nhà cũ nằm cạnh trường học - họ đang tập nhạc kèn đám ma cho tang lễ sẽ diễn ra ngày mai. Mới vang lên được vài khúc, tiếng nhạc lại tắt ngấm và không gian lại lặng như tờ. Được một lúc, tiếng nhạc vang lên trở lại, lâu hơn lúc này vài khúc, rồi lại im, như thông thường khi dạo nhạc vẫn vậy, người ta dạo nhiều lần, mỗi lần vài khúc, lần sau nhiều hơn lần trước. Lần nào cũng bản nhạc Haydn ấy. Ngay từ dạo còn nhỏ, tôi đã thích nghe dân làng chơi nhạc, nhất là nhạc kèn. Niềm yêu thích, có thể

gọi là niềm ham mê thuở ban đầu ấy, tôi vẫn giữ đến tận giờ. Nhưng đến giờ tôi còn đánh giá thứ âm nhạc ấy cao ngang - thậm chí đôi khi, trong tiềm thức, tôi còn đặt nó cao hơn - thứ nhạc gọi là nhạc nghệ thuật hàn lâm nữa kia, bởi niềm âm nhạc nghệ thuật có lẽ sẽ chẳng có được, nếu không có thứ âm nhạc gọi là dân gian này, nhất là loại nhạc chơi tại các đám cưới hay đám tang ở nông thôn. Và lại, sẽ còn gì là đám cưới, đám tang nếu không có thứ nhạc đó. Dân làng thường thể hiện một lối chơi tuyệt vời, và những khi thành công nhất, họ hầu như chẳng kém gì đám gọi là đám nhạc công chuyên nghiệp. Lợi thế của họ chính là ở chỗ, nhạc của họ không phải nhạc chuyên nghiệp, họ chơi nhạc xuất phát từ lòng say mê và ưa thích mà thôi, chứ không vì lý do nghề nghiệp, và nói cho cùng, như ta vẫn biết, không xen thứ bệnh nghề nghiệp nào vào cả. Nhạc họ chơi lần trước trong đám cưới em gái tôi thật vui tươi, ngắn gọn, súc tích, tôi nghĩ, khác biệt bao với tiếng nhạc lúc này, u sầu, chậm rãi, nhưng cũng như trong đám cưới, lúc này vẫn là nhạc Haydn, một nhạc sĩ tôi hâm mộ nhiều hơn cả, hâm mộ ngang với hâm mộ Mozart, một nhạc sĩ tôi thích nghe nhất, thích nghe như thích nghe Mozart. Tuy vậy, tôi vẫn nghĩ, mặc dù đem đặt cạnh Mozart, là người toàn thiên hạ ai cũng mê cũng phục, Haydn thường vẫn bị thua thiệt, cho nên trong lịch sử âm nhạc, lẽ ra người ta phải đặt Haydn cao hơn Mozart nhiều mới phải. Tôi hâm mộ cả Mozart lẫn Haydn, nhưng vẫn đỉnh ninh, Haydn chắc chắn vẫn lớn hơn. Bản nhạc này của Haydn hợp với khung cảnh buổi trưa hôm nay, với khí trời lung linh, với bước đi của những người thợ làm vườn đang lặng lẽ bê các loại hoa kết vòng, kết bó từ nhà quản sự sang nhà kính, chậm rãi và thận trọng, không để bất cứ ai, bất cứ việc gì làm gián đoạn công việc. Tôi còn nhớ vô số các buổi chiều của thời thơ ấu, tiếng nhạc kèn của ban nhạc chơi vọng từ dưới làng lên tận phòng tôi, chơi đúng bản nhạc này - tôi vừa lắng nghe tiếng dàn kèn đang tập dượt dưới kia, vừa nghĩ bụng - ban nhạc có lẽ cũng vẫn gồm các nhạc công thời ấy. Song, thông thường họ chỉ chơi những bản nhạc đơn giản thôi, bây giờ họ phải chơi những bản phức tạp hơn, những bản - như người ta vẫn nói - *thách thức tài nghệ* các nhạc công ban kèn nhiều hơn, có lẽ vì Wolfsegg đòi hỏi thứ nhạc phức tạp hơn, có thể nói là cao cấp hơn chẳng, cho những nhân vật gọi là cao cấp hơn, đang nằm quàn trong khu nhà kính kia. Dân làng dưới kia chắc phải hết sức kinh hoàng, khi hung tin lan ra.



Một tai họa cực kỳ khủng khiếp như thế này chưa từng xảy ra ở Wolfsegg bao giờ, tôi nghĩ bụng, và tức khắc tôi cảm thấy tiếc rẻ rằng lúc này tôi không ở dưới kia cùng dân làng, vào nhà họ, nghe họ nói gì về tai họa xảy ra, xem họ nghĩ gì, họ xúc động ra sao trước tai họa ấy; tôi tiếc rẻ không được ngồi trong nhà họ, chia sẻ với họ nỗi xót thương và đau buồn chắc chắn hết sức tự nhiên của họ. Dân làng rất trọng bố tôi, mặc dù cũng có thể có vài người quý ông, tôi nghĩ bụng, nhưng đa phần họ không quý ông; phần ông anh trai tôi, quả thật dân làng ai cũng quý, còn mẹ tôi - trọng thì họ có trọng, nhưng quý thì chẳng ai quý. Thế nhưng, có thế nào đi nữa, chắc chắn dân làng ai cũng đau buồn, tôi nghĩ thế, và bị sốc nặng bởi tai họa này. Không biết những gì đang thật sự diễn ra trong đầu óc họ, tôi tự hỏi, nhưng rồi lại tự nhủ, làm sao có thể tự trả lời được một câu hỏi như thế. Từ hàng trăm năm nay, dân làng nơi đây đã sống dựa vào gia đình chúng tôi, tôi nghĩ bụng. Cho đến tận bây giờ, phần lớn dân làng, nhất là cánh thợ mỏ, thợ làm gạch hay dân làm nghề nông, vẫn còn phải sống dựa dẫm như thế. Dân trong làng, dù ít dù nhiều, ai nấy đều dựa vào Wolfsegg, bám lấy nó, từ trăm thước ở dưới trông lên, tìm nơi nương tựa. Tôi nghĩ bụng, chỉ trong chớp mắt - mọi thứ trong một ngôi làng như ngôi làng này đây, mọi thứ trên một mảnh đất như mảnh đất này đây - bỗng bị xáo trộn hết cả. Cũng như mọi thứ trong một gia đình như gia đình tôi vậy! vẫn đứng tựa vào tường, tôi tự nhủ, từ này đến giờ, đã khá lâu, hành động của tôi - cứ theo quan niệm chung về phép tắc cư xử đứng đắn mà xét, thì thật ra, là hành động *không được phép*, nghĩa là, tôi cố tình chần chừ, đẩy lùi một cách không thể tha thứ, cái khoảnh khắc lẽ ra tôi phải xuất đầu lộ diện ở Wolfsegg. Song, có lẽ tôi đã quá hèn nhát, không dám đi ngay vào khu vườn, và cũng không dám bước về phía nhà kính, nếu không phải là bước vào ngay, thì cũng đến gần cổng, chứ chưa nói đến việc dám bước chân đến chỗ quàn bố mẹ và anh trai tôi. Quả thật, tôi đã không dám, tôi không thể làm như thế, tôi không đủ sức làm như thế, tôi chỉ còn sức đứng tựa lưng vào bức tường đây nhìn vào trong, về phía nhà kính, vâng, quả là như vậy thật, sức tôi chỉ đủ đến thế, chứ không còn sức ra hiệu báo cho mọi người biết tôi đã về nữa. Tôi không đủ sức lãnh đạm đến độ có thể đi yên nhiên, không chút động lòng, bước thẳng tuột đến nhìn cảnh tượng chắc chắn là hết sức khủng khiếp đó. Song, ai mà có đủ được sức mạnh như thế

chứ? Tôi lại tự hỏi, rồi đưa mắt dõi theo mấy người thợ làm vườn đang dùng xe đẩy tay chuyển một lô gỗ ván từ nhà quản sự đến trước nhà kính. Nhìn chăm chú mấy người thợ đang dỡ gỗ ván trên xe xuống, tôi nghĩ bụng, tên mấy người này là gì, tôi đâu biết cả. Chẳng những biết tên họ, tôi còn biết cả gia đình họ và biết rõ họ từ đâu đến. Một người trong số họ, tôi còn học, chẳng những cùng một trường, mà còn cùng một lớp. Anh ấy giỏi hơn tôi trong mọi môn học, nhất là môn làm tính. Chữ viết anh ấy cũng đẹp hơn tôi, có đi đâu viết đẹp hơn tôi thì chưa kể là tài nghệ cao cường được. Một anh khác nhà ở ngay rìa làng, nơi giáp ranh giữa Wolfsegg với Ottnang. Bố anh này vốn làm cho hội đồng làng xã, tôi vẫn nhớ, giữ chân thợ đào huyệt trong nghĩa địa. Đạo tôi còn nhỏ, tôi cũng còn nhớ, ông là người có uy tín cao trong dân làng và tụi trẻ con nhất mực quý ông ấy, chứ không sợ, như người ta có thể tưởng nhầm, do nghề đào huyệt của ông. Khác với tụi trẻ con thành thị, là tụi bao giờ cũng kinh hãi những gì có liên quan đến cái chết, trẻ con nông thôn lại có cách nhìn rất tự nhiên đối với cái chết và không bao giờ sợ nó cả. Riêng anh bạn học cùng lớp với tôi, đạo mới đâu được chọn để học thành linh mục. Giáo xứ phái anh ta đến tu viện ở Kremsmunster, nhưng anh ta - mặc dù ở trường học giỏi và nhiều năng khiếu như thế - lại thi trượt ở đấy, đành quay về Wolfsegg học nghề mộc. Học xong nghề mộc, anh ấy không thích làm ở xưởng mộc, nên xin làm thợ làm vườn ở chỗ chúng tôi. Thành ra, ngoài nghề thợ mộc, anh ấy học và biết thêm nghề làm vườn. Mẹ tôi thường rất khoái chí về chuyện này, bởi đó chính là một nước cờ hay của bà, bà chu cấp toàn bộ chi phí cho anh này học nghề làm vườn, để sau này, bà khỏi phải thuê thêm một tay thợ mộc cho Wolfsegg. Kinh nghiệm hàng chục năm cho thấy mẹ tôi bao giờ cũng nghĩ ngợi, tính toán kĩ lưỡng mọi chuyện, nhất là những chuyện thực dụng, có lợi mọi đường. Anh thợ thứ ba con một gia đình thợ mỏ, cũng cùng học một trường với tôi hồi trước, sau đó anh học nghề làm vườn, nhưng không phải học ở Wolfsegg mà ở Vocklabruck, nơi anh có bà cô nuôi suốt thời gian ăn học thành nghề. Cả ba anh thợ làm vườn này, tôi nhớ lại, đều từng là bạn chơi hồi nhỏ với tôi, từng chạy nhảy trong rừng, leo đống, lội suối với nhau. Nhà họ ở, có lẽ đến giờ vẫn vậy không suy chuyển gì, tôi thầm nghĩ, khác với nhiều nhà khác, vào những năm gần đây các chủ nhà thường thay đổi, mua sắm bàn ghế tân thời, thứ bàn ghế đã ít

giá trị lại hay hỏng. Các anh thợ làm vườn đây chẳng bao giờ quan tâm đến chuyện sửa chữa đồ đạc tân thời, họ chỉ chú trọng đến bàn ghế, đồ đạc bền và tốt, cho nên nhà cửa họ ở không thay đổi là mấy. Mấy anh này, anh nào cũng ba con, đứa nào cũng ở độ tuổi tôi dạo đó và hẳn anh nào cũng có chuyện này chuyện nọ với tội trẻ ở tuổi ấy thường gây ra. Tôi nghĩ bụng, mỗi mình ta không vướng những chuyện với con cái như vậy. Bất kỳ ai khác, tôi tự nhủ, có lẽ sẽ chẳng ngại ngần gì để đến chỗ mấy anh thợ làm vườn, chào hỏi bắt tay rồi đứng chuyện trò dăm ba câu với họ. Dù rất muốn như thế, nhưng tôi không sao cất bước đến với họ được. Đứng từ xa quan sát mấy anh thợ làm vườn, tôi nghĩ bụng, thế gian này tôi đã đi non nửa, nó thế nào tôi cũng hiểu biết phần nào, và nói như người ta thường nói cho khỏi mang tiếng huênh hoang mình đã đủ khôn khéo lắm ở đời, ít khi nào biết cách cư xử sao cho tự nhiên, sao cho đàng hoàng, sao cho tự tin ở mọi nơi, mọi lúc, giữa mọi tầng lớp xã hội; ấy thế mà lúc này, tôi cất không nổi bước chân đi về phía mấy anh thợ làm vườn kia để bắt tay, chào hỏi, chuyện trò dăm ba câu với họ. Lẽ ra, tôi phải đi ngay đến với họ mới đúng, tôi tự nhủ, lẽ ra lúc đến cổng và nhìn thấy họ là tôi phải xông đến chỗ họ ngay, bởi lúc ấy họ đã ở trước nhà kính rồi. Nhưng không, tôi đã không nhận ra lợi thế ấy, để mạnh bạo bước ngay đến chỗ họ mà lại rút ngay lại, rồi ít khi nào sợ hãi và hổ thẹn, tôi lại nép vào tường để tránh không cho ai nhìn thấy tôi. Trong khi đó, tôi tự nhủ, nếu tôi đến chào hỏi các anh thợ làm vườn ngay thì có phải hay biết bao nhiêu. Tôi đã lỡ cơ hội, tôi đã để cơ hội trôi tuột mất. Giá chỗ kia là mấy gã thợ săn thì sự thể hẳn đã khác, đàng này đây lại là thợ làm vườn, những người tôi không những chỉ hết sức kính trọng, mà còn hết lòng quý mến. Song, cái lối dùng dằng ở cổng như thế là lối xử sự rất điển hình của tôi, tôi nghĩ bụng, tôi không phải người có thể nhập cuộc ngay được, bất kể cuộc gì, không phải người có thể bước ra sân khấu là diễn ngay được. Do dự chần chừ như thế là một phương cách giúp tôi lui vào một thế đứng thuận lợi để quan sát. Hay nói cách khác, tôi nghĩ, kín đáo vẫn cứ hơn. Mỗi năm một lần, bố mẹ tôi lại mời mọi thành viên trong gia đình các thợ làm vườn đến biệt thự trẻ thơ dự bữa tiệc gọi là tiệc trà - một bữa tiệc đã có truyền thống từ hàng trăm năm nay. Các gia đình thợ làm vườn dắt nhau lên Wolfsegg dự tiệc và mọi người trong gia đình tôi, nhất là bố mẹ tôi, đích thân rót nước, pha trà, dọn

bánh chiêu đãi họ. Tiệc trà bao giờ cũng là một sự kiện đặc biệt. Đến cuối buổi, vào lúc sâm tối, thì đến mục con cái các nhà thợ làm vườn được chia quà. Tôi không nhớ, đã có bao giờ anh em tôi, vâng, anh Johannes với tôi, được bố mẹ tôi tặng quà trong một khung cảnh cảm động như thế không. Phải nói, mỗi lần tặng quà như thế, mẹ tôi bao giờ cũng trở nên dịu dàng. Bà âu yếm chia quà cho tụi nhỏ và ai cũng có cảm giác, bà chia quà như thế với tấm lòng rất thành thật, không đóng kịch, như trong mọi việc khác bà làm. Có lẽ, tôi nghĩ bụng, phong cách sống của những người thợ làm vườn khiến bà thay đổi, bởi vì, mỗi khi bà đến chỗ họ, hoặc trong các tiệc trà tại biệt thự trẻ thơ, bà bỗng thay đổi hẳn, không lộ ra dáng vẻ khó chịu như mọi khi nữa. Nhìn mẹ tôi giữa đám thợ săn, bao giờ tôi cũng thấy bà đáng ghét, nhưng giữa những người thợ làm vườn, tôi lại chẳng thấy sao. Ở những người thợ làm vườn Wolfsegg bao giờ cũng toát ra một vẻ phúc hậu, lan tỏa sang người khác. Chẳng thế mà tôi, dạo mới chập chững biết đi, đã thích đến chỗ họ. Đến như ở Rome, tôi cũng hay nhớ đến họ; những lúc khó ngủ, nằm trần trọc trên giường, tôi vẫn thường tưởng tượng ra cảnh tôi đang ở chỗ họ, và tôi luôn thấy hạnh phúc. Giờ đây, tôi có cảm giác như thể tôi đang lên đến đứng bên họ, và họ, những người thợ làm vườn tôi đang quan sát đây, là những người suốt đời *trong sạch*, còn tôi, lại là *kẻ không trong sạch* suốt đời. Tôi nghĩ, tôi chẳng bao giờ là người ở đây nữa, càng không phải là người trong số họ, vậy mà suốt đời tôi, tôi không có ước vọng nào lớn hơn là thuộc về họ, vâng, một ước vọng quái đản, một ý muốn vô lý chỉ thẳng nào điên khùng như tôi đây mới ấp ủ trong đầu mà thôi. Suốt đời tôi, tôi hướng về những người bình dân đơn giản, muốn kết thân với họ, song, tất nhiên, không bao giờ thành. Kể ra thì cũng có lúc tôi tưởng tôi đã thành công thật và cố tình tự đánh lừa mình thật lâu, nhất là những khi tôi gần gũi cánh thợ làm vườn hay thợ mỏ, những người tôi vẫn quý mến ngay từ thuở ban đầu. Thế nhưng, đó chỉ là ảo tưởng, và chung cuộc bao giờ cũng thảm hại. Người nhà tôi càng ngăn trở tôi đến với những người gọi là bình dân ấy bao nhiêu, càng nói xấu họ trước mặt tôi bao nhiêu, tôi càng khao khát đến với họ bấy nhiêu. Tôi biết, đó là một thứ khao khát bệnh hoạn đeo đuổi tôi nhiều năm trời, và dù rất muốn, tôi vẫn không đủ sức giải thoát khỏi nỗi khao khát bệnh hoạn ấy, khiến đến tận giờ, vẫn phải khổ sở vì nó. Trong khi những người gọi là thuộc tầng lớp hạ

lưu ra sức ngoi lên tầng lớp thượng lưu ở trên, thì tôi lại một mực đòi xuống với họ ở dưới. Những người hạ lưu bất hạnh vì họ thuộc tầng lớp hạ lưu, còn tôi thuộc tầng lớp trên, tôi lại đau khổ vì phải ở trên, giống y như họ đau khổ vì phải ở dưới. Đứng tựa lưng vào bức tường cạnh cổng, tôi nghĩ bụng, vâng, cả đời tôi, tôi chỉ muốn làm sao nhập được vào cộng đồng những người gọi là người bình dân đơn giản, mặc dù họ tuyệt nhiên không đơn giản chút nào. Tôi đã dùng bao nhiêu mưu mẹo và mảnh lời toan đánh lừa họ, nhưng bao giờ tôi cũng bị họ lật tẩy và bịt lối, không cho tôi nhập bọn với họ, cũng như người nhà tôi nhìn thấu tâm gan những người gọi là hạ lưu đó và chặn đường, không cho họ ngoi lên. Vẫn đứng tựa lưng vào bức tường cạnh cổng, tôi chợt nhớ lại, trong căn hộ ở Rome tôi thường tưởng tượng ra cảnh tôi hòa nhập cùng với họ, nói tiếng nói của họ, nghĩ cách nghĩ của họ, nhiễm các thói quen của họ, song, tất nhiên, đi đâu đó chỉ diễn ra trong giấc mơ của tôi, chứ không diễn ra ngoài đời, thứ mà tôi ao ước chỉ là ảo tưởng mà thôi. Tôi không phải bình dân, tôi phải tự nhủ như vậy, họ cũng chẳng thượng lưu. Tôi không như họ, họ không như tôi - suốt đời, công thức so sánh này không ngớt hành hạ tôi. Thật sai lầm, khi quả quyết người lớp trên, tức người nhà tôi, giả dối, còn những người hạ lưu không giả dối, bởi vì thật ra ở dưới ấy, họ cũng giả dối chẳng kém gì, theo lối của họ, y hệt như người nhà tôi giả dối theo cách của mình. Tôi cũng sẽ sai lầm y như thế, nếu tôi khẳng định người hạ lưu là người tốt, hay nếu tôi cam đoan, họ không tham lam, họ không huênh hoang khoác lác, bởi vì người hạ lưu cũng tham lam, huênh hoang, khoác lác y như thế, theo kiểu của họ. Thế nhưng, tôi vẫn được phép nói, ở giữa cộng đồng những người bình dân, tôi khoan khoái, dễ chịu hơn ở giữa cộng đồng những người như tôi, mặc dù tôi vẫn thường rùng mình ớn lạnh với ý nghĩ tôi không phải với họ và đã ít nhiều phản bội cả chính mình lẫn gia đình mình. Ta vẫn hay tự phản bội mình như thế, tôi nghĩ bụng, khi ta thiên vị kẻ khác, khi ta nâng họ lên tầm cao hơn tầm cao thật sự của họ. Ta lạm dụng họ, khi ta tự coi mình thuộc về hàng ngũ họ, song làm như thế, đồng thời ta cũng tự lạm dụng mình ở mức thật đáng tởm, bởi ta tự hại ta và làm lợi cho họ. Nhưng ta chẳng bao giờ thật sự thành công trong việc vừa giữ được mình, vừa nhập chung cùng với họ cả. Họ hoàn, nếu lúc này, lúc khác có thành công, thì cũng chẳng đáng kể nào. Những lúc ta nhập bọn cùng với

họ, ta thường trút bỏ hết những gì làm nên ta. Họ sẽ nhận ra ngay đi đâu đó và sinh ra ngờ vực, khiến ta không còn tự tin như khi ta vừa bước vào cuộc chơi với họ nữa. Bởi vì, chính đó là một cuộc chơi, khi ta đỉnh ninh, ta phải như họ, khi ta khao khát được như họ, do ta không chịu nổi chính mình nữa và lấy họ làm khuôn mẫu cho mình. Sự nhàm lẩn kéo suốt cuộc đời ta, cũng chính là sự lảng nhục trọn đời ta. Người bình dân không đến mức bình dân, cũng như người phức tạp chẳng đến mức phức tạp, như thiên hạ vẫn tưởng. Từ cổng nhìn vào, tôi thấy cánh thợ làm vườn lúc này đang bê những tấm vải rộng, màu đen, từ khu nhà quản sự sang nhà kính; đấy là những *tấm vải liệm xác người chết* dùng cho các đám tang và được cất giữ trong căn phòng riêng, gọi là *phòng người chết*, trong khu nhà quản sự. Tôi nhớ, tôi đã từng một lần chứng kiến đúng cảnh tượng như thế này, khi thợ làm vườn - cố nhiên là những người thợ khác với những người thợ tôi đang thấy bây giờ - cũng đang khuân vải liệm từ khu nhà quản sự sang nhà kính. Nhưng, dạo ấy, khi tôi còn nhỏ, tôi không đứng ở chỗ tôi đang đứng bây giờ, mà đứng ngay trước nhà kính, sát tận nơi để ngó nghiêng xem các bác làm vườn đang loay hoay với công việc của họ. Lòng tôi lúc đó tuyệt nhiên không chút bối rối, không mảy may ngượng ngùng hay có tí đắn đo nào, mặc dù lúc đó người chết nằm quàn trong nhà kính kia chính là ông nội tôi hằng biết bao yêu quý. Vậy mà bây giờ, ba chục năm sau, tôi đứng dựa lưng vào bức tường ngay cổng ra vào này, để lánh mặt, vì những nguyên do mà chính tôi, nói cho cùng, cũng chưa thật hiểu rõ, chỉ biết đó là các nguyên do thật sự khiến tôi u uất. Vâng, đột nhiên, lòng tôi trở nên u uất lạ kỳ. Tôi đứng ngây ra đây và không còn sức tự tin như hồi đó, lúc còn bé, để thản nhiên bước đến với những người thợ làm vườn kia, bắt tay chào hỏi họ, nói với họ, tôi quý họ biết bao nhiêu, tôi cần có họ biết ngần nào. Nghĩa là đến với họ, tôi có thể nào, cứ để họ thấy như thế. Song, tôi ngần ngại, tôi lo sợ. Thảm họa sẽ xảy ra, tôi nghĩ bụng, một khi cái tự nhiên đối đầu với cái giả tạo, chắc chắn kẻ giả tạo ở đây là tôi, đối diện với những người thợ làm vườn đương nhiên rất đối tự nhiên kia. Nhưng, trong giây lát tôi lại nghĩ bụng, có lẽ, tôi chỉ tự gán tính giả tạo cho mình, chứ đúng ra tôi rất tự nhiên, cũng giống như tôi chỉ tự đánh lừa mình khi nghĩ rằng cánh thợ làm vườn kia chân thành và tự nhiên, trong khi họ, thật ra, cũng giả tạo và tự nhiên với các mức độ ngang như tôi vậy thôi. Dù trời

đang nóng, tay tôi vẫn lạnh toát. Hồi bé, tôi nghĩ bụng, bao giờ tôi cũng nhanh mồm nhanh miệng chuyện trò được ngay, lúc này, tôi không rặn nổi một tiếng. Hồi ấy, tôi chẳng cần nghĩ ngợi gì lâu la mà vẫn bắt chuyện hết sức tự nhiên với cánh thợ làm vườn hay thợ mỏ. Ấy thế mà, tôi nghĩ bụng, sau khi đã đi khắp cùng trời cuối đất, đến tận những Paris, London với Rome, bây giờ tôi lại *rut rề* hơn bao giờ hết; sau khi đã học hỏi nhồi nhét vào đầu bao nhiêu thứ khoa học, cũng như sau khi - như tôi vẫn tưởng - tiếp thu được các kiến thức cao siêu về đờng loại, giờ đây tôi lại không biết làm thế nào để tiến về phía những người thợ làm vườn kia, bắt tay chào hỏi, buông ra dăm ba câu trò chuyện với họ. Trong giây lát, tôi chợt có cảm giác, dường như tất cả những gì tôi đã làm suốt mấy chục năm qua nhằm thoát khỏi Wolfsegg, nhằm tạo thế độc lập cho mình - không những chỉ độc lập với Wolfsegg, mà với mọi thứ khác ở đời - đã không giải phóng tôi, đã không làm tôi độc lập mà, ngược lại, lại làm tôi què quặt tật nguyền ở mức thật thảm hại. Tôi là kẻ tật nguyền, tôi tự nhủ. Song, vừa nghĩ như thế xong, tôi liền đi ngay đến chỗ mấy anh thợ làm vườn, bắt tay họ. Họ không tỏ ra ngạc nhiên về sự xuất hiện bất ngờ của tôi. Tôi xưng tên họ, tôi bắt tay họ, tôi bảo, tôi đi bộ từ dưới làng lên Wolfsegg. Tôi cũng bảo, tôi đã đứng một hồi ở cổng kia xem họ làm việc rồi đưa mắt chỉ ra phía sau lưng. Họ tỏ ra không hiểu tôi nói gì, nhưng cũng không coi đó là đi đầu hệ trọng, và với vẻ hoi ngờ ngác, cũng ngược nhìn về phía cổng. Đương nhiên, họ có vẻ dè dặt hơn mọi ngày, nhưng đó là sự dè dặt hoàn toàn tự nhiên, hỏi gì đáp nấy, nhưng khi tôi hỏi họ có khỏe không, thì không ai đáp. Họ tưởng tôi sẽ đi ngay vào nhà kính xem mặt người đã khuất; song tôi không vào đấy. Tôi đưa mắt nhìn ô cửa mở toang của khu nhà chính rồi trông sang nhà quản sự vắng tanh, không bóng người. Đoạn, tôi quay trở lại nhìn cánh cửa tòa nhà chính và hỏi mấy anh thợ làm vườn, có phải các em gái tôi đang ở trong nhà không. Họ bảo vâng. Tôi đi thẳng tới tòa nhà chính, về phía ô cửa màu đen hình chữ nhật; từ trên ban công nằm ngay phía trên ô cửa, rủ dài xuống một lá cờ đen. Tôi nhớ mới tuấn trước, trong khuôn viên đây còn chen chúc đủ hạng người - ai nấy dáng vẻ ít nhiều vui tươi sung sướng, ăn mặc cũng ít nhiều lòe loẹt, lúc đó tôi còn nghĩ thế - cùng kéo nhau đến ăn mừng đám cưới của cặp vợ chồng trẻ, tức là của con em Caecilia tôi với gã chủ xưởng nút chai rượu vang, ồn ào, rôm rả, cho

đến lúc một cơn giông sập tới giải tán cuộc vui, xua mỗi người một ngã, kẻ lên xe hớt hải về nhà, kẻ nhanh chân chui vào nhà, ăn uống, nhảy nhót không ngừng không nghỉ suốt đêm ở trong đó. Dàn nhạc nhảy, thuê từ Ebensee đến, chơi suốt đêm, khiến những ai nửa đêm có đỡ chừng bỏ cuộc về phòng cũng không ngủ được - vừa đi về phía khu nhà chính, tôi vừa nhớ lại - mãi đến năm giờ sáng, dàn nhạc ngừng chơi, mọi người ngừng nhảy, lúc ấy trong nhà mới trở nên yên ắng. Không khí vui vẻ náo nhiệt của đám cưới lây cả sang tôi, cho nên tôi không chỉ ngồi yên một chỗ nhìn nhìn ngó ngó, mà cũng tham gia vào cuộc vui, thậm chí còn nhảy hai lần, một lần với Amalia, một lần với Caecilia. Song, với tôi, tất nhiên, chỉ nhảy hai lần là đủ rồi. Cũng phải nói, tôi nhảy không tôi, bởi vì, xét cho cùng, ai đã biết nhảy rồi, khác không bao giờ quên nữa. Và lại, rõ ràng tôi nhảy với Caecilia đẹp hơn gã chủ xưởng nút chai rượu vang, mặc dù, thường thường, những ai béo mập đều nhảy được, tôi tự nhủ, đa phần họ còn nhảy đẹp hơn những ai gầy ốm, hơn nữa, họ còn có khiếu âm nhạc hơn. Riêng có đám cháu trai, cháu gái đến đám cưới này tôi mới biết mặt, tôi nghĩ bụng, chẳng mấy chốc đã khiến tôi khó chịu. Cả bọn gộp chung với nhau thành một bầy chứng nũa cho thấy tụi trẻ mười chín đôi mươi thời nay hời hợt, nông cạn ra sao. Ngoài ham muốn điên dại được chơi bời, giải trí, chúng thờ ơ với mọi sự ở đời. Tôi không chuyện trò thực sự với đứa nào trong đám cháu trai cháu gái ấy được cả; đến dăm ba câu thăm hỏi hay bông đùa cũng chẳng xong. Nếu không phải lúc bận nhảy nhót, chúng nó đứa nào đứa nấy đứng lơ ngơ, lơ rờ, và ai cũng có thể thấy, chúng nó đang bị chìm đắm trong nỗi buồn tẻ chung thân, nỗi buồn tẻ luôn dằn vặt chúng nó, nói cho cùng, vì chúng đã không sớm ra tay chống lại nỗi buồn tẻ *gây chết người* đó. Chúng nó muộn mất rồi, tôi tự nhủ, cả bọn chúng nó chẳng đứa nào thoát khỏi *nỗi buồn chán ghê gớm miên man suốt đời* ấy nữa; ngay lúc này, đứa nào đứa nấy đều dường như đã bị vợ con, người tình, nghề nghiệp của chúng ăn tươi nuốt sống, đã bị cái vỏ ngoài quái dị làm cho mê muội tự bao giờ rồi. Nói chuyện với chúng, người ta khác thấy ngay chúng không có bất cứ thứ gì trong đầu, ngoài những suy tư cực kỳ nông cạn và các nỗi trăn trở về quỹ tiền hưu và xe cộ sau này của chúng mà thôi. Có bất chuyện với đứa nào trong bọn chúng, tôi nghĩ bụng, thì dường như, không phải tôi đang nói chuyện với một con người nào đó, mà với một kẻ huênh



hoang mạt hạng, đầu óc nghèo nàn, rỗng tuếch rỗng toác. Một lũ những bọn huênh hoang khoác lác như thế - cái lũ đầu óc chẳng chứa gì hơn, ngoài các toan tính hạ đẳng về tiền bạc và được liệt vào giới gọi là giới thượng lưu quanh vùng ấy - đã thi nhau đóng những bộ cánh chúng từng cho may thừa theo đủ loại kiểu mẫu kệch cỡm nhất, rần rần kéo nhau về dự đám cưới này. Bọn chúng đa phần là đám đàn ông, kể bạn những chiếc quần gấn nếp lờ lợt hai bên ống, kể xúng xính áo khoác có gắn những chiếc khuy to tổ bố bằng sừng nai trên ve áo, kể khoác lễ phục may bằng nỉ đen thừa kế của bố mẹ ông bà, kể đeo cổ áo dân gian, cũng thừa kế của các thế hệ cha ông tốt. Con Caecilia lại còn nhét thẳng chĩnh chủ xưởng nút chai rượu vang của nó vào chiếc quần da cũ kĩ của ông nội tôi, cũ đến mức ông nội tôi lúc còn sống cũng không còn mặc nữa. Tôi biết tính con này, tôi đoán chắc rằng nó rắp tâm làm như thế chỉ cốt làm thẳng chĩnh chủ xưởng nút chai rượu vang của nó, vốn đã lỗ bịch, lại càng lỗ bịch hơn mà thôi. Nó còn bắt thẳng chĩnh nó khoác chiếc áo khoác ông nội tôi từng mặc lúc ông vấp gốc cây thông ngã chết trong rừng và được người ta khiêng từ trong rừng về nhà, mới đầu đặt nằm trong nhà quản sự, rồi sau đó cũng quàn tại nhà kính. Đưa mắt dõi theo thẳng chĩnh con em gái tôi, suốt buổi tôi cứ quần quanh cùng ý nghĩ, chiếc áo này, từng đã được quàn một lần rồi, thế mà con em tôi, tuy biết rành rành như thế, từ một dã tâm hết sức quái đản, vẫn cố tình bắt thẳng chĩnh, chủ xưởng nút chai rượu vang, của nó mặc chiếc áo này, chiếc áo người chết, chiếc áo đã được quàn một lần trong nhà kính ấy lên người trong ngày cưới. Phải mặc chiếc áo của người đã chết này suốt buổi, gã chú rể chắc phải kinh sợ hết hồn, tôi nghĩ bụng. Sự đê tiện của con em gái tôi trong trò ma quái này quả vô bờ. Song, rất có thể mẹ tôi mới thực là người bày ra trò này, cái trò đúng dịp đám cưới, lừa cho gã chủ xưởng nút chai rượu vang mặc lên người chiếc áo người chết, chiếc áo từng một lần quàn trong nhà kính ấy. Xét cho cùng, thì chuyện này dám lắm, bởi đầu mẹ tôi bao giờ cũng sẵn các âm mưu lẫn ý đônham hiểm kiểu như thế cùng với tính cách đê tiện, hèn hạ vốn luôn luôn là động lực chính, thúc đẩy bà trong mọi việc. Đã thế, vị hôn phu tội nghiệp kia lại còn mang đôi giày cũ, có khóa cài, của ông nội tôi; gã mang vào chân không phải để đi, mà như suốt buổi tôi vẫn thấy, cố gắng để đứng thẳng trong một tư thế đến kỳ quặc. Mọi thứ quần áo gã mặc trên người cũng đã xưa đến một trăm

hai chục năm chứ không ít, như con Caecilia không khảo mà xưng vẫn luôn mồm bô bô nói với mọi người, để khoe khoang, nhưng qua đó, vô tình hay cố ý, cũng làm thẳng chông nó biến thành kẻ cực kỳ lỗ bịch trước bàn dân thiên hạ. Con Caecilia phô thẳng chông nó trong bộ quần áo cũ những một trăm hai chục năm như thế ra trước mặt đám đông, tôi nghĩ cũng như phô một thẳng hề vậy. Song thật ra, tôi lại tự nhủ, tất cả bọn họ đều ăn mặc như hề cả, bởi vì, chỉ trừ vài người - như mấy viên bác sĩ và luật sư từ Weis hoặc Vocklabruck sang, hay như một vài người trong số bà con họ hàng từ Wien hay München về đây - đám khách khứa dự đám cưới, ai nấy đều đóng những bộ lễ phục cũ kĩ, cũ ít nhất cũng cả trăm năm. Nên tự nhiên ai nấy đều như hề cả lũ. Loại hôn lễ như thế này vốn vẫn làm tôi ngao ngán và sau vài ba lần, tôi đều khước từ tham dự. Thế nhưng, nếu tôi cứ nằm lì ở Rome, không về dự đám cưới em gái thì sẽ thật là quá quắt; vả lại, tôi cũng không có ý định làm gia đình mất thể diện đến mức đó, mà ngược lại, tôi còn tự lấy làm ngạc nhiên, hóa ra mình cũng dự qua được đám cưới, thậm chí còn có phần thích thú là khác. Và lúc ấy, tôi đã tự nhủ, đây cũng sẽ là đám cưới cuối cùng mình đến dự, làm như thế ngay từ bây giờ tôi đã gạt ngay chuyện con Amalia, đưa em gái thứ hai, đến lúc nào đó cũng có thể sẽ lấy chông, hoặc ông anh tôi, trong khoảng một chục năm tới, có thể sẽ lấy vợ. Đám người đến dự đám cưới đây, tôi tự nhủ, tất tậ đều ngu và thô lỗ. Ta lấy làm mừng rỡ gặp lại một người ta từng quen biết từ xưa, bắt tay hấn, song ta lại nhận ra ngay, tôi nghĩ, rốt cuộc hấn cũng chỉ trở thành một thẳng ngu. Và, đám trẻ còn ngu hơn cả đám già, nhưng trong cái ngu của đám già ít nhiều còn chứa cả sự lỗ bịch. Thường ta vẫn tưởng, một khi ta trưởng thành, bất kể theo chi ều hướng nào, thì kẻ khác ắt cũng trưởng thành. Song ta nhầm to, bởi vì đa phần họ đều giẫm chân tại chỗ, không trưởng thành thêm chút nào, không trưởng thành theo hướng này cũng chẳng trưởng thành theo hướng khác; họ không tôi đi mà cũng chẳng tốt lên, họ chỉ già đi, và do đó, trở nên vô cùng tẻ nhạt. Ta vẫn tưởng, ta sẽ bất ngờ và kinh ngạc trước sự trưởng thành của một người từ lâu ta không gặp, song, khi ta thật sự gặp gã, ta lại bị bất ngờ vì gã chẳng hề trưởng thành thêm chút nào, gã chỉ già thêm hai chục tuổi, và thay vào thân hình tráng kiện hôm xưa, nay gã vác cái bụng phệ nặng nề, trên những ngón tay thon thả vốn dạo xưa vẫn làm ta ngưỡng mộ, bây giờ đeo hết vòng này cùng

nhấn khác, trông th òkệch phát khiếp. Ta vẫn tưởng, ta sẽ có nhi ều chuyện  
lắm để nói với người này hay bàn cùng người nọ, song ta lại ngã ngửa ra  
rằng, ta chẳng nói được với họ chuyện gì sất. Lả đứng đực ra đó và tự hỏi,  
tại sao nhỉ, nhưng không tìm nổi câu trả lời mà chỉ biết ềà, nào thời tiết  
thế này thế khác, nào thế sự khủng hoảng đảo điên thế này thế nọ, nào chủ  
nghĩa xã hội lúc này đã phơi tr ần bộ mặt thật của nó ra sao, vân vân và vân  
vân. Ta vẫn tưởng, anh bạn hôm xưa, hôm nay cũng vẫn là bạn, nhưng r ồi  
ta cũng lại nhận ra ngay sự nh ần lẫn khủng khiếp, thậm chí gây chết người  
đó của ta. Anh tưởng anh có thể chuyện trò v ềhội họa với người đàn bà  
này, v ềthơ văn với người đàn bà khác, song r ồi anh phải ngớ ra ngay rằng  
anh đã nh ần to, con mẹ này không biết gì v ềhội họa, cũng như con mẹ kia  
chẳng biết khi gì v ềthơ văn, cả hai chỉ lồi chuyện bếp núc ra bàn với nhau,  
xúp khoai tây ở Wien nấu kiểu nào, ở Innsbruck lại nấu kiểu khác ra sao,  
một đôi giày ở Meran giá thế này, ở Padua giá lại thế khác. Anh những  
tưởng, anh có thể chuyện trò thú vị với vị này v ềtoán học, với vị kia v ề  
kiến trúc, song, anh lại ngao ngán phát hiện ra rằng các kiến thức toán học  
của vị này cũng như hiểu biết v ềkiến trúc của vị kia, hóa ra, vẫn chỉ dừng  
lại trong mớ bong bóng các kiến thức của kẻ mới lớn mà thôi. Anh không  
hiểu đâu đuôi ra làm sao nữa cả, anh không tìm đâu ra chỗ để bầu vú nữa,  
rốt cuộc anh quay ra hục hặc với họ mà họ chẳng hiểu vì cớ gì anh hục hặc.  
Anh bỗng chốc biến thành thằng cha hay hục hặc, kẻ chuyên gây sự mà  
thôi. Đám cưới này chắc chắn sẽ là một đám lố bịch cho mà xem, ngay từ  
trước khi từ Rome lên đường v ềWolfsegg tôi đã nghĩ trong bụng như thế,  
nhưng đến lúc dự đám cưới xong, tôi lại thấy nó còn lố bịch, còn kệch  
cỡm hơn cả mức tôi dám tưởng tượng ra trong đầu nữa kia. Ấy vậy mà tôi  
chỉ độc nghe những lời tr ần tr ò, đám cưới *thật tuyệt vời*, một đám cưới,  
như người ta nói, *độc nhất vô nhị*. Thì tôi sẽ phải im thôi, một khi họ, ai  
cũng xuýt xoa tán tụng, thì việc gì phải nói họ biết *tôi* nghĩ v ềđám cưới thế  
nào. Và lại, đám cưới thật ra cũng vui vẻ, phải nói đạt mức khôi hài tuyệt  
đỉnh. Hôn lễ chính thức được cử hành trong gian nhà thờ. Vì gian nhà thờ  
quá nhỏ cho số khách khứa đông đúc, cho nên ngoài số khách đứng chật  
cứng bên trong, ở gian ti ền sảnh phía ngoài cũng chen chúc đ ầy những  
khách là khách. Tất nhiên tôi không chen vào bên trong, tôi không muốn  
đứng ở hai hàng đầu cùng bà con hai họ mà dừng lại ở gian ti ền sảnh, đứng

cùng các cô, các bà nấu bếp và mấy anh thợ làm vườn ở phía ngoài. Tại tôi thính, nên những gì ông linh mục nói phía trong, tôi đều nghe được cả. Tay linh mục hơi men đã ngà ngà, nên nhiệm vụ hành lễ vốn trang nghiêm của hắn, hắn lại thi hành ít nhiều tùy hứng, khiến cho buổi lễ, thường khi vẫn tẻ nhạt, bỗng mang đôi phần vui nhộn. Riêng có mẹ tôi, như thiên hạ vẫn nói, là lo sốt vó. Hướng về cặp phu thê tương lai, tay linh mục diễn thuyết dềnh dang một thôi một hũ với loại diễn từ hắn vẫn thường tùy hứng thêu dệt từ các câu chuyện thật có, bịa có, để nhai đi nhai lại ở các đám cưới, nhưng bao giờ cũng phải kết thúc bằng câu, cuộc đời ai cũng nằm trong tay Chúa định đoạt, cho đến ngày tận số, không thể nào khác đi được. Tuy nhiên, khi chuyển sang phần long trọng nhất của buổi hôn lễ, tức là lúc phải hỏi cả hai vị hôn phu, hôn thê câu hỏi muôn thuở, trước Chúa, trước luật pháp, các con có bằng lòng kết hôn phu phụ với nhau hay không, thì tay linh mục đáng kính quên khuấy mất tên vị hôn thê là gì, và sau một lúc vắt óc, ngẫm nghĩ khá lâu mà vẫn không nhớ ra, hắn bèn lớn tiếng nhờ cử tọa nhắc giúp hắn, kìa, tên vị hôn thê là gì hở. Bố tôi vừa khẽ gọi tên vị hôn thê nhắc giúp tay linh mục, lập tức tiếng cười rộ lên ồ ồ, lan dài từ phía trong gian nhà thờ ra gian tiền sảnh. Bởi tên vị hôn phu, tay linh mục cũng quên nốt, nên hắn lại đành phải nhờ cử tọa nhắc; bố tôi lại nhắc tên vị hôn phu, giọng đã bực lắm rồi, và lần này, tiếng cười ha hả cả bên trong lẫn bên ngoài đều vang lên, to hơn, khoái trá hơn cả tiếng cười bật lên lúc nãy, khi tay linh mục lo việc phần hôn cho con chiên chợt quên tên vị hôn thê là gì. Lúc ấy, tôi hứng chí, đã toan thay vì xưng tên thẳng em rể tương lai, sẽ xưng to *chủ xưởng nút chai rượu vang* vọng qua đầu những người đứng ngoài tiền sảnh vào bên trong nhà thờ cho tay linh mục. Nhưng, đến giây phút chót, tôi kìm lại được. May quá, tôi tự nhủ, nhờ thế mà tôi không lộ cái mặt đều giả của mình. Cảnh tượng vị hôn thê đáp *Thưa có*, rồi thề trước Chúa sẽ mãi mãi chung thủy với chồng, bao giờ cũng lối bạch; nhưng còn lối bạch hơn nữa, là vị hôn phu cũng đáp *Thưa có* như thế, rồi cầm cổ thề trước Chúa sẽ suốt đời chăm lo, che chở cho thê tử. Tại buổi hôn lễ này, tôi lại lần nữa nhìn ra điếu đó. Làm sao ta có thể tin lời vị hôn thê thề nguyện, khi ta thừa biết cô nàng chỉ giả dối, giả dối chả khác gì lời thề nguyện của vị hôn phu. Cái trò hai lần thề nguyện giả dối ấy, tôi nghĩ bụng, thật ra, chỉ là cuộc thỏa thuận giữa hai bên, trước khi dặt dứ, cùng dấn thân vào cuộc đọ

đầy lẫn nhau kéo dài suốt hàng chục năm sắp tới mà thôi. Lễ thề nguyền phụ phụ cũng chính là lễ đóng xiềng khóa xích vợ chồng với nhau, chứ chẳng là gì nữa cả. Rồi tôi nghĩ bụng, thiên hạ không khao khát gì hơn là được đáp lấy đáp để *thura có* như thế, tức cũng là khao khát đầu hàng và tự đâm đầu vào chốn hủy diệt chính mình. Bởi tôi có cảm giác, như thể tôi vừa được xem một vở kịch ngắn, trong đó hai thể loại hài hước và châm biếm thật sự nhuần nhuyễn vào nhau, cho nên lúc tay linh mục dứt lời và cùng đám lễ sinh - là mấy đứa cháu trai sáu, bảy tuổi trong nhà - rời khỏi bàn thờ, tôi cứ rất muốn vỗ tay sao cho thật to. Nhưng cả lần này, tôi cũng kìm được mình. Tôi nghĩ, giữ mình kín đáo vẫn hơn, ra mặt khiêu khích bây giờ chỉ tổ hủy hoại mãi mãi chuyến về thăm Wolfsegg lần này cũng như các chuyến thăm sau mà thôi; vả lại, tôi không muốn ai để ý đến tôi, kéo thế nào cũng sẽ bị mè nheo, thấy chưa, cái thằng chuyên gây rối lại giờ trò rầy đây. Cao trào của vở kịch hôn lễ - một vở kịch ngắn, diễn đi diễn lại hàng nghìn thế kỷ nay ấy - chính là màn tuyên thệ *thura có*, lúc ấy tôi nghĩ bụng, một lời thề mà Nhà thờ Thiên chúa giáo đã dùng để thu tóm tuyệt đối những kẻ vừa há miệng thề *thura có*. Theo lời mời của gia chủ, linh mục lên tầng trên; lên đến nơi, hắn kín đáo đứng chờ buổi hôn yến linh đình sắp khai trương tại các gian phòng rộng thênh thang của tầng hai. Vào những dịp như thế này, mẹ tôi bao giờ cũng là người đi đầu khiến và xếp đặt mọi sự, đích thân bà đưa cặp vợ chồng mới cưới vào vai hợp với chúng hơn, là vai một con rối mập mạp và vai một con rối khẳng khiu, đặt chúng ngồi cạnh nhau - gã chủ xưởng nút chai rượu vang béo ị và con Caecilia gầy ốm, em tôi - ở giữa chiếc bàn dài, quay lưng ra ban công, tức cũng là quay lưng ra thế giới bên ngoài. Con Caecilia chốc chốc lại dùng bàn tay phải xoa xoa nhẹ lên cánh tay trái chồng nó, không phải tự lòng yêu thương sâu sắc, mà do nó tưởng, hình như theo thông lệ nó phải làm thế. Khi khách khứa dự đám cưới đã no nê bữa tiệc ngon lành và say sưa rượu vang vùng Baden hảo hạng, mẹ tôi đứng lên nói đôi lời, những lời bộc lộ đầy đủ nhất, tuyệt vời nhất, nghệ thuật điêu ngoa lèo lá của bà. Bà bảo, bà sung sướng xiết bao, khi từ nay, bà được có anh con rể tuyệt vời nhất trần gian và cô con gái bà hạnh phúc nhất trần đời, hạnh phúc ở mức một bà mẹ như bà suốt đời chỉ ao ước cho con mình. Đoạn, bà đến bên gã chủ xưởng nút chai rượu vang, và trước mặt bà con, khách khứa muôn phương, bà hôn gã chùn

chặt, rồi ôm hôn con Caecilia. Sau đó, bà mời mọi người xuống dưới, ra khuôn viên rộng bên ngoài vui tiếp cuộc vui. Do trời đẹp, cho nên người ta kê nhiều bàn dài ra ngoài sân và chằng mấy chốc, cả cánh thợ săn lẫn thợ làm vườn đều đã nhập chung cùng đám người gọi là giới chủ. Dân làng cũng nhiều người lên đây dự vui, hoàn toàn tự nhiên, không chút miễn cưỡng. Vâng, đây vẫn là dân làm vườn, dân thợ mỏ tôi quý mến. Trên sân khấu dựng tạm trước nhà kính, ban nhạc kèn chơi một lượt hết các bản nhạc tú đã luyện từ trước; sau khi nghỉ giải lao một lát, lại chơi lại từ đầu. Tiếng nhạc, tiếng cười nói vui vẻ của đám cưới, nghe nói đến tí làng Atzbach nằm cách đây những sáu cây về phía đông cũng còn nghe thấy. Suốt buổi, gã anh trai tôi có vẻ dè dặt, kín kẽ ra mặt và chẳng được bao lâu đã biến mất mặt vào xó xỉnh nào đó. Gã vốn ghét các kiểu hội hè như thế này từ lâu, nhưng không phải ghét như tôi ghét, tức là ghét do không chịu nổi cái hội họa nhạt nhẽo của những buổi hội hè lẽ lạt, hay nói cho đúng ra, do sự bất lực của chính mình trước những cảnh tượng đó nên chỉ chịu được ít tiếng động ồn ào còn gã anh tôi ghét là vì lý do bệnh tật. Cảnh tượng ồn ào bao giờ cũng khiến gã đau nhói trong đầu. Suốt đời gã mắc căn bệnh đau đầu đó, giống bố tôi, vốn cũng bị khổ sở mãi vì căn bệnh này. Mặc dù gã anh tôi thích hợp hơn ai hết cho chuyện hôn nhân, tôi tự nhủ, nhưng mãi đến tận giờ vẫn chưa lấy vợ và tôi không thể cắt nghĩa vì sao. Rõ ràng gã cần có con thừa kế, thế nhưng, tôi cứ tự hỏi suốt mấy ngày đám cưới em gái tôi, không rõ vì sao gã vẫn chỉ lớn tiếng vặc lại mẹ tôi, mỗi lần bà tìm cách thúc gã sớm lo lấy vợ, đẻ con. Tất nhiên, rồi sẽ đến ngày gã lấy vợ thôi; đến một lúc nào đó, trước khi nhỡ nhàng quá tuổi, gã sẽ lấy một mục nào đấy làm vợ - đưa con gái chủ hiệu gia vị nào đấy ở Weis hay ở Vocklabruck, một con y tá ất ơ nào đó ở Salzburg hoặc đưa con gái một chủ quán trọ vớ vẩn nào đấy ở Unterrach hay Strafiwalchen. Loại đàn ông như gã thường chần chừ, chờ đến tuổi ngũ tuần là lúc muộn màng lắm rồi, tôi nghĩ bụng, lúc ấy họ mới cuống cuống, nhắm mắt nhắm mũi làm bừa. Trước đó, họ để mặc biết bao cơ hội, thậm chí cả những cơ hội ngàn vàng trôi qua, và như thiên hạ vẫn nói, họ không để các cuộc phiêu lưu tình ái sớm biến thành thói quen, không để cuộc đàn dúi với một cô, một bà nào đó tiến quá xa, quá sâu. Giường ngủ của gã hồi ấy không thuộc về riêng ai, mà thuộc về nhiều người, tuy không quá nhiều, và thường xuyên thay đổi,

hết người này đến người khác, ai nấy chưa kịp ấm giường đã bị xua đi, chắc vì gã sợ cảnh vợ trối, con buộc, sớm lụy vào thân, tôi nghĩ bụng. Bây giờ cái con ngu Caecilia kia lấy chồng, nhưng ta sẽ không lấy vợ trước khi năm mươi hay muộn hơn cho mà xem, hẳn gã đã tay ôm đầu mà nghĩ như vậy, rồi, đầu đau như búa bổ, gã lăn vào góc nào đấy. Giống như ông bố gã, gã nhiễm tự lúc nào thói quen, bao giờ cũng đội mũ, khoác áo, mặc quần, mang giày đã cũ. Mọi thứ trên người gã đều phải cũ - cả gã lẫn mọi người cùng giới, ngang tầm với gã đều đình ninh - có như thế gã mới thể hiện, mới phô cho thiên hạ biết gã thuộc giới nào, có như vậy mới xứng với thị hiếu của cái gọi là tầng lớp trên, là tầng lớp gã tự xếp mình vào. Mua một chiếc mũ mới toanh về, gã để nó dầm mưa dãi nắng cái đã, sau đó treo vài tuần trên một cái móc ngoài ban công ở khu nhà cánh thợ săn, chờ đến lúc trông nó như sắp rụng đến nơi rồi mới nhấc xuống, đem xông nó trên miệng nồi nước sôi thật lâu, trước khi dùng tay nắm bóp sao cho thành dáng gã ưa, rồi mới đội lên đầu. Quần mới mua về, gã nhúng nước rồi đem ra phơi nắng, phơi gió bên cửa sổ phòng gã chán đi đã, rồi mới mặc lên người. Áo khoác mới, gã cũng làm y như thế. Giày mới, gã mang ra vườn xéo đạp lên phân, lên bùn thật lâu, sao cho đôi giày không còn vẻ mới toanh nữa. Bởi vì, trong giới của gã, không ai mang giày mới, không ai khoác áo mới, cũng không ai đội mũ mới, mọi thứ mới mẻ đều bị khinh rẻ, thậm chí ghét bỏ, tất tạt, các dinh thự mới, nhà thờ mới, các phát minh hay sáng chế mới, và tất nhiên, tất cả những con người mới, hay nói tóm lại, mọi Cái Mới, cố nhiên, kể cả mọi tư tưởng mới. Qua hàng thế kỷ, xã hội này đã quen coi thường và căm ghét tất cả những gì mới, khiến chính nó trở nên già nua và giẫm chân tại chỗ, không tự đổi mới được nữa. Nghĩ đến gã anh tôi, tôi vẫn thường nghĩ, gã quả tội nghiệp. Con người tội nghiệp đó đã bị chính cái xã hội mà gã xem là xã hội duy nhất linh thiêng thần thánh, ăn tươi nuốt sống, tuyệt nhiên không để sót lại chút gì của riêng gã nữa cả. Giống hết như ông bố, gã sống cuộc đời của một trong số triệu triệu bản sao do xã hội già nua ấy sản sinh ra. Mọi thứ trên người gã, mọi thứ xung quanh gã, tôi nghĩ bụng, phải cũ kĩ, phải tả tơi mưa nắng, trừ xe hơi thì không được cũ. Nói đến xe hơi, gã rất coi trọng việc xe gã đi bao giờ cũng phải mới nhất, tốt nhất, cũng có nghĩa là phải đắt tiền nhất. Đã thành thói quen, mỗi năm gã sắm một chiếc xe mới, bởi vì mẹ tôi dùng xe

đó. Dù bà không có xe riêng, vì bà không có bằng lái, nhưng trong mắt bà, chiếc xe bà ng ửi lên phải đẹp nhất, tốt nhất mới được. Bây giờ chính chiếc xe *Jaguar* đẹp nhất, tốt nhất ấy, lại mang tai họa cho hai mẹ con bà, tôi nghĩ bụng. Chính tật sùng bái xe hơi vô độ của họ đã hủy diệt họ. Gã vốn vẫn tr ần tính, nhưng ng ửi lên xe hơi, c ằm vào tay lái, gã bỗng như được giải thoát, biến ngay thành con người nắm mọi quyền lực trong tay, một vai trò gã không thể nắm khi ra khỏi chiếc xe gã ng ửi lái được, bởi ngoài đó là địa phận mà mọi quyền lực đều nằm gọn trong tay mẹ gã, cũng là mẹ tôi. Nhưng trong xe, trong chiếc xe *Jaguar* ấy, gã là người nắm quyền, còn mẹ gã phải phục tùng gã; trong xe, gã được định đoạt, nếu không định đoạt được hướng xe chạy về đâu, thì chí ít cũng định đoạt được xe chạy chậm hay chạy nhanh, khiến bà ng ửi ghé bên cạnh gã, như tôi biết, có lúc vừa sợ hết vía vừa tức lộn ruột mà chịu cứng, không làm gì được. Còn bố tôi chỉ thích máy kéo, không ưa xe hơi, vì xe hơi đối với ông quá nhẹ kí. Ông không để lỡ bất cứ dịp may nào để leo lên ng ửi trên chiếc máy kéo *Mc Cornuck* của nhà tôi, dù ông chẳng có việc gì phải dùng đến nó. Ng ửi trên máy kéo, ông tự thấy mình sung sướng vô biên. Tự thấy mình độc lập hơn bao giờ hết. Ng ửi trên máy kéo, ông mới lại là ông, ông bảo vậy; đi đâu đó thật vừa đúng, vừa thâm làm sao, và tôi tin ông, khi ông có lần bảo tôi, *sự thể đã đến lúc như thế này rồi đây, chỉ khi nào leo lên ngồi trên chiếc máy kéo này ta mới thấy được thanh thoi một mình, ta mới được sung sướng trong lòng*. Con trai ông, gã Johannes anh tôi, trái lại, rất hay lấy cớ lên ng ửi trên xe hơi để nghỉ lấy sức và nghĩ ngợi mọi chuyện cho đến nơi đến chốn, mặc dù cũng không rõ gã còn nghĩ ngợi được những gì. Tôi vẫn thường thấy ngao ngán, mỗi khi phải nghe gã nói vậy, mỗi khi nhận thấy đi đâu gã nói hóa ra đúng thật. Anh tôi càng ngày càng giống bố, tôi vẫn thường nghĩ vậy. Thời gian gần đây, gã đã giống bố tôi đến mức, suốt đám cưới tôi cứ nghĩ, chẳng mấy lâu nữa, *gã sẽ là bố chúng tôi*. Dáng gã đi, kiêu cách, điệu bộ gã, giọng gã nói, tất t ật đều mỗi ngày một giống, mỗi ngày một trở thành bản sao nguyên vẹn của dáng đi, điệu bộ, giọng nói, và rốt cuộc, là bản sao trí tuệ của ông bố gã. Tôi nghĩ bụng, cứ y như thế, ngay từ đầu bố mẹ đã định thàng con đầu lòng sẽ trở thành ông bố, và gã cũng sắp thành ông bố đến nơi rồi. Cũng chả mấy chốc nữa, chỉ là vấn đề thời gian thôi. Đôi lúc nghe ông anh trai nói, tôi cứ có cái cảm



giác như đang nghe ông bố nói, chân gã bước bước chân ông bố, nhìn gã ra dáng nghĩ ngợi, lại như thấy ông bố trong dáng nghĩ ngợi. Để được Johannes, bố mẹ tôi có ngay thằng con ông bà hằng mong ước, tôi bụng bảo dạ. Ông bà không còn mong được đứa nào đúng ý ông bà hơn, hợp với các tính toán của ông bà hơn nữa cả. Thằng con này vươn tới bức tranh lý tưởng ông bà vẫn hình dung về một thằng con hoàn hảo nhanh như thế nào, thì tôi cũng rời xa bức tranh lý tưởng ấy nhanh như vậy. Bởi thế, ông bà mỗi ngày một thêm yêu quý gã anh trai tôi, đồng thời mỗi ngày một thêm khinh rẻ và căm ghét tôi, vâng, thậm chí ruồng rẫy tôi; nhưng - *xuất phát từ các phản ứng tự vệ hình thành trong đầu óc* - hai vị lại không bao giờ dám thừa nhận sự thật đó. Bức tranh lý tưởng đó sắp hoàn thiện đến nơi rồi, tôi cứ nghĩ vậy suốt đám cưới con Caecilia em tôi, sắp hoàn toàn trùng với khuôn mẫu lý tưởng của bố mẹ tôi - tuy khá muộn màng. Gã anh tôi chịu để ông bà dạy dỗ thành bức tranh lý tưởng, nhưng tôi thì không bao giờ chịu, tôi không bao giờ màng đến chuyện biến mình thành khuôn mẫu cho hình ảnh lý tưởng đó của ông bà, tôi căm ghét một bức tranh như thế, bởi vì, nói cho gọn, tôi không muốn theo một khuôn mẫu nào cả nên không bao giờ có thể trở thành hình mẫu lý tưởng được. Ông bà có thể vào khuôn, nhào nặn gã Johannes theo ý muốn, nhưng tôi thì không. Và ông bà đã bắt tay định hình, nhào nặn gã anh tôi rất sớm, ngay từ khi khối chất nhào nặn con trẻ ấy mới chưa đầy ba, bốn tuổi. Lúc ấy ông bà đã nhận thấy cơ hội nặn khối chất này thành bức tượng lý tưởng của họ và bắt tay ngay vào định hình và nhào nặn khối thịt Johannes. Với gã, ông bà không gặp chút kháng cự nào, nhưng với tôi, họ bị chống đối quyết liệt, bởi vì ngay từ đầu tôi đã vượt khỏi tay họ, thoát khỏi đầu óc họ, kháng cự lại mọi ý định lấy tôi làm khối thịt để ông bà trở tài đóng khuôn hay nhào nặn; tôi không cho họ đến gần, tôi xua họ ra xa tôi ngay từ đầu. Ông bà nhào nặn gã Johannes theo ý ông bà muốn và lấy đó làm sung sướng lắm, nhưng không hề nhận thấy rằng, chính tài nhào nặn, vào khuôn, định hình của họ, thực ra, đã hủy hoại gã, tiêu hủy gã đến tận cùng và mãi mãi. Ông bà không chút thương xót biến cái đầu vốn tự nhiên của gã thành cái đầu lý tưởng, và dưới mắt tôi, đã hủy hoại cái đầu gã một cách độc địa và trơ tráo, biến gã thành hạng người đàn độn lý tưởng cho họ, là việc ông bà làm không thành với tôi. Gã đầu độn ấy dần dần đã biến thành thứ người ông bà muốn có, thứ người

thuộc độc quyền sở hữu của ông bà, do ông bà sáng tạo, nhào nặn ra, đúng đến từng chi tiết với ý đồ định từ trước. Gã Johannes, tôi nghĩ bụng, lệ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ, nhất là vào mẹ tôi; gã không cưỡng lại, đối với gã, khuất phục để chịu hơn chống lại mọi trò tàn ác, độc địa, hạ nhục gã của bố mẹ. Chỉ có ng ồi trong xe, trong chiếc Jaguar nọ, mà cũng chỉ trong lúc xe chạy thôi, ông bà mới để gã muốn nghĩ gì thì nghĩ; chỉ trong các *chuyến chạy xe kinh hoàng*, như mẹ tôi vẫn nói vậy, gã mới được tự do hít thở chút đỉnh; thế nhưng sau đấy, vừa ra khỏi xe, khỏi chiếc Jaguar, gã đàn ông tội nghiệp ấy, tôi nghĩ bụng, lại phải trả giá cao gấp ngàn lần cho những khoảnh khắc tự do ngắn ngủi vừa trôi qua đó. Tôi c ần chắc, bao giờ tròn năm chục, như người ta vẫn nói, gã khắc cho làm một đám cưới hoành tráng ở đây cho mà xem. Nhưng, người đã chết thì không còn cưới xin được nữa. Vừa nghĩ vậy, tôi vừa bước qua ô cửa tòa nhà chính. Gian ti ền sảnh vắng tanh. Các cây đèn trong gian ti ền sảnh, như tôi dự đoán, được trang trí bằng cành nguyệt quế, *mỗi cây đèn hai cành*, theo nghi lễ đám tang đã định. Một bầu không khí yên ắng bao trùm, thứ yên ắng ng ần ngọt kỳ dị thường có ở những nhà có tang. Trước khi tôi đến đây, n ền gian ti ền sảnh hẳn đã được lau sạch bóng, hay như chúng tôi vẫn nói, bởi các *cô gái hầu* quỳ lết gối *kì cọ kĩ càng*. Già nhất trong số này cũng phải đến bảy tư, bảy lăm, nhưng vẫn liệt vào hạng cô hầu gái. Có lẽ, đến khi họ già lắm rồi, trên tám chục như đa phần trong số họ, hấp hối nằm trên giường chờ chết, người ta vẫn gọi họ là cô hầu gái. Mẹ tôi bảo *các cô hầu gái ở Wolfsegg* sừng như tiên, mặc dù, cũng theo lời mẹ tôi, công việc họ làm từ xưa đến giờ chẳng nhẹ nhàng chút nào. Họ ai cũng mang tạp dề màu xám do bà thợ may dưới làng cắt may, khiến ai đứng từ xa cũng nhận ra họ ngay; vả lại, tóc ai nấy đều chải ngược ra sau, và như mẹ tôi bảo, theo thông lệ ở Wolfsegg, không ai mang bất cứ thứ trang sức nào. *Như thế hợp với họ hơn cả*, mẹ tôi vẫn bảo vậy. Thường thường, ở tuổi mười bốn, mười lăm các cô vào làm ở Wolfsegg cho đến già. Công việc của họ nặng nhọc, không phải chuyện đùa, nhưng - cũng cứ theo lời mẹ tôi - mọi người ở Wolfsegg đều quý họ. v ề những năm sau này, số các cô hầu gái ít hẳn đi. Đạo trước, tính cả các cô nấu bếp - mà người lớn tuổi nhất cũng trên bảy chục - họ có cả thảy mười hai người, bây giờ gộp hết lại mới được có năm. Theo như mẹ tôi, *ngay từ lúc lọt lòng, ai trong số họ cũng có giọng nói khó*

nghe, hoặc ở Wolfsegg một thời gian lâu, họ dần dần có giọng nói khó nghe như thế, bởi vì ở Wolfsegg, họ không bao giờ được phép nói tự nhiên với giọng của mình, mà một thứ giọng do mẹ tôi luyện cho họ - thứ giọng giả tạo, càng khê khàng, càng có vẻ kính cẩn bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Thế nên chính mẹ tôi là người đã làm méo mó giọng nói tự nhiên của họ. Hiện giờ, bọn h ầu gái h ầu hết đều từ dưới làng lên, nhưng trước đây mẹ tôi thường chọn các cô gái, như bà vẫn nói, ở vùng *Mühlviertel nhân công rẻ mạt*, nhất là tụi con gái nhà nông dân, gia đình càng đông con càng tốt, bởi tụi này sẵn sàng bằng lòng với mọi thứ, chẳng đòi hỏi, yêu sách gì (cũng lời mẹ tôi), lại có *tiếng siêng năng, hay lam hay làm*. Nhưng gần đây, ở Muhlviertel không tìm đâu ra các cô h ầu gái nữa, bởi các cô gái ở đây bây giờ thích làm công nhân nhà máy hơn làm h ầu gái. Mẹ tôi vẫn bảo đây chính là sự suy vong của Muhlviertel, thậm chí không riêng gì Muhlviertel, mà của cả thế gian này nữa kia. Các cô h ầu gái đương nhiên phải theo Thiên chúa giáo từ đầu đến chân và có kiểu cách khúm núm không những trước các bậc b ề trên trong nhà thờ, mà cả trước các bậc b ề trên ngoài đời thực. Bố mẹ tôi chuộng các cô h ầu gái gốc gác vùng Freistadt hay Aigen-Schlängel, là nơi biên giới ba xứ Bohmen, Bayem và Áo xô vào nhau. Nơi đó không có đường tàu hỏa. Đây là những đ ứa *ngoan đạo bậc nhất*, mẹ tôi bảo vậy, và cũng là những đ ứa *tử tế nhất*. Mẹ tôi đích thân chiêu mộ r ồi đưa họ về Wolfsegg; trước hết, bà ghé thăm các tu viện ở Freistadt hay Aigen-Schlängel và đặt trước các cô h ầu gái theo ý muốn của bà. Các bà xơ hay thầy tu, tùy nơi, sẽ chọn lựa trước r ồi trao vào tay bà hai hay ba cô gái còn *rất trẻ và chưa hư hỏng*; bà đưa họ về Wolfsegg giao việc và thử tay nghề họ. Thử thách đầu tiên mẹ tôi đặt ra cho các cô là cọ rửa sàn ti ền sảnh - một công việc cô nào cũng phải gắng hết sức mới làm nổi, bởi ti ền sảnh vừa dài vừa rộng, nên công việc cọ rửa này quả là công việc quá sức con người ta thật. Song, các cô gái ai nấy đều choáng ngợp trước cung cách oai nghiêm của mẹ tôi cũng như trước cảnh giàu sang của Wolfsegg, cảnh giàu sang họ chưa từng thấy trong đời, cho nên các cô, dù vất vả nặng nhọc đến đâu, cũng bò ra mà cọ rửa sàn nhà. Các cô không phải ai cũng qua được lần sát hạch đầu, cô này cô kia bỏ dở việc li ền bị mẹ tôi dọa không nhận vào làm; nguy cơ này khiến cô gái trượt lần sát hạch đầu phải gắng công sao cho lần sát hạch lại, cô sẽ lau cọ một mạch cho hết gian ti ền sảnh mới thôi.

Mẹ tôi bao giờ cũng khát khe. Bà vốn dĩ rất khát khe với chính mình, cho nên bà chẳng bao giờ nương tay với kẻ khác. Đám hũu gái lặn ra làm đến kiệt cả sức, thế nhưng - như chính họ vẫn bảo - họ vẫn lấy làm mừng được làm ở Wolfsegg. Mẹ tôi chẳng mất bao nhiêu để trả công cho họ, thế nhưng - như tôi đã kể - các cô hũu gái ở Wolfsegg thợ rất lâu, cứ như thể làm bằng chứng cho việc, ở đây họ được đối xử tử tế lắm vậy. Sự quái dị chính là ở đó, ngày này qua ngày khác, bao giờ họ cũng phải lặn ra làm đến bờ hơi tai, nhưng họ lại thợ rất lâu. Chẳng cô hũu gái nào ở Wolfsegg lại chết khi còn trẻ cả, sớm nhất cũng phải ngoài sáu mươi. Mẹ tôi vẫn bảo, họ *ai rồi cũng được chôn cất tử tế* và gia đình các cô bao giờ cũng mang ơn bà vì con cái họ *được phép* hũu hạ ở Wolfsegg. Đứng trong gian ti ền sảnh trống trải, sàn lát gỗ thông tẩm mới được cọ rửa tinh tươm, tôi nghĩ bụng, kiểu nghĩ ngợi như thế cho đến tận giờ vẫn vậy. Mạng nhện, vốn vẫn chẳng đầy các góc gian ti ền sảnh đã được quét đi từ hôm đám cưới, tôi tự nhủ, cửa sổ lau sạch bong, các cây đèn bôi dầu bóng loáng. Lúc này, mấy người thợ làm vườn bảo hai con em tôi đang ở trong tòa nhà chính, cả ông chủ mới - họ hẳn nhiên gọi gã chủ xưởng nút chai rượu vang như thế - cũng ở đấy. Bây giờ cả ba chắc đều đang ở tầng trên và không hề hay biết tôi đang ở trong gian ti ền sảnh, hay đúng hơn, gần ngay dưới chỗ chúng đang ngồi. Nhưng tôi chẳng muốn lên ngay chỗ bọn họ làm gì, nên cứ l ần khần thêm chút nào hay chút đó. Chỗ tôi đang đứng là chân cầu thang dẫn lên gác và trên tường có treo bức chân dung cụ Ferdinand nhà tôi. Thấy bảo, hồi xưa cụ lao người ra chặn tên phản bội người Hung, lúc tên này xông tới toan ám hại Hoàng đế và nhờ đó, cứu được mạng Ngài. Cụ nhà tôi phải bỏ mạng trả giá cho hành vi anh hùng này, và như thiên hạ vẫn rỉ tai nhau đến tận giờ, nhờ thế được Hoàng đế *truy phong*, cho nâng danh hiệu quý tộc cao thêm một bậc. Tôi nghĩ bụng, trông cụ thật giống Descartes, là đi đầu từ trước đến giờ tôi không nhận ra. Kể ra thì cụ sống cùng một thời với vị triết gia ấy thật, nhưng nhìn l ần, thì đúng ra là trang phục khiến cụ trông giống Descartes, chứ không phải cái đầu cụ. Tuy nhiên, sự giống nhau giữa cụ nhà đây với Descartes bỗng làm tôi kinh ngạc đến ngớ cả người. Không hiểu sao mình chưa bao giờ nhận ra sự giống nhau này, tôi tự hỏi, rồi tò mò ngắm nghía bức chân dung. Quả thực, trong bức chân dung, cụ tổ nhà tôi cũng để bộ râu theo lối rất Descartes và bộ lông mày cũng nhướn lên như

thế. Sự giống nhau này hoàn toàn không kỳ khôi chút nào, tôi nghĩ bụng, rồi tự hỏi ngay, liệu có phải ông cụ trong bức chân dung sơn dầu đây vốn cũng là triết gia không, bởi cụ quả có dáng vẻ triết gia lắm. Tôi định bụng rồi sẽ vào thư viện nhà dò xem, liệu có thể tìm thấy trong đó công trình nào đó của cụ không; một dạng tiểu luận hay tác phẩm triết học nào đó mà tôi chưa được biết. Tôi nghĩ, chắc tôi không nhầm, đúng là tôi đang ngắm nghĩa bức chân dung sơn dầu của một triết gia và các công trình của cụ hẳn phải nằm đâu đó trong năm thư viện nhà chúng tôi. Tên cụ ra sao thì tôi biết rồi, tôi chỉ cần vào thư viện tra cứu là ra. Tôi chẳng hề lấy làm lạ, tại sao chưa bao giờ có ai trong nhà tôi nói đến triết gia Ferdinand, bởi nét đặc trưng ở họ chính là ở chỗ họ không khi nào chuyện trò với nhau, dù chỉ là nhắc đến tên thôi, về những con người gọi là con người của tư duy trí tuệ, và thảng hoặc có nhắc đến họ thì cũng chỉ nhắc đến trong các câu chuyện đáng hổ thẹn nhằm nhục mạ các triết nhân đó mà thôi. Thậm chí, tôi chợt có cảm giác, dường như tôi đã có lần nghe nhắc đến triết gia Ferdinand - từ giờ tôi sẽ gọi thầm tên cụ như thế - rồi thì phải, thậm chí đã đọc cái gì đó của cụ mà không biết tác giả chính là cụ già trong bức tranh sơn dầu treo ở đâu cầu thang gian tiêng sảnh này. Tôi bỗng nảy ra ý định, phải xem xét lại thật kĩ các bức chân dung sơn dầu của tổ tiên nhà tôi treo trên bức tường dọc cầu thang dẫn lên tầng trên. Cho đến giờ tôi vẫn thường chỉ nhìn lướt qua rất hời hợt các bức chân dung này mà thôi. Trong đầu tuy cũng biết đây là các chân dung tổ tiên mình thật, nhưng tôi cũng chẳng biết ai vào với ai, vì tôi nào có để tâm đâu. Tôi nhìn các bức tranh hay chân dung treo ở Wolfsegg cũng giống hết mọi người trong nhà thôi, nghĩa là họ ngắm nghĩa chúng thật, nhưng không bao giờ có thể nói rõ cái gì hay ai ở trong tranh cả, bởi hàng chục năm nay ai cũng chỉ ngắm bức tranh này hay chân dung kia theo thói quen, như ngắm những mảng màu sáng tối khác nhau, được treo cố định ở chỗ này chỗ kia trên các bức tường trong nhà chúng tôi từ hàng trăm năm nay. Đến như tự hỏi, vì sao bức tranh hay bức chân dung lại treo đúng chỗ ấy cũng chưa từng có ai hỏi, nói gì đến chuyện có ai cất công tìm hiểu căn nguyên. Ai mà biết được, tôi tự nhủ, trên các bức tường Wolfsegg sự thật đang treo chân dung của những ai. Không chừng tổ tiên chúng tôi thậm chí có không ít các triết gia, cũng như một loạt nhân vật tư duy trí tuệ, vâng, không ít các nhà tư tưởng. Biết đâu được, rất có thể các

bức chân dung treo tường nhà chúng tôi thật sự vô giá, đúng như mọi người trong nhà vẫn thì thầm ri tai nhau. Thế nhưng, quả thật tôi không bận tâm lắm đến giá trị tính bằng tiền, mà chỉ bận tâm đến con người trong các bức tranh đó. Số tranh có đến hàng trăm, ấy là chưa kể vô số những bức tranh - do thói không biết tính trước tính sau đáng hổ thẹn từ hàng trăm năm nay tại Wolfsegg - đã bị bỏ quên, để nằm chơng thảm hại trên tầng áp mái. Tôi nghĩ bụng, rồi mình sẽ phải đón tay chuyên gia phục chế ở Wien về đây xác định gốc gác, phân loại và định giá số tranh này. Tôi nghĩ ngay đến một người tôi quen biết, giữ chân chuyên viên phục chế chính ở nhiều viện bảo tàng lớn trong nước, và cũng là người mới đây vừa phục chế bức họa quý nhất của Velazquez trong số những bức họa mà các Viện bảo tàng này sở hữu, và chúng sở hữu, như tôi biết, nhiều bức Velazquez quý giá bậc nhất, còn quý hơn cả những bức trong Viện bảo tàng Prado ở Madrid. Vừa nhắc đến Velazquez và bảo tàng Prado, tôi cũng lại nghĩ ngay, biết đâu ở Wolfsegg cũng có một bức tương tự của Velazquez mà chúng tôi không ai biết. Quả thực, gia đình chúng tôi có không ít bà con ở Tây Ban Nha từ hàng trăm năm nay và hiện giờ, thỉnh thoảng họ vẫn đến đây, tham dự các ngày hội đi săn. Wolfsegg bao giờ cũng có liên hệ khăng khít và chặt chẽ với Tây Ban Nha. Với Italia nữa, và tất nhiên, với cả Hà Lan, bởi đây dù sao cũng là đất nước của Rembrandt và Vermeer, cũng như của nhiều danh họa Hà Lan lừng lẫy khác. Ý nghĩ tuyệt vời bỗng nảy ra trong đầu tôi ấy, vẫn bám lấy tôi ngay cả khi tôi đã đứng trong gian nhà thờ; sở dĩ tôi vào đây chỉ cốt lần lửa để không phải lên gác vội. Tôi đã bước vào đây một cách thật chậm rãi và kín đáo. Trang trí đám cưới đã được dẹp đi rồi, thay vào là trang trí đám ma. Cảnh trí chuyển nhanh quá, tôi thì thầm nghĩ. Vô số khăn đen phủ kín tất cả các đồ vật ở đây - chân đèn, bồn nước, lọ hoa, ly cốc, dây chuỗi - thường ngày vốn vẫn được lau chùi bóng loáng. Hai cánh cửa sổ cũng thả rèm đen, chỉ có chiếc đèn gọi là *ánh sáng vĩnh hằng* là được thắp để ai bước vào còn biết chỗ mà lần trong bóng tối. Tôi nhớ lại cảnh tượng ông linh mục ngà ngà say quên trước quên sau, khiến khách dự đám cưới cười rộ; đến cả tiếng cười râm ran ấy, giờ đây tôi vẫn còn nghe văng vẳng bên tai. Trong đầu tôi cũng tái hiện cả trò hề tiện may không bị lộ ra của tôi; tôi cũng nghe tiếng bố tôi gọi to *Caecilia*, khiến cho buổi lễ đang chững lại tiếp tục diễn ra. Tôi tự hỏi, không biết giọng nói của

một người hai, ba hôm trước đó vẫn còn sống, nay bỗng lăn đùng ra chết, sẽ còn lưu lại trong tai ta được bao nhiêu lâu? Trong giây lát, tôi chợt có cảm giác, tôi phải quỳ xuống, như mọi người vẫn làm mỗi khi bước vào đây. Nhưng rồi tôi không quỳ, bởi tôi kịp nhận ra tính kịch và sự giả tạo đối trá cùng cực trong hành động ấy, một hành động lẽ ra sẽ buộc tôi đến ngõ trên ghé băng dài và quỳ gối xuống, mặc dù tôi không hề có chút nhu cầu phải quỳ xuống làm gì, đó chẳng qua chỉ là ý nghĩ, thông thường người ta vẫn quỳ khi bước vào đây. Tôi không quỳ, nhất là trong tình huống hiện nay. Nhưng thực ra tình huống của tôi là gì nhỉ, tôi vừa tự hỏi, vừa bước lên vài bước, trước khi đứng dừng lại. Tôi nghĩ bụng, hồi tôi còn nhỏ, tôi tuyệt nhiên không nhận thấy gian nhà thờ là nơi an lành, thanh tịnh, như mọi người trong nhà vẫn cam đoan. Ngược lại, đây là nơi kỳ quái, luôn làm tôi phải kinh hãi. Đạo tôi mười lăm tuổi, thậm chí cả khi tôi đã hai chục tuổi đầu rồi, tôi vẫn bước vào gian nhà thờ này như bước vào một nơi đầy rẫy kinh hoàng và độc địa, là nơi kết án, trong đó các quan tòa bàn định hình phạt sẽ giáng lên đầu tôi. Hồi đó, tôi bước vào gian nhà thờ này hết như bước vào phòng xử án uy nghiêm mà trong đó bao giờ tôi cũng bị kết án nặng nề. Từ trên cao, các ngón tay đầy vẻ hăm dọa tôi nhìn thấy trong phòng kết án này hồi đó, không thương tiếc trở thẳng vào mặt tôi, và khi rời khỏi căn phòng này, dù lúc còn niên thiếu hay lúc đã thành niên, bao giờ tôi cũng ở tư thế khiếp đảm, so vai rụt cổ, của kẻ bị vừa bị lăng nhục, kẻ bị trừng phạt. Nhà thờ Thiên chúa giáo rồi sẽ phải trả lời tôi khối chuyện, tôi tự nhủ, nếu tôi đem tính gộp tất cả những gì họ đã gây ra cho một đứa trẻ như tôi thông qua các giáo điều của họ, những gì họ đã phá hủy, đã đánh sập tan tành trong lòng tôi. Dù có máu lạnh đến đâu đi nữa, tôi nghĩ bụng, rồi họ cũng sẽ phải run sợ trước những lời kết tội của tôi cho mà xem. Mẹ tôi vẫn thường bắt tôi vào gian nhà thờ để tôi phải tự giày vò hành hạ mình với hàng trăm tội lỗi tôi đã mắc. Đạo ấy, bao giờ bước vào đây tôi cũng run rẩy sợ hãi, và ra khỏi đây như một kẻ vừa bị hạ đo ván. Kỷ niệm đẹp duy nhất về nhà thờ là kỷ niệm về những buổi đọc kinh cầu nguyện diễn ra vào các buổi tối tháng Năm, tháng kính Đức Mẹ. Mặc dù cả thế giới này đã đổi thay hoàn toàn, hay phải nói đúng hơn là đổi thay triệt để, ở Wolfsegg này mọi người vẫn vào đây cầu nguyện, như thể chẳng hề có chuyện gì xảy ra. Ở Wolfsegg, mọi người đều làm ra vẻ như suốt mấy

trăm năm gần đây thế giới chẳng hề thay đổi, trong khi thực ra thế giới đã đổi thay tận gốc rễ, hay phải nói rằng mọi sự ở đời đã đảo lộn hết cả, tôi thì âm nghi. Người nhà tôi ngắm nghía Wolfsegg y như ngắm nghía các bức tranh treo trên tường trong nhà vậy, những bức tranh luôn treo như thế, ở một chỗ, không bao giờ được phép di chuyển hay tháo xuống. Rốt cuộc, họ cũng tự xem mình như thế, tự cho mình không được phép đổi thay ở bất cứ mặt nào. Ai tự thay đổi hay bị làm cho thay đổi, như chú Georg, và như tôi đây, tôi nghi bụng, thì họ loại ra ngoài, không cho dính dáng với họ nữa. Thế nhưng, nếu bảo thời gian ở Wolfsegg đã dừng lại, không chạy nữa thì cũng không đúng, bởi vì họ, những người trong nhà tôi ấy, sống ở thời đại này, tồn tại trong thời đại này, là bộ phận của thời đại này, từ đầu đến chân là con người thời đại này, như sự hiện diện sờ sờ của họ hiện nay cho thấy rõ. Họ hòa nhập vào thời đại này, thậm chí còn sâu hơn cả người khác, nhưng hòa nhập theo *kiểu cách của riêng họ*. Nếu bảo người nhà tôi là căn bã còn sót lại của *một thời đã qua, một thời cũ kỹ, một thời đã bị đẩy lùi vào quá khứ từ lâu*, thì cũng không đúng nốt, bởi họ sống ở thời hôm nay. Nhưng theo kiểu cách của riêng họ. Họ không phải là những người mà thiên hạ, sau khi gặp gỡ và quan sát một thời gian dài, có thể quả quyết, đây là những người cổ xưa, chẳng còn dính dáng gì với thời đại chúng ta nữa. Bởi vì, họ quả thật đang sống ở cùng thời với ta kia mà. Nhưng sống theo kiểu của họ. Bất kỳ ai, nếu thời nay đang tồn tại, tôi nghi bụng, ắt cũng cùng ta chia sẻ thời đại này. Bàn dân thiên hạ quả đã nhàn to, khi họ định ninh người nhà tôi dường như sống nhàn thời, bởi người nhà tôi ở thời đại này còn sống mãnh liệt hơn cả người khác; và, nếu tôi tính đến các ảnh hưởng không phải là nhỏ của họ đến cuộc sống xung quanh họ, thì thậm chí họ còn thống lĩnh cả thời đại này bằng đầu óc tinh táo hơn nhiều người khác. Tuy nhiên, họ là những con người theo kiểu cách của họ, bất kể kiểu cách ấy có được chấp thuận hay không, có bị phản bác hay không. *Nếu bảo người nhà tôi là những người thuộc về thế giới khác thì cũng rất vớ vẩn*. Bảo rằng họ là những con người đang sống một cách lạ lùng, đang tồn tại một cách hết sức kỳ quái, cũng như bảo họ là những con người không đoái hoài gì đến sự đổi thay của thế giới và nhân loại, thì lại là một nhẽ khác, chứ họ đương nhiên là những con người của thời đại này. Nếu quả quyết người nhà tôi đang sống ở một thời đại khác hay trong một thế



giới khác thì cực kỳ ngu xuẩn, bởi vì, còn hơn cả triệu người khác, họ thực sự thuộc về thời đại này, nằm trong thế giới này và vẫn giữ vai trò thống trị trong đó. Đó là sự thật. Rất có thể đó cũng là mưu mẹo tài tình của họ, làm ra vẻ đang sống ở thời đại khác, họ thuộc về một thế giới khác, tôi nghĩ bụng. Dùng mẹo này, nói như thiên hạ, họ sống ngon lành, còn ngon lành hơn cả triệu người khác, những người vẫn quả quyết mình thuộc về thời đại hiện nay, sống trong thế giới hiện đại, là đi ều mà người nhà tôi - có lẽ xuất phát từ một thứ linh tính bẩm sinh nào đó về các mối liên hệ hiện nay trên thế giới này - không bao giờ quả quyết. Chính tôi, tôi còn dám cam đoan rằng người nhà tôi, bất kể họ thế nào, cũng hợp thời hơn đa số những người tôi quen biết khác. Tôi cứ nghĩ quẩn quanh như thế mãi trong gian nhà thờ, khiến tôi cứ do dự, nhùng nhằng, chưa rời khỏi đây lên trên gác gặp các em gái tôi. Chúng ta kiêu căng, tôi nghĩ bụng, tự cho phép mình loại những người như người nhà tôi ra khỏi thế giới và xã hội hiện nay và huênh hoang tuyên bố họ không thuộc về thế giới này, không thuộc thời đại này, bảo họ *không hợp thời*, bởi thật ra, ta cảm thấy rất rõ ràng ta đang mắc sai lầm. Sai lầm ở chỗ, chính họ, chính những người như người nhà tôi mới *hợp thời*. Đó là đi ều mỗi ngày tôi nhận thức một rõ thêm. Tôi khước từ lối sống của họ, không có nghĩa là tôi có thể nói rằng họ không thuộc về thời đại này, rằng họ không hợp thời. Thật ra, tôi cũng có thể bảo chính họ mới là những người đi đúng đường, không phải trên con đường đi đến đạp đổ và tiêu hủy mọi thứ, mà là con đường gìn giữ và bảo toàn tất cả, mặc dù cách thức hay biện pháp họ dùng để đạt các mục tiêu đó có thể không hợp lòng ta, tôi nghĩ bụng. Bảo rằng tôi không muốn dính dáng gì đến những con người này, không có nghĩa là phải loại trừ họ đi, như người ta thường nghĩ hay như người ta thường nghĩ r ồi chuyển thành hành động thực. Và tôi chợt nghĩ, mặc dù tôi không tán thành lối nghĩ và kiểu hành động đó, theo thời gian tôi lại tự biến mình thành kẻ giữ vai triệt hạ và hủy diệt họ, mà như thế, cũng lại giống như những người mà tôi vẫn cho là thiếu năng lực và bất chính. Không phải vì họ là số đông cho nên họ hợp thời đâu, tôi nghĩ bụng, như thiên hạ vẫn đinh ninh tin tưởng và hành động theo niềm tin ấy, hành động thường gây thiệt hại cho thời đại họ. Thiếu số vẫn có thể hợp thời như thường, thậm chí còn hợp thời hơn cả số đông; ngay cả một cá nhân cũng có thể hợp thời hơn số đông, và về căn bản, con

người riêng lẻ dường như thường xuyên là người hợp thời nhất, số đông bao giờ cũng chỉ mang tai họa đến cho ta, tôi nghĩ bụng, đến tận giờ vẫn thế, mọi tai họa đều bắt nguồn từ số đông. Thiểu số, hay các cá nhân riêng lẻ, sở dĩ bị số đông bóp nghẹt, chỉ vì họ hợp thời hơn số đông, vì họ hành động hợp thời hơn số đông. Các tư tưởng mới mẻ bao giờ cũng không hợp thời, tôi nghĩ bụng. Các tư tưởng mới mẻ bao giờ cũng vượt lên trước thời đại, nếu đó quả là các tư tưởng mới mẻ. Cái mới mẻ bao giờ cũng là cái không hợp thời. Tôi với anh Zacchi đã có lạn trao đổi với nhau rất lâu về chuyện này. Bảo rằng tôi hợp thời, thì có nghĩa là các suy nghĩ của tôi đã vượt lên phía trước, chứ nói như vậy, không có nghĩa là tôi hành động hợp thời, bởi hành động hợp thời lại có nghĩa là ta đang sống không hợp thời, vân vân và vân vân. Có lần tôi đã tranh luận với anh Zacchi mấy ngày liền, ở Orvieto, nơi đây anh ấy có một ngôi nhà trên núi, ngôi nhà anh thừa kế của một người hâm mộ anh. Sự thực, xét đến cùng, tôi nghĩ, những người ở Wolfsegg, tách riêng từng người hay gộp chung cả lại thành số đông, dù có đáng ghét đến thế nào đi nữa, thì họ vẫn là những người hợp với thời đại ta đang sống, tôi tự nhủ, nhất là khi ta xem xét lại thời đại chúng ta một cách cẩn thận và công bằng, đừng thời không để cho các quan điểm thịnh hành, vốn bị chính trị thường nhật kích động, làm cho mù quáng và đần độn. Quan điểm chính trị thường nhật đã có từ hàng thế kỷ nay, nhưng đừng thời cũng có những sự thật hiển nhiên luôn luôn đối kháng với quan điểm chính trị thường nhật đó. Sự thật là, tôi tự nhủ, thế giới hiện nay đang rơi vào tình trạng hỗn loạn, trong khi ở Wolfsegg, mọi sự lại ổn định, tôi cố tình không nói, mọi sự *vẫn còn* ổn định, mà tôi chỉ nói, mọi sự ổn định. Trong khi cả thế giới này đang rơi vào tình trạng giống như hôn mê và không đủ sức tỉnh dậy để trở về trạng thái có ý thức, thì những người ở Wolfsegg hoàn toàn tỉnh táo. Dù họ đã xua đuổi tôi, mặc dù tôi vì căm ghét họ nên bỏ Wolfsegg ra đi, tôi nghĩ, song tôi không hề phủ nhận, rằng họ *hành động*, hay nói cho đúng hơn, họ *đã từng hành động* rất tỉnh táo, tỉnh táo hơn phần lớn những người còn lại trên đời này. Tất nhiên, tôi tự nhủ, họ tỉnh táo theo cách của họ. Rồi tôi lại nghĩ ngay, những gì tôi vừa nghĩ thật hết sức vớ vẩn, hoặc chí ít cũng điên rồ, chẳng đưa đến đâu, nói cách khác, là một thất bại về tư duy. Để tiếp tục đẩy tới cái ý nghĩ cho rằng những ai ở Wolfsegg đều hợp thời hơn phần thiên hạ còn lại, nhẽ ra tôi

phải cần đến các anh Zacchi hay Gambetti, ai trong hai người cũng được, chứ một mình tôi, tôi sẽ thất bại cùng ý nghĩ đó, như tôi từng thất bại cùng mọi ý nghĩ khác của tôi, tức là tôi sẽ rơi vào vòng nguy hiểm hoặc sinh ra ngạo mạn kiểu triết học. Thế nhưng, ta luôn luôn phải tính đến khả năng thất bại đó, nếu không ta sẽ đột ngột rơi vào tình trạng biếng nhác, ăn không ngủ nghỉ. Bên ngoài cái đầu ta, ta phải chống lại thói biếng nhác này cương quyết như thế nào, thì trong đầu ta, ta cũng phải cương quyết chống lại thói biếng nhác đó như thế, cương quyết, không khoan nhượng. Ta phải cho phép mình nghĩ ngợi, ta phải dám đương đầu với nguy cơ chẳng mấy chốc ta sẽ thất bại. Chuyện ta thất bại là đương nhiên, bởi ta bỗng nhiên không thể sắp xếp các luận suy nghĩ, bởi vì khi ta nghĩ ngợi, ta phải luôn luôn tính đến tất cả các ý nghĩ hiện có và có thể có. Về cơ bản, bao giờ chúng ta cũng sẽ thất bại, giống hệt như những người khác; dù tên tuổi họ có vang dội thế nào, dù họ có là các nhà tư tưởng lỗi lạc bậc nhất đi nữa, thì đến một điểm nào đó, đột nhiên họ thất bại và hệ thống tư duy của họ đổ vỡ, như các tác phẩm của họ cho thấy, những tác phẩm làm ta ngưỡng mộ vì họ dám liều lĩnh tiến xa nhất trong sự thất bại của họ. Tư duy có nghĩa là thất bại. Hành động cũng có nghĩa là thất bại. Song tất nhiên, chúng ta hành động không phải để thất bại, cũng như chúng ta không nghĩ ngợi để chuốc lấy thất bại. Nietzsche là một thí dụ rất điển hình về lối nghĩ đi sâu vào thất bại, hồng học, đến mức người ta phải gọi đó là điên rồ, có lần tôi đã bảo Zacchi vậy. Bên trong những bức tường lạnh lẽo, quét vôi trắng này đây, như mẹ tôi vẫn thường quả quyết, tôi *mới có thể trưởng thành*; quay trở ra ngoài gian tiền sảnh, tôi vừa nhớ lại lời mẹ tôi, vừa do dự, không biết nên đi ngay lên tầng trên, chỗ các em gái tôi, hay nên đến chỗ những người khác, như tôi nghe thấy, hình như đang tụ tập cả trong bếp. Các cô, các bà nấu bếp cũng như mấy cô hầu gái nói chuyện *khe khẽ* với nhau trong bếp, rất biết giữ ý đến chuyện họ đang ở trong *nhà có tang*. Tôi nán lại ở cửa bếp và cố lắng nghe xem họ đang chuyện trò gì với nhau. Mới đầu, tuy không nghe ra họ nói gì, chỉ lồm bồm đôi lời nói rời rạc, nhưng cũng đủ để tôi đoán họ đang bàn chuyện gia đình họ, bởi họ nhắc nhiều lần đến địa danh *Muhlviertel*. vẫn biết mình đứng ngoài cửa bếp nghe lỏm thế này thật không phải chút nào, nhưng tôi vẫn đứng đó, không dứt khoát được nên đi ngay lên gác chào hỏi các em tôi để kết thúc cái trò

rụt rụt rè rè này, hay bây giờ nên mở toang cửa bếp, vào gặp các bà các cô đang tụ tập ở đấy. Bỗng dung họ cười vánh lên và tôi chợt nghĩ, bây giờ họ mà mở cửa ra, họ ắt bắt quả tang tôi nghe trộm. Với ý nghĩ ấy, tôi tự dưng thấy rùng mình sờn gai ốc về sự bất nhã trơ trẽn của mình. Tôi phải tự nhận rằng lối cư xử của tôi quả thật không thể tha thứ được. Dù bây giờ tôi có quyết định thế nào đi nữa, tôi tự nhủ, hoặc mở cửa đi vào bếp chào hỏi các bà các cô, hay lên gác gặp các em gái tôi, thì đằng nào tôi cũng vẫn phạm lỗi, theo cách của tôi, cái cách khó hiểu, và tất nhiên, gây bất bình. Câu chuyện trong bếp, mà bây giờ tôi đứng ngoài gian tiệp sảnh chú ý lắng nghe, là câu chuyện về các đám tang các bà các cô từng chứng kiến và các tai nạn dẫn đến những đám tang đó. Chuyện một ông cụ tám mươi bảy tuổi, họ bảo nhau vậy, ngã xuống chết, chuyện một bà già sáu mươi sáu tuổi, thất cổ chết bên cửa sổ phòng ngủ, chuyện đứa trẻ bị xe ngựa chở đầy than cho nhà nó ở khu mỏ than - tức là xóm thợ mỏ nhà chúng tôi - chẹt chết. Họ kháo nhau rằng mùi xác chết rất khó chịu, rằng vòng hoa viếng bây giờ rất đắt, rằng càng ngày càng hiếm các nhà đờn, rằng người sống, đến cả người thân của người đã khuất, thậm chí các bà quả phụ, cũng không còn mặc đồ đen trọn nửa năm như ngày xưa nữa. Hình như trong bếp các bà các cô đang dùng bữa cà phê chiều. Trong khi họ uống cà phê buổi chiều vào lúc khoảng hai giờ chiều, thì khoảng năm giờ chiều họ mới đặt nước cho chủ trên gác dùng trà; lúc này họ bắt đầu ăn tối dưới bếp, để đến bảy rưỡi mới dọn bữa tối lên cho người trên gác. Tự dưng tôi cảm thấy khoan khoái dễ chịu, khi nhận ra thói quen hàng ngày ở Wolfsegg có vẻ không thay đổi gì cả. Trong bếp, họ lại tiếp tục kháo chuyện về một ông lái tàu nào đấy bị cướp giết chết, để lại năm đứa con thơ cho một mình bà vợ, bà này bây giờ phải tìm việc làm nuôi con, bởi vì Nhà nước tuyệt nhiên không trợ cấp gì cho người thân người bị giết, ngay cả khi thủ phạm đã bị bắt cũng không. Pháp luật nhà nước Áo này chứa quá nhiều thiếu sót, họ bảo vậy. Tôi lại nghe họ kể về chiếc xe kéo bị lật ở gần biệt thự trẻ thơ khi các cô đầu bếp phải chở lô ghế băng từ đó về khu nhà chính. Rồi tôi lại nghe rộ lên tiếng cười khi có người nói gì đó về gà đẻ trứng; nhưng tiếng cười lại tắt đi ngay, như thể các bà các cô chợt ngưng ngưng về thái độ khiếm nhã của mình. Nếu bây giờ tôi bước vào chào hỏi họ, tôi khắc biến mình thành kẻ lỗ bịch tội đĩnh; nghĩ vậy, tôi bèn lên gác. Ngay trong bầu không khí thể

thảm này, tôi vẫn vui th ần trong bụng, vì tôi từ Rome về đây mà chẳng mang theo hành lý gì, tuyệt nhiên không một thứ gì cả, độc mỗi một chiếc ví cùng cái khăn tay. Rồi tôi sẽ cho thuê kiề m định tất cả những bức tranh và chân dung treo trên các bức tường trong nhà hay xếp ngổn ngang trên tầng sát tr ần, xem trị giá thực của chúng là bao nhiêu, tôi tự nhủ khi đi ngang bức chân dung cụ Ferdinand lên tầng trên. Cứ bình tĩnh, đừng thờ g ập, tôi nghĩ bụng, dừng lại ở đ ầu cầu thang, dỏng tai nghe ngóng. Con Amalia đang nói chuyện với gã chủ xưởng nút chai rượu vang ở Freiburg, anh kể nó, tức em kể tôi - gã đàn ông mang rượu vang vùng Baden đến đây chiêu đãi cả nhà ấy. Suốt mấy ngày đám cưới, hầu như tôi chẳng chuyện trò gì với gã, nhưng không phải vì tôi kèn kiệu, mà vì gã muốn lánh mặt tôi. Gã toàn lẩn đi chỗ khác, chắc vì sợ tôi v ạn vẹo chuyện này chuyện nọ. Tôi còn nhớ, tôi nhác trông thấy gã đứng một mình dưới cây s ồi trong vườn, tôi liền nghĩ, đây có lẽ là cơ hội cho mình đến bắt chuyện, hòng moi thêm chuyện ở gã, nhiều hơn những câu chuyện ít ỏi tôi đã biết qua em gái tôi, vì nó chẳng hé lộ nhiều chuyện lắm về vị hôn phu cả. Song, tôi vừa cất bước đi về phía cây s ồi, thì gã em kể đã lại rời đi chỗ khác. Chắc gã để ý quan sát tôi n ãy giờ, và đúng lúc thấy tôi định đi về phía gã, gã bèn tránh đi, tôi nghĩ, miễn cưỡng tiến về phía nhà kính, mặc dù chẳng có lý do gì để làm thế vì ở đây chẳng có ai, hay đúng hơn, tôi không thấy bóng ai ở đây. Thế là tôi lại đứng trơ một mình dưới cây s ồi, không có gã em kể giàu có đứng ch ầu bên cạnh. Trong bữa tiệc hôm đám cưới, tôi cũng không sao bắt chuyện được với gã, bởi tôi cứ hướng ánh mắt về phía gã là gã lại nhìn tránh ra chỗ khác. Rõ ràng gã khổ sở khi bị tôi để ý; thế nhưng, lẽ ra gã phải hiểu, nếu thằng em kể mới về nhà vợ có bị thằng anh vợ soi mới xem hành vi gã ra sao, lắng nghe gã nói năng, đánh giá xem gã cư xử trong ngoài như thế nào, thì đó cũng là chuyện hết sức hiển nhiên thôi chứ. Nhưng gã chủ xưởng nút chai rượu vang thích tránh mặt tôi hơn. Giờ tôi nghĩ lại, thì đúng là suốt mấy ngày lưu lại Wolfsegg đó, tôi không có dịp nào để nói chuyện nghiêm túc với gã, dù tôi luôn thiết tha, song tôi chả lúc nào có cơ hội để làm việc đó cả. Loại người này, lại còn là người Baden ở xứ tr ồng nho nữa chứ, tôi nghĩ bụng, là loại người có biệt tài lẩn trốn những ai muốn chuyện trò với họ, họ luôn luôn né tránh những ai muốn soi mới họ bằng các câu hỏi v ạn vẹo; họ rất khôn ngoan, khéo léo khi phải né

tránh như thế. Vâng, ta có thể bảo người này đần độn, song ta cũng phải thừa nhận ngay rằng y rất láu cá. Những người đày đạn, mập mạp bao giờ cũng láu cá hơn kẻ khác, và nói chung, bao giờ cũng linh hoạt hơn. Nhưng sự linh hoạt ấy chỉ giới hạn ở linh hoạt cơ thể, bởi đâu óc tư duy của họ, nếu quả thực họ có một thứ như vậy thật, không hề linh hoạt chút nào. Tôi định bụng sẽ thử thách thằng em rể, và đã tưởng, thử thách gã này chắc cũng dễ thôi, chỉ cần hỏi dăm ba câu là nhìn thấu gan thấu ruột. Thế nhưng, tôi đã nhầm, do quá tự tin vào tài bắt chuyện của mình, tôi đã thất bại. Có đi đâu, tôi tự hỏi, vì có gì gã em rể tránh mặt tôi? Gã ngại cái gì ở tôi mới được? Dấu sao tôi cũng là anh trai vị hôn thê của gã, chỉ sau đám cưới hôn thê sẽ là vợ, cho nên tôi tin tôi cũng có quyền tìm hiểu xem gã là người thế nào chứ? Tất nhiên, chuyện con em gái tôi chẳng hỏi han gì, cứ đừng đừng đòi cưới gã đàn ông này mà không hề biết gã sự thực là người thế nào quả là chuyện tà trời, bởi rõ ràng nó chẳng biết gì về gã thật. Nó chỉ luôn mồm bảo, bà cô ở Titisee biết rõ về gã, biết lẽ đến chân tơ kẽ tóc, cô ấy còn quen biết cả gia đình bố mẹ gã ngay từ lúc bố mẹ gã mới lọt lòng kia. Nhưng tất nhiên, như thế chưa đủ, tôi nghĩ bụng, cũng y hệt như mẹ tôi, mặc dù bà còn nghĩ sâu hơn tôi rất nhiều. Có đi đâu, bà cũng không ngăn nổi đám cưới này, vì con Caecilia khẳng khẳng đòi cưới cho bằng được, tức là lần đầu tiên nó dám chống đối, và như thế, dám gây tội chống lại mẹ. Nói là gây tội, bởi vì ngay từ đầu, mẹ tôi đã coi chuyện cưới xin này là *hành động tội lỗi* không hơn không kém của con Caecilia, một hành động bà ngờ chỉ nhằm chống lại bà và chỉ chống lại một mình bà mà thôi; nhưng bà giữ kín, ngoài chúng tôi ra, bà không để lộ cho ai biết mối ngờ vực đó của bà, e mất mặt trước bàn dân thiên hạ. Cứ theo đi đâu bà vẫn đinh ninh và biến thành quy định dứt khoát, thì hai đứa con gái bà sẽ phải suốt đời ở gần bà, tức là ở Wolfsegg, để hầu hạ bà và tuyệt nhiên không thể có chuyện cưới xin ở đây. Mọi sự vốn đầu vào đấy như thế, cho đến lúc bà cô ở Titisee mang ý tưởng cưới cưới xin xin quái đản kia xía vào làm hỏng hết các dự tính của bà, như mẹ tôi thường vẫn rủa. Nhưng đám cưới ấy cũng là một cú giáng vào con Amalia, tôi nghĩ bụng, bởi vì, dù không nói ra cho ai biết, hai chị em chúng nó đã thề suốt đời ở với nhau, hay nói cách khác, thề không đứa nào lấy chồng, một đứa đã lấy chồng thì phải chia tay với đứa kia. Cuộc chia tay, tôi lại nghĩ thêm, rốt cuộc đã xảy ra vì *cái đám cưới*

*quái đản* này, một đám cưới mà mẹ tôi vẫn chỉ gọi một cách nham hiểm là cuộc *hôn phối*, một từ mà ở Wolfsegg cho đến khi đám cưới này diễn ra, vẫn được phát ngôn với giọng rẻ rúng tột cùng. Nhưng gã chủ xưởng nút chai rượu vang cũng không bao giờ nói *đám cưới* cả, gã chỉ luôn mồm nói *hôn phối*, bởi gã là dân Baden và nói như thế đối với dân ở đây là bình thường; nếu chưa quen lối nói mỉa mai của địa phương tôi, họ sẽ chẳng thấy có gì là kỳ khôi khi nói như thế cả. Tôi không nghĩ gã thuộc hạng du côn hay lèo lá, nhưng cần chắc gã là một thằng ngu muốn ngoi lên cao, hạng người mà người ta có thể gặp hàng đàn hàng lũ khắp nơi trên các đường phố, những kẻ khiến mọi nhà hàng, quán ăn, mọi buổi tiếp tân đều thành chốn địa ngục. Gã không đủ láu cá xảo quyết để thành tên du côn hay thằng buôn lậu, tôi tự nhủ, gã chỉ là một kẻ thêm danh hám vị thực lòng, với tất cả các mặc cảm tự ti của gã. Tất nhiên, lẽ ra tôi có thể buộc gã phải nói chuyện với tôi, tôi nghĩ bụng, ngang đường bắt gã trả lời các câu hỏi của tôi không phải là chuyện khó khăn gì lắm, song tôi chẳng hứng thú gì làm như thế. Có thể do tôi không muốn phải đối mặt với gã, nghe giọng nói kỳ cục của gã, cái giọng miền tây nam nước Đức và kiểu nói năng vùng Baden ấy. Sau nhiều lần đến ở nhà bà cô tôi ở Titisee vùng Schwarzwald, tôi biết thế nào là sự ấm cúng dễ chịu xứ Baden và không ưa gì nó, không khác gì cái gọi là sự ấm cúng độc địa và ngu xuẩn của thành Wien xưa nay vẫn làm tôi kinh tởm, vâng, cái gọi là ấm cúng dễ chịu hay quyến rũ bao giờ cũng làm tôi lúng túng, hay đúng hơn là làm tôi thất vọng, bởi chẳng qua nó chỉ là cách xử sự thô bỉ với đời cũng như với bản chất của con người mà thôi, và nếu nói cho quá lên nữa, nó là sự xuyên tạc hết sức hèn hạ thế giới quan của chúng ta. Tôi không thể bảo gã chủ xưởng nút chai rượu vang đã luồn lách đến Wolfsegg này, bởi chính con em gái tôi đã cố tình cưỡng lại mẹ để đưa gã về Wolfsegg, bắt gã làm kẻ đờng lỏa, phạm tội lớn chống lại bà. Một kẻ chưa bao giờ nghe chút gì của Max Bruch! Mẹ tôi từng thốt lên như thế trong bữa ăn tối, khi câu chuyện đang xoay quanh gã chủ xưởng nút chai rượu vang, và chỉ xoay quanh gã mà thôi. Đúng bà - một người chẳng biết mô tê gì về âm nhạc, một người suốt đời chỉ cần bản giao hưởng vĩ cầm của Max Bruch là đủ làm cho ngây ngất ấy, thì tôi cứ nói thẳng tuột ra như thế, đúng bà, lại là người thấy cần sỉ nhục gã con rể tương lai của mình - mặc dù gã đã bị chúng tôi giễu cợt chán rỗi - bằng

cách nêu danh tiếng đáng ngờ của Max Bruch ra như vậy. Ở Rome, tôi không hé răng nói một lời nào về gã chủ xưởng nút chai rượu vang với bạn bè tôi. Mãi đến khi đám cưới đã ít nhiều dứt khoát rồi, tôi mới kể cho Zacchi, Gambetti, cả cho Maria nữa về gã, khiến nàng không thể nhịn được, phải rũ ra cười. Mãi về sau tôi mới nhận ra sự độc địa và bần tiện trong câu chuyện tôi kể, câu chuyện không phải bôi tro trát trấu thẳng em rêu mà thực ra, tôi tự bôi xấu mặt mình thì đúng hơn. Thật tình, tôi không sao có thể giữ nghiêm túc khi nói về gã em rêu được, bao giờ cũng phải châm biếm cay độc, cái lối vẫn bật ra ở tôi mỗi khi tôi không sao nghiêm túc được nữa ấy. Song chính loại người như gã chủ xưởng nút chai rượu vang là loại thường xuyên làm tôi nổi điên, là loại bao giờ cũng làm tôi sôi máu, như người ta vẫn nói, bởi chính họ, hơn bất kỳ ai khác, là hình ảnh méo mó về con người, là những kẻ thóa mạ, xuyên tạc nhân loại, những kẻ làm nhân loại trở nên lố bịch - những hành động tuyệt nhiên không phải do họ bất lực hay vụng về. Cũng như không thể lẫn lộn giữa việc tôi đang đối mặt với một người bình thường hay một người vô sản, tôi nghĩ bụng, tức là với một người ta có thể chịu đựng được, người làm ta yên lòng hay với một kẻ ta không thể chịu đựng nổi, kẻ gây bất an, kẻ làm méo mó hết thảy. Người vô sản là sản phẩm của nền công nghiệp, là người chưa từng tồn tại trước khi có công nghiệp hóa. Họ là nô lệ của máy móc, là người bị máy móc thường xuyên lăng nhục nhưng lại không sao chống lại nổi sự lăng nhục đó, là người bị máy móc biến thành đê tiện. Trong khi đó, con người bình thường, như tôi hiểu, không bao giờ tự biến mình thành kẻ nô lệ của máy móc, không để chúng hạ nhục, cũng không để mặc cho chúng hủy hoại và triệt hạ mình. Giới tiểu tư sản và giới vô sản là sản phẩm đáng thương, nhưng cũng không thể chịu đựng nổi của thời đại cơ khí máy móc và chúng ta thường vẫn hết hồn hết vía mỗi khi phải đối diện với họ, bởi lúc đó ta phải chứng kiến tận mắt cuộc sống bên máy móc và trong văn phòng đã biến họ thành những con người thảm hại ra sao. Một phần rất lớn, hay đúng ra là phần lớn nhất của nhân loại đã bị máy móc và văn phòng phá hủy và triệt hạ, tôi tự nhủ. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang chính là kẻ đã bị văn phòng xưởng sản xuất nút chai rượu vang cũng như máy móc sản xuất nút chai rượu vang của gã hủy hoại và triệt hạ, biến gã thành kẻ không ai chịu được, tôi nghĩ bụng, trong khi - dù đã lên đến tầng hai - vẫn đang



lưỡng lự dừng lại ở đầu cầu thang. Tôi không thể biết duyên cớ nào đã xui khiến con em gái tôi chọn đúng con người này làm bạn đời của nó. Nhưng mặt khác, tôi cũng biết rằng nó sẽ chẳng tìm được thằng nào khác chịu kết duyên cùng. Mọi nỗ lực của nó, mà các nỗ lực như thế của nó đã không phải là ít, đều thất bại, hay đúng hơn là đều buộc phải thất bại, do bà mẹ nó ngăn cấm con gái mình gặp gỡ hay giao du với cánh đàn ông. Hai con em gái tôi đều xấp xỉ ba chục cả rồi mà vẫn phải tuân theo lệnh cấm ấy của mẹ, không dám vi phạm lệnh cấm, bởi cả hai đều sợ bị mẹ đuổi đi và truất hết mọi quyền lợi. Bao giờ chúng nó cũng bị dọa *trước quyền thừa kế* nếu không chịu tuân lời mẹ. Chúng nó cứ phải nhắm mắt nghe lời, bởi hai đứa không sợ gì bằng sợ mất quyền thừa kế, bởi chúng cảm thấy sẽ hoàn toàn bất lực, vâng, tôi có thể nói thẳng thừng ra rằng, chúng cảm thấy chẳng còn chút giá trị nào, nếu chúng mất hết của cải. Có lần con Caecilia nhờ mồi xin đi chơi hai ngày với bạn trai đến Salzburg, nó liền bị cấm túc hẳn một tuần, không được rời một bước ra khỏi nhà. Con Amalia cũng sẽ phải chịu chung số phận như thế, nếu nó cũng có ước muốn, nói như mẹ tôi nói, được đi chơi những chuyến nguy hiểm như thế. Bây giờ, không biết tôi phải xử sự thế nào trước mặt gã chủ xưởng nút chai rượu vang đây, tôi đang nghĩ bụng vậy thì nghe thấy tiếng các em tôi nói rộn lên, tiếng của cả ba đứa, mặc dù đứng ngoài hành lang tôi chưa hiểu ngay chúng nó đang bàn tính những gì, chỉ nghe lảng máng chuyện gì đó dính dáng đến đám tang. Tôi tự hỏi, tôi phải làm gì bây giờ, tôi phải nhập vai thế nào bây giờ. Lỗi cân nhắc, suy đi tính lại như thế thường chẳng đưa đến đâu mà chỉ tổ làm mọi sự thêm khó ra, làm rối rắm những việc thật ra đơn giản, mặc dù thoát trông có vẻ hết sức phức tạp và khó khăn. Tôi vẫn biết rằng mọi sự rồi sẽ đâu ra đấy và chẳng cần phải vắt óc nghĩ ngợi gì ngay cả trong những trường hợp gọi là khó khăn nhất đi, chẳng hạn như trường hợp ta về nhà sau khi nghe tin có tai nạn và phải hiện diện trước mặt những người đang chờ đợi ta - những người vốn đã chứng kiến hay phải đối mặt trước ta với tai nạn đó. Ta vẫn biết, mọi sự rồi sẽ ra đâu vào đấy, song ta không bao giờ tin vào sự thực đó, ta luôn luôn phớt lờ nó và tự hành hạ đầu óc mình. Giá như chỉ có một mình các em gái tôi thôi, tôi nghĩ bụng, thì có lẽ tôi đã chẳng ngần ngại nhập cuộc với chúng nó từ lâu để bàn chuyện nay mai phải làm gì. Nhưng gã chủ xưởng nút chai rượu vang đã ngăn trở tôi

xuất đầu lộ diện một cách tự nhiên. Chưa gì gã đã ngáng đường tôi, tôi nghĩ bụng, chưa gì gã đã ngáng trở phong thái tự nhiên của tôi. Lúc này, mới có đúng một tuần sau khi diễn ra, cái đám cưới đó đã thời ra là một sai lầm ghê gớm, tôi nghĩ bụng, nó như cái nêm lèn vào giữa Caecilia và Amalia, chia rẽ hai đứa ra khỏi nhau, chia rẽ đến cùng và mãi mãi, chứ không phải chỉ tạm thời, do hờn dỗi, nên Amalia chuyển sang ở bên khu nhà thợ làm vườn ít lâu để trừng phạt chị nó đâu. Bây giờ gã chủ xưởng sản xuất nút chai ng ẫ với chúng nó trong kia, bàn bạc với chúng nó những chuyện mà lẽ ra chúng nó phải bàn với tôi mới đúng. Gã đang can thiệp vào chuyện không phải chuyện của gã, có khi gã đang ra tay đi ầu khiến công việc ở Wolfsegg cũng nên, bằng sự ngu đ ần của gã, bằng các suy nghĩ và hiểu biết tiêu tư sản n ồng cạn của gã - các suy nghĩ và hiểu biết không khi nào vươn lên t ầm suy nghĩ và hiểu biết của giới trí thức được cả. Chưa đ ầy một tuần sau đám cưới mà gã đ ả ra về ông chủ ở Wolfsegg, vợ Wolfsegg vào tay mình, tôi nghĩ bụng và đứng vào một chỗ khiến tôi có thể nghe được tất cả những gì ba đứa nói với nhau trong kia. Thật tình, tôi định bụng cứ chờ nghe xem, chúng nó có nói gì về tôi không, nhưng chỉ nghe chúng nó nói gì đó về tay thợ liệm xác, rằng tuy hấn đã ghé đây ba lần, nhưng vẫn chưa thỏa thuận xong mọi chuyện. Rằng đã có tám chục vòng hoa và bốn chục bó hoa gửi đến viếng. Rằng tin cáo phó trang trọng đã được gửi đăng, không những trên báo *Oberösterreichische Nachrichten* và các tòa báo khác ở vùng Thượng Áo, mà cả trên các báo ở Wien và München; và chúng đang cân nhắc xem, có nên cho đăng cả tên báo *Frankfurter Allgemeinen* nữa không. Chúng nó nói chuyện rất kh ẽ, tôi nghĩ bụng, chắc đ ể không ai nghe thấy, nhưng tôi lại nghe được hết. Lần đ ầu tiên tôi phát hiện, hóa ra đứng bên ngoài hành lang người ta vẫn có thể nghe thấy g ần hết, dù bên trong có hạ giọng, nói thật kh ẽ đi nữa. Phát hiện này làm tôi hơi hoảng, bởi từ xưa đến giờ, tôi vẫn đ ĩnh ninh, đứng phía ngoài không nghe được bên trong nói gì. Phát hiện này là một trong những phát hiện quan trọng nhất, tôi nghĩ bụng, nó buộc tôi phải hết sức thận trọng với cách nói năng của tôi khi ở trong phòng khách. Chúng nó tưởng không ai nghe được chúng, tôi nghĩ bụng, nhưng hóa ra, trong đó nói những gì, ở ngoài này đ ầu nghe rõ m ột. Suốt từ n ầy, gã chủ xưởng nút chai rượu vang chỉ thấy ừ hử, đọc những *phải* với *không* đ ể đáp lại các

câu hỏi không quan trọng. Bọn em gái tôi nói là chính, đi đâu đó khiến tôi yên tâm hơn. Gã chột cất tiếng, bảo phải nâng bệ đỡ linh cữu lên một chút, khiến tôi động tai để ý nghe. Bệ đỡ linh cữu thấp quá, khiến khách viếng khó nhìn được mặt người đã khuất, nên phải làm sao nâng nó lên. Chuyển qua lại một lúc khá lâu rồi cả ba quyết định cho người nâng bệ đỡ linh cữu cao lên. Rồi bọn họ chuyển sang nói về thợ làm vườn, sau lại đến cánh thợ săn. Đoạn, đến chuyện đã cho thuê hết các phòng ốc cho khách bốn phương về dự đám tang; không những thuê tất cả các phòng trọ dưới làng, mà cả bên Ott nang. Tôi nghe nhiều lần nhắc đến nhà trọ *Gesswagner*, là quán tôi vẫn thích đến ăn nhất, mỗi khi tôi muốn đổi món, ăn món gì khác với các món của nhà bếp Wolfsegg. Nhà trọ *Gesswagner* có nhiều phòng rộng, với những chiếc giường ngủ cổ xưa, là nơi khách khứa nhà chúng tôi vẫn ưa dừng chân nghỉ vào những dịp họ đến Wolfsegg. Bởi vậy, cả nhà trọ này lẫn cửa hàng thịt của chủ nhà trọ không phải vô có mà nổi tiếng ở nhiều nơi. Nhắc đến nhà trọ *Gesswagner* là tôi nhớ ngay đến các buổi vui vẻ cùng với dân làng Ott nang trong quán ăn của nhà trọ này. Thợ mỏ, nông dân, thợ mộc hay đám thợ làm đường hay lui tới đó - và chính nhờ họ mà tầm mắt tôi được mở rộng ra từ rất sớm. Không ở quán ăn nào ngoài quán ăn này, tôi được trải qua những giờ phút vui vẻ, thoải mái và tự nhiên như thế. Chính vì thế nên nhà trọ *Gesswagner* như có ma lực đối với tôi. Nơi đó cũng là trung tâm của Ott nang; nơi này dân làng vốn nổi tiếng thoải mái và vui nhộn, lại cũng là nơi có ban nhạc thuộc hạng cừ khôi nhất, hay nhất, ngang ngửa ban nhạc làng tôi. Thế nhưng, tôi nghĩ bụng, tên nhà trọ *Gesswagner*, tất nhiên, cũng chỉ làm riêng một mình tôi vui mừng, vì cũng chỉ mình tôi biết các lý do sâu xa đằng sau tên gọi đó thôi. Trong kia, chúng nó bỗng dưng nhắc đến tên tôi. Chúng nó hỏi nhau, vì sao đến tận giờ vẫn chưa có tin tức gì của tôi, mặc dù đã đánh điện tín ngay cho tôi sau khi có tin tai nạn. *Không điện thoại, không tin tức gì hết*, Amalia cắn nhằn. Đúng lúc đó, tôi bước vào phòng khách. Cả bọn đứng dậy nhưng không mở nổi miệng nói câu nào. Tôi ôm các em gái tôi và bắt tay thẳng em rể. Sau đó, cũng không nói một lời, tôi sánh vai Caecilia cùng cả bọn xuống nhà, đi sang khu nhà lính. Cảm giác đầu tiên của tôi là chúng nó có vẻ nở nang tôi trong tư cách người kế nhiệm tuyệt đối và duy nhất của những người tử nạn. Thật ra, chúng nó cũng chẳng còn lựa chọn nào khác, ngoài việc chấp

nhận vai trò đó của tôi, và trong giây lát thôi, tôi thoáng nghĩ, rằng từ nay chúng nó nằm trong tay tôi, phải nhờ cậy tôi, phải nghe lời tôi. Chỉ thoáng qua thôi, một ý nghĩ, thì ra bây giờ chúng nó không thể sống thiếu tôi, từ nay chúng nó sẽ phải dựa vào lòng hào hiệp, khoan dung của tôi, bởi tôi là người thừa kế đương nhiên của những người quá cố và từ giờ chúng nó phải bám vào tôi, bởi tai nạn kia bỗng chốc biến chúng thành những kẻ bơ vơ và hoàn toàn bất lực. Một kẻ đào tẩu, vốn bị xua đuổi, bị nguy ên rửa, bị ghét bỏ như tôi bỗng dựng trở thành ông chủ, một mình nắm quyền định đoạt mọi thứ, thành người che chở, thành vị cứu tinh cho chúng nó. Ngay từ phút giây đầu tiên anh em gặp lại nhau ấy, bọn nó dường như trông chờ tất cả vào tôi, mong mỗi cái xin tôi, dù ít nhiều miễn cưỡng, gượng gạo đi nữa, bỏ qua, quên đi tất cả những gì chúng nó và những người đã khuất kia từng gây ra cho tôi, để ra tay cứu vớt chúng nó. Đương nhiên, đó cũng là ý muốn của tôi và tôi đánh tiếng - không phải bằng lời, mà bằng cách xử sự không cắt nghĩa thêm được - để chúng nó biết như thế. Cùng bị đẩy vào tình thế giống hệt như tình thế hai đứa em gái tôi, gã em rể cũng mong chờ tôi sẽ che chở cho gã cùng hai đứa em gái, sẽ tính đến cả gã trong các suy tính dự định nay mai của tôi. Song, cũng như chúng nó, chính tôi cũng chẳng biết rồi chuyện gì sẽ đến, bởi vì tính từ hôm qua ở Rome, do tác động của bức điện tín kinh khủng nọ, cho đến thời điểm bây giờ, tôi chưa hề nghĩ một chút nào đến việc phải tháo gỡ mớ bòng bong các chuyện cần xử trí trong ngoài, trước sau ở Wolfsegg ra sao, những việc bây giờ bỗng rơi lên đầu tôi và chỉ một mình tôi mà thôi, nhưng do phải vội vã ra đi nên tôi chẳng còn lúc nào, hay đúng hơn là tôi không dành chút thời gian nào, để nghĩ tới bấy nhiêu là việc dồn đến cùng một lúc ấy; tôi gạt những việc đó sang một bên, bởi tôi không muốn trước khi bố mẹ cùng anh trai được mai táng đã phải gánh vác và ngấp đầu một lúc với bấy nhiêu là việc của Wolfsegg. Vả lại, tin báo cái chết của bố mẹ và anh trai ập đến Rome quá bất ngờ, bất ngờ đến nỗi, như tôi đã nói, chẳng hề làm tôi choáng váng, mà ngược lại, nhấn tôi chìm vào một tâm trạng mà nếu đem đối chiếu với sự khủng khiếp của tin báo, là một tâm trạng thật quá ư dửng dưng và lãnh đạm, một tâm trạng mà tôi đã không đủ sức mạnh, cũng không đủ cả ý chí để xua đi. Tôi chỉ xếp mấy bức ảnh lên bàn giấy, có thể bình tâm nói thẳng ra như vậy, rồi mơ mơ màng màng cùng các bức ảnh đó, hòng ít nhiều tự

đánh lạc hướng mình khỏi tin báo khủng khiếp kia. Bây giờ tôi nghiệm ra, đó quả là biện pháp tuyệt hảo vậy, giúp tôi sau khi nhận được bức điện báo tử vẫn bình tĩnh, chứ không bị choáng váng xúc động, hay nói như thiên hạ, không bủn rủn chân tay mà đầu óc vẫn tỉnh. Song, tất nhiên tôi chưa nghĩ ngợi gì đến các hậu quả sẽ ồạt ập tới cùng bản tin báo tử đó, bởi tôi muốn tự vệ, tôi buộc phải tự vệ, không muốn và cũng không thể, bị sự thật về cái chết của bố mẹ và anh trai tôi bóp nghẹt. Trên đường đi sang khu nhà kính, tôi nhìn con Amalia đi trước và nghĩ bụng, thì ra, từ nay, hai con em gái tôi và thằng em rể sẽ phải dựa hẳn vào tôi, và chúng nó buộc phải thay đổi hoàn toàn cách đối xử với tôi. Dù gì thì sau cái chết của bố mẹ và anh trai cả, tôi bỗng dưng trở thành người giữ vai trò chu cấp, nuôi nấng chúng nó - một vai trò mà chúng nó quả thực chưa bao giờ nghĩ sẽ có ngày rơi vào tay tôi. Song, bây giờ tôi vẫn là thằng tôi như trước, tôi nghĩ bụng, *tôi* không thay đổi, *tôi* cũng sẽ không thay đổi, mặc dù bây giờ chúng nó mong tôi phải thay đổi, chúng nó tin như thế, để không bị tuyệt vọng và tuột mất hết khỏi tay mình. Sự thật là, trên đường đi sang khu nhà kính, tôi nghĩ bụng - dù ý nghĩ đó đối với tôi tất nhiên cũng đáng buồn - rằng các em gái tôi sẽ phải trả giá, rằng tôi không nghĩ đến chuyện sẽ cho chúng nó tiếp tục ở lại Wolfsegg, tôi cũng sẽ không cho tiếp tục vận hành Wolfsegg như hiện nay. Tôi chưa biết rồi sẽ vận hành công việc khác đi như thế nào, chỉ biết nó sẽ không tiếp tục vận hành, không tiếp tục hoạt động như hiện nay, như hàng trăm năm nay đến giờ được nữa. Cũng có thể do cái chết bất ngờ của bố mẹ và anh trai, khiến con Amalia trong vai đưa con gái và đưa em *đau khổ* phải cố tình sang khu nhà kính trước tôi và mặc toàn đồ đen. Trong bộ áo liền váy đan bằng len màu đen, tóc búi ngược ra sau, trông nó khá xinh gái, vì cũng giống như Caecilia, tôi nghĩ bụng, màu đen rất hợp với nó. Giá như hai đứa chúng nó không lúc nào cũng đóng bộ váy Drindl đáng ghét nọ lên người, tôi tự nhủ, giá chúng nó cứ mặc váy đen thì có phải hơn không. Gã em rể đi sánh vai cùng Caecilia, thoát tiên chỉ gây cho tôi cảm giác gã đang hoàn toàn bất lực. Cái vẻ mặt đắc đắng, mặt khác lại mặc cảm tự ti của gã vào tuấn trước, trong vai chú rể, bây giờ biến đi đâu mất. Vụ tai nạn quái ác cũng như các hậu quả trực tiếp của nó khiến gã không còn cách nào để che đậy nỗi sợ vô dụng lẫn sự đần độn của gã. Hai vợ chồng chúng nó đứng trước mặt tôi và phơi bày toàn bộ sự vô tích sự đến tuyệt vọng của

chúng. Thay vì gã phải đỡ đàn cho Caecilia, theo lẽ thông thường phải vậy, Caecilia lại phải làm chỗ dựa cho gã. Đó chính là cảm giác đầu tiên lúc tôi bước vào gian phòng gọi là phòng khách và trước hết nhìn Caecilia với chồng nó, sau rồi mới nhìn sang Amalia, là đưa tôi thấy còn có vẻ bình tĩnh hơn cả. Chúng nó bảo chúng nó đã sắp xếp xong xuôi mọi việc; tôi không rõ mọi việc là những việc gì, song tôi nghĩ bụng, nhờ chúng nó, cho nên những việc cần thiết phải làm đã bắt đầu vào guồng. Trước khi cả bọn sang đến khu nhà kính, Caecilia bảo tôi, nó cũng đã đánh điện cho Spadolini, cùng lúc đánh điện cho tôi. Giờ chúng nó chờ tôi bảo chúng nó biết, ngoài những người chúng nó đã báo tin, còn phải báo tin cho những ai nữa. Nó coi việc đánh điện ngay cho Spadolini là việc đương nhiên. Giờ thì tôi cũng vỡ lẽ ra, hóa ra con Caecilia thừa biết quan hệ giữa mẹ tôi với Spadolini là quan hệ thế nào. Tôi nghĩ bụng, đúng là bọn em gái tôi bao giờ cũng biết hết mọi chuyện. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang bây giờ đâm ra vướn chân vướn cẳng, tôi nghĩ bụng, nhưng tôi không hắt gã đi đâu được. Ngược lại, tôi có cảm giác dường như con Caecilia cố tình đẩy gã, như đẩy kẻ bảo trợ lên phía trước, để che chắn cho mình. Điều đó không làm tôi lo ngại, bởi tôi không sợ gì gã chủ xưởng nút chai rượu vang này cả, dù bây giờ gã có là em rể tôi cũng vậy, gã sẽ mãi mãi chỉ là một nhân vật ngoài lề vô thưởng vô phạt mà thôi. Ý định đẩy gã lên phía trước của Caecilia quả là quá lộ liễu, bởi khi tôi bước vào phòng khách, nó lui ngay ra sau lưng gã, như muốn lấy gã ra làm lá chắn. Ngay từ giây phút đầu tiên, tôi đã thấy điều đó thật nực cười, nếu không nói là vô duyên. Tôi nghĩ, việc con Caecilia, khi thấy tôi bước vào phòng khách liền đứng dậy và lùi ra đứng sau lưng chồng nó như thế, là việc không đáng làm. Nhưng rồi tôi không nghĩ tiếp nữa, bởi trong khoảnh khắc ấy, ý nghĩ đó chẳng quan trọng chút nào, cho dù nó cũng làm tôi bối rối, một sự bối rối mà trong bối cảnh đó kẻ cũng là bình thường. Hai đứa em gái tôi cố diễn cho tôi thấy, do tình huống mới của Wolfsegg, nên chúng nó đã thay đổi; thế nhưng, chúng nó diễn không đạt lắm, bởi sự thật, chúng nó chẳng thay đổi gì, chúng vẫn vậy, như xưa. Thoạt đầu, tôi đã tưởng chúng nó đã thay đổi thật, nhưng chẳng mấy chốc - đúng vào lúc tôi bảo, bây giờ tôi muốn được nhìn thấy thi hài bố mẹ và anh trai - thì tôi cũng rõ ra ngay, rằng tôi đã nhầm. Trước khi đến khu nhà lánh, tôi vẫn còn nghĩ, chắc lúc này các em tôi không đòi hỏi gì

hơn ở tôi ngoài sự quên mình tuyệt đối. Tôi tự nhủ, một khi người đã phải che chở chúng nó sao cho tốt nhất, thì người phải hết sức thận trọng, nếu không người sẽ chỉ thua thôi. Dầu gì chúng nó cũng được chính mẹ người huấn luyện và chúng nó rất biết cách phải lợi dụng một tai họa kiểu như thế này cho các mục tiêu của chúng ra sao. Ngay tức khắc tôi bỗng ghê tởm ý nghĩ đó của tôi; song nó không phải vô cớ mà nảy sinh, đùng thình, quả là cần phải nghĩ như vậy thật. Người nhà tôi, kể cả các em gái tôi, vốn chưa bao giờ chùn tay trước bất cứ việc gì, nếu việc đó phục vụ cho lợi ích của họ, tôi tự nhủ, thì tại sao bây giờ chúng lại phải xử sự khác đi. Song, tôi cũng lại tự hỏi, sự mất lòng tin, sự ngờ vực ở trong tôi dành cho chúng nó phải sâu sắc, phải ghê gớm cỡ nào, để tôi phải nghĩ như vậy trong giây khắc này. Tôi bỗng tự cảm thấy ghê tởm cả chính mình. Ngờ vực nhau là chuyện bình thường trong mỗi chúng tôi, mỗi người đều thói phùng mỗi nghi ngờ đó lên quá mức bình thường và biến thành thói quen nghi ngờ tất tật. Tuy nhiên, mỗi nghi ngờ đó chỉ trỗi dậy trong tôi, khi nào tôi về Wolfsegg và cũng chỉ nhằm vào người nhà tôi, ở nơi khác, tôi lại chẳng nghi ngờ ai bao giờ. Cứ về đến Wolfsegg, mỗi nghi ngờ lại trỗi dậy, như thể nó thuộc về Wolfsegg vậy, thuộc về nó như tất cả *những đặc tính gọi là độc địa khác*, nhưng thực ra cũng chỉ là các biện pháp tự nhiên tôi phải có, để tự khẳng định, để không bị vùi dập ở đây mà thôi. Lúc ở Rome, tôi đã tưởng, về đây tôi sẽ gặp hai đứa em gái khiếp nhược, bần chần, lo sợ trước mọi chuyện; nhưng, như tôi thấy, chúng nó hết sức bình thản. Hay tôi nhầm, chỉ nhận thấy vẻ bình thản bên ngoài mà không thấu hiểu nỗi lo lắng và hoang mang thật sự trong lòng chúng nó. Lúc ở Rome, tôi đã tưởng tôi sẽ bước vào một ngôi nhà đầy những nỗi xốn xang xúc động; nhưng không, chẳng hề có sự xốn xang, xúc động nào trong ngôi nhà này, khiến tôi phải nghĩ, không biết tai họa sẽ phải kinh khủng đến mức nào nữa mới đánh gục được các em tôi, mới làm *tê liệt* được chúng. Không, chúng chẳng hề gục ngã, chúng không hề bị *tê liệt*, lúc tôi bước vào phòng khách, chúng nó không những - như người ta thường nói - vẫn giữ được tư thế đàng hoàng, mà vẫn tỉnh táo như thường. Chúng nó chẳng hỏi thăm xem, tại sao tôi từ Rome về đây muộn thế, tôi đi tàu hỏa hay bay máy bay, cứ như thế, bây giờ tôi đứng đây trước mặt chúng nó là chuyện đương nhiên. Chúng nó không hỏi câu nào, tôi nghĩ bụng, cũng không mời mọc gì.

Chúng nó chỉ lập tức đòi tôi phải giữ quy ền chỉ huy, phải vững vàng để nắm ngay lấy tất tậ các quy ền hành vào tay. Chúng nó - ít ra cũng nhìn bề ngoài mà xét - có vẻ hoàn toàn không tính đến khả năng, chả biết đâu được, có thể tôi không đủ năng lực để nắm giữ trách nhiệm mới mẻ, hết sức đột ngột rơi vào tay tôi ấy. Chẳng hề do dự, chỉ trong giây lát, chúng nó đã trút hết mọi chuyện sang tay tôi, tôi nghĩ bụng, mặc dù lúc này chúng nó biết nhiều hơn tôi, thậm chí có khi còn chứng kiến cả tai nạn đã xảy ra như thế nào nữa, hoặc ít nhất chúng nó cũng là những người trước tiên biết tin về tai nạn, biết trước tôi. Thậm chí trên đường đi đến khu nhà kính, tôi *vẫn còn chưa biết, mọi sự đã xảy ra như thế nào*. Tôi ngập ngừng, tôi bỗng chốc không đủ sức hỏi chúng nó về chuyện đó. Nhưng, tôi nghĩ, tai nạn này dứt khoát là tai nạn xe hơi. Bọn em gái tôi cũng không hề nghĩ đến chuyện phải nói cho tôi biết xem tai nạn là tai nạn gì nữa kia; chúng nó không nói gì lúc tôi vừa ở Rome về, không đưa nào muốn là người đầu tiên mở mồm nói cho tôi biết nguyên nhân dẫn đến cái chết của bố mẹ và anh trai, như thể chúng được lệnh phải câm miệng vậy. Chúng nó xử sự như thể chúng đã bàn định từ trước với nhau, tránh không nhắc đến chi tiết tế nhị và thật sự đau đớn ấy trước mặt tôi. Chúng không nói gì, thì tôi nói vậy. Tôi bảo, tôi không thể về sớm hơn được. Mặc dù đó là chuyện tôi bịa ra, song chúng nó có vẻ tin. Bọn chúng nó cũng biết tình trạng xe cộ ở Ý loạn xạ ra sao. Các công đoàn ở Ý gần như ngày nào cũng tổ chức bãi công và do đó gây ra tình trạng hỗn loạn hàng ngày trên toàn nước Ý. Chúng nó biết chuyện đó, do tôi thường vẫn kể chúng nó nghe khá nhiều lần về tình trạng hỗn loạn ấy và chúng nó cũng thường đọc trên báo về chuyện này. Thế là tôi chỉ việc bảo, tôi không về sớm hơn được, là chúng nó nghĩ ngay đến tình hình hỗn loạn đó, chứ chẳng bao giờ nghĩ tôi nói dối. Đối với gia đình tôi, cái từ *nước Ý* bao giờ cũng được nói ra để chỉ sự hỗn loạn, để chỉ *đất nước* của sự hỗn loạn. Người nhà tôi cũng thường hỏi tôi, tại sao tôi lại chọn đúng nước Ý, một nơi từ hàng chục năm nay chỉ tràn lan độc một tình trạng hỗn loạn như thế làm nơi trú ngụ. Tôi đáp lại, rằng chính tình trạng hỗn loạn ấy khiến tôi chọn nước Ý, chả thể còn chọn đúng Rome - là nơi tình trạng hỗn loạn lên đến tột đỉnh, nơi mọi sự *khó lường trước và quá quắt nhất* - làm nơi trú ngụ. Chính vì nước Ý là đất nước hỗn loạn nhất châu Âu, thậm chí là nước hỗn loạn nhất thế giới này cũng nên, và chính



thành Rome - tôi bảo bọn em gái - là trung tâm của sự hỗn loạn ấy, cho nên chính nơi đó là nơi tôi chọn để ở. Chúng nó không hiểu tôi, tôi cũng chả có hứng cắt nghĩa thêm cho chúng nó về sở thích của tôi ở đó. *Một thành phố chỉ lớn thôi, đối với tôi vẫn chưa đủ* - tôi vẫn nói với chúng nó như vậy - *phải là một thành phố lớn đây rồi hỗn loạn kia*, tức là *một siêu đô thị hỗn loạn* mới thỏa lòng tôi. Song, chúng nó mù tịt về các khái niệm đó, cũng như vẫn mù tịt về mọi khái niệm khác của tôi. Đến như mở miệng hỏi xem, liệu tôi có muốn uống trà không, hay thôi thì, liệu anh có muốn uống tam ly nước sông không, cũng chả đưa nào mở miệng, tôi nghĩ bụng. Nhưng rồi tôi lại dịu lòng, tha thứ chúng nó ngay khi nghĩ tới tình cảnh lúc đó. Thông thường, chắc chắn chúng nó sẽ phải hỏi một người bất kỳ nào vừa trải qua chuyến đi gấp gáp - đương nhiên hết sức cực nhọc từ Rome về thẳng Wolfsegg - xem anh ta có khát hay có đói không, nhưng tôi, chúng nó chẳng hỏi gì. Chính cả bọn đang ngồi uống cà phê, nhưng chẳng đưa nào nghĩ đến chuyện mời tôi một tiếng. Lẽ ra tôi cũng có thể tự rót cho mình một tách, chẳng cần chờ ai mời mọc, tôi tự nhủ, song tôi không rót, bởi chính tôi cũng muốn đi thật nhanh xuống nhà, sang khu nhà kính nhìn tận mắt xem xác bố mẹ và anh trai tôi thế nào. Rốt cuộc, tôi không còn muốn lần nữa, không muốn trốn tránh cái khoảnh khắc khủng khiếp, trước sau tôi cũng phải trải qua ấy nữa. Lúc chúng tôi vào trong nhà kính, con Caecilia ngạc nhiên thấy tôi không bắt tay, không chào hỏi mấy người thợ làm vườn một lời nào. Thì nó nào có biết trước đây chừng nửa giờ, hay có khi lâu hơn, tôi đã đứng đây trò chuyện, hỏi han họ chán chê đủ mọi chuyện ra rồi. Nó tỏ ra ngạc nhiên trước thái độ có vẻ lạ lùng của tôi đối với mấy anh thợ làm vườn. Họ vừa mới bê thêm một loạt vòng hoa mới từ nhà quản sự sang khu nhà kính và đứng dừng cả lại trước cửa, nhường bước cho chúng tôi, vâng, cho nhà chủ, vào trước. Tôi bước vào trong, còn Caecilia dừng lại ở ngưỡng cửa. Lập tức tôi kinh hãi thấy xác bố mẹ và anh trai tôi được quàn cao thấp không giống nhau. Quan tài bố tôi nằm cao hơn quan tài mẹ tôi và quan tài Johannes, hơn nữa, quan tài bố và anh trai để mở, nhưng quan tài mẹ lại đóng kín. Tôi quay người nhìn lại về phía Caecilia ở phía sau, như thể - trước khi tiến sát đến bên quan tài - tôi muốn nó cho tôi rõ, tại sao lại có sự khác biệt như thế. Nhưng rồi tôi cũng tự đoán ra nguyên nhân. Xác mẹ tôi chắc chắn phải ở trong một tình trạng thế

nào đó, khiến không ai dám để mở nắp quan tài được nữa. Về sau, đúng như tôi đoán, chúng nó bảo, sau khi gặp nạn, theo lời người ta kể lại, xác mẹ tôi tan tác tả tơi đến mức, hay như báo chí đưa tin, biến dị đến *độ không còn nhận ra hình thù gì nữa*, khiến người ta, nói như Caecilia nói lại, phải vội vàng đóng chặt ngay nắp quan tài lại. Chẳng là lúc gặp nạn, mẹ tôi gần như mất hẳn đầu, trong khi bố tôi trông bên ngoài hầu như không hề hấn gì, cả Johannes trông có vẻ cũng không sao. Hai bố con đập đầu vào kính chắn gió rồi gãy cổ mà chết, còn mẹ tôi, khi hai xe đâm sầm vào nhau, bị thanh tà vẹt trên chiếc xe tải chạy từ Linz đến thọc đúng vào đầu khiến đầu bà gần như bị đứt lìa khỏi thân. Bà ngã ngay giữa ghế sau, như bà vẫn ngã mỗi khi ba người trên xe, và bị thanh tà vẹt từ bên ngoài thọc vào trong đâm trúng. Người ta nói lại với tôi, cả ba người chết ngay, *không phải quần quai đau đớn gì*. Sau khi nhìn lướt nhanh qua chiếc quan tài đây kín nắp của mẹ tôi, tôi quay người lại thì thấy Caecelia mắt ngấn lệ. Mấy anh thợ làm vườn đứng ngay đằng sau nó. Tôi đứng lặng lẽ hai, ba phút gì đó trước thi hài người chết rồi quay lưng, rời khỏi khu nhà kính. Đứng trước xác người chết, tôi đã hít phải đúng cái mùi không lẫn vào đâu được của xác chết, và để tránh cơn buồn nôn, tôi nghĩ tốt nhất nên ra khỏi đây ngay. Tôi cũng có cảm giác, có lẽ không đứng lâu trước mấy xác chết này thì tốt hơn vì những xác chết này - lúc còn đứng trước quan tài, tôi đã nghĩ - nào có dính dáng gì đến tôi đâu. Nhìn mấy xác chết, tôi thấy buồn nôn, chứ tôi không thấy, như người ta vẫn bảo, mũi lòng chút nào. Chỉ thấy buồn nôn và ghê tởm. Mọi mối liên hệ tôi có là các mối liên hệ với bố mẹ tôi đang sống, với anh tôi đang sống, tôi tự nhủ, chứ đâu phải với mấy xác chết hôi hám này. Dĩ nhiên, tôi cẩn thận che giấu các tình cảm lúc này của tôi, tôi không cho các em tôi, hay bất kỳ ai khác biết. Đến như gương mặt bố tôi và anh tôi trong quan tài tôi còn chẳng nhận ra nữa là; hai gương mặt ấy biến dạng, lạ lẫm, đâu còn là gương mặt bố tôi, hay anh tôi nữa. Trước cửa khu nhà kính, tôi bảo Caecilia, ta đi thôi, và hai chúng tôi quay lại tòa nhà chính. Dọc đường quay lại, tôi thấy khó chịu, khi nhìn thấy lá cờ đen treo lơ lửng trên ban công chính rủ không đúng giữa. Tôi bảo em gái tôi, từ xưa tôi vẫn ghét cái lối cầu thả như vậy. Lúc này, khi tôi một mình đứng công để nhìn về phía tòa nhà chính, tôi chưa nhận ra sai sót này, bây giờ bỗng nhiên nó lại làm tôi bực bội. Con em gái tôi vẫy tay gọi một anh thợ

làm vườn đến gần và bảo, anh treo lại lá cờ ra chính giữa ban công cho tôi. Nào có khó nhọc gì đâu, phải không; ý nó muốn thanh minh rằng mọi thứ đều quá gấp gáp. Anh thợ làm vườn treo lại lá cờ, ra chính giữa, theo đúng lời tôi đứng dưới nói vọng lên, đúng hiệu lệnh tôi dùng tay ra hiệu cho anh ta biết chỗ nào là tâm điểm để cho cờ rủ xuống. Trong lúc loay hoay cùng anh ta như thế, tôi chợt cảm thấy nổi bần chồn trong dạ không yên, để đẹp nổi bần chồn bất chợt đó đi, tôi bảo con Caecilia em tôi, bộ váy màu đen nó đang mặc rất đẹp và hợp với nó. *Màu đen trông hợp với cô nhất*, tôi bảo vậy, chẳng hề có ý xỏ xiên gì. Thế nhưng nó, tất nhiên, nó nghĩ tôi nói đùa nó. Nó không tin rằng tôi có thể buông ra một lời bình phẩm đứng đắn, không mang ẩn ý xỏ lá xỏ xiên nào; nó nghĩ ngay, hẳn tôi đang định giở trò để tiện gì đây, nên không nói gì để đáp lại lời tôi khen. Không, tôi nói thật đấy, tôi bảo, cô mặc chiếc áo màu đen rất hợp. Nhưng nó vẫn lặng thinh, không đáp. Nó đưa mắt nhìn bầy bồ câu đậu đầy các bậu cửa sổ. Đến giờ, tất cả các bậu cửa này đều bám đầy phân chim, trông bẩn phát khiếp. Chim bồ câu vốn là một tai họa của Wolfsegg, chúng nó đậu hàng trăm con, năm này qua năm khác trên các ngôi nhà, bãi biển, làm hủy hoại hết cả. Từ xưa đến giờ, bao giờ tôi cũng ghét chim bồ câu. Nhìn lên bầy chim trên các bậu cửa sổ, tôi bảo Caecilia, tôi chỉ khoái, làm sao bây giờ đánh bả cho chúng nó tiết giống đi; chúng nó làm hỏng nhà hỏng cửa, lại hôi hám kinh người, thêm vào đó, có lẽ tôi không ghét gì hơn ghét tiếng chúng nó gù gù. Hử còn bé tôi đã ghét cay ghét đắng tiếng chim bồ câu gù gù. Nạn chim bồ câu quả thực là cái nạn từ hàng trăm năm nay chứ không vừa, nhưng chẳng ai làm gì chống lại, chỉ thấy nói, chỉ thấy rửa, chứ chưa bao giờ có ai thật sự nghĩ cách trừ nó đi. Tôi bao giờ cũng ghét lũ chim bồ câu, tôi nói với Caecilia rồi đưa mắt, thử đếm xem có bao nhiêu con bồ câu trên bậu cửa. Trời đất, có mỗi cái bậu cửa con con, mà đã có đến mười ba con chen chúc ngay trên đồng phân của chúng. Gì thì gì, bọn hầu gái cũng phải dọn phân chim trên bậu cửa đi chứ, tôi bảo Caecilia và chợt ngạc nhiên, không hiểu sao trước hôm đám cưới không ai dọn chỗ phân chim đi. Cái gì chúng nó cũng cho lau, bắt dọn sạch bong, mỗi phân chim bám đầy trên bậu cửa sổ lại không. Tuần trước ở đây, tôi cũng không hề để ý đến chuyện này. Tôi cần nhằn thế nào về đám chim bồ câu, Caecilia cũng không nói gì. Mãi một lúc rất lâu - trong lúc đầu óc tôi bỗng dưng xoay ra loay hoay với ý nghĩ,

không biết tôi bắt Gambetti đọc số sách ấy đã đủ chưa, hay lẽ ra, đưa thêm cả cuốn *Effi Briest* của Fontane cho anh ta đọc mới phải - thì Caecilia mới cất tiếng bảo, mới đây, cánh thợ làm vườn cho mấy đũa lang thang, không nhà không cửa, vào ngủ trọ trong ngôi biệt thự trẻ thơ. Chúng nó đốt lửa trong căn phòng chúng nó ngủ ở tầng trệt thế nào không biết, lại làm lửa bốc cháy to. May cánh thợ làm vườn kịp dập được lửa, nhưng tụi dân lang thang, vô gia cư kia đã chạy biến ngay từ lúc phát hỏa. Có trời mới biết chúng nó biến đi đằng nào, nên có truy lùng cũng vô ích thôi. Caecilia nói tiếp, căn phòng bị cháy là phòng anh em mình h ấ nhỏ vẫn cất búp bê vào đó. Búp bê cháy sạch cả. Nó vừa nói vừa nhìn xa xăm về phía mấy ngọn núi. Tôi chẳng biết nói gì, chỉ nghĩ bụng, cháy gì không cháy, lại đúng mấy con búp bê thời con trẻ đó. Rằng đám dân vô gia cư đã ngủ trọ trong ngôi biệt thự trẻ thơ r ấ gây hỏa hoạn, lại làm tôi dễ chịu trong lòng, bởi tôi không nghĩ bây giờ vẫn còn những người vô gia cư, lang thang đây đó như thế, tôi cứ tưởng họ tuyệt giống từ lâu r ấ. Và, tôi nghĩ bụng, đúng thợ làm vườn chứ chẳng ai khác mới cho họ trọ qua đêm trong ngôi biệt thự trẻ thơ như thế. Chắc con Caecilia đang bụng bảo dạ, thế nào tôi cũng sẽ trách mắng bọn thợ làm vườn đây. Nhưng không, nó ngạc nhiên thấy tôi lại xoay ra khen ngợi cánh thợ làm vườn hết lời, nào họ trung thành nhất, đáng tin cậy nhất, tự nhiên nhất, chân thật nhất, tôi nói, tôi quý nhất mỗi họ. Chính vì Caecilia đang mong tôi sẽ buông lời trách cứ mắng mỏ họ, cho nên tôi chỉ nói tốt về họ, khen ngợi, tăng bốc đến mức tự tôi, tôi cũng thấy hơi quá. R ấ tôi khắc cho sửa sang lại ngôi biệt thự trẻ thơ, tự dưng tôi chuyển giọng, lơ đãng buông thõng một câu như thế. Tôi bỗng có cảm giác, dường như câu nói có vẻ vô thường vô phạt tôi chẳng mấy để tâm và vô tình buột ra ấy, có vẻ đã gây cho Caecilia một cú sốc choáng váng. Nó ngược mắt, nhìn thẳng vào mặt tôi. Thì ra, nói như thế, tôi đã tự đưa tôi vào địa vị ông chủ ở Wolfsegg, bởi nguyên văn từng lời từng chữ tôi nói là: *rồi tôi khắc cho sửa sang lại ngôi biệt thự trẻ thơ*. Trước đây, tôi chưa bao giờ bảo, tôi sẽ cho sửa sang cái này hay cái kia ở Wolfsegg, bởi chưa bao giờ tôi có quyền làm như thế, mà ngược lại, mọi quyền hành của tôi ở đây đều bị truất hết. Hàng chục năm nay tôi đã bị phế truất mọi quyền hành, hay nói đúng hơn, ngay từ đầu, tôi đã chẳng bao giờ được nắm chút quyền hành nào ở Wolfsegg. Đó là sự thật mười mươi. Ngôi biệt thự trẻ thơ là *viên*

*ngọc quý*, cô biết không, tôi nói, ta phải sửa sang nó lại đúng như xưa, đúng như trong các bức tranh xưa ấy, tôi bảo Caecilia. Và trong đầu tôi nảy ngay ra ý nghĩ, cho sửa sang, phục dựng biệt thự trẻ thơ càng sớm càng hay. Con húng chọt bốc lên trong lòng tôi. Cả khu nhà quản sự, cũng đã đến lúc phải cho sửa sang lại rồi, tôi bảo Caecilia, trông ngôi nhà sắp tan hoang đến nơi rồi. Thì nhà mình có bao nhiêu là tiền đây thôi, tôi nói. Caecilia lặng thinh, để mặc tôi nói. Đây là cái lối từ xưa của nó, cứ để mặc tôi nói, mặc tôi huyền thuyên quá mức cần thiết, tràn giang đại hải quá ngưỡng khôn ngoan, chờ tôi chẳng khảo mà xung, dốc tuột hết lòng hết dạ ra với nó. Đây là lúc nó đắc thắng. Cả lần này tôi cũng huyền thuyên quá nhiều và tự phơi hết ruột gan ra ngoài. Tôi bảo, rồi tôi sẽ đón tay chuyên viên phục chế của tôi ở Wien về đây, thuê hẳn kiểm kê, phân loại rồi đánh giá xem trị giá thực của các bức tranh trong nhà mình là bao nhiêu. Vừa nói xong, tôi liền cảm thấy ngượng, bèn tìm cách đánh trống lảng. Tôi bảo, tôi không nghĩ mình sẽ sớm quay lại Wolfsegg thế này. Tôi đã định còn lâu mới về đây. Thành Rome hợp với tôi hơn cả, tôi bảo vậy. Tôi chẳng sống ở thành phố nào khác được, ở nông thôn lại càng không được. Tôi bảo, tôi không còn tính đến chuyện về sống ở Wolfsegg nữa. Rồi tôi lại nghĩ ngay, nhớ ra mình cũng chẳng nên nói thế. Ngôi biệt thự trẻ thơ là ngôi nhà tôi thích nhất, tôi bảo Caecilia. Cô còn nhớ bọn mình đóng vở kịch *Không Tử* không, vở kịch anh em mình tự nghĩ, tự viết ra. Tụi mình nào có biết *Không Tử* là ai hay là cái gì đâu, chỉ nghe thấy cái từ *Không Tử* ngông ngộ, khiến tụi mình rủ nhau dựng màn kịch cho bằng được. Mà những kịch bản hồi xưa anh em mình viết ra, bây giờ đâu cả rồi? Tôi hỏi Caecilia. Nó bảo, nó không biết. Có lẽ nằm cả trên gác áp mái của ngôi biệt thự, tôi bảo. Lần cuối cùng tôi thấy, thì chúng nó vẫn ở trên gác áp mái. Đạo ấy, cô vẽ tranh trang trí cho vở *Không Tử* thật đẹp. Amalia đóng vai *Không Tử* cũng thật tuyệt vời. Các thư viện phải mở hết cửa ra, tôi bảo. Phải lùa gió mới vào chỗ chứa sách. Tôi bảo, đây là các kho báu mà ta không biết gì, ta để mặc cho chúng ngọt ngào, bụi bặm từ bao nhiêu lâu nay đến giờ. Dần dần, ta phải lấy lại sinh khí cho Wolfsegg. Con Caecilia lặng thinh. Tôi lại nói, hàng chục năm trời bố mẹ đã khóa hết cả lại ở đây. Tôi nhìn về phía cánh thợ làm vườn. Từ phía ngoài, hai tay thợ sẵn bước qua cổng vào trong. Trông thấy tôi, họ chào từ xa. Rặt chuyên săn bắn, lúc nào cũng chỉ sẵn với

bán, tôi lẩm bẩm rồi chợt nghĩ, bây giờ tôi còn lẻ loi hơn cả lúc trước. Tiếng chim bồ câu gù gù to lên làm tôi lại nhìn lên mấy khung cửa sổ, nhất là ở tầng trên cùng. Cứ bao giờ trời mưa là chúng nó gù to, nghe phát khiếp, tôi lại nói. Anh học trò Gambetti, tôi nói thêm, cũng ghét chim bồ câu lắm. Thành Rome đầy chim bồ câu. Ở Rome cái gì đẹp, nhà cửa, tượng đài đều bị chim bồ câu làm hỏng hết. Giống chim bồ câu kia, phải làm sao *trừ khử* cho bớt đi, tôi nói, nhưng ngay lập tức lại thấy sượng sùng bối rối vì đã buột miệng nói ra cái từ *trừ khử* như thế. Một anh thợ làm vườn tiến về phía chúng tôi rồi cất tiếng hỏi tôi, có đúng là phải nâng cao cổ quan tài đây kìa nắp lên không. Phải, con em gái tôi đáp, mặc dù anh thợ hỏi tôi chứ không hỏi nó. Anh ta quay đi, cùng một người nữa nâng cổ quan tài mẹ tôi lên. Ở Wolfsegg thợ làm vườn thật tuyệt, tôi bảo Caecilia, nhưng nó làm bộ không nghe thấy. Người ta bảo tai nạn xảy ra hôm tối thứ Tư. Tôi vào bếp tìm uống thứ được gọi là cà phê nhà pha sẵn thì xấp báo các cô nấu bếp để trên một chiếc bàn nhỏ kê sát cửa sổ đập ngay vào mắt tôi. Thoạt tiên tôi không muốn, nhưng rồi không nhịn được, tôi kéo ghế ngồi xuống bên bàn lật báo ra xem. Các báo tường thuật tai họa đổ xuống gia đình chúng tôi theo một lối xác xược, đáng ghét và hèn hạ, nhưng hết sức chi tiết, cái lối xưa nay vẫn rất điển hình cho báo chí nước nhà. Sự tàn nhẫn phũ phàng giới báo chí dùng khi tường thuật và mô tả tai nạn xảy ra với gia đình chúng tôi nhằm giật gân câu khách chính là sự tàn nhẫn vẫn làm tôi kinh hãi mỗi khi đọc các mẫu tin về tai nạn chỗ này chỗ nọ, xảy ra với người này, người kia; song, cũng chính cái lạnh lùng tàn nhẫn ấy trong các bản tin như thế khiến tôi phải kinh ngạc và tự hỏi, làm sao người ta có thể thản nhiên phớt lờ nó lên mặt báo và làm sao người đọc có thể ngẫu nhiên, đọc lấy đọc để, các bản tin giật gân ấy. Tôi không loại tôi ra khỏi số người đọc như thế, bởi chính tôi - từ lúc còn bé cho đến tận giờ - bao giờ cũng là người hám đọc thứ tin giật gân mật hạng đó. Tuy nhiên, nếu lúc này các bản tin về tai họa của gia đình chúng tôi có làm tôi ghê tởm thì cũng là lẽ bình thường thôi. Họ đưa tin bố mẹ tôi cùng anh Johannes đánh xe đến Steyr xem mẫu mới của một loại máy đập lúa nhập từ Mỹ, do tay thương gia chuyên buôn máy móc nông nghiệp địa phương chào bán. Giống như mọi thứ máy móc nghề nông khác ở Wolfsegg, cỗ máy đập lúa này cũng phải của hãng *McCormick* mới được. Anh Johannes tôi lái xe đưa bố mẹ đi mua sắm rồi

thăm hỏi bạn bè ở Steyr suốt buổi chiều hôm ấy. Steyr vốn dĩ vẫn là nơi mua sắm thuận tiện. Đến tối, cả ba lên xe về Linz để nghe buổi nhạc giao hưởng Bruckner do Eugen Jochum chỉ huy, trong ngôi nhà gọi là nhà Bruckner bên bờ sông Danube - ngôi nhà gọi là nhà văn hóa đáng kính tởm nhất trong số các nhà văn hóa trên đời này. Sau buổi hòa nhạc, như báo chí đưa tin, bố tôi lái xe đưa cả nhà chạy về hướng Wolfsegg và *vừa qua khỏi Weis*, ngay trên Quốc lộ Một, chỗ đường phân ngã về Gaspolthofen, *chính giữa ngã tư*, thì gặp nạn. Không ai rõ nguyên do dẫn đến tai nạn là như thế nào; đến cả bọn báo chí cũng không rõ, nhưng những bức ảnh kinh khủng nhất thì họ chẳng hề ngần ngại cho đăng hết lên mặt báo. Thậm chí, họ còn đăng cả một bức ảnh phóng to, chụp thi thể không còn thủ cấp của mẹ tôi. Tôi nhìn tấm ảnh khá lâu, nhưng trong lòng chỉ nơm nớp, sợ có ai vào bếp bắt gặp tôi trong lúc này. Tôi nhấp thứ cà phê gọi là cà phê của chung ấy, này giờ vẫn để trên lò nên còn nóng, rồi mở hết tờ báo này đến tờ báo khác ra đọc. Tờ nào, ở trang đầu cũng đăng ít nhất một tấm ảnh về vụ tai nạn. Tít nào cũng giữ đúng cái giọng đều cái và hèn hạ, vốn điển hình cho báo chí tỉnh lẻ. Loại báo chí này, nói của đáng tội, chẳng có cơ gì để lo ngại về chất lượng, bởi độc giả của họ cũng đâu có trình độ, mà chính vì chẳng có chất lượng nên chúng mới phát hành được nhiều, đủ cho các chủ báo lời to. Vào lúc này, cả các hình ảnh đều cái vô song lẫn giọng lưỡi buông tuồng đê tiện của những tờ lá cải bản thủ ở tỉnh lẻ đó không những như đang đâm đang chích lên thân thể tôi, mà còn như xoáy vào đầu óc tôi, và càng nghĩ lâu trên ghế, càng đọc nhiều báo lá cải tình lẻ bản thủ, tôi càng thấy tởm lợm. Tờ lá cải này phải cố làm sao đều giả, khốn nạn hơn tờ lá cải khác mới được. Một tờ giật tít *Cả nhà bị diệt vong*, rồi chua thêm phía dưới *Ba người đi nghe giao hưởng về bị băm dập tan xương không còn ra hình thù gì nữa*. Rồi *Xem thêm phóng sự ảnh ở các trang sau*. Vậy mà tôi cũng vẫn đọc, rồi mở trang báo ra, trơ trên hết chỗ nói, tôi phải thú thật như vậy, tôi mở xem cho bằng được bài phóng sự bằng ảnh đã được hứa hẹn ở trang đầu, nhưng chốc chốc lại nhìn ra cửa bếp, nơm nớp lo ngại ai đó sẽ vào và bắt quả tang. Tôi nghĩ bụng, đừng quá chăm chú vào những bài phóng sự bản thủ đó, kẻo nhớ ai vào mà mình không biết. Thế là, lần đầu tiên run run cầm tờ báo trên tay, tôi đọc, đọc gằn hết tất cả những gì báo chí viết về gia đình mình. Và trong lúc đọc tôi có cảm giác, mặc dù báo

chí viết rất những đi ầu láo lếu, xằng bậy, nhưng đ ồng thời cũng toàn sự thật. Họ viết với giọng lưỡng ầu giả đến cùng cực, nhưng mọi sự lại xác thực; mặc dù trong các bài tường thuật này họ đã bằm nát bét mọi chuyện đến mức không còn nhận ra thực hư thế nào, như chính họ viết về thi thể mẹ tôi, nhưng hóa ra lại rất thực. Dù những đi ầu họ viết trên báo có đối trá đến thế nào đi nữa, tôi tự nhủ trong lúc đọc, thì bên ngoài lại vẫn thật Báo chí xuyên tạc, nhưng chính ra họ lại nói sự thật, và họ càng đối trá, xuyên tạc bao nhiêu lại càng thật bấy nhiêu. Cứ giở báo ra đọc là tôi lại thấy, một mặt, báo chí chỉ toàn đi ầu toa láo toét, nhưng mặt khác, họ cũng chỉ viết sự thật chứ chẳng viết gì khác. Cảm giác quái dị đó luôn ám ảnh tôi mỗi khi đọc báo, cả bây giờ cũng vậy, khi đọc các bài tường thuật về tai nạn ập xuống gia đình chúng tôi - một tai nạn chắc chắn thuộc loại kinh khủng nhất từ xưa đến giờ ở vùng Thượng Áo này. Một tấm ảnh chụp thủ cấp đã g ần lìa hẳn ra, chỉ còn dính với thi thể vẫn ng ồi nguyên trong xe của mẹ tôi bằng một dải da thịt mỏng với dòng chữ phía dưới: *Đầu lìa khỏi xác*. Tất nhiên, nhân tai nạn này, báo chí có thêm dịp để viết đi ầu về Wolfsegg. Vợ vẫn, nhằm nhí không thể tưởng được. Họ viết bố mẹ tôi là *đôi vợ chồng hạnh phúc, suốt đời tận tụy làm ăn vì lợi ích cộng đồng*. Ông anh tôi, theo họ, vốn là *một trong những người đi săn tài giỏi nhất của đất nước*. Còn bố tôi, báo này khen ông là *vị quản lâm nổi tiếng thận trọng*, tờ khác tâng bốc ông là *ủy viên đáng kính của hội đồng kinh tế địa phương*, tờ nữa lại vinh danh ông là *người đi săn đáng kính và vị Chủ tịch tận tụy của Hội nông dân vùng Thượng Áo*. Một tờ còn đăng cả tấm ảnh chụp anh Johannes trên chiếc thuyền bu ồm ở hồ Wolfgangsee, với dòng chú thích *Hình ảnh từ một thời tràn đầy hạnh phúc*; tôi không rõ, tôi không thể cắt nghĩa, làm sao tấm ảnh này lại rơi vào tay ban biên tập tòa báo nạn được. Tờ *Linzer Volkszeitung* còn giật tít đ ỏ rực *Hai thế hệ bị diệt vong*. Không tờ nào không viết gia đình tôi là *gia đình Cơ đốc giáo*, rằng bố tôi là *người đàn ông đôi dào thiện tâm với Nhà thờ*, còn mẹ tôi là *người đàn bà tận thiện, tận mỹ*. Báo *Linzer Volkszeitung* bình luận: *Trong gia đình còn sót lại độc người con trai thứ, là học giả sinh sống ở Rome, và hai người em gái của ông này*. Đọc trên báo, tôi được biết lễ tang đã được ấn định vào thứ Bảy. Có báo viết *Wolfsegg mất đầu*. Một trong các tấm ảnh đăng trên báo cho thấy rất rõ, *thanh xà bằng sắt đâm xuyên chiếc xe từ trước ra sau, cắt*



phăng đầu mẹ tôi khỏi thân, rồi hít ngược nó ra sau kính hậu. Cả ba người, bố tôi, anh tôi và cả mẹ tôi, đầu vẫn ngẩng nguyên tại chỗ trên xe. Chiếc xe chở ba người đã đâm sầm vào đuôi chiếc xe tải chạy trước; thiên hạ dự đoán, ở chỗ đường phân ngã về Gaspoltshofen chiếc xe tải chạy trước bỗng phanh gấp. Số thanh xà bằng sắt trên xe tải là hàng chuyển cho một công ty nằm ở Schwanenstadt. Báo chí cũng đưa tin, *lỗi kỳ thực là lỗi tay lái xe tải*, thế nhưng *cứ luật mà xét thì lại không thể buộc tội hẳn được*, bởi xe đâm từ đằng sau tới bao giờ cũng chịu lỗi. Dân chúng trong vùng ai ai cũng chia sẻ nỗi đau buồn của gia đình. Một tờ báo đưa tin *Lẽ mai táng sẽ do người bạn lớn của gia đình - Đức cha Tổng Giám mục Salzburg chủ trì*. Vị Tổng Giám mục xứ Salzburg vốn là bạn học cùng trường với bố tôi, hai người một đạo cùng ở trong khu nội trú của trường trung học Lambach. Rồi tôi lại đọc tiếp *Cả làng chìm đắm đau thương*. Đến đây, tôi nghe thấy tiếng chân ngoài hành lang nên đứng bật dậy, cố xếp lại xếp báo như lúc đầu, còn nguyên cả cặp kính bà đầu bếp nằm bên trên. Gian bếp nhà tôi rất lớn, mái vòm. Hồi còn nhỏ, đây là nơi bọn tôi thích lui tới, nhất là mùa đông, bởi ngay cả vào những ngày lạnh giá nhất trong năm, ở đây bao giờ cũng là nơi ấm áp nhất, không như ở phòng khác, chẳng được sưởi đàng hoàng bao giờ. Vả lại, đối với tụi trẻ con chúng tôi khi còn nhỏ, chưa đầy năm, sáu tuổi, hay đúng hơn là trước lúc tôi làm quen và đánh bạn với cánh thợ làm vườn, còn Johannes với cánh thợ săn, gian bếp bao giờ cũng có nhiều trò thú vị. Bà đầu bếp làm cho nhà chúng tôi đã hàng chục năm. Bà chuyển ngay sang gọi tôi là *ông chủ*; đối với bà, chuyển danh hiệu đó từ bố tôi sang tôi là hoàn toàn tự nhiên. Danh hiệu này, thực ra, vốn dành cho anh tôi, nhưng bây giờ hóa ra *tôi* phải mang nó. Thế nhưng, nói cho cùng, lúc này tôi vẫn chưa hiểu mang một danh hiệu như thế sẽ có ý nghĩa ra sao. Bà đầu bếp hỏi, liệu ông chủ có muốn uống cà phê không. Tôi đáp, tôi vừa uống cà phê pha sẵn trong bếp đây rồi. Vậy ông chủ có muốn đọc báo không, bà ta lại hỏi, vẫn với giọng như lúc nãy. Không, không, tôi vội nói dối để trốn tránh, nhưng trong đầu, tôi lại nghĩ ngay, bà ấy biết thừa tôi xô ngay vào ngẫu nhiên đọc đống báo ấy như thế nào rồi. Tôi lại nói, *không, cảm ơn, tôi không đọc*; một lời đáp chỉ thoáng nghe đã khó tin. Những người gọi là người bình dân bao giờ cũng rất tinh, họ chỉ cần nghe qua là biết ngay anh nói dối hay nói thật, biết ngay anh uốn lưỡi nói dối hay

không. Bà đầu bếp bảo bà rất lo vì cho đến giờ bà vẫn chưa biết sẽ có bao nhiêu khách đến dự đám tang, chắc ông chủ cũng không biết. Tôi đáp, vâng, tôi không biết, tôi hầu như chẳng biết gì sất, tôi vừa từ Rome về đến nhà đây. Vâng, ông từ Rome về à, bà đầu bếp nói. Quãng thời gian sau này, tôi nghĩ bụng, dường như tôi quên hẳn cách trò chuyện với giới bình dân, cách nói năng, đối đáp với họ. Đi đâu đó khiến tôi bực bội và chán nản. Đúng là từ ngày đến Rome, tôi tự nhủ, tôi quên cách tiếp xúc với người bình dân thật. Hồi trước, nói chuyện với bà đầu bếp thật dễ dàng biết bao nhiêu, hỏi han rồi đối đáp với bà chuyện này chuyện khác. Bây giờ, bỗng nhiên mồm miệng tôi cứng đờ ra, không còn khả năng ấy nữa. Lúc này, nói chuyện với thợ làm vườn, tôi có vẻ may mắn hơn, bắt chuyện tự nhiên hơn với họ; bây giờ nói chuyện với bà đầu bếp, tôi không sao tự nhiên được, có lẽ, vì đâu tôi cứ luẩn quẩn cùng những ý nghĩ, rằng bà ấy biết thừa tôi nhào tới ngẫu nhiên đọc báo ra sao, một hành động chắc hẳn bà phải cho là thô bỉ, rằng bà ấy bắt gặp tôi đang làm cái việc tầm thường hèn hạ đó như thế nào. Song, mặt khác tôi lại tự nhủ, trong hoàn cảnh thật đau buồn này, việc tôi đau đớn và xúc động, không sao bình tĩnh để chuyện trò tự nhiên với bà đầu bếp thì cũng là chuyện tự nhiên thôi; tôi không tự trách mình, cũng chẳng lấy làm ngạc nhiên về chuyện đó, nhưng tôi cảm thấy nhục nhã khi bị bà đầu bếp bắt quả tang trong lúc đang làm cái việc nhỏ nhen hèn hạ ấy. Tôi đứng như kẻ phạm tội trước mặt bà ta, còn bà ta lúc ấy hẳn đã nhận thấy cặp kính của bà không còn nằm đúng như trước. Cũng có thể, tôi chỉ tưởng tượng ra như thế thôi, song, tôi ngờ bà ấy biết tôi đã lục lợi đóng báo và đọc ngẫu nhiên, hớp lấy hớp để, cho kỳ hết những gì được viết ra quanh vụ tai nạn, đọc với lối đọc tham lam vốn có của tôi mỗi khi cầm tờ báo nào đó trên tay. Ấy là lòng tham đó đã bớt đi nhiều lắm rồi đấy, tôi nghĩ bụng, không còn kinh khủng như trước đây. Bà đầu bếp bắt gặp tôi đều cáng, hèn hạ, tôi tự nhủ, bà ta nhìn thấu ruột gan tôi, bà biết đi đâu đó và nhìn tôi với vẻ đầy dò xét. Kiểu cách này không bình thường đối với kẻ gọi là bình dân; đã vậy, lại là đàn bà nữa. Bà ta đưa hai tay ra sau lưng, làm ra vẻ muốn buộc tạp dề, nhưng kỳ thực bà đang lúng túng, vì chính bà ta lại bị bắt quả tang đang có hành vi vô lễ, thể hiện qua lối nhìn soi mói dò xét cái hèn hạ, xỏ xiên của bà. Không ai được phép nhìn ông chủ bằng con mắt như thế, tôi nghĩ bụng, sao mình lại cho phép như thế được.

Song, tôi cũng biết tôi đang ở tình huống đáng hổ thẹn hơn nhiều, bởi tôi đều giả trước, rồi mới kéo theo cái đều giả ở bà ta, sự vô liêm sỉ của tôi không thể đem ra so sánh với sự vô liêm sỉ của bà ta được. Cái vô liêm sỉ của bà ta thật vụn vặt, tầm thường, so với cái vô liêm sỉ sâu xa của tôi rất nhiều, bởi lẽ ra tôi có thể dẫn lòng, cưỡng lại, không ngó ngang, không lục lợi đồng báo đó làm gì. Thế nhưng, làm như thế chẳng hóa ra *nguy tạo bản tính con người tôi*, cái bản tính đòi tôi phải mở báo ra xem cho bằng được ấy. Bà đầu bếp đưa mắt nhìn đồng báo theo một lối khiến tôi phải có cảm giác bà ta bắt quả tang tôi, chẳng phải nghi ngờ gì chuyện đó cả. Nghĩ như thế, tôi bỗng thấy căm ghét bà ta ghê gớm. Nhưng rồi tôi lại thấy bà ta có vẻ sợ tôi, khiến trong chốc lát tôi lại không thấy căm ghét bà ấy ghê gớm như thế nữa, bởi lẽ bà ta rõ ràng có thể đọc thấy trên nét mặt tôi, rằng tôi cảm thấy tôi có lỗi và tôi đang tưởng bà ấy nhìn thấu ruột gan tôi. Quả là ngu ngốc đến mức không thể tha thứ được, nếu bây giờ tôi lại sợ, dù chỉ trong giây lát thôi, một người như bà đầu bếp đây, một người *hoàn toàn phụ thuộc vào tôi* và nói cho cùng, một người ngu ngốc, hết sức vô hại. Thật lòng mà nói, tôi không ưa các khuôn mặt nông dân hờn hào, đầy đặn, thô kệch và ngô nghê đến cùng cực như thế này. Nói cho cùng, từ xưa đến giờ, bao giờ tôi cũng ghét những gương mặt đó, mặc dù như thế không công bằng chút nào, bởi chính những gương mặt hờn hào, đầy đặn thô kệch ấy bao giờ cũng hiền từ, thân thiện, hơn bất kỳ gương mặt nào khác. Tuy nhiên, tôi nghĩ bụng, chính cái vẻ hiền từ thân thiện đó bao giờ cũng làm tôi ngờ vực. Tôi không biết xử trí thế nào với những gì gọi là hiền từ tốt bụng, cho nên, tôi đâm ghét luôn cả những thứ đó. Bà đầu bếp biết tôi từ khi tôi còn bé, tôi nghĩ bụng, tôi chẳng việc gì phải làm bộ làm tịch trước mặt bà, sao tự dưng tôi lại bực bội với bà. Bà ấy biết hết về tôi còn gì. Thế nhưng, tôi tự nhủ, tất nhiên tôi lại nhầm, bởi bà đầu bếp này làm sao biết tôi là người thế nào, làm sao biết tôi là ai mới được chứ. Thật là nực cười khi tôi cứ loanh quanh luẩn quẩn thế này với những ý nghĩ về mối liên hệ giữa tôi với bà ấy. *Không, tôi không uống cà phê nữa đâu*, tôi lần đầu nói, rồi ra khỏi bếp. Caecilia đang đi ngược về phía tôi, Amalia theo sau và sau Amalia là gã chủ xưởng nút chai rượu vang, em rể tôi. Tôi nghĩ bụng, rồi ta sẽ phải quen dần với cái thằng *em rể*. Cả ba đứa đột nhiên đứng trước mặt tôi, như thể cùng muốn lên án tôi vậy. Tôi không rõ tại sao trong đầu

tôi lại nảy ra ý nghĩ quái dị đó, song quả là tôi nghĩ như thế thật. Cả ba đứng trước mặt tôi như ba công tố viên, như thể muốn buộc tội tôi vì một lý do có trời mới biết là lý do gì. Nhưng Caecilia chỉ bảo chúng nó đang định sang bên nhà quản sự. Chúng nó định sang đó bàn bạc công việc với cánh thợ săn, là những người sẽ khênh các cỗ quan tài lúc mai táng. Việc phải làm bây giờ là chỉ định rõ ai khênh cỗ quan tài nào, vân vân. Bởi chúng nó chỉ nói thợ săn sẽ khênh các cỗ quan tài, tôi liề n bảo, thợ làm vườn cũng khênh được chứ sao. Quả thật tôi cũng thoáng bối rối, bởi cứ phải luôn m ìm nói các cỗ quan tài. Câu chuyện bất thường là chỗ, cứ mở miệng ra là chúng tôi nói đến *các cỗ quan tài*, trong khi vào những dịp như thế, thông thường người ta nói đến một cỗ quan tài là cùng. Tôi bảo, cánh thợ săn làm sao khênh được hết mấy cỗ quan tài. *Cả thợ săn lẫn thợ vườn đều phải khênh*, tôi nói, *hai cỗ thợ săn khênh, một cỗ thợ làm vườn khênh*. Thợ săn khênh quan tài bố, tất nhiên cả quan tài mẹ, thợ vườn khênh Johannes. Lúc bàn chuyện các cỗ quan tài, Caecilia và Amalia gần như gạt hẳn gã chủ xưởng nút chai rượu vang sang một bên, khiến gã phải lùi ra sau và không được nói gì nữa cả. Dĩ nhiên quan tài của mẹ phải để thợ săn khênh, tôi vừa nói vừa nhớ lại quan hệ trước đây giữa mẹ tôi với đám thợ săn. Quan tài bố tôi để thợ săn khênh cũng đúng thôi, bởi ông vốn là *người* của họ. Vả lại, ông vốn là *Chủ tịch hội thợ săn toàn quốc*, một chức vụ ông vốn mang từ thời Quốc xã và suốt hai chục năm sau đó vẫn giữ. Thợ săn khênh bố với mẹ đi trước, rồi thợ làm vườn khênh Johannes theo sau. Tôi nói, như thế là được rồi. Hai đứa em gái tôi bỗng đứng bám chặt vào tôi như đĩa bám lên người tôi vậy. Chúng d òn hết mọi thứ sang cho tôi, thản nhiên, như thể xưa nay mọi việc ở Wolfsegg đều d òn lên vai tôi không bằng. Trong bộ cánh màu đen, chúng nó cũng gây cho tôi cái cảm giác vừa nực cười, vừa đáng ghét, hệt như khi chúng nó đóng bộ cánh Dirndl nhạt nhẽo trên người. Vẻ giễu cợt trên gương mặt chúng nó đã biến đi từ lúc nào không rõ, chỉ còn lại vẻ cay đắng và bỗng dưng trở nên xanh xao, bệnh hoạn. Do quần áo chúng đang mặc tuyền một màu đen, nên mặt mũi chúng nó trông càng thêm thảm hại. Như thể mọi thứ ở đây chẳng hề thay đổi gì, chúng nó vẫn chứng nào tật nấy, đứa này nói, đứa kia chen vào, không đứa nào nhường lời đứa nào. Và như tôi thấy, chúng nó vẫn để cùng kiểu tóc chải ngược ra sau, mang cùng kiểu giày như xưa. Từ khu nhà thợ làm vườn

quay lại tòa nhà chính, Amalia cũng như vào hòa với chị nó thành một liên minh, tuy nhiên, không phải liên minh chống tôi như hồi xưa, mà bỗng dưng, thành liên minh ủng hộ tôi, làm tôi ghê tởm vô cùng. Chính cái lối xu thời, cơ hội không chút ngưng ngấp ấy của chúng nó, sau cái chết của bố mẹ và anh trai, quay ra vồ vập, ôm chầm lấy cổ tôi như thế, khiến tôi thêm ghét chúng nó. Hai đứa em gái tôi, chính hai đứa hàng chục năm nay vẫn xếp tôi vào hạng *quái vật*, vẫn coi tôi là *tên đào ngũ đốn mạt* ấy, bây giờ lại quay ra ôm cổ tôi, với vẻ bơ vơ bất lực như thế này đây. Tuy nhiên, tôi tự nhủ, tôi không được phép đi quá xa cùng các ấn tượng và ý nghĩ như thế để rồi mất tự chủ, tôi phải bình thản mới được. Dần dần, cả hai đứa đều muốn kể tôi nghe tai nạn đã xảy ra như thế nào, bởi không đứa nào ngờ tôi, do đọc báo, đã biết tường tận hết cả rồi. Hai đứa gần như nói cùng một lúc, đứa này tranh đứa kia, đứa này chen lời đứa khác, làm gã em rể chẳng còn lúc nào để chen thêm một tiếng. Tôi để mặc chúng nó kể và nhận ra ngay, hóa ra câu chuyện chúng nó thuật lại khác hẳn những gì tôi đã đọc trên báo. Có thể nói, dường như mọi người, kể cả báo chí lẫn các em tôi, ai nấy đều thuật lại tai nạn *của họ*, dưới cách nhìn *của riêng họ*, cách nhìn của báo chí khác hẳn cách nhìn của các em gái tôi và có lẽ, cả cách nhìn của gã em rể tôi. *Cùng một vụ tai nạn*, tôi nghĩ bụng, thế mà làm sao tất cả bọn họ lại tường thuật mỗi người một khác, như thế mỗi người mô tả một vụ khác nhau. Cũng như ta vẫn thường đọc thấy biết bao nhiêu là bài tường thuật khác nhau trên các báo về cùng một sự việc, bây giờ các em tôi đang thuật *mỗi đứa một kiểu* về cùng một vụ tai nạn, cứ như thế có bao nhiêu người kể thì có bấy nhiêu tai nạn. Đứa nào cũng thuật lại vụ tai nạn theo những cảm xúc của riêng mình, cho nên, mặc dù tai nạn chỉ là một vụ, tôi nghĩ bụng, nhưng nghe chúng nó thuật lại, thì cứ như nhiều vụ xảy ra cùng một lúc không bằng. Caecilia thuật về một tai nạn khác với tai nạn do Amalia thuật lại. Amalia luôn mồm ngắt lời Caecilia và Caecilia ngắt lời Amalia. Gã em rể tôi không được nói chen lời nào. Trong khi con Amalia bảo đứa em rể tôi bị *thanh sắt* cắt rời khỏi thân, thì con Caecilia lại khẳng khái *thanh tà vẹt* chọc xuyên đầu mẹ tôi. Tôi không nói gì, bởi tôi không muốn để lộ mình đã đọc các bài tường thuật trên báo. Bằng bất cứ giá nào tôi cũng không thể để lộ tôi đã ngửi trong bếp đọc hết một lượt các bài tường thuật đăng trên báo; tôi không thể ngay ngày đầu tiên đã phơi bộ mặt xấu xa của mình ra

lộ trước bàn dân thiên hạ được. Vâng, thế là hai con em gái tôi đều định ninh tôi không biết tí gì về vụ tai nạn, cho nên cứ thế - *theo kiểu của chúng nó* - ồn ào và lộn xộn thi nhau kể lại từng chi tiết của sự việc. Sở Cảnh sát Lambach báo tin cho chúng nó trước tiên, đúng vào lúc hai đứa đang định đi nằm. Thế là, thay vì lên giường nằm ngủ, chúng nó phải lên đường đến Lambach, để - nói như Amalia - *nhận mặt người chết*. Chiếc xe hơi toác hoác cả ra. Ở hiện trường, trời tối om om, nhưng cảnh sát chiếu đèn, bắt chúng nó phải chui hẳn đầu vào trong chiếc xe đã tan nát nhận dạng ba xác chết cho thật kĩ. Nghe chúng nó thuật lại những chi tiết đó, tôi mất không mấy khó nhọc để nghĩ, à, hóa ra bản tính bọn em gái tôi còn hèn hạ hơn tôi rất nhiều. Nét vẻ bối rối của chúng nó lúc thuật lại mọi chuyện cho tôi nghe đây, vẫn không che đậy hết vẻ lạnh lùng thờ ơ của chúng. Chúng nó nói gần như đồng thanh bảo, *rõ nhục cười*, mặc dù cả ba đều đã chết, người ta vẫn cứ cho xe cứu thương chở bố mẹ với anh Johannes về Weis cái đã. Thì cảnh sát họ vẫn làm đúng quy định mà lại. Tất nhiên, tai nạn xảy ra làm náo động cả một vùng. Nhiều nông dân ở quanh khu vực ấy đổ xô đến. Amalia bảo, có người vẫn còn mặc nguyên cả áo ngủ kia mà. Thoạt đầu hai đứa không nhắc gì đến chuyện gã em rể cũng cùng đi với chúng nó, mặc dù chính gã tự đánh xe của gã chở hai đứa đến nơi xảy ra tai nạn. Chúng nó bảo, mặc dù chúng nó phải làm cho xong bao nhiêu thứ giấy tờ thủ tục, nhưng rồi chúng nó vẫn bị bó chân bó tay, cho đến tận sáng hôm sau vẫn chẳng làm gì thêm được cả. Trước hết, Amalia ra bưu điện đánh điện tín báo tin cho tôi. Nó bảo, nhẽ ra nó gọi điện thoại, thế nhưng đánh điện vẫn hơn, chứ biết dùng lời lẽ thế nào để báo cái tin kinh khủng đó qua điện thoại được. Tôi rất hiểu đi đầu đó. Chúng nó kể tiếp, rồi chúng nó phai gã em rể tôi sang nhà quản sự lấy cờ *treo rú từ ban công xuống*. Treo cờ cũng một tay anh ấy làm đầu tiên. Caecilia bảo, không hiểu sao lúc đầu yên ắng đến khiếp đi được. Amalia ra chỗ nhà thợ săn báo tin dữ; cánh thợ săn lúc này đang ngạc nhiên vì không thấy chiếc xe chở gia chủ chiều hôm qua đi Steyr chỗ nào. Còn Caecilia đến báo tin cho thợ làm vườn và chính nó bảo Amalia, khi nào đánh điện cho tôi thì cũng đánh luôn cho Đức cha Spadolini. Nguyên văn bức điện cho Spadolini là: *Mẹ mất. Caecilia, Amalia*. Hai đứa tin chắc Đức cha Spadolini sẽ đến dự đám tang. Lúc đầu thậm chí chúng nó còn định mời Spadolini, vị Tổng Giám mục Spadolini,

chủ trì tang lễ cơ. Nhưng sau, Amalia bảo, hai đứa chúng nó đầu nghĩ chắc tôi cũng sẽ tán thành, *vì lý do tế nhị*, nên để Đức cha Tổng Giám mục Salzburg chủ trì thì hơn. Hẳn Đức cha Spadolini bây giờ cũng ưa giữ vai trò kín đáo hơn. Nhưng đồng thời, chúng bảo chúng vẫn rất lo, không mời Đức cha Spadolini chủ trì cả lễ tang lẫn lễ thánh như thế, thì không biết liệu suốt đời có phải mang tội với mẹ không. Tuy nhiên, tôi cũng biết ngay mối lo chúng nó chia sẻ với tôi đó là mối lo giả dối. Tất nhiên, để Tổng Giám mục Salzburg làm lễ là đúng và hợp lẽ rồi. May tôi tìm được, không nói tuột ra với hai gái em tôi rằng, Spadolini làm lễ cầu siêu và ban phước cũng là chuyện đương nhiên, phải, lẽ ra phải để lão tình nhân của mẹ làm lễ cầu siêu và ban phước mới đáng, vâng, may tôi tìm lại được, không buột ý nghĩ thô bỉ đó trong đầu ra thành lời. Tôi cũng không thể buột miệng nói ra những lời xác xược như thế để rồi mang tội suốt đời, cho nên tôi bảo các em gái tôi, xếp đặt như vậy là được, cứ để Đức cha Tổng Giám mục Salzburg chủ trì tang lễ và ban phước. Nói cho cùng, *chẳng cần tôi* chúng nó cũng đã định như thế từ đầu rồi, thay đổi làm sao nữa. Bằng cách nhún nhường cũng như bằng cách tán thưởng chúng nó như thế, có khi tôi còn tạo lợi thế cho mình cũng nên; đoạn, tôi nói thêm, ngoài các vị Tổng Giám mục Salzburg và Spadolini, chắc sẽ còn ít nhất ba vị Giám mục nữa đến dự đám tang, một vị Giám mục ở Linz, cũng như hai vị khác ở Innsbruck và Sankt Polten. Bố tôi học cùng trường với các vị này và quan hệ bạn bè giữa bố tôi lúc còn sống với các vị đó chưa bao giờ đứt đoạn, ngay cả suốt cả thời Quốc xã cũng không, tôi nghĩ bụng, rồi bảo các em tôi, thì từ xưa đến giờ, ngay cả thời Quốc xã, mấy vị này vốn vẫn thân thiết với bố. Tôi buộc phải nói thế, mà nói thế cũng đúng chỗ thôi, để ngăn không cho câu chuyện của tôi với hai đứa em gái trở nên đa sầu đa cảm quá, và do đó, sẽ trở nên đối trá. Thật ra, tôi ghê sợ đám ma này hơn bất kỳ đám nào khác; sợ hơn mọi đám ma tôi từng chứng kiến vào những năm gần đây ở vùng quanh Wolfsegg. Bỗng dưng, trước mắt tôi hiện rõ ra những gì sẽ đến với tôi trong ngày đưa đám, tức là vào thứ Bảy tới đây. Tôi nghĩ bụng, thật đúng biết bao những lời tôi nói ra với anh Zacchi qua điện thoại, tai họa quả đã đổ sập lên đầu tôi thật. Trong lúc đó, hai đứa em gái quay sang gã em rể tôi, và với giọng kẻ cả, ít nhiều như ra lệnh, bảo gã sang bên nhà quản sự xem xem có phải còn hai tấm vải liệm nằm sót lại trên tầng áp mái không. Con

Caecilia quả quyết, hai tấm vải nằm trong cái hộp lớn in dòng chữ ghi tên hãng *Sunlicht*. Suýt nữa, tôi bật cười nghe nó nói thẳng tuột *Sunlicht* với một giọng nói đến là ngu xuẩn. Nhưng rồi tôi cũng nhịn được. *Trên nắp hộp có ghi Sunlicht, anh nhớ nhé*, Caecilia bảo chúng và gã này quay người, cun cút đi ngay sang nhà quản sự. Tôi nghĩ bụng, nó chủ ý bắt chúng đi một mình sang khu nhà quản sự như thế chỉ cốt để ở lại một mình với tôi và Amalia. Nó muốn tống gã, kẻ ngoại tộc lén vào nhà chúng tôi ấy, ra xa, tôi nghĩ thầm và chắc hẳn lúc ấy, nó cũng nghĩ như tôi. Đến cả nó, là con vợ, cũng cảm thấy thẳng chúng mình mới cưới về bỗng dưng biến thành khối thịt thừa, tôi nghĩ bụng, song ý nghĩ đó không làm tôi thú vị như mọi khi, mà lại khiến tôi hổ thẹn. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang phải sang nhà quản sự cốt chỉ để cho Caecilia được ở lại đây một mình chuyện trò với tôi và Amalia em nó mà không bị quấy rầy. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang rời xa chưa được hai chục bước, Caecilia đã bảo, chúng nó làm nó điên cả người, vì lúc nào anh ấy cũng bám lấy em, chẳng để em được ngẩng yên một mình lúc nào nữa cả. Nghe nó than phẫn vậy, tôi ngạc nhiên, bởi từ này đến giờ tôi chỉ có cảm giác dường như nó, Caecilia bám cổ chúng, tức em rết tôi; hóa ra không phải vậy, gã bám nó như đĩa, chứ không phải nó bám. Mới có một tuần sau đám cưới mà ngay trước mặt anh em, nó đã bảo chúng nó bám nó như đĩa bám. Tôi thấy con Amalia phải gắng nhịn lắm mới không bật ra cười, liếc nghĩ bụng, ngay cả trong lúc tình cảnh khùng khiếp như thế này, con người ta vẫn đến là dễ toét miệng ra cười. Hay chính những hoàn cảnh khùng khiếp như thế này, tôi nghĩ thầm, lại đòi hỏi người ta phải nhún nụ cười?! Có lẽ, những ai bị căng thẳng vì một tai nạn kiểu như tai nạn anh em chúng tôi đang phải gánh chịu đây, tôi nghĩ, cũng sẽ sớm nở một nụ cười để tháo chạy cũng nên. Con Amalia phàn nàn, trong lúc chúng nó hoang mang cùng cực thì ông anh rết chẳng giúp được chút gì sất, ông anh rết cứ đứng đực như trời tròng bên cửa sổ phòng ông ấy, chứ hai đứa chúng nó chẳng nhờ vả được gì. Bao nhiêu lần chúng nó xin anh ấy giúp một tay, như gọi điện cho nhà đôn bên Vocklabruck chẳng hạn, là nơi chúng nó đã thuê làm mọi chuyện ma chay, theo như lời con Amalia, mà rồi cũng có được đâu. Anh ấy cứ luôn mồm kêu than vụ tai nạn làm anh ấy choáng váng, nhưng lại quên mất rằng vợ anh ấy lẫn em gái vợ anh ấy còn bị choáng gấp vạn lần, thế mà chúng nó có khóa trái cửa



phòng rồi ng ỡ im ỉm chẳng làm gì như anh ấy đâu. Loại người như anh ta, tôi bảo, không biết xử trí thế nào với những trường hợp như thế này đâu, họ bị các tai họa như tai họa này quật ngã và không bao giờ gượng dậy được nữa, không như anh em mình, tuy bị tai nạn đó giáng đòn đau hơn, đánh quy sâu hơn, nhưng ta lại đứng dậy ngay, xử trí mọi sự được ngay. Buột m ồm ra như thế, tôi lại thấy hối hận, nhưng không kịp thu lại lời mình nữa. Phải, quả thực tôi đã buột m ồm bảo, *ta sẽ xử trí mọi sự được ngay*, với ý chú người khác không làm được vậy, tức là tôi muốn bảo, một tai họa, dù ghê gớm, tàn nhẫn đến cực độ, chúng tôi vẫn xử trí được, chứ bọn tiểu tư sản thì làm được gì. Tất nhiên, tôi chỉ nghĩ trong đầu thôi, chứ không xướng to cái từ *tiểu tư sản* tôi dùng để ám chỉ gã em rể ấy thành lời. Bọn tiểu tư sản, tôi nghĩ bụng, chắc chắn sẽ bị một tai nạn như thế đè nát và chúng sẽ chìm đắm vào cơn đa sầu đa cảm, còn chúng tôi sẽ không rơi vào tình trạng đó. Đám tiểu tư sản, cả đám vô sản cũng vậy thôi, sẽ tự biến mình thành nạn nhân của các tai nạn như thế, chứ chúng tôi lại không. Cả dân tiểu tư sản lẫn người vô sản đều không bao giờ đủ sức, như chúng ta đây, để vượt qua các tai nạn thảm khốc như thế đâu. Tôi bảo các em gái tôi, một tai nạn như thế này vượt quá sức chú ấy, song chúng nó không hiểu ý tôi, chúng nó không hiểu tôi ngụ ý gì, đương nhiên, chúng cũng không hiểu cả sự khinh bỉ chứa đựng trong những lời tôi nói nốt. Tôi bảo, trong trường hợp các tai họa thảm khốc, như tai họa ta đang phải chịu đây, ta cần để những người như chú ấy đứng ngoài cuộc. Tôi nói như thế đúng vào lúc gã chủ xưởng nút chai rượu vang còn chưa biến vào trong nhà quản sự nữa kia, tôi vẫn còn nhìn thấy gã trên lối đi. Loại người như chú ấy, tôi nói thêm, nhìn chung, vốn quá thụ động trong các vụ việc thế này, bởi nói cho cùng, từ lúc lọt lòng họ đã thụ động, lười biếng, và khi cần, họ không có cách nhìn đời lạnh lùng như của anh em ta. Tôi chẳng ngại ngần nói thẳng tuột đi đâu tôi nghĩ ra, rồi tôi tiếp, *chú ấy không hợp với anh em ta*. Nghe tôi nói vậy, Amalia chỉ cau mặt, còn Caecilia chẳng nói chẳng rằng, quay mặt đi, như thể xem xem ch ờng nó đâu. Song gã đã biến vào phía trong nhà quản sự. Những người chân thật như gã chủ xưởng nút chai rượu vang kia bao giờ cũng có lối nhìn đời hết sức đa sầu đa cảm, mà chúng tôi không có, tôi nghĩ thầm trong bụng. Chính cái đa cảm là cái đáng ghét nhất ở họ. Tính đa cảm cũng là thứ để tiện nhất mà họ suốt đời đem ra hãm hại người

khác. Thối đa cảm của bọn người này, vốn làm họ thoải mái và dễ chịu, lại là tai họa ở đời. Kiểu cách đa cảm, mà bất cứ chỗ nào họ cũng phơi ra ấy, làm những người như chúng ta ghét bỏ, tôi nghĩ thềm. Tôi bảo các em tôi, ở Wolfsegg, *chú ấy như bước lên lớp băng trơn*. Amalia nghe nói vậy, có cố để cười, chứ Caecilia thì không. Tôi vừa nói xong, nó liền lặng lẽ quay người về phía tôi và lạnh lùng nhìn thẳng vào mặt tôi. Vâng - ánh mắt ấy không lừa nổi tôi - nó thừa nhận đám cưới là một sai lầm. Mới được tám ngày, tôi nghĩ bụng, mà cảnh tượng đã đảo ngược thành một cảnh tượng quái quỷ không gì bằng. Họ có thằng điên mới lấy cô, tôi bảo Caecilia, với giọng không gay gắt như nó có thể đã cảm nhận, song, ngay lập tức tôi thấy hối hận, vì mặc dù chỉ định nói đùa, tôi lại buột miệng làm nó bị xúc phạm nặng nề. Caecilia vẫn rất ghét tôi, tôi biết thế, nó vẫn như ngày xưa. Amalia vào hòa với chị nó, cũng cảm ghét tôi. Bây giờ đến lượt ta phải xử trí hai đứa chúng mày, tôi nghĩ bụng, nhưng đồng thời tôi cũng thấy thương hại chúng nó; bởi vì, trong khi tôi chưa hề hình dung nổi - dẫu chỉ mơ hồ thôi, chứ đừng nói gì đến một hình dung chắc chắn, sắp tới chúng nó sẽ phải chịu đựng những gì, nhưng tôi vẫn có ngay linh cảm, rằng mọi sự sẽ rất ác độc cho chúng nó. Người đàn ông con Caecilia vốn rước từ Baden về Wolfsegg làm chồng chỉ cốt để chọc tức mẹ nó, chỉ cốt trừng phạt bà theo cách của nó ấy, người đàn ông từ thành Freiburg im Breisgau, pháo đài Thiên chúa giáo kiên cố số một trong số những pháo đài Thiên chúa giáo kiên cố nhất trên đời này ấy, bỗng dựng trở thành gánh nặng khó chịu cho chính nó. Mới một tuần sau đám cưới mà miệng nó chỉ rớt những lời hằn học về bà mà thôi, bởi nguyên do khiến nó lấy gã chủ xưởng nút chai rượu vang - nguyên do nằm ở mẹ tôi, ở cái lối ngăn cấm Caecilia và Amalia đánh bạn đám bè với cánh đàn ông của bà, tức cũng là cản trở tương lai các con gái bà vậy - đột nhiên biến mất, không còn nữa. Nói cách khác, cái chết của bà mẹ đã nhờ mất cội rễ làm nảy sinh cuộc hôn nhân đó. Bây giờ ai nấy đều nhận thấy gã chủ xưởng nút chai rượu vang đâm ra thừa, chỉ riêng gã chưa nhận ra đi đâu đó thôi. Tôi đoán chắc, đi đâu cả hai đứa em gái tôi, tức không phải chỉ riêng đi đâu óc con Caecilia đâu, đang quay cuồng cùng ý nghĩ, làm sao sớm tổng khứ được gã chủ xưởng nút chai rượu vang đột nhiên trở nên vô dụng này đi đâu cho khuất mắt - một ý nghĩ mà chúng nó, tất nhiên, tuy chưa đứa nào dám nói ra, nhưng cứ qua cung

cách chúng nó đối xử với gã là tôi nhận ra ngay. Caecilia cần nhằn không biết bao nhiêu lần, *suốt ngày suốt buổi anh ấy cứ làm em phát điên lên*. Amalia lặng im, không bình thêm vào. Tấm bình phong vẫn dùng che mắt gã chủ xưởng nút chai rượu vang tụt hẳn xuống và chẳng làm lộ cái gì khác ngoài bộ mặt đầy vẻ ác cảm hẳn học của chúng nó. Gã em rở tôi bị hai đứa đẩy ra chỗ khác với một cố đến là lối bịch, cốt chỉ để gièm pha gã với tôi, theo cái lối xưa nay chúng nó vẫn làm, là gièm pha, dè bủ sau lưng. *Suốt ngày suốt buổi anh ấy cứ làm em phát điên lên* cũng có nghĩa là gã bao giờ cũng làm nó phát điên, thế mà c òả vẫn kéo gã về Wolfsegg cho bằng được. Và bà cô ở Titisee, với lòng dạ đều cáng vô biên ấy, đã giúp nó một tay, nhằm trừng phạt em dâu bà, tức trừng phạt bà mẹ chúng tôi. Bà cô ở hồ Titisee sẽ từ Schwarzwald đến đây và chắc chắn sẽ hả dạ lắm, rồi thế nào bà cũng chen lên hàng đầu đám họ hàng đến dự đám tang cho mà xem, tôi nghĩ bụng. Mặc dù lúc này, cuộc hôn nhân giữa con Caecilia với thằng ch òng nó coi như đã tan vỡ, chiến thắng của bà cô ở hồ Titisee vẫn không kém phần rực rỡ, bởi bà đã đạt được đi ều bà mong muốn là chơi khăm em dâu bà một vỡ, bằng cách xui cháu gái bà, tức em gái tôi, tổ chức đám cưới một cách chóng vánh. Con người mà vụ thông đ òng và nước cờ hiểm bà nhắm vào ấy giờ đã chết, tôi nghĩ bụng, cũng chẳng hề làm bà cô ở Titisee bớt phần đắc thắng đi chút nào, chỉ riêng con em gái tôi phải trả giá cho cái trò đê tiện, bẩn thỉu ấy mà thôi. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang đã đặt chân về đây và bắt đầu sắm vai con Caecilia trao cho gã, và bất kể vai diễn của con người này có lối bịch đến thế nào đi nữa, tôi nghĩ bụng, thì bây giờ cũng khó mà tổng khứ gã đi được. Khó là khó cho con Caecilia phải mất công thôi, chứ chuyện đó, nói cho cùng, nào dính dáng gì đến tôi. Chẳng chút động lòng, tôi khắc đuổi gã khỏi Wolfsegg khi nào tôi muốn. Chuyện đó thuộc quyền quyết định của tôi và tôi cũng không có ý để gã lưu lại Wolfsegg lâu làm gì, tôi tự nhủ. Cả hai em gái tôi sớm muộn cũng không ở lại Wolfsegg nữa, tôi nghĩ bụng. Có lẽ chúng nó cũng đoán ra, không, có lẽ chúng biết chắc tôi nghĩ gì là khác, nhưng đó không phải chuyện tôi phải vò đầu bứt tai làm gì cho mệt. Đã lấy ch òng theo lối quái đản như của con em gái tôi, cố tình bất chấp mọi lý lẽ khôn ngoan, tôi tự nhủ, thì một mình nó phải tự gánh chịu mọi hậu quả. Cuộc hôn nhân với một gã chủ xưởng nút chai rượu vang ắt không thể không dẫn đến hậu quả đau đớn được. Thì

đấy, các hậu quả đau đớn đó, hay đúng ra là các hậu quả hành hạ day dứt đó đã bắt đầu trở nên rõ ràng biết bao nhiêu. Ta đã cảnh cáo, tôi nghĩ bụng, song nó chẳng nghe ta, ta răn đi đe lại, song nó bưng chặt tai, không cho ta rót vào tai nó những lời răn đe đó. Con Caecilia không chịu nghe tôi bảo đừng có động vào thằng chủ xưởng nút chai rượu vang nọ, chớ có nhúng tay vào cái trò xỏ xiên đều giả nhằm chơi khăm mẹ như thế. Như vậy, bà cô chúng tôi ở Titisee đã hai lần mang tội, tôi nghĩ thầm, tội chơi đều mẹ tôi cũng như tội lợi dụng cả con Caecilia lẫn mấy đứa chúng tôi. Bà ôm mỗi hận ba chục năm trước bị mẹ tôi đuổi khỏi Wolfsegg, do mẹ tôi không chịu nổi cảnh cô em chồng suốt ngày kè kè bên chồng bà, tức ông anh cô ấy. Bà cô bị tống khứ về sống ở vùng Schwarzwald, trong một trại săn nhỏ, vốn thuộc quyền sở hữu của gia đình tôi từ xa xưa. Cô xem bà cô Titisee yêu quý của cô đã gây ra những trò gì, tôi bảo Caecilia. Nó hiểu ý tôi ngay. Giọng tôi lúc ấy đâu phải giọng an ủi, mà là giọng quở trách, và nó chắc chắn sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho tôi. Suốt ngày suốt buổi anh ấy làm em phát điên, những lời như thế phát ra từ chính miệng em gái tôi, chẳng bộc lộ điều gì khác ngoài lòng căm ghét dành cho thằng chồng đang manh nha trong lòng nó. Nó muốn đuổi gã ra chỗ khác, cho nên mới phai gã lên tầng áp mái nhà quản sự. Gã còn phải tìm chán ra, tôi nghĩ bụng, bởi con Caecilia biết thừa trên đấy chẳng có hộp đựng khăn liệm xác nào cả. Với lại, riêng việc nó phai chồng nó trèo lên đấy cũng đã là xác lác lắm rồi, bởi thông thường, đấy là việc bọn đậy tở trong nhà phải làm. Nó bảo *anh ấy chẳng bao giờ rời em lấy nửa bước*, thì cũng chẳng ngụ ý nào khác, ngoài ý rằng nó đã ghê tởm gã chủ xưởng nút chai rượu vang lắm rồi. Anh biết đấy, cửa sổ mà đóng, là em không ngủ được, nó bảo tôi, nhưng anh ấy lại cứ đóng cửa sổ mới ngủ; thành ra, em với anh ấy cứ suốt đêm tranh nhau, em mở toang cửa sổ ra, chưa chợp được mắt thì lão đã vùng dậy lại đóng vào. Giọng cô ả không chứa gì khác ngoài ấm ức, chẳng đựng nổi niềm nào khác ngoài nỗi thất vọng pha đậy căm hận. Ấy vậy mà đám cưới chúng nó mới diễn ra đây chứ đâu, đến như đôi thứ trang trí dùng cho đám cưới vẫn còn sót lại ở chỗ này chỗ kia và đập thẳng vào mắt tôi, bởi trong lúc vội vàng chuyển sang chuân bị cho đám tang, bị bỏ quên, chưa dẹp đi. Ngay trước nhà quản sự chẳng hạn, đằng sau các ngọn đèn ở lối vào vẫn còn cài cả hoa cắm chướng trắng. Lẽ ra, ở đó lúc này phải là mấy vòng

nguyệt quế báo nhà có tang mới đúng. Con em gái tôi tất nhiên không đã động đến chuyện thân thể chông ả có mùi hôi hám khó chịu, thế nhưng tôi có cảm giác như thể ả đã than phiền về chuyện đó từ lâu. Lẽ ra mẹ tôi chẳng cần suy đi tính lại nhiều như thế nhằm tìm cách nhanh chóng phá vỡ cuộc hôn nhân mà bà vẫn luôn mồm bảo là *nhớ những* này; đến như thoáng một ý nghĩ như thế thôi, tôi nghĩ bụng, lẽ ra bà cũng chẳng cần. Cho dù mẹ tôi đã mất và không còn được tận mắt chứng kiến chiến thắng này của bà nữa, bây giờ tôi vẫn có thể rộng lòng để bà được hưởng niềm vui đắc thắng nho nhỏ này, bởi vì cuộc hôn nhân mà tự đáy lòng, như bà có lần nói, bà không chấp nhận, cuộc hôn nhân do con Caecilia và bà cô ở Titisee, đúng ra thì bà cô đầu trò, đặt bẫy gài bà vào ấy, ngay từ những ngày đầu tiên sau đám cưới đã rạn nứt rồi. Trong lúc gã chủ xưởng nút chai rượu vang loay hoay tìm cái hộp có dán nhãn *Sunlicht* đựng khăn liệm xác trên tầng áp mái nhà quản sự, thì dưới này, vợ gã làm nhục gã không biết ngượng mồm. ả không hề nghĩ, ả đang hành động đều giả và hèn hạ đến mức nào. Sợi dây mỏng manh buộc gã chủ xưởng nút chai rượu vang vào với Wolfsegg bị cắt mất rồi mà gã không hề hay biết. Caecilia đã ngả hẳn về phía tôi, tôi nghĩ thầm, và tính toán của con Amalia cũng như thế thôi cũng vô liêm sỉ không kém. Hiện giờ hai đứa chúng nó đang muốn cứu vãn cái gì còn cứu vãn được, mà muốn vậy, chúng buộc phải liên minh với tôi, bởi vì ngay bây giờ cả hai đứa đều đã rõ rằng tôi mới là người duy nhất cầm cương ở Wolfsegg. Ông chủ, một vai trò chúng nó chưa bao giờ gán cho tôi, bởi trước đây, bao giờ chúng cũng chỉ gán với Johannes mà thôi, bây giờ hóa ra lại rơi vào tay tôi. Vì xưa nay chúng nó bao giờ cũng thù địch với tôi, cho nên bây giờ chúng nó hẳn không mong đợi đi đâu gì tốt lành. Tôi nghĩ bụng, trước hết chúng nó sẽ tỏ ra yếu đuối trước mặt tôi cho mà xem, để về sau này mới hùng cường với tôi được. Tự tôi, tôi cũng thấy đó là mưu chước duy nhất chúng nó có thể dùng lúc này. Và tôi hẳn sẽ không nhàm. Bởi tôi muốn ngâm mình vào bồn tắm, hay ít nhất cũng đứng vùi hoa sen một lát, tôi bỏ hai đứa em gái ngổ ỉ lại một mình rồi đi lên gác. Trên đường lên gác, một cô nấu bếp đi ngược về phía tôi và trao cho tôi cái ví, theo như lời cô ta thưa, lúc này tôi để quên trong bếp. Tôi không nhớ làm sao mà ví của tôi lại nằm trên bàn nhà bếp được, nhưng có lẽ, chẳng nghĩ ngợi gì, tôi đã rút nó ra khỏi túi áo khoác rồi đặt nó lên bàn, và bà đầu bếp, là

người đầu tiên tôi bắt chuyện, đã tìm thấy nó dưới đồng báo. Bây giờ thì lộ hết ra rồi nhé, tôi thầm nghĩ, cái ví của tôi nằm dưới đồng báo trên mặt bàn là bằng chứng hết đường chối cãi. Tôi lẳng lặng cầm ví nhét túi áo khoác rồi lên phòng. Ta vẫn tưởng đối trá sẽ mở đường cho ta trốn chạy và chẳng ai biết ta đối trá, tôi nghĩ bụng, nhưng rồi, chỉ cần một giây phút lơ đãng, ta đã bị lật tẩy ngay rồi. Chuyển đi từ Rome về Wolfsegg, hết đường không lại đến đường bộ, quả cũng hành tôi khá nhiều thật, đâm ra lúc này bỗng dưng lòi thấy mệt mỏi quá thể. Trong phòng tôi, mọi thứ trông vẫn như tôi chỉ vừa ra ngoài một lát rồi quay lại ngay. Lúc mới đây tôi rời Wolfsegg về Rome, tôi đã chẳng thu dọn gì, nhưng sau đó cũng không ai dọn trong phòng cả. Mấy đứa em gái hứa với tôi, tôi đi rồi, chúng nó khắc cho dọn dẹp tươm tất ngay. Song, chúng không cho ai dọn phòng, bởi chúng không tính đến chuyện tôi sẽ sớm quay lại như thế này. Đấy, tôi lại bắt quả tang chúng nó cầu thả ra sao. Mặt khác, tôi nghĩ, bước vào căn phòng mọi thứ đâu vẫn nằm đấy, lung tung, lộn xộn, chưa dọn dẹp gì cả như thế này, quả cũng dễ chịu. Bây giờ có ai ngó vào phòng tôi, chắc chắn họ chẳng tin suốt tuần qua tôi ở Rome, chứ không ở đây, bởi chẳng có dấu hiệu nào cho thấy như thế cả, mọi thứ cứ như thể tôi chỉ ra ngoài một lát, chừng độ một, hai tiếng là cùng, không hơn. Ngay cả giường tôi nằm cũng chưa xếp dọn lại, tôi nghĩ bụng, hẳn trong lúc cuống cuống lên vì mọi sự, chúng nó quên cả cho người gấp chăn, thay ga mới cho tôi. Hai đứa chúng nó chắc không hay biết gì về cái giường chưa xếp dọn này, tôi nghĩ bụng, bởi nếu biết, hẳn chúng đã làm. Chúng nó chẳng làm gì, khiến cái gọi là *bệnh cuồng ngăn nắp* như con Caecilia cứ mở miệng là khoe ấy, chẳng đáng tin chút nào. Tôi trút bỏ hết quần áo ra giữa sàn nhà rồi cứ thế tưng tưng vào buồng tắm. Tôi tắm rửa, kì cọ một hồi dưới vòi hoa sen. Tôi toan cạo râu, thế nhưng kem cạo râu của tôi đã hết nhãn, nên tôi cứ thế, trần như nhộng, quấn tạt cái khăn tắm, tôi ra hành lang sang phòng bố tôi tìm kem cạo râu. Tôi tự nhủ, bây giờ bố chẳng cần kem cạo râu nữa, thì có để làm gì đâu. Phòng tắm bố tôi vẫn nguyên xi như lúc ông ra khỏi đây lần chót, mọi thứ trông cũng như thể ông vừa ra phòng ngoài, sẽ quay lại bất cứ lúc nào. Như thế là ở đây cũng chẳng dọn dẹp gì cả, đầu óc chúng nó để đâu nhỉ, tôi tự hỏi, bởi theo tôi biết, suốt ngày chúng nó chẳng có mấy việc để làm, ấy thế mà bây giờ, đến phòng tắm của bố cũng không thêm dọn,

thậm chí bố chết rồi cũng không cất công dọn dẹp phòng tắm cho bố. Tự đứng trong đầu tôi nảy ra câu hỏi, phải chăng do chúng nó *bất hiếu, thiếu kính trọng người chết*, nhưng tôi gạt ý nghĩ tởm lợm ấy ngay ra khỏi đầu, không suy diễn vắn vẹo thêm nữa. Tôi chỉ thấy quái dị ở chỗ, bố chết đã hai ngày rồi mà phòng tắm của bố vẫn chưa được dọn dẹp ngăn nắp. Thế nhưng, cái gọi là nỗi đau buồn đã bào chữa cho chúng nó cái tội, đến *một việc hệ trọng như thế* mà cũng quên. Thoạt đầu tôi không tìm thấy kem cạo râu đâu, phải lục lọi mấy cái tủ mới thấy. Bố tôi, cũng như tôi, cạo râu là phải cạo ướt; cả hai bố con đều ghét cạo máy. Và lại da mặt tôi không cạo bằng máy được, tôi nghĩ bụng rồi cần kem cạo râu quay về phòng; Ngoài hành lang, quăng giữa phòng bố với phòng tôi, tôi chạm trán Amalia. Gặp tôi trần truồng, nó hết cả hồn. Đến cả khăn tắm lúc này quần người tôi cũng để quên trong phòng tắm bố tôi, nên bây giờ tôi đứng trần như nhộng trước mặt nó. Lợi dụng cảnh tranh tối tranh sáng ngoài hành lang, nó trở mắt nhìn tôi, nhưng hoàn toàn không phải theo kiểu anh chị em nhìn nhau. Bởi nó cứ đứng ngây ra đó, chứ không định bỏ đi khi nhìn thấy tôi, tôi liền cứ thế tưng tưng đến thẳng trước mặt nó rồi lớn tiếng hỏi, trong đời cô chưa bao giờ thấy thằng đàn ông nào cởi trần truồng hay sao thế. Đây, bây giờ cô thấy tôi người ngợm thế nào rồi nhé, không đến nỗi tôi, phải không nào, rồi tôi thè lưỡi ra cho nó. Nó quay ngoắt người, chạy xuống gian tiệp sảnh. Đã ba chục năm nay, tôi không thè lưỡi với con em gái Amalia. Lần đầu tiên sau bấy nhiêu lâu, bây giờ tôi mới lại thè lưỡi ra với nó như thế, khiến tôi khoái chí. Toàn thân tươi tỉnh sau khi tắm, trong lòng thậm chí còn thấy vui vui do cuộc chạm trán với Amalia, tôi đứng cạo râu trước gương. Vừa cạo, tôi vừa nghĩ, hai đứa em gái tôi đến kỳ quặc; mẹ tôi biến chúng nó thành hai thiếu phụ kỳ quặc, lập dị, không những thân thể kỳ quặc và lập dị, mà đầu óc, tôi nghĩ thậm, cũng kỳ quặc và lập dị như thế nốt. Tôi phết kem lên mặt và bỗng chốc trông tôi trong gương giống như thằng hề rạp xiếc; thằng hề thè ngay lưỡi ra, và cái trò thè lưỡi làm hấn khoái, hấn liền thè lưỡi, cho chính mình trong gương đôi ba lần liền. Sau chuyển đi, dù ngắn, nhưng mệt nhọc như chuyến đi tôi vừa trải qua, thật không gì thú vị bằng được cạo râu. Đứng trần truồng trước gương, lưỡi thè ra gheo chính mình như thế, tôi không còn có cảm giác của một người cho rằng mình không thọ lâu như người khác, một cảm giác từ xưa đến giờ tôi vẫn

mang trong người. Tôi quay lại phòng, mặc quần áo, trong đầu luẩn quẩn mãi ý nghĩ, chẳng biết có nên mặc bộ vest đen hay không. Rồi cuộc tôi chọn bộ quần áo giản dị, không có gì nổi bật, như tôi vẫn mặc mọi ngày khác trong tuần, tức là chiếc áo vest màu nâu pha xanh lá cây, mẫu áo kiểu Roman cùng cái quần hợp với nó. Giá như mấy đứa em tôi khác đi, tôi tự nhủ, vàng, không cần đến đến như thế, thì có lẽ anh em cũng chung sống với nhau ở Wolfsegg được lắm. Song, tôi lại chỉ tính xem, không có chúng nó, mọi sự ở đây sẽ diễn ra thế nào, bởi chuyện chúng nó không ở lại Wolfsegg với tôi là rõ r ễ. Cả hai đứa Caecilia lẫn Amalia phải cuốn gói khỏi đây, tôi nghĩ bụng; đó là giải pháp tốt nhất cho cả đôi bên. Chúng nó toan suốt đời cắm rễ ở Wolfsegg, nhưng bây giờ chúng nó phải xéo đi, đi đâu thì đi, nhưng phải xéo đi chỗ khác, tôi nghĩ, đi đâu đó có lẽ cũng có lợi cho chúng nó hơn. Ít nữa màn kịch cũng đã đến hồi kết, tôi tự nhủ, và một khi các nhân vật chính đã chết, xác đã quàn trong nhà kính kia r ễ thì các vai phụ như hai em gái tôi, chẳng còn có gì để lộ rõ trên sân khấu này nữa. Màn đã hạ r ễ. À, khoan đã, chưa hẳn, còn màn hài kịch kết nữa. Cũng là màn khó nhất trong toàn bộ vở kịch. Lúc tôi xuống đến gian ti ền sảnh và gặp Caecilia, nó nhắc tôi, ít gì anh cũng nên tắt cà vạt đen vào. Mới đầu tôi định cưỡng lại, nhưng r ễ tôi cũng nghĩ, ừ nó nói cũng đúng, nên tôi quay trở lại lên gác, tắt cà vạt đen quanh cổ. Bây giờ thì tôi có bộ cánh gọi là hợp với ngày hôm nay r ễ nhé. Tôi đến bên cửa sổ nhìn xuống, thấy gã chủ xưởng nút chai rượu vang đang khệ nệ bê một cái hộp to từ nhà quản sự sang nhà kính. Tôi nghĩ bụng, hóa ra gã cũng tìm thấy cái hộp dán nhãn *Sunlicht* đựng khăn liệm xác thật. Thế mà tôi đã nghĩ, làm gì có cái hộp nào như thế ở đó. Nhưng em gái tôi xỏ xiên, đều giả thì vẫn xỏ xiên và đều giả như lúc này tôi nghĩ thôi. Lúc này con em tôi phái thẳng đàn ông đáng ghét, vàng, tôi buộc phải nói vậy, nay đã trở thành chồng nó ấy, lên tầng áp mái nhà quản sự chẳng nhằm mục đích nào khác, ngoài mục đích, như chính miệng nó nói ra, *rốt cuộc* được một mình rảnh thân nói chuyện với tôi và Amalia. Bình thường, dáng đi gã chủ xưởng nút chai rượu vang trông đã vụng về và khó nhọc r ễ, bây giờ mang vác thứ gì nặng một chút như cái hộp to kia, dáng đi gã chuyển sang dáng chân vòng ki ềng, trông càng khó nhọc hơn, tôi nghĩ bụng. Cái hộp có vẻ không nặng, nhưng như thể đang đè bẹp gã và cảnh tượng trông rất buồn cười, cứ như thể đầu gã



cắm vào cái hộp vậy. Đến trước nhà kính, một anh thợ làm vườn chạy ra đón cái hộp từ tay gã, và gã liền đứng đực ra đó, như thể gã không biết bây giờ phải làm gì tiếp. Gã đúng là hiện thân của sự bất lực. Lẽ ra tội có thể chạy ra giúp gã, nhưng tôi không chạy ra. Hạng người như gã, chẳng ai giúp nổi, bọn họ cứ thế mãi mãi lố bịch và không bao giờ biết họ phải làm gì. Vừa từ bên nhà quản sự kéo sang, cánh thợ làm vườn dừng lại tán gẫu một lúc với gã, nhưng rồi họ lại phải chạy đi lo việc này việc khác, để gã đứng trơ ra đó một mình. Từ dưới làng lại vọng lên các khúc nhạc dạo. Ban nhạc nghe chừng đã thuần hơn với Haydn. Tôi nghĩ bụng, tiếng nhạc đến là nặng nề. Gã em rẽ tôi tiến về phía bức tường, chắc định ngó xuống làng. Tôi thấy gã toan leo lên một gờ đất nhô lên cạnh chân tường để kiểm soát nhìn xuống, song không được. Gã lấm lét nhìn quanh, như sợ có ai chứng kiến sự vụng về và lố bịch của gã. Tôi - hẳn gã không thấy được, do tôi đứng sau cửa sổ phòng, ánh nắng buổi chiều chiếu lên, ai đứng ngoài chỉ nhìn thấy khung cửa sổ, chứ không thấy được gì bên trong. Quãng giờ này, tôi có thể bình thản đứng bên cửa sổ quan sát mọi thứ, tôi tự nhủ, nhưng tôi thì chẳng ai thấy. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang lén chúi chúi đôi giày và phui phui áo vest bị lấm bẩn khi gã toan leo lên gờ đất bên chân tường, rồi lại lấm lét nhìn quanh. Bây giờ tôi mới nhận ra tay gã ngắn quá cỡ. Quần áo gã mặc, tuy may thợ hẳn hơi, nhưng xấu xí, vô duyên, theo kiểu tình lẻ, đã thế lại còn tình lẻ miền nam nước Đức nữa, bằng các thứ vải do chính tay hắn chọn, những thứ vải đáng tởm mà bọn tiểu tư sản - bọn người ngày đêm ôm ấp khát vọng ngoi lên tầng lớp trên, bọn người lấy mục tiêu ngoi lên tầng lớp xã hội cao hơn làm lẽ sống ấy - vẫn ưa dùng. Bà cô ở Titisee đã lén tuồn cho gia đình tôi một gã con rể như thế này đây, tôi bất giác nghĩ. Một gã dân Baden mặc sơ mi trắng, chuyên nghề nếm rượu vang và sành món sườn rán. Tham vọng trước đây của con Caecilia, đòi thiên hạ phải thừa nhận rằng nó là thằng chằng đáng giá nhất đời, bây giờ cùng lắm chỉ khiến tôi phải cất tiếng cười chế nhạo, nhưng chiều nay tôi không được phép cười; đứng bên cửa sổ đây, tôi chỉ bụm miệng cố nhịn để không cười thành tiếng. Gã đàn ông này cũng chẳng đáng được thương hại, bởi gã không phải không có lỗi khi tự mình lao vào cuộc hôn nhân này, tôi tự nhủ, cuộc hôn nhân mà mới một tuần sau đám cưới, con em gái tôi chỉ muốn xóa bỏ ấy. Thế nhưng đây là chuyện một mình con Caecilia phải

gánh chịu. Có đi ầu, tôi nghĩ bụng, nói tôi không can dự vào, không có nghĩa là tôi sẽ thôi không quan sát và không nghĩ ngợi gì nữa cả. Riêng một ý nghĩ khiến tôi không chịu nổi là tối tối phải ngồi cùng bàn ăn với đúng thằng cha này, lại thêm hai đứa em gái tôi nữa, hai đứa chẳng biết nói gì với tôi mà tôi cũng chẳng biết chuyện trò gì với chúng nó. Cú choáng do vụ tai nạn gây ra cùng lắm chỉ *che lấp được vài ngày* cái cảnh phải ngồi chung với hai bộ mặt đầy cay đắng của hai đứa em gái, cộng thêm bộ mặt đần độn của gã em rể, bộ mặt lúc nào cũng có thể ngó ngẩn cười nhăn nhó vì bất cứ chuyện nhỏ nhặt nào ấy. Vâng, tôi cũng nghĩ ngay, thế nhưng vênh vang kiêu ngạo không phải là cách thức thích hợp để đối xử với những người ta coi thường và vì thế không thể chịu đựng nổi. Nhưng, nếu không vênh vang kiêu ngạo, chắc chắn ta sẽ tiêu ngay; kiêu ngạo chẳng qua là một phương tiện thị uy, dùng để đối lại một thế giới sẵn sàng nuốt chửng ta, nuốt không chừa lại thứ gì, nếu ta không đủ kiêu ngạo. Thế giới chẳng đếm xỉa đến ta. Ta phải kiêu ngạo để đón đầu chặn trước, tôi tự nhủ, ta phải kiêu căng ở những nơi nào ta có thể bị ăn tươi nuốt sống. Ta đừng tự lừa ta, tôi tự nhủ, bởi những kẻ gọi là đần độn mà ta coi thường ấy cũng chính là những kẻ phũ phàng nhất. Một khi chúng có thể quấy rối ta, hãm hại rồi rồi cuộc tiêu diệt ta, ắt chúng chẳng để tâm đến tình cảm của chúng ta làm gì nữa. Kiêu căng, ngạo mạn chính là phương tiện thích hợp nhất giúp ta chống chọi được với thế giới đầy thù địch với ta ở xung quanh, thế giới đó khiếp sợ và nể trọng vẻ kiêu căng ấy, dù rất có thể đấy chỉ là vẻ kiêu căng giả bộ như vẻ kiêu căng của tôi đây mà thôi. Sự thật là ở chỗ, ta trưng sự kiêu căng của ta ra, cốt chỉ để tự khẳng định mình. Và nói cho đến cùng, tôi kiêu ngạo chỉ là để sống sót. Dĩ nhiên, chẳng mấy chốc rồi ta cũng không còn phân biệt được, sự kiêu căng ngạo mạn đó là giả hay thật. Song, chẳng cần đặt đi đặt lại câu hỏi ấy mãi làm gì, nếu không nó sẽ làm ta phát điên phát rồ đến mất trí cho mà xem. Đối với tôi, chẳng hề có gì đáng phải bận tâm, nếu gã em rể không biết Max Bruch là ai, bởi vì, hồi ấy, lúc mẹ tôi làm nhục gã ngay trước mặt mọi người, nếu gã quả thực có biết Max Bruch là ai đi nữa, thì đi ầu đó cũng chẳng làm gã đẹp mặt hơn. Mẹ tôi cũng có thể hỏi tôi cái này cái kia mà tôi, có thể, cũng không trả lời được; vâng, nhiều thứ tôi quả thực không biết, không thông thạo, thì theo cách nào đó, tôi cũng chẳng hơn gì gã chủ xưởng nút chai rượu vang thôi, vì học thức

người nào đó cao hay thấp, quả thật, chẳng hề có ý nghĩa gì ghê gớm, thậm chí ngược lại, ai có học thức đến mức mẹ tôi ngưỡng mộ, âu cũng chỉ mới là kẻ ngu đần đáng tởm, hay như tôi vẫn bảo, một tên ngốc có học, nhưng gã chủ xưởng nút chai rượu vang lại tin sái cổ, rằng việc biết Max Bruch là ai là việc hệ trọng, việc biết Friedrich Kienzel là ai cũng hệ trọng không kém, vân vân. Khổ quá, nếu gã có không biết Kant là ai đi nữa, thì đã có gì là quan trọng đối với tính cách của gã chứ. Nhưng gã là con người không cá tính, tôi nghĩ bụng. Tôi vẫn thường ngờ ngợ về tính cách bạc nhược của gã chủ xưởng nút chai rượu vang, về sự vô liêm sỉ - nấp dưới vẻ bất lực tội nghiệp - của gã, sự vô liêm sỉ giúp gã không chùn bước trên đường ngoi lên cao. Đứng bên cửa sổ quan sát gã em rể loay hoay bên bức tường, tôi chợt hiểu, con Caecilia đã bị mắc lõm. Có việc gì mà gã không làm được chứ, tôi nghĩ bụng, có chỗ nào mà gã không thể nhúng tay vào được. Nhưng rồi tôi lại nghĩ, nếu quả thực gã có làm gì, có nhúng tay vào đâu, thì cũng đều hậu đậu, khiến gã càng thêm lỗ bịch mà thôi. Giá như gã không bạc nhược như thế, tôi nghĩ bụng, thì chí ít gã cũng chiếm được chút cảm tình của cánh thợ làm vườn; nhưng không, họ chỉ toàn tránh mặt gã. Đó là dấu hiệu cho thấy có gì đó không ổn ở gã, tôi nghĩ bụng, bởi vì, đã nói đến chuyện nhận biết tâm tính người khác thế nào, thì những người thợ làm vườn vẫn có linh tính khác thường. Họ linh cảm được ngay, ai đáng tin cậy, ai không. Như tôi đã thấy ngay từ trước hôm đám cưới, họ lánh mặt gã chủ xưởng nút chai rượu vang ngay từ đầu. Mỗi nghi ngờ họ dành cho gã không phải mỗi nghi ngờ bình thường, như người ta vẫn dành cho kẻ lạ mặt lúc ban đầu, không, đây là mỗi nghi ngờ ra mặt, mỗi nghi ngờ rất rõ ràng. Chắc họ đã nhìn thấy gã là một kẻ vừa bất lực vừa thiếu bản lĩnh. Kẻ cũng thú vị, mấy người thợ làm vườn đã tin tưởng ai thì không ngần ngại bao giờ. Riêng cung cách lúc này họ đỡ cái hộp trên tay gã đã cho thấy họ không tin gã ra sao. Tôi chợt nghĩ, mình đứng bao nhiêu lâu như thế này bên cửa sổ chỉ để quan sát gã em rể, thì rõ thật nực cười, nên tôi quay người đi xuống gian tiệp sảnh, nhưng cũng không quên đứng lại dưới bức chân dung cụ Ferdinand một lát. Descartes của tôi, tôi lẩm bẩm, lúc này tằm vóc nhà triết học của cụ trong lòng tôi có hao hụt đi chút ít, chà, với bộ mặt thế này làm sao cụ tôi viết ra các bản *Tiểu luận* trừ danh được. Amalia đi từ bếp ra, thấy tôi liếc cất tiếng bảo, chi đâu tối nay chắc khách đến viếng

sẽ lên đây đông - lúc sáng đã có hơn chục khách viếng r ấ - mà không phải chỉ khách dưới làng, như ông giáo hay thầy thuốc đâu. Mình phải sẵn sàng tiếp đón, Amalia nói vậy, có lẽ ngay gần gian ti ền sảnh là tốt hơn cả, cùng lắm thì vào bên trong, chỗ gian nhà thờ hoặc gian bếp cũng được, chứ em không muốn để ai lên tầng trên. Tốt nhất chỉ nên dăm câu ba đi ầu với người ta thôi, r ấ để họ cuốn xéo v ề ngay. Tôi ghê người vì ý nghĩ bây giờ *chính những kẻ* tôi thật sự ghê tởm ấy sẽ lần lượt lên đây, đám trung lưu ở các thị trấn lân cận, cái bọn đã không chút ch ần chừ, chớp lấy cơ hội ngàn vàng để được quy ền đến nhà chúng tôi mà không c ần ai med, hơn thế còn được đánh xe chạy thẳng vào khuôn viên một cách hỗn xược. Ngay lúc này tôi đã hình dung ra cảnh tượng những bộ mặt tò mò lần lượt chui ra khỏi xe r ấ bắt chúng tôi phải nghe những lời chia bu ần phát ồm, và để đáp l ẽ chúng tôi còn phải làm bộ biết ơn nữa mới kinh. Song, tôi nghĩ bụng, tôi sẽ bắt tay họ lạnh lùng, lạnh hơn bao giờ hết, lạnh đến mức đủ ngăn các mối liên hệ giữa bọn người này với chúng tôi sâu sắc thêm. Trong đ ầu, tôi đã tập thử cách bắt tay lạnh lùng đó và cũng lựa sẵn những lời lẽ nhạt nhẽo tôi buộc sẽ phải cất lên nói với họ. Nhưng thật ra, trong lòng tôi, tôi không sợ bọn người này; với bọn này, tôi đủ sức xử trí nhanh, chẳng bận lòng lắm. Làm tôi ghê sợ là hai cựu trưởng vùng Quốc xã, hai tên Gauleiter, mà tôi nghe nói, đã cho người nh ắn sẽ tới dự đám tang, cũng như đám khá đông cựu sĩ quan ss mà hàng chục năm qua, tôi cứ tưởng chúng hoặc đã chết ngóm, hoặc ít nhất cũng ng ồi tù chịu phạt đ ịch đáng ở đâu đó, nhưng hóa ra - mấy năm gần đây tôi mới biết - đã lại chui ra khỏi chỗ ẩn náu xưa nay của chúng, và cả chục năm nay r ấ, bí mật tiếp xúc với gia đình tôi, với bố mẹ tôi, với bà con họ hàng tôi, r ấ giờ đây, tôi tự nhủ, toan nhân dịp đám tang này để lần đ ầu tiên xuất đ ầu lộ diện công khai trước thiên hạ. Thế mà tôi lại không cách gì ngăn bọn này đến dự lễ tang được. Bọn chúng sẽ kéo đến, dù tôi có muốn hay không cũng vậy. Hai tên cựu Gauleiter chắc chắn sẽ không để ai ngăn trở. Một tên - tôi biết rất rõ - đã từng lừa hàng ngàn người vào các nhà tù lẫn trại khổ sai ở Áo cũng như ở Đức; hàng ngàn người khác bị y ký lệnh đưa đi Buchenwald, Dachau và Auschwitz. Còn tên kia, tôi biết, là kẻ đã bắt cũng hàng b ấ y nhiều ngàn người, phần lớn người Do Thái, vào các trại tập trung ở Hungary và Tiệp Khắc. Ấy là chưa kể đến cái gọi là *Liên đoàn các chiến h ữu, Kameradschaftsbund*, đám người bao

giờ cũng ngang nhiên điểu hành tại các đám tang; dưới mắt tôi, nó hoàn toàn là một tổ chức Quốc xã, bởi linh hồn của nó nhuốm tính thần Quốc xã từ đầu đến chân, và các thành viên của nó, bất kỳ đi đâu hay đứng ở đâu, hiện giờ đều ngang không chút ngưng ngừng đeo các tấm huân huy chương Quốc xã trước ngực một cách trơ tráo - và hôm nay, trong đám tang này, họ cũng sẽ trưng chúng ra một cách trơ trẽn, vô liêm sỉ cho mà xem. Thật vậy, tôi ghê sợ hai tên Gauleiter và chưa biết tôi sẽ phải đối mặt với chúng ra sao - những kẻ gọi là bạn hữu của bố tôi, bạn học, *bạn vàng*, như bố tôi vẫn thường nói, những kẻ mà về sau, thời hậu chiến, ông vẫn giữ quan hệ thân thiết, mặc dù ông vẫn biết đấy rất là một bọn mật thám và đ ô t ế c ả mà thôi. Tuy biết đó là hạng người nào nhưng bố tôi vẫn che giấu, chu cấp thức ăn thức uống cho chúng, giúp chúng tất t ậ t những gì chúng cần - nói như bố tôi vẫn nói - để qua cơn hoạn nạn. Nghe bảo, ông đã giấu chúng trong ngôi biệt thự trẻ thơ hàng năm trời mà tui trẻ con chúng tôi không hề hay biết. Sau này tôi nhớ lại, chúng tôi không rõ vì sao nhiều năm liền không được phép vào ngôi biệt thự ấy nữa, cho đến mãi sau này, bí mật ấy mới lòi ra; hóa ra, vào những năm sau chiến tranh, bố mẹ tôi dùng ngôi biệt thự trẻ thơ làm nơi ẩn náu cho đám bạn bè Quốc xã của ông bà. Họ cố tình giữ làm sao để từ ngoài nhìn vào, ngôi biệt thự trông đổ nát và điêu tàn, như thể hoàn toàn bị bỏ hoang vậy, nhưng ở bên trong ngôi biệt thự, bọn thám báo và giết người cũng như bọn công thần thời Quốc xã mang *huân chương huyết thống*, *Blutorden*, đang bị truy nã ung dung sống khá đàng hoàng thán g này qua năm khác, bởi bố mẹ tôi chẳng khi nào phải chịu cảnh thiếu thốn về lương thực thực phẩm cả, thậm chí suốt cả những năm chiến tranh và thời kỳ sau đó, bao giờ trong nhà chúng tôi cũng chất thừa mứa mọi thứ, trong khi *đám dân đen còn lại* - như mẹ tôi thường gọi - *chìm đắm trong đói khát, khốn cùng*. Ngôi biệt thự trẻ thơ chắc chắn là nơi ẩn náu của hai lão Gauleiter kia rồi, song, tôi ngờ rằng chẳng riêng hai lão ấy, mà hàng lô hàng lốc bọn sĩ quan ss khác, bạn bè cũ của bố mẹ tôi có lẽ cũng được hưởng sự giàu có dư dả đó của gia đình tôi. Dần dà rồi tôi cũng hiểu rõ hơn về giai đoạn này, một giai đoạn mà đối với tui trẻ mười ba, mười bốn tuổi như tôi có thể gọi là thời kỳ *kỳ quặc và đáng ngờ*. Gì thì gì, suốt một dạo, chúng tôi bị nghiêm cấm đặt chân vào ngôi biệt thự đó. Nhưng đến chừng tôi mười lăm tuổi gì đó, nó đã lại được mở ra, vì tôi vẫn

nhớ, vào quãng thời gian này, chúng tôi đã chơi đóng kịch ở đó rồi. Cho đến tận ngày nay, mặc dù tôi vẫn yêu thích ngôi biệt thự, nhưng - do những kẻ đã bôi bẩn và xúc phạm nó hôm xưa - tôi không dứt nổi cảm giác e ngại trước sự mờ ám, bí hiểm của nó. Tôi nghĩ bụng, có lẽ bố mẹ tôi đã che giấu và nuôi ăn đám bạn bè đồng chí hướng Quốc xã của ông bà không những chỉ trong ngôi biệt thự trẻ thơ, mà cả trong vô số các lán thợ săn do ông bà sở hữu, thậm chí cả trong khu lán ở Weieregg cũng nên, là nơi - tôi biết - hiểm trở khó ai lần đến được. Bố mẹ tôi bao giờ cũng im lặng giữ kín những việc mờ ám đó, mà nói cho cùng, có muốn cũng chẳng bao giờ moi được ở ông bà đi đâu gì về những chuyện này. Ông bà tuyệt nhiên không hé răng hở ra đi đâu gì, duy có việc ông bà thường xuyên thư từ qua lại với đám này cho đến lúc chết là để lộ ông bà từng quan hệ rất thân thiết với chúng ra sao. Trong những lúc ông bà ngồi cùng một bàn ăn tối với các sĩ quan Mỹ và nâng cốc sâm banh chúc thọ tướng Eisenhower ngay từ các tiệc rượu buổi sáng, thì cách đó vài trăm thước, trong ngôi biệt thự trẻ thơ kia, hai tên Gauleiter đang ngồi không kém thanh thoi bên nhau, và chắc hẳn, tôi nghĩ, có khi cũng không cần quá thận trọng để phải hạ giọng khi nâng cốc chúc nhau ngon miệng. Tôi tự nhủ, xưa nay Wolfsegg vốn vẫn là chốn đẽo bại, và bố mẹ tôi đã đẩy nó đến ngưỡng tột cùng của sự đẽo bại đó. Chắc hẳn bọn thợ săn là bọn được biết bí mật đáng tởm này của Wolfsegg, chứ chuyện này, tôi cần chắc vậy, họ chẳng bao giờ dám hé ra cho cánh thợ làm vườn biết. Vậy mà bây giờ tôi phải đón tiếp bọn người này, tôi thầm nghĩ, chẳng còn cách nào khác. Hiện nay bọn chúng sinh sống đàng hoàng và hoàn toàn bình yên vô sự, như thiên hạ vẫn nói với nhau, ở khắp mọi miền mọi nẻo đẹp nhất trên đất nước Áo, và hưởng những khoản tiền hưu trí kịch xù do Nhà nước cấp. Có đi đâu, xã hội ngày nay đáng phải chịu thế, tôi nghĩ bụng, nó đáng phải chịu sự thối tha đó, bởi chính nó cũng thối tha từ trong ra ngoài. Nói cho cùng, tôi tự nhủ, chính bọn người này, bọn Gauleiter, bọn sĩ quan SS, bọn công thần Quốc xã mang *huân chương huyết thống* ấy, là những con người của xã hội đó đẻ ra. Chính chúng là bọn mà *ngày nay*, vâng đúng là ngày nay, được những người gọi là đồng bào của tôi tôn thờ, tôn thờ hơn cả ngày xưa, chứ không phải chỉ như người ta vẫn thường bảo nhau - vẫn tôn thờ như đạo trước đây; chính bọn Quốc xã ấy là bọn hiện giờ được người ta ngưỡng mộ và thậm chí coi làm

lãnh tụ của mình. Hóa ra, tôi th ần nghĩ, bây giờ tôi phải bắt tay chính bọn lãnh tụ ng ần này của đ ồng bào tôi. Tôi sẽ không thể ngăn cấm bọn lãnh tụ bí mật này của đ ồng bào tôi leo lên đứng hàng đ ầu khi đoàn đưa ma cất bước. Chỉ mới nghĩ đến viễn cảnh đáng hổ thẹn thật sự *kinh tởm* đang chờ đón mình thôi, ngay bây giờ, tôi đã phát bu ồm nôn. Với nét mặt không giấu nổi hả hê, bọn em gái tôi cất tiếng kể tên những ai sẽ đến dự đám tang, và tất nhiên, ngay đ ầu tiên là tên hai lão cự Gauleiter, cũng như đám cự sĩ quan SS cùng bọn công th ần Blutorden hôm xưa. Song, người phải vượt qua những trò này, tôi th ần đe chính mình. Bọn Gauleiter cùng đám sĩ quan ss và công th ần Blutorden ấy, như tôi biết, lui tới, ăn đ ằm ở đ ề tại Wolfsegg không phải d ăm ngày hay vài ba tu ần, mà hàng chục năm trời, khiến chú Georg tôi lúc nào v ề nhà, nơi chôn rau cắt rốn, cũng cảm thấy kinh hãi. Cả tôi cũng vậy, cứ nghe nói bọn người kia đến chơi là tôi lại buộc lòng phải cuốn gói ra đi. Sánh cùng Thiên chúa giáo, chủ nghĩa Quốc xã là căn bệnh hiểm nghèo nhất của nước Áo, cũng giống như chủ nghĩa phát xít, sánh cùng Thiên chúa giáo, là căn bệnh kinh khủng nhất ở Ý. Thế nhưng ở Ý mọi sự đ ều khác. Cho đến giờ, dân Ý không để chủ nghĩa phát xít lẫn Thiên chúa giáo ăn tươi nuốt sống mình, còn ở Áo thì ngược lại, dân Áo đã bị hai căn bệnh hiểm độc kia nuốt chửng. Đằng sau các vị Giám mục, trong số đó, có hai vị Tổng Giám mục - mà Spadolini là Tổng Giám mục *chính* - sẽ là hai cự Gauleiter cùng các cự sĩ quan SS và đám mang huân chương huyết thống bước theo, với những bước đi đ ều đặn. Tiếp theo sau, tôi nghĩ, sẽ là đám dân chúng Quốc xã của chúng tôi. Và dàn nhạc Quốc xã Thiên chúa giáo sẽ chơi nhạc đ ệm. Rồi các loạt đạn Quốc xã khắc được bắn lên liễn biệt, chen vào sẽ là tiếng đ ệm của chuông Nhà thờ Thiên chúa giáo. Và, nếu chúng tôi gặp may, tôi nghĩ bụng, thì mặt trời Quốc xã Thiên chúa giáo của chúng tôi sẽ chói chang suốt buổi đưa tang hoặc, nếu không may, trời sẽ đổ cơn mưa Quốc xã Thiên chúa giáo. Cả bọn em gái lẫn ông anh Johannes tôi, dù đã đến tuổi thiếu niên cả rồi, đ ều không hay biết gì v ề mặt mờ ám đó của Wolfsegg. Chính sự đ ần độn của bọn em gái tôi càng giúp bố mẹ tôi dễ dàng che đậy mọi sự. Đến khi chúng tôi mười lăm, mười sáu tuổi gì đó và bỗng dưng lại được phép bước chân vào ngôi biệt thự trẻ thơ, thì tất nhiên, chúng tôi đ ều tò mò và gặng hỏi, vì sao lâu nay chúng tôi không được vào đây, vắng, tại sao chúng tôi không những bị

*cắm bước vào*, mà thậm chí còn bị *cắm bước đến gần* nữa kia. Bố mẹ tôi, hai cựu đảng viên, không đáp. Song, tất nhiên, ông bà cũng không giữ kín được bí mật ấy mãi. Đến một hôm, cây kim trong bọc cũng lộ ra. Chẳng là, một trong hai lão Gauleiter hôm đó đến Wolfsegg chơi, và ngay từ dưới tiêng sảnh, đã mở mồm bô bô tán dương - ngay trước mặt tôi - về những năm tháng lão lẩn lút trong ngôi biệt thự trẻ thơ, *những năm tháng* mà lão bảo là *tuyệt vời nhất trong cuộc đời* lão. Tôi đứng gần ngay cạnh và nghe được, rằng lão cùng mấy công thần Blutorden và bạn bè đồng đội khác từng ở trong ngôi biệt thự trẻ thơ bốn năm liền. Chao ôi, họ đã ăn ngon lành phè phỡn *ra sao*, đã uống say sưa thả cửa *như thế nào*. Tôi cũng được chứng kiến cảnh lão bày tỏ lòng biết ơn vô tận với mẹ tôi, và không chịu yên, khi thấy mẹ tôi - do sự có mặt của tôi ở đó - cứ một mực gạt đi, không muốn nghe lão nhắc tới những chuyện đó. Lão Gauleiter lại càng hăng, lớn tiếng hùng hồn bày tỏ cho bằng được lòng biết ơn của hắn. Lão xuýt xoa gọi nhớ không khí trong lành ở Wolfsegg, lão tấm tắc khen ngợi cả trứng gà lẫn sữa tươi vắt từ đàn bò ở ngay Wolfsegg mà ngày ngày mẹ tôi vẫn tự tay mang sang ngôi biệt thự trẻ thơ cho lão và đồng đội. Chen vào những lời cảm tạ không ngớt, chốc chốc lão Gauleiter lại dừng, cất tiếng cười *oang oang cả gian tiêng sảnh*. Hiện giờ lão sống ở Altaussee và hưởng lương hưu hàng tháng do Nhà nước trả; khoản lương hưu này, cũng giống như mọi khoản lương hưu khác của nhà nước Áo, cứ nửa năm một lần lại tự động tăng lên bốn hay năm phần trăm gì đó, và được Nhà nước - như thiên hạ đồn đại - ngang nhiên chi trả cho lão từ đúng ba mươi năm trước, sau khi - cũng theo lời thiên hạ đồn đại - giấu nhẹm các tội ác dã man của lão và thân nhiên hủy bỏ các vụ kiện cáo chống lại hắn. Và tôi chợt nhớ đến ông thợ mỏ Schermaier ở Kropfing, ngôi làng nằm phía dưới Wolfsegg, một người mà mỗi khi muốn thoát khỏi bầu không khí tuyệt vọng ở Wolfsegg tôi vẫn tìm đến trò chuyện. Đến tận giờ, tôi vẫn thân thiết với con người này hơn với bất cứ ai khác ở quanh Wolfsegg, bao giờ về Wolfsegg, tôi cũng lại đến thăm ông. Ngoài nghề thợ mỏ, ông Schermaier còn cùng với vợ làm chủ một điêng trang nhỏ, với ba con bò sữa. Đạo mấy năm đầu chiến tranh, ông bị tay hàng xóm tố giác, vì tội *nghe đài Thụy Sĩ*. Vâng, tay hàng xóm, vốn cũng là bạn thân từ thời đi học của ông, đã tố ông ra tòa nên ông bị bắt, trước hết bị nhốt vào trại giam ở Garsten, rồi sau đó,



bị tống vào chi nhánh đặt tại Hà Lan của một trại tập trung do quân Đức dựng lên. Như thế, chính tay hàng xóm, và cũng là bạn học thân nhất của ông hôm xưa ấy, đã đuổi ông ra khỏi nhà và đẩy ông suốt hai năm trời vào một trong những nhà tù và trại tập trung giết người, mà chính những tên Gauleiter này, những tên Gauleiter ngày mai sẽ đến đây dự lễ tang, từng gây nợ máu. Ông Schermaier bị tố cáo ra tòa, rồi bị tống vào trại cải tạo, vào trại giam, vào trại tập trung, thế nên, tôi nghĩ, cuộc đời ông không ít thì nhiều chắc hẳn bị hủy hoại. Sau này, chẳng ma nào xem xét lại vụ án này, ông cũng không nhận được chút bồi thường nhỏ nhoi nào cho những năm tháng lao tù thảm khốc ông phải chịu đựng. Chiến tranh kết thúc, kẻ từng tố giác ông, từng gián tiếp đẩy ông vào cảnh lao tù và trại tập trung đó, quỳ gối cầu xin ông tha tội, xin ông đừng trả thù. Ông Schermaier không trả thù, không hé răng nói nửa lời, với bất cứ ai, về những năm tháng đó, riêng có bà vợ, thỉnh thoảng, những khi tôi có dịp ghé thăm và cùng ăn với họ bữa ăn đạm bạc, vẫn ngậm ngùi nước mắt, bởi cho đến tận ngày nay, bà vẫn không thể quên nỗi đau đạo ấy. Ông Schermaier không được bồi thường xứng đáng; có chăng, ông chỉ được Nhà nước - bằng một cách đáng tởm lợm - bố thí cho mỗi một khoản tiền ít ỏi đến lỗ bịch, gọi là để đền bù nỗi đau khổ mà bọn hung thần Quốc xã gây ra cho ông; vậy mà, trong khi đó, tôi nghĩ bụng, tên phạm tội giết người hàng loạt hiện giờ đang sống ở Altaussee kia, lại được chính Nhà nước ấy hàng tháng chuyển vào ngân khoản một khoản lương hưu khổng lồ, đủ bảo đảm cho hẳn cuộc sống xa hoa nhàn hạ. Nhà nước đã hạ nhục ông Schermaier và sẽ chẳng bao giờ ngừng làm nhục ông ấy, tôi thầm nghĩ, còn tên phạm tội giết người hàng loạt đang sống ở Altaussee lại được cũng chính Nhà nước ấy, chẳng bao lâu sau khi chiến tranh kết thúc, khôi phục mọi quyền gọi là quyền công dân, và qua đó, thừa nhận các hành vi lấn chính kiến của hắn. Tôi căm thù Nhà nước này, tôi tự nhủ, tôi không thể làm gì khác hơn là căm ghét cái Nhà nước này và không muốn phải dính dáng, hay ít nhất, cũng chỉ dính dáng ở mức đủ cần thiết mà thôi. Nhà nước này đã không biết bao nhiêu lần phơi bày sự bạc nhược tuyệt đối của nó, đến mức không thể thừa nhận nó được nữa, dù cho nó ngày này qua ngày khác, ở mọi nơi mọi chỗ và trong mọi cơ hội để ra rả tự xưng mình xã hội chủ nghĩa, tiến bộ, hay dân chủ cũng vậy. Nhà nước này thật đáng kinh tởm, thật bạc nhược và trơ

trên, tôi nghĩ bụng, một Nhà nước không bao giờ biết hổ thẹn về sự gớm ghê, sự bạc nhược và trâng tráo của chính mình, mà thậm chí còn dám ngang nhiên vênh váo khoe khoang phơi bày bộ mặt gớm ghê ấy ra mọi nơi mọi lúc. Đó là thứ Nhà nước gì mới được, tôi tự hỏi, khi nó tháng tháng gửi một mớ bộn tiền hưu trí về nhà cho kẻ từng phạm tội giết người hàng loạt, gắn lên ngực hắn, trao vào tay hắn hàng đồng huy hiệu danh dự hay bằng khen các loại, nhưng không màng gì đến ông Schermaier? Đó là thứ Nhà nước gì mới được, khi nó cho phép kẻ phạm tội giết người hàng loạt tiếp tục sống trong xa hoa, còn ông Schermaier thì nó bỏ quên? Lúc nào rảnh, mình phải đến thăm ông Schermaier mới được, tôi tự nhủ, rồi bước ra ngoài. Ban nhạc vẫn tiếp tục tập bản nhạc của Haydn; thợ làm vườn đang kéo chiếc xe tâng Wolfsegg từ nhà quản sự sang khu nhà kính. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang đứng ngáng giữa đường, họ xua gã ra chỗ khác, gã ngoan ngoãn tránh sang một bên. Bọn em gái tôi đều đang ở trong nhà kính. Tôi lưỡng lự, không biết nên hay không nên vào đó. Ông Schermaier không phải người theo đạo Thiên chúa giáo, cũng không theo Quốc xã, tôi nghĩ bụng. Người như Schermaier không nhiều, nhưng vẫn có. Cũng không nhiều những người đàn bà như bà Schermaier, nhưng vẫn có. Nếu cố tìm, cũng khó thấy họ ở đâu, nhưng vẫn có họ trên đời. Cuối cùng tôi cũng đành bước vào nhà kính. Hai đứa em gái tôi đang đứng trước mấy cỗ quan tài và loay hoay chỉnh các ruy băng của vòng hoa cốt sao cho những dòng chữ in trên đó lộ hẳn ra cho dễ đọc. Hai lão Gauleiter đã kịp gửi vòng hoa đến viếng tự bao giờ. Giá mà được, hẳn bây giờ tôi đã mở nắp áo quan mẹ tôi đang nằm ra; nhưng *tất nhiên* tôi không được mở. Tuy nhiên, trong đầu tôi cứ lờn vờn ý nghĩ tôi muốn ngó vào bên trong áo quan mẹ tôi đang nằm. Tôi chợt nghĩ, cái từ *đang nằm* nghe thật quái đản. Khuôn mặt bố tôi trông móp xẹp và xám xịt, bắt đầu lốm đốm các vết màu vàng mà lúc này tôi chưa thấy lộ ra. Johannes thì không thể nhận ra nữa, khuôn mặt hoàn toàn lạ lẫm, quái dị. Thợ làm vườn đã đem vài tảng băng khá lớn lót xuống phía dưới những tấm khăn liệm màu đen, cốt hãm quá trình thối rữa lại; nhưng chỉ nhìn thoáng qua cũng thấy, băng đá cũng chẳng hãm được bao nhiêu. Mùa này, xác người chết càng khó giữ được lâu. Băng đá hẳn họ mua ở xưởng bia Grieskürchen về. Mấy cỗ áo quan chắc phải loại đất tiền đây, loại đất nhất cũng nên, tôi nghĩ bụng. Nhưng được cái, không

trang trí lờ lợt gì. Gỗ mộc, thế thôi. Cả tay bố tôi lẫn tay Johannes họ chấp lại trước ngực, cũng là theo tục lệ thôi, tôi tự nhủ, nhưng tôi khó chịu thấy tay hai người chấp lại như thế. Họ mặc cho bố tôi bộ y phục vùng Steyr, bộ có nẹp dài dọc ống quần và gấn khuy to bằng sừng hươu ở ve áo, còn ông anh tôi - bộ quần áo thợ săn anh ấy vẫn thích, từng mua ở Brussel. Tôi bước đến gần các cỗ quan tài hơn nữa, hai em gái tôi tránh sang một bên nhường chỗ. Cái vẻ tự tin của tôi khi đứng trước các cỗ quan tài chắc khiến chúng nó khó chịu lắm, hay ít nhất cũng làm chúng nó bối rối; tự tôi, tôi cũng không cảm thấy chút xúc động nào trong lòng. Tôi cứ tưởng tôi sẽ run lên, nhưng mọi chỗ trên người tôi đều như bất động. Tôi lặng lẽ ngắm hai xác chết như thể họ chẳng dính dáng gì đến tôi, hoàn toàn xa lạ với tôi. Họ chẳng còn diện mạo gì nữa cả, vâng, đến vẻ mặt họ cũng chẳng còn nữa. Họ đang thối rữa rất nhanh, tôi tự nhủ. Phải sớm đem chôn thôi, nếu không bầu không khí ở đây sẽ ô nhiễm hết cả; trong nhà kính đã ngập ngụa mùi thân xác họ, mùi thối thối ngòn ngọt đến khiếp đảm, cái mùi mà ngay từ hồi còn nhỏ, mỗi khi phải theo mẹ đến những nơi chôn người chết, tôi đã không sao chịu nổi ấy. Vâng, từ hồi còn nhỏ, tôi đã không chịu nổi xác người chết, nhưng mẹ tôi bao giờ cũng bắt ép tôi phải chứng kiến, bắt tôi theo bà dự các lễ mai táng hay nghi lễ khâm liệm, chứ anh Johannes, bà không bắt đi bao giờ. Tôi không rõ tại sao, cứ nhất thiết phải tôi mới được, chứ anh Johannes thì không. Chẳng bao lâu, xác người chết đâm ra chẳng gì đáng lạ đối với tôi, thế nhưng ngắm nghía xác người chết bao giờ cũng là do mẹ tôi bắt buộc, chứ tự nguyện, thì tất nhiên, không khi nào tôi muốn. Hai đứa em gái đứng ngay sau lưng tôi, tôi có thể nghe thấy chúng nó thở ra sao, nhưng tôi không biết, chúng nó đang nghĩ gì. Hẳn chúng nó đang nghĩ tôi là đờ máu lạnh, kẻ vô cảm, như chúng nó vẫn luôn nghĩ về tôi; chúng nó chẳng vẫn gọi tôi là *kẻ lạnh lùng, vô cảm* đấy thôi. Tôi không phán quyết được, liệu chúng nó gọi tôi như thế là đúng hay sai. Song, đứng bên các cỗ quan tài, tôi không hề lạnh lùng, cũng không hề vô cảm, mà ngược lại, tuy tôi đứng trơ đuổn và toàn thân bất động, tôi vẫn phải thú thật, lòng tôi *rối bời*, nếu từ này không quá xỏ xiên. Đứng bên thi hài bố mẹ tôi, tôi tự nhủ, chưa bao giờ tôi cầu mong bố mẹ tôi phải chết. Trong đầu tôi chưa từng bao giờ có ý nghĩ, ông bà phải chết; vâng, bây giờ đứng trước họ, tôi thậm chí nói với mình, đúng, tôi đã chửi rủa, đã xỉ vả ông bà, tôi

khinh bỉ ông bà, không phải coi thường, mà khinh bỉ hẳn hoi và tôi hoàn toàn có cớ, hay như người ta nói - có cả lý cả tình - để khinh rẻ ông bà, nhưng tôi không bao giờ mong ông bà chết đi. Cái chết của ông bà thật kinh khủng. Còn anh Johannes, anh ấy mất đi là tôi cũng mất đi người bạn thời thơ ấu, song thời ấy đã lùi quá xa vào quá khứ, những hơn ba chục năm, tôi nghĩ bụng, nên tôi chẳng thấy có cớ gì để khóc thương gã Johannes đã qua đời này. Lẽ ra, âu cũng vì các em gái tôi đứng sau lưng, và đang thầm mong đợi tôi sẽ khóc, sẽ ngậm ngùi, sẽ rơi lệ - như người ta vẫn nói - có thể tôi cũng nên nhỏ đôi giọt nước mắt thật, nhưng không, tôi không khóc, không sụt sùi rơi lệ, tôi cứ đứng đực ra đó, trơ trơ, bất động. Rồi tôi bước đến bên quan tài mẹ tôi và - không rõ vì sao, đột nhiên tôi lại có ý định như thế - loay hoay định mở nắp quan tài ra. Nhưng mở không được, nắp quan tài đã bắt vít chặt mất rồi. Lúc tôi thôi, không định mở nắp quan tài nữa, và bước lùi lại, tôi linh cảm thấy ngay, việc tôi vừa định làm đã khiến hai đứa em gái tôi ngượng ngùng, bối rối; tôi quay phắt người về phía chúng, làm hai đứa bất ngờ, và nhờ đó, tôi vẫn kịp thấy những nét cay đắng, pha lẫn kinh hãi, chưa kịp tan trên gương mặt hai đứa. Đến lúc này, tôi không thể đứng lâu hơn bên các cỗ quan tài được nữa, tôi bèn quay người, đi ra khỏi khu nhà kính. Tôi hỏi một anh thợ làm vườn, tại sao nắp quan tài mẹ tôi lại bắt vít chặt như thế. Anh ta trả lời, cỗ quan tài đã được bắt vít chặt như thế ngay từ khi nhà đòn đám ma đưa linh cữu về Wolfsegg. Hai cỗ kia không bắt vít, chỉ quan tài mẹ tôi thôi. Vâng, phải rồi, tôi bảo anh thợ làm vườn, tất nhiên rồi. Người ta cho xác người bị chặt khúc, thi thể bị đứt đầu vào áo quan rồi bắt vít thật chặt ngay, tôi nghĩ bụng. Để không ai nhìn thấy thân thể bị chặt đứt thành khúc ấy nữa. Thế mà, tôi tự nhủ, tôi lại có ý muốn đó. Và tất nhiên, mình sẽ không bắt mở quan tài ra nữa, tôi nghĩ bụng. Trong giây lát, tôi đã nảy ra ý định bảo người ta mở áo quan ra lần nữa; thậm chí tôi đã cân nhắc nên sai bảo người ta như thế nào, nhưng rồi tôi lại tự cấm mình, thôi, đừng có mà nuôi ý định ấy nữa; sai người mở quan tài ra để nhìn thân xác mẹ bị chặt thành khúc, quả thật, sẽ là một việc quái gở kinh khủng, nhưng tôi không sao xua được ý nghĩ đó đi, ý nghĩ bảo cánh thợ làm vườn mở áo quan ra, tôi nghĩ bụng, mở làm sao để tụi em gái tôi không nhìn thấy. Tôi không sao dứt khỏi được ý nghĩ phải cho người mở nắp quan tài mẹ tôi ra và với ý nghĩ đó trong đầu, tôi cứ thế

đi tới đi lui trước nhà kính, trong lúc tụi em gái tôi vẫn còn lưu lại trong đó. Tôi phải từ bỏ bằng được ý định của mình và tìm mọi cách tự kéo mình ra khỏi ý nghĩ ấy, chẳng hạn, bằng cách vẫy một anh thợ làm vườn đến gần để hỏi xem, mấy tảng băng đặt dưới các xác chết có đủ dùng đến sáng mai không. Thông thường, các đám tang đều cử hành lúc mười một giờ, nhưng đám tang ngày mai sẽ cử hành lúc mười giờ; cứ người nhà, thì bao giờ đám tang cũng cử hành lúc mười giờ. Anh thợ làm vườn đáp, băng lạnh vẫn còn đủ cho cả bốn ngày nữa. Anh ta ngạc nhiên thấy tôi gọi đúng tên anh ấy. Mọi người đều tưởng, cứ đi xa vài năm là ta quên mất tên họ là gì. Riêng tôi lại có tài nhớ tên người rất giỏi, cho nên tôi nhớ tên anh ta, cả tên những người khác, tôi đều nhớ. Tôi định nói chuyện một lúc với anh thợ làm vườn để quên ý nghĩ kinh khủng muốn cho người mở nắp quan tài mẹ tôi ra; nhưng không được, bởi vài ba câu ngắn ngủi qua lại như thế chưa đủ. Tôi bèn gọi chuyện với anh thợ làm vườn - lúc đó đang bận dọn rác trên khoảnh đất rải sỏi trước khu nhà kính - tôi hỏi, chắc anh vẫn còn nhớ thời anh với tôi cùng đi học với nhau. Anh ta đáp, vâng, nhớ ạ. Tôi lại kể thêm tên vài người bạn học, anh ta cũng nhớ thêm một số người khác. Tôi nhắc anh một số kỷ niệm dễ chịu, thậm chí buồn cười thời đi học, khiến anh bật cười, song, trong giây lát, lại tắt ngay tiếng cười khi nhìn thấy hai đứa em gái tôi - do không ngờ tôi đang đứng ngoài nhà kính tán chuyện với anh thợ làm vườn - xăm xăm bước ra. Mặc kệ hai đứa em gái đứng bên, tôi vẫn tiếp tục kể chuyện này chuyện nọ của thời đi học với anh thợ làm vườn, trong bụng chỉ cốt làm sao quên ý định cho người mở quan tài mẹ ra. Nhưng càng cố quên đi, tôi lại càng bị chính ý nghĩ đó ám ảnh; tôi viện cớ, thì cũng phải kiểm tra xem thật sự ai nằm trong quan tài chứ, xem có phải chúng tôi thật sự chôn cất mẹ, tức mẹ nguyên vẹn không, hay chỉ vài khúc của thi thể bà. Miệng hỏi anh thợ làm vườn, một tảng băng như thế nặng bao nhiêu, nhưng đầu óc tôi lại không dứt hẳn khỏi ý nghĩ, biết đâu trong quan tài mà tôi tưởng nguyên vẹn mẹ tôi đang nằm kia, sự thực, lại không phải nguyên vẹn thi thể mẹ tôi, nhưng nào tôi có dám nói ý nghĩ ấy ra thành lời với ai, ngay cả với chính mình còn không dám nữa là. Hai đứa em gái tôi đứng tách ra một bên, không tham dự vào câu chuyện của tôi với anh thợ làm vườn. Đúng ra, chúng nó chẳng bao giờ chuyện trò với thợ làm vườn về những chuyện riêng tư, chẳng bao giờ quan tâm, hỏi han

xem họ sinh sống thế nào, và tất nhiên, chúng chẳng bao giờ nhớ tên ai trong số họ, tôi nghĩ bụng, cũng như không nhớ tên bất cứ người làm thuê nào khác ở Wolfsegg. Có lẽ, chúng nó cũng không khi nào nghĩ đến chuyện bàn bạc với thợ làm vườn những việc không dính gì đến công việc của họ. Riêng một cố ấy thôi, đã làm tôi càng muốn kéo dài câu chuyện với anh thợ; tôi hỏi anh ta - cốt để hai đứa chúng nó nghe thấy, nhưng ngoài mặt vẫn làm ra vẻ phớt lờ chúng nó - *bố anh* mất khi nào - chả là, dạo xưa, lúc tôi mới năm, sáu tuổi gì đấy, bác ấy từng đẽo cho tôi cái còi bằng gỗ hazel. Hai năm rồi ọ, anh ta đáp. Thật ra, nào tôi có quan tâm đến việc bố anh mất lúc nào đâu, tôi chỉ hỏi thế để không nghĩ đến ý định quái gở của tôi về cỗ quan tài mẹ tôi nữa mà thôi, đồng thời, cũng là để tránh xa và trừng phạt hai đứa em, mặc dù ngay lúc ấy, tôi cũng chẳng biết tôi định phạt chúng nó vì tội gì. Suốt từ nãy đến giờ, tôi cứ luôn mồm nói chuyện với anh thợ làm vườn mà trong đầu không sao dứt khỏi được ý nghĩ phải cho mở cỗ quan tài mẹ tôi ra. Rồi vẫn làm ra vẻ lờ hai đứa em gái và cố tình kéo anh thợ làm vườn sâu mãi vào câu chuyện, nhưng cũng cốt để hai em tôi phải nghe thấy, tôi bảo anh ta, kể cũng lạ, trong đi đâu kiện làm việc như ở Wolfsegg mà anh vẫn trụ lại nhiều năm như thế. Đi đâu kiện làm việc ở Wolfsegg từ xưa đến giờ vẫn khó khăn, tôi chỉ nói có vậy, không thêm gì hơn; nhưng thực ra, tôi cũng chẳng cần nói thêm, bởi vì riêng giọng tôi dùng lúc ấy, lúc tôi bảo các đi đâu kiện làm việc ở Wolfsegg luôn luôn khó khăn, đã đủ nói hết những gì tôi muốn nói rồi. Anh thợ làm vườn cũng hiểu ý tôi ngay, bởi nói như thế, tôi muốn ám chỉ các ông bà chủ ở đây, từ hàng chục năm nay, vâng, thậm chí hàng trăm năm nay, bao giờ cũng gây khó dễ cho họ. Vậy mà, tôi nói, gia đình tôi, vâng, tất cả chúng tôi, ai chả được hưởng lợi khi có những người làm công tốt như anh. Tôi biết thừa, hai con em tôi đồng tai nghe. Chúng nó cố tình đứng sao cho không phải nhìn sang phía chúng tôi, nghĩa là quay lưng lại. Caecilia di di mũi giày xuống đất, như thể định viết chữ gì đó lên luống đất, theo thói quen của nó từ hồi còn bé. Nó nói gì đó với Amalia tôi nghe không ra, nhưng sự thực chúng nó chỉ làm bộ thế thôi, chứ cả hai đều đang cố đồng tai lên nghe xem tôi nói gì với anh thợ làm vườn. Rốt cuộc, ba anh em chúng tôi suốt từ nãy đến giờ chỉ độc làm bộ làm tịch, mượn cố này lấy cố khác để rình nhau, nghe trộm nhau mà thôi. Và tôi chợt nghĩ, cũng như tôi, nói cho cùng, tôi lợi dụng anh thợ làm

vườn để quên cái ý nghĩ khủng khiếp đòi mở quan tài thế nào, thì hai đứa chúng nó cũng lợi dụng lẫn nhau để rình tôi như thế. Tôi chia tay anh thợ làm vườn rồi quay đến nhập bọn với hai đứa, trong bụng thầm mong chúng nó sẽ giúp tôi gạt bỏ được ý nghĩ khủng khiếp kia ra khỏi đầu óc, giúp tôi bóp nghẹt ý muốn không thể chấp nhận được ấy của mình. Tôi nghĩ bụng, may ra thói mau miệng, liền thoảng lăm lờ của chúng nó - có lẽ do nỗi bất hạnh kinh khủng này gây ra - sẽ giúp mình quên ý nghĩ đó đi. Tôi rủ hai đứa sang ngôi biệt thự trẻ thơ một lát. Tự tôi, tôi cũng không rõ, do đâu tôi lại rủ chúng nó như thế. Ba anh em cùng đi sang ngôi biệt thự. Trên đường đi, tôi chợt nghĩ, ông Schermaier chẳng bao giờ nhắc đến chuyện ông ấy bị cầm tù hết trại giam này, đến nhà tù khác và trại tập trung ở Hà Lan cả. Và, nếu ông ấy đã không nói gì, tôi nghĩ, thì khi nào viết quyển *Diệt vong* mà tôi vẫn dự định viết từ lâu, tôi sẽ viết về ông Schermaier, về nỗi bất công ông ấy từng phải chịu, về các tội ác người ta gây ra cho ông. Mỗi khi phải nhớ lại cái thời cay đắng và bất hạnh ấy, bà vợ ông Schermaier vẫn thường rưng rưng nước mắt, nhưng bà chẳng bao giờ nói ra vì có gì mà bà ngậm ngùi. Bởi vậy, đó sẽ là bổn phận của tôi, phải nhắc đến họ trong quyển *Diệt vong*, phải hướng dư luận chú ý đến họ - dù gì hai người cũng đại diện cho biết bao nhiêu người khác, những người đôi khi chỉ dám lặng lẽ khóc thầm, chứ không bao giờ nhắc đến các nỗi đau khổ của họ dưới thời phát xít - tôi phải viết về gia đình Schermaier, nạn nhân của các tư tưởng và hành vi Quốc xã, của các tội ác do chủ nghĩa Quốc xã gây ra, những tội ác hiện giờ người ta cố tình im đi, không nhắc đến, sau hàng chục năm che đậy, bùng bít hết sức dã dượi. Tôi sẽ không viết gì khác về ông Schermaier, ngoài sự thật hiển nhiên rằng cái xã hội Quốc xã này có thể ngang nhiên phá hoại, nếu không phải là xé nát đời ông, mà không ngại bị trừng phạt. Trên đường đến ngôi biệt thự trẻ thơ, tôi tự hứa với mình, trong cuốn *Diệt vong*, nếu không trả lại được cho ông những quyền lợi vốn bị xã hội này tước đoạt, thì ít nhất, theo cách của tôi, tôi sẽ phải hướng dư luận chú ý đến ông. Tôi nghĩ bụng, *Diệt vong* sẽ cho tôi cơ hội tuyệt vời làm việc đó, nếu quả thực, đến lúc nào đó, tôi đủ sức đưa nó lên mặt giấy. Mãi nghĩ đến ông Schermaier, quả nhiên, tôi quên ý muốn khủng khiếp đòi mở quan tài mẹ tôi ra. Đến bên biệt thự, lúc các em tôi loay hoay mở khóa, tôi bảo chúng nó, đầu óc tôi này giờ chỉ mãi nghĩ

đến ông bà Schermaier, hai người chúng nó cũng rất biết; tôi chẳng ngần ngại bảo đây là những người tốt nhất tôi biết trên đời này và chính họ lại là những người bị *bóng ma* kinh khủng của chủ nghĩa Quốc xã hãm hại. Lúc Caecilia vừa mở cửa, tôi bảo, chính thằng bạn học thân nhất tổ giác ông ấy, đê hèn phản bội ông ấy, đẩy ông ấy vào cảnh lao tù và trại tập trung. Đầu óc tôi không sao dứt khỏi chuyện này. Ở Rome, tôi vẫn hay nằm chong mắt trên giường và không ngớt nghĩ ngại về chuyện dân tộc mình đã hàng ngàn lần, thậm chí hàng trăm ngàn lần, gây tội ác như thế, nhưng bao giờ cũng nín lặng về các tội ác đó. Nhưng, sự nín lặng của dân mình về ngàn lần, trăm ngàn lần gây tội đó, tôi bảo các em tôi, lại chính là tội ác lớn nhất. Chính sự câm lặng của dân tộc này, tôi nói, mới là cái nham hiểm nhất. Chính sự câm lặng này mới là điếu kinh khủng, tôi bảo vậy, còn kinh khủng hơn chính tội ác kia nhiều. Và chỉ cần nghĩ đến việc tôi phải đón tiếp bọn sát nhân ấy thôi! Tôi rên lên. Tôi sẽ không bắt tay chúng đâu, tôi gằn giọng. Tôi không ngăn chúng đến dự đám tang được, tôi nói, nhưng tôi sẽ không chìa tay cho chúng. Bởi làm như thế, tôi cũng sẽ phạm tội! Bố mẹ mình đã che giấu chúng ở đây, chính trong ngôi biệt thự trẻ thơ này, ngôi biệt thự ưa thích nhất của chúng mình thời con trẻ, đã chu cấp cho chúng sống trong xa hoa, trong khi xung quanh mọi thứ cực kỳ khan hiếm. Ông bà chẳng bao giờ lấy đó làm điếu hổ thẹn, không, ngược lại, ông bà còn tự hào về cái trò đê hèn đó là đằng khác. Bọn em tôi đứng lặng im, không nói một lời. Bố mẹ mình cũng phạm tội đấy, khi ông bà chứa chấp, che giấu bọn người độc ác này, tôi nói tiếp, cái bọn đáng lẽ phải đưa ra kết tội trước tòa. Và nhẽ ra phải bị tử hình mới đáng! Không biết những con người như ông Schermaier sẽ nghĩ gì, khi phải chứng kiến cảnh bọn sát nhân đó được đối đãi ra sao, khi thấy bọn hàng ngàn lần phạm tội sát nhân ấy chẳng những được tự do chạy đi chạy lại, mà còn được sống trong xa hoa, trong khi chính các nạn nhân như họ lại bị bỏ rơi trong quên lãng, lại bị bỏ mặc trong cảnh đói nghèo. Nhà nước này cũng y hệt như gia đình ta vậy, được sinh ra cốt để dung túng các tội ác của bọn Quốc xã, mà Nhà thờ Thiên chúa giáo, tôi bĩ thêm, cũng chẳng tốt đẹp hơn. Nó chỉ hành động làm sao có lợi cho nó là được, nó câm lặng, khi cần cất tiếng phản kháng, tôi nói, khi tình hình trở nên gay cấn thì chui rúc, nấp trốn ra sau lưng Chúa Jesus, lợi dụng Ngài, như từ cả ngàn năm nay vẫn từng lợi dụng. Tôi cảm thấy



ghê tởm bọn người đó, bọn sẽ cúi đầu đi sau linh cữu, chẳng những đã được hoàn toàn xóa tội, mà ngược lại, còn được xã hội kính trọng. Tôi - tôi gần giọng - tôi sẽ tránh tất cả bọn người xưa nay tôi vẫn căm ghét đó, theo cách của tôi, tôi sẽ không để họ sán đến gần; tôi là tôi, chứ có phải bố tôi, hay mẹ tôi đâu! Ngôi biệt thự trẻ thơ gần như trống không. Tôi nghĩ bụng, không biết mấy bức tranh đẹp, năm ngoái tôi còn thấy treo hai bên tường gian tiền sảnh nay đem đi đâu rồi. Mẹ tôi nghe đâu đã đem bán những bức tranh do tổ tiên vẽ ấy cho một tay buôn đồ cổ ở Weis, như tôi đoán được ngay, với *giá rẻ mạt*. Vì mẹ tôi hoàn toàn mù tịt về các tác phẩm nghệ thuật, cho nên tôi đã phải xót xa, tiếc rẻ không biết bao nhiêu lần. Bố tôi chẳng để tâm tới tranh treo trong nhà, chỉ khi nào có ai mách ông, bức tranh nào hết sức quý giá, thì ông mới ừ hử để tâm. Mẹ tôi cũng vậy thôi, không hơn gì. Hai ông bà đều không có mắt nghệ thuật. Chính vậy cho nên các bức tường ở tầng dưới trong ngôi biệt thự trẻ thơ trở nên lạnh lẽo, trống trải, mặc dù tôi còn nhớ, năm ngoái vẫn còn cuốn hút lắm. Thế nhưng, tôi nghĩ, do chứa chấp, che chở hai tên giết người hàng loạt ở đây suốt một thời gian dài, ngôi biệt thự này đã bị như bản dơ dáy, khó mà chịu nổi. Mặt khác, chính tôi cũng vừa nghĩ phải cho tu sửa chính ngôi biệt thự này đấy thôi, và rõ ràng, ý nghĩ này hay hơn, nên tôi bỗng nhiên thấy khoái chí với nó. Tôi liền thông báo với các em tôi, gì thì gì, ngôi biệt thự này sẽ là nơi đầu tiên tôi cho tu sửa lại, tu sửa, phục chế toàn bộ, từ móng lên mái, sao cho nó trở lại như xưa, như trước khi bị hạ nhục, bị làm như bản bởi đám người kia. Ngôi biệt thự trẻ thơ chẳng phải là ngôi nhà đẹp nhất ở Wolfsegg đấy thôi! Và, mùa hè chính là mùa tốt nhất để tiến hành tu sửa và phục chế. Tiền bạc của Wolfsegg phải đem ra mà dùng, tôi nói, có mà điên mới để tiền nằm đến mục trong nhà băng như thế. Hai đứa em gái ngơ ngác, chẳng hiểu tôi nói gì. Nhưng đằng nào cũng phải thông gió ở đây cái đã, tôi bảo hai đứa, anh em mình mở hết cửa sổ ở đây ra, ở đây ngột ngạt quá thế, tôi nói, và trong lúc các em tôi - vì bên ngoài, trời đang đẹp và ấm áp - chẳng nói chẳng rằng, đến cả Caecilia và Amalia cũng chỉ thẩn thẩn khe khẽ đôi lời qua lại với nhau thôi, lần lượt mở toang hết các cửa sổ ra, mới đầu cửa sổ tầng dưới, sau đến lượt cửa sổ tầng trên, tôi chợt nhớ, mới hai, ba hôm trước tôi mô tả ngôi biệt thự trẻ thơ này cho Gambetti nghe, và lúc mở các cánh cửa sổ ra, tôi càng thấy mình đã mô tả cho Gambetti nghe khá

chính xác về các căn phòng rộng rãi cũng như về những khung cửa sổ rất cao ở đây. Trừ ngôi nhà chính, không còn nơi nào ở Wolfsegg, kể cả nhà thợ săn lẫn nhà thợ làm vườn, có cửa sổ cao như ở đây. Đúng như tôi đã cố mô tả cho Gambetti, trên trần nhà có gắn các phù điêu, đường viền nổi, đắp từ vữa và thạch cao - minh họa toàn những cảnh lấy từ các vở kịch cổ điển như *Nathan* của Lessing, *Bọn cướp* của Schiller hay *Faust nguyên gốc* của Goethe. Không còn ai biết tác giả các đường viền, phù điêu nổi này là ai, nhưng tôi tin chắc đó vốn là những người vẫn được gọi là nghệ nhân lang thang của thế kỷ trước, những người thường lưu lại vài tháng, thậm chí vài năm, ở một nơi nào đó và sáng tạo ra những công trình nghệ thuật kiểu như thế này, đặng đổi được miếng ăn ngon hay đôi giày ấm. Có thể nhìn thấy rõ các vết nứt trên những phù điêu xưa này, và tôi tự nhủ, như thế đã đến lúc phải tu sửa rồi đây. Các em tôi hoàn toàn mù tịt, không biết ý nghĩa các phù điêu nổi ấy ra sao. Tôi bảo, lấy từ *Nathan*, nhưng thoáng nhìn tôi cũng biết ngay, hai ả không hiểu gì - *Faust* của Goethe thì chúng nó biết, nhưng không còn nhớ đến cảnh được minh họa trên trần nhà đây là cảnh nào; tất nhiên, cũng như tôi, chúng nó đều học qua *Bọn cướp* ở trường, nhưng bây giờ tuy còn nhớ tên vở kịch, nhưng tình tiết thế nào thì hai ả quên từ lâu, chỉ mang máng nó thuộc loại *kịch cổ điển* nào đấy thì phải. Tôi thử gợi cho chúng nó nhớ lại về *Bọn cướp*, nhưng đành thôi, chẳng giảng giải thêm cho hai ả nữa, bởi tôi hiểu ngay, có cố cũng mất công. Vâng, tôi vẫn nhớ, tôi đã mô tả khá chi tiết và chính xác cho Gambetti nghe về những phù điêu nổi này và anh ấy đã rất chăm chú lắng nghe khá lâu. Ảnh hưởng của trường phái nghệ thuật Roman lên loại hình nghệ thuật vô danh này rõ ràng rành, tôi bảo anh ấy. Nói chung, trên mọi phù điêu nổi ở vùng phía bắc dãy Alpen, tôi bảo Gambetti, có thể nhận ra ngay ảnh hưởng của nền nghệ thuật Ý, thì người Ý vốn bao giờ cũng là những nghệ nhân đắp phù điêu nổi tài ba nhất mà lại, tôi nói với Gambetti, giờ tôi nhớ lại tất cả những lời tôi nói với Gambetti về nghệ nhân đắp phù điêu nổi trong ngôi biệt thự trẻ thơ này. Tôi nghĩ bụng, đây chính là bằng chứng, rằng tôi chỉ cần một lần ngắm nghĩa kĩ lưỡng một bức tranh hay một tấm phù điêu nổi nào đấy là đã có thể ghi nhớ rất chính xác mọi chi tiết suốt hàng năm, thậm chí hàng chục năm trời liền, để sau này, khi có dịp, lại mô tả lại bằng lời một cách xác thực, khiến bức tranh tôi mô tả khớp khít với bức tranh hôm xưa tôi

từng một lần duy nhất nhìn thấy. Tôi chỉ cần một lần duy nhất nhìn thật kĩ một bức tranh hay một đoạn phù điêu nổi nào đó, như tranh hay phù điêu nổi trong ngôi biệt thự này, là tôi có thể ghi nhớ chính xác bức tranh đó trong đầu hàng năm trời, hay như bây giờ tôi mới vỡ lẽ, có khi cả chục năm liền. Hai đứa em tôi chẳng hiểu mô tê gì, khi tôi bảo chúng nó, tôi vừa phát hiện ra một điểu thật thú vị, cụ thể là, tôi phát hiện tôi có khả năng, chỉ cần nhìn bức tranh một lần là nhớ, nhớ đến mức, hàng chục năm sau vẫn mô tả lại chính xác bức tranh đó được. Hai đứa em tôi không hiểu ngô khoai gì, một là vì chúng nó không theo được dòng suy nghĩ của tôi, hai là, chúng nó cũng chẳng biết Gambetti là ai, chỉ đôi khi nghe tôi loáng thoáng nhắc đến anh ấy. Vả lại, do từ ngày xưa, ngay từ khi chưa đặt chân lên đất Ý và chưa tới thành Rome, tôi đã ham mê và ngưỡng mộ những gì gọi là có dính dáng đến La Mã lắm rồi, cho nên, vì sự thù địch với tôi, chúng nó bao giờ cũng coi những thứ đó chẳng ra gì. Bởi vậy, chúng nó không hiểu tôi cũng phải thôi, và tôi tự nhủ, chúng nó cố tình không hiểu mình, việc chúng không hiểu tôi đã biến thành nguyên tắc, đã thành thói quen cả đời của hai đứa, và từ xưa đến giờ, chúng nó chưa bao giờ muốn hiểu tôi, chưa bao giờ chịu thông cảm với tôi. Ở Wolfsegg, ngôi biệt thự trẻ thơ đối với tôi gần như là tất cả, nhưng với chúng nó, ngôi biệt thự lại chẳng có mấy ý nghĩa. Cho nên, chúng nó cũng khá thờ ơ với những gì lúc này tôi nói về ngôi biệt thự và hai tên Gauleiter kia, chúng nó chỉ thấy những lời tôi tuôn ra đó là nhằm bôi nhọ gia đình, nhằm công kích bố mẹ - những lời công kích thật đáng kinh tởm, vì bố mẹ vừa mất được hai hôm chứ đâu. Chúng nó không thể thấu được nỗi đau đớn trong lòng tôi, khi tôi lại phải nhìn thấy trước mắt mình ngôi biệt thự trẻ thơ, ngôi nhà tôi thích nhất ở Wolfsegg, công trình kiến trúc tôi ưa chuộng nhất, nhưng lại bị hai lão Gauleiter Quốc xã làm cho dơ dáy, bẩn thỉu. Đối với hai đứa chúng nó, kiêu ngạo như thế của tôi thật xa lạ và quái gở. Sau khi chúng tôi lần lượt mở hết cửa sổ ngôi biệt thự và làn không khí trong lành từ bên ngoài đã tràn ngập vào bên trong, tôi bảo hai đứa em tôi, *bây giờ tôi muốn để cửa sổ mở như thế này vài ngày, để khí trời tự dưng tràn vào đây*. Hai đứa chúng nó có vẻ kiệt sức bởi cái công việc - mà dưới con mắt chúng nó chắc là rất quái gở - do tôi bày ra bắt chúng nó phải làm ấy; cả hai ngỗ phịch xuống nghỉ trên chiếc ghế băng phủ vải nhung màu lục kê trong căn phòng áp mái

phía bên trái. Trên gương mặt hai đứa bỗng dựng thoáng hiện vẻ mặt giễu cợt, vẻ mặt mà chúng nó phô ra trên bức ảnh tôi cất trong ngăn bàn tại căn hộ của tôi ở Piazza Minerva thành Rome, vâng, chỉ thoáng qua trong giây lát thôi, vào buổi chiều sáng sủa này, chúng nó chìa gương mặt mang vẻ giễu cợt của chúng nó về phía tôi, rồi lại lập tức quay đi, phóng tầm mắt qua các cánh cửa sổ đang mở toang, nhìn vượt qua ngôi làng dưới kia về phía những rặng núi ở đằng xa. Hai đứa cùng khúm núm cùng quay đầu một lúc về phía núi đồi, tôi nghĩ thầm, trông nhu thể hai con rồi bị buộc vào nhau và giật quay về một phía. Bây giờ tôi có thể tùy ý ra lệnh cho chúng nó và chúng nó sẽ lập tức tuân lệnh. Tôi đang nắm hai đứa chúng nó trong tay tôi mà lại. Song, tôi không lấy đó làm vui mừng đắc thắng, chúng nó là gánh nặng khó lòng kham nổi thì đúng hơn. Tôi chợt nghĩ, chúng nó đang cười lên đầu lên cổ tôi, và như người ta vẫn nói, rồi tôi sẽ còn nếm khối đòn không hay ho gì của hai đứa này cho mà xem. Thế nhờ nổi giông thì sao? Amalia cất tiếng hỏi. Cô nói có giông là sao? Tôi vắn lại. Nhờ trời nổi giông bão làm vỡ hết kính cửa sổ thì làm sao? Amalia lại nói. Chẳng giông chẳng bão gì đâu mà sợ, tôi gắt, còn lâu mới có giông có bão, cô ạ. Nhìn hai đứa mệt mỏi ngồi trên tấm ghế băng trong ngôi biệt thự trẻ thơ đây, bỗng dựng trong lòng tôi nỗi hứng, muốn cho chúng nó bài học, phải kể cho chúng nó nghe chuyện gì thật La Mã, nghĩa là chuyện tục tĩu, chương tai nào đấy, thì tôi mới lưu lại đây với chúng nó được, bởi cái cảm giác, tôi không chịu nổi chúng nó nữa đang mỗi lúc một mạnh lên. Nhưng rồi tôi lại gạt ngay ý định đó, vì chẳng ích lợi gì, chỉ làm mọi thứ tồi tệ thêm. Tôi chuyển sang để ý đến Caecilia, cô ấy có vẻ quên hẳn gã chủ xưởng nút chai rượu vang từ lúc nào rồi. Chà, giá chú em về tôi không đến nỗi hậu đậu như thế, tôi nói buông lửng. Caecilia không đáp, còn Amalia làm ra vẻ không nghe thấy tôi nói gì. Đều giả thế nào thì đều, cũng có giới hạn thôi, miệng tôi nói vậy, nhưng trong bụng tôi lại nghĩ, căm ai thì căm, mà cụ thể là mẹ mình, thì lẽ ra cũng không được đi đến chỗ cô phải khăng khăng lấy thằng ngu ấy cho bằng được, cốt chỉ để chọc tức người cô căm ghét. Tất nhiên, tôi chỉ nghĩ trong bụng thế thôi, chứ không nói thành lời; thành lời là: *cô phải để tâm đến chồng cô chứ; cô để mặc chú ấy trơ ra một mình là không được. Từ lúc về đến giờ, tôi thấy chú ấy toàn luẩn quẩn trong vườn làm vướng cản người khác. Con Caecilia đứng phắt dậy, ra*

khỏi phòng, đi nhanh xuống tầng dưới rồi xuyên gian trên sảnh ra ngoài sân. Amalia cũng đứng dậy, và tôi cùng với nó đứng từ trên, đưa mắt nhìn theo Caecilia đang rời xa ngôi biệt thự trẻ thơ. Mày chạy đi đâu mới được chứ, tôi nghĩ bụng, mày tự mình làm hỏng đời mày chứ ai. Rõ đờnгу! Tôi không chủ định nói to “Đờ ngu” như thế, chỉ lầm bầm trong miệng, nhưng rồi vẫn đủ to, khiến Amalia cũng phải nghe thấy. Không biết tại sao bố mẹ đặt tên thánh cho con là Amalia và cho Caecilia là Caecilia nhỉ, tôi hỏi Amalia, tôi không hiểu sao lại thế. Hay ông bà cũng từng lảng mạn, lảng mạn theo kiểu Thiên chúa giáo pha Quốc xã nhỉ, tôi nghĩ bụng. Sau đó, tôi cùng Amalia ra khỏi biệt thự trẻ thơ quay về nhà kính. Bất gặp gã em rể tôi đang đứng thờ thần gần đó, tôi nghĩ bụng, thằng cha này đúng là hiện thân của kẻ ngu không thật. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang có vẻ bối rối bị tôi - vâng, lại đúng là tôi mới khổ cho gã - bắt gặp gã lúc ngu không như thế. Thế là rốt cuộc ta cũng phải chuyện trò với gã, tôi nghĩ bụng, rồi tiến thẳng về phía gã. Nhìn quanh nhìn quất không thấy Caecilia đâu, cả Amalia cũng biến mất đi đường nào rồi, còn mỗi mình gã đứng trơ khấc ở đó và có lẽ, gã không biết mình thuộc về đâu thật. Thuộc về đâu thì thuộc, tôi nghĩ, nhưng rõ ràng không thuộc về Wolfsegg này. Tôi bảo gã đi với tôi vào tòa nhà chính, tôi thèm ăn có gì đó và trong bếp chắc thể nào ta cũng tìm được món gì ngon. Tôi nói, và chính cái giọng và kiểu cách thân mật ấy của tôi, lại làm chính tôi phải bất ngờ. Thật ra, tôi chẳng chủ ý nói bằng giọng như thế, tôi nghĩ bụng, nhưng quả là tôi đã nói như thế thật. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang lặng lẽ bước bên cạnh tôi. Dù gì, tôi cũng cứu gã khỏi một tình huống khó xử. Thoáng một giây phút ngắn ngủi, thậm chí tôi còn thấy thương hại gã, nhưng quả thật chỉ thoáng qua thôi, bởi vừa bước được vài bước, tôi đã lại thấy gã thuộc hạng người trơ trên và thô bỉ. Lối cư xử của hạng người này đến lạ, tôi nghĩ bụng, mà thật ra, họ cũng chẳng lựa cách để cư xử, cứ thẳng ruột ngựa, chẳng nghĩ trước tính sau gì. Trong bếp chẳng có ai; tôi với gã chủ xưởng nút chai rượu vang tìm quanh xem có gì ăn không và phát hiện khối thứ ngon lành còn chất đầy trong tủ lạnh. Ngồi trước mặt gã chủ xưởng nút chai rượu vang, tôi nghĩ bụng, có những kẻ ta khinh thường ra mặt, nhưng đồng thời ta cũng lại ghen tị với chúng trước cung cách thản nhiên, bình chân như vại của chúng, giúp chúng chẳng bao giờ phải rụt rè, giữ ý giữ tứ; chẳng hạn, khi ăn uống, lúc đầu có

thể cũng hơi do dự một chút, nhưng chẳng mấy chốc chúng đã không còn ngưng ngừng gì nữa khi tọng vào miệng, rồi nuốt hết vào bụng những gì ta dọn ra mời mọc. Mấy ngón tay múp míp, ngón ngón thịt của gã cùng chiếc nhẫn dùng để trang sức to tổ bố gượng đeo ở ngón út bàn tay phải, trông mà thấy tởm; tôi chợt nghĩ, giá có muốn, gã cũng chẳng tháo được chiếc nhẫn ra nữa. Chân gã bắt tréo dưới gầm bàn, còn bụng, gã thì hẳn vào mép bàn; khuy ở ống tay áo trông còn to hơn cả mặt nhẫn, tôi nghĩ bụng, chắc cùng một bộ. Gã chờ xem tôi sẽ nói gì, thành ra tôi có cảm giác như gã đang rình tôi vậy, nhưng lúc này tôi chả có chút hứng nào bắt chuyện với gã chủ xưởng nút chai rượu vang. Tôi chợt nhớ, tôi đã bảo anh Zacchi, rằng tôi chỉ đi cùng lắm ba, bốn ngày rồi khắc sớm quay về Rome thôi. Nhưng ba, bốn ngày hẳn không được, tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ phải lưu lại Wolfsegg một tuần, có khi hơn; đến như ngay bây giờ tôi đã lo một tuần e không đủ. Bởi vì, đưa đám xong, mới thật sự đến lượt những việc mệt nhọc và khó chịu nhất. Rồi tôi sẽ phải tìm đến các văn phòng luật sư, ban này, phòng nọ, vân vân và vân vân ở địa phương. Nói cho cùng, nếu tai họa này là tảng băng trôi, thì cho đến nay tôi cũng mới chỉ nhìn thấy ngọn tảng băng là cùng. Tôi bảo gã em rể, khi thật, xác bố, xác anh quân thế nào thì nhìn thấy được, mỗi xác mẹ lại không. Thế nhưng, tôi nói tiếp, khuôn mặt các xác chết trông chẳng còn nét gì thật. *Phải chôn càng sớm càng tốt*. Chú chưa kịp thật sự làm quen với bố mẹ và anh vợ, thì họ đã lăn ra chết mất rồi, tôi nói, nhưng đập ngay vào mắt tôi là dòng chữ *nạn nhân vụ tai nạn* in trên mặt tờ báo nằm trên cùng chõng báo trước mặt tôi - chõng báo giờ đã cao lên một ít - dòng chữ *nạn nhân vụ tai nạn* trông đến lở bịch, hết như mọi dòng chữ lở bịch khác của báo chí. Tôi hỏi gã em rể xem gã đã đọc các bài tường thuật vụ tai nạn chưa. Trong khi tôi đã ngừng ăn từ lâu - gã vẫn tiếp tục tọng nốt mấy miếng bánh mì và xúc xích to tướng vào miệng rồi lắc đầu, ra đi đâu, đến nhìn đồng báo, em cũng không muốn nhìn. Hẳn gã nghĩ gã không được phép đọc báo trước mặt tôi, nó không phải phép chút nào, nếu bây giờ gã mà đưa mắt nhìn đồng báo đăng bao nhiêu là bài viết về vụ tai nạn, thì e rằng, tôi sẽ cho đó là hành động trơ trẽn không thể tha thứ. Nên gã cứ lắc đầu cái đã, khước từ lời tôi mời gã tìm hiểu kỹ hơn về nguyên nhân vụ tai nạn. Ở ngã tư này từng xảy ra nhiều tai nạn gây chết người, tôi nói, y giọng báo chí; chỗ này tuy quang đãng, không có vẻ gì

nguy hiểm lắm, thế mà vẫn nhiều tai nạn, phần lớn đều chết người mới lạ, tôi thủng thảng. Lúc này, gã em rể tôi chuyển sang đóng vai một người đạo đức đày mình. Trong lúc gã tọng miếng bánh mì kẹp xúc xích vào miệng, gã hơi thu đôi chân bắt chéo dưới gầm bàn, rồi ngửa người ra sau, kéo đôi tay này giờ xoa hơi nhiều trên mặt bàn lại. Lúc thay đổi tư thế như vậy, gã cẩn thận không để khuy tay áo chạm vào đĩa đựng bánh kẹp thịt tôi làm lúc này. Miệng nhai nhồm nhoàm, gã như có ý muốn hỏi, làm sao tôi lại có thể nghĩ gã đủ trơ trên và vô liêm sỉ đến mức, trước mặt tôi, lại đứng vào lúc này - vào giờ phút đau thương tột cùng của gia đình - lại có gan để đọc những bài viết kinh khủng của số báo chí độc địa kia. Gã ném một cái nhìn đay đinga lên bức ảnh nạn nhân in trên trang bìa tờ báo nằm trên cùng, một mặt là khinh bỉ, nhưng mặt khác, như tôi thấy, cũng đay đinga thất vọng và sốt ruột, vì - do có mặt tôi - nên gã không vồ được ngay để, không cần giữ ý giữ tứ gì nữa, ngấm nghĩa cho sượng mắt. Gã có vẻ muốn cho tôi thấy, gã không đủ sức để hành động như thế, trong khi tôi thầ nghĩ, còn ta đây, ta đã có dư sức để làm như vậy đó, chú mày ạ. Mồm vẫn nhai bánh, chốc chốc - nhất là những khi gã tưởng tôi không để ý - gã lại liếc nhìn đồng báo mà trong lòng gã, gã đoán chắc phải thú vị lắm; đồng báo này, giá bây giờ gã chỉ có một mình, hẳn gã sẽ giở từng tờ, từng trang, hết sức trơ trên xem hết ảnh này ảnh khác, đọc hết bài này đến bài kia rồi đấy. Hiềm một nỗi, gã lại bị ông anh vợ cản trở, người mà gã hẳn sẽ phải định ninh là không bao giờ nghĩ đến, chứ đừng nói sẽ hành động trơ trên như vậy; còn tôi, tôi lại nghĩ bụng, chú mày nhầ, ta đã làm cái việc trơ trên và vô liêm sỉ ấy trước chú mày từ lâu rồi. *Dạ, chưa đọc lúc này ạ*, gã em rể tôi nói, và những lời đó thật giả dối đến kinh tởm, như thế đó là những lời từ miệng tôi vậy, bởi lúc ấy tôi cũng có thể nói y như gã vừa nói. Tôi cảm thấy đắc thắng, bởi *chính gã*, chứ không phải tôi, buột miệng ra như thế, một câu nói đặt tôi ngay vào tư thế một kẻ tử tế, đứng đắn và biết tự kiề che, còn chính gã, gã phải nói ra cái câu *chưa đọc lúc này ạ* vô cùng giả dối ấy ra mới mong nhập được vào vai kẻ tử tế và biết tự kiề che. Vừa buông ra khỏi miệng, chắc chắn gã cũng có ngay cảm giác rằng câu nói quả là cực kỳ giả dối, tôi thầ nghĩ, bởi dẫu sao thằng cha này cũng chẳng ngu đến mức để không nhận ra ngay cái câu *chưa đọc lúc này ạ* của gã thật sự có ý nghĩa gì và tác động lên tôi ra sao. Chắc chắn gã cũng thừa hiểu tôi nhìn thấu tâm

địa gã qua cái câu *chưa đọc lúc này* ấy của gã, một câu gã vô ý buột miệng nói ra, một câu nói trên đường từ khối óc gã đến cửa miệng rồi bắn ra ngoài ấy, đã mất sạch sức thuyết phục của nó rồi. Lúc này, do gã em rề tôi đột nhiên ngẩng trông ra đó trong tư thế một kẻ bị lộ nguyên hình đạo đức giả và đang rơi vào một tình thế thật đáng buồn và *ngghiêm trọng đến chết người*, cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, tôi liền dấn tới một bước, và, để tỏ ra mình rộng lượng, tôi đẩy xấp báo về phía gã, rồi bảo, chú cứ đọc qua cho biết xem báo chí người ta viết lách thế nào về vụ tai nạn. Chú cứ việc đọc, tôi nói, rồi ngã lưng ra sau, tỏ ý không muốn làm phiền gã khi đọc. Tôi chợt nhớ, anh Zacchi có lần từng bảo tôi là kẻ cực kỳ điều luyện trong việc che đậy các ngón đòn đề tiện của mình. Bây giờ tôi bỗng lấy làm khoái chí về những gì anh Zacchi nói về tôi dạo ấy, ở *Ancora verde in Trastevere* hôm nào. Hai chúng tôi cùng với Maria kéo nhau đến đây bàn chuyện đi chơi dã ngoại về Castalgandolfo cũng như bàn luận về cuốn *Ngôn từ* của Sartre, là cuốn dạo ấy cả ba đều vừa đọc xong, nhưng người này tưởng hai người kia chưa đọc. Lần ấy, chúng tôi bàn luận đến tận khuya về cuốn *Ngôn từ* - chi tiết và kĩ càng hơn mọi quyển chúng tôi từng trao đổi trước đó. Miệng nhai nốt miếng bánh kẹp xúc xích, gã chủ xưởng nút chai rượu vang ngẩng giạng chân, trải rộng báo lên hai đùi như những ai ngẩng đọc báo vẫn thường làm, và lật hết trang báo này đến trang báo khác, trang nhiều ảnh minh họa, trang không có ảnh minh họa nào. Tôi nghĩ bụng, hóa ra, cả tai nạn lẫn tập báo giúp gã thoải mái. Trên mặt gã chẳng hề có vẻ gì ngại ngùng, bối rối, mắt gã tuy đã viễn thị và nhìn gần không được rõ, nhưng chắc do ngại đeo kính, tôi nghĩ bụng, gã để mặt báo rá xa dưới ánh sáng chiếu qua cửa sổ vào trong thì mới đọc được. Đúng ra, tôi nghĩ thầm, gã đã phải mang kính từ lâu, thứ kính gọi là kính đọc sách mà tôi cũng phải mang từ nhiều năm nay. Nhưng do tự ái hão, bọn người như gã không chịu đeo kính bao giờ. Tôi sẽ bảo con Caecilia, chẳng nó phải sớm mua kính mà dùng, và tôi cũng không im miệng để bảo cho nó biết chẳng nó, ngay trước mặt tôi, đã chăm chú, thản nhiên và trắng trợn đọc xấp báo để trên mặt bàn trong bếp ra sao. Rồi tôi sẽ mách với Caecilia, tôi tự nhủ, chẳng nó ngẩng trước mặt tôi, vừa đọc ngấu nghiến mọi tin tức về vụ tai nạn đăng trên báo, vừa ngon lành ăn bánh mì kẹp xúc xích - ba hay bốn miếng gì đó, tôi không nhớ rõ - như thế ăn món sơn hào hải vị nào ghê



gớm lắm. Tôi sẽ bảo Caecilia, ch ờng cô còn chẳng nhìn rõ những bức ảnh lớn chụp trong đêm xảy ra tai nạn khủng khiếp đó nhưng may chú ấy ng ồi cạnh cửa sổ nên cũng đủ sáng để nhìn được kĩ. Lúc này, tôi quan sát thẳng em r ẻ và tính toán trong đ ầu xem có thể dùng cảnh này bêu xấu gã trước mặt vợ gã, tức em gái tôi, như thế nào. Tôi lấy làm khoái chí về ý định đó; tôi tưởng tượng ra cảnh tôi đứng rất kịch trước mặt em gái tôi, kể cho nó nghe về thói nghiện đọc báo của ch ờng nó, ch ờng nó đọc báo ngẫu nhiên ra sao, mở mắt cho nó thấy - trái với mọi lời bênh vực của nó, nhưng đúng như tôi vẫn ngờ vực - gã chủ xưởng nút chai rượu vang, thật ra, chỉ là một kẻ trơ trên thô bỉ mà thôi. Ch ờng cô thản nhiên ng ồi đọc báo trước mặt tôi - trong tai tôi vang lên những lời tôi sẽ nói với Caecilia - chẳng hề để mắt đến tôi, chẳng buồn lắng nghe tôi, trong khi tôi có việc hệ trọng muốn bàn với chú ấy. Nhìn gã em r ẻ, tôi nghĩ bụng, hóa ra mình cũng dư sức bóp méo sự thật một cách đều giả như thế đấy. Mình dám xỏ xiên, đều cáng như thế lắm và đã thật sự đều cáng hàng trăm lần như thế, tôi nghĩ bụng, biến xỏ xiên đều cáng thành thói quen, thành nếp sống. Sau khi được tôi đích thân cho phép và sau khi gã cũng biết tỏ ra do dự chút đỉnh - mặc dù chỉ do dự giả tạo cho phải đạo mà thôi - gã em r ẻ tôi đọc say sưa ngẫu nhiên đồng báo, gã đọc thật sự, không như tôi, cách đây vài tiếng đ ồng hồ một mình ở trong bếp - như thiên hạ vẫn nói - chỉ đọc lướt qua, gã bình thản, không chút bối rối, ngắm nghía các bức ảnh, trong khi tôi chỉ dám vội vàng, lén lút nhìn qua thôi và bụng n ơm nớp lo bị bắt quả tang mình đang làm một việc trâng tráo, vô liêm sỉ, phải, lúc đó, tôi biết rõ, tôi đang phạm một tội ác ghê tởm, trong khi gã em r ẻ tự cho phép mình, ngay trước mặt tôi - cố nhiên đã được tôi rộng lượng đ ồng ý từ trước - thưởng thức số báo kia, nhìn gã, tôi biết gã đang khoan khoái lắm, khi được ung dung giở hết tờ báo này đến tờ báo khác. Phải người khác, tôi nghĩ bụng, chắc người ta đã liếc nhanh qua r ồi gấp tờ báo để quay lại chuyện trò với tôi, đằng này gã em r ẻ tôi không có vẻ như thế, gã chẳng buồn nghĩ đến tôi nữa, tôi tự nhủ, việc tôi cho phép gã tự nhiên đọc báo, đối với gã, cũng ngang như lời cho phép không hạn chế của tôi vậy, và gã thích chúi mặt chúi mũi vào đọc báo và tiêu hóa chỗ bánh mì kẹp xúc xích hơn chuyện trò với ai, câu chuyện hẳn không thể dễ chịu cho gã được, gã không những chỉ linh tính thấy đi ều đó, gã còn biết đi ều đó rất rõ là đằng khác, cho nên gã đọc báo cốt chỉ để

tránh tôi thôi. Tôi th ần nghĩ, thì gã vẫn chẳng lánh mặt tôi đấy thôi; gã đâu có muốn trò chuyện với tôi đâu, như tôi đã tưởng lúc nhìn thấy gã đứng tro trọi trước nhà kính, vô dụng, đ ần độn, chân tay lóng ngóng chẳng biết mình phải làm gì ấy. Tôi quả đã nh ần, và tôi cũng lại mắc tiếp sai lầm khi nghĩ bụng, mình phải bắt chuyện với thằng cha đang đứng b ần th ần trước nhà kính rồi lôi gã vào bếp tán chuyện. Song, thật ra, tôi rủ gã vào bếp cốt chỉ để soi mói, xem gã là người thế nào thôi, chứ đâu phải vì thân thiện kia chứ, không, tuyệt nhiên không phải do thiện chí. Tôi rủ gã cùng tôi vào bếp, lấy cớ cùng với gã kiểm chút gì lót bụng, thật ra chỉ cốt xem gã là người thế nào, chỉ nhằm moi ở gã chuyện này chuyện khác sau này tôi có thể dùng để công kích Caecilia, vợ gã, cũng như công kích gã mà thôi. Bởi tôi nghĩ bụng, thằng ngu ít gì cũng là kẻ sản sinh mọi chuyện ngu xuẩn và cũng sẽ khai hết mọi bí mật th ần kín, nên tôi mới rủ gã vào bếp. Nhưng nói cho cùng, bây giờ tôi chẳng còn thích thú gì việc moi chuyện của gã nữa. Chỉ cần quan sát gã là đủ, để rồi sau này, vào lúc thích hợp, sẽ cho con em gái Caecilia của tôi biết về những quan sát đó của tôi, hay, cứ nói trắng ra là những quan sát sẽ bị tôi bóp méo nhằm mục tiêu chống lại cả hai đứa chúng nó. Chú ấy ng ồi suốt buổi ở đó, để tôi phải chờ, tôi nghĩ bụng, mình sẽ nói với Caecilia như thế. Chú ấy có vẻ rất khoái xem các bức ảnh chụp cái đầu đã g ần lìa hẳn khỏi thân của mẹ. Tôi sẽ bảo, bức ảnh chụp bố chết ng ồi trong xe, bên cạnh xác Johannes bị giập nát đầu là bức ảnh đặc biệt thu hút sự chú ý của ông em rể tôi, tức ch ồng cô. Làm sao mà một con người như thế, tôi sẽ nói tiếp, đứng vào những giờ phút buồn đau như thế này của cả nhà, lại ngay trước mặt tôi, dám cả gan vùi đầu vào đồng báo bản thủ đó, tôi sẽ không nói những giờ phút *bi thảm như thế này*, mà những giờ phút *buồn đau*, bởi *bi thảm như thế này* nghe rất kịch, trong khi *buồn đau như thế này* dễ lọt tai hơn. Tôi cần chắc con em gái tôi sẽ hết sức kinh hãi về th ằng ch ồng trơ tráo của nó. Có đi ầu, có thật mình muốn vậy không? Tôi phải tự hỏi ngay. Như thế, tôi nghĩ, chả hóa gã em rể sẽ nghiêm nhiên biến thành một nhân vật quan trọng hơn chính gã. Song, tôi cũng không lờ gã đi được, nếu tôi muốn đẩy gã hẳn khỏi Wolfsegg, mặc dù tôi cũng thừa biết tôi chẳng cần mất chút công sức nào mới xua đuổi được gã; gã khắc tự cuốn xéo và các em gái tôi sẽ góp sức bằng những cách thức nham hiểm quý quyết nhất giúp gã cuốn xéo cho êm th ắm. Gã còn chẳng

mấy ngày để cuốn xéo, tôi thẫn nghĩ. Gã ng ỡ trước mặt tôi đây và bị tờ báo ngẫu nhiên nuốt chửng, chứ không phải ngược lại, như người ta vẫn quen nói. Tôi ng ỡ đối diện với gã và ghen tị với gã, bởi gã có thể thản nhiên làm cái việc tôi phải ki ềm chế không đụng vào; gã có thể nhơn nhơn đọc báo, không chút bối rối, thậm chí dưới sự che chở của ông anh rể gã - tôi nghĩ bụng, một khi gã là em rể mình, ắt mình phải là anh rể gã - ông anh rể bây giờ đột nhiên trở nên tối cao về quyền lực. Tất nhiên, tôi tự nhủ, hay đúng hơn, tôi tưởng tượng ra, tôi là ông anh rể đáng phải nể sợ, ông anh từ nay nắm quyền quyết định mọi sự, kể cả số phận Wolfsegg trong tương lai. Đó chính là sự khác nhau giữa tôi với gã, tôi nghĩ bụng, giữa một người nắm quyền quyết định hết thảy với một kẻ tầm thường, nói chẳng ai thèm nghe. Vâng, nhưng gã chủ xưởng nút chai rượu vang xứ Baden được phép làm một hơi thưởng thức đồng báo, trong khi tôi phải gạt báo sang một bên. Bọn người như gã bao giờ cũng ở thế thư thái thanh thản, chẳng phải gắng công bỏ sức gì, tôi nghĩ thẫn, còn ta không bao giờ được như thế. Trong một tình huống tương tự, ai cũng có thể bảo tôi cứ việc giở báo ra mà đọc, song, tất nhiên tôi sẽ từ chối, sẽ phải nhắm mắt làm ngơ, sẽ phải để chúng nằm nguyên trước mặt và không đụng tay đến. Còn gã - sau một thoáng do dự - chớp ngay lấy cơ hội và, nói thật không ngoa, nhảy bổ vào nhìn ngó vụ tai nạn được báo chí phơi ra với mọi chi tiết trước mặt gã.

*Kinh tởm quá, đúng không*, đó là lời bình luận duy nhất tôi buông ra trước mặt gã em rể, trong khi gã đã vùi đầu vào đồng báo; tôi nói *kinh tởm* những hai lần, đó là một trong những từ tôi vẫn ưa dùng mỗi khi đọc những bài liên quan đến các sự kiện kiêu như tai nạn của gia đình chúng tôi đây, tôi thấy từ *kinh tởm* thích hợp với những tình huống như thế hơn cả, nhưng tôi dùng nó hơi nhiều, quá nhiều, tôi nghĩ bụng, ngay cả trong những hoàn cảnh không tương xứng lắm với cái từ *kinh tởm* ấy, tuy nhiên, nó lại rất hợp với lúc này, nên tôi cất tiếng nói *kinh tởm*, nhưng gã em rể không ngẩng lên nhìn, gã không để cái từ *kinh tởm* tôi vừa nói ra ấy quấy rầy và kéo gã ra khỏi cơn say tin giạt gân đang xâm chiếm tâm trí gã. Hẳn bố đã phóng xe nhanh quá, tôi buông thõng. Gã em rể làm ra vẻ không nghe tôi nói gì. Tôi nói tiếp, chẳng ma nào biết tại sao bố lại ng ỡ sau tay lái, chứ không phải anh Johannes như mọi khi. Bố bị cận thị từ lâu rồi kia mà, tôi nói, những ai trên sáu mươi thì nên thu h ỡ thẻ lái xe của họ mới đúng. *Mọi*

*tai nạn đều do các vị trên sáu chục gây ra cả, những cảnh tan hoang trên đường phố đều do họ hết. Bởi họ không còn đủ khả năng phản xạ nữa, tôi quả quyết, và vừa dứt lời, tôi thấy gương với gã chủ xưởng nút chai rượu vang, vì tôi đã nói đúng một câu sặc mùi báo chí như thế, như thế cái câu ấy đã do chính tay tôi viết ra cho một trong những tờ báo đang nằm trên bàn kia. Bọn biên tập viên báo chí chỉ rất một bọn chuyên bôi tro trát trấu lên mặt mũi người khác, tôi nói vậy, rồi tiếp luôn, nhưng có đi đâu, tro trấu bắn thủ ấy lại do chính ta sản sinh ra. Mà nói cho cùng, cái thế giới mà bọn chuyên nghề bôi tro trát trấu kia trưng ra cho ta xem trên mặt báo của chúng, tôi nói, lại chính là thế giới thực. Thế giới in ra trên mặt giấy là thế giới thực. Thế giới bắn thủ in trên mặt báo chính là thế giới của chúng ta. Rồi tôi tiếp ngay: cái gì in ra là cái thực, và từ nay, cái thực chỉ là cái gì ta coi đó là thực mà thôi, cố nhiên tôi không thể đòi thằng em rể phải hiểu tôi. Có lẽ, đến nghe tôi gã cũng chẳng buồn nghe nữa là, bởi gã không hề có phản ứng gì trước những lời tôi vừa nói, gã chỉ nhìn dán mắt vào tấm ảnh chụp thủ cấp mẹ tôi, nằm tách rời khỏi thi thể bà ít nhất ba chục phân trên mặt bàn đá cẩm thạch trắng của một phòng khám tử thi nào đó. Tôi bảo, đem xe cứu thương đi chở xác chết thì thật vớ vẩn hết sức. Gã em rể vẫn không ngẩng lên. Tôi chợt nhớ, từ dạo trước đám cưới, tức là sau lần đầu tiên tôi gặp gã, tôi đã mô tả gã cho Gambetti nghe như thế nào. Gã mập mạp, chưa đầy bốn chục tuổi và mỗi ngày một thêm phì nộn, nên lúc nào quần áo gã mặc cũng chật, bó sát người khiến gã mắc bệnh khó thở, nên ngay cả khi nói - cũng chính vì quá béo - gã thường chỉ nói được những câu ngắn, cộc lốc, rất ngắn, chứ không dám nói câu nào dài. Thằng cha này thở phì phò thành tiếng, tôi bảo Gambetti, và trên đường đi bách bộ - có ai cùng đi với gã khắc biết - gã rất hay dừng giữa chừng, đưa tay chỉ trỏ cái gì đó, hoặc nếu không có gì để chỉ trỏ, gã sẽ vung tay bừa về một hướng nào đấy rồi nói đại loại *phong cảnh thật thú vị*, chỉ cốt che đậy bệnh hụt hơi của gã mà thôi. Thân hình phì nộn của gã chi phối mọi thứ trên con người gã, tôi bảo Gambetti thế, rồi bắt đầu gièm pha, phỉ báng gã trước mặt Gambetti đến mức tự tôi, tôi cũng phát gương-Rốt cuộc, tôi bảo Gambetti, *sự đê hèn đó của tôi khiến tôi sửng sốt*, nhưng rồi lại xin lỗi anh ấy ngay vì đã trót thốt ra mấy tiếng *khiến tôi sửng sốt* đáng ghét ấy, bởi vì trong tư cách thầy dạy anh ta, nhẽ ra tôi không bao giờ được phép nói năng tâng*

thường v ời vị như thế. Tôi nhớ rất rõ, tôi bảo Gambetti, rằng ta lúc nào cũng bực bội khi người khác nói mấy câu sáo rỗng, nhưng chính ta, ta cũng mang trong người thói quen đáng ghét đó. Bảo rằng đi đầu đó khiến tôi *sửng sốt* thì thật không nghĩ được, lần ấy tôi bảo Gambetti vậy. Tôi còn nói thêm với anh ta, rằng gã em rể tôi thuộc đúng loại người mà dân chúng vùng tây nam nước Đức vẫn liệt vào hạng sành ăn, sành uống, sành hưởng thụ, hạng tiểu tư sản t ần t ần hạng trung, hạng người đã đạt tới mức giàu có nhất định và ưa phô trương sự giàu có ấy của mình ra trước thiên hạ, đ ồng thời, chúng cũng cố lo làm sao cho mình luôn béo tốt, mập mạp - hay nói cách khác, chúng luôn cố để có được thân hình tròn trĩnh, bệ vệ. Ở cái xứ đó dân đ ần độn ấy, tôi bảo Gambetti, thân hình g ầy gò bị coi là dấu hiệu ốm đau, bệnh hoạn và đáng ngờ, ai nấy phải xa lánh, như thế đó là hiện thân của quỷ dữ. Bọn người này t ẩy chay, ghê tởm mọi hình thức tu hành khổ hạnh, chỉ những ai đầy đà, béo tốt mới là mẫu hình lý tưởng, khiến họ yên lòng, và dân chúng miền tây nam nước Đức này, nhất là dân vùng Baden, cũng như toàn thể dân Đức nói chung, bao giờ cũng đặt sự yên lòng, sự vững dạ lên trên hết. Họ tin cậy ai béo tốt, họ lấy người đầy đà làm khuôn thước, mẫu mực, còn ai g ầy ốm đều đáng ngờ. Nghe tôi thuyết giảng, Gambetti chỉ cười, khiến tôi cũng cười theo. Hạng người này cũng lười nhác đến ghê người, bây giờ ng ồi trước mặt gã em rể, tôi nghĩ bụng, song le, đó không phải là *thứ* lười nhác tôi vẫn gọi là lười nhác sáng tạo, mà là thứ lười nhác đ ần độn, của lũ lợn, tôi th ần nghĩ, mặc dù giống lợn ngày nay thậm chí có thể còn người hơn cả giống người - cái giống người mà trong mấy trăm năm trở lại đây càng ngày càng biến thành lợn ấy. Gã em rể tôi vẫn bình chân như vại, và tôi tranh thủ lúc này để tha h ồ nghĩ ngợi lung tung, tôi nghĩ bụng, bởi còn lâu tôi mới lại được ng ồi yên thân thể này; bây giờ đã bốn rưỡi, khách đến viếng chờ đã lâu, hẳn đã sốt ruột lắm rồi. Có lẽ thời gian tôi ở trong bếp với gã em rể là cơ hội cuối cùng để tôi ít ra cũng được ng ồi một mình, tôi nghĩ bụng, mặc dù gã em rể ng ồi chình ình trước mặt. *Kinh tởm quá*, đúng không, tôi nói, nhưng gã không đáp. Bọn người này bao giờ cũng làm ra vẻ thoải mái, ra vẻ sành rượu, sành đời - tôi bảo Gambetti vậy, song thật ra, chúng không thanh thản, thoải mái chút nào, bởi vì chúng đòi phải được thanh thản và thoải mái bằng mọi giá, không khoan nhượng, và nếu người ta khước từ, không dành cho chúng sự

thanh thần ấy, thì mọi thứ trong con người chúng sẽ đâm tàn nhẫn, trong lòng sẽ sùng sục hận thù, tôi bảo Gambetti. Bằng cái lối thoải mái thanh thần ấy, chúng chà đạp, bắt mọi thứ, buộc mọi người xung quanh thành nô lệ và biến những nơi chốn chúng muốn thoải mái thanh thần bằng mọi giá ấy thành địa ngục. Ít ra thì tôi luôn luôn có cảm giác như thế, tôi bảo Gambetti, mỗi khi có ai mưu toan ép tôi phải thanh thần thoải mái. Trong lúc quan sát gã em rể, tôi lại cứ thấy các hình ảnh ở Rome hiện ra trước mắt, đến nỗi, rốt cuộc, tôi tưởng mình đang ở trong phòng làm việc ở Rome thật, mặc dù thực ra tôi vẫn ng ồi trước mặt gã em rể trong bếp ở Wolfsegg - để quan sát tất cả những vẻ vụng về chập chững của gã. Rốt cuộc, do mắt kém nên bị nạn, tôi nói vậy. Rồi tiếp, bây giờ người ta sẽ cho chở máy đập lúa đến, nhưng ai mà biết được, liệu nhà mình có còn cần máy đập lúa nữa hay không. Tôi nói vậy, đặc sệt giọng ông chủ Wolfsegg, tức là giọng một chủ trang trại thực thụ. Tôi còn nghe văng vẳng trong đầu tôi nhiều lần câu nói đó của tôi, và lần nào cũng như lần nào, đều tự lấy làm kinh ngạc trước cái giọng sặc sụa giọng chủ trang trại đó. Tôi nghĩ bụng, nghe cứ hệt như giọng ông anh tôi. Bằng câu nói này, trong chớp mắt tôi đã tự biến mình thành chủ trang trại, một vai tôi không muốn giữ chút nào. Có lẽ, bây giờ ai nấy đều đòi tôi thành chủ trang trại, hay đã phải là chủ trang trại rồi, tôi nghĩ thầm; chính câu nói đó làm tôi sực hiểu mọi người ở đây đang muốn gì ở tôi, phải, tất nhiên họ mong muốn như thế rồi, tôi tự nhủ, trong khi suốt cả quãng đời đã qua, tôi chỉ có một mong muốn, làm gì thì làm, miễn không phải làm chủ trại, họ trông đợi tôi bây giờ sẽ dứt bỏ hết mọi thứ, cũng có nghĩa là tôi phải từ bỏ sạch sành sanh những gì thuộc về tôi, để hiến dâng cho chúng một tay chủ trang trại bọn nó cần phải có ở đây, ngay lúc này. Tôi nghĩ thầm, bọn em tôi chắc đang hí hửng mừng thầm, rằng tôi sẽ phải dứt bỏ tất tậ những thứ gắn bó tôi với thành Rome; song, riêng việc chúng nó nghĩ tôi có thể tự dưng dứt bỏ hết thầy đã là ý nghĩ quái đản lắm rồi. Tuy nhiên, ý nghĩ đó cứ ám ảnh tôi, rằng chúng nó quả thực tin tôi sẽ làm như thế, bởi chúng nó buộc phải tin rằng tôi, với tư cách kẻ thừa kế tự nhiên và tất yếu, sẽ phải đầu hàng, để tuân theo mong mỏi của chúng, trở thành ông chủ Wolfsegg. Nhưng đối với tôi, đi đâu đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Gambetti, Zacchi, Maria, thậm chí cả Spadolini, cùng bấy nhiêu những người khác nữa! Tôi nghĩ bụng, không

bao giờ có chuyện tôi vứt bỏ *bầu không khí* tôi thở chung với họ để đổi lấy *cơn ác mộng tôi thừa kế* ở đây. Nhưng trên gương mặt chúng, bọn em gái tôi ấy, tôi nghĩ, đã luôn rạng rỡ niềm hân hoan khoái chí trước một thực tế là chính gánh nặng vô cùng quái đản đó, một đi đâu chúng không bao giờ ngờ tới, bây giờ lại rơi đúng vào tôi, bắt tôi phải trở thành ông chủ trang trại, phải đi đâu hành, cai quản mọi thứ ở Wolfsegg, phải đội Wolfsegg trên đầu, phải quàng Wolfsegg lên cổ, và chúng, bọn em gái tôi, là những kẻ hưởng lợi của sự thực khủng khiếp đó. Gã em rể đang vui đầu đọc báo và, trong khi say sưa đọc cho thỏa cơn nghiến tin giạt gân, gã không hề mừng rỡ với những gì đang diễn ra trong tôi. Cả gã cũng sẽ là kẻ hưởng lợi từ cuộc cưỡng bức sắp đổ sập lên tôi, tôi nghĩ bụng, gã hưởng lợi từ cuộc đầu hàng chúng đang mong đợi ở tôi - gã chủ xưởng nút chai rượu vang từ Freiburg im Breisgau này đây, kẻ cai quản bốn mươi lăm công nhân viên, những người, theo tôi nghĩ, thật ra, nói như thiên hạ vẫn nói, chẳng làm gì hơn ngoài việc phóng uế lên đầu gã. Tuy nhiên, bọn em gái tôi rõ ràng chẳng hiểu gì về tôi thật, tôi nghĩ thầm, thì ra chúng nó thật sự định ninh tôi sẽ thừa kế tất tật đúng như ghi trong di chúc. Anh em chúng tôi đầu biết tờ di chúc từ lâu, chẳng cần đến lúc mở ra mới biết. Gambetti thân mến ạ, lúc đó tôi nói với anh ta qua điện thoại, anh không biết cái gì sẽ đến với tôi vì anh không biết Wolfsegg thế nào. Tôi vẫn nghe rõ tiếng tôi nói văng vẳng trong tai mình. Trong lúc gã em rể tôi vẫn như dính chặt vào đồng báo, và như tôi thấy, say sưa hào hứng đọc các bài tường thuật đăng đầy trong các tờ báo đó về vụ tai nạn, trong tai tôi lại vang lên cái câu tôi từng nói với Gambetti: *Wolfsegg sẽ không giết nổi tôi đâu, tôi khắc lo được* và nghĩ bụng, có thể anh ta đã không hiểu ý tôi nói gì. Anh ta, Gambetti, mới đầu tưởng tôi gọi điện để khước từ lời anh ta mời tôi đến dùng cơm tối với bố mẹ anh ta, nhưng tôi chỉ báo tin ngắn gọn, bố mẹ, cùng anh Johannes của tôi chết vì gặp nạn, *nạn nhân một vụ tai nạn xe hơi*, tôi nói vậy, một lối nói năng không thể chấp nhận được ở miệng một người gọi là thầy dạy tiếng Đức. May thay, trước mặt Gambetti tôi chưa bao giờ tự xưng làm thầy dạy tiếng Đức cả, bao giờ cũng chỉ xưng là thầy dạy, và chỉ gọi anh ta là học trò. Thiết nghĩ, tôi không phải thầy dạy chuyên của anh ta, tôi chỉ truy cập đạt cho anh ta những kiến thức này kiến thức nọ, những kiến thức có liên quan mật thiết đến văn học Đức mà thôi. Tất nhiên, tôi gắng hoàn thành tốt

công việc của tôi, tôi cố truy ền đạt các kiến thức đáng giá hơn nhiều so với số tiền học phí anh ta trả cho tôi. Mà nói cho cùng thì tôi nhận học phí anh ta trả cũng chỉ là cho đúng lệ, *proforma* thôi, do tôi vẫn coi chuyện nhận học phí là một nguyên tắc, còn anh ta trả học phí cũng theo nguyên tắc của anh ấy - hai nguyên tắc phải tuân thủ chỉ cốt làm sao giữ được khoảng cách hết sức cần thiết trong quan hệ thầy trò giữa hai chúng tôi mà thôi. Tôi cũng có thể từ chối không nhận khoản thù lao đó, song đó sẽ là đi đầu cực kỳ ngu xuẩn, là bước đầu tiên đi đến phá hủy mối quan hệ ấy của chúng tôi vậy, tôi nghĩ bụng, mắt vẫn không rời theo dõi gã em rể, thậm chí còn kĩ càng hơn lúc này là khác. Tôi có thể thản nhiên theo dõi gã, chẳng chút trở ngại, bởi gã lờ tịt tôi, như thể tôi đã đứng lên và ra khỏi bếp từ lúc nào rồi. Quả vậy, *giá* bây giờ tôi có đứng lên đi hẳn ra ngoài, tôi nghĩ bụng, chắc gã cũng chẳng hay biết gì. Cái khủng khiếp đáng sợ trong tai họa của gia đình tôi đã bị thay thế bởi tính giật gân của sự kiện ấy từ lâu rồi, tôi nghĩ bụng, trước mặt tôi là bằng chứng sống của sự thực đó. Gã em rể tôi xuất thân từ một gia đình, mà tổ tiên ban đầu vốn gốc dân quê, sau chuyển thành tiểu thị dân, những người mang tham vọng ngoi lên cao, ai muốn hiểu cao là thế nào cũng được. Với tham vọng ấy, suốt đời họ chỉ nhằm nhe tìm mọi cách rũ bằng được gốc gác quê mùa của mình để gia nhập giới tiểu thị dân, rồi tiếp sau đó - trút vỏ tiểu thị dân hồng đôi tiếp lấy thứ gì đó cao hơn nữa, nhưng tôi cũng chịu, không cắt nghĩa được thứ đó là thứ gì. Có thể nói gã em rể tôi là kẻ cuối cùng sót lại trong chuỗi dài các nỗ lực nhọc nhằn đó, các nỗ lực mà sớm muộn sẽ tự nhiên đi đến thảm bại mà thôi. Bọn người này dốc g ần như tất tậ vào cuộc đở đen, toan vượt lên chính họ nhưng không sao vượt lên nổi, bởi bọn họ thiếu hẳn thứ sức mạnh của trí tuệ, bởi bọn họ vẫn chưa phát hiện ra trí tuệ - kể cả trí tuệ của thế giới bao quanh họ lẫn trí tuệ chính trong đầu óc họ - có nghĩa là, đến bước đi đầu tiên là bước làm tiền đề cho bước thứ hai, bọn họ cũng chưa bước nổi nữa là. Rồi đến lúc nào đó, bọn họ sẽ như gã em rể tôi đây, bỗng nhiên rỗng sạch cả túi và không còn biết xoay xử thế nào với đời, với cả chính mình, đành quay ra quấy r ầy kẻ khác. Nói nôm na là Wolfsegg có thêm một anh h ề mới, tôi vừa nhìn gã em rể, vừa nghĩ, nhưng vở hài kịch không phải nhờ thế mà dễ chịu hay thú vị hơn. Tay h ề này, đáng tiếc, không phải vai quây cho vui mà là vai quấy r ầy thì đúng hơn, tôi nghĩ bụng và chuyển ngay trò chơi chữ



này thành trò chơi triết lý rồi rắm. Tôi thoáng nghĩ, nhẽ ra mình cứ kéo Gambetti về đây, nhưng Gambetti chắc chắn sẽ chẳng chịu tự biến mình thành lá chắn tinh thần cho tôi chống lại mọi thứ khó chịu ở Wolfsegg. Nhưng bây giờ tôi lại thấy, không khéo Gambetti về đây lại thành gánh nặng cho mình cũng nên; thậm chí nếu anh ấy có làm lá chắn cho tôi trong mọi chuyện thì rồi tôi cũng sẽ chỉ hực hực với anh ấy mà thôi, trong lúc tôi còn khối chuyện khác để hực hực, bực bội. Ở Wolfsegg, mọi sự giữa tôi với anh ấy ắt sẽ khác hẳn với ở Rome. Ở Wolfsegg tôi sẽ không thể quan tâm, để ý cẩn thận và chu đáo đến anh ấy như ở Rome được; ở đây không thể có những thứ vốn vẫn làm các cuộc hội ngộ với anh ấy trở nên thú vị nhường ấy được. Gió trời Wolfsegg không phải gió trời Rome, bầu không khí ở Wolfsegg tuyệt nhiên không phải bầu không khí ở Rome. Hay, cứ nói trắng ra cho gọn, rằng Wolfsegg không phải Rome! Tôi mà đưa Gambetti về đây, hẳn tôi đã mắc một sai lầm tai hại. Cứ thời tiết thế này, tang phục của tôi cho buổi đưa đám, tôi tự nhủ, chắc chắn phải là áo choàng vải len, nhưng tôi sẽ không mặc thứ áo choàng vải len ấy, tôi sẽ khoác một trong những chiếc áo choàng kiểu thành Rome tôi vẫn treo sẵn trong tủ áo ở Wolfsegg; âu cũng là để tách mình ra khỏi tất cả bọn người khác, bọn người sẽ suốt lượt khoác áo choàng len đi đưa đám, tất cả, không trừ một ai, kể từ bọn Gauleiter, đến các vị Giám mục, ai ai rồi cũng sẽ khoác áo choàng len đến dự đám ma cho mà xem, nhất là các vị Giám mục, chỉ cần gió thổi nhẹ thôi, nhất là gió ngoài nghĩa địa nữa, là các vị vội khoác áo choàng len ra ngoài trang phục nhà thờ của họ ngay. Các bậc bề trên của nhà thờ chả hay sợ bị cảm mà lại, tôi nghĩ bụng, nên vào các dịp phải ra ngoài trời, bao giờ các vị cũng khoác áo choàng len lên người để phòng gió máy. Mặc áo khoác thành Rome, tôi sẽ tách được mình ra khỏi đám người đó, tôi thầm nghĩ, sẽ ngay từ đầu khẳng định tôi không còn là dân Wolfsegg nữa, mà là người thành Rome, tôi sẽ đóng vai người Rome ngay, thì từ bao nhiêu năm nay họ vẫn chả rửa tôi là đồ dân thành Rome đấy thôi, cho nên, vai tôi diễn sẽ là vai thằng dân thành Rome. Trong đầu tôi nghĩ đến chiếc áo choàng tôi mua năm ngoái ở Padua. Ngày mai, tôi bụng bảo dạ, tôi sẽ phải đóng vai dân thành thị, dân thủ đô. Tôi sẽ mang giày mua ở Rome, quần khăn quàng Rome. Như thế, tôi bảo đảm tôi, cứ vỏ bên ngoài thôi cái đã, tách biệt khỏi bọn người khoác áo choàng len, một bọn mà, nói cho

cùng, tôi thật sự căm ghét, căm ghét từ xưa đến giờ. Tôi biết, bọn người khoác áo choàng len sẽ tìm mọi cách áp đảo và khuất phục tôi, nhưng tôi sẽ biết cách tự vệ. Thằng dân thành Rome này ngày mai sẽ đủ vũng vàng để không bị bọn mặc áo choàng len chinh phục, vẫn đang ng ỡ với gã em rể trong bếp, tôi nghe bên ngoài khách khứa đã lục tục đến - không phải chỉ khách đến viếng, tôi nghĩ ngay, mà khách đến *trọ qua đêm tại Wolfsegg đây*. Tôi vừa kịp nhồm đứng dậy - cả gã em rể cũng vậy, mặc dù gã vẫn còn mê mẩn với những gì gã đọc được trong báo chí - thì đã nghe có tiếng gõ cửa và lúc này, tôi mới sực nghĩ, không biết bà đầu bếp lẫn các cô phụ bếp biến đi đằng nào, cả mấy con em tôi nữa, chui rúc xó nào mà lại để khách, do không có ai tiếp đón, phải đi hết gian ti ền sảnh đến tận bếp gõ cửa thế này. Tôi ngượng chín người, v ềsau, tôi cứ căn vặn hai con em gái, làm sao lại không có ai đón khách ngay ở cổng vào khu nhà chính, tôi gắt, để người ta đi đến tận cuối gian ti ền sảnh mà chẳng ai đón tiếp như thế. Hai đứa chúng nó đã chẳng th ềthốt mãi với tôi, sẽ đích thân đón khách là gì - chẳng riêng gì khách đến viếng mà cả khách đến trọ cũng vậy. Chúng nó còn để hẳn trên chiếc bàn kê trong gian ti ền sảnh một danh sách ghi rõ ai trong số khách đến dự đám tang sẽ nghỉ lại đêm hôm sau, hay lâu hơn; trong đó cũng ghi rõ, khách sẽ nghỉ ở nhà trọ dưới làng, hoặc - nếu họ là bà con họ hàng gần gũi hay bạn bè thân thiết, như Spadolini chẳng hạn - sẽ nghỉ trong tòa nhà chính hay ít ra, cũng ở khu nhà thợ săn hay nhà thợ làm vườn, là nơi thấy bảo giường chiếu đã sửa soạn xong xuôi cả r ồi. Chỉ liếc qua danh sách, tôi đã thấy ngay chúng nó định xếp Spadolini nghỉ lại trong tòa nhà chính. Khách vừa đến gõ cửa là bà con bên ngoài, những người tôi chẳng quen mấy; thậm chí tôi còn phải tự giới thiệu, bởi họ cũng chẳng nhớ tôi là ai, mặc dù tôi đã có lần gặp họ ở München, tức là ở tại nhà họ, nhưng vào dịp nào thì tôi quên mất r ồi. Họ ai nấy đều mặc đồ đen; họ đảo mắt, theo tôi, có vẻ kiêu ngạo, nhìn quanh gian ti ền sảnh và muốn biết ngay gian nhà thờ họ ở đâu và phải chẳng người chết được quàn trong nhà thờ. *Không*, tôi đáp, *trong khu nhà kính*. Họ đòi đi ngay ra đó xem mặt người chết. Hôm đám cưới Caecilia, tôi nghĩ bụng, đám này không đến dự. Lần ấy, họ mà có mặt, tôi đã nhận ra ngay. Tôi không có ý định dẫn họ sang bên khu nhà lánh. Khi này, gã em rể thoáng trông thấy đám này, đã vội lẫn trở lại ngay vào bếp; tôi nhìn quanh xem các em gái tôi đâu, nhưng chúng nó chẳng rõ

tại sao lại bỏ rơi tôi bơ vơ một mình ở đây và biến mất tăm; tôi bảo họ đành chịu khó đi một mình sang khu nhà kính vậy, giá tôi không có việc gấp phải làm trên tầng trên thì tôi đã đích thân đưa họ sang đây rồi. Lấy cớ vậy thôi, chứ đám người này ngay từ đầu đã làm tôi khó chịu, khiến tôi chẳng muốn dây dưa lâu với họ làm gì nữa. Họ lần lượt chìa tay ra cho tôi bắt và tôi đành bấm bụng nắm lấy mà lắc, bụng bảo dạ, cố mà che giấu bớt sự chán ghét dành cho họ, nhưng thực tình không biết mình có giấu được không. Nói cho đúng ra, thì không phải bao giờ tôi cũng giấu được nỗi khó chịu, nhất là khi gặp những kẻ rõ ràng không thể ưa như đám này. Khó chịu nhất là cái vẻ kهن kiêu ta đây; mấy bộ quần áo đắt tiền kia chắc chắn mới sắm cốt chỉ để dự đám ma này và bây giờ được đem ra trưng - như thế trong buổi tổng diễn tập cuối cùng trước khi công diễn chính thức vậy - đây vẻ hào nhoáng, kiêu ngạo và tự tin đến phát ghét. Tôi chỉ họ cách đi sang khu nhà kính. Họ tất cả năm người, một cặp vợ chồng, cùng mấy đứa con đã khá lớn, trên dưới hai chục tuổi cả, và dưới con mắt tôi, hư đốn hết cả lượt, chẳng có gì ngoài sự hời hợt, đần độn, hỗn hào; bọn này tỏ ra không biết giữ ý giữ tứ gì, nói năng ồn ào, như thể chúng đang ở nhà chúng không bằng. Tôi không biết nhà này đã bao giờ đến nhà tôi chưa; xem chừng đã đến rồi, bởi mẹ tôi vẫn quý, vẫn chuộng hạng người như thế này, tôi tự nhủ, tức hạng người giống như bà. *Khu nhà kính nằm phía bên kia a*, tôi chỉ cho họ, rồi để mặc họ kéo nhau sang bên khu nhà kính. Gã em rể, này giờ lẫn vào bếp, đứng tán chuyện với các cô phụ bếp, đúng vào lúc các cô này bận bịu chuẩn bị bữa tiệc đứng buffet mà lúc sáng nay các em gái tôi đã bảo họ làm. Từ khắp các phòng, không biết bao nhiêu là khay đựng các loại bánh mì kẹp và các bát tô đựng đủ thứ xa lát trộn được bê ra; thậm chí từ gian nhà thờ - trong đó khá lạnh, nên rất tiện để bảo quản thức ăn - họ cũng bê ra cơ man nào những tô những bát đựng đầy nước sốt hay kem và vô số khay chắt đầy bánh mì. Thì cũng phải mời khách khứa ăn uống đàng hoàng! IM nhiên, thấy bảo vậy, họ chẳng đòi được ăn món nóng sốt, nhưng ít nhất cũng phải dọn mời họ bữa tiệc đứng với thức ăn nguội. Tụi em gái tôi tuy chẳng biết nấu nướng gì, nhưng dọn tiệc đứng với thức ăn nguội, thì chúng nó thạo ra trò. Ai cũng thích tiệc đứng do các em gái tôi dọn. Tôi không rõ trong hai đứa, đứa nào làm giỏi hơn, Caecilia hay Amalia, nhưng cả hai bao giờ cũng được khen ngợi về các buổi tiệc đứng

như thế. Riêng tôi, nói thật, chẳng màng gì lắm đến các bữa tiệc đứng đó, hay nói chung, món ăn thức uống không phải là chuyện lớn đối với tôi, chưa kể tôi cũng thừa biết các món ăn Áo chắc chắn không phải những món ăn ngon nhất trên đời và, tất nhiên, không thể đem chúng ra so với các món ăn Ý được. Gian tiền sảnh bây giờ sực mùi thức ăn. Trong lúc mấy người bà con từ München - bà con quả là rất gần vậy - đã sang bên nhà kính, thì số khách khứa khác từ nhà quản sự nối đuôi nhau kéo đến, suốt từ khoảng năm giờ chiều đến tận đêm vẫn chưa ngớt. Họ gồm đủ hạng người, đến từ khắp nơi, từ nhiều nước; trước đám tang một ngày mà khách đã nhiều hơn cả khách dự đám cưới của Caecilia, tính ra cũng phải hơn một trăm, một trăm hai chục, một trăm ba chục mống gì đó cũng nên. Rốt cuộc, tôi chả buồn đếm xem có bao nhiêu khách mới đến nữa, và cũng đành bỏ cuộc, không đích thân đón tiếp từng người nữa và trao hẳn cái trách nhiệm - thực lòng mà nói - hết sức khó chịu và đáng ghét ấy cho các em tôi. Hai đứa cuối cùng cũng nhận việc và chịu đứng sẵn ngay cổng vào khuôn viên để đón khách, tay cầm sẵn danh sách, trong đó ghi rõ khách sẽ nghỉ qua đêm ở đâu. số khách nghỉ tại khu nhà chính không nhiều, một số trọ trong khu nhà thợ săn, một số khác - trong nhà thợ làm vườn; số đông còn lại sẽ nghỉ tại các nhà trọ dưới làng. Hầu hết khách khứa đều mặc trang phục màu đen, tạo thành một bức tranh nghiêm trang, đứng đắn. Ấy thế, mà riêng Spadolini lại không khoác áo choàng đen mới lạ, lão xuất hiện trong chiếc áo khoác gọi là áo khoác bốn mùa màu lục pha màu xám, là chiếc áo tôi biết, trước đây lão từng đi mua với mẹ tôi ở Rome. Ở đường Condotti, tất nhiên. Cơ mà, rồi tôi sẽ kể tiếp về Spadolini sau. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang chẳng mấy chốc đã hòa lẫn vào đám khách khứa đông đảo; Caecilia, vợ gã, chốc chốc lại đi tìm và lần nào tôi cũng nghe tiếng nó ồn ã gọi tên gã, và tiếng gọi của nó, theo tôi, trong bối cảnh này nghe sao mà chướng tai. Và lại, tiếng gọi thỉnh thoảng lại vang lên như thế của nó khiến khách đến dự đám tang chắc phải buồn cười lắm; đa phần bọn họ, do thời tiết mát mẻ, đều đứng hết cả ngoài vườn, tận dụng cơ hội bắt chuyện làm quen nhau, bởi vì - như tôi nhận thấy ngay - phần lớn họ quả chưa biết nhau thật. Nói vậy, nhưng trong gian tiền sảnh khu nhà chính cũng vẫn còn khối người, nhất là các vị đã già hoặc đứng tuổi, ở tuổi các vị, người ta vẫn ưa lảng vảng gần bếp hoặc gian nhà thờ. Nhiều người cũng tưởng xác

người chết được quàn trong gian nhà thờ và, trước hết, đầu xăm xăm đến đó, tức là vào gian tiển sảnh khu nhà chính trước cái đã. Họ tỏ ra khá ngạc nhiên vì linh cữu không đặt ở đấy. Do gia đình tôi, từ lâu lắm rồi - tính từ đám ma ông nội tôi đến giờ - không cử hành đám ma nào nữa, nên nhiều người không còn biết lễ gia đình tôi vẫn quàn người chết trong khu nhà kính; nhiều người mới đến cứ thế băng qua sảnh chính đi thẳng tới gian nhà thờ, sau đó lại kéo nhau sang nhà kính. Ở đấy, ngay lối vào đã xếp đầy hoa, vòng hoa này chùng lên bó hoa khác, khiến đám thợ làm vườn khá lúng túng, không biết xếp vào đâu cho hết số hoa viếng được tiếp tục đưa từ bên nhà quản sự sang mỗi lúc một nhiều. Nến phía trong nhà kính bây giờ đã được thắp hết cả lên. Một vài cô phụ bếp không có việc trong bếp được phái ra ngoài tiếp rượu vang hay nước uống cho khách khứa đang đứng rải rác trong khu vườn; ngoài ra, còn thêm hai tay thợ săn cũng được sai đem cả nước uống lẫn chút *món ăn nhẹ* ra vườn mời khách. Từ cửa sổ phòng tôi ở tầng hai nhìn ra, khung cảnh đám khách khứa đứng tụ tập rì rầm nói chuyện trong khu vườn ngoài kia - vào giữa lúc hoàng hôn đang dần buông - tạo thành một bức tranh thật đẹp, trang nhã và sang trọng. Tôi lui về phòng tôi đã được một lúc, để tránh phải thường xuyên phơi mặt ra giữa đám người kia. Không còn chịu được cái trò mồm nhai đi nhai lại vài ba câu khuôn sáo y hệt nhau, tai căng ra hứng mãi cũng từng ấy câu nói giống nhau ấy thêm nữa, tôi đã chờ chớp được dịp may chuồn biến về phòng. Từ trên nhìn xuống, tôi ít nhiều bao quát được toàn cảnh dưới sân hơn. Hai em gái tôi lúc ấy đã kịp đẩy gã em rể ra ngoài đón tiếp và hướng dẫn chỗ nghỉ đêm cho khách. Đám ma thường vẫn hấp dẫn tôi hơn đám cưới, bởi thế bây giờ mọi chuyện ở đây quả cũng làm tôi hài lòng hơn đám cưới tuấn trước. Có đi đâu, như bây giờ đứng nhìn qua cửa sổ xuống vườn tôi mới thấy, phần đông khách cũng vẫn là những người tám hôm trước đã có mặt ở đây. Đương nhiên, cung cách của họ bây giờ khác đi nhiều, do tính chất của sự kiện nên họ giữ ý giữ tứ hơn. Họ đứng tụm thành từng nhóm nhỏ khẽ tán chuyện với nhau, tôi thoáng nghĩ, như thể hôm nay là một buổi dạ hội mùa hè vậy. Màu đen của các bộ trang phục trên người họ giúp che đi cái trơ trên nhỡ nhãng vốn không thể chịu nổi ở họ. Rằng duyên cớ tạo nên bức tranh đẹp đẽ, trang nhã và sang trọng này lại là một duyên cớ đau buồn, tôi tự nhủ, âu cũng là đi đâu đáng tiếc. Thế nhưng, chỉ

xét riêng vẻ đẹp và sang trọng của bức tranh này thôi, tôi thẫn thờ nghĩ, miệng khê lẩm bẩm thành lời, thì cũng đáng để thỉnh thoảng, ta tổ chức kiểu dạ hội như thế này cho vui; ở đây, tôi tự nhủ, chính nét thẩm mỹ là động cơ thôi thúc. Song, chớ có đại đồng tai nghe họ chuyện trò gì với nhau. Đứng bên cửa sổ, từ nãy đến giờ tôi chắc mẫm dưới kia mọi người đang thì thào hỏi nhau về tôi, về anh con trai, tức là về thằng em, về kẻ thừa kế mới, về ông chủ mới, vân vân và vân vân; ông ta đi đường nào, sao không ở đây với họ và cũng chẳng thấy mặt mũi đâu, mặc dù ai cũng bảo, ông ấy đang ở đâu đó. Tôi không bật đèn trong phòng, để có thể đứng đây nhìn xuống đám đông ở dưới mà không ai biết, không ai phát hiện ra. Lúc này Spadolini vẫn chưa có mặt. Tôi sốt ruột chờ lâu từng giây từng phút, nhưng mãi sau y mới đến, và tất nhiên rồi, làm khuấy động cả lên. Chờ lâu quá, tôi rời phòng tôi sang phòng bố tôi, ngồi xuống bên chiếc bàn chơi bài trước đây ông vẫn dùng làm bàn com-mốt. Áo choàng ban đêm của bố tôi vẫn treo ở cửa. Tôi đứng dậy, nhắc xuống mặc lên người, bởi tôi bỗng thấy ớn lạnh. Buộc xong dây lưng áo choàng, tôi ra đứng trước chiếc gương treo trên tường. Cơn buồn ngủ, mà lúc ngồi dưới bếp với gã em rể tôi cố lờ đi, giờ đây - như người ta vẫn nói - quả nhiên đã tan biến, làm tôi tỉnh như sáo. Nhưng tôi chẳng có chút hứng thú nào thò mặt ra ngoài lúc này, nên tôi ngồi xuống chiếc ghế bành bố tôi kê bên bàn chơi bài rồi duỗi thẳng chân ra. Lúc này, tôi chợt nhận ra căn phòng bố tôi, so với lúc nãy tôi vào đây, đã được dọn dẹp sạch sẽ, và dường như trong chớp mắt bỗng thật sự trở nên bóng lộn. Trên chiến bàn kê bên cửa sổ còn có cả hoa cắm trong lọ, tôi không nhìn rõ hoa gì, bởi trời cũng tối lắm rồi. Song, tôi sực nghĩ, phòng này vừa được dọn dẹp gấp cho Spadolini. Tôi nhớ, tôi đã nói với Gambetti trong điện thoại, rằng Spadolini không những có thể, mà chắc chắn sẽ đến dự đám tang và sẽ nghỉ qua đêm trong phòng bố tôi. Tôi nghĩ bụng, mình đoán quả không sai. Bên giường ngủ là đôi dép đi trong nhà kiểu Anh quốc, dạo nào mẹ tôi mua ở Wien cho bố tôi, nhưng bố tôi chẳng mang bao giờ, vì ông bảo trông nó *đôi bại quá*. Đôi dép - mềm mại, làm bằng da cừu non, màu đen, trông sang trọng hết sức như mẹ tôi vẫn trăn trờ, và chưa ai xỏ chân vào bao giờ - bây giờ đang để sẵn đó, chờ Spadolini. Cả chiếc áo choàng tôi đang mặc đây chắc cũng vậy, tôi nghĩ bụng, rồi đứng lên, cởi áo ra, treo trở lại vào chỗ cũ. Cái móc treo áo này

bố tôi tự tay bắt vít gắn vào cửa, bắt chắp mẹ tôi từng luôn mồm phản đối, rằng ông gắn *cái móc làm xấu hẳn cánh cửa*. Phòng tắm của bố tôi cũng được dọn dẹp sạch sẽ, khăn lau, khăn tắm mới tinh, vòi nước lau sạch bóng. Máy cô giúp việc trong nhà, tôi tự nhủ, làm ăn cũng được đây, có đi đâu ở đây các cô lau chùi, dọn dẹp chu đáo thế này, còn phòng tôi, các cô chẳng ngó ngàng gì đến. Thật vậy, phòng tôi vẫn giữ nguyên trạng như tuần trước, lúc tôi cứ để bừa mọi thứ ra trong phòng rồi dùng dùng giặt dũ bỏ đi. Giặt dũ, vì bố mẹ tôi, đúng ngày cuối cùng trước khi tôi ra đi, lại thi nhau đổ lên đầu tôi không biết bao nhiêu lời khiển trách lối sống của tôi ở Rome. Trong tai tôi vẫn còn vang những lời ông bà xía xói tôi hôm đó, nhưng tôi chẳng muốn nhắc lại nữa. Tôi chợt nhìn thấy bộ ly cốc bằng bạc trên bàn com-mốt của bố tôi, vốn do mẹ tôi mua từ Paris về tặng ông. Thì sau mỗi chuyến đi xa về, bà vẫn thường đem một thứ gì đó về cho ông; nhưng về bộ ly cốc bằng bạc này, bố tôi chỉ lầu bầu, trông nó *quá ẻo lả đàn bà*, ông không thích, vâng, ông đã dùng đúng những từ như thế về bộ ly cốc bạc đem từ Paris về này. Ông chưa bao giờ sờ đến bộ ly cốc. Bây giờ bộ ly cốc đã được lôi từ trong ngăn dưới của bàn com-mốt đặt lên mặt bàn, tôi nghĩ bụng, để chờ Spadolini đây. Mẹ tôi cho khắc mấy chữ đầu tên của bố tôi lên mặt ngoài bộ ly cốc, và tôi vẫn nhớ, ông nhắm mắt cẩn thận, coi đấy là *trò lơ bịch*. Tôi nghĩ bụng, thì ra mẹ tôi cũng không thành công lắm trong việc làm hồng khiêu thâm mỹ vốn không đến nỗi xoàng của ông. Tôi lại nghĩ xuống ghê và nghĩ sang chuyện tại sao tôi ngưỡng mộ Spadolini, ngưỡng mộ cuộc đời thật khác thường của y, bắt đầu từ một thành phố Bắc Ý nằm gần hồ Como. Y là con một luật sư và ngay từ rất sớm, đã được bố mẹ nhắm cho làm nghề linh mục. Là một trong năm đứa con của gia đình, đứa nào đứa nấy đều học xong đại học và ít nhiều thành đạt, Spadolini chắc chắn là đứa có tài nhất. Vị linh mục trẻ tuổi mới đầu đến Florenz, sau đó về Rome và mới hai mươi lăm tuổi đã bước chân lên đường công danh. Đến đâu y cũng được nồng nhiệt đón tiếp, y nói gì ai cũng lắng nghe và xuất hiện ở đâu, y cũng khiến đám đông phấn chấn, làm mọi cuộc vui bữa tiệc y tham dự cao giá hẳn lên. Mới ba mươi lăm đã là Sứ thần Tòa thánh ở Wien, ba mươi tám - được trao giữ một chức vụ quan trọng, cai quản việc tài chính của Vatican, bốn mươi tuổi - Sứ thần Tòa thánh, mới đầu ở vùng Đông Á, sau ở Nam Mỹ. Cả tiếng lầy Ban Nha lẫn tiếng Bồ Đào Nha, y

nói chuẩn, không chút pha giọng cũng hết như khi dùng tiếng Anh, tiếng Pháp. Và, nói cho đúng, y có thể tiếp chuyện đủ các đê-tai, với tất cả hạng người; hầu như không gì có thể làm y lúng túng. Y làm quen với mẹ tôi lần đầu tiên tại một bữa tiếp tân của Đại sứ quán Bỉ ở Wien. Với Spadolini, có lẽ mẹ tôi quả thực là *đứa con của thiên nhiên*, như y vẫn nói với tôi. Bây giờ đứa con thiên nhiên của y chết mất rồi, tôi nghĩ bụng, *đứa con thiên nhiên y yêu thương nhường ấy* đang nằm quàn trong cỗ áo quan tại nhà kính kia, bỏ mặc một mình y ở lại trên đời. Thế nhưng, Spadolini chưa từng cô đơn bao giờ, bao giờ y cũng biết hòa mình vào đám nhân quần và luôn luôn biết chọn chỗ đứng giữa trung tâm của vũ trụ, tôi nghĩ bụng, cứ nhìn y là biết. Vừa xuất hiện - bất kỳ ở đâu, hay bất kỳ giữa đám đông dù lớn, dù nhỏ nào - y đã chế ngự mọi sự trong nháy mắt. Đâu đâu, cũng như bất kỳ lúc nào, thiên hạ chen nhau vây lấy y. Bàn ăn y ngồi bao giờ cũng là bàn hứng thú nhất. Năm nào, mẹ tôi cũng mời y về thăm Wolfsegg ít nhất hai lần, song cũng không phải chỉ lên Wolfsegg, mà còn xuống cả miền biển phía nam nghỉ ngơi, giải trí nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần. Và nếu tôi nhớ không nhầm, Spadolini chưa bao giờ từ chối; đáng bề trên của Nhà thờ này đáp máy bay, bao giờ cũng hạng nhất hẳn hoi, đến tất cả những nơi mẹ tôi đang ngóng chờ Ngài, tất nhiên, tại những khách sạn sang nhất, đẳng hoàng nhất, về những cuộc hẹn hò kiêu này, bố tôi có khi biết, có khi không, rồi rốt cuộc, ông cũng chẳng thêm màng đến chuyện mẹ tôi gặp Spadolini ở đâu, hay bao giờ nữa. Thậm chí, ông còn rất hay đi cùng với hai người kia, chẳng hạn, đến Badgastein hay Taormina hay Sils Maria ở Thụy Sĩ, là nơi cả ba vị sẽ trọ ở khách sạn *Waidhaus* - khách sạn xây tại nơi đẹp nhất xứ này. Ở đây Spadolini hoặc sẽ mang ván trượt tuyết đường trường hoặc bơi thuyền trên hồ Silsersee về phía đèo Maloja, tức là về phía bức tranh từng làm Segantini nổi tiếng ấy. Vị Đức cha Tổng Giám mục ấy - một người mang một lúc ba hộ chiếu, một cái của Vatican, một cái của Ý và một cái khác gọi là hộ chiếu ngoại giao và rất biết cách sử dụng chúng một cách tùy cơ ứng biến ấy - bao giờ cũng cảm thấy, phải nói thẳng ra như thế, sung sướng hạnh phúc bên cạnh mẹ tôi. Y rất hay nói vậy, và tôi tin y nói thật lòng. So với y, các Giám mục ở Áo thật khờ dại - ngồi duỗi người trên chiếc ghế bành, tôi nghĩ bụng - đến như đem Đức Hồng y ở Wien ra so thì cũng vẫn còn khờ nữa là. Có thể nói Spadolini là



*chức sắc bầm sinh của Giáo hội.* Chỉ cần nghe y nói thế nói, chỉ cần thấy y ăn uống ra sao, tôi nghĩ bụng. Hay cứ trông cách y ăn mặc là biết. Y không phải là hạng tăng lữ xuất thân từ quần chúng bình dân, những người thật lòng ngây ngô gắng sức leo lên bậc thang danh vọng của Giáo hội; y là *chức sắc bầm sinh của Giáo hội*, như người ta vẫn kháo nhau. Ngồi trên ghế bành, tôi lẩm bẩm nhắc đi nhắc lại nhiều lần, *chức sắc bầm sinh của Giáo hội*, như thế. Ảnh hưởng của y ở Vatican cực lớn, mặc dù các mối quan hệ của y với các Đức Giáo hoàng còn hơi sơ sài, hay *quá xa*, như y đôi khi chia sẻ với tôi, khiến y, cho tận giờ, vẫn chưa được đội chiếc mũ Hồng y lên đầu. Song, Spadolini cũng là con người của đời trần vậy, tôi nghĩ bụng. Có lẽ, cái chết của mẹ tôi, tôi tự nhủ, sẽ là cơ hội cho tôi phục hồi lại, hay thậm chí làm bền chặt thêm tình bạn thân thiết giữa tôi với Spadolini; thả cho nó tự do vùng vẫy, không vướng víu ai. Bởi gì thì gì, Spadolini cũng là một cái cớ khiến tôi chuyển đến Rome; chính y giới thiệu tôi với Zacchi và anh này đã tìm cho tôi căn hộ ở Piazza Minerva, chính y đưa tôi đi khắp các xó xỉnh ở Rome, đã đưa tôi nhập vào giới thượng lưu ở Rome, đã ít nhiều *giải mã* thành Rome cho tôi. Lúc đầu, ở Rome tôi chỉ quen Spadolini, chỉ biết dựa vào y. Cũng cần nói thêm, rằng chú Georg tôi rất trọng y, mặc dù chú biết Spadolini, như chú vẫn thường nói, *quan hệ lén lút theo một lối kỳ cục* với mẹ tôi. Chính Spadolini cũng đã nhiều lần đến Cannes, một lần y còn đi với chú Georg đến Senegal, là nơi hai vị cùng tổ chức cuộc triển lãm tranh các họa sĩ miền nam nước Pháp và đồng thời, theo lời chú Georg, *trò chuyện theo lối triết học* hàng tuần liên với nhau. Spadolini còn là một nghệ sĩ - nghệ sĩ yên trên ghế, tôi nghĩ bụng - nghệ sĩ siêu cấp là đẳng khác, dù cho y chẳng vẽ vờ cũng không chơi nhạc cụ nào hết. Tôi thường đi với lão qua các phố phường thành Rome và y từng cứu tôi thoát khỏi mọi *tâm trạng đen tối độc địa*, kéo tôi vượt qua mọi nỗi hoang mang thất vọng, nhất là vào thời gian đầu tôi ở Rome - cái thời do tôi hầu như không biết xoay xử với chính mình ra sao mà đâm ra u sầu, mất ngủ và trong đầu toàn loay hoay với các ý định tự vẫn ấy. Tình trạng đó kéo dài mãi cho đến lúc Spadolini đánh thức tôi, làm sống lại trong tôi các ham muốn làm việc khoa học, rốt cuộc, y làm trung gian, bắt mối cho tôi dạy Gambetti. Y vốn quen biết gia đình Gambetti từ hàng chục năm nay. Spadolini nhiều lần rủ tôi đi dạo trên đồi Pincio, chỉ cốt kéo tôi ra khỏi hố

sâu hoang mang tuyệt vọng, bằng cách, như y luôn miệng nói, *tập luyện tư duy*. Y làm sống lại trong tôi các năng khiếu, mở lại cái gọi là *vốn liếng tư duy* mà chính tôi đã quên khuấy đi mất, nhắc nhở tôi nhớ lại, tôi đến Rome nhằm mục tiêu gì; y bảo, đó là mục tiêu gì *nếu không phải là mục tiêu vận động tư duy*. Lòng đam mê tư duy của tôi, lúc đó cần cỗi, gần như chết ngóm đến nơi rồi thì Spadolini kịp thời lay nó dậy, chính y, chứ không phải ai khác. Hai chúng tôi luyện tập tư duy với nhau và cũng rất hay đến Trastevere tìm các quán ăn ngon. *Ăn ngon là một đường, nghĩ suy minh mẫn là một đường khác*, ấy là những lời y hay nói, nhằm đóng thật sâu vào đầu tôi. Và, chắc chắn đó là những lời lẽ đã cứu sống tôi. Y thường bỏ công chạy xe đưa tôi về nông thôn, tức là chạy dọc theo đường Appia đi về nơi bất tận, chỉ với một mục tiêu duy nhất là cứu vớt tôi. Và tôi phải nói ngay, Spadolini cũng chính là người duy nhất, *cảm nhận được* tôi là người thế nào. Đã bao nhiêu lần y cố làm cho mẹ tôi hiểu, tôi là người thế nào, là kẻ có đầu óc cao siêu ra sao, song mẹ tôi bao giờ cũng bỏ ngoài tai những lời khen ngợi tán tụng y dành cho tôi. Vẫn ngỡ yên trên ghế và không rời mắt khỏi bộ ly cốc bạc đem từ Paris về để trên bàn, tôi nghĩ bụng, vâng, *đưa con tự nhiên* của y cứ để yên y huyền thuyên nói, nhưng chẳng buồn nghe. Làm sao lại thế được nhỉ? Sao Spadolini say mẹ tôi mê mết, ít nhiều còn yêu bà là đằng khác và rõ ràng, rất thông hiểu bụng dạ bà; tâm can tôi thế nào, y cũng hiểu, trong khi bà chẳng hiểu gì về tôi, bà chẳng buồn hiểu tôi thì đúng hơn, ngỡ trên ghế bành, tôi nghĩ bụng, Spadolini hiểu tôi, y cũng hiểu cả mẹ tôi, nhưng mẹ tôi bao giờ cũng chống lại tôi, bất chấp việc Spadolini lúc nào cũng bên vực tôi. Spadolini không làm sao thuyết phục nổi mẹ tôi để tâm đến cái thằng con một chút. Có lần y bảo tôi, *bà ấy không thấy có mối liên hệ nào với anh cả, anh hoàn toàn xa lạ với bà ấy*. Song, thật không thể hiểu vì sao mà mẹ tôi, vốn trong bất cứ chuyện gì cũng chịu ảnh hưởng lớn của Spadolini, lại không hề chịu nghe lời lão trong những chuyện dính dáng đến tôi. Bà không nghe, vì bà *không muốn nghe*, có vậy thôi. *Ta quý anh, quý mẹ anh, nhưng mẹ anh không hiểu anh*, y nói với tôi, *thậm chí bà còn ghét anh nữa kia, còn anh, thật ra anh cũng chẳng ưa gì mẹ anh, thậm chí còn căm ghét bà ấy*, Spadolini chẳng bao giờ ngần ngại khi phải nói toạc sự thật. Lão cũng phải là kẻ chức sắc của Giáo hội để cho phép mình thẳng thừng như thế, tôi nghĩ bụng, để lấy quan điểm

của Nhà thờ làm cách nhìn cho chính mình. Ai nấy thuộc dòng họ Spadolini đều có đầu óc độc lập, tôi thầm nghĩ. Kể cả lão Spadolini, kẻ chức sắc của Giáo hội, là kẻ mà tôi quen biết đây. Cả yếu tố Spadolini lẫn yếu tố quân chủ, tôi nghĩ bụng, đều có thể được khẳng định trong khuôn khổ Nhà thờ Thiên chúa giáo theo cách thích hợp với ý. Đến cả hôm nay cũng vậy. Trong phòng bố tôi vẫn còn ấm hơi ông. Tôi đứng dậy, mở tủ treo quần áo ra và, chỉ nhìn lướt qua một lượt, đã đếm được mười hai bộ âu phục đang treo, bộ nào cũng do ông thợ may Knize ở Wien đích thân may đo cho bố tôi. Nhưng, do bố tôi thấp hơn tôi nhiều - à không, vốn thấp hơn, tôi vội thềm đánh chính - nên tôi không mặc vừa mấy bộ này được, tôi nghĩ thầm và suy tính xem nên đem tặng ai. Đem cho mấy anh thợ làm vườn thì thật vớ vẩn, nhưng bảo đem cho cánh thợ săn thì tôi chẳng bao giờ đem, biểu họ hàng lại càng không, tôi tự nhủ và đóng tủ lại. Trong ngăn đựng giày bố tôi thường vẫn để phải đến ba chục đôi là ít. Tôi mở ngăn đựng giày ra, giày cỡ bốn hai ở đây chẳng ai mang vừa - tôi nghĩ bụng - rồi lại đóng tủ đựng giày lại. Nhưng sơ mi còn tốt của bố thì tôi sẽ giữ lại dùng. Áo may rất khéo và tôi mặc cũng vừa. Đám người nhà chắc đã dọn tủ riêng cho Spadolini rồi. Trên bàn giấy, bố tôi dựng mấy tấm ảnh mọi người trong gia đình, mỗi người một tấm, ai nấy đều có dáng điệu ôn hòa, vô hại. Mấy tấm ảnh không dọa nạt ai, tấm nào tấm nấy đều làm người xem yên lòng, không gây ra bất cứ đi đâu gì khiến người ta phải nghĩ ngợi, cùng lắm, cũng có thể chỉ gọi cho người ta một câu hỏi, làm sao mà trong bấy nhiêu tấm ảnh ai nấy đều cùng có dáng điệu ôn hòa và vô hại như nhau được như thế. Bố tôi thường trở dậy lúc năm giờ sáng, năm rưỡi ông ngồi xuống bên bàn giấy, để *sắp xếp công việc* - như ông vẫn nói - rồi khoảng bảy rưỡi, ông ngồi ăn điểm tâm với mẹ tôi trong *đại sảnh* - gian phòng rộng, trước đây mẹ tôi vẫn gọi là *gian phòng màu lục*. Trời mà đẹp, thế nào ông bà sẽ cho mở toang hết cửa sổ ra. Trong lúc điểm tâm, hai ông bà thường bàn bạc lịch trình trong ngày, và các bất đồng lẫn các cuộc cãi cọ đầu tiên giữa hai ông bà đều bắt đầu từ đây. Nhưng vào những năm sau này, các buổi điểm tâm như thế của hai ông bà chỉ còn diễn ra trong im lặng, có chăng chỉ còn tiếng ly tách đụng nhau. Bố tôi vốn kiệm lời, mẹ tôi tuy nói nhiều và *thích* nói, nhưng vào giai đoạn đó, dẫu gì trước mặt bố tôi bà cũng giữ ý, không đa ngôn lắm lời lắm nữa. Bố tôi lâm bệnh và trong

lòng bà, bà chỉ thầm mong sao cho ông sớm mất. Thật ra thì bao giờ bà cũng chắc mẫm ông chết đến nơi rồi. Bà nghĩ như thế hàng năm trời liên tục, bà định ninh cứ nhìn nét mặt ông, bà khác biệt. Mỗi khi có ai gây chuyện gì làm bố tôi khó chịu, thế nào bà cũng ôn tồn, *thôi để ông ấy yên, ông ấy bị bệnh, chết đến nơi rồi còn gì*. Bà nói như thế nhiều đến mức quen miệng, trước mặt ông, bà cũng chẳng buồn im miệng, vẫn bô bô nói ra như vậy. “Trước mặt chúng tôi, bà cũng không từ, cứ luôn mồm *để cho bố yên nào, bố ốm nặng thế kia*. Phần câu tiếp theo *bố sắp chết đến nơi rồi* thì bà không nói, chỉ nghĩ trong đầu bà. Trong nhà, bất cứ lúc nào cũng có thể nghe bà nói, lúc bố tôi vắng mặt hoặc quá mệt, thì *để cho bố yên nào, bố ốm thế kia và sắp chết đến nơi rồi*; lúc nào ông có mặt thì, *để cho bố yên nào, bố ốm thế kia*. Cứ hở ra lúc nào là bà lên xe đi gặp Spadolini, vâng, Spadolini hào hoa - như bố tôi có lần đã gọi y như thế. Kể ra thì gọi như thế quả không ngoa, giờ đây tôi nghĩ bụng. Cứ vài ba tuần, khi nào ông chùng mờ nhạt, ốm đau, nằm kề miệng lỗ của bà làm bà ngán đến tận cổ, bà lại phải tìm đến người tình hào hoa kia của bà cho khuây khỏa, rồi đến lúc, người tình hào hoa của bà vướng chuyện này chuyện khác, không còn thì giờ chi đâu bà nữa, thì bà lại về với ông chùng mờ nhạt, không chút hào hoa, ốm đau và nằm kề miệng lỗ của bà, thường bà về giữa đêm, lén lút, hòng tránh tai khuất mắt đám đầy tớ trong nhà, song, tôi biết, bọn đầy tớ bao giờ cũng đánh hơi được mọi chuyện, bởi nói cho cùng, bao giờ đầy tớ chả am tường chuyện nhà chủ. Người ta thường vẫn tưởng, đám đầy tớ chẳng để ý gì; nhưng họ để ý hết đấy, thậm chí cả những chuyện nhỏ nhặt, tầm thường nhất, cả những chuyện không bao giờ có ai ngờ họ lại để mắt đến. Bởi vậy, nên họ thông tường mọi chuyện. Bao giờ ta cũng tưởng đám đầy tớ vô hại, ta có thể lừa phỉnh họ bất cứ lúc nào, có thể qua mặt họ khi nào ta muốn. Nhưng lúc nào họ cũng biết tỏng tỏng tong mọi chuyện, Spadolini, con người hào hoa, tôi thầm nghĩ, từ hàng chục năm trời nay vốn là niềm khao khát khôn nguôi của mẹ tôi. Bố tôi, ở đoạn cuối đời, chẳng buồn để ý đến niềm khao khát ấy của bà nữa, trong khoảng thời gian sau này, mỗi khi bà đêm khuya mới mò về, ông cũng chẳng buồn hỏi xem bà vừa đi đâu về. Bởi, nếu có hỏi, thì bà sẽ chỉ đáp lại ông, *ở chỗ Spadolini về*, bằng một giọng nhạo báng mà thôi. Thế nhưng, ngược hẳn với vị chức sắc Giáo hội, với kẻ hào hoa kia, ông chủ nông trại mờ nhạt và

buồn tẻ này, xét cho cùng, mới là người an ủi bà, là chỗ dựa cho bà. Thịnh thoảng, bà lại ngả đầu lên vai ông, thủ thủ, từ bao giờ bao giờ đến nay, *có ông* tôi thật sung sướng biết chừng nào. Và bà biết ơn ông đã tha thứ cho bà tất cả mọi chuyện. Bố tôi chỉ ng ỡ yên, mặc cho bà nói. Ông đã rời khỏi sân khấu ấy rồi, cái sân khấu trên đó đang trình diễn vở *Spadolini*, vở hài kịch lỗ bịch - như ông vẫn nói. Từ lâu rồi, vở hài kịch chỉ còn lại độc hai nhân vật nữa thôi. Cho đến tận bây giờ, tôi nghĩ bụng, tôi vẫn chỉ ưa những căn phòng om om tối; nhưng vào mùa này ở Wolfsegg, tôi cũng không bao giờ bật đèn phòng vì còn thêm một lý do nữa là muỗi mất, giống muỗi cứ thấy ánh sáng là bay xông vào và trong chớp mắt sẽ biến các căn phòng ở Wolfsegg thành địa ngục. Khi nào trong phòng tối om, g ần như chẳng nhìn thấy gì nữa cả, tôi nghĩ bụng, là lúc tôi thích nhất. Điềm tâm xong, bao giờ bố tôi cũng sang nhà quản sự, nhìn quanh nhìn quất, rồi g ần như lần nào cũng như lần nào, ông sẽ trèo lên một chiếc máy kéo nào đấy, rồi chạy biến vào rừng. Chẳng ai biết ông tìm cái gì trong ấy. Ông chẳng tìm cái gì sất, tôi nghĩ bụng, ngoài những phút giây được một mình yên thân, khuất bóng vợ, vắng mặt con. Sáng hôm sau, người ta sẽ tìm thấy chiếc máy kéo ông bỏ lại ở đâu đó, còn ông, ông đi bộ xa hàng cây số trên mảnh đất do ông sở hữu. Đó chính là niềm vui thú lớn nhất trong mọi niềm vui thú của ông ở đời. Bao giờ ông cũng chỉ muốn làm một *nông dân* mà thôi. Ông chẳng bao giờ ấ p ử những cái gọi là các tham vọng lớn lao. Mãi đến lúc câu hỏi về người kế tục, tức là người thừa kế ông trở nên ráo riết, ông mới chịu lấy cô gái tỉnh lẻ, con gái một nhà buôn rau quả lớn, tức là người đem rau quả miền đ ồng quê Weis đóng chai đóng lọ, rồi đem số chai lọ ấy về bán ở Wien. Cưới mẹ tôi làm vợ xong, bố tôi vẫn thích luẩn quẩn trong trại lợn hơn là ng ỡ ở *đại sảnh*, sau này bị mẹ đổi tên thành *căn phòng màu lục*. Ông vẫn ưa thích gặp gỡ bằng hữu ở nhà quản sự, hay khu nhà thợ săn hơn, tôi tự nhủ. Nhưng một nông dân như ông, tất nhiên, vẫn luôn luôn giữ được cung cách ông chủ như thường. Đưa con đầu tiên đẻ ra đúng như ông mong muốn, tức là đưa con trai sẽ thừa kế ông, tức gã Johannes, anh tôi. Ông *thừa nhận* tôi, như đã nói, trong vai thừa kế phụ, còn mấy đứa con gái, đối với ông, có đẻ hay không đẻ chúng nó ra cũng chẳng sao. Ông không để tâm chút nào đến những kẻ sinh sau đẻ muộn như thế, cho nên, cũng là chuyện đương nhiên thôi, khi chúng nó ngay từ đầu đã bám váy

mẹ. Hai đứa chúng nó, cả Caecilia lẫn Amalia, vốn đều là *hai đứa con xinh xắn*, những đứa mà vè sau - như mồm miệng dân gian từ ngàn đời vẫn phán không sai - mỗi ngày một xấu xí. Khó coi là đấng khác. Hay ít ra, khó coi dưới con mắt tôi. Song, trong số các con, tôi là đứa rơi vào tình thế oái oăm nhất. Như thiên hạ vẫn nói, tôi không lọt vào chỗ nào trong hai trái tim bố mẹ tôi, vè sau tôi cũng đành thôi, chịu, không tìm cách chen vào con tim ông bà nữa. Bởi rốt cuộc rồi tôi cũng phải thừa nhận rằng trong đấy không còn góc nào dành cho tôi hết. Ấy vậy, nhưng ngay từ đầu tôi vẫn gần gũi với bố tôi hơn là với mẹ tôi; ngay từ bé tôi đã sợ mẹ tôi, trong khi với bố tôi, tôi vẫn luôn có một độ tin cậy nhất định, mới đầu là độ tin cậy của trẻ thơ, vè sau là của kẻ vị thành niên, sau rốt là của kẻ đã trưởng thành. Đối với tôi, dù sao đi nữa, ở ông luôn luôn toát ra cái uy của một ông bố, còn mẹ tôi, bao giờ tôi cũng chỉ coi là người sẽ hãm hại mình mà thôi. Suốt đời tôi, tôi luôn có cảm giác, ông bà sinh ra tôi, như người ta vẫn nói, cốt chỉ để dự phòng, khi cần sẽ lôi ra dùng. Tai nạn xảy ra đây cho thấy, ông bà tính toán quả không sai, vẫn nghĩ trên ghế bành tôi thản nhiên, duy có cái chết của chính mình thì ông bà không tính đến. Giá chỉ một mình anh Johannes ngã trong xe thôi, tôi tự nhủ, thì bây giờ ông bà có thể với tay ra sau, lôi tôi đặt lên trước và hẳn sẽ đắc chí lắm với các trù tính đúng đắn khôn ngoan từ trước của mình. Nhưng ông bà cùng chết một lúc với kẻ thừa kế chính, nên chẳng được hưởng sự đắc thắng ấy cùng thằng con thừa kế dự bị. Vẫn nghĩ trên ghế, tôi lại nghĩ tiếp, phải, mình là kẻ thừa kế dự phòng bị ông bà bỏ lại, và tôi cũng tự cảm thấy như thế thật. Ngay trong cái từ *kẻ thừa kế dự phòng* này tôi chợt nhận ra cơ hội lớn của chính mình. Song, tôi nghĩ bụng, làm sao để tận dụng cơ hội ấy? Nghĩ tới chuyện Spadolini sắp đến đây, tôi thấy dễ chịu. Tôi tìm thấy ở y một người tôi có thể chia sẻ hết mọi chuyện. Qua Spadolini, tôi có được cái đầu tỉnh táo, tỉnh táo hơn cái đầu của chính mình, vốn đang bị tai họa chết người này làm cho vẫn đục. Trong những ngày sắp tới, thậm chí có thể chỉ vài tiếng nữa thôi, tôi tự nhủ, Spadolini sẽ là người để tôi chuyện trò, bàn bạc. Y phải giúp tôi trong chuyện này, y phải chỉ cho tôi lối thoát, mà tự tôi chưa thấy. Tuy tôi cũng mừng rỡ tưởng được đôi phần vè tương lai nay mai thật, nhưng tôi chưa biết làm cách nào quy chúng về một mối thành một kế hoạch hợp lý được cả. Ngoài Spadolini ra, tôi nghĩ bụng, tôi không tin sẽ còn ai khác nữa có

thể nói cho tôi biết bây giờ tôi phải làm gì. Nhưng đồng thời, tôi cũng chưa rõ một Spadolini nào sẽ đến đây; một Spadolini có ích hay một Spadolini có hại cho tôi sẽ đến Wolfsegg, bởi vì câu hỏi, liệu lúc này y có thể làm hại tôi hay không, bây giờ không hẳn đã là câu hỏi không thể đặt ra, mà ngược lại, *đó chính* là đi đâu khiến tôi e sợ. Nhưng rồi tôi lại nghĩ ngay, nếu quả như vậy thật thì đúng là mình đã đánh giá hoàn toàn sai về y. Vẫn ngồi trên ghế, tôi tự nhủ, rất có thể lúc này, trên đường đến đây, trên đường tiến về Wolfsegg, y cũng đang suy tính rất lung - chỉ có đi đâu theo hướng trái ngược với tôi - *mà suy tính theo cách của y*, về tương lai của Wolfsegg, về cách thức đưa Wolfsegg vượt qua tai họa khủng khiếp này. Song, tôi chợt nghĩ, liệu mình có thật cần đến Spadolini không? Chẳng lẽ mình không có cái đầu riêng của mình hay sao? Tôi không cần đến Spadolini một chút nào hết, tôi tự nhủ và đứng bật dậy khỏi ghế bành, tiến tới phía cửa sổ nhìn xuống đám khách khứa đến dự tang lễ đang tụ tập trong vườn. Lúc này đám đông không phải mỗi lúc một đông thêm, mà vẫn đi, vì phần đông khách khứa đã lui về nơi họ sẽ nghỉ qua đêm. Từ trên này xuống, tôi thấy đám đông khách khứa đang bắt đầu tan dần ra. Spadolini vẫn chưa đến, tôi nghĩ bụng, nhưng chắc chắn hôm nay y sẽ đến thôi. Y cố tình đến thật muộn, để khỏi phải đối mặt với mọi người dưới kia, tránh rơi vào tình huống lúng túng, khó xử trước đám đông. Nhìn xuống dưới qua cửa sổ từ trên này, tôi thấy rõ, đứng giữa đám khách khứa - này giờ chẳng chút ngập ngừng xéo chân đạp cẳng lên cỏ mọc trong vườn và giờ đây đang mỗi lúc một thưa ra dưới kia - là gã chủ xưởng nút chai rượu vang với chiếc khay trên tay. Trơ khấc một mình. Caecilia gọi tên gã, gã liền đi ngay về phía ả, lúc này chắc đang đứng ở cửa dẫn vào ngôi nhà chính. Chính chỗ này, bên cánh cửa sổ này đây, bố tôi thường vẫn đứng gần suốt đêm mỗi khi ông không ngủ được. Cả đời ông vẫn bị chứng mất ngủ hành hạ; còn mẹ tôi, không thấy bà than phiền về chứng mất ngủ bao giờ. Ông đến đứng bên cửa sổ này thật lâu, mong sao sẽ buồn ngủ, song, ngay cả khi đã mệt mỏi sau hai, ba tiếng đứng bên cửa sổ, ông vẫn không ngủ được. Rồi dần dà thành thói quen, nhất là vào cử tháng Ba, tháng Tư, cứ khoảng ba giờ sáng ông đã trở dậy, lững thững đi vào rừng. *Ta là người của rừng cây*, ông vẫn thường nói vậy. *la* ưa vào rừng nhất. *Ta thích nhất được chết trong rừng*, tôi nhớ có lần ông đã nói thế, nhưng rồi ông nào có được toại nguyện; ông

chết cái chết thường ngày hiện nay - hoàn toàn trái ngược với cái chết ông mong ước - chết như hàng triệu con người hiện đại ngày nay có thể lăn ra chết, chỉ vì một giây khắc lơ đãng, không tập trung trên đường mà thôi. Spadolini lưu ý tôi chú ý đến bản tính của Gambetti, nói cách khác, y giải thích cho tôi biết Gambetti là người thế nào, làm sao để gần gũi anh ta, làm sao để anh ta tin cậy, bởi vì, theo lời y, xoay sở được với Gambetti là việc cực kỳ khó khăn. Chẳng là Gambetti đã từng bày tỏ với Spadolini ước vọng được học một thầy người Áo, chứ dứt khoát *không phải thầy người Đức*, dạy văn học Đức cho anh ta. Và, sau này y bảo tôi, đúng lúc ấy thì anh xuất hiện ở Rome. Theo y, tôi là người *thích hợp nhất* cho công việc đó. Gambetti bao giờ cũng coi Spadolini là người cha tinh thần của mình, nên y bảo gì nghe nấy. Ông thân sinh của Spadolini vốn đã là bạn thân từ lâu của ông thân sinh của Gambetti - ngả người xuống ghế bành, tôi nghĩ bụng, mắt nhắm lại, tận hưởng sự yên tĩnh trong căn phòng bố tôi. Nghe tiếng người phía dưới vọng lên qua cánh cửa sổ đang mở, tôi đoán chỉ còn sót vài mống khách dự đám tang đang nán lại chuyện trò với hai đứa em gái tôi. Tôi không hiểu họ nói gì với nhau, chỉ nghe những tiếng rời rạc, chẳng ăn nhập đâu vào đâu. Tôi còn nhớ, tôi nghe rõ những tiếng như *gió lùa, bệnh đau thắt ngực, vô chính phủ, kinh tởm, mùa mưa*, tùy theo từng cơn gió, tiếng nói ở dưới vọng lên lúc nghe rất rõ từng lời, lúc lại lao xao không ra tiếng gì với tiếng gì nữa. Ấy là chưa kể, dưới vườn, họ chỉ nói khe khẽ với nhau thôi đấy. Ngay từ đầu, người ta đã nhắm cho Spadolini *những địa vị rất cao* rồi, như chính y có lần nói, bởi ông thân sinh y vốn là người nhiều tham vọng. Ông ta cho y học hành đến nơi đến chốn, để y - như chính y có lần nói - có cơ hội leo thật nhanh trên bậc thang danh vị của Vatican. Riêng có bà mẹ y, nghe nói chẳng màng gì đến cái việc chăm chăm theo đuổi công danh tuy chắc chắn nhưng khó nhọc của con trai bà ở Vatican. Theo như lời mẹ tôi, ngay từ đầu, con đường tiến thân của Spadolini đã rất thuận lợi, và không bị đứt quãng bao giờ, một *sự nghiệp huy hoàng* mà - như mẹ tôi nói - thông thường vốn đã hiếm thấy, trong lịch sử Nhà thờ lại càng hiếm thấy hơn nữa. Lúc đầu, Spadolini bảo tôi, chính Gambetti là người đã *thử* tôi, chứ không phải ngược lại, xem tôi có làm thầy anh ta được không. Chính anh ta, Gambetti, đã đặt ra các biện pháp nhất định nhằm thử thách khả năng dạy học của tôi. vẫn ngỡ trên



ghế, tôi nhớ lại dạo ấy, Spadolini nhắc lại lời Gambetti nói với y về tôi, rằng tôi đã ngon lành vượt qua những lần thử thách đó. Ta thường vẫn tưởng, ngay từ đầu ta đã là thầy dạy của học trò mình, nhưng thật ra - tôi nghĩ bụng - ta bị bọn học trò của ta thử thách hàng tháng trời mà không hề hay biết. Gambetti, ngay từ những ngày đầu mới quen biết nhau, đã hỏi tôi những câu khiến tôi phải lấy làm kỳ lạ, không bình thường, nhưng tôi cũng chẳng nghĩ xem anh ta hỏi vậy làm gì. Mới đầu, Spadolini cùng với tôi và Gambetti hay gặp nhau ăn tối ở gần Piazza Minerva, tại một quán ăn chỉ do các bà xơ chạy bàn dọn bữa. Các bà xơ, tất nhiên, cứ xoắn quanh Spadolini khiến y cũng không khỏi lúng túng. Quán này chính là quán Maria không ư, không ư đến mức nàng chỉ độc có một lần đi với tôi đến đó. Buổi tối hôm ấy, do trong quán có mặt khá nhiều thực khách thuộc giới chần chừ, nên các bà xơ lảng xảng nhìn họ một cách đáng ghét, đến mức Maria nhìn không nổi, phải phát khùng. Bữa đó tôi hẹn gặp nàng ở đây là để bàn luận về thơ của nàng, nhất là về bài thơ gọi là thơ *Bohemia* mà bấy giờ đã kíp nổi tiếng khắp thế giới rồi và chắc chắn, là bài thơ nằm trong số những bài thơ hay nhất, đồng thời cũng là đẹp nhất, của nền thi ca Áo. Dạo ấy, tôi bảo Maria, với bài thơ này, em đã viết ra bài thơ hay nhất và đẹp nhất, mà cho đến nay chưa từng một nữ thi sĩ nào dùng ngôn ngữ của chúng ta viết ra nổi. Tôi nói vậy, hoàn toàn không có ý tán tụng, khen ngợi gì, tôi chỉ nói ra một sự thật mà bây giờ cả thế giới đều đã thừa nhận. Bao giờ tôi cũng yêu thơ của Maria, bởi thơ nàng là những vần thơ có một không hai, vừa rất Áo, vừa thấm đượm cả thế giới, lẫn vũ trụ bao quanh nó. Và cũng vì thơ nàng là thơ của một nữ thi sĩ thông minh bậc nhất mà chúng ta biết từ xưa đến nay. Thơ của Maria tuyệt nhiên không bị lụy, giờ đây tôi nghĩ thêm, hoàn toàn khác với thơ bao nhiêu người khác, những nhà thơ dù có điên dại hay ngộ ngược đến đâu đi nữa, cũng chỉ loanh quanh trong vũng lầy bị lụy kiểu Áo mà thôi. Thơ Maria là thơ *phản bị lụy và trong sáng*, có thể đánh giá cao ngang với thơ của Goethe, ngang tầm những vần thơ mà tôi cho là tuyệt vời nhất của Goethe. Vâng, Maria phải chuyển đến Rome sống, để có thể viết nên những vần thơ đó, vẫn ngồi trên ghế bành, tôi tự nhủ, rồi lại chuyển dòng suy nghĩ quay về Spadolini. Nhờ có y, tôi làm quen với Gambetti - người bạn đáng mến, đáng quý nhất ấy của tôi ở Rome. Cuộc sống của tôi ở Rome không biết sẽ ra sao, nếu không có

Gambetti, tôi thàn nghĩ - con người ngày ngày khiến tôi phải đối diện với những ý tưởng mới mẻ, ngày ngày đặt cho tôi những câu hỏi bất ngờ, con người vẫn ngày ngày làm tôi tươi trẻ lại, bởi ngày nào cũng như ngày nào, bao giờ anh cũng buộc tôi phải đối đầu với các vấn đề thật sự của thế giới chúng ta. Gambetti, chàng thanh niên không ngừng đặt câu hỏi, không ngớt chất vấn, chàng thanh niên căn vặn đến nơi đến chốn, không bao giờ để tôi yên ấ - tôi nghĩ bụng - chàng thanh niên có thể bất chợt xông đến nhà tôi, thả sức cật vấn, gạn hỏi tôi thâu đêm đến sáng trời sương lạnh, chàng thanh niên tôi không thể trốn tránh ấ! Gambetti, con người muốn nắm hiểu tất cả, thông qua văn học Đức - n ền văn học thật ra anh chỉ dùng làm phương tiện để học hỏi mọi thứ khác ở đời, Gambetti - chàng trai vô chính phủ, chàng trai dưới sự dẫn dắt của tôi trở thành một người vô chính phủ thật sự, chàng trai có thể do chính tôi dạy dỗ thành con người vô chính phủ chống lại bố mẹ anh ta, chống lại thế giới, chống lại chính cả bản thân mình, nhưng đ ồng thời, tôi nghĩ bụng, cũng là người thúc đẩy và khơi dậy các yếu tố vô chính phủ vẫn từng được ấp ủ trong tôi, đưa chúng trở lại vận hành ở Rome. Gambetti, anh chàng vừa đặt những câu hỏi về mọi chuyện, vừa ném những tờ báo kiểu như *Corriere della sera* lên bàn, hay đúng hơn là ném thẳng vào mặt tôi, chàng trai trẻ mà Maria còn yêu quý hơn cả yêu quý tôi ấ; Gambetti, kẻ hoài nghi chủ nghĩa vĩ đại nhất tôi từng gặp trên đời, còn vượt trội hơn tôi về hoài nghi, kẻ lấy chủ nghĩa hoài nghi làm nguyên tắc sống, và như anh ta đã có lần nói với tôi, bắt đầu dùng hoài nghi làm công cụ cưa xẻ thế giới thành từng khúc, nhằm thực sự nghiên cứu nó một cách đầy đủ. Gambetti, chàng trai chỉ muốn làm sao cho nổ tung mọi thứ, nhưng đ ồng thời, suốt ngày suốt buổi chỉ đánh độc chiếc áo len đỏ, không ngừng hàng giờ li ền trên các phố phường thành Rome, tay kè kè cắp sách Jean Paul, Kleist hay Wittgenstein và trong đ ầu say sưa mê mẩn cùng các ý nghĩ cưa cắt, mổ xẻ hay làm nổ tung thế giới-Nhưng đ ồng thời, Gambetti cũng là người ngoan ngoãn ăn tối trong de la Villa cùng bố mẹ và vẫn để mặc họ yên thân sống qua ngày trong sự lạc hậu của họ, là người chỉ mua sắm mọi thứ ở phố Condotti mà thôi và căn hộ anh ta ở không những chỉ được bài trí bằng con mắt thẩm mỹ tinh tế, mà còn thể hiện một trình độ hiểu biết về văn hóa cao đáng nể của chủ nó. Gambetti là người tôi bám chặt vào, y hệt như anh ta bám chặt vào tôi. Gambetti - vẫn

ng ồi trên ghế bành, tôi nghĩ bụng - là con người kiêu mẫu cho loại người vừa có đầu óc tìm tòi, khảo sát, vừa đầy các tính toán lạnh lùng; Gambetti, chàng thanh niên có khả năng mê hoặc thiên hạ ở quanh mình ấy! Tôi nhìn về phía nhà kính được rọi sáng từ bên trong, một cảnh tượng trước đây tôi chưa từng thấy bao giờ. Dưới vườn chỉ còn lại lưa thưa vài người khách, nhưng tôi không nhận ra ai với ai. Lẽ ra tôi phải có nghĩa vụ đón tiếp họ, tôi nghĩ bụng, mình phải xuống bắt tay bắt chân họ mới đúng, nhưng tôi không đủ sức làm việc đó nữa; tôi cứ thế mặc nhiên đẩy công việc lễ nghi đó vào tay các em tôi, bắt chúng nó phải gánh vác công việc ấy; dẫu sao chúng nó cũng hợp với việc này hơn tôi, gì thì gì chúng nó cũng là con gái bố mẹ tôi và biết cách xử sự với bọn người ngang tầm ngang lứa, còn tôi từ lâu đã quên hết mọi phép tắc ở đây rồi, tôi tự nhủ, trong lúc vẫn bị ngây người vì bị mê hoặc bởi ánh nến yếu ớt hắt ra từ bên trong nhà kính. Màn giáo đầu đã đến hồi kết, tôi tự nhủ, Spadolini vẫn chưa thấy mặt mũi đâu, còn những người khác, nói cho cùng, chẳng hề làm tôi quan tâm. Mình chẳng dính dáng đến họ, tôi tự nhủ, họ chẳng can hệ gì đến tôi, tất cả bọn họ chỉ làm tôi vướng víu, tôi coi thường họ, họ coi thường tôi, hòa cả làng. Chợt tôi có cảm giác hình như tôi vừa nhìn thấy người anh họ Alexander của tôi bước vào vườn, đi một mình, không có vợ đi kèm. Và tôi sực nghĩ, phải, tụi em gái tôi tất cũng đánh điện báo cho Alexander ở Brussel biết tin. Thế mà suốt buổi tôi chẳng hề nghĩ đến anh, tôi tự nhủ. Đúng anh Alexander thật, anh đang bước về khu nhà kính, tôi nhìn theo, thấy anh bắt tay một số người đứng trước cổng, theo phong cách của riêng anh từ khi nào đến giờ vẫn gây cho tôi nhiều thiện cảm, một phong cách rất sang trọng nhưng đĩnh thờ, cũng rất tự nhiên. Chà, tôi chợt nghĩ, anh Alexander của tôi, *con người đây mộng tưởng ấy* đây rồi, anh ngang tuổi tôi; vâng, anh với tôi chia tay nhau cách đây phải đến ba chục năm, khi anh sớm buộc phải rời trường nội trú theo bố mẹ sang Bỉ. Nhưng chúng tôi không bao giờ đứt liên lạc với nhau. Ngược lại, cuộc hôn nhân của anh với chị vợ anh bây giờ, một người mà lúc đầu - tôi phải thú thật - làm tôi rất ngờ vực, thậm chí càng làm tình bạn giữa hai chúng tôi thêm bền chặt - vâng, tình bạn sâu sắc thật sự, chứ không phải quan hệ bà con họ hàng, mà chúng tôi vốn không hề để tâm đến. Tôi vẫn hay đến Brussel, ngay từ lần đầu tôi đến London đã vậy; cũng như về sau, cứ trên đường đi Paris là tôi

lại ghé qua chỗ anh chị. Cứ bao giờ tôi đến thăm, hai người lại đưa tôi đến chơi nhà bạn bè người Bỉ của anh chị ở miền đông quê ngoại ô Brussel hoặc kéo tôi ra bãi biển Ostende. Anh chị làm tôi quen tôi cả nghệ thuật của Ensor lẫn của Delvaux, đưa tôi đến thăm nhiều trang trại xinh xắn ở quanh Brussel. Nhưng, việc tôi thường làm nhất vẫn là ngủ suốt đêm với Alexander trong phòng làm việc, nghe anh ấy thuyết trình, như thiên hạ vẫn quen nói, *về đủ chuyện trên trời dưới biển*. Wig, qua những đêm như thế, vị triết gia Alexander này vẫn nhỡ nhét bức tranh triết học của anh vào đầu tôi, khiến hằng tuần sau đó lòng dạ tôi vẫn không sao yên trở lại được nữa. Tôi đi lang thang với Alexander khắp Brussel đến thăm bạn bè anh, những người sống chui rúc trong các căn hộ nghèo nàn, những người hầu như không có chút của cải nào, những người từ khắp các nước châu Âu khác nhau, nhưng đông nhất vẫn là từ Ba Lan, Tiệp Khắc hay Hungary và Rumani - những người gọi là dân Đông Âu, vì muốn thoát khỏi chế độ cầm quyền nhà nước họ, mà lánh sang đất Bỉ, sống kiếp *tị nạn chính trị* trong vòng tay cứu mang của Alexander. Trong cái văn phòng anh thuê cạnh nhà ga Luxembourg ở Ixell, Alexander tiếp xúc với số người tị nạn chính trị này rồi đứng ra bảo lãnh họ, giúp họ thoát khỏi nguy cơ bị bắt giam, nhốt vào tù, do tội rời bỏ quê hương và xâm nhập bất hợp pháp vào nước Bỉ. Nói cách khác, anh coi việc giúp đỡ những người tị nạn chính trị nọ là nghĩa vụ của mình. Anh cho anh thích hợp với công việc này. Chẳng mấy chốc người ta đều nhận ra, quả anh giúp họ xuất phát từ *tấm lòng tuyệt vời* của anh thật, chứ không phải vì động cơ nào khác, nên ai nấy thi nhau nhảy chồm lên người anh, bầu lấy anh suốt cả ngày lẫn đêm. Song, tôi đứng bên cửa sổ phòng bố tôi nhìn theo anh và tự nhủ, chính anh đã muốn như thế. Từ tận Brussel đến đây mà trông anh như thể vừa đi dạo đâu đó bên ngôi biệt thự trẻ thơ về hay từ phía sau nhà quán sự chạy sang, hoàn toàn tự nhiên thoải mái trong bộ quần áo giản dị, trên người tuyệt nhiên không mang một dấu hiệu phô trương, không gợn một nét kiêu kỳ hợm hĩnh nào hết cả. Nhiều kẻ cùng tầng cùng lớp xã hội với anh vẫn thường liệt anh vào hạng ngây ngô, bởi đối với họ, anh luôn *quá tự nhiên*. Không như tôi, anh không tỏ cảm ghét ra mặt thói hình thức chủ nghĩa, khô khan, dơ dơ cứng nhắc đó của thiên hạ, anh chỉ đáp trả lại nó bằng thái độ mỉa mai, nhạo báng mà thôi. Thế nhưng, tôi nghĩ bụng, người ta bảo anh

ngây ngô, chẳng qua vì họ bị lương tâm cắn rứt thế nào đó và vì không hiểu triết lý của anh mà thôi. Hệ thống triết học của Alexander, tôi gọi các quan điểm triết học của anh như thế, là một thứ triết lý khó hiểu, nó vượt khỏi tầm hiểu biết thông thường của đa phần các khối óc trong thiên hạ, tôi tự nhủ, nó nghiêm khắc đòi hỏi một thứ tư duy sắc bén, trong sạch và liêm khiết. Tôi thẫn thờ, tôi không bao giờ đủ tầm vươn tới cách tư duy đó. Tôi luôn luôn bị chìm ngụp trong triết lý, trong cách tư duy của anh. Các chuyến viếng thăm Brussel của tôi, cho dù bao giờ cũng tuyệt vời, tôi tự nhủ, đều kết thúc trong sự thảm bại về mặt tinh thần của tôi, bởi Alexander thao thao thuyết giảng, nhưng tôi, tôi không sao hiểu nổi lập luận của con người mang đầy mộng tưởng đó. Tôi còn nán đứng thêm vài ba phút để quan sát Alexander ở dưới sân, anh ấy chắc chắn sẽ nghỉ đêm trong tòa nhà chính, tôi tự nhủ rồi đi nhanh xuống, qua gian tiền sảnh ra ngoài tiến về phía Alexander, lúc này đã bước vào khu nhà kính. Đã lâu rồi, tôi không gặp lại Alexander. Anh ấy không sang Áo, một đất nước mà thể chế chính trị, cũng như tôi, khiến anh không chịu nổi, còn tôi không sang Bỉ, do thứ khí hậu bao trùm xứ sở ấy, mặc dù trước đây, suốt hai chục năm liền, tôi vẫn đều đều sang đó sống hàng tuần, thậm chí hàng tháng trời, trên tầng năm ngôi nhà ở phố Croix mà Alexander thuê đã từ ba chục năm về trước. Ở đó, trên tầng năm ngôi nhà ở Brussel ấy, tôi từng viết chút ít về Pascal, đạo đây là tác giả tôi yêu quý hơn bất kỳ tác giả nào khác, cũng như về thơ của Maria, về những vần thơ của một nữ thi sĩ hồi đó tôi chưa được làm quen. Trên đó tôi cũng từng viết một bài tiểu luận ngắn về nhạc sĩ *Bohuslav Martinu* mà tôi hết sức hâm mộ, nhưng rồi tôi cũng quẳng bài tiểu luận ấy đi ngay. Dẫu gì, Alexander cũng đã dẫn dắt tôi gia nhập giới thượng lưu ở Brussel; tôi với anh đã từng cuộc bộ cả nửa ngày liền qua nhiều cánh rừng tuyệt vời ở ngoại ô Brussel. Đạo ấy, ở anh đã có những triệu chứng đầu tiên của căn bệnh sau này gọi *bệnh mạn tính kéo suốt đời anh*, mà anh toan chữa trị không những chỉ bằng Cortison, mà bằng cả biện pháp một tuần hai lần, đi bộ hai tiếng đồng hồ liên bên bờ biển Ostende - những chuyến đi bộ nhằm mục tiêu đi đầu trị, mà tôi vẫn thường đi kèm ấy, quả là quá sức anh. Tuy nhiên, những buổi đi bộ bên bờ biển hứng gió mặn, lẽ ra phải có tác dụng chữa anh lành bệnh, rốt cuộc, cũng không phải là phương pháp đi đầu trị có hiệu quả như anh mong muốn, một biện pháp do một tay bác sĩ

Bỉ mới cho, tức là một tay trong số bác sĩ t ỏi tệ nhất trên đời; v ềsau tôi mới biết ai cũng chửi tui bác sĩ người Bỉ là tui ngu đ ần nhất trên đất châu Âu này. Hai chục năm nay r ồi, như tự anh ấy vẫn nói đi nói lại, anh sống nhờ vào Cortison, không nhờ cái gì khác nữa cả. Cùng với chú Georg tôi, và suốt thời gian trước khi tôi chuyển v ềRome, chính anh Alexander, tuy chỉ ngang tuổi tôi, là người th ầy dạy triết học cho tôi. Đúng lúc tôi định bước vào gặp anh ấy trong khu nhà kính, thì anh ấy bước ra; có lẽ, đến nửa phút đứng trong đó, anh ấy cũng chịu không nổi. Anh bắt chặt tay tôi, r ồi hai anh em đi qua đi lại trước khu nhà kính, không bu ồm để ý tí nào đến số người còn đứng đó trước khu nhà kính, những người có lẽ cũng biết tôi và anh họ tôi, nhưng chúng tôi cũng không thêm để ý đến họ, bởi nói cho cùng, nào họ can hệ gì đến chúng tôi đâu. Anh bảo, anh rời Brussel lên đường v ềđây ngay, đi một mình, vì vợ anh ốm nặng, không theo được. Mà anh cũng thật mừng có thể một mình đi qua đi lại chỗ này với tôi một lúc, vì anh định đi ngay xuống nhà trọ họ *phân* cho anh dưới làng để làm nốt công việc anh đem theo là việc viết cho xong *bản kiến nghị*, như anh nói, *mà tôi sẽ gửi thẳng chính phủ Bỉ và Nhà Vua! về một số việc liên quan đến mấy người bạn tị nạn chính trị của tôi, họ bị chính phủ đối xử như với súc vật. Con người đây mộng tưởng* hỏi thăm đôi câu v ềhai em gái tôi, r ồi, sau khi buông đôi lời bình dí dỏm làm tôi phải b ảmbụng cười v ềđám người đứng xung quanh, tất nhiên, may họ không nghe thấy những lời này, chứ nếu không, tôi nghĩ bụng, họ đã tự ái và nổi xung lên với chúng tôi ngay, và anh cũng không nói với tôi, dù chỉ một lời, v ềvụ tai nạn cũng như v ềmấy xác chết đang quàn trong khu nhà kính, anh đã biến mất. Anh chỉ bảo tôi, không cần ai đưa, anh khắc tự tìm thấy đường đến nhà trọ, mai anh đến dự đám tang r ồi sau đó, sẽ quay trở lại Brussel *ngay tức khắc*, bằng chuyến tàu tối. Tôi chẳng còn kịp nói với anh, tôi muốn anh nghỉ lại trong ngôi nhà chính, gần phòng tôi. Đó vẫn là kiêu lâu nay của anh, anh l ắglặng rút lui không chút ồ ào; nhưng lần này, quả là anh rút nhanh đến mức kỷ lục. Anh chẳng hềthay đổi, tôi nghĩ bụng, anh vẫn là anh như xưa, *con người đây mộng tưởng* tôi hết lòng yêu mến ấy! Bây giờ tôi mới nhìn ra, những người đứng quanh tôi đây đều thuộc hai gia đình bà con với mẹ tôi ở Neustadt tại Wien, nghĩa là họ hàng bên ngoài tôi kia đấy, nên tất nhiên, tôi chào họ, thậm chí tôi còn hỏi thăm xem chuyến đi của họ v ềđây có

được *dễ chịu* không, bằng một giọng quá ư thân mật khiến tôi phát bực cả mình, bởi nào tôi có chút thiện cảm nào với đám người này đâu. Họ đứng đực ra đó, như thể muốn tôi bây giờ phải toàn tâm toàn ý hiến thân cho họ, làm như họ đây đang là những người duy nhất tôi phải để tâm tới, trong khi chính họ lại là bọn người tôi chỉ muốn rũ đi thật nhanh, tôi nghĩ bụng, rồi tôi nói đôi lời xin lỗi - đến bực cả mình - lại hơi tha thiết quá mức, rằng tôi có việc không thể trì hoãn được, nên buộc lòng phải đi. Đoạn, để mặc đám người Neustadt ở Wien đứng lại đó, tôi đi sàng khu nhà quản sự, sau đó sang khu nhà thợ săn, nhưng trong lòng kỳ thực không biết mình muốn gì. Rốt cuộc, tôi bước vào căn phòng gọi là văn phòng bố tôi. Tất tần tật các hồ sơ, sổ sách kế toán liên quan đến Wolfsegg đều được lưu trữ, bảo quản ở đây. Đối với tôi, văn phòng này, cũng như mọi thứ làm tôi liên tưởng, dù chỉ xa xôi thôi, đến một văn phòng của nợ nào đấy, bao giờ cũng là một cơn ác mộng khủng khiếp. Văn phòng ở Wolfsegg cũng có cái mùi đặc trưng văn phòng, cái mùi khiến tôi trong chốc lát đã không cưỡng nổi cảm giác, tôi sẽ chết ngạt, nếu không nhanh chân thoát ra ngoài. Ấy thế mà lúc này, tôi lại ở lại trong văn phòng, một việc tôi chưa bao giờ làm, rồi tôi ngồi xuống bên bàn giấy, trên đó thư từ gửi đến cho bố tôi từ hôm trước vẫn còn nằm nguyên. Các loại hóa đơn, thư từ liên quan đến công việc làm ăn ở Wolfsegg, đôi ấn phẩm quảng cáo máy móc nông nghiệp. Tôi ghét các loại ấn phẩm như thế này. Tôi căm ghét các loại giấy tờ dính dáng đến công việc kinh doanh này. Tôi đẩy đồng thư từ ra thật xa để có chỗ đặt một tờ giấy trắng lên đó. Tôi viết lên tờ giấy, toàn bộ bằng chữ in hoa, ANH ALEXANDER, KẸ ĐẦY MỘNG TUỞNG CỦA TÔI vào chính giữa tờ giấy mà chẳng hề nghĩ, tại sao tôi lại viết ALEXANDER lên đó như thế. Chẳng có cơ quái nào cả. Như thiên hạ sẽ bảo, tôi đang rơi vào trạng thái bần thần và căng thẳng cực độ. vẫn ngồi yên trên ghế, tôi sực tỉnh, hóa ra hiện giờ tôi đang ngồi trong văn phòng của tôi, chứ không phải văn phòng bố tôi và ý nghĩ đó bỗng nhiên làm toàn thân tôi mỗi mọt rã rời. Tôi ngược mắt, đảo một vòng quanh các bức tường văn phòng và cảm thấy ghê tởm bốn bức tường này. Thấy ghê tởm hàng trăm cặp hồ sơ nhãn hiệu Leitz xếp đều đặn trên các giá áp tường, trên sống lưng các cặp này tôi không thấy chữ gì khác ngoài chữ *Wolfsegg* và ngay phía dưới là dòng ghi số năm. Hàng cặp hồ sơ xếp dài bên nhau, dài đến mức làm tôi gần phát điên.

Bố tôi vốn cũng là một tay cạo giấy, thông thái rởm. Nét chữ gọi là nắn nót, ngay ngắn và sạch sẽ, mà xét cho cùng, thật hết sức thô lậu của bố tôi xưa nay vẫn làm tôi ghê sợ. Ông luyện viết chữ thật đẹp rồi ông lưu giữ suốt đời ông lối viết chữ đẹp ấy, một lối viết thật ra chỉ đám dân cạo giấy và thông thái rởm không ai chịu nổi mới viết mà thôi. Rồi suốt đời ông, ông cố biến Johannes thành một kẻ cạo giấy thông thái rởm không thể chịu nổi như thế, hay nói cách khác, suốt đời ông, ông đã bỏ công gắng sức tạo ra một bản sao của chính mình. Ông quả đã thành công, tôi nghĩ bụng, trong việc biến Johannes thành bản sao của ông thật. Thế nhưng, các bản sao bao giờ mà chả đáng tởm. Nét chữ nắn nót đẹp đẽ kia được viết lên mặt giấy bởi một bộ óc đã cần cỗi, héo tàn, tôi thầm nghĩ, bởi bàn tay một con người đã cần cỗi, héo tàn như bố tôi. Thịnh thoảng, nói của đáng tội, ông cũng muốn thoát khỏi tình trạng cần cỗi, héo tàn ấy lắm, nhưng nào có được. Sự cần cỗi, héo tàn đã tiến quá xa mất rồi. Bố tôi viết thứ chữ viết các thầy dạy học vẫn ưa, thứ chữ nắn nót, đẹp đẽ của kẻ nông phu ít học mà cánh thầy dạy trường làng hay tỉnh lẻ vẫn dùng, tôi thầm nghĩ, một thứ chữ viết như thế cũng để lộ tâm trạng đầy lo âu, một tâm trạng của kẻ bị đè nén. Vâng, bố tôi quả là con người bị đè nén, con người bị Wolfsegg và mẹ tôi, tức vợ ông, chung nhau đè nén không thương tiếc, tôi nghĩ bụng. Của bố tôi còn sót lại độc thứ chữ viết thầy đồ này, chẳng còn gì khác. Trong đầu tôi nảy ra ý nghĩ đó, vì trên bàn giấy, tôi tìm thấy một bức thư còn viết dở dang của bố tôi gửi công ty phân hóa học nào đấy ở Lustenau tại Vorarlberg. Thư dính dáng đến một đề nghị hay xin xỏ gì đấy thì phải, tôi nghĩ bụng. Thế nhưng, một tay trợ lý công việc buôn bán mới viết thế này, chứ không thể là ông chủ Wolfsegg được. Tôi đọc đi đọc lại mấy dòng đầu bức thư viết dở, lần nào cũng thấy sao nó thô thiển đến vậy. Đành rằng bố tôi vốn không phải người quen viết thư viết từ, nhưng chẳng ai được phép viết như thế này. Ngay cả cái cách ông để bút nghiên nằm lại trên bàn đây, tôi nghĩ bụng, cũng đến là ngao ngán. Chỉ có bọn thầy đồ, hay đám trợ lý mới vào nghề mới để bút nghiên thế này, chứ con người có tằm cỡ, không ai làm thế. Bố tôi vốn có phải người có tằm cỡ không nhỉ? Tôi tự hỏi. Tuy mệt mỏi, tôi vẫn còn tự đặt cho mình một vài câu hỏi vô nghĩa như thế về bố tôi. Rốt cuộc, tôi cũng tự hỏi, vậy chứ có tằm cỡ nghĩa là thế nào? Dây cặp hồ sơ Leitz, đánh số theo năm kéo ngược đến tận những năm đầu thế



kỷ, đập vào mắt lại càng làm tôi ngao ngán hơn. Người đã chạy thoát khỏi thế giới này, để rồi bây giờ bỗng dưng bị *một cú đòn của số phận* giáng xuống, ấn đầu người ngập đến tận cổ vào đây. Cái gọi là *đòn số phận* ấy vang lên trong đầu tôi với tất cả sự tởm lợm và giả dối của nó, và như người ta thường nói, giáng nốt cú cuối cùng, buộc tôi phải đứng dậy, bước đến bên cửa sổ. Đứng từ đây nhìn qua cửa sổ, mắt ai nấy sẽ đập ngay vào bức tranh sơn dầu vẽ Thánh Mẫu bế con trên tấm kềm lớn gắn trên bức tường của nhà quản sự nằm đối diện. Cái cổ của Thánh Mẫu vẽ trên bức tranh này cao quá là cao, cao hơn tất cả những bức tranh tôi từng ngắm qua và hoàn toàn phản bác mọi hiểu biết của môn giải phẫu học. Chúa Jesus lúc bé, vẽ trên bức tranh này, rõ ràng mắc chứng não úng thủy. Từ xưa đến giờ, ngay cả lúc này cũng vậy, bức tranh bao giờ cũng làm tôi buồn cười. Nên tôi bật cười to thành tiếng, liệu có ai nghe tôi cười hay không, thì tôi cũng mặc kệ. Đúng lúc đó, Caecilia hiện ra ở ngưỡng cửa, nó bảo, nó đến mời tôi lên ăn bữa tối, dọn sớm và dành riêng cho người nhà, chứ không dính gì đến bữa tiệc buffet dành để mời khách cả. Tôi căn vặn cô ả ngay, tại sao lại để Alexander nghỉ qua đêm dưới làng, bởi nhẽ ra, tất nhiên phải mời Alexander nghỉ tại khu nhà chính mới đúng phép; tôi hỏi, nó xếp anh ấy ngủ ở nhà trọ nào trong làng; nếu đã để Spadolini ngủ trong nhà, tôi cần nhân, thì đương nhiên cũng phải thu xếp cho anh Alexander ở gần ta trong ngôi nhà chính chứ. Trên đường rời khỏi khu nhà thợ săn, tôi bảo con em tôi, thật là lố bịch khi gã chủ xưởng nút chai rượu vang được ở trong nhà ta, còn Alexander thì không. Nó không nói được cho tôi biết nó đã xếp Alexander ngủ ở đâu nữa, nó thề thốt đôi ba lần, nó quả không biết thật. Suốt cả đoạn đường, tôi không ngớt quở trách nó về chuyện thất lễ với Alexander rồi nói thêm, tôi không hiểu vì sao nó lại xếp đúng đám khách tôi chịu không nổi vào ngôi nhà chính và nêu tên một vài người khi nãy tôi gặp trong khu nhà chính và định ninh họ sẽ ngủ qua đêm ở đó; ai đời, lại ưu đãi đúng bọn người bên ngoài đáng ghét ấy, tôi gắt, cô cũng biết tôi không ưa đám người ấy, còn Alexander thì cô lại đẩy xuống dưới làng; xử sự như thế thật là *đê tiện*. Buột miệng nói chữ *đê tiện ra*, tôi lại thấy hối ngay, liền nói vọt vát với Caecilia, tôi cũng không muốn làm cô phật lòng đâu, nhưng toàn bộ cái đám ma này làm tôi đau hết cả đầu, sắp làm tôi rối tung rối mù ra đây này và lúc nãy tôi cười bức tranh Thánh Mẫu, tôi chổng chể, đứng ra

là vì bối rối, thậm chí vì điên đầu là đằng khác mà cười thôi; tôi nói, như thể muốn xin lỗi Caecilia vì cái chữ *đê tiện* tôi buột mồm buột miệng nói ra một cách không thể tha thứ được như thế, chắc chắn không phải chỉ có tôi mới điên đầu, mà cả các cô cũng hết sức chịu đựng rồi; và - lúc hai anh em bước đến cổng vào khu nhà chính, nhìn vào trong gian tiền sảnh đã lại thấy có khách mới đến - tôi nói tiếp, rằng tôi rất lấy làm tiếc vì đã vô tình, chứ hoàn toàn không chủ ý xúc phạm nó, rằng trong lúc cực kỳ căng thẳng, tôi đã không đủ sức để xử sự đúng như hoàn cảnh đang đòi hỏi tôi phải xử sự, vâng, tôi *phải* xử sự. Rồi hai anh em bước vào gian tiền sảnh và lại đưa tay bắt tay khách khứa dự đám tang mới đến, lại lặp đi lặp lại những câu, những lời đã nhòen quen tại các đám tang trước khi lên được tầng hai dùng bữa tối sớm hơn thường lệ cho anh em chúng tôi ấy. Thật đáng tiếc, tôi nói với hai đứa em gái, rằng anh Alexander không ngồi chung đây với ta; giá được vậy, có phải vui hơn không. Làm sao ta lại để mặc anh ấy một mình ở nhà khách dưới kia mới được chứ. Nhưng tụi em gái tôi muốn ngồi ăn riêng với tôi là có mục đích cả. Nói cách khác là chúng nó định mặt đối mặt thăm dò tôi. Nhưng chúng nó không moi được gì ở tôi cả. Trong khi từ phía dưới đang vọng lên tiếng ồn ào của khách khứa chen nhau vào bàn buffet dọn trong bếp cho họ, thì trên này, ba chúng tôi ít nhiều cũng dùng những món y như thế. Caecilia còn thể theo ý muốn của tôi đóng chặt cửa dẫn lên tầng này, *để bọn vợ náo dưới kia không mò lên đây được*, tôi bảo nó vậy, và nó chẳng nói chẳng rằng, ngoan ngoãn đứng dậy đóng cửa lại. Tôi không chịu được đám người ấy, tôi bảo vậy, rồi lại quay trở về nói chuyện Alexander, nhưng trong bụng, tôi lại nghĩ chắc Spadolini sắp phải đến nơi rồi. Tôi bảo tụi em gái, sau chuyến về Wolfsegg lần trước, tôi đã định *không bao giờ* quay lại Wolfsegg nữa; miệng tôi nói *không bao giờ*, nhưng thật ra trong đầu chỉ nghĩ, *còn lâu* mới về song, *không bao giờ* hẳn sẽ có tác động mạnh mẽ hơn đến các em tôi, nên tôi cứ nói đi nói lại mãi; nhà tôi ở Rome, chứ không phải ở đây, tôi bảo với chúng nó vậy, và nhẽ ra phải xếp cho anh Alexander nghỉ lại ngôi nhà chính mới đúng. Thay vì tống cổ đám khách đáng ghét từ Neustadt thành Wien hay từ Weis, từ München đến xuống dưới làng, ta lại để anh Alexander, *mà lại đúng anh Alexander chứ*, xuống đó thì thật đáng trách; tôi cứ day đi day lại nhiều lần, và tôi đã tính đi tính lại, không biết có nên xuống làng đón ngay anh ấy lên hay không.

Song, đến cả việc anh Alexander nghỉ đêm ở nhà trọ nào, chúng nó cũng chẳng biết nốt. Tôi bảo, anh em ung dung ng ồi đây ăn uống ngon lành để anh Alexander phải nhá thứ thức ăn của nợ dưới nhà trọ nào đấy thì thật là láo xược, trong khi tôi, mỗi lần về Brussel bao giờ cũng được đón tiếp tử tế, được anh chị ấy chiêu đãi ăn ngủ đằng hoàng cả tuần, cả tháng. Tôi buộc tội lũ em, các cô *cố tình* xếp Alexander xuống dưới làng kia, vì các cô không bao giờ muốn tôi gần gũi anh Alexander, nên làm vậy để xỏ tôi một võ chứ gì. Những lời tôi mắng mỏ chúng nó rõ ràng là quá đáng, cũng như mỗi nghi ngờ của tôi chẳng có chút cơ sở nào. Nhưng tôi không dừng được, vẫn nhảy đi nhảy lại, ai đời lại đẩy một người đáng quý như Alexander xuống dưới làng, còn đám bà con ngu si và đáng ghét từ Neustadt ở Wien, từ Weis hay Muchen thì cho ở ngay đây, k ề vách, sát tường với mình. Thật không còn ra cái thể thống gì nữa. Tôi cứ lải nhải cằn nhằn về chuyện Alexander với bọn em tôi như thế, khiến bữa ăn tối của ba anh em sau lần cửa đóng kín chẳng còn gì là dễ chịu. Bọn em gái tôi im thin thít, để mặc cho tôi nói đâm ra chúng nó biết mình đang làm gì; suốt bữa ăn tối, chúng nó cứ để mặc tôi nói cho sưng miệng, cứ để yên cho tôi đồ tội một lúc lâu, rồi lợi dụng cơ hội chuyển sang hỏi tôi về các dự định nay mai, và rốt cuộc, dồn dập hỏi tôi về tương lai của Wolfsegg. Song, tôi không trả lời bất kỳ câu hỏi nào của chúng nó, bởi vì, phải nói thẳng ra là tôi không biết trả lời ra sao khi tối cũng chẳng biết gì hơn chúng nó về Wolfsegg nay mai cả. Từ lâu, tất cả bọn chúng tôi đều biết rất rõ những gì đã được ghi trong tờ di chúc của bố mẹ, tờ di chúc lưu giữ không những chỉ trong tủ sắt ở Wolfsegg, mà cả trong văn phòng luật sư của gia đình chúng tôi tại Weis ấy. Không hề có điều gì bí mật, hay không rõ ràng trong di chúc của bố mẹ cả. Wolfsegg, sau cái chết của bố mẹ và anh trai tôi, sẽ lập tức chuyển *toàn bộ* sang tôi. Đương nhiên, tôi có nghĩa vụ phải dành cho các em tôi một chỗ đứng xứng đáng tại Wolfsegg, hoặc chia tài sản, hoặc trả bằng tiền. Ngay từ đầu, tôi đã nghĩ đến chuyện trả tiền cho bọn em gái tôi ra đi, hơn là chia phần với chúng nó tại Wolfsegg. Chúng nó muốn nghe tôi nói xem tôi nghĩ thế nào về tương lai của Wolfsegg, song tôi không nói, tôi để mặc chúng đoán già đoán non; quyết tâm tôi quyết định, không phải quy ền hai cô, tôi nghĩ bụng, và tôi phải thú thật, ngay khi nhận được tin bố mẹ chết, tôi đã quyết định trả tiền, chứ không chia chác gì cho

chúng nó sất. vẫn đang cần bức điện tín trên tay, tôi nghĩ bụng, thậm chí bức điện đọc cũng chưa kịp hết, tôi đã quyết định trả tiệ̀n cho chúng nó ṛồi. Tôi còn nhớ, tôi đứng bên cửa sổ trong căn hộ của tôi ở Rome, nhìn xuống Piazza Minerva, trông sang cửa sổ nhà Zacchi trước ṛồi ngược nhìn vòm mái Pantheon sau và tự nhủ, tôi sẽ chịu trả tiệ̀n, chứ không chia chác gì với chúng nó cả. Vâng, cũng cần phải nói thêm rằng ý nghĩ trả tiệ̀n cho tụi em gái tôi là ý nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu tôi lúc nhận được bức điện thật. Hai em tôi hỏi liên tục, bây giờ chúng nó phải làm gì, ṛồi sẽ thế nào với chúng nó đây và tôi không nói một lời nào, bởi vì, thật ra, chúng nó không hỏi tôi bằng lời, mà bằng toàn bộ cung cách chúng nó ng ồi bên bàn đây; quả thật, suốt buổi chúng nó không nói lấy một lời - như tôi đã viết ở trên - cứ để mặc tôi lải nhải nói một mình. Một lúc khá lâu, tôi mới để ý thấy, hóa ra, thằng em rể tôi vắng mặt ở đây, mặc dù, bát đĩa, thìa nĩa vẫn được dọn ra trên bàn cho gã. Tôi hỏi gã đâu thì con Caecilia liền đáp, anh ấy xuống dưới làng, hình như vào quán ăn nào đấy. Nó bảo, anh ấy, tức gã em rể tôi, trong suốt tuần lễ sau đám cưới đã quen tậ̣t, nhẽ ra cùng ăn tối với cả nhà thì lại chu ần xuống quán dưới làng. Bọn người như gã là bọn chuyên như thế, tôi bảo, đến những nghĩa vụ đơn giản nhất họ cũng trốn tránh; đấy, thay vì ăn tối cũng gia đình thì vừa hờ ra là chu ần ngay xuống quán ăn nhậu. Caecilia lặng im, không nói gì, Amalia cũng thế. Không thể chấp nhận được, tôi gắt, gã không thể cứ muốn làm gì thì làm được, và tôi hỏi bọn em tôi tại sao chúng nó không ngăn gã, sao lại để mặc gã xuống dưới làng chén chú chén anh với dân làng như thế, mà lại đứng vào một ngày như ngày hôm nay nữa chứ. Cái hai đứa đều im thin thít, không đáp. Cái thằng ấy làm xấu mặt cả nhà ta dưới kia, tôi bảo. Không thể như thế được, tôi nói. Hành động như thế thật quá ư bỉ ộ́i. Ṛồi tôi lại nói ngay, thật ra, thì tôi cũng hiểu chú ấy thôi, đến như tôi, tôi còn chẳng chịu nổi tụi em út như thế này nữa là, không chịu nổi cái gia đình như thế này - một gia đình cũng chẳng còn trên đời này nữa. Không t ần tại nữa, tôi nhắc đi nhắc lại, khiến bọn em gái tôi phải ném v ề phía tôi những ánh lườm đ ầy trách móc. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang ng ồi vạ vật trong quán nào đấy làm thối mặt nhà này, tôi bảo, để gã v ề đây, tôi khắc cho gã biết tay tôi. Amalia bảo, phải nửa đêm, bao giờ các quán đóng cửa, gã chủ xưởng nút chai rượu vang mới mò từ dưới làng lên đây. Caecila không nói gì. Tôi liền nói, hiểu gã thì

tôi có thể hiểu được, nhưng ngày hôm nay gã xử sự như thế là không được. Tôi hỏi, vậy lúc bố mẹ còn sống, thay vì dùng bữa tối với bố mẹ, tối tối gã vẫn chuồn xuống làng say sưa hay sao. Caecilia đáp vâng. Thế nhưng, tôi nói, tự cô, cô chuốc gã vào thân chứ ai. Nói đến đây, tôi chợt nhớ đến bà cô ở Titisee và hỏi bà ấy đến đây chưa; bọn em gái đáp, vâng, cô ấy đến từ lâu rồi và đã lên giường ngủ, vâng, tất nhiên trong phòng mẹ cũ. Phải, tôi nữa mai, tất nhiên trong phòng mẹ. Thật quá thế, tôi nghĩ bụng, bà cô ở Titisee lại nghỉ ngay tại phòng mẹ tôi. Tôi không thấy bà ấy đâu. Tôi nói, tôi không hề thấy bà ấy đâu cả. Người đâu mà không biết gương, tôi kêu lên. Đến lúc này thì hai đứa em tôi không còn giữ gìn gì nữa, thi nhau đổ lỗi cho tôi, nào tôi không lo gì đến khách khứa, nào tôi trút hết mọi việc lên đầu lên cổ chúng nó, trong khi lẽ ra *tôi* phải đứng ra đón tiếp khách khứa, đón tất tậ, không chừa ai mới đúng, đó là những lời tôi nghe từ miệng con Caecilia, Amalia phụ họa theo. Tất nhiên, trước khi sang nhà kính, để gọi là lần cuối cùng nghiêng mình chào người đã khuất, khách khứa ai nấy đều hỏi thăm anh, còn anh lại hèn nhát đánh bài chuồn, trốn biệt vào một xó. Chúng nó bảo, chúng nó cho người tìm tôi suốt buổi, tìm hết chỗ này chỗ khác, thế nhưng tôi, đúng theo kiểu cách *xưa nay của tôi*, chỉ biết chui tuột vào góc nào đấy để tránh bị phiền nhiễu khó chịu. Tôi đáp, vậy chả nhẽ tôi phải đứng suốt buổi trước cửa nhà, ai đến cũng phải bắt tay, với ai cũng lặp đi lặp lại mỗi một câu chào hỏi như con vẹt hay sao. Ra các cô đòi tôi, lẽ ra phải cùng đứng với các cô ở cổng, lấy vẻ mặt đưa đám nghiêm trang đón khách đấy. Tôi không chi ều các cô như thế được, tôi đáp, tôi không đủ sức làm như vậy. Ngay lúc còn ở Rome, nói để hai cô biết, tôi đã thề không đứng ở cửa ra vào như thế. Ngay lúc còn ở Rome, tôi đã biết rồi đám ma này sẽ thế nào, sẽ *kinh khủng* ra sao, với tất tậ những gì đáng tởm có thể có cho mà xem. Nhưng rồi mọi thứ sẽ qua thôi, tôi nói, mọi thứ kinh khủng cũng qua thôi. Lúc này cứ nói thẳng thừng ra như thế, chả việc gì mà làm bộ làm tịch với nhau ở đây. Tất cả những trò này, tôi nói, chẳng đáng gì đến đám tang cả, chỉ là màn kịch mà thôi. Bố mẹ chẳng còn nữa, trong nhà kính kia chỉ là mấy *xác chết đang dần dần thối rữa*, những xác người chẳng liên quan, không đáng chút nào đến những con người trước đó cả. Bây giờ mọi thứ chỉ còn là màn kịch nữa mà thôi. Và, tôi chẳng có hứng mà cũng không có ý định đóng vai chính cho màn kịch đó.

Những chuyện này, tất nhiên, chúng tôi chỉ nói khe khẽ với nhau để đề phòng - có thể lắm - nếu có ai định nghe trộm cũng không thể nghe rõ, hay hiểu chúng tôi nói gì với nhau. Ngoài cửa, quả thật, chốc chốc lại có tiếng gõ; phải mất một lúc lâu, mặc dù chắc chắn họ không biết chúng tôi làm gì bên trong, mới thấy không còn ai gõ cửa nữa. Hai đứa em gái tôi cho dọn bữa ăn tay ba này, chắc là để ba-anh- em không bị quấy rầy riêng với nhau, nhưng nào có được, tiếng gõ cửa chốc chốc vang lên kia chẳng để chúng tôi yên lúc nào, cho nên, cũng dễ hiểu thôi, lòng dạ cả ba chúng tôi đều nôn nao, bức bối. Các em tôi bảo, tính đến giờ cũng phải đến tám chục khách rồi, còn tôi, tôi nói, đa phần họ chỉ lấy cớ đến dự đám tang để được nghỉ ít hôm ở nơi phong cảnh thiên nhiên tuyệt vời, như tại Wolfsegg đây thôi, chứ họ chẳng có cớ nào khác cả đâu. Đi nghỉ vào mùa này thật quá hợp, tôi nói, vả lại, họ chẳng mất xu nào cho kỳ nghỉ, nhà mình chả lấy tí tiền từ ngân quỹ của Wolfsegg để trả hết các khoản chi phí là gì. Tất tât bọn người này, tôi bảo các em gái tôi, tôi chỉ muốn chi tí tiền cho họ đi nghỉ đâu đó khuất mắt tôi, thế mà bây giờ tôi lại phải chứa hết họ vào nhà. Tôi không nói *ta* chứa hết họ vào nhà *ta*, tôi bảo bây giờ *tôi* chứa họ vào nhà *tôi*, hoàn toàn với giọng của một ông chủ toàn quyền. *Ta không được phép nhâm lẫn*, tôi bảo, *đám ma bao giờ cũng chỉ là một màn kịch mà thôi*. Nói xong, tôi lại nghĩ ngay, rằng nói như thế, mình đã đi quá xa, nhẽ ra mình không nên nói vậy, nhẽ ra mình chưa nói gì thì hay hơn. Vậy mà tôi đã tuôn ra không biết bao nhiêu thứ, phun ra bao nhiêu điếu vô nghĩa, khiến bây giờ tôi phải trơ trẽn phơi mặt ra đây. Ai nghe tôi nói, người đó hẳn phải nghĩ tôi là kẻ xấu xa nhất hạng, tôi nghĩ bụng, song, ở đời chắc chắn còn khối kẻ tệ hơn. Bỗng dưng, tôi muốn lái sự chú ý của các em tôi ra khỏi cơn giận tôi dùng dùng đờ lên đâu tất cả khách khứa đến dự đám tang và đêm nay được nghỉ lại trong nhà; tôi bèn bảo các em tôi, rằng đối với tôi, thành phố Rome là tất cả, rằng từ nay tôi chỉ còn sống được ở Rome nữa mà thôi. Hai đứa chúng nó chột bưng tình và không hiểu tôi nói gì. Thật đấy, tôi nói, vừa mới về đây có mấy tiếng đồng hồ, nhưng chỉ cần nghĩ đến Rome thôi, là tôi chỉ còn ngong ngóng, làm sao trở lại Rome ngay. Rạng sáng nay tôi còn ở Rome, tôi nói, đối với tôi là đi đâu kỳ dị khó tin nhất. Rồi tôi lại hỏi ngay xem chúng nó đã gọi điện thoại cho Spadolini chưa. Chúng nó đáp, vâng, ông ấy gọi điện từ Rome, báo tin tất nhiên ông

ấy sẽ về, về ngay tối nay, nhưng bằng cách nào thì chưa rõ, song, dứt khoát ông ấy sẽ về Wolfsegg trong ngày hôm nay. Đâm ra, bây giờ cả ba chúng tôi đều chỉ còn chờ có Spadolini nữa thôi - vị Tổng Giám mục, người tình của bà mẹ chúng tôi, con người hào quang bóng nhoáng ấy. Gambetti thường vẫn trách tôi không tự chủ, tôi bảo hai em gái tôi vậy, nhưng tôi đúng là người không bao giờ kiêu chề được mình thật, quả vậy, tôi là kẻ tính khí bất thường, là kẻ luôn cho rằng, rồi thiên hạ khắc hiểu và tha thứ cái tính không kiêu chề ấy của hắn. Tính khí bất thường của hắn. Cùng thói tàn nhẫn, ác nghiệt gắn chặt với tính khí bất thường đó. Nhưng dĩ nhiên, tôi bảo các em tôi, đó là đòi hỏi quá lớn. Ở Rome, quả thực, tôi là con người khác, không nôn nóng thế này, không thiếu kiêu chề mà cũng không thất thường, đừng bóng như thế này. Thành Rome làm dịu lòng tôi, còn Wolfsegg chỉ làm xáo động. Ở Rome, hệ thần kinh của tôi vẫn yên tĩnh, mặc dù đó là thành phố sôi động nhất thế giới vậy, trong khi ở Wolfsegg, lúc nào tôi cũng bồn chồn nôn nóng, mặc dù ở đây bao giờ cũng thật sự yên tĩnh. Tôi là nạn nhân của hoàn cảnh nghịch thường đó, tôi bảo các em gái tôi. Ở Rome, tôi quả quyết, tôi nói năng hoàn toàn khác; tôi chuyện trò với mọi người cũng khác; Gambetti đã có lần bảo tôi, cứ bao giờ từ Wolfsegg quay lại Rome tôi cũng có lối ăn nói nóng nảy, một lối nói chỉ lộ ra khi nào tôi ở Wolfsegg về mà thôi. Tôi bảo Gambetti, người trong gia đình tôi có lỗi trong chuyện này, còn anh ta lại nói, hình như ở Wolfsegg, bao giờ ý nghĩ của tôi cũng chệch mất nhịp thì phải, chệch khỏi cái nhịp điệu gọi là *nhịp điệu thành Rome*. Gambetti vẫn thường bảo, cứ bao giờ tôi từ Wolfsegg quay về, thì anh ta lại không thể nhận ra tôi nữa, và với một người như tôi lúc từ Wolfsegg quay lại Rome ấy, chắc chắn anh ta sẽ chẳng bao giờ kết bạn được, anh ấy nói, bởi vì con người từ Wolfsegg trở về Rome ấy là con người hoàn toàn khác, trái ngược với con người tôi ở Rome. Anh ta chỉ kết thân với con người thành Rome, chứ với gã người Wolfsegg thì không. Từ Wolfsegg quay về, bao giờ tôi cũng mất mấy ngày liền để trở lại làm người thành Rome, một người hữu ích cho anh ta, tức cho Gambetti, anh học trò của tôi ấy, một người anh ta có thể vừa coi là thầy, vừa coi là bạn, để học hỏi, để chuyện trò trao đổi, chứ với một con người Wolfsegg, anh ta không thể đóng cùng lúc bấy nhiêu vai trò được. Gambetti luôn cho rằng Wolfsegg có hại cho tôi, tôi bảo với các em gái tôi

thế. Tôi chỉ cần dùng chân ở Wolfsegg hai hay ba ngày là tôi sẽ mất thăng bằng mấy tuần liền, tôi bảo với các em gái tôi, rằng Gambetti đã nói với tôi như vậy. Thế mà tôi không hề biết cái gì luôn luôn làm tôi mất thăng bằng ở Wolfsegg như thế; phong cảnh ư, con người ở đây ư, hay là bầu không khí, mặc dù bầu không khí ở Wolfsegg là bầu không khí tuyệt vời nhất, tôi nói, bầu không khí trong lành nhất tôi từng được biết. Hay do nhà, do cửa, hay do dân tình? Tôi chẳng biết nữa. Có thể do tất tậ mọi thứ ở Wolfsegg cũng nên, tôi nói. Song, tất cả những đi ầu đó - riêng chỉ nghĩ trong đầu thôi, đã quả là tột cùng vô lý, chứ chưa nói đến chuyện còn phải nói ra, còn phải diễn đạt thành lời với chúng nó - nhất là trong bối cảnh bây giờ, khi mà *chỉ qua một đêm thôi*, tôi bỗng đã trở thành kẻ nắm quyền thừa kế Wolfsegg, như chúng nó buộc phải tin là thế; không phải sẽ nắm quyền, tôi nghĩ bụng, mà *đã* nắm quyền. Chúng nó sẽ phải nghiêm túc tuân thủ luật thừa kế, và thực ra, chúng nó cũng không thể nghĩ ra đi ầu gì khác, ngoài việc tin chắc tôi cũng sẽ phải tuân thủ luật như thế. Tuân thủ từng chi tiết, với tất tậ các hậu quả của hành động đó là khác. Bất chấp một sự thực là chúng nó không lắng nghe phần lớn các ý nghĩ tôi nói thành lời, và do đó chúng càng không thể dõi theo luồng suy nghĩ của tôi, tôi bỗng nói to lên với chúng nó, *nhưng mà tôi không phải tay chủ nông trại, tôi không phải là thằng có thể leo lên máy kéo ngồi như bố. Tôi không phải gã lái máy kéo và tôi cũng không muốn đôi co cãi cọ với bọn thủ kho vì một bao phân bón hóa học bị chúng nó ăn bớt mất non nửa nhưng vẫn đòi lấy tiền nguyên bao. Tôi không phải anh Johannes*, tôi bảo. *Bố mẹ không nhận ra rằng tôi không phải là Johannes*. Tôi còn định nói cho rõ hơn về ý cuối cùng này, nhưng đúng lúc đó, từ phía ngoài tiếng gõ cửa vang lên thúc khiến con Ceadlia phải đứng lên và chạy vội ra mở cửa. Hóa ra, đó là gã chủ xưởng nút chai rượu vang. Gã bước vào, lặng lẽ đến ngồi xuống bên bàn ăn, chỗ bữa tối đã dọn sẵn cho gã. Hóa ra người đã nh ắm, tôi nghĩ bụng, gã không xuống dưới làng nhậ nhệ. Đúng là gã em rể tôi tỉnh táo thật; vợ gã dọn cho gã miếng thịt rán lên đĩa rồi rót cho gã ly rượu vang. Nãy giờ, em ở bên khu nhà thợ làm vườn, gã em rể tôi nói, giọng ra đi ầu xin lỗi, do mệt quá nên lui vào khu nhà thợ làm vườn nghỉ, rồi ngủ quên mất, thì cũng tại em phải dậy từ lúc ba giờ sáng, gã nói vậy, vợ gã và em vợ gã sai gã xuống làng tìm ông thợ này, anh thợ nọ, đến cửa hàng này cửa hàng khác, toàn



việc dính đến vụ tai nạn. Loanh quanh mãi, gã đột nhiên bị *nhức đầu*. Khu nhà thợ làm vườn khá mát mẻ, nên gã thấy dễ chịu. Gã hỏi, mọi sự ổn cả chứ, rồi ăn, như thể đang đói ghê đói gớm, mặc dù, tôi nghĩ bụng, vừa mới hai hay hai tiếng rưỡi gì đó chứ đâu, gã còn ng ồi ăn với tôi trong bếp. Nhìn cảnh gã im lặng đánh chén, tôi không chịu được, liền đứng dậy ra ngoài. Tôi tự nhủ, bỏ gã cùng hai đứa em gái ở lại để đi khỏi đây, có thể tôi sẽ đỡ nổi xung, đỡ nói năng nặng lời hơn chẳng; đoạn tôi đi xuống gian ti ền sảnh, chẳng buồn để ý lắm đến đám người này giờ đứng rải rác dưới đó. Nhạc trông thấy tôi, ai này đều quay mặt nhìn về phía tôi. Tôi kéo ngay nét mặt thiên hạ vẫn gọi là nét mặt đưa đám, rồi nghênh ngang đi ngay vào gian nhà thờ và ng ồi xuống một hàng ghế kê ở giữa. Trong gian nhà thờ thật mát mẻ và dễ chịu. Cho nên cũng không lạ lắm, tôi nghĩ bụng, tại sao gian này từ xưa đến giờ vẫn được lấy làm nơi bảo quản thức ăn, thức uống. Chẳng chút nghĩ ngợi gì, tôi *quỳ gối* xuống hàng ghế bằng, nhưng rồi sức tỉnh, lại *ngồi thẳng* lên ghế. Chợt tôi có cảm giác, hình như bà cô tôi ở Titisee vừa bước vào đây thì phải; tôi quay người nhìn ra sau thì, đúng thật, tôi quả không nhầm. Bà ta đi cùng đứa cháu gái, mười hai, mười ba tuổi gì đó, xưa nay bà đi đâu bao giờ cũng đi kèm. Để tang anh trai, bà cô tôi đeo chàng mạng và mặc g ần như toàn màu đen từ đầu đến chân. Tôi có cảm giác, bà ta đang lờm lờm nhìn tôi đây ác ý dưới tấm chàng mạng, nên tôi đứng dậy đi ra ngoài, cũng không quên hôn tay bà cô khi bà chìa tay cho tôi. Qua gian ti ền sảnh và khoảnh vườn, tôi đi vào khu nhà kính. Hai tay thợ sẵn đứng túc trực bên linh cữu. Mùi xác chết thối rữa có vẻ đã nặng thêm lên rất nhiều. Tôi nâng tấm khăn đen lên để xem xét lại các khối đá lạnh xếp dưới quan tài. Hình như người ta mới xếp thêm đá lạnh vào đấy thì phải. Tôi chỉ dám nhìn lướt một cái qua gương mặt người chết, nhìn lâu chịu không nổi. Lúc tôi bước vào nhà kính, hai tay thợ sẵn, như người ta vẫn bảo, đứng nghiêm chào, khiến tôi đã khó chịu, nhưng khi bước ra ngoài, tôi lại càng thấy bức bối hơn trước cảnh tượng lỗ bịch ấy. Song, tôi chẳng có cách nào để thay đổi, dù chỉ vài chi tiết nhỏ thôi, trong hàng loạt các nghi thức đáng ghét mà tụi em gái tôi, nhất là con Caecilia, đã sắp xếp tỉ mỉ từng li từng tí đúng theo tục lệ có sẵn từ xưa và khăng khăng tiến hành cho kỳ đúng từng chi tiết trong cái gọi là trình tự đám ma. Song, đồng thời tôi cũng nghĩ, những nghi thức này thật hợp với Wolfsegg, bây

giờ xé bỏ hay loại trừ đi thì thật vô lý. Ở đây mọi sự đều đúng cả, tôi nghĩ bụng, có ưa hay không ưa cũng thế thôi. Nhưng, tất nhiên, hai gã thợ săn đứng túc trực hai bên nhà táng trông đến là nực cười, hết như hai chú lính chì, được một tay thợ may thích tuồng chèo, kịch cợt nào đấy may quần, thừa áo khoác lên người. Lúc tôi đứng bên các quan tài thì cũng là lúc mấy người thợ làm vườn đang thay nước trong mấy chậu hoa. Cảnh tượng này càng khiến tôi nhìn thấy rõ hơn sự khác nhau giữa cánh thợ làm vườn với đám thợ săn. Tụi thợ săn lỗ bịch, giả dối, còn thợ làm vườn tự nhiên, ngay thẳng. Bất chấp sự thực là tôi đang đứng bên mấy xác chết, trong đầu tôi chợt nảy ra ý nghĩ làm tôi thích thú là tôi phải tìm cho ra cái gì khiến tụi thợ săn khác với thợ làm vườn và, nói cho cùng, họ khác nhau thế nào. Nhìn bên ngoài, tôi tự nhủ, không ai biết tôi đang nghĩ gì, không ai đoán tôi đang bận tâm cân nhắc về sự khác nhau giữa đám thợ săn với cánh thợ làm vườn và, càng không ai có thể ngờ rằng, trong đầu tôi, tôi lại đang loay hoay đối chiếu tính khí bọn thợ săn với tính khí thợ làm vườn. Thiên hạ tưởng - tôi nghĩ bụng - tôi đang âu sầu chìm đắm vào các suy tư về đám tang, nhưng sự thực, ngay cả khi tôi đứng bên các cỗ quan tài, sát sàn sát bên mấy xác chết, tôi vẫn chẳng nghĩ gì đến đám tang ấy sất. Thợ làm vườn là những người tinh tế, tôi nghĩ bụng, còn đám thợ săn lại đại diện cho thế giới thô bạo. Chính việc gia đình chúng tôi, do hoàn cảnh của Wolfsegg, thuê cùng một lúc cả hai loại thợ này, khiến Wolfsegg trở nên hấp dẫn. Hay nói cách khác, Wolfsegg có sức hấp dẫn rất lớn đối với những ai chỉ muốn thấy sức hấp dẫn đó ở Wolfsegg. Thiên hạ kéo nhau đến đây, rồi bao giờ cũng kêu lên rằng, chà, đối với họ, Wolfsegg thật hấp dẫn biết bao. Thôi thì cũng có thể nhìn Wolfsegg dưới góc độ như thế thật, dưới góc độ một trang trại hấp dẫn có một không hai như thế. Song, tôi không thể nhìn Wolfsegg dưới góc độ ấy nữa, hay đúng hơn, tôi nghĩ bụng, tôi chưa bao giờ có thể nhìn nó ở góc độ như thế. Tôi không thể có cách nhìn ấy nữa. Tôi đã tự phá hủy, xóa bỏ góc nhìn đó của tôi, tôi nghĩ bụng trong lúc bước ra ngoài. Ngoài vườn vắng tanh, không một bóng người, số còn lại của gia đình vẫn còn đang dùng bữa tối, tôi nghĩ bụng, mắt ngược nhìn lên khung cửa sổ trở ra ban công. Cả *chúng nó* cũng còn đứng ba mạng, gã em rể, hai đứa Caecilia và Amalia. Và, chắc cũng đóng chặt cửa, ngẩng riêng *với* nhau. Tôi tự hỏi làm sao có thể tránh những cơn tức giận

vẫn đùng đùng trở dậy trong lòng mình đây? Lối cư xử của tôi hẳn phải làm mọi người bị xúc phạm lắm; chả riêng gì hai đứa em gái tôi, chả riêng gì gã em rể tôi, mà tất cả mọi người, tôi tự nhủ, ai cũng bị tôi xúc phạm, bị tôi thóa mạ. Nhưng tôi nghĩ bụng, sự thực, tôi tuyệt nhiên không phải là thằng chuyên xúc phạm người khác, như cả nhà vẫn gọi tôi ngay từ lúc còn bé, nhưng rồi tôi lại nghĩ ngay, có lẽ tôi chính là thằng chuyên xúc phạm người khác thật. Tôi từng nói với Gambetti, tôi sẽ bàn bạc thật cẩn thận với các em gái tôi, kéo cả gã em rể vào cuộc, hết sức thận trọng xem xét mọi sự, lúc còn ở Rome tôi đã nói với Gambetti như vậy, cả với anh Zacchi, cả với Maria, tôi cũng đâu nói đi nói lại y như thế, rằng bây giờ ở Wolfsegg, tôi sẽ thận trọng trong mọi việc; song cho đến giờ tôi vẫn chẳng hề có chút thận trọng nào, tôi nghĩ bụng, thậm chí ngược lại, tôi chẳng hề để tâm giữ gìn đến bất cứ việc gì, không buồn quan tâm để ý đến bất cứ ai, cho nên cũng chẳng có gì là lạ khi mọi người, qua cách xử sự đầy khinh suất của tôi, ai cũng phải nhìn thấy ở tôi một kẻ tàn nhẫn, một tên đều cáng bất lương. Song, sự thực rất đơn giản là tôi không thể xử sự khác được, tôi tự nhủ, trước mặt họ, tôi không còn cách nào nữa cả. Tôi chưa đủ tầm để đối phó với tình huống này, vả lại, tôi không có lỗi, tôi thà nhủ, tôi cũng không gây ra tình huống này. Đúng lúc đó thì Spadolini đến. Tôi cùng đi với y lên chỗ bọn em tôi ở tầng trên và Caecilia đưa y về phòng bố tôi ngay - như lời y nói - để rửa ráy chút đỉnh. Trong lúc đó, tôi lui vào thư viện ở tầng trên, phía bên trái. Cửa vào thư viện này vốn bị khóa, nhưng tôi bảo Caecilia đưa hết chìa khóa tất cả các thư viện nhà này cho tôi, tôi nghĩ bụng, để sáng ra, trước cả lúc tang lễ bắt đầu, tôi sẽ mở hết cửa cả năm cái thư viện ra. Tôi lấy quyển *Luật sư Siebenkäs* rồi ngồi xuống chiếc ghế bành kê sát cửa sổ. Tất nhiên, tôi chẳng còn tâm trí nào để đọc, vả lại, đâu óc tôi không ngớt nghĩ đến Spadolini. Ấn tượng lạ lùng hồi này y lại gây ra trong tôi còn mạnh hơn cả thú ngồi đọc *Luật sư Siebenkäs*; tôi bèn để quyển sách sang một bên. Tôi vẫn biết từ trước, rằng cuốn *Luật sư Siebenkäs* nằm trong thư viện này, cùng các loại sách khác thuộc thời kỳ Jean Paul. Hồi đó, một vị nào đấy trong số tổ tiên gia đình chúng tôi đã cho lập ra các thư viện sách này - chính xác là vị nào, thì không ai biết nữa. Nhưng, tôi nghĩ bụng, tổ tiên chúng tôi chắc chắn phải có văn hóa, chứ hiện giờ chả ai có văn hóa cả. Có đi đâu, có văn hóa nghĩa là thế nào? Tôi tự hỏi.

Bảo rằng người này có văn hóa, người khác không, tôi nghĩ bụng, thì thật là vô nghĩa; ta vẫn thường nói vậy mà chẳng nghĩ ngợi gì. Vẫn ngồi cạnh cửa sổ, tôi nghĩ bụng, kẻ cũng lạ, Spadolini chỉ mang theo một túi xách tay màu đen. Rồi tôi nghe tiếng y xả nước vòi hoa sen để tắm, vì thư viện tôi ngồi đây kề ngay phòng bố tôi. Tôi hình dung ra y, Spadolini ấy, người đàn ông biết hưởng thụ, đang khoan khoái đứng dưới làn nước vòi hoa sen. Nói cho đúng ra, tôi nghĩ bụng, mình cũng chỉ biết một Spadolini luôn luôn biết hưởng thụ mà thôi. Tôi duỗi thẳng chân, tắt đèn, rồi nghĩ đến buổi gặp gỡ sắp tới với Maria; thì tôi chả đưa bản thảo của tôi cho nàng, để nàng đọc và cho nhận xét mà lại. Như mọi bản thảo khác của tôi, bản thảo này tôi cũng viết cầu thả. Bao giờ tôi quay lại Rome, nàng sẽ cùng với tôi rà lại nó từ đầu đến cuối, sẽ bóp vụn nó ra, soi rọi từng li từng tí, rồi sau đó, tôi sẽ vứt nó đi, cũng như mọi bản thảo trước đây tôi từng đưa cho nàng đọc. Số bản thảo mình quẳng đi, tôi nghĩ bụng, còn nhiều gấp bội số giữ lại. Những bản còn giữ, tôi không dám đọc lại nữa, chúng làm tôi ngao ngán và chán chường, bởi các ý nghĩ của tôi trong đó, khi đọc lại, chỉ còn là các ý nghĩ nực cười, vô giá trị mà thôi. Các bản thảo của tôi, tôi tự nhủ, không có giá trị gì hết, thế nhưng tôi không chịu thua, vẫn chịu khó viết, hay nói cách khác - tôi nghĩ bụng - vẫn cưỡng bức trí tuệ mình. Maria là con người liêm khiết, không thể mua chuộc và thẳng thắn, các bản thảo của tôi đáng được đối xử thế nào, tôi nghĩ, nàng khắc đối xử với chúng đúng như thế. Mỗi khi vất một bản thảo đã qua tay nàng xét duyệt, bao giờ tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm. Những lúc đó, tôi thường ôm lấy nàng vào lòng và cả hai chúng tôi cùng nhau nhìn bản thảo cháy xèo xèo trong lò sưởi nhà nàng. Những lúc ở bên Maria, tôi nghĩ, bao giờ cũng là những giờ phút cực điểm của trạng thái hân hoan, sung sướng. Không một ai khác ngoài Maria có khả năng làm tôi sáng mắt ra, rằng các bản thảo của tôi không có chút giá trị nào, chỉ đáng ném vào lửa mà thôi. Có lần nàng còn gọi tôi là *kẻ cưỡng dâm nền triết học, kẻ phạm tội với trí tuệ*. Nói vậy, tất nhiên nàng chỉ nói đùa thôi, nhưng lời nàng nói, đối với tôi, vẫn là sự thật cay đắng. Có đi đâu, tôi tự nhủ, tôi đã không bỏ cuộc. Chẳng bao lâu sau, đâu tôi đã lại nung nấu một thứ gì đó mới. Có thể, nó sẽ mang tên *Diệt vong*, tôi nghĩ bụng, tôi sẽ dùng nó tận diệt mọi thứ nảy ra trong đầu tôi, tất tật những gì tôi viết ra trong cuốn *Diệt vong* ấy, tôi tự nhủ, sẽ bị xóa sổ hết sạch. Tôi thấy khoái

chí với tựa sách như thế, vâng, một tựa sách như thế có sức quyến rũ rất mạnh. Tôi không biết tôi lấy tựa sách ấy ở đâu ra nữa. Tôi nghĩ, có lẽ nhờ Maria; có lần nàng quả cũng gọi tôi là *tên hủy diệt* thật. Nàng quả quyết, đối với nàng, tôi là *kẻ chuyên hủy diệt*. Và, tất cả những gì tôi viết lên mặt giấy, là những thứ *đã bị hủy diệt*, về lại Rome, tôi sẽ thử viết cuốn *Diệt vong đó*, nhưng chắc chắn tôi sẽ phải mất cả năm trời cho nó, và tôi không biết liệu tôi có đủ sức, suốt *một năm trời chỉ vùi đầu vào cuốn Diệt vong hay không*. Chỉ chăm chú vào đấy thôi. *Tôi sẽ viết cuốn Diệt vong* và sẽ thường xuyên trao đổi với Gambetti mọi chuyện liên quan đến cuốn *Diệt vong*, tôi nghĩ bụng; với cả Spadolini lẫn Zacchi nữa, và dĩ nhiên với Maria nữa, nhưng họ lại không biết rằng, trong đầu tôi chỉ độc những ý nghĩ quay quanh cuốn *Diệt vong*, những chuyện tôi *trao đổi, tranh luận* với họ, rất cuộc, chỉ dính dáng đến *Diệt vong* mà thôi. Ham muốn quay lại Rome của tôi lúc này lớn hơn mọi ham muốn khác. Tôi nghĩ bụng, bây giờ mà được cùng Spadolini quay trở lại Rome ngay thì hay biết bao nhiêu. Đến là đau lòng, khi chính tôi, tôi phải bác lại chính mình. Bởi ngày mai Spadolini đã quay lại Rome rồi, còn người vẫn phải ở lại Wolfsegg. Đây là hình phạt chung thân dành cho người vậy, tôi nghĩ bụng. Giá bây giờ được ng ồi ăn tối với Maria, được trao đi đổi lại với nàng về các bài thơ nàng mới viết. Lắng nghe nàng. Giải bày mọi sự với nàng. Rót vang cho nàng. Tôi lại cầm cuốn *Luật sư Siebenkäs* lên tay, mở nó ra, rồi bật đèn, và chợt nghĩ, không biết đưa cuốn *Luật sư Siebenkäs* này cho Gambetti có phải là một sai lầm, một sai lầm nghiêm trọng không. Đưa cuốn *Vụ án* cho anh ta thì đúng, nhưng *Luật sư Siebenkäs* thì không. Và, thay vì *Esch hay chủ nghĩa vô chính phủ*, lẽ ra mình đưa quyển *Tái ngộ Schopenhauer* cho anh ta thì đúng hơn. Bây giờ chắc anh ta đã đọc xong một lượt *Luật sư Siebenkäs*, rồi vùi đầu và mê mải đọc lại lần nữa *Luật sư Siebenkäs*. Tôi hình dung ra cảnh Gambetti ng ồi trong phòng làm việc, nơi anh ta có thể lánh mặt bố mẹ, dồn toàn bộ tâm trí cho niềm đam mê của mình, niềm đam mê văn học Đức; cũng như dồn tâm trí cho những suy tính thường trực trong đầu anh ta, làm sao mở xẻ và làm nổ tung thế giới. Biết đâu được, tôi nghĩ bụng, rồi sẽ có ngày tôi nghe thấy một tiếng nổ kinh hồn, do Gambetti quả thực đã làm nổ tung thế giới, do anh ta thật sự biến các ý nghĩ của mình thành hiện thực. Thì cho đến tận giờ chính anh ta vẫn mơ cho thế giới nổ tung lên giờ, cura

cát, mỡ xẻ nó ra, r ỡ cho nổ tung hết lên đây thôi. Hạng như Gambetti, tôi tự nhủ, tôi tự đ ịch chính ngay, những con người như anh ấy, đến một ngày nào đó, khi có đủ cơ hội, sẽ biến tất cả những gì họ mơ tưởng suốt hàng chục năm trời thành hiện thực. Gambetti không những chỉ là *một kẻ mơ tưởng b ẩ sinh* mà thôi, anh ta còn là *kẻ thực th ử b ẩ sinh các ước mơ của mình*. Tôi vẫn đang chờ đợi vụ nổ kinh khủng đó, tôi nghĩ bụng, chân duỗi ra phía trước, d ồng tai nghe tiếng nước v ời hoa sen Spadolini đang t ắm. Trong thư viện la liệt xác cả ngàn con ru ỡ, do bị nhốt, lăn ra chết chất đống trên n ền nhà năm này qua năm khác mà chẳng được quét dọn bởi hàng bao nhiêu năm không có ai bước chân vào thư viện cả! Bây giờ tôi có chìa khóa trong tay, tôi sẽ mở hết ra, tôi nghĩ bụng, nhưng bây giờ thì chưa, bây giờ tôi đã mệt quá r ỡ, để đến mai, ngay từ lúc sáng sớm, trước khi mặt trời mọc. Tôi sẽ mở cả năm thư viện ra, *mở mãi mãi*, tôi tự nhủ và cùng với ý nghĩ ấy trong đ ầu, tôi đứng dậy, bước đến bên cửa sổ trông sang nhà kính. Với Maria, tôi th ần nghĩ, cảnh tượng bày ra trước mắt tôi đây hẳn phải rất tuyệt v ời, cảm hứng dư thừa cho nhiều bài thơ chứ không chỉ một bài mà thôi. Mấy anh thợ làm vườn vẫn còn hì hục bê hết l ăng hoa này đến vòng hoa khác từ nhà quản sự sang nhà kính. Hôm nay chắc họ sẽ làm thông một mạch, tôi chắc mẩm thế. Họ sẽ còn loay hoay thế này suốt đêm nay mất. Cảnh tượng này, trông rất kịch, kịch từ đ ầu đến cuối! Tôi nghĩ chắc Spadolini cũng còn phải mất nửa tiếng nữa mới t ắm xong, nên tôi rời thư viện ra ngoài, r ỡ xuống gian ti ền sảnh. Bây giờ đã tám rưỡi tối, chẳng còn ai đứng dưới này. Tôi lại vào gian nhà thờ; bà cô ở Titisee hẳn đã lui v ề phòng từ lâu. Tôi ng ỡ đứng vào chỗ lúc này bà cô tôi ng ỡ cùng cô bé tháp tùng, v âng, tôi phải nói ngay, con bé trẻ trung và xinh xắn. Phải, phải! Mụ già cùng thiếu nữ tháp tùng, vị bảo trợ và kẻ được bảo trợ, hay ngược lại! Tôi lại quỳ xuống, đ ầu óc cũng chẳng nghĩ ngợi gì như lúc trước. Đoạn, tôi lại đứng dậy và ng ỡ xuống ghế, tôi nghĩ bụng, các chức sắc Nhà thờ đ ầu đang chơi một trò chơi độc địa, bởi họ chỉ coi Nhà thờ như một màn kịch ghê g ớm của thế giới, trong đó họ đóng các vai chính mà thôi. Và, tất cả các chức sắc b ề trên ấy của Nhà thờ đ ầu chen nhau lên phía trước, vung tay vung chân khoe khoang, khoác lác. Họ có nói gì thì nói, nhưng, dĩ nhiên, họ thừa biết đây là màn kịch lớn nhất, mà cũng là giả dối nhất, từ xưa đến nay. Spadolini bao giờ cũng chỉ diễn vai ở phía trước,

sát bên diễn viên chính, là Đức Giáo hoàng. Song, cũng không sát *đến mức* y phải cùng chết hay cùng đổ một lúc với Đức Giáo hoàng. Y đã sống sót, đã trải qua ba tri ều đại Đức Giáo hoàng, tôi nghĩ bụng, và y cũng sẽ còn sống lâu hơn cả Đức Giáo hoàng thứ tư, tức vị Đức Giáo hoàng đương nhiệm - như thiên hạ ai nấy đều hay, đáng chờ chết do lâm bệnh nan y - và Spadolini sau đó sẽ lại bước lên sân khấu dưới ánh hào quang còn rực rỡ hơn xưa. Spadolini chính là con người bị màn kịch do Nhà thờ dàn dựng ấy hút hồn và hoàn toàn chi phối. Thoạt tiên, tôi nghĩ, tôi vẫn còn chán thời gian để sang nhà quản sự ghé thăm chu ồng gia súc một lát - cũng như trước đây, vào khoảng giờ này, tôi vẫn thường sang đấy, khi các giống gia súc đều đã yên ắng trong chu ồng - nhưng rồi, tôi lại nghĩ, tôi không thể làm Spadolini giận vì đã để mặc y một mình. Ngay cả ý định xuống làng tìm Alexander tôi cũng gạt đi, bởi tôi không muốn để dân làng trông thấy tôi hôm nay, ban ngày đã không, thì buổi tối nay càng không. Có lần, ở Brussel, tôi toan thử cho Spadolini và anh Alexander làm quen với nhau; nhưng ý đồ đó của tôi, ý đồ cố tình để mặc hai người - vị chức sắc bề trên của Nhà thờ và anh chàng mộng tưởng - chuyện trò với nhau thật lâu, cho đến bao giờ họ chịu nhau mới thôi, nhưng ý đồ đó đã không thành; hay, nói cách khác, tôi tự đánh cuộc với mình, và đã thua cuộc. Quả là thú vị nghe hai người tranh luận và quan sát họ đối chọi nhau, lúc này Spadolini lấn lướt Alexander, lúc khác Alexander át hẳn Spadolini; nhưng rốt cuộc, cuộc đấu trí giữa hai người, vâng, tôi gọi đây là cuộc đấu trí hẳn hoi, kết thúc bất phân thắng bại. Spadolini nhiều lần tỏ ý muốn hội ngộ Alexander và ngược lại, Alexander cũng tuyên bố, giá được gặp lại Spadolini thì tốt biết mấy. Thật không may, tôi nghĩ bụng, bây giờ Spadolini, đứng bề trên của Nhà thờ ấy, nghỉ lại trong nhà chúng tôi, còn anh Alexander, anh chàng mơ mộng, lại bị bọn em gái tôi tổng xuống ngủ đêm dưới làng. Tôi đã thoáng có ý nghĩ, chờ Spadolini tắm rửa xong xuôi, tôi sẽ rủ y xuống dưới làng tìm anh Alexander. Thế nhưng tôi lại gạt ý nghĩ đó đi ngay, vì tôi không thể rủ Spadolini đi với tôi tìm Alexander ngay như thế - y vừa chân ướt chân ráo đến nơi, chưa kịp cho tí gì vào bụng. Và lại, đằng nào y cũng sẽ từ chối không đi với tôi, y phải vội đi gặp bọn em gái tôi, lúc này chắc đã ngồi cả trong căn phòng gọi là phòng tiếp tân, để chờ Đức cha, đứng bề trên từ Rome tới. Tôi thoáng cảm thấy quái dị, khi thấy mình đang ngồi đúng

trong gian nhà thờ, là nơi có lần - sau một vòng dạo chơi trong rừng - tôi đã ngồi cùng Maria. Khoảng ba năm trước thì phải, khi nàng trên đường từ Paris về Rome, tôi mời nàng ghé qua Wolfsegg. Đạo ấy, bố mẹ tôi đi vắng - đến lúc ông bà về thì tôi cùng với Maria cũng quay lại Rome từ lâu - lúc đó tụi em gái tôi thua lại với ông bà toàn những chuyện vợ vãn về hai chúng tôi, không, bây giờ nhớ lại, tôi phải nói là toàn chuyện bịa đặt mới đúng. Wolfsegg, tất nhiên, làm Maria vô cùng phấn khích. Nàng bảo tôi, em chưa từng được hít thở bầu không khí nào trong lành như ở đây. Hai chúng tôi làm hai chuyến đi dạo khá xa, quá cả Hausruck, một chuyến khác đến tận Haag, rồi từ đó nhảy tàu quay về Anh Johannes lấy xe đón chúng tôi ở Lambach. Nói với nhau về Johannes, Maria bảo, *trông anh ấy chân phương, nhưng cũng đáng mến*. Các buổi tối, chúng tôi xuống dưới làng, đến quán *Brandl* - một quán ăn bao giờ cũng giúp cho tâm trí trở nên tình lặng. Lần khác, chúng tôi còn đến cả Ottwang, vào quán *Geswagner*, là quán ăn bình dân tôi chuộng nhất. Ở đấy, Maria tự dưng đâm ra nhanh miệng nhanh miệng một cách lạ lùng; nàng làm quen ngay với vợ chủ quán, bắt chuyện với hầu hết khách trong quán. Đó là chuyện rất không bình thường, bởi nàng bao giờ cũng bị rắc rối khi tiếp xúc với người bình dân, nhiều rắc rối hơn tôi, bởi sự thực tôi chẳng gặp khó khăn rắc rối nào như thế; vâng, không khó khăn là không khó khăn khi tiếp xúc với người bình dân, chứ với dân vô sản thì câu chuyện lại khác hẳn. Maria tỏ ra thân thiện ngay với bà chủ quán Geswagner, và thậm chí còn kể cho bà ta nghe đôi chuyện về mình, những đi đâu tôi chưa được nghe nàng kể bao giờ. Hóa ra thời thơ ấu của Maria khá giống với thời thơ ấu bà chủ quán, một người mà tấm lòng, như tôi biết, bao giờ cũng cởi mở, ấm áp. Hồi ấy, nàng bảo tôi, *em rất thích Wolfsegg, nhưng em không ưa người nhà anh*. Những lời nàng nói đạo đó, vẫn còn rõ mồn một trong tai tôi. Từ đấy, tôi không sao thuyết phục nổi Maria về thăm Wolfsegg lần nữa. Ở đấy chẳng có gì dành cho em, nàng bảo tôi. Ở Wolfsegg, nàng cũng không viết nổi vần thơ nào; thậm chí hàng tuần liền sau khi ở Wolfsegg về, nàng cũng không viết được nữa. Nàng bảo, Wolfsegg không phải đất thơ ca. Không phải đất cho *thơ nàng* thì đúng hơn, tôi nghĩ bụng, rồi đứng dậy, ra khỏi gian nhà thờ. Spadolini đã có mặt ở chỗ các em tôi. Chúng nó đã kịp sai bà nấu bếp hâm xúp nóng, và rán thịt cho y xơi bữa tối. Gã em rể tôi ngồi đối



diện với y, và tôi nhìn ra ngay, gã há hốc mồm, đậy vẻ kinh ngạc. Đúng thế thật! Trong đời gã, gã đã được ngẩng đôi diện một vị Tổng Giám mục thật sự - một Đức cha bằng xương bằng thịt - bao giờ đâu, cho nên, từ lúc bước vào, tôi chỉ thấy gã lặng im. Tôi ngẩng xuống bên Caecilia, uống một, rồi hai ly rượu vang, và trong lòng đậy khâm phục, chăm chú nghe cách Spadolini mở đầu và dẫn dắt câu chuyện theo ý mình ra sao. Hướng về phía chúng tôi, y bảo y có cảm giác như bố mẹ các anh chị sắp vào đây bất cứ lúc nào vậy. *Cứ như bố mẹ các anh chị sắp bước vào đây bất cứ lúc nào vậy.* Quả thật, từ lúc bố mẹ tôi chết, mọi thứ ở đây đều không thay đổi chút nào, nhìn quanh mọi thứ đều không mảy may thay đổi, trong khi, thật ra, trong lòng chúng tôi tất tật đều đã khác. Đương nhiên, cả trong lòng Spadolini nữa. Y bảo y rất quý trọng bố chúng tôi, ông ấy là con người *cao quý, edel*, y nói, và bởi y người Ý, y có thể tự cho phép nói cái từ *edel* ấy như thế. Và cách y phát âm cái từ *edel* ấy - tức là đặt trọng âm và nhấn mạnh cả hai âm *e* - cũng là cách phát âm rất điệu, của riêng mình y; y rất biết đi đầu đó, nên đảo mắt liếc ra xung quanh, tự thưởng thức sự tinh tế trong cách nói rất điêu luyện ấy của mình. Giữa bố với y là *tình bạn suốt đời gắn bó*, đúng rồi, cũng là *tình bạn cao quý, tình bạn edel*. Ở mồm người khác, nói như thế, tôi dám chắc, khi nghe hẳn sẽ thối không chịu được, nhưng từ miệng Spadolini thốt ra, lại biến thành những lời châu ngọc tuyệt vời. Y làm quen với bố chúng tôi trước khi làm quen với mẹ, trong một buổi dạ tiệc tại Gentsgasse ở Wien, trong dinh ngài đại sứ Ireland vào thời hậu chiến, cái thời mà theo lời y, *gian khổ đến cùng cực* ấy. Giữa đám khách khứa đông đảo ở đó, y để ý thấy ngay thân sinh chúng tôi là người khác thường nhất - một *con người tinh tế, có học, có hành bậc nhất*. Y thích nói chuyện với bố chúng tôi nhất, bố chúng tôi cũng mời y về ngay thăm Wolfsegg, nói nguyên như lời y, *hồi ấy ta còn là ủy viên Hội đồng Sư thần Tòa thánh*. Wolfsegg làm y ngây ngất, trong đời y, y chưa từng thấy một công trình nào kì diệu và đò sộ, theo kiểu rất Áo như thế, vừa đậy uy quyền, vừa rất tự nhiên, chưa bao giờ gặp *những con người niềm nở, thân thiện như thế, cũng như chưa bao giờ được ăn ngon tuyệt vời như thế*. Cứ như lời y, thì mẹ chúng tôi đã đón tiếp y ân cần, thân thiết *như đón đưa con trai xa nhà* mới về. Bố chúng tôi cùng anh Johannes, nhân một chuyến đi Palermo, đã từng ghé thăm y ở Rome; y đưa hai bố

con đi thăm Rome, nhưng trong đầu chỉ nghĩ đến Wolfsegg, đến vẻ đẹp nguy nga của nó. Bao giờ người Ý nói *sự nguy nga (Herrlichkeit)* bằng tiếng Đức thì thế nào cũng nghe thành ra *sự trung thực (Ehrlichkeit)*; mấy lần liền, Spadolini chắc mẫm y nói “nguy nga”, nhưng thật ra y lại nói “trung thực”, khiến cả tôi, lẫn hai đứa em gái tôi nghe đầu thấy vui tai, không phải do buồn cười, mà vì có duyên thế nào đó. Ấy là chưa kể, tôi nghĩ thầm, giọng nói Spadolini rất du dương. Y mô tả ông bố chúng tôi là người hết sức thận trọng, một đi đâu thật phúc đức cho cả nhà, người biết suy tính, cân nhắc mọi việc, không bao giờ phô trương khoe mẽ, bao giờ cũng tận tâm tận lực vì lợi ích gia đình mình và đi đến đâu ông cũng được yêu mến và kính trọng. Ngựa, theo lời Spadolini, là giống vật ông thân sinh các anh chị quý nhất. Ông ấy thật sung sướng được gần gũi chúng nó; phải, chỉ mong sao giá lúc nào cũng được gần đám ngựa của mình. Mà ông ấy mới ham đi săn làm sao chứ, y thốt lên. Ta rất hay đi săn với ông thân sinh các anh chị, mặc dù những lúc như thế thân mẫu các anh chị bao giờ cũng rất lo lắng. Cánh thợ săn là cánh khó lường - “unberechenbar” - y phát âm rung âm *r* ở cuối, rung gấp đôi, thậm chí gấp ba, đâm ra thành “unberechenbarr”, nghe đến ngộ. Ông cụ thân sinh ra anh chị quả là *bậc vương giả thực thụ*, thuộc hàng quý tộc chính hiệu. Và, ông mới thật thông minh, uyên bác làm sao. Spadolini từng quen biết một ông bố khác với ông bố tôi biết, cũng khác cả với ông bố của bọn em gái tôi. Hễ nhiều người cùng mô tả một ai đó, tôi nghĩ, mỗi người bao giờ cũng thấy một con người khác. Bao nhiêu người mô tả, bao nhiêu người quan sát cũng mặc, mỗi người sẽ quan sát, sẽ mô tả đối tượng từ hướng, hay từ góc nhìn riêng của người đó, thì cũng sẽ có bấy nhiêu quan điểm về cùng một con người, cùng một đối tượng, tôi tự nhủ, cho nên nếu Spadolini có quan điểm hay cách nhìn khác với của anh em chúng tôi thì cũng là đi đâu tự nhiên thôi; song, cách nhìn của Spadolini trong lúc say sưa kể lể này là cách nhìn thật dị thường, tôi nghĩ bụng, cách nhìn lạ đời nữa là khác, một cách nhìn - chắc chắn do tác động mà cái chết của bố tôi gây ra, nên đã đưa ông vượt lên trên vị trí mọi khi y vốn vẫn dành cho ông. Cứ theo lời y thì bố tôi thông thái hơn thiên hạ, ông có *những mối quan tâm* hơn mọi người *cùng giới với ông*. Y vừa bảo bố tôi là con người *trầm tĩnh nhất đời*, nhưng lúc sau đã lại bảo ông là *người không bao giờ chịu yên*. Ông là tấm gương cho một con

*ngươi đứng đắn, đúng mực. Một ông chủ đáng kính. Một triết gia. Một con người khiêm nhường. Một con người bao dung, rộng lượng. Một con người biết quy tụ nhân tâm, con người giàu lý trí, con người giàu lòng nhân ái, đồng thời cũng là người biết tự kiềm chế và được lòng thiên hạ.*

Spadolini không tiếc lời khen ngợi bố tôi. Y kể, y gặp bố tôi ở Cairo rồi hai người kéo nhau chui vào *kim tự tháp Cheop*, lần theo các bậc thang bằng gỗ ván lên cao mãi, cho đến khi kiệt cả sức. Từ Alexandria, y nói, hai ông gửi bưu thiếp cho chúng tôi, nhưng chúng tôi chả bao giờ nhận được. Theo lời y, thì ở Rome, bao giờ y cũng đưa bố tôi đến phố Veneto, bởi ông bố chúng tôi rất thích phố Veneto. Thân sinh các anh chị vốn rất yêu thành Rome, Spadolini quả quyết vậy. Được đi uống rượu vang với người sành rượu như ông thật tuyệt vời! Thân sinh các chị vốn là *con người triết lý*, y nói, ông mang trong người *một vốn học vấn rất cao về chính trị*. Nói cho cùng, tôi nghĩ, tất cả những gì Spadolini đang nói trước mặt anh em tôi đây về bố chúng tôi - trong lúc y dùng bữa tối - đều sai tuốt; tất cả những gì Spadolini đang nói về bố tôi đều sai bét. Về ông bố tôi, tôi đã nói những điều ngược hẳn, rằng ông không phải người giàu lý trí, ông chẳng phải người biết tự kiềm chế, mà cũng không phải con người của triết lý, vân vân và vân vân. Spadolini đang mô tả một ông bố không có thực, tôi tự nhủ, một ông bố y đang tưởng tượng ra trong đầu mà thôi. Song, mặc dù tất cả những gì Spadolini nói về bố tôi đều sai toét, ấy thế những vẫn có chút hơi hướng nào đó của sự thật đáng tin thật. Ta vẫn thường nghe rất những chuyện vớ vẩn, toàn chuyện sai lệch và bịa đặt về một người nào đấy, nhưng ta vẫn tưởng đó là những chuyện rất thật về con người đó, vâng, vâng cho đó là sự thật, chỉ vì những điếu méo mó so với sự thật đó được phát ra từ miệng một người đầy tự tin nào đó, kiểu như Spadolini đây. Thế nhưng lúc này y không thuyết phục được tôi, bởi rõ ràng y đang phác họa một bức tranh y *muốn có* về ông bố tôi thì đúng hơn, tôi nghĩ bụng, chứ không phải bức tranh trung thành với sự thật. Ông bố tôi vốn là người hoàn toàn khác với con người Spadolini đang phác họa, tôi tự nhủ. Vâng, hình ảnh ông bố tôi do Spadolini đang phác họa là hình ảnh được y lý tưởng hóa, mặc dù lý tưởng hóa không đến nỗi tôi đâu nhé, tôi tự nhủ, bởi vì y mô tả bức phác họa của y bằng một giọng quyến rũ và hấp dẫn, nhưng không quên pha chút đau buồn - một kiểu giọng vào lúc này có

thể xem là thích hợp, vì đầu giờ, ông bố tôi cũng mới qua đời được hai hôm chứ đâu - khiến cho sự thờ ơ thực sự chứa đựng trong bức phác họa giả mạo kia không hiện ra lộ liễu quá, bởi nói gì thì nói, y cũng thừa thông minh để nhận ra rằng, bức tranh y phác họa trước mắt về ông bố chúng tôi, xét cho cùng, quả là thờ ơ và thô bỉ. Tuy ông bố chúng tôi lúc sinh thời đúng là có tử tế như Spadolini nói thật, quả có trăn trăn tính thật và rất có thể, cũng là quý ông đáng kính thật, nhưng mọi thứ khác đều sai toét. Song, cứ nhìn nét mặt hai đứa em gái tôi thì biết, chúng nó như muốn hớp lấy từng lời từng câu phun ra từ miệng Spadolini, như thể đó là những lời, những câu chứa đựng và chỉ chứa đựng độc có sự thật đơn thuần mà thôi. Một lúc khá lâu Spadolini cố tránh không nhắc đến mẹ tôi, y nói rất nhiều về bố tôi, khiến tôi buộc lòng phải nghĩ, vâng, mặc dù bố tôi xét cho cùng không phải là con người đủ thú vị để y phải dài dòng, hết ca lại tụng như thế, nhưng lần nữa nói thật lâu về bố tôi là phương sách thuận lợi giúp y đáng trông cậy, giúp y trì hoãn, chưa phải nói gì về bà mẹ chúng tôi, về người tình của y cả. Song lẽ, trong khi thao thao về bố chúng tôi như thế, y thừa biết anh em chúng tôi chỉ nhắm nhắm chờ y nói về mẹ chúng tôi thôi. Có lần y với bố chúng tôi rủ nhau *leo núi ở Ortler*, y vẫn nói tiếp, và ở đó ông bố chúng tôi đã cứu y thoát chết, nhờ ông kịp thời ném sợi dây thừng xuống vách đá cho y *vào lúc nguy kịch nhất*. Y không hề tỏ ra bối rối hay sượng sùng khi chỉ có một mình y ăn còn chúng tôi chỉ bó tay ngẩn xung quanh. Nhìn y ăn có vẻ ngon miệng, chúng tôi cũng thấy vui vui. Tôi thì thầm nghĩ, nhà bếp quả đã chịu khó dọn bữa ăn tử tế cho y, không qua loa lấy được. Ở Sitten bên Thụy Sĩ, tức là ở thung lũng Rhonetal, y kể, y cùng bố tôi ghé thăm một nhà thờ nhỏ, như y nói, kiến trúc kiểu Roman. Trong nhà thờ, hai vị trông thấy bức tranh vẽ Chúa Cơ đốc với *bộ mặt méo mó lạ lùng, đến mức bệnh hoạn*. Y bảo, bố tôi thốt lên với y, rằng chưa bao giờ có bức tranh nào gây ấn tượng mạnh mẽ đến ông như bức tranh này. Bố tôi, nói như y, là *người sành sỏi nghệ thuật*, ông cũng là *người bạn của các nghệ sĩ*. Y tỏ ra khoái cái từ *nghệ sĩ* từ miệng mình nói ra, nên y nhắc đi nhắc lại vài lần, cốt chỉ để tự một mình thưởng thức. Ông thân sinh các anh chị là *người yêu thiên nhiên*, y nói. Rồi tiếp, ông cũng là *người yêu lễ công bằng* và rất vững vàng về mặt tín ngưỡng. *Thân sinh các anh chị là một tín đồ Cơ đốc giáo mẫu mực*, y nói rồi đưa mắt nhìn các em gái tôi. Đây là

nhận xét cuối cùng của y về bố tôi, và vừa nói xong, y cũng ngừng ăn. Tôi nghĩ ở đời này có lẽ chẳng còn ai biết dùng khăn giấy lau miệng điệu dàng như y. Caecilia rót rượu vang mời y uống; y ngả lưng ra sau và nói, tối mai y đã lại phải về Rome. Đức Giáo hoàng cho mời y đến, nhưng với Đức Giáo hoàng này chẳng có ai biết trước được liệu Ngài có tiếp người Ngài cho mời đến đúng vào giờ Ngài đã định hay không. Tình hình ở Rome hiện nay rất tồi tệ, không khí chính trị trở nên gay gắt, cả phe cộng sản lẫn phe phát xít đều lăm le chực lên nắm quyền. Thế nhưng, y nói, cả phát xít lẫn cộng sản, sẽ chẳng ai đủ sức lên cầm quyền cả. Ai ra khỏi nhà một lát thôi, cũng chưa chắc mình còn sống mà quay về bởi vì bọn phát xít nổ súng bắn bừa bãi vào dân chúng, bất kể họ liên quan hay không liên quan đến việc của chúng, bắn để gây chú ý, chỉ có thế thôi, y quả quyết. Quả thật là *một thời bất ổn và đáng sợ*. Ấy nhưng cũng lại là *một thời kỳ thú vị nhất mà nước Ý chưa từng trải qua*. Ta bị buộc chặt vào Rome, y nói, chặt đến mức ta không thể hình dung, có bao giờ ta rời khỏi đó hay không, mặc dù ta đâu có tự quyết định được, mình sẽ ở lại hay ra đi. *Mệnh ta hoàn toàn nằm trong tay các đấng Bê trên*, y nói. Tôi thầm nghĩ, không biết do đâu mà tôi lại ngưỡng mộ Spadolini đến vậy. Hình như chính con người y thôi, chính sự hiện diện của y thôi, đã là câu trả lời! Góc gác lòng ngưỡng mộ ấy của tôi, tôi nghĩ bụng, không phải là y nói *những gì*, mà là cách y nói như thế nào, là cách y tự phô diễn mình ra sao. Bất cứ những gì y nói cũng khác hẳn với cách người khác nói, tôi tự nhủ, đó mới là đi đầu mẫu chốt. Đến đây, bỗng nhiên y đi ềm ềm chuyển sang nói về bà mẹ chúng tôi. Tuy bà là người không thể mô tả bằng lời được, như y nói, nhưng y vẫn cất tiếng mô tả bà. Bà luôn luôn kiêu kiêu, và chính bà cũng là người đưa y lần đầu tiên vào nhà hát Opera ở Wien, nghe vở *Der Rosenkavalier* (*Hiệp sĩ hoa hồng*), nhờ bà mà y được làm quen với những nữ danh ca nổi tiếng nhất của nhà hát Opera ở Wien và cho đến tận giờ vẫn giữ quan hệ bạn bè thân thiết với các nữ danh ca đó, nhờ mẹ chúng tôi y làm quen với nền âm nhạc Áo, bởi chính bà, mỗi khi bà đến Wien, đều mời y đến dự các buổi hòa nhạc tại nhà hát giao hưởng. Cùng với bố chúng tôi, bà với y từng đến cái gọi là *Hội âm nhạc* và nhà hát giao hưởng. Nhờ ơn mẹ tôi y mới được nghe nhiều nhạc của Mahler ở Wien. Y nói chính bà đã mách cho y nghe Mahler, một nhạc sĩ làm bà say

mê say mê, say mê đến mức buổi giao hưởng nhạc Mahler nào y với bà cũng đều dự cả. Theo y, mẹ chúng tôi là người có *năng khiếu âm nhạc tuyệt vời* và y luôn luôn tiếc rẻ bà không chơi thứ nhạc cụ nào, mặc dù, y quá quyết, lẽ ra bà có thể trở thành *một nghệ sĩ dương cầm lớn*. Việc y bị thuyên chuyển khỏi Wien sở dĩ làm y tiếc rẻ, trước hết, có lẽ là do y vì thế mà phải xa rời âm nhạc, nhất là sau khi y phải nhậm chức ở hải ngoại. Y kể mẹ tôi cùng với y đi thuyền ngược dòng sông Danube đến Dürnstein ở Wachau, đưa y đi thăm Salzburg, chỉ cho y xem Salzkammergut, và chẳng bao lâu sau buổi đầu làm quen, bà đã mời y đến Paris, là nơi dạo ấy y chưa từng đặt chân đến bao giờ. Chẳng lẽ hỡi đó, trong chân cổ vấn cho Sứ thần Tòa thánh, y chưa có nhiều cơ hội đi đây đi đó, hay nói đúng lời y, hoàn cảnh còn *khá eo hẹp*, tất nhiên, chưa được như sau này, khi y giữ chân Sứ thần. Mẹ tôi từng mời y đến Florence và hai người cùng với bố tôi lưu lại đó hàng tuần liền vào mùa thu và thật sự chỉ cho y thấy Florence là thành phố thế nào. Trước đó y đã đến Florence nhiều lần, nhưng mẹ tôi đã dạy y biết yêu *thành phố của các quan chức nhà nước* này. Cũng nhờ bà mẹ chúng tôi mà y thông thạo miền Thượng Áo này như thế, phải, cái xứ với *bao nhiêu là hồ nước và núi cao nguy nga tráng lệ* (vâng, vẫn cách phát âm từ *nguy nga, tráng lệ* thành ra *trung thực* xưa nay của y) *cùng những dãy núi chết, những khe xói lở trên cao ấy*. Rồi những lâu đài “*trung thực (nguy nga)*” chỉ có ở xứ này, không ở đâu khác nữa. Vùng đất Thượng Áo “*trung thực*” ấy, theo y, cũng là nơi đẹp nhất trên đất Áo. Y bao giờ cũng hết sức kính trọng mẹ chúng tôi, đúng rồi, một con người phi thường như thân mẫu anh chị, người ta chỉ có thể yêu mến mà thôi. Tình bạn với thân mẫu anh chị là tình bạn có một không hai, bền vững suốt cả ba chục năm trời nay. Mẹ chúng tôi làm cho y khỏe mạnh, y bảo vậy, bao giờ bà cũng đưa cho y những dược thảo tốt nhất, bao giờ cũng tìm đến thăm y vào những lúc các bác sĩ khác đều đã bó tay, cuốn gói, để mặc y ít nhiều vô vọng một thân một mình *trên giường bệnh*. Với ta, thân mẫu các anh chị cũng là thầy thuốc tài giỏi nhất, y bảo, bà mang đến cho ta *những thứ thảo dược vùng Thượng Áo*, giúp ta khỏi bệnh. Mạng sống của ta có lẽ chỉ nhờ có số thảo dược Thượng Áo ấy mà vẫn được vẹn toàn, y nói, số dược thảo thân mẫu anh chị chẳng quản khó nhọc tìm mua rồi bất kể nắng mưa, xa xôi cách trở mang về Rome, để cứu vớt ta. *Bằng thứ thảo dược ấy bà đã*

*cứu sống ta*, Spadolini khẽ thốt lên rồi tiếp, thảo dược vùng Thượng Áo đã *giữ y lại cho nhân loại*, vâng, đó quả thực là nguyên văn lời từ miệng y, nghe khá hùng hồn, thống thiết, nhưng du dương, quyến rũ đến mức không hề gây chút khó chịu, ngưng ngưng nào cho người nghe cả. Nếu cần, y nói tiếp, ta cũng sẽ mách thứ thảo dược miền Thượng Áo này cho Đức Giáo hoàng. Nói đến đây, y lặng im khá lâu và không ai trong chúng tôi dám cất tiếng phá tan sự im lặng đó. Gã em rể tôi ngẩng đầu nhìn người trước mặt y, và nói như người ta nói, vẫn chưa qua cơn bàng hoàng. Bọn em gái tôi kính cẩn tôn trọng vài phút im lặng được Spadolini khéo léo và điêu luyện chen đúng lúc vào câu chuyện độc thoại của y. Rồi y nói tiếp, mới tuần trước y còn hẹn với mẹ chúng tôi đi thăm Kalabrien, bây giờ phải bỏ. Đến chỗ Trullis, y nói. Đi thăm Kalabrien vốn là mơ ước từ rất lâu của mẹ tôi, và bà định đầu mùa hè năm nay sẽ đi một chuyến. Ấy thế, Spadolini cất tiếng, mọi sự bỗng dừng đầu thay đổi. Đoạn y chuyển sang nói về chuyến y đi cùng với mẹ tôi và tôi, từ Taormina lên tham quan Aetna. Chuyến đi đã lâu lắm rồi, tôi nghĩ, chắc phải năm, sáu năm về trước, vào cái lần mẹ tôi đến Rome thăm tôi và tôi phải đưa mẹ tôi suốt mấy ngày liền lòng không khắp nơi ở Rome, cốt chỉ để mua bằng được đôi giày da bà ưng ý, bà khẳng khẳng đôi giày phải màu xanh da trời và làm bằng thứ da lợn đặc biệt, mỏng và mềm mại như da găng tay mới được. Sau bao nhiêu ngày lùng sục, rồi hai mẹ con cũng tìm được đôi giày mẹ tôi ưa. Bà mua một lúc ba đôi cùng loại. Bao nhiêu lần bà lôi tôi - ít nhiều xềnh xệch - cùng đi ăn tối với người quen của bà, người quen thôi, không phải họ hàng, cốt chỉ để tạo chứng cứ ngoại phạm với bố tôi, để che đậy các cuộc hẹn hò, gặp gỡ liên tục với Spadolini mà thiên hạ nói cho cùng, ai cũng biết, nhưng cũng chẳng ai chê trách, chỉ riêng mẹ tôi vẫn luôn luôn muốn giữ thật kín. Bà lôi tôi đến dự các buổi dạ tiệc đáng ghét ấy cho bằng được, nhưng chẳng bao giờ cùng tôi quay về, bởi sau đó, bà lần đi hú hí thâu đêm với Spadolini. Tôi chẳng trách cứ gì mẹ tôi về những cuộc hẹn hò của bà với Spadolini, tôi chỉ thấy thương hại bà, tôi buộc phải nói thẳng ra như thế, vì bà bị lệ thuộc vào những cuộc hẹn hò, gặp gỡ đó. Sau các buổi dạ tiệc như thế, như tôi biết, Spadolini sẽ chờ bà tại một nơi nào đó ở Trastevere, rồi hai người tìm một căn hộ để trống nào đấy của bạn bè Spadolini, rồi hú hí, tình tự với nhau cho đến sáng. Tôi chẳng những chỉ thương hại mẹ tôi, tôi

còn thương hại cả Spadolini nữa. Nhưng mặt khác, tôi cũng khinh bỉ cả y lẫn bà. Chuyển đi Aetna, dạo cuối tháng Giêng, thì hai vị quả có đi với tôi thật. Ở Taormina, tất nhiên chúng tôi ở khách sạn Timeo. Chúng tôi thuê taxi lên sát mép tuyết trên núi. Sau đó, ng ỡ cáp treo lên đến đỉnh Aetna. Miệng núi lửa chính chìm hẳn trong sương mù, tuyết nhiên không thấy gì hết. Cả ba chúng tôi, ai nấy đều cảm thấy hân hoan, sung sướng nhất tr ần đời. Bây giờ, Spadolini kể lại về chuyến đi Aetna thế này: anh còn nhớ chứ, cả ba chúng ta đi cáp treo lên cao rồi ghé vào nhà hàng. Nhưng trong ấy lạnh đến nỗi, ta không muốn ng ỡ lâu, chỉ uống mỗi người một ly trà nóng rồi đi. Ta với mẹ anh, y nói hướng về phía tôi, quyết định đi bộ xuống, còn anh thì không chịu, anh bảo anh sợ, anh còn nhớ không? Y hỏi tôi. Vâng, tôi đáp, cháu sợ. Phải rồi, anh sợ, y nói tiếp, nhưng ta với mẹ anh thì chẳng sợ gì. Ta nắm tay mẹ anh và cứ thế đi xuống. Còn anh đi cáp treo quay lại. Bọn ta từ dưới nhìn lên thấy anh trong thùng cáp treo, y nói, còn anh từ trên ấy cũng nhìn thấy bọn ta. Đột nhiên có cơn lốc tuyết nổi lên. Tuyết rơi dày đến mức bọn ta chẳng còn nhìn thấy anh nữa; bọn ta không nhìn thấy anh, anh cũng không thấy chúng ta đâu nữa, y nói, ta không thấy xe cáp treo đâu nữa cả, từ trong xe cáp treo, anh cũng không nhìn thấy chúng ta nữa. Về sau anh bảo, xe cáp heo chao đảo đến mức anh phát hoảng, chỉ sợ dây cáp sẽ bật ra. Anh cũng bảo anh căng mắt tìm chúng ta phía dưới, nhưng không còn thấy gì nữa. Cáp treo chao đảo đến nỗi anh tưởng giờ tận số đã đến, y kể tiếp. Ta với mẹ anh cũng chẳng nhìn thấy gì hết, nên lánh ra sau mấy tảng băng. Cứ thế này thì chả mấy chốc bọn ta bị sẽ tuyết vùi kín. Như ở dãy núi Alpen, y nói, đúng, như dãy núi Alpen vậy. Ta đã nghĩ, không khéo mình sẽ chết mất, như đã có người từng vong mạng trên dãy Alpen. Không còn nhìn thấy gì nữa cả. Song, ta nghĩ bụng, nếu không đi tiếp, ta sẽ chết cóng mất. Thế là, ta nắm tay mẹ anh, đi tiếp. Nhưng rồi ta lại nhanh chóng kiệt sức và mẹ anh lại kéo ta đi. Cứ thay nhau như thế, y nói. Còn anh thì đã xuống đến trạm nghỉ chân dưới thung lũng từ lâu, mà tuyết rơi vẫn không ngớt. Thế là anh báo động với cảnh sát, nhưng cảnh sát cũng không thể leo ngược lên được, vì lốc tuyết mạnh quá. Bọn ta chui lọt vào một khe dung nham núi lửa và lo nơm nớp, sẽ bị tuột xuống sườn núi, nên mới đầu cả hai đều không dám động đậy. Song mẹ anh bảo, bọn ta phải đi tiếp, rồi bà đẩy ta đi, y nói, đẩy đi tiếp. Được một



đoạn lại chui vào một khe dung nham khác và chắc mẫm, chuyến này không khéo chết cả hai. Ta cầu nguyện, cầu nguyện thầu thôi, không đễ mẹ các anh chị biết, cầu nguyện một mình ta thôi. May vừa lúc đó thì ngớt tuyết, Spadolini nói, và bọn ta thoát chết. Phải, chính anh đạo ấy đã cảnh báo chúng tôi, bây giờ Spadolini lại hướng về phía tôi, lẽ ra không được lợi bộ từ trên Aetna xuống núi như thế. Nhiều người nghe nói đã bỏ mạng vì thế. Đúng rồi, Aetna là ngọn núi đầu chết chóc, y lại lấy giọng lâm ly thống thiết. Thế nhưng, mẹ anh và ta lúc ấy sung sướng quá đi, y nói, chuyến đi Aetna lần ấy quả là chuyến đi ta không bao giờ quên. Sau đó ta quay về Taormina, rét run cầm cập, y nói, chui ngay vào chăn. Ấy thế mà tối đến, bọn ta đã lại có mặt ở phòng ăn, như thể không hề có chuyện gì xảy ra. Phải rồi, lẽ ra ta nên nghe anh, Spadolini ôn tồn nói, thế nhưng tình yêu thương của ta đối với mẹ anh làm ta phát điên phát cuồng. Nếu không có mẹ anh nắm lấy ta và cứ thế kéo từ Aetna xuống thì không biết sẽ ra sao! Y lại thốt lên. Mẹ anh là người, người ta hay nói thế nào nhỉ, là người mà khi cầu thì *không biết sợ* là gì. Con người đầu nhiệt huyết, y nói, và dứt khoát. Thế mà tối hôm đó, bà xuất hiện yêu kiều biết bao, trong chiếc áo dài Ba Tư màu kem ngà ngà. Chắc anh cũng còn nhớ. Lạy Chúa, y lại khẽ thốt lên, trong chiếc áo dài ấy, trông thân mẫu các anh chị mới đẹp làm sao! Cũng có thể, các anh chị không có những kỷ niệm như của ta về thân mẫu mình. Trong ta, ta chỉ có các kỷ niệm đẹp đẽ nhất mà thôi. Đối với ta, y trầu ngầu, tin báo cái chết của bà thật kinh khủng, kinh khủng nhất, từ lâu lắm đến giờ ta không phải nhận tin báo nào khủng khiếp như thế. Đã bao nhiêu lần thân mẫu của anh chị cứu ta thoát chết, ta nói thật đó, riêng việc bà mời ta về Wolfsegg cũng đã là sự cứu rỗi. Ở đây, ta có được sự yên tĩnh giúp ta hồi sinh, y nói. Ta yêu ngôi nhà này, quý mảnh đất này hơn bất kỳ ngôi nhà hay mảnh đất nào khác. Lối sống văn hóa tràn đầu mọi góc ngách ở đây bao giờ cũng có thể cứu sống một kẻ cùng đường, bế tắc và tuyệt vọng. Lúc ta làm Sứ thầu Tòa thánh ở Peru ta luôn luôn nhớ đến Wolfsegg, nhớ đến các anh chị, đến thân mẫu của các anh chị. Chính những kỷ niệm đó giúp ta sống sót ở *xứ sở đó*. Song Peru quả là đất nước tráng lệ, y nói, tráng lệ, tráng lệ (herrlich)! Trung thực (errlich)! Tin báo này quả thật là tin báo đau buồn nhất từ trước đến giờ, y nói rồi đứng dậy và ra hiệu cho mọi người biết, y dẫn lòng quyết định, bây giờ sang bên nhà kính,

sang với những người đã khuất. Trước khi cả năm chúng tôi ra khỏi phòng, y bước lên nửa v ề phía tôi rồi cất tiếng từ tốn bảo, cái chết của mẹ tôi cũng là *mất mát lớn nhất* của y. Anh đừng bao giờ mất tự chủ, y dặn tôi, anh giờ đây là ông chủ ở Wolfsegg đấy. Lúc này chính là lúc thích hợp nhất cho Spadolini sang nhà kính. Khách khứa đã lui hết cả v ề phòng họ nghỉ qua đêm, ngoài những tiếng động khe khẽ từ trong bếp vọng ra, chẳng còn tiếng động nào khác nữa. Caecilia đi nhanh lên trước - trông cứ như chạy - mở hết cửa này đến cửa khác cho mọi người đi sau. Nó cũng đến nhà kính đầu tiên, nhưng khi đến gần chừng mười mười lăm thước, nó bước chậm lại, không bước thẳng vào mà chờ Spadolini đang bước rất bình tĩnh theo sau. Y mang đôi giày sang trọng bậc nhất, mà tôi chưa từng trông thấy bao giờ. Tôi đã để ý đến đôi giày này từ nãy, khi tôi theo sau y lên tầng trên. Spadolini bao giờ cũng chú ý đến việc mang giày sao cho thật sang trọng. Tôi thường thấy thú vị mỗi khi quan sát y đi sắm giày, thì tất nhiên rồi, sắm ở phố Condotti, chứ không bao giờ như tôi, chỉ mua giày ở Corso. Tôi ngắm đôi giày y giẫm lên cỏ non lòng đầy ngỡ ngàng; dưới ánh đèn nhà táng hắt từ nhà kính ra làm sáng một khoảnh nhỏ trong khu vườn, trông đôi giày y mang càng đẹp. Spadolini định chờ tôi, hoặc Amalia, sẽ bước vào nhà kính trước, nhưng chúng tôi lại khẳng khái nhường bước cho y. Spadolini bèn nắm tay Caecilia bước vào trong. Y đứng dừng lại trước các cỗ quan tài và kéo Caecilia sát vào mình. Gã em rể tôi đứng ra sau Caecilia, Amalia - sau lưng Spadolini, còn tôi - ra sau cùng. Hai gã thợ săn túc trực bên linh cữu đứng nghiêm, không động đậy, làm như thể đây là tang lễ quân sự cấp cao không bằng. Cảnh tượng này làm tôi nhớ đến cảnh tượng bên Đài kỷ niệm Chiến sĩ vô danh ở Warszawa. Tôi với anh Johannes đến đấy trong lần hẹn nhau ở Warszawa, trước khi cùng nhau đi Krakow. Ihước đó, anh tôi đi săn ở Zakopane, còn tôi - đi thăm bà con ở gần Wilanow. Năm người chúng tôi đứng gần như bất động mất vài ba phút bên ba cỗ quan tài. Trong lòng tôi đột nhiên trỗi dậy ý muốn, phải nhìn xem mặt mũi của các em tôi, của gã em rể lẫn của Spadolini lúc này ra sao, chứ không muốn nhìn mãi hai gương mặt người chết, hai gương mặt đã trở nên hoàn toàn xa lạ của ông bố lẫn ông anh trai tôi nữa. Tôi bước đến bên quan tài và làm ra vẻ như muốn xem lại mấy tảng đá làm lạnh, tôi nhấc mấy tấm khăn đen lên, rồi lại bỏ xuống, trong khi mắt tôi chỉ liếc

xem mặt Spadolini, của hai em gái và gã em rể tôi thế nào thôi. Song, trên gương mặt họ, tôi chẳng nhìn ra dấu hiệu nào làm lộ những gì đang diễn ra trong lòng họ. Các gương mặt đó không lộ ra cho tôi thấy đi đâu gì hết. Chúng bất động và trông hết như các tấm màn che kín mọi thứ ở bên trong. Tôi những tưởng, các gương mặt này sẽ làm lộ tẩy mọi thứ nằm phía sau, nhưng không, chúng bị che kín hoàn toàn, phủ kín tuyệt đối tất tậ những gì tôi có thể lấy làm thú vị. Hóa ra mấy người cũng ranh ma, cũng biết tự chủ ra phết, tôi nghĩ bụng trong lúc vẫn đứng trước mặt họ và chợt cảm thấy hoang mang, không biết họ có đoán ra ý đồ thật sự của tôi không, Spadolini, cũng như hai đứa em gái tôi, thì dám đã đoán ra lắm. Người duy nhất vẫn giữ nguyên gương mặt thật của mình, hay nói cách khác, không xô phông kéo màn che mặt, là gã em rể, gã chủ xưởng nút chai rượu vang; gã không kéo màn che gương mặt đần độn của mình lại, tôi nghĩ bụng, bởi, gã cũng chẳng biết mình đần độn cỡ nào. Mấy người kia đều kéo màn che mặt, riêng gã em rể, gã chủ xưởng nút chai rượu vang, không che, thì lại là người duy nhất, trong số những người đứng trước quan tài đây, không làm tôi quan tâm chút nào. Nhưng, đằng sau các tấm màn họ kéo ra che mặt kia chắc chắn bọn họ đang có những ý nghĩ có thể làm tôi thú vị lắm đây. Tôi tự nhủ, tôi biết thừa đó là những ý nghĩ gì, tôi chẳng cần phải kéo màn, đẩy phông ra mới biết họ đang nghĩ gì phía trong, những gì đang diễn ra trong ruột gan họ. Tôi lại cẩn thận nhắc một tấm khăn đen lên, rồi lại lặng lẽ đặt nó xuống tảng băng. Trong lòng tôi, tôi hiểu rất rõ sự đê tiện của mình, sự đê tiện chứa đựng trong ý định lật tẩy sự hèn hạ và đêú cáng phía sau các tấm màn che kín mặt kia. Tất nhiên Spadolini nắm cùi tay con Caecilia, tôi nghĩ bụng. Một cảnh phim. Đây là các gương mặt trong phim. Gương mặt tài tử điện ảnh. Tôi lùi nhanh lại chỗ cũ của mình ở phía sau, như thế vừa sức nhận ra và lấy làm ăn năn rằng việc tôi bước lên trước như vừa rồi đã làm hỏng một nghi thức quan hợg. Hai tay thợ săn thoáng lúng túng, nhưng cố không để lộ ra mặt. Cũng cảnh phim nốt, tôi nghĩ bụng. Gương mặt người chết bây giờ trông như bằng sáp, chuyển màu xám xỉn. Sáng ra, tôi nghĩ bụng, phải cho người lau sạch hai gương mặt đã xám xỉn này đi mới được, mình phải nhớ bảo người làm, đừng có mà quên. Đột nhiên, Spadolini quỳ xuống trước quan tài mẹ tôi. Cảnh tượng trông thật sộg sùng. Hai đứa em gái tôi chẳng còn cách

nào khác, cũng quỳ xuống. Tôi, tất nhiên, vẫn đứng nguyên, Spadolini và hai em gái tôi quỳ hai hay ba phút gì đó trước quan tài, khoảng thời gian đó, vào lúc như thế này, tưởng dài như vô tận. Tôi nghĩ, lại cũng cảnh phim. Trước khi bước vào nhà kính, Đức cha Tổng Giám mục Spadolini đã dùng bữa tối cho vững dạ, khỏe người cái đã, tôi nghĩ bụng, rồi mới đến màn viếng người chết. Trông Ngài đứng lên mới trang trọng làm sao, tôi tự nhủ, trong khi bọn em tôi lại luynes quynh vụng về quá đỗi. Spadolini quay về phía tôi như muốn hỏi, tiếp theo là gì đây? Tôi bước về phía cửa. Spadolini theo sau tôi ra ngoài. Bên ngoài, trời tối sầm tự lúc nào. Thương tích thân mẫu anh chắc phải nặng nề lắm, y nói khẽ, nên người ta mới không liệm như liệm bố anh và Johannes. Rồi thêm vài bước, trên đường hướng về tòa nhà chính, y hỏi, làm sao mà xảy ra tai nạn. Các em tôi, lúng búng, không biết bắt đầu thế nào. Nhưng tôi cứ đọc trên báo thế nào, tôi lôi ra nói lại cho y nghe như thế, từng câu ngắn, như các dòng tí giọt trên các trang báo ghép lại với nhau. *Sau một buổi giao hưởng*, tôi nói. À, ra thế, *sau buổi giao hưởng*, Spadolini hỏi lại. Rồi y tiếp *Mạng sống tất cả chúng ta đều nằm trong tay Chúa*. Và chúng ta, tất nhiên, không thấu hiểu được Người. Chúng ta không đủ sức để hiểu Người. *Chúa ban cho chúng con sức mạnh, để sống ở đời*, y nói. Rồi y bảo, giờ y chỉ muốn lui về phòng, chờ đến tang lễ ngày mai. *Ta sẽ cầu nguyện cho người đã khuất*, y trầm ngâm, *cầu nguyện cho những con người thân yêu đã quá cố*. Vì tụi em gái tôi cứ tưởng Spadolini sẽ còn ngỗ với chúng tôi suốt tối, cho nên hơi chùng hững khi thấy bây giờ Spadolini lại bỏ rơi chúng nó như vậy. Đánh rụp một cái, cả bọn lại chỉ biết dựa vào tôi, chúng nó bèn rủ tôi, anh em mình lên phòng khách uống vang với nhau vậy. Gã em rể gật đầu ngay. Thế nhưng, tôi định kết thúc ngày hôm nay theo cách của tôi, và thực bụng mà nói, cũng chẳng muốn nhìn thấy mặt tụi em tôi nữa. Tôi bảo, không, tôi sẽ về phòng, rồi cũng như Spadolini lúc nãy, tôi để mặc hai đứa em gái cùng thằng em rể đứng tro lại đó với nhau, và biến về phòng. Tôi cứ khóa cửa lại cái đã, dù tôi chưa có ý định đi ngủ ngay, bởi lên giường bây giờ quả là ngu ngốc, khi tôi thừa biết tôi không thể ngủ ngay được. Gì thì gì, tôi nghĩ bụng, những đi ầu Spadolini nói về mẹ tôi thật hơi hợt; y mô tả mẹ tôi như y muốn chúng tôi thấy bà thế nào - đúng theo cách y nhìn. Cách nhìn hơi hợt lúc này của y tạo ra bức tranh mẹ tôi theo cách y muốn thấy,

ngay lúc ngồi với chúng tôi bên bàn ăn, chứ không phải bức tranh y thật sự biết về mẹ tôi. Y muốn thấy ở bà một bà mẹ yêu nước Áo, yêu âm nhạc, một con người giàu lòng nhân ái, và một bà mẹ dành biết bao nhiêu thiện cảm cho giới nghệ sĩ. Nghe những lời như thế về bà mẹ tôi, dù đấy là những lời từ miệng Spadolini thốt ra, tôi thấy ngỡ ngàng chín cả người; khác với bọn em gái tôi, chúng nó bao giờ cũng một lòng tin lời Spadolini, cho dù đó là những lời chẳng đáng tin chút nào. Những lời y kể về chuyến đi Aetna ngày nào tuy cũng ít nhiều trung thực, tôi thầm nghĩ, phải, tuy y cố tả chuyến đi Aetna trung thực *vừa ở mức* tôi không phản bác gì được, nhưng cũng là mức độ vừa hơi hợt ở mức, khiến ai chỉ nghe y kể thôi - chứ không được chứng kiến thật sự như tôi - cũng sẽ tưởng đó chẳng qua chỉ là một mẩu chuyện bình thường, vô thưởng vô phạt mà thôi. Nhưng tôi không chỉ tưởng có vậy, trong đầu tôi, tôi vẫn còn ghi nhận cái độc địa trong mẩu chuyện về chuyến đi Aetna năm ấy, tôi nghĩ, thả người trong ghế bành, không bật đèn, để mặc cho bóng tối đen đặc chiếm lĩnh con người tôi. Phải, y kể lại chuyện xảy ra ở Aetna như kể một mẩu chuyện chẳng mấy ý nghĩa, vô thưởng vô phạt, như thế nó *không chứa đựng bất cứ điều gì ranh ma quỷ quái bên trong cả*, trong khi thực ra nó lại rất quỷ quái, giờ đây tôi càng thấy rõ, - *quỷ quái, nham hiểm từ đầu đến cuối* là đằng khác, Spadolini kể về chuyến đi vô hại, vô thưởng vô phạt, từ Taormina về Catania cũng như trên đỉnh Aetna ấy, nhưng chuyến đi tuyệt nhiên không vô hại chút nào. Hai vị dứt khoát đòi đi bộ từ trên đỉnh Aetna xuống, thật ra, là *một trò quỷ quyết, nham hiểm* của hai ông bà, tôi nghĩ bụng, của mẹ tôi cũng như của Spadolini. Hai vị đã lợi dụng cơn bão tuyết. Hai người lợi dụng các khe núi. Họ tính trước trận tuyết rơi dày đặc, họ cố ý kéo nhau xông vào trận bão tuyết, tôi nghĩ bụng, không chút ngỡ ngàng để mặc tôi một mình trên đỉnh núi; cả hai đều định ninh tôi không biết gì về chuyện giữa hai người với nhau, đều không ngờ tôi đã bắt thóp hai vị từ lâu, không ngờ tôi biết thừa quan hệ giữa hai vị không vô thưởng vô phạt chút nào, biết thừa hai vị làm gì mà chả có tính toán từ trước. Bên bàn ăn, Spadolini mô tả bà mẹ tôi như thể bà quả thật là một người đàn bà vô tư, vô hại, yêu thương và kính trọng y cũng vô tư, vô hại nốt. Song, tôi tự nhủ, mẹ tôi không phải người như thế. Bà không phải là người đàn bà vô tư, vô hại, cùng với Spadolini làm một chuyến đi chơi vô hại đến Aetna như thế, bà là

một mẹ đàn bà xảo quyệt, mức độ xảo quyệt của bà không thua của Spadolini về bất cứ mặt nào, thậm chí, sự xảo quyệt của mẹ chúng tôi còn *trí trá* hơn nhiều, tôi nghĩ bụng, bởi bà mẹ tôi vốn bao giờ cũng *trí trá*. Tôi chợt thấy cái từ đáng ghét này hợp với mẹ tôi hơn cả và chẳng chút ngại ngần để dùng đến nó để nói về bà. Cả hai vị đều *thường xuyên trí trá*. Spadolini mô tả mẹ tôi như một người đàn bà chân chất, một người chỉ mang trong người các đức tính tốt đẹp, không biết cái ác là gì, một người biết né tránh cái ác, biết đẩy cái ác ra xa; nhưng mẹ tôi hoàn toàn không phải thế, tôi nghĩ bụng, bà chính là *hiện thân của cái ác*, vâng, lúc này, lúc tôi đang ng ồi lún sâu trong chiếc ghế bành đây, tôi chẳng ngần ngại để mặc cho ý nghĩ đó tiếp tục nảy nở, tiếp tục rộ lên trong đầu tôi. Mẹ tôi là *cái ác được nhân cách hóa*, tôi nghĩ, Spadolini tất nhiên không thể không nhìn ra cái ác đã nhân cách hóa ấy trong con người mẹ tôi; y là con người có dư đủ trí khôn, hay - mượn một từ y rất ưa dùng - quá ư *già dặn về trí tuệ*, để không nhìn ra đi đâu đó. Trong bữa ăn nhẹ lúc này, y nói về mẹ tôi như nói về một người đàn bà mang nhãn quan thế giới, nhưng bà nào có được như vậy bao giờ, bởi mẹ tôi là người đàn bà tỉnh lẻ điển hình, một kẻ mới ngoi lên, mới phát lên, một kẻ phản văn hóa tuyệt đối, tôi th ảm nhủ. Tôi chợt cảm thấy cái từ *kẻ phản văn hóa* ấy hợp với mẹ tôi hơn cả, một người nào có bao giờ yêu thích Mahler, một người không tôn thờ bất cứ một nhạc sĩ nào, âm nhạc chỉ là thứ bà lợi dụng làm phương tiện giúp bà có dịp trưng diện các loại áo xống vô duyên trong giới của bà, một giới người bao gồm những kẻ bà ngưỡng mộ, mặc dù theo tôi, đó là giới những kẻ chẳng có gì đáng ngưỡng mộ, mà ngược lại, đáng kính tởm là khác, giới những kẻ không hề hiểu biết gì về hội họa, không thông tường dù chỉ một bức họa hay một tác phẩm nghệ thuật nào, giới của những kẻ coi thường tất tậ những gì liên quan đến nghệ thuật nói chung, Spadolini đỉnh lòn chúng tôi về một bà mẹ từng dạy y biết yêu Florenz, trong khi mẹ tôi, thực ra, chỉ miễn cưỡng lắm mới đến thành phố cổ xưa ấy, miễn cưỡng lắm mới đi thăm các Nhà thờ cổ - những công trình nghệ thuật thực thụ của thành phố ấy, vâng, bà phải miễn cưỡng đi nghe giao hưởng, phải miễn cưỡng đi xem triển lãm, và bà cũng chẳng bao giờ đọc lấy một cuốn sách cho ra hồn. Kẻ cũng lạ, tôi tự nhủ. Đúng vậy, Spadolini bày lên mâm cho chúng tôi một bà mẹ hoàn toàn giả tạo, không có thật ở đời. Tôi chợt nhận thấy những lời

Spadolini huyền thuyên về mẹ tôi sao mà lạc lõng, bịa đặt, giả dối từ đầu đến cuối, cắt tĩa, gọt giũa làm sao cho thật hợp với dịp gia đình tôi có đám, một dịp mà lúc ngồi bên bàn ăn, y luôn luôn nói là *một dịp thật đau buồn*, nhưng thực ra nào thấy y tỏ ra buồn đau gì, bởi y làm gì đủ sức mà đau buồn kia chứ. Không phải trong con mắt y thật sự thấy mẹ tôi thế nào, mà chỉ trong bức tranh y cố vẽ theo ý y, mẹ tôi bỗng đứng trở thành người có thị hiếu tinh tế, luôn luôn yêu đời, hay như y nhắc đi nhắc lại mãi, con người luôn luôn lạc quan, người đàn bà quan tâm đến mọi chuyện ở đời, người mẹ hiền, người từ lúc lọt lòng đã biết cách nuôi con dạy cái. Vâng, bà nội trợ bảnh sinh nữa chứ. Spadolini còn nhiều lần mệnh danh bà là *linh hồn của Wolfsegg*. Bà là người yêu thiên nhiên, bà còn là bà chủ mến khách nữa, vâng, y nói nghe thành ra bà “*trủ*” *mến khách*. Y nói về một con người từng có công biến Wolfsegg thành cõi thiên đường cho tất cả chúng tôi, một con người nổi bật bởi lòng độ lượng, nhân từ, niềm vui sống của mình, một người mà tất cả chúng tôi, ai cũng *phải yêu mến*. Y nói về một con người được thiên hạ yêu thương quý mến, bởi yêu thương quý mến bà là đi đâu đương nhiên ở đời. *Thân mẫu của anh chị là hiện thân của lòng nhân từ*, Spadolini bảo chúng tôi vậy, bà từng là rường cột vững chãi gìn giữ gia đình. Thân mẫu các người là *một tâm hồn nhân đạo*, vâng, y nói nguyên văn như vậy và giờ này, tôi tự hỏi, không biết y lấy đâu ra cách nói nhạt nhẽo, vô duyên ấy. Trong lời y, tôi nghĩ bụng, sự giả dối điêu toa này móc vào sự giả dối điêu toa khác. Song, Spadolini không phải là con người điêu toa dối trá, y là kẻ *luôn tính toán chặt chẽ mọi thứ*. Cái cách y cất lời nói *tâm hồn nhân đạo* đó, quả thật có một không hai, không ai bắt chước nổi. Không một ai, tôi nghĩ bụng, trong số người tôi quen biết có đủ khả năng mở miệng nói lên đi đâu đó một cách tự nhiên, duyên dáng mà cũng rất trang trọng như thế. Chỉ một mình Đức cha Tổng Giám mục Spadolini nói được như thế mà thôi, vẫn ngồi nguyên trên ghế bành, tôi nghĩ bụng, say sưa hớp bóng tối vào lòng mình. Tôi lấy làm khoan khoái được tự mình soi lại một lần nữa nghệ thuật nói năng của Spadolini, từng lời, từng chữ, với giọng nói du dương, khi bỗng khi trầm của y. Ở Spadolini, tôi nghĩ bụng, mình bao giờ cũng học được nhiều đi đâu mới mẻ. Chà, cái cách y cất tiếng gọi *Caecilia* để chào nó lúc y vừa đến, *Amalia*, vâng, đến cả tên gã em rể cũng vậy, nghe mới đáng nể chứ, những tiếng bật ra từ miệng y nghe sao

mà vụng v ò lúng túng, nhưng đó là sự vụng v ò lúng túng điều luyện, được tính toán, tập luyện kĩ lưỡng từ trước, khó ai mà nhìn thấu cho được. Cái cách y quay người trước khu nhà kính, nhìn v ò ngôi nhà chính r ồi nói: *tòa nhà mới “trung thực” làm sao, đúng là một công trình kiến trúc phi thường.* Cách y nói với Amalia: *thân mẫu con kể cho ta nghe rất nhiều về con, toàn những điều tốt đẹp!* R ồi quay sang Caecilia: *mẹ con bao giờ cũng khen con.* Còn với tôi, y bảo *thân mẫu anh từng đặt hết hy vọng vào anh.* Y cũng nhắc đến cả Johannes - con người kính Chúa, chà, anh chàng đẹp trai, y chưa từng thấy ai đẹp trai như thế; *một bản tính trong sạch, một người bạn đam đạo hết sức khiêm tốn và tế nhị. Người anh trai điềm tĩnh, biết quên thân vì gia đình,* y nói. Theo lời y, y quý Johannes *hết lòng,* quý như quý bố tôi vậy, ngay từ khi mới gặp, mới làm quen, y đã quý cả hai bố con *hết lòng.* Ta đã có lần đưa Johannes vào thăm các cung điện ở Vatican, y nói, r ồi giới thiệu Johannes với Đức Giáo hoàng. *Ở đây bỗng chốc trở nên trống trải làm sao,* y nói, nhưng r ồi tiếp ngay, *những con người mới sẽ đang tay đón lấy Wolfsegg,* và mọi sự r ồi sẽ lại tốt lành thôi. Lúc này, chắc áo vest của y đã được là ủi xong như y muốn, tôi nghĩ bụng, cả quần nữa. Bọn em gái tôi lo việc là ủi quần áo cho y, còn y chui vào trong phòng bố tôi và cầu nguyện cho cả bọn chúng tôi. Trước đây, bao giờ y cũng cầu nguyện trong gian nhà thờ, tôi nghĩ bụng, nhưng hôm nay, hẳn y ngại bị đám khách khứa cùng nghỉ đêm trong ngôi nhà này sẽ quấy r ầy y. Biết buồn đau là một đức tính tốt, y bảo tôi. Đấng Tối cao đóng cánh cửa này để mở cánh cửa khác. Những lời y nói bỗng dưng làm tôi kinh tởm, tất cả những lời y nói, tôi đều đã nghe, đã biết hết cả từ lâu, song trước đây tôi chưa bao giờ cảm thấy kinh tởm chúng rõ rệt như bây giờ. Xơi xong miếng thịt rán, tôi nhớ lại, sau cả khi câu chuyện đi Aetna cũng kể xong r ồi, y nói, gần đây mẹ chúng tôi *khóc lóc và trông rất khốn khổ* đến tìm y tại phòng y làm việc. Phải, *bà khóc lóc và khốn khổ đến Rome tìm ta,* y nói, nhờ ta an ủi. Thế nhưng cho đến tận giờ, y vẫn chưa rõ tại sao bà lại tuyệt vọng như thế. Y hỏi, liệu có ai trong chúng tôi rõ lý do của sự tuyệt vọng ấy không. Có chuyện gì đó liên quan đến thân phụ các anh chị thì phải, y nói. Có chuyện gì đó, liên quan đến Wolfsegg thì phải, khiến ông bố chúng tôi phải buồn phiền. Bà ấy, tức mẹ chúng tôi, *bao giờ cũng rất lo lắng cho Wolfsegg, lo nhiều nhất là lo cho các con của bà,* tức là lo cho chúng tôi



đấy. Y bảo, mẹ chúng tôi là người duy nhất y có thể chia sẻ được hết mọi chuyện, bà vốn cũng là người biết lắng nghe người khác. Tôi nghĩ bụng, bà là người ngược lại mới đúng; mẹ tôi chẳng bao giờ chịu lắng nghe ai, bao giờ bà cũng chen lời người khác cho bằng được, không bao giờ bà chịu để người khác nói hết câu, buổi chuyện trò nào cũng vậy, chưa bắt đầu đã tịt. Bà không biết trò chuyện, tôi nghĩ bụng, nên có bao giờ bà kiên nhẫn chờ buổi nói chuyện kịp vào đề đâu. Một mình bà, bà trơ trên giành quyền một mình một chợ, khiến mọi câu chuyện đều tắt ngóm ngay. Các lời bình bà chen vào các câu chuyện, tôi nghĩ bụng, bao giờ cũng đần độn, khiến cuộc chuyện trò nào rốt cuộc rồi cũng đi tong. Một trong những nét khó chịu nhất của bà, là ở chỗ bà không hề ra trò chuyện, nhất là những cuộc trò chuyện tôi gọi là trò chuyện trí tuệ, trò chuyện ở *trình độ cao hơn một chút*, là bà không chịu được, và bằng sự ngu dốt của mình, bà sẽ khiến câu chuyện trước sau cũng tịt ngòi. Bà vốn là người chuyên phá rối các cuộc chuyện trò thì đúng hơn, tôi nghĩ thầm. Anh em chúng tôi, đưa nào đưa nấy đến khổ vì chuyện đó. Spadolini phác họa bức tranh của y về mẹ tôi mà không thấy gương mặt, tôi tự nhủ, cái lối người còn sống vẫn hay dùng để nói về người chết, cho khỏi mang tiếng xấu. Y bảo, bà mẹ tôi *nghe nhạc Mahler như một thiên thần vậy*, kỳ thực có bản giao hưởng nào mà lúc nghe bà chẳng ngủ gà, ngủ gật, ngáp lên ngáp xuống; chỉ thứ nhạc hời hợt, vô duyên nhất hạng mới làm gương mặt bà sáng lên. Sách cũng thế, chỉ thứ sách nào hời hợt, vô duyên nhất hạng bà mới lật lật vài trang, thế thôi, chứ không hơn, bởi đọc sách là thứ bà ghét nhất trên đời. Bà giả vờ giả vịt trong mọi chuyện, bà đóng kịch với mọi người, tôi nghĩ bụng, vợ mọi thứ vào mình, trắng trợn xuyên tạc, và hạ thấp, mọi thứ. Bà không hề tôn trọng các sản phẩm trí tuệ. Chính vì vậy mà bà ghét cay ghét đắng chú Georg tôi, đó cũng vì lý do bà ghét tôi, bà căm ghét tất thấy, những gì có dính dáng đến trí tuệ, tôi thầm nghĩ, Spadolini đã đi quá xa, rất xa, tôi nghĩ bụng, lúc y quả quyết mẹ tôi là một con người mang *tâm hồn nghệ sĩ*, vốn là tâm hồn hiếm thấy ở đàn bà, rồi hăng lên, y còn tương thêm, bà là người quan tâm, tò mò hướng tới mọi giá trị tình thần. Thật ra, mẹ tôi là người không chút mảy may để tâm đến tri thức, cũng còn khuya, còn xa vời lắm bà mới là con người mang tâm hồn nghệ sĩ. Đến như bố tôi - một người, nói cho cùng, chẳng chút bận tâm xem bà vợ ông liệu có thật sự quan tâm đến đời

sống tinh thần hay không, chẳng hề đoái hoài xem liệu bà có mang tâm hồn nghệ sĩ thật hay không ấy - vâng, đến cả bố tôi, hầu như lúc nào cũng gọi bà là *con mẹ vô hồn dân độn*. Và bố tôi, tôi nghĩ bụng, vốn là *người bạn đời* của bà, hẳn phải biết rõ bà hơn ai hết. Spadolini còn thêm mắm thêm muối vào tràng tán dương mẹ tôi với nhận xét, rằng mẹ tôi còn mang cả *mạch máu triết học* nữa kia. Y nhắc đi nhắc lại, bằng lối phát âm tiếng Đức của người Ý, khiến cho những lời giả dối của y nghe còn có duyên là đằng khác; vâng, khi nghe lão nói đến *mạch máu triết học* với giọng Ý như thế, tôi còn nghĩ, y phát âm thật dễ thương, nhưng tôi không buồn nghĩ xem y nói vậy với ý gì. Ở Spadolini lúc nào chả vậy, cách nói hoa mỹ của y bao giờ chả phủ trùm lên ý tứ thực bên trong. Y cũng không thể không chua thêm, rằng mẹ tôi còn là người ngoan đạo, là một người đàn bà nhất nhất trung thành với Giáo hội, một con chiên Cơ đốc giáo mẫu mực. Y khoe, ở Rome - dĩ nhiên ở phố Condotti - mẹ tôi mua tặng y chiếc áo lụa mặc về đêm mà y chỉ những dịp *hội hè thật sự* mới mặc. Bà quả đã chọn mua chiếc áo đẹp nhất, y tấm tắc, mà cũng tốt nhất nữa. Rồi y bỗng nói, đúng là thân mẫu các anh chị đã luôn chăm sóc, chi chuộng ta như một người mẹ. Bà rất hay tự cảm thấy mình hết sức cô đơn, như thể bị mọi người bỏ rơi vậy, y nói tiếp. Ngay ở Wolfsegg đây này, ngay lúc ở cùng các anh chị, y nói, bà vẫn cảm thấy hoàn toàn cô đơn, phải, thật sự cô đơn. Y thương xót mẹ tôi vì bà là con người cô đơn, phải, đúng bà cô đơn thật, song, tôi biết đi đâu y không biết, rằng bà tìm mọi cách để trốn tránh nỗi cô đơn ấy, nỗi cô đơn vốn vẫn làm bà kinh sợ hơn mọi thứ khác trên cõi đời, bà căm ghét nó chỉ vì nó làm bà buồn chán. Thật kỳ lạ, luồng ý nghĩ của tôi đang quẩn quanh cùng Spadolini đột nhiên chuyển sang Goethe, vị đại quý tộc Goethe mà dân Đức thay nhau hì hục cất xén, gọt tĩa thành nhà đại văn hào cho riêng mình, như tôi mới nói cách đây ít lâu thôi với Gambetti, vị thị dân đáng kính Goethe - nhà sưu tầm cả côn trùng lẫn các châm ngôn cùng với mớ triết lý hồ lớn của ông ấy, tôi bảo Gambetti và anh ta tất nhiên không hiểu *hồ lớn* nghĩa là gì, khiến tôi phải giải thích mất một hồi. Goethe, nhà tiểu thị dân của triết học ấy; Goethe - kẻ xu thời cơ hội, con người mà Maria vẫn bảo không phải đã làm điên đầu thế giới mà là kẻ rúc đầu vào các khu vườn rau sặc mùi địa phương chủ nghĩa Đức ấy; Goethe - nhà thạch học nghiệp dư, chuyên phân đá, loại sỏi, nhà chiêm tinh học, đưa trẻ mới lọt

lòng còn mút ngón tay của dân Đức về triết học, người múc món mút tính thần đồ để các loại chai lọ xếp chặt các xô bếp cho dân Đức, phòng khi có việc lại lôi ra ấy. Goethe, con người nhặt nhanh, gom góp những thứ tằm phào nhạt nhẽo nhất trên đời rồi đưa qua nhà sách Cotta in thành sách và đem rao bán như một thứ giá trị trí tuệ siêu việt cho dân Đức và thông qua các ông thầy dạy học nữa nhét cho đến khi tịt đặc lỗ tai họ mới thôi ấy. Goethe - con người đã phản bội nền trí tuệ Đức suốt hàng trăm năm, khi ông ta gọt giũa, cưa cắt, làm cho nó trở nên tầm thường, gọt giũa, cưa cắt nó một cách siêng năng cần mẫn theo một kiểu mà trước mặt Gambetti tôi đã bảo thẳng, theo kiểu rất chi là Goethe ấy. Goethe - như mới đây tôi bảo Gambetti - là kẻ mê hoặc dân chúng về triết lý. Goethe giống như một thứ cầm nang Đức, tôi bảo Gambetti; họ, dân Đức ấy, nuốt Goethe như nuốt một thứ thuốc nào đấy vào bụng và tin vào công dụng của thuốc, tin sai chỗ vào tác dụng chữa bệnh của thuốc; Goethe, nói cho cùng, chẳng qua chỉ là ông thầy lang của dân Đức, tôi bảo Gambetti vậy, vị pháp sư vi lượng để ông căn liệu pháp về tinh thần đầu tiên của dân Đức mà thôi. Họ uống Goethe vào người và khỏi bệnh. Toàn thể dân tộc Đức uống Goethe vào người rồi hết bệnh. Thế nhưng, anh biết không, tôi bảo Gambetti, Goethe là một tên bịp bợm, cũng giống như bọn lang băm, tên nào mà chả bịp bợm; cả thơ văn lẫn triết lý của Goethe đều là ngón bịp lên đến tột đỉnh của dân Đức. Gambetti ạ, tôi dặn anh ta, anh hãy cẩn thận với Goethe, hãy dè chừng ông ta. Mọi người trên thế gian này đều bị ông ấy làm loét dạ dày, duy có dân Đức là không, họ sùng bái ông ta như sùng bái một thần để của toàn thiên hạ; trong khi vị thần để ấy, thực ra, chỉ là một gã thuê đất trồng rau phàm phu nhục nhảm về triết học không hơn không kém. Gambetti phá lên cười, khi tôi giải thích cho anh ta biết đất thuê trồng rau nghĩa là gì. Trước đó, anh ta mù tịt, nào biết đó là gì đâu. Gom hết lại, tôi bảo Gambetti, xét về mặt triết học, thì các công trình của Goethe chỉ là một vườn rau tạp nham mọc đầy cỏ dại triết học mà thôi. Goethe không vươn lên tới được đỉnh cao nào hết, tôi nói, lĩnh vực nào ông ta cũng chỉ đạt tới mức tầm tầm hạng trung là cùng. Ông ta không phải là thi sĩ lớn nhất, cũng chẳng phải văn sĩ lớn nhất, tôi bảo Gambetti, đem so các vở kịch của ông ta với kịch của Shakespeare thì đại loại cũng giống như đem so giống chó Dachshund lùn loắt choắt vùng ngoại ô Frankfurt với giống chó núi Thụy

Sĩ Sennenhund cao lớn vậy. Còn Faust, tôi bảo Gambetti, mới thật đúng là bằng chứng thật sự cho bệnh vĩ cuồng! Đây là công sức hoàn toàn vô ích của một kẻ xã cuồng cầm bút, tôi bảo Gambetti, một gã thị dân Frankfurt những tưởng đủ sức đủ tài thu nạp cả thế giới vào cái đầu bé nhỏ tí ti của mình ấy. Goethe - kẻ vĩ cuồng đất Frankfurt và Weimar, vị quý tộc vĩ cuồng bên quảng trường Frauenplan ở thành phố Weimar ấy. Goethe, người tính đến giờ hết lừa phỉnh, giấu cọt lại mê hoặc dân Đức rồi mang tội với họ suốt một trăm năm chục năm nay ấy. Goethe là người đào mồ chôn trí tuệ Đức, tôi bảo Gambetti. Nếu đem ông ta đặt trước Voltaire, Descartes, Pascal chẳng hạn, tôi nói tiếp, hay với Kant, và tất nhiên, với Shakespeare nữa, thì Goethe nhỏ bé đến thảm hại. Đại thi hào - gớm, danh hiệu nghe mới nực cười, mà cũng mới Đức làm sao. Holderlin mới thật sự là thi sĩ lớn, tôi bảo Gambetti, Musil mới đúng là nhà văn kiệt xuất, và Kleist mới xứng là nhà soạn kịch trứ danh, chứ Goethe đã là gì so với họ. Đến đây lòng ý nghĩ của tôi lại quay về với những lời Spadolini bảo mẹ tôi là con người đặc biệt. Y nói vậy thì cũng phải thôi, tôi nghĩ, bởi con người nào, kể cả mẹ tôi, chẳng đặc biệt; thế nhưng y, Spadolini ấy, không nói về mẹ tôi với ý đó, mà theo một lối *cơ hội*, y phác họa ra một bức họa sai lệch về mẹ tôi; suốt bữa ăn tối, y dựng cho chúng tôi một bà mẹ đặc biệt nhân từ, đã rất có học thức, lại quan tâm đến mọi sự, trong khi, thật ra, bà không phải người như thế. Xét cho cùng, bà vốn chỉ là một người thật phàm phu, tuyệt nhiên không có gì đặc biệt, không hề phi thường ở mặt nào cả, nếu không muốn nói, theo cách của tôi, bà vốn hết sức tàn nhẫn và ngu dốt phi thường, vô cùng tự phụ, theo một kiểu thô thiển hiêm thấy và cực kỳ tham tiền, háms của. Song, Spadolini có lẽ không biết, hay không thể biết, về những nét gọi là đặc biệt đó của mẹ tôi. Tôi chỉ cần nhắc đến bao nhiêu căn hộ gọi là các căn hộ thuộc quyền tư hữu tư nhân bà *mua lén mua lút* sau lưng bố tôi, không cho ông biết - ở rất nhiều thành phố khác nhau thôi là đủ biết! Bố tôi hình như không biết gì về thói tham tiền, háms của của mẹ tôi thì phải, có lẽ ông cũng chẳng ngờ vợ ông tham lam đến vậy, tôi nghĩ bụng. Tôi chỉ cần nhớ đến niềm ham mê quái đản của bà đối với chứng khoán cùng trái phiếu! Suốt bữa ăn tối, theo cái lối không thể chấp nhận được của y, Spadolini đã phác họa một bức tranh giả về bà mẹ chúng tôi, rồi một cách khôn khéo, đúng theo sở trường vốn có của y, y đặt bà mẹ

giả ấy, khác hẳn với bà mẹ thật, ra trước mặt chúng tôi. Mặc dù trước đó - một cách đầy tính toán - y đã lý tưởng hóa, tán dương bố chúng tôi ở mức không chịu nổi rồi, bây giờ y lại tán dương mẹ chúng tôi còn hơn cả tán dương ông. Và, những gì y nói với chúng tôi - với tôi và các em gái tôi - tôi nghĩ bụng, về thực chất, chỉ là nhằm tăng bốc, tán dương chính chúng tôi mà thôi, theo một lối cũng không thể chấp nhận được ấy. Song, tôi đã bắt thóp cái trò này của y, vẫn bắt đúng vở của y, tôi nghĩ bụng, bởi theo thời gian, ít gì tôi cũng học được cách nghe ra các ý tứ ẩn chứa trong giọng điệu của y. vâng, Spadolini, con người đầy tính toán ấy, đã ng ỡ đối diện với chúng tôi trong bữa ăn tối, con người đầy tính toán Spadolini đó lại đi cùng chúng tôi sang khu nhà kính, để diễn tại đó cho chúng tôi xem một màn kịch đau buồn cũng đầy toan tính, tôi th ăm nghĩ. Và, y cũng tán dương Wolfsegg, bởi Wolfsegg y mô tả cho chúng tôi nghe ấy, chẳng dính dáng gì đến Wolfsegg thật cả. Chỉ trong vài giờ đ ờng h ờ ở tại nơi này, vị Đức cha đáng kính đã phơi bày, bộc lộ tất cả nghệ thuật tính toán lẫn nghệ thuật xuyên tạc điêu luyện của mình, tôi nghĩ bụng, và, ngay trước mắt chúng tôi, ngay bên tai chúng tôi, y đã biến kẻ ngu đ ần thành nhà tư tưởng, kẻ hung ác thành thiên th ần, kẻ mù chữ thành triết gia, kẻ tiểu nhân hèn hạ thành trượng phu giàu bản lĩnh. Từ cái xấu biến thành cái đẹp, từ thói hèn hạ đều cáng thành cao thượng, từ quỷ thành người, từ mảnh đất đáng tởm thành thiên đường và, từ đám dân ngu đ ần thành đám dân chúng đáng kính. Spadolini nâng những người đã chết lên một t ầm cao mà họ, xét về mọi mặt, không hề xứng đáng. Y đã *xuyên tạc, làm giả bức tranh về họ đến tận cùng gốc rễ*, tôi nghĩ bụng, rồi rao bán bức tranh giả ấy cho chúng tôi, theo một lối không thể nào chấp nhận được, rằng đó là các bức tranh trung thành với sự thật. Nói trắng ra thì y đã hành hạ cả lỗ tai, con mắt chúng tôi, bằng cách cố tình đánh lừa tai mắt chúng tôi, chỉ cốt sao tự phô trương được mình, chỉ cốt sao thoát được thân và lôi kéo chúng tôi về phía y. Song, y đã tính nh ằm, tôi nghĩ bụng, bởi y đã xuyên tạc, đã giả mạo quá tay. Y đã coi thường, đánh giá chúng tôi quá thấp, thậm chí đánh giá quá thấp cả các em gái tôi, là những đứa, nói cho cùng, cũng không ngu đến mức, chịu để mặc cho Spadolini tràn giang đại hải, muốn nh ỡ nhét thế nào thì nh ỡ nhét cái hình ảnh về một ông bố, một bà mẹ và một anh trai tuyệt vời, đáng ca ngợi hết lời vào đầu óc chúng nó đâu. Bởi chúng nó

thừa biết bố mẹ và anh trai chúng vốn không phải là những người tuyệt vời và đáng ca ngợi như vậy. Hơn nữa, chúng nó cũng không ngu đến mức bị trò giả mạo của y đánh lừa, tôi nghĩ bụng, bởi tụi em gái tôi chắc chắn cũng có ngay cảm giác, rằng Spadolini huyền thuyên, nói nhảm, rằng y chỉ làm rầm rịt những đi ều những nhít hời hợt, xu thời mà thông thường người ta vẫn đột nhiên tuôn ra vào những lúc như thế này - những lúc vẫn được gọi một cách khuôn sáo là *tang tóc đau thương* này - để nói về người chết, chỉ nhằm làm bùi tai và an ủi người còn sống mà thôi, mặc dù những người đã khuất kia, lúc còn sống, rất có thể đã hết sức đáng ghét và không ai chịu đựng nổi. Đến như y mà cũng phải tuân theo cái lệ xưa nay ấy, cái lệ buộc người ta phải nói hay, khen đẹp, phải thấp ánh hào quang cho người chết, bất kể người chết có xứng đáng được hưởng ánh hào quang ấy hay không; và bây giờ y đã tô vẽ, đã chiếu sáng những xác chết đang nằm trong quan tài kia quá lòe loẹt, quá chói chang, đến mức ai còn sống cũng phải lấy làm chối. Ai chết đi cũng vậy, đều đã từng sống cuộc đời thật của mình, tôi tự nhủ, bất kể cuộc đời người đó vốn ra sao đi nữa, cũng chẳng ai có quyền xuyên tạc cuộc đời đó, không ai được phép bóp méo bản chất tự nhiên của người đã khuất, để cầu lợi cho mình, để tự đưa mình nổi bật lên giữa bàn dân thiên hạ. Chính Spadolini đã muốn tự đề cao mình như thế, bằng cách phác họa về mẹ tôi, về bố tôi, về anh trai tôi. Và, cái lối vị Đức cha của Nhà thờ này đã dùng để tự đề cao mình ấy làm tôi kinh tởm. Vâng, đúng vậy. Có lẽ, Spadolini tưởng chúng tôi thô thiển và ngu ngốc đến mức bị y dắt mũi, buộc y lúc ng ỡ ăn phải phác họa cho chúng tôi bức tranh người chết đó - bức tranh méo mó, dị dạng, trái với sự thật ấy. Spadolini phác họa bức tranh về những con người mà chính y chưa từng gặp; y không hề ngại ngần rót vào tai chúng tôi, ngang nhiên phơi ra trước mắt chúng tôi hết đi ều dối trá này đến đi ều dối trá khác, bất chấp một sự thực là những đôi tai, cặp mắt đó đã nghe, đã chứng kiến những sự thật hoàn toàn khác với những thứ y bày ra. Spadolini là kẻ làm tranh giả bầm sinh, tôi tự nhủ, kẻ xu thời bầm sinh, hay nói cách khác, y là một chức sắc Nhà thờ bầm sinh. Bỗng nhiên, tôi chợt hiểu, vì sao đường công danh của Spadolini lại thuận lợi lạ thường đến thế, vì sao y đã kịp leo nhanh đến chóng mặt lên đến những đỉnh cao ngất ngưởng như thế. Ở chuyện này, tôi nghĩ bụng, Maria quả thực giỏi hơn tôi, nàng có đôi mắt không thể mua chuộc, không bị bất

kỳ vẻ hào nhoáng bên ngoài nào đánh lừa. Nàng đã không bao giờ bị vẻ ngoài hào nhoáng của Spadolini đánh lừa, nhất là không khi nào bị nghệ thuật thuyết giáo quý quyết của y mê hoặc. Không bao giờ, tôi nghĩ bụng. Maria bao giờ cũng đánh giá chính xác Spadolini, nàng không bao giờ khâm phục y như tôi, nàng luôn luôn ghê tởm y thì đúng hơn. Em ghê tởm Spadolini; đối với anh, y rất nguy hại, nàng rất hay nói như vậy với tôi. Spadolini nguy hiểm đối với tất cả những ai y đụng tới, cho nên bao giờ nàng cũng gọi y là *lão Spadolini nguy hiểm*. Phải, tôi nghĩ bụng, hôm nay *lão Spadolini nguy hiểm* ấy đã ng ỡ cùng bàn với chúng tôi. Vâng, chúng tôi đang chứa con người mà Maria mệnh danh là *Spadolini nguy hiểm* ấy trong nhà. Chúng tôi lập tức phong thánh cho người chết để họ ban cho ta cảm giác an toàn, để họ cho ta được yên thân - như Maria từng nói, tôi tự nhủ. V ằng, đây không phải lần đầu tôi bị nh ần về Spadolini. Lão Spadolini đáng tởm ấy. Ở Rome tôi rất hay rơi vào tình huống giống như lúc này, tôi nghĩ bụng, lúc này tôi đang thấy Spadolini đáng ghét là thế, vậy mà chỉ một lúc sau, hay ngày hôm sau, đã lại bị y quyến rũ, mê hoặc. Loại người như y, tôi tự nhủ, làm người ta vừa ghê tởm đấy, r ỡ làm người ta bị mê hoặc ngay. Y là thí dụ điển hình cho con người thuộc hạng *vừa* đáng ghét *vừa* hấp dẫn, và ta thường không chắc, liệu ta đang ngưỡng mộ hay căm ghét hẳn, không biết ta bây giờ nên hâm mộ hẳn, hay phải căm ghét hẳn mới đúng. Thế nhưng, ta lại không thể xa lánh và rũ bỏ loại người này; quả thực tôi cũng chưa bao giờ có thể rũ bỏ hay xa lánh Spadolini được cả. R ỡ sắp tới, ở Rome, tôi nghĩ bụng, tôi sẽ lại tìm đến y, để r ỡ sẽ lại ghê tởm và ngưỡng mộ y, nhưng thông thường ngưỡng mộ vẫn nhiều hơn là ghê tởm. Y là kẻ tôi không thể thiếu ở đời mất r ỡ. Cho đến giờ, tôi chỉ biết độc một *lão Spadolini không thể thiếu đối với tôi* đó, song đ ồng thời, tôi cũng sực nhớ, chính con người đáng ghê tởm ấy đang ngự tọa chễm chệ trong phòng bố tôi, và chắc hẳn, đang bận tâm tính toán, theo kiểu của y - cái kiểu rất chi là Spadolini ấy - về mọi sự ở đời. Và, một khi đã tính toán, thì không bao giờ y tiếc công tiếc sức, cố tính toán mọi mặt thật sâu, thật rộng, thật xa, tính đến cùng đường, hết lối mới thôi. R ỡ sau đó, y sẽ vốc uống cả tá thứ thuốc một lúc vào người và sẽ đứng trước gương, tự ngắm nghía mình một lúc, trước khi rút cuộc sẽ lên giường ngủ. Rất có thể, y sẽ mặc chiếc áo bằng lụa mẹ tôi mua tặng y để lên giường. Tuy sự vô vị nhạt nhẽo trong

thị hiếu của y khác hẳn với sự vô vị nhạt nhẽo trong thị hiếu của mẹ tôi thật, nhưng, gì thì gì, cũng đều là sự vô vị nhạt nhẽo về thị hiếu cả. Trong bữa ăn tối, y cố hết sức - như người ta vẫn nói, một cách sượng sùng - để làm sao không nhớ mồm, buột miệng nhắc tới đến vô khối các cuộc hẹn hò lén lút của y với mẹ tôi, mặc dù cả tôi lẫn bọn em gái tôi đều biết khá tường tận về hầu hết các lần hẹn hò như thế của hai người. Suốt buổi, tôi cứ ngạc nhiên và thán phục sự khôn khéo của y; y kể về một cuộc gặp gỡ mà chúng tôi ai nấy đều biết, nhưng y lại lờ tịt cuộc hẹn hò khác mà y tưởng chúng tôi không hay biết gì, vâng, lờ tịt, bỏ qua, không đụng đến. Làm như thế, y cứ lảng lạng gạt các cuộc gặp gỡ lén lút của hai vị sang một bên. Nhưng, tôi nghĩ bụng, lẽ ra y chẳng cần lờ đi như thế, bởi vì, cứ công khai kể về các cuộc hẹn hò lén lút ấy thì còn đỡ sượng sùng cho y nhiều hơn là lờ tịt đi. Cứ kể các cuộc hẹn hò đó ra thì Spadolini hẳn sẽ đỡ căng thẳng đầu óc hơn, tôi tự nhủ, thì y đã có thể bình thản kể câu chuyện của y, phác họa bức tranh y muốn vẽ mà không cần quá ư dè dặt đề phòng chúng tôi, bởi có khi chúng tôi biết về các cuộc hẹn hò lén lút giữa hai người thậm chí còn tường tận hơn về các cuộc hẹn hò công khai của hai vị nữa kia. Song, Spadolini vốn xưa nay bao giờ cũng là con người hết sức thận trọng, một con người *chính nhờ thận trọng hơn người* nên mới đáng khâm phục, mới làm bàn dân thiên hạ - chứ chẳng riêng gì tôi - phải kinh ngạc, mới xứng đáng được xem là nhà ngoại giao bẩm sinh. Spadolini chỉ kể về chuyến đi chơi ở Aetna thôi, vâng, thì cũng có thể xem là một chuyến đi thú vị đi, nhưng vẫn chưa thú vị bằng các chuyến đi về Syracuse hay Trapani, ấy là chưa kể đến chuyến y giấu tôi, lén đi một mình với mẹ tôi về Malta. Kể về những chuyến du ngoạn gần xa kiểu đó, hẳn thú vị hơn nhiều, ít ra thì cũng thú vị hơn cho tôi, tôi nghĩ bụng, mặc dù để lộ chúng ra, có lẽ sẽ làm y lúng túng hơn thật. Đến đây, tôi không thể không nhớ đến số hóa đơn khách sạn mẹ tôi vẫn để nằm bừa bãi trong phòng bà; các hóa đơn này bao giờ cũng được xuất ra cho hai người và người thứ hai đó chính là Spadolini; tất nhiên, phí tổn cho các chuyến du ngoạn đây đó này, như cách thiên hạ vẫn nói, bao giờ mẹ tôi cũng *gánh* cho y. Vâng, Đức cha Tổng Giám mục du ngoạn bằng tiền của bà, còn bà, vì thế, lấy làm hoan hỉ đắc thắng. Đồng thời, tôi bụng bảo dạ, nghĩ cho cùng, thì cũng phải lấy làm cảm động, rằng bà đã dạo chơi, du ngoạn đây đó với Spadolini suốt ba



chục năm nay rồi chứ không phải ít, và qua bấy nhiêu năm tháng, Spadolini chẳng bao giờ chán bà, mà bà cũng không khi nào chán y. Cứ như tôi biết, mỗi tình hai ông bà không những đã chưa bao giờ nguội lạnh, mà thậm chí còn ngược lại, ông bà càng về già, mỗi tình càng nồng thắm, càng mãnh liệt lên bội phần. Cuộc đàn dúm này giữa hai người, tôi nghĩ bụng, lại có lợi cho bố tôi, bởi nhờ đó, ông nắm bà mỗi ngày một chặt trong tay ông. Ông vốn là người biết chịu đựng, chịu đựng có chủ ý hẳn hoi, và ông ngần ngại đóng vai diễn này tài tình đến mức, theo tôi biết, đời kia chẳng có chút nghi ngờ nào. Bố tôi vốn không bao giờ phản đối mối quan hệ đó của hai người, hoặc nếu có, thì có lẽ, cũng chỉ qua quýt lúc ban đầu thôi; trong thâm tâm ông, hẳn ông thấy mình có lỗi trong chuyện này, bởi chính ông chứ ai, đã làm quen hai người với nhau, trong khi nhẽ ông phải biết Spadolini là con người lòng dạ ra sao. Suốt ba chục năm trời, bố tôi thản nhiên để mặc cho mối quan hệ ấy diễn ra và nảy nở ngay trước mắt ông, từ cuộc đàn dúm ần ỉ và bí ối trở thành mối quan hệ bền chặt và sâu đậm, bền và sâu đến mức, chính ông cũng phải nhận ra, tốt nhất là để nó yên, đừng đụng chạm gì đến nó nữa. Suốt bữa ăn, Spadolini tránh không nói đến những gì gọi là quý giá nhất đối với y trong mối tình với mẹ tôi, y chỉ đụng chạm và ca ngợi những gì không đáng kể; nói cách khác, y ném đôi thứ vớ vẩn ra làm mồi câu anh em chúng tôi, còn những gì y cho là quý giá thì y giữ lại cho riêng mình. Lẽ ra, lão cứ việc thản nhiên mà nói hết ra, thú nhận hết mọi chuyện đi, tôi nghĩ bụng, bởi vì anh em chúng tôi biết tổng bí mật của y từ lâu rồi, và bây giờ, thái độ của y bỗng dưng làm chúng tôi lại phải thấy là ngượng ngập, sượng sùng cho y, mặc dù thật ra, đã từ lâu chúng tôi chẳng còn thấy có gì là ngượng ngừng ở đây nữa cả. Thế nhưng, Spadolini không ngờ được chúng tôi còn biết nhiều hơn y tưởng, tôi tự nhủ, và đã từ lâu, anh em chúng tôi, cả tôi lẫn hai đứa em gái, mỗi đứa mỗi kiểu, đều đã rút ra các kết luận cần thiết cho riêng mình và chuyện này đối với chúng tôi có thể coi là chuyện đã qua; thế mà y cứ đỉnh ninh y vẫn phải làm thinh, à vâng, ý tôi muốn nói, phải giữ bí mật, không được nói ra, không được để lộ. Thế cho nên, đến là nực cười khi phải chứng kiến Spadolini diễn trò hề tưởng về mẹ tôi. Sắp tới đây, vắng bóng mẹ tôi, rồi Spadolini cũng ăn ngon ngủ yên thôi, tôi tự nhủ, và thực ra, y đã quên bà từ lâu rồi, y chỉ còn vương, phải làm nốt tang lễ ngày mai nữa thôi, là xong,

về Rome, rồi y sẽ còn kể cho tôi nghe nhiều chuyện cổ tích nữa về mẹ tôi, tôi thầm nghĩ, sẽ còn dùng mẹ tôi làm cái cớ tiếp tục vòi tiền cả tôi, sẽ còn mượn cái chết của mẹ tôi để dỗ dành ngon ngọt moi tiền tôi cho bằng được. Ý nghĩ ấy nảy ra trong đầu khiến tôi khó chịu, và tôi cũng tự cảm thấy mình thật đáng ghét và nghĩ bụng, giá ý nghĩ đó không nảy ra trong đầu tôi thì may mắn biết bao; lẽ ra, tôi đã chẳng nghĩ như thế, nhưng trong lúc mải mê nghĩ ngợi về bữa ăn tối của Spadolini, tôi không còn kịp tìm, không còn kịp loại bỏ được ý nghĩ đó nữa. Đó là ý nghĩ buộc phải nảy ra, tôi tự an ủi, cũng giống như nhiều ý nghĩ khác, tuy ta không muốn nghĩ đến, nhưng chúng vẫn cứ phải nảy ra cho bằng được. Bây giờ quả thật không thể nghĩ đến chuyện ngủ nghê gì nữa cả, và tất nhiên, nhớ đến việc sáng mai phải dậy sớm, tôi cũng không muốn uống thuốc ngủ nữa và quyết định lôi sách ra đọc để giết thời gian - một biện pháp từng tỏ ra hiệu nghiệm cả triệu ngàn lần rồi chứ không ít, và tôi cũng đã quen dùng nó từ hàng chục năm nay rồi. Tôi nghĩ ngay đến Kierkegaard và quyển *Ốm đau đến chết* của ông ta, và do tôi nghĩ nó nằm trong thư viện gần nhất là thư viện tầng trên, phía bên phải, nên tôi ra khỏi phòng - thật rón rén, cố không gây tí tiếng động nào - để đi tìm cuốn sách của Kierkegaard. Tôi đã đọc *Ốm đau đến chết* một lần, dạo lâu lắm rồi, phải hai chục năm rồi chứ không ít. Thế nhưng, trong lúc rón rén mò đến thư viện, tự dưng tôi lại thấy sao tôi lại lố bịch đến thế! Vào đúng lúc này, lại đòi đọc đúng *Ốm đau đến chết*, đòi đọc cho bằng được một quyển nào đấy của Kierkegaard, trong khi vẫn biết Spadolini đang ở gần đâu đây. Bây giờ đòi đọc Kierkegaard và quyển *Ốm đau đến chết* của ông ta thì quả thật là quái đản, tôi nghĩ bụng, rồi chưa đến cửa thư viện, tôi đã quay lại, vì định đọc sách lúc này thì quả là vớ vẩn; tôi cũng không hình dung được quyển sách nào có thể thật sự làm tôi hứng thú hay, thậm chí còn lôi cuốn tôi lúc này được nữa. Tôi tự nhủ, một cuốn Jean Paul, một cuốn của Borne chẳng, hay một cuốn của Kleist, tôi nghĩ, hay của Hume, hay lấy ngay *một cuốn Schopenhauer*; nhưng thật tình, ý định tìm cái gì đọc bây giờ chẳng hay ho gì, ngẩng yên trong phòng nghĩ ngợi chuyện này chuyện khác có hơn không; đã bao nhiêu lâu rồi tôi không chịu ngẩng yên để nghĩ ngợi rồi, tôi tự nhủ, rồi quay về phòng, ngẩng xuống ghế, duỗi chân, và nhắm mắt lại. Song, lòng tôi đã bồn chồn quá rồi, khiến tôi không còn tâm trí đâu ngẩng yên một lúc trên ghế bành được nữa, thời

điêm yên tính ấy trôi qua mất r ấ. Tôi bèn đứng dậy, đi tới đi lui trong phòng. Nhưng, đi tới đi lui như thế cũng chẳng giúp được tôi yên lòng, bởi trong đầu tôi chỉ còn độc một ý nghĩ, làm sao qua nổi đêm nay, cái đêm chắc chắn đáng sợ nhất trong mọi đêm tôi từng trải qua này, một đêm, tôi nghĩ, sẽ dài mãi ra, và tôi không có cách gì rút nó ngắn lại được cả. Nghĩ thế nào thì nghĩ, tính thế nào thì tính, tôi vẫn không có cách gì rút ngắn được nó. Tôi cảm thấy tôi không sợ thứ gì bằng sợ những đêm bị kéo dài mãi ra, những đêm không thể rút ngắn lại như thế này. Tôi tự nhủ, mình rất biết tự chủ, và mình đã từ lâu không còn dùng thuốc ngủ nữa, nhưng mình không thể thoát nổi cái đêm dài vô tận này; tôi chỉ vừa nghĩ, có lẽ mình không ngủ được mất, thì đã mười hai rưỡi hay một rưỡi đêm gì đó mất r ấ, và bây giờ chẳng nào mình cũng không thể uống thuốc ngủ được nữa, mọi chuyện coi như đã xong, mọi bản khoản đầu được dẹp sang một bên, bởi lúc này dù thế nào mình cũng không được phép uống thuốc ngủ nữa, tôi nghĩ bụng, bởi muộn nhất là bốn giờ sáng, mình đã phải dậy để bắt đầu tang lễ r ấ. Tôi mở cửa sổ, định cho khí trời trong lành ở bên ngoài tràn vào. Song, khí trời tràn vào, đã chẳng trong lành hơn chút nào, mà lại còn nặng nề và nóng h ằm h ập. Đến lạ, không khí trong phòng hóa ra lại dễ chịu hơn ở bên ngoài, tôi bèn đóng cửa sổ vào. Spadolini có thể đi êm nhiên làm một viên thuốc, r ấ ngủ ngon lành, tôi nghĩ bụng và tự dưng thấy ghen tị với y, bởi y có thể làm một giấc đến tám hay chín giờ sáng. Còn tụi em gái tôi, hay đưa đ ần độn ngu si ấy, từ xưa đến giờ bao giờ ngủ chẳng dậy giấc. Cả đời chúng nó, chúng nó cũng chưa c ần uống viên thuốc ngủ nào. Còn tôi, đã chẳng được uống thuốc ngủ, lại chẳng đọc được thứ gì - bởi lúc này, dường như mọi thứ văn chương chữ nghĩa đều làm tôi phát ghê, đến như văn chương Pháp, thậm chí văn chương Anh cũng vậy, tôi nghĩ bụng, là thứ tôi vẫn chẳng ng ần ngại dùng làm thứ bắc c ầu qua đêm, mỗi khi tôi không còn nghĩ nổi văn chương Đức nữa ấy. Tôi phải nghĩ ra trò gì khác, chỉ nghĩ không hay đi tới đi lui, vừa không đủ, vừa chẳng nước non gì. Tôi chợt nghĩ, có lẽ ra khỏi phòng, hay ra h ần khỏi nhà, có khi lại hay hơn; tôi bèn khoác áo vest r ấ xuống gian ti ền sảnh. Tôi ngó nhìn vào trong bếp; các cô nhân viên nhà bếp không dọn dẹp gì cả, vẫn để nguyên các bàn buffet bị khách khứa ăn làm ngổn ngang, lung tung xòe ra đó. Cảnh tượng lộn xộn trong bếp làm tôi đâm bực thối cầu thả của các cô làm bếp - nhưng gián

tiếp cũng là bực thói cầu thả của tụi em gái tôi trong vai trò các cô chủ. Tôi đang nghĩ, phải bắt chúng nó, cả tở lẫn chủ, sửa ngay thói cầu thả nhếch nhác này đi mới được thì nhìn thấy đồng báo vẫn còn nằm trên bàn. Tôi ng ỡ xuống bên bàn, r ỡ tiện tở nào lấy tở đó và nghĩ bụng, bây giờ mình cũng có thể ung dung ng ỡ đọc bài, xem ảnh trên báo y hệt như gã em r ẽ mấy giờ trước đó đã làm gương, gã đã chỉ cho tôi cách đọc báo thông dong và trân tráo như thế nào. Song, tôi không đủ sức làm như thế. Trong khi gã em r ẽ tôi, nói không ngoa, bị đồng báo nuốt chửng, một cách trân tráo nhất, thì tôi lại lập tức bị, cũng đồng báo ấy, làm cho ghê tởm; những thứ vừa mới đây những tưởng sẽ làm tôi khoái trá lắm, bỗng dưng chỉ làm tôi tởm lợm đến bu ồm nôn, nên tôi quẳng báo sang bên, bước khỏi gian bếp ra ngoài. Trong gian ti ền sảnh, tôi có cảm giác vẫn còn đ ầy hơi người, mùi hơi những người đang ngủ đêm trong nhà, nhưng nặng nhất là mùi bà cô ở Titisee. Gian nhà thờ lúc tôi bước vào, cũng sặc một mùi bà. Hình như đã mườì hai giờ đêm r ỡ thì phải, tôi chẳng rõ nữa. Từ xưa đến giờ tôi vẫn sợ gian nhà thờ, bởi nó bao giờ cũng gây cho tôi cảm giác - không phải chỉ lúc tôi còn bé, mà cả v ềsau, đã lớn - như thế tôi đang ở *trong phòng xử án* vậy. Ngay bây giờ tôi cũng có cảm giác y hệt như thế, cảm giác bị tra hỏi, xĩa xối, cắn vắn, khiến tôi không thể lưu lại ở trong này lâu được. Tôi bèn đi ra ngoài. Khoác thêm chiếc áo bây giờ lại đậm ra nóng, tôi cởi nó ra, choàng lên vai, r ỡ đi xuyên khu vườn sang bên nhà kính. Cửa vào nhà kính tất nhiên vẫn mở và tôi có cảm giác toàn bộ khu vườn bây giờ đã đ ầy ắp mùi tử thi đang thối rữa. Tôi nghĩ bụng, mình sẽ cứ thế đi vào nhà kính, và tôi đi vào đấy thật. Hai tay thợ săn vẫn đứng đó - chưa có người đến thay - thấy tôi bước vào, cả hai li ền lập tức đứng nghiêm. Hai gã có vẻ quá bất ngờ trước sự xuất hiện của tôi lúc này, chả là, khi tiến đến nhà kính, tôi đã cố *không gây ra tiếng động* nào. Bọn người này suốt đời chỉ là các con r ối trên sân khấu, nhìn hai gã ở tư thế đứng nghiêm đó, tôi nghĩ bụng, ai nắm bọn chúng trong tay đ ều có thể sai khiến chúng hoàn toàn theo ý mình; nói cho cùng, chúng nhất nhất thi hành tất tậ các mệnh lệnh - kể các mệnh lệnh vớ vẩn nhất, điên r ồnhất; thì đấy chính là nét quân sự của bọn chúng mà lại, tôi nghĩ bụng, lệnh cho chúng ra ngoài, chúng khắc ra ngoài, lệnh cho chúng vào trong, chúng khắc tuân lệnh bước vào trong, đẩy chúng xông vào chỗ chết, chúng sẽ tuân lệnh xông vào. Với bọn chúng, bở tôi bao giờ

cũng là *Ngài đại tá*, tôi nghĩ bụng, vâng, cấp bậc ông mang trong chiến tranh, vâng, đạo Quốc xã đấy. Song, ngặt một nỗi là bây giờ, Ngài đại tá lại không ngã xuống hy sinh một cách hợp thời đúng lệ tại nơi gọi là *trận mạc vinh quang*, mà lại chết do đâu đập vào kính chắn gió trong xe hơi của ngài, tại một ngã tư đường bộ gần Lambach! Tôi lại muốn biết xem đá lạnh đã thay chưa và nói chung, còn đủ đá hay không; nhưng thay vì - như thông lệ - vẫy tay gọi một trong hai tay thợ săn đến để hỏi, tôi lại tiến đến gần một trong hai gã và hỏi, đá lạnh đã thay chưa và liệu nước đá còn đủ hay không. Gã gật đầu, vâng, đá đã thay và còn đủ. Lúc nói với gã thợ săn đứng túc trực bên quan tài, muốn hay không muốn, tôi cũng nhất nhất tuân theo các nghi thức, do bọn em gái ù lì trong mọi chuyện của tôi sắp đặt. Theo đúng lịch trình quán và chôn cất vốn đã có từ xa xưa! Tôi lại không tự kiêu chế được mình và lại loay hoay định mở nắp quan tài mẹ tôi ra; nhưng nắp quan tài quả thật đã bắt vít chặt mất rồi. Tôi không còn cảm thấy ngỡ ngàng gì nữa khi định nhấc nắp quan tài lên trước ánh mắt nhìn tò mò của hai gã thợ săn; tôi chẳng chấp chúng nó. Tôi thường không còn biết ta làm gì nữa, tôi tự nhủ, khi dây thần kinh ta căng thẳng đến độ ta e chúng sắp đứt tung ra bất cứ lúc nào. Tôi bước lùi lại, ra xa các cỗ quan tài, và chỉ để khỏi bị mang tiếng với bọn thợ săn rằng mình đã hoàn toàn thần nhiên và đứng đờ nhà kính ra ngoài, tôi đứng cúi đầu lần nữa trước các cỗ quan tài một lúc, nhưng lúc ấy trong đầu, tôi chỉ đọc những ý nghĩ, rằng bọn thợ săn đây sao mà đáng ghét, đáng ghét nhất trên đời là khác, rằng tôi không sao chịu được cảnh tượng chúng đóng đờng phục đứng trước mặt tôi, rằng những bộ mặt chúng đây sao mà tởm lợm đến thế, rằng tướng mạo chúng từ xưa đến giờ vẫn làm tôi buồn nôn. Rồi đột nhiên, tôi cảm thấy lo sợ cái ngày đang ập đến. Thế nhưng, *mọi sự rồi sẽ tron tru đâu vào đấy thôi*, tôi lại tự an ủi mình bằng ngay những lời con em gái Caecilia tôi; chẳng là, mấy tiếng đờng hồ gần đây, cứ bao giờ đã động đến tang lễ là nó lại một mực cam đoan *mọi sự rồi sẽ tron tru đâu vào đấy thôi*. Tôi tự nhủ, mình có thể phó mặc hết mọi việc cho hai đứa em gái, nhất là cho Caecilia. Không khéo hiện giờ nó cũng chẳng ngủ ngáy gì, đang nằm nhắm mắt trên giường, rồi tưởng tượng cho đoàn đám ma diễu qua trong đầu nhằm kiểm tra lại một lượt cũng nên. Và, bất cứ chi tiết nào không ổn, hoặc chỉ có vẻ không ổn thôi, tôi tự nhủ, cũng không thoát khỏi

mắt nó. Những việc sắp xếp, dàn dựng, lo trước tính sau kiểu này, cái mà có thể gọi là nghệ thuật dàn dựng ấy, tôi nghĩ bụng, Caecilia thừa hưởng từ mẹ tôi. Rồi ả sẽ dàn dựng tang lễ sắp diễn ra này đúng như mẹ tôi cũng sẽ dàn dựng cho mà xem. Và, trong lòng ả sẽ luôn luôn có cảm giác mẹ đang theo dõi nó từng bước, xem mọi thứ có được dàn dựng đúng theo ý bà, và chỉ theo ý bà mà thôi, hay không. Một đám tang sắp diễn ra, tôi nghĩ bụng, một đám đưa tang bố mẹ và anh trai, do Caecilia dàn dựng! Trước mắt tôi chợt hiện ra tấm biển quảng cáo của một nhà hát kịch nào đấy, trên đó ghi rõ vở nào sắp được trình diễn. Tên vở là gì, diễn viên gồm những ai, do ai đạo diễn, vân vân và vân vân. Hai gã thợ săn vẫn giữ nguyên tư thế đứng nghiêm, tôi cũng đứng khá lâu trước mấy cỗ quan tài, cỗ hình dung trong đầu những hình ảnh về buổi công diễn đầu tiên của vở kịch do em gái tôi dàn dựng. Và, thậm chí tôi cảm thấy khoái trá. Nhưng, bỗng dưng tôi lại nghĩ, rồi sẽ thế nào nhỉ, nếu nắp quan tài của mẹ tôi vẫn bị mở ra, và tôi sẽ buộc Spadolini phải ngó vào bên trong; song, một cách dửng dưng và dứt khoát, tôi buộc mình phải chấm dứt luồng ý nghĩ đó ngay. Và, để cho ý nghĩ đó không trở dậy lần nữa, tôi rời khu nhà kính ra ngoài. Không khí bên ngoài lúc này còn khó chịu hơn cả lúc này, oi bức, ngột ngạt quá thế. Tôi nghĩ bụng, bây giờ sang khu biệt thự trẻ thơ, may quá, một mình thôi, có lẽ mình sẽ dễ chịu hơn. Nghĩ bụng thế, tôi liền đi sang đó ngay, nhưng trên đường sang ngôi biệt thự, tôi ghé qua trại gia súc cái đã. Đám gia súc nằm yên, im lìm trong chuồng, như đã chết hết cả. Cảnh tượng này làm tôi ghê tởm; mùi súc vật bốc lên làm tôi không chịu được. Tôi không giống gã Johannes anh tôi, gã thích mùi hôi súc vật, mùi hôi súc vật dường như bao giờ cũng hấp dẫn gã. Mình khác với gã, tôi nghĩ bụng. Thiên hạ, hầu như ai cũng bảo, họ cảm thấy yên lòng khi ở gần thú vật, còn tôi, tôi chẳng thấy yên lòng chút nào, thậm chí còn ngược lại, cứ đến gần súc vật và người phải mùi súc vật hôi hám bốc lên ấy, tôi lại đâm cáu lỉnh và bực bội. Từ nhỏ, tôi chưa bao giờ có cái mà người ta gọi là tình yêu thương súc vật, lớn lên, tôi cũng chẳng bao giờ yêu được chúng. Súc vật bao giờ cũng chỉ làm tôi kinh hãi. Tuổi thơ ấu của tôi đầy rẫy những giấc mơ đáng sợ, chứa đầy các loại thú vật kinh dị chỉ chực nhảy xổ vào ăn thịt tôi. Không biết đã bao nhiêu lần tôi phải nhận ra một sự thật hiển nhiên, rằng tôi quả có khác với Johannes anh tôi thật; lúc nào gã cũng có vẻ bình thản nhợt nhạt bên các

loài súc vật, trong khi chúng chỉ làm tôi bất yên, sợ hãi và kinh hoàng. Đến tận giờ, thỉnh thoảng tôi vẫn nằm mơ bị súc vật xông vào xâu xé, ăn thịt. Tuy nhiên, để cũng được như mọi người khác, nhiều lần tôi cũng thử xem, liệu tôi có tìm thấy sự bình yên đó khi ở gần súc vật không; nhưng rồi, tôi phải thừa nhận, suốt đời tôi, mọi nỗ lực kiểu đó của tôi đều không thành. Bao giờ súc vật cũng làm tôi khiếp sợ, đến cả những loài nhỏ bé li ti, chẳng đáng kể lắm, cũng đủ làm tôi kinh hãi; tôi khiếp nhất mỗi khi phải chạm tay vào con sâu con bọ nào đấy, chứ chưa nói phải chạm đến con cá nào, trong khi gã anh tôi lại rất khoái trá tự tay bắt cá; gã nắm đuôi, đập vỡ đầu cá, rồi ném trở lại xuống suối. Đến tận giờ, trước mắt tôi vẫn hay hiện ra cảnh những con cá bị anh tôi đập chết, trôi lênh bênh - ngửa bụng lấp lánh bạc trong nắng trời - dưới con suối chảy vòng phía sau ngôi biệt thự trẻ thơ. Tụi nhóc, con cái đám người làm trong nhà cũng chẳng bao giờ ra vẻ sợ hãi ngại ngần gì, thậm chí còn thích thú, mỗi khi chúng nó phải cắt tiết rồi chặt đầu gà trên thớt. Gã Johannes anh tôi cũng thế; mặc dù bố mẹ tôi cấm tham dự vào các cuộc cắt tiết, chặt đầu gà kiểu đó - song, có lẽ chính sự cấm đoán ấy càng làm gã thích thú. Đạo gã còn rất bé, gã anh tôi chỉ cần một nhát rìu là chặt đứt đầu con gà mái, rồi sau đó khoái trá nhìn con gà không đầu, trong cơn giãy chết điên cuồng còn vỗ cánh bay tứ tung khá xa giữa sân. Johannes cũng rất thích thú mỗi khi được xem mổ lợn, mổ bò trong lò sát sinh riêng của Wolfsegg, như bố tôi vẫn nói, *để lấy xương nấu xúp cho nhà mình*. Tự tôi, tôi cũng trở mắt đứng xem đấy, song tôi không bao giờ có được niềm khoái trá như Johannes, mà ngược lại, các cảnh tượng đó bao giờ cũng làm tôi kinh sợ. Đúng, tôi không phải Johannes. Vào trong chuồng bò, đưa mắt một lượt, tôi đếm ngay được chín mươi hai con, *con số lý tưởng*, như trước đây bố tôi vẫn gật gù. Thôi thì, ít ra ở đây mọi sự vẫn chạy. Tôi chợt nhớ mẹ tôi có lần nhắc đi nhắc lại, khoản tiền bỏ ra xây lắp đường ống dẫn sữa bắc ngang đầu đàn bò lên đến ba trăm tám chục ngàn schilling chứ không ít. Tất nhiên rồi, tôi nghĩ bụng, xưởng sữa trông rất oách. Rồi tôi sang bên ngôi biệt thự trẻ thơ. Bọn em gái tôi quả nhiên đã để cửa sổ ở đây mở từ lúc ấy đến giờ, tôi nghĩ bụng, nhưng chắc chắn không phải do chúng nó nghe lời tôi dặn phải để cửa sổ mở toang như thế mấy ngày liền, mà do chúng nó quên đóng lại thôi. Từ lúc anh em chúng tôi ở đây đến giờ, chưa có cơn giông nào kéo đến thật, nhưng kiểu

oi bức thế này, chắc chắn sẽ có đông. Bây giờ có muốn đi tìm Alexander cũng không kịp nữa, tôi nghĩ bụng, r ồi ng ồi xuống chiếc ghế băng trước ngôi biệt thự. Giá có Alexander cùng ng ồi ăn tối, tôi nghĩ bụng, hẳn Spadolini sẽ biết tự ki ền chế hơn nhi ều; bữa ăn tối hẳn sẽ diễn ra khác hẳn; Spadolini chắc chắn sẽ phải thủ vai khác. Nhi ều chuyện do Spadolini kể ra, chắc chắn sẽ bị anh Alexander cười chế nhạo, biến y thành kẻ lỗ bịch ngay và y, do sự có mặt của Alexander, sẽ phải thay đổi chiến thuật. Bây giờ, trước mắt tôi, Spadolini có vẻ như biến thành nhân vật xấu, còn Alexander là nhân vật tốt. Thế nhưng, tôi nghĩ bụng, nếu bây giờ mình khẳng định, Alexander tốt còn Spadolini xấu thì cũng chẳng đúng. Cứ Alexander mà xét, thì con người tốt ở anh ấy bao giờ cũng che khuất g ần như trọn vẹn con người xấu. Chẳng hạn thói độc đoán phũ phàng anh ấy vẫn bộc lộ, mỗi khi anh cưỡng ép ai đó phải đ ồng tình với anh, và với những ai không chịu thua anh, anh thường trừng phạt họ, không thèm nói chuyện với họ hàng buổi li ền, khóa trái cửa tự nhốt mình trong phòng r ồi dọa sẽ tự vẫn. Vâng, con người tốt trong anh đ ồng thời cũng là kẻ chuyên hăm dọa, tôi nghĩ bụng, thậm chí còn hăm dọa phũ phàng là đằng khác, một kẻ chỉ vì một ý nghĩ chắc chắn là lỗ bịch nào đấy của mình có thể làm người khác lâm vào tuyệt vọng, và trong những hoàn cảnh nhất định, có thể giết chết con nhà người ta nữa ấy chứ. Ấy thế, nhưng gã Alexander quý sừ ấy bao giờ cũng được gã Alexander khác, đáng mến, đáng quý, bao dung độ lượng, che khuất. Một con người dù có đáng mến đến đâu đi nữa, nhưng khi ta quan sát người đó suốt một thời gian dài, và dù cho việc quan sát chỉ diễn ra trong đầu óc ta thôi, cũng như, bất kể con người ta quan sát ở g ần hay ở xa, thì dần dần, anh ta cũng sẽ từ một con người tốt biến thành con người xấu; ta sẽ chẳng bao giờ chịu ng ồi yên, ta sẽ luôn luôn tìm cách biến một người tốt, đáng kính thành người xấu, đáng ghét mới thôi, nếu làm như thế có lợi cho ta, bởi ta sẵn sàng sỉ nhục anh ta, cũng như sẵn sàng sỉ nhục bất cứ ai khác, miễn sao làm như thế có thể giúp ta, chẳng hạn, thoát khỏi tâm trạng giày vò, dằn vặt kinh khủng, một tâm trạng trĩu nặng lòng ta, mà ta không hề biết vì sao. Thật vậy, có lẽ vì cả Spadolini lẫn những người khác không còn đủ cho tôi hành hạ, sỉ nhục nữa, tôi nghĩ, nên lúc này tôi quay ra sỉ nhục Alexander, hòng thoát thân; anh Alexander tốt bụng đang bị tôi tóm lấy và biến dần anh thành một người xấu, một kẻ độc



địa, cũng như trước đó - chỉ vì lợi ích của riêng mình - tôi đã làm với tất cả những người khác mà tôi cho là thích hợp. Không còn cách nào khác nữa, đọc sách chẳng được, đi tới đi lui không ăn thua, đứng bên cửa sổ nhìn ra cũng chẳng giúp được gì, ta đành vớ lấy bạn bè gần gũi nhất, thân cận nhất, tôi nghĩ bụng, để thoát khỏi tâm trạng khủng khiếp này. Tôi rất hay rơi vào tình trạng như thế này, mỗi khi tâm trạng phũ phàng khủng khiếp ấy ít nhiều xâm chiếm lòng tôi, là y như rằng, tôi lại lần lượt tóm lấy hết người này đến người khác, mỗ xẻ họ, chê bai, phỉ báng họ trong đầu tôi, cốt chỉ để tự cứu mình; phá hủy mọi thứ trong họ, không chừa lại ở họ chút gì gọi là tích cực nữa cả, để rồi cuộc, tôi sẽ được thở phào nhẹ nhõm. Nếu đấy không còn là bố mẹ hay tụi em gái, Johannes hay những người khác, vì không còn ai thích hợp cho tôi nữa cả, thì trong lúc cùng đường tuyệt vọng, tôi khắc tự hủy hoại mình theo cách của riêng tôi, theo cách tôi chỉ có thể gọi là phũ phàng tệ hại nhất mà thôi. Và lúc này Alexander chính là người thích hợp, bởi cả tụi em gái lẫn gã em rể không còn đủ để tôi lãng mạ, sỉ nhục nữa. Vâng, đó là sự thật. Để làm nhẹ lòng mình, tôi tự ngẫm, quả thật ta có thể bất chấp hết, không chút nương tay. Trong ngôi biệt thự trẻ thơ này, tôi cố tìm lại thời thơ ấu của mình, song, tất nhiên, tôi không tìm được nó. Tôi mò vào tất cả các phòng, để tìm lại tuổi thơ ấu, và tất nhiên, tìm không ra. Thật tình mà nói, tôi tự hỏi, mình định cho sửa sang ngôi biệt thự trẻ thơ để làm gì cơ chứ? Còn ai nữa đâu để tận hưởng ngôi biệt thự này, tôi nghĩ, vâng, ý định sửa sang ngôi biệt thự trẻ thơ - ý định mà đến giờ tôi vẫn còn mang theo trong lòng - thật là ý định vô nghĩa; phải, riêng ý nghĩ sẽ sửa sang, khôi phục nó trở lại thành ngôi biệt thự hôm xưa của tụi trẻ chúng tôi đã là một ý nghĩ quái gở rồi, tôi nghĩ bụng, bởi vì tôi có cho sửa sang, khôi phục lại ngôi biệt thự trẻ thơ, thì tuổi thơ cũng không còn khôi phục được nữa. Tôi cứ đinh ninh, tôi chỉ cần cho khôi phục, sửa sang tận gốc ngôi biệt thự trẻ thơ, hay nói như tụi em gái tôi, cho tân trang nó lại, thì tôi khắc sửa sang khôi phục, tân trang lại tận gốc tuổi thơ của mình. Tuổi thơ của tôi bây giờ cũng bị bỏ hoang, triệt phá, hệt như ngôi biệt thự này thôi, tôi thầm nghĩ. Đò đạc trong các căn phòng tuổi thơ đều bị vỡ vét, tẩu tán, đập phá tan hoang, y hệt như toàn bộ ngôi biệt thự; chỉ có đi đâu, tuổi thơ tôi không phải do tay mẹ tôi vỡ vét, phá phách, tẩu tán - như bà đã làm với ngôi biệt thự - mà do chính tay tôi. Tôi từng phá phách, cướp bóc tuổi

thơ của chính mình còn phũ phàng, tàn nhẫn hơn nhiều so với mẹ tôi cướp phá ngôi biệt thự trẻ thơ; tôi đã phung phí, phát tán những mảnh đẹp nhất của tuổi thơ mình, giống hệt như mẹ tôi đã vơ vét, phung phí những mảnh đẹp nhất của ngôi biệt thự, và bây giờ, giá tôi có mở toang hết các cánh cửa sổ tuổi thơ ra, thì cũng chẳng được tích sự gì nữa, tôi tự nhủ, mà chắc chắn cũng sẽ nực cười, lố bịch, hệt như khi tôi mở toang cửa sổ ngôi biệt thự tuổi thơ ra vậy. Tuổi thơ đã bị tôi tận dụng, tiêu xài đến khô kiệt, phải, thậm chí bị tôi phung phí, bán thống bán tháo đi là đằng khác. Tuổi thơ tôi đã bị tôi bòn rút đến kiệt cùng. Ta đi tìm tuổi thơ ở khắp nơi, song ở đâu ta cũng chỉ tìm thấy một *khoảng không vắng lặng*, như người ta vẫn nói. Ta thường đinh ninh, một khi ta bước vào ngôi nhà mà trong đó ta từng trải qua những giờ phút hay ngày tháng tuổi thơ sung sướng, thì ta sẽ nhìn thấy tuổi thơ ta; nhưng sự thực, tôi nghĩ bụng, ta chỉ nhìn thấy *khoảng không vắng lặng* đáng sợ ấy mà thôi. Tôi đi vào ngôi biệt thự trẻ thơ, thì cũng chỉ có nghĩa là tôi đi vào *khoảng không vắng lặng* đó, hệt như khi tôi đi vào khu rừng, nơi thời thơ ấu tôi vẫn từng cảm thấy sung sướng vô vàn, thì cũng không có gì khác với việc tôi đi vào *khoảng không vắng lặng* ấy; cũng như khi bước vào những nơi, mà hồi còn con trẻ, tôi vẫn cảm thấy sung sướng, thì nay tôi chỉ thấy lờ lờ trước mắt mình độc những *khoảng không vắng lặng* như thế mà thôi. Ta vẫn thường phung phí tuổi thơ ta, ta những tưởng nó không bao giờ cạn kiệt, nhưng không phải vậy, tôi nghĩ bụng, tuổi thơ chẳng mấy chốc sẽ cạn kiệt, và không để lại dấu vết gì nữa hết, ngoài *khoảng không vắng lặng* thiên hạ vẫn nói với nhau kia. Song, không phải chỉ có tôi mới hoang phí như thế, tôi thầm nghĩ, ai cũng như vậy thôi, và đi đâu đó khiến tôi chợt cảm thấy được an ủi, được an ủi rằng mọi người, rồi ai cũng sẽ khám phá ra sự thật đó, một sự thật nằm ở chỗ, khi ta muốn tìm lại tuổi thơ - vào lúc ta đang về già hay đã già hẳn - thì cũng chẳng khác nào ta đi ngó vào *khoảng không vắng lặng* đáng sợ đó, khoảng không làm ta kinh hãi hơn bất cứ thứ gì khác trên đời ấy. Cứ xét như thế, thì việc tôi bước vào ngôi biệt thự trẻ thơ đây, lòng mang theo niềm tin tôi cũng sẽ bước vào tuổi thơ của chính mình, cũng là một việc có thể coi là may mắn. Vì có vậy tôi mới sáng mắt nhận ra rằng hành động đó là một sai lầm, nhưng là một sai lầm bổ ích vậy; bổ ích ở chỗ, từ giờ trở đi tôi sẽ không còn tin rằng tôi chỉ cần bước vào ngôi biệt thự trẻ thơ là tôi có thể quay trở

lại vào tuổi thơ của chính mình. Không còn tin rằng tôi chỉ cần bước vào cánh rừng của tuổi thơ là tôi đã bước trở lại vào tuổi thơ tôi được rồi, rằng tôi chỉ cần bước vào miền đất quê của tuổi thơ là tôi lại bước trở lại vào tuổi thơ của chính mình. Không còn tin nữa, bởi ở đâu, tôi cũng chỉ bước vào *khoảng không vắng lặng* đáng sợ ấy mà thôi. Và, từ nay về sau, tôi cũng sẽ không phải đối diện với *khoảng không vắng lặng* đáng sợ đó nữa, tôi nghĩ bụng. Ở Rome, lần nào cũng như lần nào, mỗi khi nhớ đến Wolfsegg, tôi lại nghĩ, chỉ cần về đến Wolfsegg là tôi khắc quay về với thời thơ ấu của mình. Nhưng lần nào cũng như lần nào, bao giờ tôi cũng mắc sai lầm, tôi nghĩ bụng, những sai lầm đến là đều cáng và hèn hạ. Ta về tìm gặp bố mẹ ta, lúc ở Rome tôi nghĩ vậy, cũng có nghĩa là ta tìm gặp bố mẹ ta thời thơ ấu, nhưng rất cuộc, bố mẹ ta chả thấy đâu, ta chỉ tìm thấy cái *khoảng không vắng lặng* kinh khủng nọ. Ta không tìm được tuổi thơ, tôi tự nhủ, bởi nó không còn nữa. Một cách tàn nhẫn, không chút nương tay, ngôi biệt thự trẻ thơ mở mắt cho anh thấy rằng không thể gây dựng lại tuổi thơ ấy nữa. Đó là sự thật anh phải chấp nhận. Anh thử quay người lại mà xem, anh sẽ chỉ còn thấy *khoảng không vắng lặng*, tôi nghĩ bụng, không những chỉ tại những nơi từng gắn bó tới tuổi thơ, mà tại tất cả những nơi chốn phôi phai cùng năm tháng khác, cũng chỉ còn lại *khoảng không vắng lặng* đó. Bởi vậy, giờ đây tôi tự nhủ, tốt nhất anh đừng quay người lại nữa, anh phải biết đi đâu đó, âu cũng là để giữ mình, anh không được phép quay người nhìn lại phía sau nữa. Anh quay lại nhìn vào quá khứ, thì anh cũng chỉ nhìn vào sâu vào *khoảng không vắng lặng* đó mà thôi; anh ngoái nhìn lại ngày hôm qua thì cũng không có gì khác anh đang ngoái lại nhìn *khoảng không vắng lặng*, tôi nghĩ bụng, thậm chí anh chỉ quay lại nhìn khoảnh khắc anh vừa trải qua thôi, rất cuộc anh cũng chỉ nhìn vào *khoảng không vắng lặng* đó mà thôi. Anh toan bước vào ngôi biệt thự này để quay lại với tuổi thơ, tôi nghĩ, tuổi thơ mà hàng chục năm qua anh từng phát tán, tiêu xài không chút cân nhắc đắn đo, anh từng quẳng nó qua cửa sổ như một thứ gì không bao giờ cạn kiệt, nhưng chính vì thế, anh lại làm nó khánh kiệt hoàn toàn. Để rồi, sau khi anh đã tận dụng và làm khánh kiệt mọi cơ hội khác của anh, anh lại chìm vào trạng thái tinh thần ủy mị hết sức hạ đẳng và trong đầu anh nảy ra ý đồ này nọ với ngôi biệt thự trẻ thơ này. Song, ý đồ ấy bây giờ mới bộc lộ hết tính chất đáng sợ của nó, khi ngôi biệt thự trẻ

thơ bỗng biến thành cơn ác mộng cho anh. Lúc anh nghĩ thầm trong đầu, rồi nói ra với các em gái anh, rằng anh sẽ cho sửa sang ngôi biệt thự trẻ thơ, quả thật anh đã tưởng, một khi anh đã sửa sang khôi phục lại ngôi biệt thự được, thì anh cũng sẽ khôi phục được tuổi thơ của anh. Nói cách khác, anh đã thật sự tin rằng anh có thể quét vôi, bôi màu, có thể sửa sang lợp lại mái cho tuổi thơ anh, giống như anh quét vôi, bôi màu, tân trang, lợp mái vân vân lại ngôi biệt thự trẻ thơ vậy, mặc dù ý đồ đó của anh đã phải chịu hàng trăm lần thất bại chứ không ít, tôi tự nhủ, bên nào có phải đây là lần đầu tôi nuôi ý đồ sửa sang ngôi biệt thự, để qua đó đồng thời khôi phục cả tuổi thơ đâu. Biết bao nhiêu lần anh đã ép buộc người khác phải làm theo ý định của anh, để cũng bấy nhiêu lần chứng kiến họ thất bại cùng ý định đó, ý định quái gở nhất trong mọi ý định ấy. Anh cố tình bắt buộc họ ôm lấy những ý tưởng mà anh thừa biết trước sau thế nào cũng thất bại đó của anh, anh giấu nhẹm, không chia sẻ với họ các kinh nghiệm đòn đau anh từng ném trái cùng ý đồ quái gở nhất trong mọi ý đồ ấy, anh câm lặng, im hơi lặng tiếng, nhưng thực ra, anh đã để mặc họ, bỏ rơi họ. Thật độc địa! Tôi rời ngôi biệt thự tuổi thơ về phòng giấy trong nhà quản sự. Cửa khu nhà thợ săn không khóa, chắc là để cho cánh thợ săn ra vào dễ dàng hơn, khi bọn họ phải thay phiên nhau túc trực quan tài. Tôi bụng bảo dạ, chắc chắn mình sẽ không như ông bố mình, ngày ngày đến đây ngồi xem xét *thư từ công vụ*, ngày ngày đến đây chuyện trò với tay quản sự hay với đám người làm trong bầu không khí ngột ngạt ở đây. Sắp tới, chắc chắn tôi sẽ không như ông bố tôi, cũng sẽ xem văn phòng này như là không gian sống thật sự của mình. Cặp hồ sơ Leitz sẽ không ép chặt đời tôi như từng ép chặt bố tôi, ép chặt đến mức, rốt cuộc, đã làm ông nghẹt cả thở. Dây cặp hồ sơ Leitz này, tôi nghĩ bụng, mới đầu chỉ mới ép chặt ông, về sau chúng đồ ọp lên đầu lên cổ ông, rồi nghiến nát ông. Đây không phải cơn ác mộng, đây là đời thực hằn hoi. Các loại thư từ công vụ đã biến bố tôi thành kẻ nô lệ của công vụ, tôi nghĩ bụng, ông để cuộc đời ông hoàn toàn lệ thuộc số thư từ công vụ hàng ngày ấy. Hồi xưa, bố mẹ ông, tức ông bà tôi, nhốt ông vào văn phòng này, để rồi về sau, chính cái văn phòng này đã đè bẹp ông. Nhưng tôi, nó đừng hòng mà đè bẹp được, tôi sẽ không để cho nó đè bẹp tôi, tôi nghĩ bụng, cho dù nội thất văn phòng này được thiết trí, xếp đặt khiến nó sẽ phải đè bẹp bất cứ ai ngồi ở đây. Tôi không bật đèn, để không

ai phát hiện ra tôi, nhưng tụi thợ săn từ lâu hẳn đã biết tôi đang ở trong này. Tôi sẽ không bao giờ bước vào văn phòng này với tư cách một chủ trang trại, tôi không phải chủ trang trại, tôi cũng không quan tâm gì đến nghề nông cả. Trong một cặp hồ sơ Leitz nào đấy ở đây có ghi rõ, bao nhiêu tiền trợ cấp từ Wolfsegg đã được chuyển cho tôi suốt cả chục năm qua, kể từ ngày tôi đi khỏi đây. Tôi đứng dậy, tìm xem cái cặp hồ sơ đó nằm đâu, nhưng không tìm thấy cặp hồ sơ nào ghi tên tôi cả. Đủ loại tên được ghi ở gáy các cặp hồ sơ, chỉ riêng tên tôi không thấy đâu. Không biết cái khoản tiền bố tôi vẫn bảo là *khoản không lô*, cái khoản mà cả mẹ tôi, và nhất là tụi em gái tôi, vẫn đọc địa chỉ chiết là *khoản không lô*, thật ra, là bao nhiêu? Cả bà mẹ lẫn hai đứa con gái cứ luôn mồm bảo tôi *lúc nào cũng ăn bám Wolfsegg*, rằng tôi không bao giờ ngưng ngưng *vòi thêm tiền của Wolfsegg*, rằng tôi cứ từng bước, từng bước *tống tiền cả nhà*. Kia rồi, tôi nghĩ bụng, cái cặp hồ sơ ghi khoản tiền không lô kia rồi, hay đằng kia, kia chẳng, nhưng nào tôi có tìm thấy nó ở đâu. Tôi lôi hàng lô cặp hồ sơ trên giá xuống, mở ra xem, nhưng không thấy cái cặp hồ sơ sẽ làm tôi chết nhăn răng ra đâu cả; tôi nói vậy, bởi tôi bỗng nhớ có lần mẹ tôi bảo tôi, *anh hẳn phải lăn ra chết nhăn răng ngay tại chỗ*, nếu tôi đọc thấy số tiền gia đình đã chi cho tôi là bao nhiêu. Khoản chi cho *thằng vô công rồi nghề*, như giọng lưỡi cả nhà vẫn gọi tôi, thằng chuyên lạm dụng Wolfsegg vào *các mục tiêu đáng ngờ và bẩn thỉu*, cho các mục đích tình thần gớm ghiếc của nó. Ông con trai rong chơi nhởn nhơ ở Rome, trong khi cả nhà lẫn lưng làm ăn nặng nhọc, bố tôi vẫn chả rêu rao như thế với mọi người là gì, những khi ông bực bội với tôi. Và, vào những năm gần đây, khi đã rõ ra là tôi có ý định không quay về Wolfsegg nữa, mà ở lại Rome, hay nơi nào thật xa Wolfsegg, tức là ở vùng nào có tri thức, thì ông bố tôi chỉ còn bực mình, hẳn học với tôi nữa mà thôi, tôi nghĩ bụng. Ông chẳng còn ngần ngại sỉ nhục tôi trước mặt thiên hạ, sỉ nhục chỉ vì khoản tiền chu cấp hàng tháng ông vẫn phải chuyển vào ngân khoản cho tôi. Trong khi chính các vị vẫn tay quảng vô khối tiền của vô ích qua cửa sổ, tôi nghĩ bụng; chỉ cần nhắc đến thói nghiện quần nghiện áo của mẹ tôi, thói nghiện làm phúc giả dối của bố tôi khi góp của đóng tiền cho hội này đảng nọ, thói đam mê thuyền máy thuyền buồm của gã Johannes anh tôi, thì đủ biết các vị từng tiêu xài phung phí hơn tôi biết bao nhiêu là tiền của. Phải, tôi nghĩ bụng, duy có

bọn em gái tôi tốn ít tiền nhất, nhưng chính chúng nó cũng chẳng còn đáng giá bao nhiêu. Đưa vào tay chúng nó xu nào, tôi tự nhủ, là phí hoài xu này. Chỉ trong cái văn phòng hôi hám ngọt ngào đến phát khiếp này, bố tôi mới ít nhiều cảm thấy thật thư thái, như ở nhà mình vậy. Bàn giấy này là nơi ông tìm đến ẩn náu, trốn tránh gia đình ông, bằng cách chúi đầu xuống viết những lá thư vô bổ về việc này việc nọ của ông, giống như lá thư còn nằm kia, do chính tay ông viết dở dang. Để thoát khỏi người nhà ông, một là ông leo lên chiếc máy kéo, lái chạy đi lang thang vào chỗ này đến chỗ nọ trong rừng, bất chấp máy kéo khi chạy nhả mùi khói khét lẹt và rung đến chết người, hai là ngày ngày ông chui đầu vào văn phòng này. Vào giai đoạn kinh hoàng ở cuối đời ông, bố tôi trở thành con người hoàn toàn cô đơn. Đáng thương thay, tôi nghĩ bụng. Song, tôi lại nghĩ, chính ông, ông đã để mặc cho mình rơi vào hoàn cảnh cô đơn đáng thương đó, ông cố tình thả mình rơi vào, không buồn động chân động tay cưỡng lại. Bố tôi chẳng bao giờ cưỡng lại bất cứ cái gì, ông quá yếu đuối để chống lại một cái gì đó, bất kể đó là gì. *Chông đời* chưa bao giờ là việc bố tôi ư làm, tôi nghĩ bụng, ông ư bước chân lên con đường đáng thương khốn khổ dẫn ông đến chỗ héo mòn teo tóp, thân tàn ma dại này hơn. Một cảnh tượng thiên nhiên tuyệt vời dữ dội như thế này ở quanh Wolfsegg đây, tôi nghĩ bụng, một tài sản quả thực kịch xù như thế này ở Wolfsegg đây, thế mà ông bố tôi lại sống cuộc đời thảm hại ngần ấy bên chiếc bàn giấy này. Phòng giấy đây đã khiến gương mặt ông gầy đây ngày xuống như thế, tôi tự nhủ, chính phòng giấy này đây, nói cho cùng, đã hủy hoại ông. Đã đến nước đó thì các chuyến đi một năm hai lần, vẫn gọi là đi học thêm ấy của ông, chẳng được tích sự gì nữa cả. Ông uể oải, miễn cưỡng lên đường, rồi ông cũng lại uể oải, miễn cưỡng trở về tự mình ghe tởm mình trước thất bại của ý đồ toan chạy trốn cả chính mình. Và tất nhiên, phòng giấy này lại trở thành nơi trốn tránh, ẩn náu của ông. Từng bước, từng bước và lặng lẽ, tuyệt không ai biết, ông bị hủy diệt - một phần là do người nhà ông, tôi nghĩ bụng, những kẻ chỉ nhằm nhằm chờ sự tiêu vong của ông, phần khác là do cái văn phòng này; mọi thứ giấy tờ đần độn ấy xếp chùng xếp đống ở đây chỉ nhằm mỗi một mục tiêu duy nhất là để cho ông bố tôi và cả cuộc đời ông bẹp gí. Đống giấy tờ đần độn này, tôi nghĩ, cũng là nơi ông chui vào ẩn náu, trốn tránh bà vợ điên khùng của ông, vâng, tức là bà mẹ tôi đấy.

Phải, chui vào văn phòng, khóa trái cửa lại. Chỉ cánh thợ săn, chứ không ai khác nữa cả, được phép ra vào tự do. Người trong nhà muốn vào phải báo trước, không báo trước thì có đến cửa văn phòng mà gõ, cũng không được vào; bố tôi cấm cửa những kẻ đã ra tay hủy hoại ông không thương tiếc đó. Tôi sẽ không để mình bị văn phòng này phá hoại hay hủy diệt, tôi tự nhủ, nó sẽ không phải là nơi *cho tôi* ẩn náu dung thân. Tôi sẽ không như bố tôi, biến dãy cặp hồ sơ Leitz này thành đống đùn cam lạng, cùng hội cùng thuyền với tôi nửa ngày hay cả ngày, đôi khi thậm chí còn nửa đêm hay thâu đêm mới tẻ. Văn phòng này sẽ không trở thành *khoang thuyền trưởng của ta*, như bố tôi vẫn thường gọi văn phòng này của ông như thế, tôi nghĩ bụng và vẫn còn cảm thấy nổi nhục đến là hèn hạ của chính mình hôm xưa, mỗi khi nghe bố tôi, chẳng biết có phải cố tình hay không, gọi văn phòng này là *khoang thuyền trưởng* trước mặt tôi. Bởi vì ở Wolfsegg ông có bao giờ thật sự nắm quyền chỉ huy của một *thuyền trưởng* đâu; mọi quyền hành đều nằm trong tay mẹ tôi cả. Bà để mặc ông ba hoa thế nào thì ba hoa, ngay cả giữa bàn dân thiên hạ, về cái gọi là *khoang thuyền trưởng* ấy của ông, bởi bà thừa biết, ai ai cũng thấy những lời ông nói về cái *khoang thuyền trưởng* đó mới lỗ bịch làm sao. Không! Không, đây không thể là văn phòng của tôi, tôi tự nhủ. Tôi sẽ không để đống cặp hồ sơ Leitz khống chế tôi. Hàng triệu con người đã và đang bị những cặp hồ sơ Leitz đó thống tộ, tôi tự nhủ, và họ sẽ không bao giờ thoát khỏi kiếp bị trị nhục nhã ấy nữa. Hàng triệu người bị thứ cặp hồ sơ Leitz đó áp bức. Toàn châu Âu đã để mặc cho thứ cặp hồ sơ Leitz này áp bức mình suốt cả thế kỷ nay và sự áp bức đó của cặp hồ sơ Leitz, tôi nghĩ, đang mỗi ngày một thêm gay gắt, khắc nghiệt. Chẳng bao lâu nữa, toàn thể châu Âu không những chỉ bị cặp hồ sơ Leitz áp bức mà thôi, mà cả châu Âu này sẽ bị chúng tiêu diệt. Tôi cũng có lần nói với Gambetti, dân Đức là dân tự để cho mình bị cặp hồ sơ Leitz khống chế nhiều nhất. Ngay cả nền văn chương Đức cũng là nền văn chương bị cặp hồ sơ Leitz khống chế, có lần tôi đã bảo Gambetti vậy. Mở quyển sách Đức nào xuất bản trong thế kỷ này ra đọc, tôi bảo Gambetti, ta cũng thấy nó bị những cặp hồ sơ Leitz kia khống chế cả. Tôi bảo Gambetti, dân Đức chỉ còn viết nên nổi một thứ văn chương bị cặp hồ sơ Leitz khống chế mà thôi và nền văn chương ấy sắp bị nó hủy diệt hoàn toàn đến nơi rồi. Ở Đức, mọi thứ đều do cặp hồ sơ Leitz đi đầu khiến, tôi

bảo Gambetti vậy. Và, thứ văn chương ngày nay, thứ văn chương bị các cặp hồ sơ Leitz khống chế ấy, tất nhiên, là thứ văn chương đáng thương hại. Tôi bảo Gambetti, trước đó, chưa từng có thứ văn chương bất lực, đáng thương hại như thế bao giờ. Đọc một quyển sách viết ra hiện nay, bao giờ tôi cũng có cảm giác, dường như đây là thứ văn chương văn phòng lỗ bịch, do các cặp hồ sơ kia đọc cho người ta chép lại. Tất cả những cuốn sách như thế đáng thương hại vô cùng, tôi bảo Gambetti, vì chúng được viết ra bởi các tác giả mà đầu óc đã bị cặp hồ sơ Leitz khống chế hoàn toàn và mãi mãi mất rồi, Gambetti ạ. Khi ta đối mặt với nền văn chương Đức, ta cũng đối mặt với thứ văn chương viên chức trung lưu, Gambetti ạ; đến cả những tên tuổi lớn của nền văn chương ấy cũng vậy thôi, vâng, ngay như Thomas Mann, vâng, hay đến cả Musil, là người tôi thậm chí còn đặt lên vị trí đầu tiên của hàng ngũ những kẻ sản sinh ra thứ văn chương viên chức đó nữa kia. Thì chính Musil cũng có viết được cái gì khác, ngoài thứ văn chương viên chức khốn khổ đó đâu. Thứ văn chương đó là thứ văn chương chỉ dành cho giới trung lưu mà thôi, vâng, đúng ra là cho giới trung lưu lớp dưới, tôi bảo với Gambetti trên đũa Pindo. Cả Thomas Mann, lẫn Musil đều vậy cả, mỗi dòng họ viết ra là một dòng bị những cặp hồ sơ Leitz kia khống chế. Đọc thứ văn chương đó của họ, ta khắc biết ngay một tay viên chức sẽ viết lách thế nào, bởi nói cho cùng, rốt cuộc thì cũng chỉ cặp hồ sơ Leitz cầm bút viết cho hắn mà thôi. Vị quý tộc Thomas Mann đã viết ra rất một thứ văn chương tầm thường, tôi bảo Gambetti, thứ văn chương chỉ dành cho giới trung lưu lớp dưới dở dở ương ương. Và tụi người dở dở ương ương đó khoái trá xực lấy xực để thứ văn chương ấy vào lòng, anh hiểu không, Gambetti. Ít nhất cũng từ một trăm năm nay rồi, ở đời chỉ còn một thứ văn chương mà tôi gọi là văn chương bàn giấy ấy, một thứ thơ văn viên chức dành cho giới trung lưu lớp dưới đó nữa mà thôi, tôi bảo Gambetti. Và nếu không kể đến hàng loạt người khác nữa, thì Musil và Thomas Mann chính là các bậc thầy của nền văn chương ấy. Tôi bảo Gambetti, nếu không kể đến Kafka - dù ông này vốn là viên chức thật, nhưng cũng là tác giả duy nhất không sáng tác thứ văn chương quan lại và viên chức đó - thì tất cả các tác giả còn lại đều không sáng tác gì ngoài thứ văn chương ấy cả, đơn giản chỉ vì họ hoàn toàn không có khả năng sáng tác gì khác nữa. Tay viên chức Kafka nọ, tôi bảo Gambetti, lại là tác giả



duy nhất không sáng tác thứ văn chương quan lại và viên chức đó, mà sáng tác ra thứ văn chương lớn lao, vĩ đại; đó là đi đầu anh không thể gán cho bất kỳ tác giả nào trong số văn sĩ Đức gọi là lớn của thế kỷ này được hết, nếu anh không muốn đứng cùng hàng ngũ với hàng triệu những kẻ viết tiểu luận tào lao, tán hươu tán vượn trên các trang dành cho văn nghệ của các loại báo chí, những kẻ từ trăm năm nay đã biến báo chí thành thứ cháo văn hóa dành để bổ thí cho đám hành khất đói khổ, trong đó họ nấu đi hâm lại các sai lầm kinh khủng đến dựng tóc gáy của mình cho đến khi phát nôn phát mửa vẫn chưa thôi. Nói cho cùng, tôi bảo Gambetti, trong thế kỷ này dân Đức chỉ sản sinh ra nền văn chương bị cặp hồ sơ Leitz khống chế, nền văn chương mà tôi gọi toạc móng heo ra là văn chương cặp hồ sơ Leitz để tránh mang tội sau này, lúc nền văn chương cặp hồ sơ Leitz bị lật mặt là văn chương cặp hồ sơ Leitz và bị hất đổ vào đúng nơi xứng đáng với nó, tức là thùng rác của lịch sử văn học vậy, Gambetti ạ. Ấy thế, nền văn chương hiện nay cũng là văn chương của ta, tôi bảo Gambetti, thì muốn hay không muốn, ta vẫn phải chung sống với nó, bởi ta đã *hiến dâng tất cả* cho nó mất rồi, tôi nói với Gambetti, không khỏi không chút ít xúc động trong lòng, rằng ta chẳng còn gì nữa hết, Gambetti ạ. Chúng ta quả có tạo ra khá nhiều những đỉnh cao, có thể gọi là đỉnh cao đầy ấn tượng trong nền văn chương của ta thật, tôi bảo Gambetti, có đi đầu ta không được phép đem các đỉnh cao đó ra so sánh với Shakespeare, chẳng hạn. Gambetti chăm chú nghe tôi, tôi nghĩ bụng, nghe chăm chú, nhưng tôi có cảm giác anh chàng không tin tôi lắm. Tôi nghĩ, anh chàng không tin tôi ngay trong các vấn đề liên quan đến văn chương Đức hiện đại, thì thật đáng tiếc. Cuối bài thuyết trình, thì cũng gọi là để anh ta yên lòng, tôi bảo anh ta, chỉ có Maria là ngoại lệ. Ý tôi muốn nói, thơ của Maria tuyệt vời hơn thơ của mọi thi sĩ sáng tác bằng tiếng Đức khác cùng thời với nàng, vâng, tức là thời đại chúng ta đây. Có thể anh ta tưởng tôi đùa, khen nịnh bạn cho vui, song tôi nghĩ, tôi đang nói sự thật với anh ta, bởi đó là niềm tin của tôi, rằng thơ của Maria chính là đỉnh cao của văn chương chúng ta vậy, và không phải chỉ là đỉnh cao nền văn chương trong thập niên khốn khổ này, mà là đỉnh cao văn chương trong suốt cả thế kỷ chúng ta đây; một thế kỷ, tôi bảo Gambetti, có thể sẽ trôi qua mà không để lại cho chúng ta một đỉnh cao nào chói lọi hơn nữa. Đó là niềm tin chắc chắn của tôi, Gambetti ạ, tôi nói với anh ta. Cả

dân Đức lẫn dân Áo chúng tôi ít nhất cũng nửa thế kỷ nay, đã kiệt sức đến độ, cả họ lẫn chúng tôi, đều không thể sinh ra một đỉnh cao văn chương như thế nữa. Bảo rằng hãy mong chờ một phép màu nào nữa đó, Gambetti ạ, thì đã từ lâu, tôi đã chẳng còn mong chờ nữa rồi. Phép màu văn chương thì tôi lại càng không thể trông chờ. Và lại, tôi nói với Gambetti, thật khó mà tin được rằng đến cuối thế kỷ này, cái thế giới mà hiện nay chúng ta đang chứng kiến và chịu đựng đây vẫn còn tồn tại. Tôi thấy nghi lắm, anh ạ. Mọi dấu hiệu đều đang cho thấy, rằng chẳng bao lâu nữa thế giới sẽ biến đổi tới mức chúng ta không còn nhận ra nó được nữa đâu, nó sẽ là một thế giới bị thay đổi tận gốc rễ và thật ra, sẽ là một thế giới bị phá hủy tận gốc tận rễ cho mà xem. Mọi thứ đều đang cho thấy rõ đi đâu đó, tôi bảo Gambetti. Tuy nhiên, tôi nói thêm, trong viễn cảnh do tôi tiên đoán này cũng chứa đựng luôn cả sai lầm của tôi. Đến đây thì Gambetti phá lên cười, tiếng cười mọi ngày của anh - giòn giã, sáng khoái và hồn nhiên. Chúng ta thường có khuynh hướng sa vào phóng đại, cường điệu - về sau tôi bảo Gambetti - khiến cho đến lúc nào đấy ta sẽ tưởng sự phóng đại đó chính là sự thật, sẽ không nhận thức được sự thật chân chính nữa, mà chỉ còn cảm nhận một sự thật đã bị phóng đại quá mức mà thôi. Tôi bảo Gambetti, tôi bao giờ cũng say sưa tự thỏa mãn mình bằng niềm ham mê cường điệu đó. Niềm ham mê đó - khi tôi đẩy nó lên thành một thứ nghệ thuật cường điệu - đôi khi cũng là niềm ham mê duy nhất giúp tôi thoát khỏi nỗi tuyệt vọng, buồn chán khôn cùng về tinh thần, tôi bảo Gambetti. Tôi dày dạn trong nghệ thuật cường điệu đến mức tôi chẳng chút ngập ngừng để tự xưng là nghệ sĩ phóng đại vĩ đại nhất tôi từng biết từ xưa đến giờ. Tôi không biết còn nghệ sĩ nào cao tay hơn nữa không. Ở đời chưa từng có ai đẩy nghệ thuật cường điệu của chính mình lên đỉnh cao như thế, tôi bảo Gambetti, rồi nói thêm, rằng nếu có ai đột nhiên hỏi tôi, thực sự tôi là ai, thì tôi có lẽ chỉ có thể đáp lại, tôi là nghệ sĩ bộ môn cường điệu lớn nhất tôi từng biết trên đời. Đến đây, Gambetti lại phá lên cười tiếng cười của anh và tiếng cười ấy lây ngay sang tôi, và chiều hôm ấy hai chúng tôi cười hả hê với nhau một trận trên đồi Pincio, trước đó chúng tôi chưa cười một trận như thế bao giờ. Vâng, giờ đây tôi nghĩ, tất nhiên câu tôi viết ra như thế này cũng lại là một sự cường điệu nằm trong vốn nghệ thuật cường điệu của tôi. Đạo đó, tôi bảo Gambetti, nghệ thuật cường điệu là một thứ nghệ thuật

sống - theo cách hiểu của tôi - là nghệ thuật tồn tại ở đời. Thông qua cường điệu, hay nói cho đúng hơn, thông qua nghệ thuật cường điệu, tôi bảo Gambetti, ta mới tồn tại nổi, ta mới đủ sức để sống. Càng về già, tôi bảo anh ta, tôi càng hay viện đến nghệ thuật cường điệu của tôi. Các cao thủ trong nghệ thuật tồn tại ở đời vốn bao giờ cũng là các nghệ sĩ cường điệu điêu luyện, bất kể họ là ai, bất kể họ đã sáng tạo ra những gì ở đời, Gambetti à, tất cả rốt cuộc đều nhờ vào nghệ thuật cường điệu của họ cả. Một họa sĩ không biết phóng đại là họa sĩ tồi, một nhạc sĩ không biết phóng đại là nhạc sĩ xoàng, tôi bảo Gambetti, cũng như một nhà văn không biết cường điệu là nhà văn hạng bét. Song, cần nói rõ rằng nghệ thuật cường điệu của nhà văn, đôi lúc, thật ra lại là nghệ thuật *giảm thiểu* hay *hạ thấp* mọi thứ. Khi đó, ta sẽ phải nói một nhà văn nào đấy đã quá cường điệu khi hạ thấp, và biến phép cường điệu thông qua hạ thấp thành nghệ thuật của mình. Cái bí ẩn của một tác phẩm nghệ thuật lớn nằm chính ở phép cường điệu đó, tôi bảo Gambetti, cái bí hiểm của triết học cao siêu cũng vậy. Và, thực ra, bí mật của tư duy cũng chính là nghệ thuật cường điệu vậy thôi, tôi bảo Gambetti. Ý nghĩ chắc chắn sẽ bị coi là quái đản ấy, nếu xem xét thật kĩ, thì nó chắc chắn lại là ý nghĩ duy nhất đúng đắn cho mà xem. Thế nhưng, tôi bỏ dở, không luận tiếp nữa, và rời khu nhà thợ săn đi về phía nhà quản sự. Trên đường đi về hướng ngôi biệt thự trẻ thơ, tôi chợt nhớ, chính ngôi biệt thự trẻ thơ đã làm nảy ra trong đầu tôi những ý nghĩ quái gở đó. Phải viết cho được quyển *Diệt vong*, từ ngôi biệt thự quay lại nhà quản sự, tôi nghĩ bụng. Tại sao không nhỉ? Nhưng không làm ngay, tôi còn cần nhiều thời gian nữa mới làm được. Một năm. Có khi hai năm, thậm chí ba năm. Chúng ta đôi khi cũng tưởng mình đủ năng lực để hoàn thành một công trình trí tuệ nào đấy, thậm chí để viết ra một tác phẩm như *Diệt vong*, nhưng rồi ta lại run, bởi ta biết, ta không đủ sức làm đến nơi đến chốn, ta run sợ và chùn tay lại, bởi ta e ngại, nhớ đâu khi ta đã bước được khá xa, sáng tác được khá nhiều rồi, ta bỗng nhận ra mình không thực hiện nổi ý định ban đầu. Và như thế, chẳng những ta sẽ mất hết bao nhiêu thời gian từng bỏ ra, mà ta sẽ còn bị mất mặt ghê gớm, nếu không phải mất mặt với thiên hạ muôn nơi, thì cũng mất mặt với chính mình. Ta không muốn mình phải chịu một thất bại ô nhục như thế, cho nên - mặc dù ta có cảm giác ta có thể bắt tay mở đầu một công trình đầy trí tuệ rồi đây - ta vẫn chần chừ,

không dám bắt tay vào việc, ta lẩn tránh trì hoãn, như thể ta muốn trì hoãn, muốn gác thất bại nhục nhã - *nhĩ nhục nhã tự mình gây cho chính mình* - ra sau. Ta thường vẫn đòi hỏi người khác, làm gì thì làm, họ cứ phải hoàn thành tốt việc của họ đã, tức là họ phải hoàn thành việc đến đâu đến đấy, tôi nghĩ bụng, trong khi chính ta, ta không làm nên chuyện gì sất, đến một sản phẩm trí tuệ nực cười, in giấy trắng mực đen cũng không. Thế chứ còn gì nữa, ta đòi hỏi mọi người phải đạt tới các thành tựu cao nhất, đặc biệt nhất, trong khi chính mình lại chẳng làm nên cơm nên cháo gì. Ta không muốn chịu nhục vì sự thảm bại của chính mình, cho nên ta tìm mọi cách, dùng mọi lời chõng chẽ, mọi mưu mẹo tầm thường, cốt sao trì hoãn càng lâu càng tốt việc thực hiện ý đồ của ta toan đưa lên mặt giấy một công trình trí tuệ của ta. Ta bỗng nhiên trở nên hèn nhát, không dám bắt tay khởi đầu việc đã định. Thế nhưng, trong đầu ta vẫn ấp ủ khôn nguôi một công trình trí tuệ như thế và lăm le thực hiện nó bằng mọi cách. Phải, ta *dự định* sẽ thực hiện, ta tự nhủ, và cứ thế *dự định đi dự định lại*, ngày này sang ngày khác, tuần này qua tuần khác, tháng này sang tháng khác, năm này qua năm khác, có khi hàng chục năm trời mà không sao nghĩ xuống bắt tay vào việc được. Công trình ta ấp ủ là công trình phi thường lắm, dữ dội lắm, ta tự nhủ, và thi thoảng ta huênh hoang với người khác, bởi ta quá ư kiêu ngạo, ta không giữ miệng kín miệng được, trong khi thực ra, ta chỉ đủ tài làm nên những thứ hết sức lỗ bịch mà thôi. Ta sẽ hạ bút viết nên một tác phẩm phi thường, đầu óc tôi vừa mới nghĩ có vậy, thì toàn thân đã lại run ngay lên vì sợ hãi. Và, chính trong giây khắc sợ hãi đó, tôi đã thất bại rồi, tôi đã rơi ngay vào trạng thái xơ cứng tuyệt đối, chẳng khi nào bắt tay vào việc được nữa. Ta khoa trương, khoa chiêng gõ mõ rùm beng, rằng những gì ta

đang ôm ấp, ấp ủ thật phi thường và độc nhất vô nhị, ta chẳng sợ tuôn ra những lời huênh hoang đó, thế nhưng ta lại so vai rụt cổ leo lên giường và sẽ uống đôi ba viên thuốc hồng ngữ cho ngon giấc, thay vì bắt tay thực hiện công trình phi thường và độc nhất vô nhị ta hứa hẹn kia. Chúng ta là như thế đấy, Gambetti à, có lần tôi nói với Gambetti, ta rêu rao ta sẽ làm nên tất cả, cả những công trình chói lọi nhất, vĩ đại nhất, nhưng rồi ta chẳng cần nổi cây bút vào tay để hạ bút đưa lên mặt giấy, dù chỉ một chữ thôi của cái công trình gọi là phi thường và độc nhất vô nhị đó. Ai trong

chúng ta cũng mắc bệnh vĩ cuồng, tôi bảo Gambetti, để khỏi phải trả giá cho sự kém cỏi, tầm thường của chính mình. Vâng, nói đến dự kiến về cuốn *Diệt vong*, tôi nghĩ bụng, thì thật tình mà nói, sau bao nhiêu năm, tôi cũng chỉ mới hình dung ang ang về nó, chứ chưa có gì phi thường, tôi nói với Gambetti, càng chưa có gì độc nhất vô nhị cả. Tuy nhiên, trong đầu tôi đã hình thành cái gì đó lớn lắm rồi, lớn hơn bản phác thảo thông thường, một cái gì đó có thể đem trình làng được rồi. Vâng, chỉ là thứ gì đó đủ đem trình làng mà tôi chẳng phải ngượng ngùng hổ thẹn gì, tôi bảo Gambetti. Tôi tự xem mình đủ tài, đủ sức đặt bút viết ra những thứ tôi cho rằng cần phải viết ra, bởi đi đầu đó rất quan trọng đối với tôi, và như tôi nghĩ, còn làm tôi thú vị nữa chứ. Nhưng thật ra, tôi bảo Gambetti, tôi nào phải nhà văn, tôi chỉ là kẻ môi giới văn chương, mà cụ thể là văn chương Đức. Có thể thôi. Như một loại môi giới bất động sản trong văn chương, tôi bảo Gambetti, như thể tôi mua đi bán lại bất động sản trong văn chương vậy. Và cho dù thời nay bất kỳ ai viết xong một tấm bưu thiếp đầu có thể tự xưng làm nhà văn, tôi bảo Gambetti, thì tôi, sau hàng trăm công trình thử viết hay đã viết, vẫn không xưng mình là nhà văn. Và lại, đa số trong giới nhà văn tôi đều ghét cay ghét đắng, tôi bảo Gambetti, tôi chỉ quý mến thật sự và nồng nhiệt với rất ít người trong số đó mà thôi. Suốt đời tôi, tôi luôn tìm cách lánh mặt bọn văn sĩ, nhất là bọn văn sĩ Đức, bọn người tôi vẫn gọi là đám thợ ghi chép biên bản, tôi bảo Gambetti. Cả đời tôi, tôi cũng chẳng bao giờ ngồi chung bàn với họ, Gambetti ạ, bởi vì làm quen, rồi ngồi cùng bàn với một tay văn sĩ nào đấy, đối với tôi, là việc tồi tệ đáng tởm nhất trần đời, vâng, không còn việc nào tệ hại, đáng tởm hơn nữa đâu. Tác phẩm của họ thì còn chịu được, chứ các tác giả của các tác phẩm đó thì không, Gambetti ạ. Bản tính họ phần lớn đều xấu xa, nếu không nói là đáng ghê tởm, và bất kể họ là ai, ngay buổi đầu quen biết nhau, bao giờ họ cũng làm tác phẩm của họ bị tiêu hủy, bị tuyệt diệt ngay trước mặt anh rồi. Thiên hạ chen chúc nhau để làm quen với một văn sĩ nào đấy mà họ yêu quý, họ tôn thờ, kính trọng, vâng, hoặc thậm chí để xem mặt một văn sĩ nào đó họ ghét bỏ, để rồi ngay sau đó, sẽ tiêu hủy, xóa bỏ hoàn toàn tác phẩm của văn sĩ nọ khỏi đầu óc mình. Để giải thoát mình khỏi một tác phẩm văn học nào đấy - một tác phẩm do nguyên cớ nào đó không để ta yên, hoặc vì nó làm ta phẫn khích xúc động, hoặc vì nó làm ta phẫn nộ uất ức - thì cách

tốt nhất là làm quen với đích thân tác giả của nó. Ta tìm đến cha đẻ một tác phẩm văn học, tôi bảo Gambetti, cũng là để giải thoát mình khỏi tác phẩm đó. Tụi văn sĩ, nhìn chung, là bọn người đáng tởm nhất trên đời, tôi bảo Gambetti, thế mà - tôi phải thú thật - dạo đầu thời sinh viên của tôi, tôi xông tới họ, lăn xả vào làm quen với họ, khiến họ ai nấy đều bất ngờ, ngỡ ngàng, ở một số người tôi còn mon men luồn lách dò xét kỹ nữa kia. Thế nhưng, sau đó tôi quay ra căm ghét họ, chẳng chừa một ai, và không thể đọc tác phẩm của họ nữa, Gambetti ạ. Tất tât các văn sĩ tôi từng tìm hiểu, hay ít nhiều đã vụng trộm dò la ấy, hiện giờ tôi đều coi là những nhân vật hèn hạ, đều cáng, vâng, đã thế lại đần độn, những con người tuy đã có tiếng tăm nhất định về văn chương thật nhưng tôi không hề muốn đánh bạn kết bè với họ, tôi bảo Gambetti, bởi họ có gì nữa đâu, ngoài sự tầm tầm, nhàn nhàn bậc trung của họ. Cái gì ở bọn này cũng vừa vừa hết cả, tôi bảo Gambetti. Cái gì ở họ cũng sần sệt tính tiểu thị dân hèn mọn. Mọi thứ ở họ đều sặc sụa tà khí, đều nhuốm vẻ quê mùa bảo thủ đã đành, lại còn nặng vị vĩ cuồng. Có lần tôi bảo Maria, tất tât bọn này, nói cho cùng, đều nhằm chán, đều buồn tẻ, y hệt những gì họ viết ra rồi đem rao bán chợ giời. Cứ như thế một trăm năm nay văn chương Đức bị bọn nhà quê tỉnh lẻ lạm quyền, biến thủ vậy. Ngày nay, chúng ta chỉ còn nên văn chương tỉnh lẻ đó mà thôi, chứ chẳng có thứ gì khác, tôi thậm chí nói với Maria trên đường đi sang nhà quản sự, chỉ còn có riêng các sáng tác của nàng là lớn lao, là độc nhất vô nhị, là trường tồn, là văn chương mà chúng ta cả trăm năm sau vẫn không lấy làm hổ thẹn. Không, Gambetti ạ, tôi nói với anh ta, tôi chưa bao giờ muốn trở thành nhà văn, đến như trong đầu tôi cũng chưa từng có ý nghĩ như thế; vâng, quả thật tôi cũng luôn luôn nuôi ý định hạ bút viết cái gì đó, cho riêng mình tôi thôi. Rồi về sau, những thứ đó được xuất bản chỗ này chỗ nọ, là đi đâu khiến tôi hối hận. Nhưng tôi *thật sự* không phải nhà văn Gambetti à. Tuyệt nhiên không. Lúc đi ngang nhà quản sự, tôi nghe thấy tiếng đàn bò thở phì phò vọng qua các cánh cửa sổ hé mở của chuồng gia súc. Tôi nghĩ bụng, chúng ta thường có thói quen hay nhớ đến các chi tiết vẫn gọi là các chi tiết vật vãnh, nếu ta chịu khó quan sát và để tâm xem xét kỹ lưỡng chúng, mới đầu chỉ xem xét bên ngoài, sau đó soi mói xuyên suốt chúng. Chẳng hạn, trên đường từ ngõ biệt thự trẻ thơ đến phòng giấy, tôi thấy các đám mây lơ lửng trên trời phía sau ngôi biệt thự trẻ thơ tụ lại

thành hình con r ồng đang ngoác to miệng. Một hình ảnh rất bình thường như thế có thể lưu lại rõ rệt và rất lâu trong ký ức ta, đến mức hàng tuần, hàng tháng, hàng năm sau, đôi khi ta vẫn nhớ như in hình ảnh các đám mây đó, tôi nghĩ bụng, vâng, quả thật ta chẳng hề gặp khó khăn gì khi nhớ lại đám mây với hình thù như thế đã chuyển động trên trời ra sao. Như thế đầu óc ta buộc ta phải nhớ lại sự chuyển động như thế của các đám mây vậy, cũng như bắt ta phải nhớ đến sự chuyển động trên một gương mặt ta từng nhìn thấy hàng nhiều năm về trước. Ta không gặp khó khăn gì khi nhớ lại gương mặt đó, cũng như tôi không khó nhọc gì khi bây giờ phải nhớ lại nét mặt người nhà tôi lúc đứng trước các quan tài. Tôi có thể nhớ lại rất rõ các gương mặt phơi ra trước mắt tôi, với các nét chuyển động trên đó, ngay cả các chuyển động trên những gương mặt cứng nhắc và bất động nhất, bởi đây không phải gương mặt chết và gương mặt chết thật ra không chết thật, vân vân và vân vân. Nếu ta biết cách, ta vẫn có thể nhìn và nghe thấy rõ m ền một những gì đã diễn ra nhiều năm về trước. Với khứu giác cũng y như vậy thôi. Ta đi trên đường phố Paris và một thứ mùi vị nào đó chợt gợi cho ta nhớ lại cái gì đó - một vật thể, một sự kiện hay một cuộc gặp gỡ nào đó - của hai hay ba chục năm về trước, thậm chí lâu hơn. Chỉ một mùi vị đó thôi đã đủ gợi cho ta thấy vật thể, sự kiện hay cuộc gặp gỡ hôm xưa hiện ra rõ m ền một trước mắt mình với từng chi tiết nhỏ, cho dù suốt hai, hay ba chục năm trôi qua, ta chẳng hề nhìn thấy, hay nhớ lại vật thể đó, sự kiện đó hay cuộc gặp gỡ đó lấy một lần. Tôi nghĩ, tôi đã biến cơ chế hồi tưởng rất tự nhiên ấy thành nghệ thuật mà ngày nào tôi cũng vận dụng và chắc chắn tôi sẽ còn hoàn thiện nó đến cùng. Đàn bò thở phì phì trong trại gia súc, còn tôi lê chân về phòng và bỗng dưng cảm thấy người mệt lả. Lúc này đã một rưỡi. Tôi kéo rèm che kín cửa sổ. Tất nhiên, tôi không ngủ được, và trong lúc thao thức, tôi chỉ nghĩ mỗi một chuyện, mọi sự bây giờ sẽ ra sao đây? Wolfsegg và mọi thứ khác dính dáng đến nó sẽ ra sao đây. Suốt hai tiếng liền, đầu óc tôi chỉ quanh quẩn, không phải với ý nghĩ *cái gì sẽ xảy ra với Wolfsegg, mà ta sẽ làm gì với Wolfsegg đây?* - cùng cái chết của bố mẹ, câu hỏi này rơi sập - đúng theo nghĩa đen của nó - xuống đầu và đe dọa sẽ đè bẹp tôi. Vâng, với tất cả sức nặng kinh khủng của nó, Wolfsegg đã rơi sập thẳng xuống đầu tôi. Thật là điên rồ để tự nhủ mình, cứ nằm trên giường quay người bên này một lúc, rồi lại quay người sang

bên kia một lúc nữa, thì mình khắc tĩnh tâm lại thôi. Tình huống không lối thoát, mà tôi đột nhiên cảm nhận được với tất cả mức độ kinh hoàng của nó ấy, khiến tôi không yên; tình huống đó không để tôi nghĩ được đi đâu gì ra đâu ra đưa nữa cả, và tôi không thể nằm yên lâu một bên được, dù chỉ một phút thôi, bởi lẽ do xúc động, con tim tôi cứ thình thịch thình thịch mà đập mãi. Rốt cuộc, tôi cứ nằm như thế đến sáng, đầu óc căng thẳng dỗi theo và nhắm đếm từng nhịp đập con tim tôi và trong lòng tôi, mỗi lúc tôi một thêm hốt hoảng nhận thấy rằng những giây khắc bất thường, tức là những khi nhịp tim tôi đập chọt loạn xạ, xảy ra mỗi lúc một mau hơn. Đạo trước, tôi nghĩ bụng, tay bác sĩ nội khoa của tôi ở Rome quả thật đã làm tôi hết hồn, khi y chẩn đoán thẳng thừng - đã tuyệt nhiên không chút tế nhị thì chớ, lại tro trên và tàn nhẫn không ai bằng - rằng mệnh tôi không trường, chỉ đoán thôi. Giới thầy thuốc bao giờ cũng muốn phán gì đúng nấy, tôi nghĩ bụng, nên họ thường ưa chẩn đoán ngày anh tạ thế đã kề cận, hơn là chẩn đoán anh còn lâu mới lìa đời, bởi họ không muốn mất mặt với thiên hạ. Giới bác sĩ quả thật không sợ gì hơn sợ bị mất mặt vì một cái chết đột ngột, bất ngờ của ai đó mà họ không chẩn đoán trước. Cho nên, giống như tay bác sĩ của tôi ở Rome, họ cứ chẩn đoán bừa *một cuộc đời đoán mệnh* cho bệnh nhân, cho chắc ăn, tránh bị bẽ mặt với đời. Ấy thế nhưng tôi cũng phải nói thẳng, dù sao thầy thuốc ở Rome cũng còn hơn thầy thuốc Áo, là giới mà tôi chỉ có thể bảo là trâng tráo, vô lương tâm và tuyệt đối vô tình, vô cảm mà thôi. Vâng, vậy là tay bác sĩ nội khoa của tôi ở Rome chỉ còn cho tôi sống thêm một thời gian ngắn nữa thôi, và giờ đây nằm trên giường, không sao chợp mắt được, tôi suy tính, tôi sẽ phải làm gì với Wolfsegg; nhưng rõ ràng, tôi chẳng tìm được câu trả lời, nhất là vào lúc này, lúc tôi chỉ còn nhăm nhăm mỗi một việc là dỗi theo nhịp đập nhanh của con tim tôi, cũng như thấp thỏm chờ các khoảnh khắc bất thường trong hoạt động của nó mà thôi. Tất nhiên, vào những hoàn cảnh như thế, ta vẫn nghe bác sĩ của ta - trong trường hợp tôi, là tay bác sĩ nội khoa - nói với ta những gì, nhưng ta chẳng tin lời hắn; ta nghe rõ ràng hắn nói gì, nhưng ta không tin hắn, ta cứ thế lờ đi, bỏ qua lời hắn nói. Rất có thể lờ đi là cách tốt nhất vậy, giờ đây tôi nghĩ bụng, thế nhưng, tất nhiên ta lại khổ sở khôn nguôi vì bác sĩ đã bảo ta không còn sống được bao lâu nữa, và ta luôn luôn tìm cách trốn chạy khỏi những lời, những câu nói chết lịm người của hắn, vì ta chả vẫn muốn



sống là gì, vì ta - dù cho ta có nhục mạ, khinh rẻ cuộc sống ta đến thế nào chẳng nữa - ta vẫn bầu chặt lấy nó, và quả thật, muốn mãi mãi giữ chặt được nó trong tay. Tôi nghĩ bụng, suốt bao nhiêu lâu, có lẽ hàng tuần lễ, tôi không để tâm gì đến sức khỏe của mình, thế mà bây giờ, nằm thao thức trên giường đây, tôi lại đòi nổi cáu với *mọi thứ*. Trong lúc lẽ ra tôi phải làm mọi thứ để dưỡng mình, giữ thân, cũng là để, biết đâu đấy, bắt tay viết cuốn *Diệt vong* đang nằm chực sẵn trong đầu tôi đây, tôi nghĩ bụng, thì tôi lại để mình bị lôi cuốn vào những cơn xúc động, nếu không gây chết người, thì cũng rất nguy hại cho tôi. Ở Rome, tôi tự nhủ, tôi đã *quen với một nhịp sống và làm việc hợp với bệnh tình của tôi*, ngay cả các giờ dạy học dành cho Gambetti cũng tuân theo nhịp độ hợp với bệnh tình tôi; mọi thứ ở Rome tôi đều buộc phải tùy thuộc vào bệnh tình của mình, thế mà bây giờ, tôi lại để mình nổi các cơn cáu giận mà lẽ ra tôi không được phép. Thế nhưng, vào những năm gần đây, mỗi lần tôi về Wolfsegg, là tôi lại bị kích động, tôi nghĩ bụng, và làm con tim mình căng thẳng quá mức. Từ Wolfsegg về Rome, bao giờ tôi cũng tìm đến tay bác sĩ, và y lại phán ngay, tim tôi bị quá tải do chuyến đi Wolfsegg vừa qua. Không phải do chuyến đi Wolfsegg, mà là do chuyến đi sang Áo vừa qua - tôi lại phải dính chính lời y cho bằng được. Vào mấy năm sau này, tất cả các chuyến lưu lại ở Áo và ở Wolfsegg ấy đều rất có hại cho con tim của tôi, khiến nó lúc nào cũng phải đập mạnh liên hồi kỳ trận đến khi quá sức. Nhưng chính tôi, tôi nghĩ bụng, ngay từ khi còn nhỏ tôi đã chẳng bao giờ nương nhẹ con tim tôi. Hay nói cho đúng, thì chẳng có con tim nào chịu đựng nổi những kẻ như tôi, tôi tự nhủ, nó bị bệnh, bị yếu đi rất sớm, vì ngay từ thời thơ ấu, tôi đã lạm dụng nó, đã làm nó căng thẳng quá sức, tôi đã chẳng bao giờ để nó yên, cho nên bây giờ mới đến nông nỗi này. Con tim tôi chưa bao giờ được hưởng sự yên tĩnh lẽ ra nó phải được hưởng, tôi tự nhủ, nên bây giờ nó mới tàn tạ thế này. Song, thay vì nương nhẹ nó, tình dưỡng nó tại Rome, với nhịp độ đã định ra cho nó như tôi nghĩ, tôi lại lên đường về Wolfsegg và khuấy động, chọc tức nó đến mức khủng khiếp. Nhưng thôi, cũng chỉ vài ngày thôi, tôi tự nhủ, âu cũng là để chữa trái tim mình, tôi sẽ quay về Rome, càng sớm càng tốt, vâng, tức là về nhà, bởi nhà tôi ở Rome, chứ không phải ở Wolfsegg đây, và con tim tôi sẽ được tịnh dưỡng, tôi sẽ *không đòi hỏi ở nó quá nhiều nữa*, như tay bác sĩ nội khoa vẫn lạnh lùng khuyên và

cũng như Maria vẫn nói đi nói lại với tôi, anh đòi hỏi con tũn anh nhiều quá, nàng thường trách tôi, anh phải để ý đến quả tim của anh chứ, và khi nào nàng nói vậy, bao giờ tôi cũng lắng nghe nhưng chẳng để tâm gì, mặc dù tôi biết nàng nói đúng. Mỗi khi tôi xúc động, tôi tự nhủ, tôi lại tìm đến nàng, đến Maria - nữ tiến sĩ thành Rome của tôi, nữ thi sĩ vĩ đại, nữ thầy thuốc tuyệt vời của tôi, nữ đề đệ của chủ nghĩa khoái lạc có một không hai của tôi. Bởi tôi không sao nằm yên trên giường cùng trái tim bồn chồn, đây xúc động của tôi nữa, tôi đành trở dậy, vào buồng tắm xối nước lên người cho tươi tỉnh, rồi, vẫn mặc áo choàng tắm, tôi lôi một cuốn sách gọi là cuốn *Chuyên khảo về Descartes* trên giá sách xuống và thả mình ngã vào chiếc ghế bành kê bên cửa sổ. Không như tôi nghĩ lúc đầu, Descartes lập tức lôi tôi ra khỏi những mối lo âu, sợ hãi; vừa bắt đầu đọc, ngay những câu đầu tiên, không phải những câu viết về Descartes mà là những câu của Descartes đã cứu tôi thoát nạn. Tôi đọc những câu của Descartes, và lập tức bị lôi cuốn sang một hướng khác; không, tôi không muốn nói tôi trở nên yên lòng, nhưng đầu óc tôi quả bị đánh lạc hướng đi thật. Tôi nghĩ bụng, các triết gia lớn thật đúng là các vị cứu tinh của tôi. Bất kể công trình nào của họ cũng vậy, cứ mở ra đọc là tôi lại bị lôi cuốn, lại được cứu vớt. Hình như, sẽ không ai có thể có được vốn tri thức vững vàng, nếu người ta không biết tác giả tạo ra sự tồn tại của họ ở đời là ai, tôi mãi mê đọc, tức khắc bị lôi cuốn và được cứu vớt. Chỉ riêng nghĩ ngợi về một câu này thôi đã giúp tôi giết nốt khoảng thời gian vài ba tiếng còn lại, trước khi tôi phải đứng dậy, sửa soạn đi xuống nhà, bởi tang lễ đang rục rịch bắt đầu. Nãy giờ, ngồi bên cửa sổ, tôi có thể thấy hai đứa em gái tôi đang đứng bên nhà kính nói chuyện với đám thợ săn, thợ làm vườn cũng như với một lũ những người sẽ đóng vai trò gì đó trong lễ tang. Gã em rể tôi cũng ở đấy. Nhưng tôi vẫn chưa đi xuống nhập bọn với đám người kia; tuy tôi có cảm giác họ đang mong chờ tôi, nhưng tôi vẫn chưa đi xuống chỗ họ, bởi tôi không muốn bỏ giữa chừng cái thú đứng bên cửa sổ kín đáo quan sát họ mà không một ai hay biết. Mọi người dưới kia đều làm ra vẻ chộn rộn; phía trong nhà kính chắc còn chộn rộn hơn nhiều. Cả đồng những vòng hoa với bó hoa đã được chất lên hai chiếc xe ngựa, và cánh thợ làm vườn cùng hai cậu mã phu - ở Wolfsegg chúng tôi vẫn còn nuôi các mã phu như thế đấy (!) - đã đánh hai chiếc xe ra đỗ sát bờ tường công ra vào, để lát nữa xe chở

xác có thể lăn bánh ngang qua dễ dàng. Tất cả những gì tôi nhìn thấy qua cửa sổ phòng tôi đều cho thấy, mọi sự dường như đều diễn ra đúng theo lịch trình tang lễ mẹ tôi vẫn từng nhắc tới trước đây, như thể không có gì chệch khỏi, chứ đừng nói trái ngược lại, hay đối kháng với lịch trình đó. Trời chỉ chực mưa, nhưng không mưa nổi, và tôi nghĩ, rồi sẽ chẳng mưa đâu. Mọi người đứng dưới kia, ai nấy mặc tuy không đen tuyền cả, nhưng ít nhiều đều hợp với không khí đám tang. Nhiều người từ dưới làng lên đều đã đứng thành hàng trước nhà kính. Tôi cũng nhìn thấy lác đác vài nhạc công đầu tiên của ban nhạc kèn đang xếp thành hàng ngũ. Các nhạc cụ lóng lánh ánh kim, các nhạc công đầu mặc đồng phục màu đen pha xanh lá cây, màu tôi ưa nhất. Nhìn qua cửa sổ đây xuống dưới, tôi thấy rõ, Caecilia đã nắm chắc trong tay nó quyền điều khiển màn kịch đang mỗi lúc một trở nên hoành tráng ở dưới kia. Chốc chốc nó lại rỉ tai, nói gì đó vào tai con Amalia hoặc thẳng chông nó - gã chủ xưởng nút chai rượu vang - và hai đứa liền cun cút đi ngay vào trong nhà kính, hẳn là để thi hành một công việc nào đấy Caecilia vừa cất đặt, song le, việc đó là việc gì thì tôi chịu, làm sao mà biết được. Nền thấp trong nhà kính có vẻ đã tắt ngấm cả. Bây giờ đến lúc bắt đầu tang lễ, phải làm sao nhắc mọi người ôn lại các hiệu lệnh, nhảm lại vai. Giờ phút trọng đại của nữ đạo diễn đã điểm, tuy chưa phải lúc cao trào, nhưng tôi nghĩ bụng, cũng sắp rồi. Như để diễn tập lại lần cuối, các nhạc công xếp thành hàng trước khu nhà kính, rồi lại tản ra; đám thợ làm vườn và thợ săn, cũng như để diễn thử, đánh hai chiếc xe chở vòng hoa đến gần nhà kính. Và, như tôi thấy, mọi sự diễn ra theo đúng các hiệu lệnh của Caecilia. Đứng ngay sau lưng Caecilia là Amalia và gã em rể tôi. Dân tình kéo đến mỗi lúc một đông, từ nhà quản sự chui ra, từ khu nhà thợ săn đi dần sang hay từ dưới làng leo lên. Thế nhưng, chưa thấy mặt mũi ai trong số gọi là trọng khách cả, vắng, họ vẫn còn khối thời gian. Rốt cuộc, Caecilia cũng rảo bước về phía khu nhà chính, và đến lúc này, tôi hiểu, tôi phải rời khỏi đây xuống gặp ả. Trên đường đi xuống, tôi chạm trán bà cô ở Titisee. Chào hỏi bà qua loa xong, thì tôi lánh sang chỗ khác, và từ lúc ấy về sau, suốt buổi lễ tang, tôi cứ tìm mọi cách tránh mặt bà ta. Bữa điểm tâm đã được dọn sẵn trong bếp cho tôi tự lúc nào, và tôi - cùng gã em rể, chẳng biết từ chỗ nào thò mặt ra - ít nhiều vội vàng dùng cho xong bữa sáng. Vừa ăn sáng, tôi vừa để mắt dò xét gã em rể - xem gã với

tay lấy khoan bánh mì, nặng nề chậm chạp phết hết bơ lại mút lên miếng bánh - vừa thẩn nghĩ trông gã sao mà đần độn, nhạt nhẽo thế. Thế nhưng, dò xét gã một hồi thì tôi cũng hiểu, hạng người như gã, thật ra, tuyệt nhiên chẳng có tội gì, khi họ suốt đời chỉ đần độn nhạt nhẽo. Cái ý nghĩ hạng người này chẳng tội tình khi họ xử sự đần độn, rỗng tuếch rỗng toác ruột gan như thế, cứ bám lấy tôi mãi một lúc, cho đến khi tôi sực tỉnh là tôi đã mê mải cùng ý này khá lâu và buộc mình phải thôi, không dò không xét, cũng không nghĩ ngợi gì thêm về chuyện này. Bởi vì, bỗng dưng tôi có cảm giác tôi không đứng đắn, không phải tôi không công bằng, mà đúng ra là không đứng đắn, khiến tôi điên tiết với cả chính mình. Ta chẳng nên dò xét người khác mãi, không nên xét nét người ta từng li từng tí, tôi nghĩ bụng, làm như thế, đã chẳng đưa đến đâu, đã chẳng lợi lộc gì, mà rốt cuộc, lại chỉ khiến tự khinh bỉ, căm ghét chính mình mà thôi. Caecilia bảo tôi, có lẽ tôi nên thắt chiếc cà vạt màu đen thì hơn. Tôi nghe lời nó, chẳng chống đối gì, bởi chính tôi cũng thừa nhận, nếu tôi đã không mặc âu phục màu đen thì ít nhất cũng đeo cà vạt đen để dự đám ma. Trước đó, tôi đã chọn và mang đôi giày đen vào chân, cũng như mặc bộ đồ màu xám lên người; bởi quả thực tôi không bao giờ có bộ đồ nào đen cả, và trong đầu chưa từng có ý định mua bộ màu đen nào cho mình bao giờ. Ngay cả trong hai ngày kinh khủng này cũng không. Caecilia bảo, tôi chỉ cần đeo cà vạt đen vào, là nó mừng rồi. Nói vậy, nó không tỏ vẻ độc địa gì, thậm chí ngược lại, có vẻ độ lượng là khác. Giờ đây, à em gái tôi bỗng có vẻ rất độ lượng với tôi. Tôi nghĩ bụng, à tỏ ra độ lượng với mình, vì à đang cảm thấy rất tự tin trong việc à sắp làm. Rất nhiều người, cả những người tôi không ngờ sẽ gặp ở đây, bỗng dưng xuất hiện trong bếp; ai nấy đều có vẻ muốn kiểm chút gì lót dạ, nhưng tôi không bắt chuyện với bất kỳ ai. Mặc dù ai cũng cho tôi là nhân vật chính trong mọi sự ở đây, riêng tôi không coi mình là nhân vật như thế. Mọi người trở mắt nhìn tôi, đây soi mới, song tôi lập tức quay mặt đi. Lẽ ra, tôi nghĩ bụng, tôi cũng có thể bắt tay người này người kia thật đấy, nhưng tôi chẳng bắt tay ai. Làm sao mà tôi lại chìa tay cho ai trong số người ở đây bắt được, tôi nghĩ bụng, gì thì gì, chứ lúc này mà lại biến mình thành kẻ giả nhân giả nghĩa, thì tôi quả không có ý định thật. Tôi uống ly cà phê, ăn thêm mẩu bánh mì rồi bước ra ngoài gian tiền sảnh. Hai đứa em gái tôi đang đứng trò chuyện với tay Quận trưởng; tay này, tôi nghĩ bụng, mãi

bây giờ mới thò mặt đến chia buồn. Các mẫu câu chia buồn quen thuộc, nhàm chán và vô duyên, thường vẫn được nói trong các lần viếng tang như thế này, hẳn đã nói hết với các em tôi; vào lúc này, hai đứa chúng nó xử sự đúng như thiên hạ mong đợi, khác hẳn với tôi, tôi cứ bản tính tôi thế nào, tôi xử sự như thế, hoàn toàn không xử sự theo cách người ta trông đợi. Trong gian tiều sảnh, các em gái tôi còn phải tiếp một loạt khách khứa đến viếng, tôi nghĩ bụng, đủ loại người quyên cao, chức trọng, đủ loại chức sắc nghiêm trang. Tôi lui về một góc tối trước cánh cửa nhà thờ, lẳng lặng đứng ở đó, không cho ai nhận ra mình. Thôi thì cũng còn may, tôi tự nhủ, rằng không ai nhận ra tôi thật, bởi nếu không, cả đám người đám ngọm kia sẽ đổ hết cả về phía tôi, về phía anh con hai, chứ không xô về phía các em gái tôi, phía hai đứa con gái nhà chủ như thế. Do ai nấy bước vào đầu đổ xô ngay về phía tụi em gái tôi, nên tôi được yên thân. Chốc chốc lại có người hỏi tôi ở đâu, nhưng hai em gái tôi không đáp - *mặc dù*, hay *chính vì*, chúng nó biết tôi đang đứng trước gian nhà thờ. Chúng nó không đáp, tôi nghĩ bụng, hẳn vì sợ tôi, *sau buổi tang lễ*, sẽ máng mỏ chúng nó về tội bẻm mép, làm lộ cho khách khứa biết tôi ở đâu. Lúc đầu, đứng ở đây tôi còn hứng đấm xem có bao nhiêu khách đến, nhưng được một hồi, thì tôi cũng đâm chán, chẳng buồn đếm nữa. Vả lại, khách đông quá, đếm không xuể. Rốt cuộc, cả một bầy lũ lượt chen nhau vào, và đứng trong góc, tôi có thể thản nhiên quan sát họ. Thế nhưng, đám đông bỗng nhiên dãn ra hai bên, nhường chỗ cho Đức cha Giám mục thành Linz vừa đến có chỗ để bước vào. Tôi nghĩ bụng, lão này thì ta phải ra đón thôi, chẳng còn cách nào khác, tôi bèn bước đến chào Giám mục Linz. Đằng sau ông ta, Giám mục Salzburg đang đứng chờ sẵn rồi. Tôi phải đứng tiếp họ, không bỏ đi đâu được nữa. Rồi tôi đưa hai vị lên tầng trên, Spadolini lấu cá, tôi nghĩ bụng, hẳn sẽ chờ đến phút chót mới lộ mặt ra cho mà xem. Quả như thế thật. Tôi tán gẫu với các Đức cha Giám mục ít nhất phải nửa tiếng, mới thấy lão Spadonili, có Caecilia đi kèm, bước vào phòng. Các vị Giám mục chào đón Spadolini như thể y có vị thế cao hơn hẳn họ không bằng. Tức là, hai vị không *đứng* lên, mà *nhảy bật* dậy, để đón chào y. *Thật là một dịp đáng buồn*, vị Giám mục thành Linz nói, còn Spadolini thì đáp: *vâng, một tai nạn kinh hoàng*, rồi bọn họ lại ngả cả xuống. Các vị nói chuyện với nhau, còn tôi chẳng có gì để góp. Họ quay sang nói về Rome, và câu chuyện rõ ràng

gây ấn tượng mạnh đến các Giám mục người Áo. Đối với các vị, tất tậ những gì Spadolini kể đều mới mẻ và Spadolini khôn ngoan cũng biết thừa, y phải kể những gì cho các vị Giám mục phải há mồm kinh ngạc. Lúc ấy, Đức cha trưởng tu viện Kremsmünster cũng vừa đến, và không khách sáo kiêu cách gì, lão lẳng lẳng ng ẩ xuống nhập bọn. Lão này người béo tốt, phốp pháp, dáng trông chả khác nào một tay chủ quán khá giả ở vùng Innviertel. Suốt nửa tiếng đ ồng hồ, Spadolini kể về Rome và Vatican; y kể, có thể nói, rất nhiều thứ, nhưng cũng lại chẳng kể gì. Rồi Caecilia mời các vị xuống dưới nhà. Dưới gian ti ền sảnh, các Giám mục - mà người c ần trích bây giờ rõ ràng là Spadolini hào hoa - cùng nhau đứng chờ Caecilia sẽ ra hiệu cho các vị biết, lúc nào họ sẽ sang nhà lánh, tức là để thực sự bắt đầu tang lễ. Ngoài các vị Giám mục, trong gian ti ền sảnh không còn một ai. Đám đông đã kéo nhau sang hết bên nhà kính và đứng kín đến tận cổng khuôn viên, và có lẽ, kín cả lối dẫn xuống làng, khiến bây giờ khó lòng nghĩ đến đoàn đưa ma nữa rồi, vì hàng người đưa đám có lẽ đã đứng kín cả đoạn đường từ nhà kính đến tận nghĩa địa cũng nên. Theo luật, tang lễ không cử hành tại nhà thờ, mà trong nhà thờ dưới làng. Các vị Giám mục vẫn say sưa tiếp tục chuyện thành Rome, rồi chuyển sang chuyện Wolfsegg và sau cùng, họ mới quay sang tôi. Spadolini khéo léo tự giới thiệu mình là một trong những người bạn thân nhất của tôi, hay nói như lời y, *người bạn gần gũi nhất của tôi ở Rome*. Cũng theo lời y, từ nhiều năm nay, y là người bạn thân thiết của gia đình, y thường đến thăm Wolfsegg và hết sức cảm kích trước *phong cảnh tuyệt vời, trước các lâu đài lộng lẫy cũng như cung cách sống tuyệt diệu ở chốn này*, y nói với giọng phát âm đặc Ý của y. Các vị Giám mục người Áo hợp lấy hợp để từng lời y nói; đến rồi mắt khỏi y, có lẽ, họ cũng không rời nổi. Y đóng trên người bộ quần áo, mà trong đời họ, có lẽ, họ chưa từng thấy bao giờ. Vai trò của tôi là vai thằng con, lòng dạ đau đớn tan vỡ, chưa kịp định thần sau tai họa đột nhiên sập xuống, và tự tôi, tôi cũng xem đây là vai diễn có lợi nhất cho tôi, bởi vì tôi hầu như không phải nói năng gì, chỉ cần để ý, để nếu có ai nhìn, thì gục đầu ra vẻ đau đớn lắm mà thôi. Nói vậy, không có nghĩa là mọi sự diễn ra ở đây không hề gây xúc động cho tôi chút nào, nhưng thực tình, tôi chẳng cảm thấy gì khác hơn với các đám ma khác cả. Sự thật hiển hiên, rằng giờ đây chính gia đình tôi - bố mẹ tôi, anh trai tôi - *bị đem đi chôn*, cùng một lúc,

không hề làm lòng tôi tan nát vì đau đớn, bởi vở kịch đã quá lớn, phình ra quá đồ sộ, để tôi có thể tự cho phép lòng mình đón đau tan nát như thế. Lòng tôi chưa bị rung động, đổ vỡ, tan nát, rồi nó sẽ còn đến với tôi, tôi tự nhủ, khi mọi sự đã trôi qua rồi. Đứng cùng các vị Giám mục ở gian tiêng sảnh tôi nghĩ bụng, vâng, cú sốc lúc mới đầu, tôi đã trải qua, nhưng sự rung động làm tan nát lòng dạ thì chưa, rồi nó sẽ đến sau. Các vị Giám mục tỏ ra khâm phục thái độ điềm tính của tôi, song, thái độ điềm tính đó không phải như họ tưởng, là thái độ tự kiềm chế mình trước tai họa kinh khủng, mà đó là thái độ tôi chọn cho vai tôi đóng. Dù đó là vai nhân vật làm tôi tởm lợm, nhưng tự tôi - ít nhất là cho đến thời điểm này - tôi cũng cảm thấy mình thủ vai của mình rất đạt. Một diễn viên, một khi thật sự giỏi, bao giờ cũng tự cảm nhận được, khi nào hẳn đóng giỏi, tôi nghĩ bụng, chứ không cần có ai chỉ cho hẳn thấy điềm đó cả. Spadolini quả là đủ vô liêm sỉ đến mức, y có thể điềm nhiên khen ngợi *thái độ điềm tĩnh tuyệt vời của tôi* trước mặt các vị Giám mục kia. Mà chính là Spadolini, chứ không phải ai khác, là người chắc chắn phải nhìn thấu ruột thấu gan tôi, nhưng lại là người không ngớt xuýt xoa - theo một lối, mà dù ít dù nhiều, tôi chỉ lấy làm lánh tởm - với các vị Giám mục kia rằng, trong bối cảnh cả bố mẹ lẫn anh trai đều bị đem đi chôn cùng một lúc thế này, thì thái độ cư xử của tôi mới đáng ngưỡng mộ làm sao. Rõ khi, tôi chỉ xử sự, chỉ giữ thái độ điềm tính đúng như vai diễn của tôi, chứ có làm gì hơn. Đến đây thì Caecilia mời quý vị Giám mục cùng sang bên nhà kính. Ở đây người ta đã đẩy nắp các quan tài và khênh chúng đặt lên xe. Các Giám mục đi theo ba cỗ quan tài, mỗi cỗ đặt trên một xe song mã, không xe nào được trang trí hoa hoét gì, nhằm tạo ra vẻ khô khan khắc khổ đúng như trong kịch bản đám ma đã định sẵn. Các xe tang từ từ lăn bánh, theo sau là các Giám mục, rồi đến tôi cùng hai đứa em gái và đằng sau chúng tôi là đám bà con họ hàng, tất nhiên, do anh Alexander dẫn đầu. Tiếp sau đám bà con họ hàng, đúng như tôi đã e ngại, là bọn cựu thủ lĩnh Quốc xã, Gauleiter, cùng tụi quan chức Quốc xã cao cấp hôm xưa - bọn người mà tôi, phải thú thật, vẫn vừa kinh tởm, vừa kinh sợ từ xưa đến giờ ấy. Bọn chúng kéo đến cả đây, với đầy đủ các loại huân chương Quốc xã gắn ngông nghênh trên ngực, xếp thành hàng kế tiếp đám này là nhóm các hội viên của cái gọi là Hội chiến hữu *Kameradschaftsbund*, một hiệp hội bao gồm rất các cựu chiến binh nặng

đầu óc Quốc xã. Tiếp theo đó là các nhóm người khác nhau nữa. Người đông phải đến mấy trăm, đứng nối đuôi nhau gần hết cả đoạn đường, cho nên cái gọi là đoàn đưa ma, thật khó mà nhúc nhích lên được, cần phải nói ngay, Caecilia em gái tôi phải khéo sắp xếp lắm - bằng cách cho đèn đám đông trong vườn, một phần ra sau nhà quản sự, phần khác ra trước ngôi biệt thự trẻ thơ - thì mới mở lối cho các xe tang tiến lên được. Đương nhiên, lúc đầu các xe tang chỉ lăn từ từ xuống làng được thôi, không thành hẳn đoàn đưa ma có xe tang dẫn đầu, mà điếu qua người xem đứng hai bên đường. Chẳng còn cách nào khác hơn, dân chúng đành dạt sang hai bên con đường rải đá dăm cho mấy chiếc xe tang chở các cỗ quan tài chậm rãi lăn qua. Đến lúc này, có lẽ Caecilia mới thở phào, vì nó sắp xếp thế mà được, mọi sự có vẻ ổn, bởi đám rước đưa ma rốt cuộc cũng thành hình và nhích dần lên phía trước. Nhưng, đi cạnh tôi, ả vẫn chưa hết bần chần, tôi còn cảm giác toàn thân ả đang run lên, bởi bây giờ ả cũng bị cuốn vào đoàn đưa ma, chứ không còn cần cương, cần trích cai quản nó được nữa. Song le, ả chẳng cần phải lo lắng gì, mọi sự đều chạy êm ru, dù đám đông có lên tới hàng trăm thế này. Thậm chí còn đông hơn, tôi nghĩ bụng, nếu số người dự một đám ma rất bình thường nào đấy ở quê bao giờ cũng phải ngót nghét trăm mạng, thì số đến dự đám tang nhà tôi hôm nay phải lên cả ngàn chứ không ít. Như đã định trước, Đức cha Tổng Giám mục Salzburg sẽ làm thánh lễ cầu nguyện. Trong lúc tai nghe ông ta đọc kinh cầu nguyện, tôi nghĩ - mắt vẫn nhìn không rời các cỗ quan tài hiện đã kê cả trước bàn thờ - tôi rút khỏi Giáo hội đã hơn hai chục năm rồi, thì bây giờ, tôi có thể tự cho phép mình thản nhiên quan sát xem tang lễ sẽ được cử hành trong nhà thờ này ra sao. Gia đình tôi đã không bao giờ tha thứ cho tôi về cái tội thoát ly khỏi Giáo hội; có lẽ, tôi nghĩ bụng, đó cũng là lý do chính khiến cả nhà nguyện rửa tội. Nhưng tôi đã thoát ly khỏi Nhà thờ đúng vào thời điểm, mà về mặt tinh thần, cũng hết như lúc này đây, chẳng còn gì gắn bó tôi với Nhà thờ nữa cả. Và chẳng, tôi cũng không bao giờ còn muốn gắn bó với nó nữa. Các vị Giám mục đây, tất nhiên, đều biết tôi đã rút khỏi Giáo hội hơn hai chục năm nay rồi. Việc tôi thoát ly khỏi Nhà thờ Thiên chúa giáo từ rất sớm và việc tôi không còn gắn bó gì với nó nữa khiến tôi cảm thấy dễ chịu suốt buổi lễ cầu nguyện. Suốt buổi, tôi cứ nghĩ, ta chứng kiến màn kịch huy hoàng choáng lộn này, nhưng nó lại chẳng liên can gì đến ta, ta hít thấy



mùi hương thơm nghi ngút nơi đây, nhưng nó không còn mê hoặc ta được nữa. Ta nghe những lời cầu nguyện, nhưng chúng không còn hủy hoại ta được nữa. Suốt hàng chục năm, suốt thời thơ ấu của cũng như quãng đầu thời niên thiếu, tôi tự nhủ, ta khiếp sợ tất cả những ai thuộc giới chức sắc Thiên chúa giáo, giờ thì ta không còn khiếp sợ họ nữa. Bởi không việc gì ta phải khiếp sợ họ nữa cả. Màn kịch thật tuyệt vời, tôi nghĩ bụng; tuy vẻ hoành tráng của màn kịch dù sao cũng có làm ta khó chịu, nó vẫn chẳng đe dọa gì ta. Đằng nào thì ta cũng vĩnh biệt cả bố mẹ lẫn ông anh ta rồi, ít nhiều ngắn gọn và dứt khoát, ngay từ khi ta nhận được bức điện tín rồi cơ mà, tôi tự nhủ. Lang lẽ này chỉ còn là một tấn bi kịch mang tên *buổi tiễn đưa cuối cùng* họ buộc ta phải đóng, chứ nói cho đúng, ta căm ghét nó, bởi nó là một vở bi kịch giả dối. Song, tôi nghĩ bụng, bi kịch nào chả giả dối. Có đi đâu, loại bi kịch đang diễn ra đây là thể loại giả dối nhất. Một đám tang kiêu như thế này chính là một bi kịch tuyệt vời nhất vậy; chưa một kịch tác gia nào, đến như Shakespeare cũng chưa, tôi nghĩ bụng, viết nổi một bi kịch tuyệt đến mức này. Lắng nghe và ngắm nhìn vị Tổng Giám mục Salzburg đọc kinh cầu nguyện cũng như đám đông người ngợm tụ tập trước mặt lão, tôi nghĩ bụng, toàn bộ các vở bi kịch của nền văn chương thế giới đều trở nên lố bịch so với cảnh tượng này. Thật may là tôi đã sớm thoát ly khỏi Giáo hội Thiên chúa giáo. Tôi ngồi ngay hàng ghế đầu, bên trái tôi là Caecilia, bên phải tôi - Amalia, và đứng như quy định, ngồi cạnh Amalia là anh Alexander, Spadolini ngồi ở chỗ mọi khi các linh mục vẫn ngồi - cùng với Tu viện trưởng tu viện Kremsmunster, và các Giám mục Linz cũng như Sankt Polten - nghĩa là chỗ sang trọng, ngay cạnh bàn thờ và tách hẳn khỏi khối bình dân. Spadolini mới là diễn viên chính của toàn bộ vở kịch, tôi nghĩ bụng, chứ không phải vị Tổng Giám mục Salzburg đang làm lễ kia. Đến cuối buổi lễ, vị này chuyển sang nói đôi lời về những người đã khuất. Lão nhắc đến bố tôi, *người bạn đã qua đời một cách thương tâm*, đến *người mẹ giàu tình thương* và *anh con trai cũng giàu tình thương như thế*. Cảnh Giám mục có một kiểu nói kỳ khôi của riêng họ, tôi nghĩ bụng, họ nói gì cũng như hát thánh ca. Gọi là đi học ở các chủng viện, nhưng thật ra họ đi học các lớp đào tạo diễn viên của Nhà thờ Thiên chúa giáo, tôi nghĩ bụng. Ngay cả các linh hồn khá chân thật trong số Giám mục, như các vị Giám mục Salzburg hay Linz, cũng đều nói như hát cả, như thể

họ là các diễn viên có qua trường lớp, học hành đến nơi đến chốn. Thế nhưng, dù sao họ cũng mới chỉ là các diễn viên có tiếng tăm và được mến chuộng ở tỉnh lẻ thôi, chứ không như Spadolini. Mỗi lời nói của y, mỗi cử chỉ, mỗi động tác của y đều bộc lộ thiên tài diễn xuất phi thường, trên tài tất cả các diễn viên tỉnh lẻ kia; hay nói cách khác, y là hiện thân tối thượng của nghệ thuật sân khấu Thiên chúa giáo trên đời. Lúc này, y như đang đóng vai một người chìm sâu trong im lặng, tôi nghĩ bụng; y ng ồi gục đầu trên chiếc ghế băng dành riêng cho y và biết cách huy động năng khiếu diễn viên của mình vào vai y đang diễn, tôi nghĩ bụng, cũng như y thật có tài khi thủ vai Tổng Giám mục. Trong ngôi nhà thờ của làng chúng tôi, việc y từ Rome đến đây còn tạo thêm cho y một vòng hào quang, vầng, vòng hào quang chói lọi. Mọi người có mặt trong nhà thờ, ai nấy đều kinh ngạc và ngưỡng mộ y, vị Tổng Giám mục từ Rome về, chứ không phải họ ngưỡng mộ lão Giám mục Salzburg chủ trì tang lễ. Đứng cạnh Spadolini, vị Giám mục này, muốn hay không muốn, trông càng ngây ngô hơn, vầng, thậm chí thô lậu hơn về ngây ngô thô lậu ông ta vốn vẫn có. Sau lễ cầu nguyện, ban nhạc làng chơi đúng bản nhạc Haydn chiều hôm qua họ tập; họ chơi thong thả, và theo tôi, hình như cũng không sai nốt nào. Nhìn bộ dạng Spadolini, tôi nghĩ, suốt buổi lễ có lẽ y chọn vai trầm ngâm, đến ngược mắt nhìn lên một lần, y cũng không. Hai tay chấp trước ngực, trông y như đang chìm đắm trong nỗi đau buồn, và khi nghe nhắc đến mẹ tôi, thì nỗi đau buồn của y có vẻ cũng không phải nỗi đau buồn kịch liệt, mà đau buồn thật sự. Song, cảm giác đó chỉ thoáng qua thôi, chứ quả thật, y diễn vai của y không chệ vào đâu được. Nhìn y trong tư thế này, thật tình mà nói, tôi phục y sát đất, tôi khâm phục diễn viên Spadolini tài ba; có lẽ, tôi không còn biết diễn viên nào giỏi hơn, không biết diễn viên nào cố khả năng, như người, ta vẫn nói, chinh phục khán giả giỏi như y. Tôi bỗng nhớ đến nhiều chuyến du ngoạn y từng đi với mẹ tôi, cả những chuyến có tôi đi cùng với hai vị. Spadolini, con người biết biến tất cả các chuyến đi đó thành những chuyến tiêu khiển, hay nói đúng hơn, phù phép biến chúng thành những chuyến du ngoạn thần tiên theo cách của riêng y! Giờ đây, tôi nhìn thấy y rõ m ặt một trước mắt mình - người đàn ông quý phái, hào hoa, đầy quyến rũ, người đàn ông làm mẹ tôi chết mê chết mệt ấy! Trong lúc tôi nhìn y - chứ không phải Tổng Giám mục Salzburg - tôi cũng thấy hiện lên trước mắt tôi hình

anh y đi giữa thành Rome, đến các cửa hiệu tinh tế tuyệt vời nhất, vào các quán ăn đắt tiền nhất, hình ảnh y ra vào những nơi đó ra sao, hình ảnh y trên đồi Pincio hay trong khu vườn Borghese, hình ảnh y rạng rỡ tại các buổi tiếp tân ở sứ quán nước này, sứ quán nước khác hoặc, nói như thiên hạ, nổi trội tại các buổi khai trương triển lãm này, triển lãm nọ, những nơi mà người người chen chúc, thi nhau sán đến bên vị Đức cha Nhà thờ Thiên chúa giáo hào hoa, con người tự xưng làm Tổng Giám mục và Sứ thần Tòa thánh, con người giao du rộng với hàng trăm bạn hữu trên toàn cầu ấy. Spadolini, tôi nghĩ bụng, con người được mẹ tôi bao hết, không những chỉ các chuyến du ngoạn đó, mà cả hai chuyến sang Mỹ, một lần sang Cao theo ước nguyện của y, một lần đi thăm Persepolis và một chuyến sang Tunisia, bởi y tha thiết, âu cũng một lần trong đời được ngắm Carthago. Phần lớn quần áo trong tủ của y đều do mẹ tôi sắm, đã thế, bà còn chi tiền, cho xây lắp và mua tặng hẳn y cả một thư viện đảng hoàng. Spadolini, con người duy nhất trên đời có thể cầm một quyển sách, hay một ly rượu vang trên tay, một cách trang nhã đến thế; Spadolini, con người được cả các phu nhân thuộc giới gọi là giới quý tộc lẫn đám quan chức cộng sản thuộc Tòa thị chính thành Rome xúm xít vây quanh mỗi khi có dịp, con người đôi tuần một lần lại được viên Thị trưởng cộng sản của thành phố thân mật mở tiệc khoản đãi ấy! Spadolini - con người thư từ qua lại với đủ hạng người trên thế giới và tinh thông từ trong ra ngoài cả Vatican lẫn thành Rome - thành phố đã tôn sùng y, đã đưa y lên thành Đức cha Spadolini đáng kính và được người người ngưỡng mộ đến vậy. Tôi đưa mắt nhìn sang quan sát y, như người ta thường vẫn quan sát khi đứng gần các, diễn viên xuất chúng, muốn xem xét và học nhập tâm từng động tác của họ. Diễn xuất của y, tôi nghĩ bụng, rõ ràng đạt trình độ tuyệt đỉnh cao siêu của nghệ thuật kịch. Y không hề tỏ ra yếu đuối, y không cho phép mình phạm bất kỳ sai sót nào, dù chỉ rất nhỏ: Cũng như trên sân khấu, các vai khó nhất bao giờ cũng là các vai không nói năng gì, chứ không phải các vai nói nhiều, các vai ba hoa chích chòe, cho nên, trong màn kịch ở đây, tôi nghĩ bụng, Spadolini đã chọn đóng vai khó nhất đó, với bộ trang phục do chính tay y chọn, cũng là bộ hợp nhất, tuyệt vời nhất cho màn kịch này. Tôi nghĩ bụng, nhìn Spadolini, người ta không nhất thiết phải yêu mến y ngay, nhưng không thể không đem lòng kính nể y ngay lập tức. Đúng vậy, ai trông thấy

Spadolini đầu lập tức bị rơi vào vòng quyến rũ của y. Gambetti có lần bảo tôi, theo anh ta, Spadolini là một diễn viên khác thường nhất trong tất cả các diễn viên, và cũng là diễn viên có sức quyến rũ, mê hoặc mạnh nhất trong số diễn viên anh ta biết trên thế giới này. Và, thật đáng tiếc, rằng y chỉ diễn trong Nhà thờ Thiên chúa giáo, chứ không thủ vai nào ở các nhà hát hàng đầu nước ta. Nếu Spadolini diễn cho các nhà hát ngoài đời, thì chẳng đạo diễn nào phải chỉ bảo thêm cho y nữa, Gambetti nói, y tinh thông thành thạo hết r ồi, y nắm hết mọi chi tiết, thủ thuật r ồi. Chính y đã là tất cả r ồi! Tôi nhớ lại những lời nói đó của Gambetti, lúc mắt tôi vẫn không ngừng liếc chéo sang quan sát Spadolini, vâng, tôi phải nói, tôi thản nhiên quan sát mỗi mình y, chẳng chút để tâm đến mọi sự xung quanh. Đúng như kịch bản lễ cầu nguyện, tôi đứng lên theo mọi người, ng ồi xuống cũng theo mọi người, nhưng thật ra, lúc nào tôi cũng chỉ quan sát và ngưỡng mộ nghệ thuật diễn xuất của độc mỗi Spadolini thôi. Cứ như thế, cũng như mọi khi, tôi lại bị mê hoặc bởi tài nghệ của y. Tôi có cảm giác, như thể một diễn viên vĩ đại nhất của thời đại vừa đặt chân đến đây - cái xó xỉnh hẻo lánh, chẳng ma nào biết nằm đâu và cũng không hề giữ vai trò hay mang ý nghĩa gì trên thế gian này - để đóng vai Hamlet nặng màu Thiên chúa giáo. Sau khi buổi cầu nguyện kết thúc, các cỗ quan tài được khênh ra khỏi nhà thờ. Trước hết là áo quan bố tôi, sau đó đến áo quan mẹ, và sau rốt - áo quan Johannes. Thật tình, đầu gối tôi bỗng run run muốn quy lúc mấy tay thợ làm vườn khênh cỗ áo quan đựng thi thể Johannes từ trong nhà thờ đi ngang qua trước mặt tôi ra ngoài. Họ khênh rất khéo, như thể họ rất quen, ngày nào cũng khênh áo quan không bằng. Cánh thợ săn khênh áo quan bố mẹ tôi từ trong nhà thờ ra ngoài, còn áo quan Johannes - đúng theo lời tôi đã khẳng khái đòi - lại do thợ làm vườn khênh. Caecilia không khóc, còn Amalia, thì tôi không nhìn thẳng được vào mắt ả. Gã chủ xưởng nút chai rượu vang, em rể tôi, cắn răng, miễn cưỡng làm bộ mặt đưa đám một cách vụng về cho qua chuyện. Gã quả là *nhân vật lạc lõng* trong toàn bộ màn kịch này, và bây giờ, sự lạc lõng ấy lại càng lộ hẳn ra hơn bao giờ hết. Ai nấy đều giương mắt, phần nhìn về phía tôi, phần hướng về phía Spadolini. Đương nhiên, Caecilia bắt ch ồng ả, gã em rể tôi, chứ không bắt tôi, phải đỡ tay cho ả bước cạnh tôi ra khỏi nhà thờ. Amalia đi cạnh tôi. Nhìn ả, tôi nghĩ bụng, từ mấy ngày nay, nó đã quen với dáng đi lúc nào cũng gục đầu

xuống đất rồi. Các gương mặt mang vẻ giễu cợt của chúng nó mới đầu chuyển sang vẻ cay đắng, bây giờ thì mang vẻ đau buồn. Trong hai đứa, tất nhiên Caecilia có vẻ tự chủ hơn; Amalia trông vẫn trẻ hơn tuổi rất nhiều, tôi nghĩ bụng, thế nhưng trông ả chẳng bao giờ thấy hấp dẫn cả. Chính thế, cho nên đến tận giờ ả vẫn một thân một mình, tôi tự nhủ, đến tận giờ vẫn chẳng thằng đàn ông nào để ý đến ả, ngay đến như một thằng mặt hạng như thằng chủ xưởng nút chai rượu vang cũng không. Trong giây phút, tôi đã thoáng một chút thương hại Amalia, thế nhưng rồi tôi lại phải ngao ngán nghĩ đến cung cách vụng về hậu đậu của ả ở mọi nơi mọi chốn. ả sẽ chẳng bao giờ hạnh phúc, tôi nghĩ bụng, đến mãi nguyện cũng không. Nhưng Caecilia cũng vậy thôi, ngay bây giờ ả đang vịn tay kẻ tượng trưng cho nỗi bất hạnh của chính ả đây thôi, tôi nghĩ bụng, rồi nhìn sang gã chủ xưởng nút chai rượu vang bên cạnh tôi, nhìn sang gương mặt một kẻ thuộc hạng trung bình dưới, tôi nghĩ - ý nghĩ tôi không sao gạt khỏi đầu mình được - vâng, ý nghĩ về một kẻ đã tìm được cách luồn lách vào Wolfsegg. Ban nhạc làng lại chơi bản nhạc Haydn, chơi còn khá hơn hồi nãy, tôi nghĩ bụng. Đoàn người đưa ma nhúc nhích tiến về phía nghĩa địa, còn chậm hơn khi tiến về phía nhà thờ lúc nãy. Tôi bao giờ cũng ghét cay ghét đắng các đoàn đưa ma, nhất là những đoàn có kèm nhạc. Tôi nghĩ bụng, không khéo tất cả các bất hạnh ở đời này đều từ các đám rước đưa ma này mà ra cũng nên. Cái ý nghĩ luân quần trong đầu, rằng sau lưng tôi vài bước là hai tên cựu Gauleiter xưa kia của vùng *Danube Thượng* và *Danube Hạ* - bọn người từng làm vấy bẩn ngôi biệt thự trẻ thơ và, nói cho cùng, đã hủy hoại nó mãi mãi - làm tôi kinh tởm. Theo sau bọn cựu Gauleiter là lũ hội viên Kameradschaftbund, một số trong bọn phải chống nạng - tụi cựu chiến binh và cựu công nhân Quốc xã mang huân chương huyết thống từng xông pha trận mạc xả thân cho các lý tưởng quốc gia xã hội chủ nghĩa đáng kinh tởm của chúng. Và, ngay sau đám này, như Caecilia kịp rí tai tôi ngay trước khi đoàn đưa ma cất bước, là anh bạn thời sinh viên, anh *bạn tri kỷ* Eisenberg của tôi - vị giáo sĩ Do thái thành Wien ấy; chốc nữa, tôi nghĩ bụng, sau đám ma, mình phải gặp anh mới được. Đoàn đưa ma kiểu này thật quái gở. Đoàn đưa ma như thế này thật là lố bịch. Một đoàn đám ma như thế này không những là một cực hình, mà còn là một trò hề nhạt nhẽo và vô duyên kinh khủng, tôi nghĩ bụng. Tôi thừa biết, không ai đi trong

đoàn đưa ma này nghĩ như tôi, chẳng ai dám nghĩ như tôi, chẳng ai ngờ tôi có thể nghĩ như thế, mà ngược lại, giá họ biết tôi hay nghe tôi nghĩ gì, thì chắc chắn ai cũng sẽ bảo, *chính tôi* mới là kẻ vô duyên, nhạt nhẽo nhất ở đây. Vâng, tôi nghĩ bụng, rất có thể tôi là kẻ vô duyên, nhạt nhẽo nhất thật. Song, tôi chẳng hề thấy hồ thẹn chút nào, đến tận cửa nhà m ò còn để ngỏ cũng chưa thấy hồ thẹn gì. Có lần tôi đã bảo Gambetti, khi ta đứng bên một nhà m ò còn để ngỏ nào đó, trong lòng ta chỉ còn sự phản phúc mà thôi. Sự quái dị của toàn bộ cảnh tượng này càng trở nên rõ rệt trong tâm khảm tôi, lúc lão Tổng Giám mục Salzburg bước tới bên nhà m ò còn để ngỏ đang nói đôi lời điếu. Vừa mở m òm, lão đã ca tụng bố tôi, chứ không phải ai khác cả, là *chiến binh dũng cảm giàu danh dự*. Lão chỉ nhắc đến bố tôi, không một lời đến mẹ tôi, đến Johannes cũng không, song không phải do cố tình, mà do quên, do kiêu ngạo, do thói ích kỷ và ngạo mạn của đàn ông mà thôi. Mười hai tên cả thầy, đã cất lời điếu bên nhà m ò, mười hai gã đàn ông nhất nhất đều tự xưng là bạn thân của bố tôi, mặc dù chúng, tất nhiên, chưa bao giờ là bạn ông cả. Nhưng, cả Tổng Giám mục Salzburg lẫn hai Giám mục Sankt Polten và Linz, cả hai tên cựu Gauleiter lẫn hai cựu sĩ quan SS hàm trung tá, cả lão gọi là hội trưởng Hội chiến hữu Kameradschaftsbund, lẫn Chủ tịch Hội thợ săn đầu quả quyết như thế. Suốt một tiếng đồng hồ li ãn, bố tôi bị đứng bọn người - mà thường ngày, lẽ ra chúng sẽ chẳng bao giờ dám huênh hoang như thế - lôi ra làm người bạn thân thiết nhất của chúng. Thế nhưng, cũng theo tục lệ của các đám ma, không ai bác lại chúng. Các cỗ áo quan đã được đưa vào nhà m ò từ lâu. Cuối cùng, cũng đến lượt Spadolini bước lên trước và tôi đã tưởng y cũng sẽ nói đôi lời gì đó, nhưng làm như thế, hẳn sẽ phản ngược với bản tính của y. Y bước lên trước, rồi lùi lại ngay, như thể muốn quay lại giữ vai trò kín đáo tuyệt đối của mình vậy, song đó lại là một hành động cực kỳ giả dối, bởi chính y, y cũng thừa biết y đang là trung tâm chú ý của mọi người suốt buổi đưa ma này. Không hề tỏ ra mình tự hạ thấp mình, y đứng lẫn vào đám đông đang chen chân nhau bước tới bên cửa nhà m ò. Chà, tôi nghĩ bụng, suýt nữa mình lại đánh giá nhầm về y. Lúc đầu tôi cho lời điếu của lão gọi là Hội trưởng Hội chiến hữu Kameradschaftsbund có vẻ đều cáng, vâng, thậm chí còn bỉ ổi, khi lão ngang nhiên bảo bố tôi *suốt đời cống hiến cho các mục tiêu của Hội chiến hữu*. Vâng, mấy phút đầu tôi đã

nghe lời điều của lão Hội trưởng này thật đều cẳng và bỉ ổi, nhưng sau đó chẳng bao lâu, tôi phải thừa nhận, lão Hội trưởng *ít nhiều cũng đã nói lên sự thật*. Cả Chủ tịch Hội thợ săn cũng nói sự thật, tôi tự nhủ, cả hai tên Gauleiter cũng không bịa đặt. Phải, bố tôi - *vốn là một cựu đảng viên Quốc xã* - cũng chính là người chung hàng ngũ với chúng, ông vốn cùng hội cùng thuyền với tất cả những kẻ đã nói lời điều ở đây. Suốt buổi, tôi cứ tự hỏi đi hỏi lại trong bụng, không lẽ bọn này không thấy ngưng ngưng chút nào sao, khi tên nào tên nấy đều quên bẵng, không nhắc đến mẹ tôi lấy một lời. Đứng bên cửa nhà mồi, tôi còn cần nhẩn với Caecilia, chẳng ma nào chịu để ý, nói đôi lời về mẹ. Cả lũ nói lời điều đầu là bọn đàn ông, tôi nghĩ bụng, bọn đàn ông ấy không thêm để ý đến mẹ tôi. Còn Johannes vốn đã là một nhân vật mờ nhạt, không đáng kể, do cái chết đến sớm, anh tôi càng tự biến mình thành nhân vật nhạt nhẽo và vô giá trị. Ngoài chuyện người ta cho khênh quan tài anh rôi nhét vào nhà mồi thì chẳng còn gì đáng nói nữa cả. Bố tôi vốn là nhân vật có máu mặt, còn có thể lợi dụng được, và cả bọn đến bên nhà mồi cất lời ai điều quả nhiên đã lợi dụng tên tuổi ông thật. Chỉ có một mình bố tôi mới đáng để bọn họ lợi dụng lần nữa thôi, tôi nghĩ bụng, chứ mẹ và anh trai tôi thì không. Lão Tổng Giám mục Salzburg và các Giám mục khác thay nhau ngó nhìn lần nữa vào nhà mồi rồi rút đi. Rồi theo tục lệ xưa nay, đến lượt người nọ nối người kia lần lượt đi qua trước mặt anh em chúng tôi. Từ một trăm hai mươi hai thợ đốn gỗ, giờ chỉ còn hai chục, từ hai tá thợ làm vườn giờ chỉ còn sót có bảy mống, đứng bên cửa nhà mồi để ngó, tôi nghĩ bụng. Thiệt hại khủng khiếp về các khu rừng phía bắc, kéo xuống tận Gallsbach, tôi nghĩ, chỉ riêng cái gọi là *chiến dịch hợp nhất đất đai* đã làm mất ba mươi hai hecta đất hạng nhất, khiến bố tôi phát điên hàng tuần lễ liền. Tôi lại nhớ đến vụ lậu thuế kêch xù do tay tư vấn thuế ở Weis gây ra. Cái cách thẳng cha này cất tiếng phát âm từ *Wolfsegg* mới làm tôi khó chịu làm sao; ngay cả cách nói của những người khác ở Weis, ở Linz, ở Vocklabruck hay Ebensee cũng đều làm tôi khó chịu không kém. Đứng bên nhà mồi còn để ngó, tôi nghĩ, vâng, tôi đã ghét cay ghét đắng cái từ *Wolfsegg* ấy, ghét bỏ, ghê tởm cả những gì liên quan, dính dáng đến cái từ đó. Do đó, ngay từ lúc còn nhỏ, tôi đã ghét *Wolfsegg* và những gì dính dáng đến *Wolfsegg*. Wigg, tôi nghĩ bụng, thật sự là như thế. Từ trên *Wolfsegg* đi xuống dưới làng và đồng quê, lòng dạ kẻ này già

nhân giả nghĩa thế nào thì tâm địa kẻ khác, từ dưới làng, dưới cánh đồng quê đi lên Wolfsegg cũng giả dối, lừa lọc y như thế. Ngay từ rất sớm, tôi đã *thu mình né* tránh tất cả bọn họ, vẫn đứng bên nhà mồ để ngó, tôi nghĩ bụng. Toàn bộ Wolfsegg chỉ là một vụ lừa đảo lớn, tôi nghĩ bụng, một mưu đồ tội lỗi kéo dài suốt cả thế kỷ nay. Mới đầu tôi kinh sợ, nhưng về sau tôi căm ghét Nhà thờ, tôi nghĩ bụng, tất tạt những gì từ Nhà thờ tung ra, mới đầu tôi đều kinh sợ, sau đó chuyển thành căm ghét, niền căm nỗi ghét ngày một thêm sâu sắc. Nói cho cùng, đứng bên nhà mồ còn mở tôi nghĩ bụng, Nhà thờ vẫn khống chế tất tạt mọi thứ trên đất nước này, tất tạt mọi thứ trong Nhà nước này. Giáo hội Thiên chúa giáo vẫn nắm trong tay mọi thứ của đất nước và Nhà nước này, bất kể là ai đang cầm quyền cũng vậy thôi. Đâu đâu cũng rặt một lũ Giám mục Thiên chúa giáo giả nhân giả nghĩa, chuyên bịp bợm, lừa đảo, tôi tự nhủ. Ta không muốn dính dáng gì đến mọi thứ đó, ta tự nhủ, mọi thứ đó đều làm ta tởm lợm. Trên đất nước này, trong Nhà nước này, tôi nghĩ, vẫn không có gì thoát khỏi ảnh hưởng của giới tăng lữ. Phải thoát, phải thoát khỏi tất cả những thứ đó, tôi tự nhủ, tôi chẳng có suy nghĩ nào khác nữa cả. Thôi đành cứ để đám ma này trôi qua, tôi nghĩ bụng, rồi mình sẽ trốn biệt, trốn mãi mãi. Tôi thấy rõ rành rành rằng ai cũng ghét tôi, chẳng ai thèm che giấu nỗi thù ghét ấy. Các mối quan tâm triết học một đường, sự lãnh đạm về triết học một đường khác. Một thứ sùng bái nghệ thuật gây buồn nôn, tôi nghĩ bụng. Dân ở Rome cũng chẳng khác gì, còn giả nhân giả nghĩa gấp bội phần, nhưng giả nhân giả nghĩa ở mức độ tri thức mới cao làm sao! Vài trăm người chưa đủ, phải vài triệu, tôi nghĩ, vài triệu người giả dối chứ không chỉ vài trăm, vài triệu kẻ đáng tởm chứ chẳng phải vài trăm, tằm một lượt trong cái gọi là bần tằm trí tuệ ở một đô thành như Rome rồi lặn tằm đi trong bần tằm đó, tôi tự nhủ. Tôi nghe tiếng chân những kẻ tôi căm ghét, tiếng nói lũ người tôi ghê tởm, tôi thẫn nghĩ khi đứng bên nhà mồ còn để ngó, bọn đáng tởm nhất trong số những kẻ tôi căm ghét. vâng, đám ma này sẽ là điểm chốt cuối cùng. Bọn chúng chẳng những đã làm vấy bẩn ngôi biệt thự trẻ thơ của tôi, chúng còn làm vấy bẩn mọi thứ của tôi. Thoạt đầu, tôi kinh hãi cuộc sống, tôi nghĩ khi đứng bên nhà mồ, nhưng về sau, tôi căm thù nó. Và, khi ta tưởng Rome sẽ là lối thoát, thì tất nhiên, ta cũng nhàn nốt. Ta bầu vúi lấy một con người như Gambetti, một người có lẽ tôi cũng hủy hoại



mất r ồi ấy, hay bám lấy một người như Maria, nhưng r ồi đến cả họ cũng chẳng cứu được ta, tôi đứng bên nhà m ò còn ngỏ và nghĩ bụng. Bây giờ đứng đây, bên nhà mộ, tôi nhớ tôi đã bảo với Gambetti lúc đứng trước khách sạn Hassler, này Gambetti, anh biết không, nếu ta thật sự thành thật với chính mình, thì ta phải thừa nhận rằng tiến trình ngu muội hóa nhân loại đã tiến xa đến mức không còn đường tháo lui nữa r ồi. Cùng với sự phát minh ra nhiếp ảnh, tức là cùng với sự khai trương quá trình ngu muội hóa đó cách đây hơn một trăm năm, trí tuệ của nhân loại chỉ còn xuống dốc đầu đầu mà thôi. Nhiếp ảnh, với các bức ảnh do nó tạo ra, tôi bảo Gambetti, đã khai mào tiến trình ngu muội hóa trên toàn c ầu, và hiện nay nó đã đạt tới một tốc độ thật sự gây chết người cho nhân loại khi các tấm ảnh đó cũng bắt đầu chuyển động. Từ hàng chục năm nay đến giờ, nhân loại đờ đẫn, ngu muội, không còn ngắm nghía thứ gì khác ngoài mấy tấm ảnh chết người đó và dường như bị chúng làm tê liệt cả một lượt. Ở buổi giao thừa của thiên niên kỷ này, Gambetti ạ, con người sẽ không thể tự duy được nữa, và quá trình ngu muội hóa - do nhiếp ảnh khơi mào, và thông qua các tấm ảnh biết chuyển động, biến thành thói quen của nhân loại toàn c ầu ấy - sẽ lên đến tột đỉnh cao trào. Thật khó lòng có thể t ần tại nổi trong một thế giới bị sự ngu muội thống trị như thế, Gambetti ạ, bây giờ đứng bên nhà m ò còn ngỏ, tôi nhớ, tôi đã nói với anh ta như thế. Và, trước khi quá trình ngu muội đó kịp bao trùm lên toàn thế giới, thì ta nên tự vẫn là tốt hơn cả. Cứ xét như thế, thì cũng hết sức là hợp lý thôi, nếu vào lúc chuyển sang thiên niên kỷ mới, những ai do có tư duy hay nhờ có tư duy mà t ần tại và sống sót ở đời này, đầu đã tự vẫn cả r ồi, Gambetti ạ. Bởi thế, lời khuyên của tôi dành cho những ai biết tư duy chỉ có thể là, *các vị hãy tự vẫn trước khi chuyển sang thiên niên kỷ mới*. Đứng bên nhà m ò, tôi nhớ tôi đã bảo Gambetti, đó quả là niềm tin chắc chắn của tôi. Suốt buổi, trời chỉ chực mưa, nhưng r ồi vẫn không mưa được. Tôi định bụng, không bắt tay một ai trong số diễu qua trước mặt tôi lúc này. Và quả như thế thật. Đôi người định chìa tay ra cho tôi, nhưng tôi không bắt. Phải! Tôi cố tình thất thố ra mặt như thế đấy. Mới mấy ngày trước cái đám ma tro trên g ần như không chịu nổi này, tôi đã bảo Gambetti, chỉ riêng nghĩ đến đất nước Áo đấy thôi, đất nước tạt nguy ền, đất nước đ ối trụy, và xét cho cùng, đất nước chỉ còn thoi thóp sống đây thôi, chứ chưa c ần phải nghĩ đến cái Nhà

nước hoàn toàn đ ể bại, mà sự đ ều c ảng và hèn hạ của nó thuộc loại có một không hai, chẳng những riêng ở châu Âu, mà trên khắp thế giới này, thì tôi đ ể buồn nôn lắm rồi Gambetti ạ; phải, đ úng vậy, đ ể là một Nhà nước do các chính phủ đ ều c ảng, đ ể bại và ngu xuẩn thay nhau nắm quyền từ nhiều năm nay, một Nhà nước đ ược tạo thành từ đám dân chúng đ ể bị chính các chính phủ đ ều c ảng, đ ể bại và ngu xuẩn đ ể biến thành t ật nguy ền, dị dạng, không ra hình thù gì nữa. Tôi nhớ, tôi đ ể bảo Gambetti như vậy. Tôi trước hết là của *chủ nghĩa quốc gia xã hội chủ nghĩa* đ ều c ảng và hèn hạ, rồi tiếp theo là của *chủ nghĩa xã hội giả hiệu kiểu Áo*, đ ể tiện, hèn hạ và đ ể tội lỗi - đ ể đứng bên nhà m ồ, tôi nhớ, tôi đ ể nói như thế với Gambetti trên đ ể Pindo. Sự tàn phá và hủy hoại của đ ể đất nước chúng tôi do bàn tay *Quốc xã* và *ngụy xã hội chủ nghĩa* ấy lại còn diễn ra cùng với sự góp tay góp chân của Giáo hội Thiên chúa giáo Áo, thứ tôn giáo xưa nay chỉ gây tai mang họa đ ển cho nước Áo mà thôi. Đ ể đứng bên nhà m ồ còn đ ể ngỡ, tôi nhớ, tôi đ ể bảo Gambetti, ngày nay nước Áo là một đ ể đất nước bị cai trị bởi một lũ doanh nhân tàn nhẫn, chỉ biết chạy theo lời nhuận, lũ doanh nhân nằm tại t ất cả các đ ể đảng phái chính trị vô lương tâm. Trong khi đ ể, dân tộc Áo lại là dân tộc bị lừa lọc, bị phản bội mọi đ ể đường, tôi bảo Gambetti, là dân tộc - suốt mấy thế kỷ gần đ ể đây - hết bị Thiên chúa giáo, lại đ ển chủ nghĩa Quốc xã, rồi ngụy xã hội chủ nghĩa trắng trợn đ ể đánh cắp mất trí khôn, tôi nhớ, tôi đ ể nói vậy với Gambetti. Ở nước Áo ngày nay, Gambetti ạ, sự đ ều c ảng là phương châm hành đ ểng, sự hèn hạ là đ ểng lực sống và sự đ ể trá là chìa khóa của thành công. Mỗi sáng trở đ ể, Gambetti ạ, chúng tôi lại phải hỗ th ện đ ển chết về nước Áo ngày nay, giờ đ ể đây đ ể đứng bên nhà m ồ tôi nhớ tôi đ ể nói vậy với anh ta. Đ ể bao nhiêu lần tôi tự nhủ, chúng tôi yêu quý đ ể đất nước này, nhưng chúng tôi căm thù Nhà nước ấy, Gambetti ạ. Dù sống ở Rome hay ở đ ể đâu đi nữa trên thế giới này, Gambetti ạ, tôi nhớ, tôi đ ể nói với anh ta, nước Áo chẳng đ ểnh đ ểng gì đ ển chúng tôi nữa. Đi đ ển đ ể đâu trên đ ể đất Áo ngày nay cũng thế, ta đ ể đầu bị sự giả đ ể trá bao vây; nhìn vào đ ể đâu trên đ ể đất Áo ngày nay cũng vậy, ta đ ể đầu nhìn thấy sự giả nhân giả nghĩa. Anh bắt chuyện với bất kỳ ai trên đ ể đất Áo ngày nay cũng vậy thôi, anh đ ể đầu bắt chuyện với một kẻ đ ể trá, Gambetti ạ, đ ể đứng bên nhà m ồ tôi nhớ tôi đ ể nói với Gambetti như thế. Nói cho cùng thì đ ể đất nước nực cười ấy, Nhà nước lỗ bịch ấy, thật ra, cũng chẳng đ ểng đ ể nhắc đ ển, tôi nhớ, tôi đ ể bảo anh ấy,

và để tâm suy nghĩ về nó chỉ tốn mất thời gian vô ích. Thế nhưng, tôi bảo Gambetti, những ai không mù, không điếc và vẫn còn trí khôn trên đất nước này, thì hãy liệu hồn! Làm dân Áo thời nay là bị tội tử hình, và tất cả dân Áo đều mang cái án tử hình đó, đứng bên nhà mồ, tôi nhớ lại, tôi đã bảo Gambetti như thế. Mọi thứ của Áo đều phi cá tính, tôi bảo anh ta. Đi xa trở về Áo, lần nào cũng như lần nào anh đều cảm thấy bị vấy bẩn, đứng bên nhà mồ, tôi nghĩ bụng. Bọn công thần Quốc xã đeo huân chương, tụi cựu sĩ quan SS chống nạng, chống gậy - các *anh hùng* thời Quốc xã ấy - nói như thiên hạ vẫn nói, chẳng thêm để mắt đến tôi. Ngoại trừ các Đức cha Tổng Giám mục và Giám mục cũng như bà con gần gũi nhất của gia đình, tất cả khách khứa dự đám ma đều được mời vào dùng bữa trong các quán *Brandl* và *Gesswagner*. Caecilia em gái tôi cất cử ban nhạc làng đến chơi cả ở quán *Brandl* lẫn quán *Gesswagner*. Còn các vị Tổng Giám mục, cùng các Giám mục và bà con họ hàng thì được mời lên trên nhà chúng tôi dùng bữa, như người ta vẫn nói. Đa số họ còn lưu lại đến chiều tối hôm sau. Ngay buổi tối, Spadolini đã lên đường về Rome ngay. Thoạt tiên, tôi thoáng nghĩ, hay là mình đi cùng với y, nhưng rồi tôi cũng gạt ý nghĩ đó đi ngay vì tôi cũng phải thừa nhận nó thật hết sức vớ vẩn. Ít hôm nữa rồi tôi sẽ xin yết kiến gặp Đức cha ở Rome, tôi hẹn với y như vậy. Y biến đi tuyệt nhiên không chút ồn ào. Tôi kéo Alexander về phòng tôi rồi khóa trái cửa lại, tôi không muốn chúng tôi bị ai quấy rầy. Anh Alexander đã lại say sưa với *một ý đồ lớn lao mới* của mình; chả là anh định viết đơn thỉnh cầu Tổng thống Chile, tên độc tài khét tiếng dã man nhất trong các tên độc tài, thả tất cả các tù chính trị ở Chile. Khi tôi bảo anh, đơn thỉnh cầu của anh sẽ chẳng đi đến đâu, anh vẫn chẳng hề thấy bận lòng. Sau khi Spadolini đi khỏi được độ một tiếng thì anh Alexander cũng lên đường về lại Brussel. Tôi ngỡ đã đến tận khuya trong căn phòng khóa trái và chỉ bước ra khỏi phòng khi tôi cảm chắc sẽ không gặp khách khứa nào nữa cả. Suốt cả quãng thời gian ấy, tôi đã nghĩ mãi về việc tôi sẽ làm gì với Wolfsegg. Giờ đây, không còn nghi ngờ gì nữa, Wolfsegg chỉ còn thuộc về một mình tôi, hay theo giọng luật pháp mà nói, thuộc về riêng tôi với *tất cả các quyền lợi lẫn nghĩa vụ* kèm theo. Lúc tôi ngỡ cùng các em gái - không có mặt gã em rể, vì tôi nhất quyết khước từ nói chuyện với gã về việc này - đến tận hai giờ sáng để thông báo chúng nó biết ý định của tôi về tương lai của

Wolfsegg, trong đầu tôi đã chín muồi một ý định chắc chắn về tương lai của Wolfsegg cũng như của tất cả tài sản phụ thuộc vào nó nằm ở các miền Hạ Áo, Burgenland và Wien rồi. Tuy thế, cho đến cuối buổi nói chuyện, tôi vẫn không thể nói cho chúng nó biết chuyện gì sẽ xảy ra với Wolfsegg, mặc dù, đến thời điểm đó, trong đầu tôi đã định hết cả rồi. Hai đứa chúng nó, nói cho cùng, suốt buổi chẳng dám nói gì, chỉ lúc nào cũng chìa hai gương mặt mang vẻ giễu cợt và chua chát ra cho tôi mà thôi. Với chúng nó, tôi bảo tôi chưa biết sẽ làm gì với Wolfsegg cả, tôi bảo tôi chưa hình dung được tôi sẽ giải quyết việc này ra sao, nhưng trong lòng tôi, một quyết định đã chín muồi, rằng tôi sẽ hẹn một buổi nói chuyện với anh Eisenberg tại Wien; trong buổi nói chuyện đó, tôi sẽ xin được hiến tặng, vô điều kiện, toàn bộ Wolfsegg, nguyên xi như nó hiện nay, cùng *tất tât những gì thuộc về nó*, cho cộng đồng người Do Thái ở Wien. Quả vậy, hai ngày sau buổi đưa ma, tôi đã có buổi nói chuyện như thế với anh Eisenberg, người anh em tri kỷ của tôi, và anh Eisenberg đã thay mặt cộng đồng Do Thái đứng ra nhận món quà đó của tôi. Ông Murau (sinh năm 1934 tại Wolfsegg, mất năm 1983 tại Rome) viết: từ thành phố Rome, là nơi giờ đây tôi đang có mặt và sẽ cư ngụ về sau, và cũng là nơi tôi đã viết xong tác phẩm *Diệt vong* này, tôi xin cảm tạ anh ấy về việc tiếp nhận món quà đó.

HẾT

# Table of Contents

I	
BỨC ĐIỆN TÍN	
II	
Tờ di chúc	